CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM, L=Thành phố Thủ Đức, ST=HỒ CHÍ MINH, UID=MST:0107795944
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.01 17:32:16+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAF VIETNAM AGRICULTURE JSC	*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*
	Independence – Freedom - Happiness
Số/*Ref.*: ..73.. /2026/CBTT-BAF	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2026*
	HCMC, October ..1.., 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/*To:*

- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
  State Securities Commission of Vietnam
- **Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**
  Ho Chi Minh Stock Exchange
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
  Ha Noi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM**
   Name of organization: BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
   - Mã chứng khoán: BAF
     Ticker symbol: BAF
   - Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
     Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap St., An Khanh Ward, HCMC
   - Điện thoại liên hệ: 0766 074 787
     Tel.: 0766 074 787
   - E-mail: Congbothongtin@baf.vn

2. Nội dung công bố:
   Contents of disclosure
   Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/2026/BAF-TBPH ngày 01/10/2026 và Bản cáo bạch (Chi tiết xem trong file gửi kèm).
   Announcement of public offering of shares No. 55/2026/BAF-TBPH dated October 01, 2026 and the Prospectus (Please refer to the attached file for details).

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .01../10/2026 tại đường dẫn: http://baf.vn.
   This information was published on the company's website on October..1.., 2026 at http://baf.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We certify that the information presented is true and correct, and we accept full legal responsibility for its validity./.

***Tài liệu đính kèm/**Attachment:*

- *Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/2026/BAF-TBPH ngày 01/10/2026;*
  Announcement of public offering of shares No. 55/2026/BAF-TBPH dated October 01, 2026;
- *Bản cáo bạch.*
  The Prospectus.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, write full name & title, and stamp)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Tổng Giám đốc/ *General Director*

BÙI HƯƠNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN **NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM** ***BAF VIETNAM AGRICULTURE*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom – Happiness***
Số/*Ref*: 55/2026/BAF-TBPH	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2026* *Ho Chi Minh City, October 01, 2026*

THÔNG BÁO CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
ANNOUNCEMENT OF PUBLIC OFFERING OF SHARES

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 445/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23/9/2026)

(Certificate of Registration for Public Offering of Shares No. 445/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on September 23, 2026)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH / *INFORMATION ON THE ISSUING ORGANIZATION*

1. Tên Tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM.**
   Name of the Issuing organization: BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
2. Tên viết tắt: **BAF.,JSC.**
   Abbreviated name: BAF.,JSC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
   Head office address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
4. Số điện thoại/*Telephone*: 0766074787 Số fax/*Fax*: Website: baf.vn/.
5. Vốn điều lệ: 3.648.249.060.000 đồng.
   Charter capital: VND 3,648,249,060,000
6. Mã cổ phiếu: BAF.
   Stock code: BAF
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Gia Định;
   Payment account opened at: Tien Phong Commercial Joint Stock Bank – Gia Dinh Branch
   Số hiệu tài khoản: 07073979301.
   Account No.: 07073979301
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/4/2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 10/07/2026.

Business Registration Certificate: Business registration number 0107795944, issued by the Hanoi Department of Planning and Investment the 1st time on April 7, 2017, and amended for the 23rd time by the Ho Chi Minh City Department of Finance on July 10, 2026.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
  Principal business line: Raising of pigs and production of pig breeds;
  Mã ngành: 0145.
  Business code: 0145.
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
  Main products/services:
  - Chăn nuôi hỗn hợp;
    Mixed farming;
  - Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
    Manufacture of animal feed;
  - Chế biến và bảo quản thịt.
    Processing and preservation of meat.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có.
   Establishment and operating license (if required under specialized laws): None.

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN / *PURPOSE OF THE OFFERING*

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thực hiện phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 nhằm thực hiện các mục đích như sau:

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company conducts the 2026 public offering of shares to existing shareholders for the following purposes:

- Huy động vốn để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  To raise capital to supplement the Company's working capital for its business and production activities;
- Nâng cao uy tín, hình ảnh của BAF trước các đối tác, khách hàng để tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- *To enhance BAF's reputation and image among partners and customers, thereby strengthening its position and competitiveness in its business and production activities.*

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN / *OFFERING PLAN*

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of shares: Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
   Type of shares: Common shares.
3. **Số lượng cổ phiếu chào bán:** 40.536.100 cổ phiếu, trong đó:
   Number of shares offered: 40,536,100 shares, including:

- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 40.536.100 cổ phiếu;

Number of shares offered by the Issuing organization: 40,536,100 shares;

- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
  Number of shares offered by shareholders/owners/members: 0 shares.

4. **Giá chào bán:** 15.000 đồng/cổ phiếu.
   Offering price: VND 15,000 per share.
5. **Tổng giá trị vốn huy động:** 608.041.500.000 đồng, trong đó:
   Total capital to be raised: VND 608,041,500,000, including:
   - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 608.041.500.000 đồng;
     Capital raised by the Issuing organization: VND 608,041,500,000;
   - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
     Capital raised by shareholders/owners/members: VND 0.
6. **Phương thức phân phối:** Theo phương thức thực hiện quyền. Cụ thể: Tỷ lệ thực hiện quyền là 9:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).
   Distribution method: Rights offering. Specifically, the rights ratio is 9:1 (a shareholder holding 01 share shall be entitled to 01 subscription right, and every 09 subscription rights shall entitle the holder to purchase 01 new share).
7. **Số lượng đăng ký mua tối thiểu:** Không áp dụng.
   Minimum subscription amount: Not applicable.
8. **Thời gian nhận đăng ký mua:** Từ ngày 05/11/2026 đến ngày 25/11/2026.
   Subscription registration period: From November 5, 2026 to November 25, 2026.
   Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 05/11/2026 đến ngày 20/11/2026.
   Rights transfer period: From November 5, 2026 to November 20, 2026.
9. **Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:**
   Place for subscription registration:
   - Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
     For shareholders whose securities are deposited with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation: Shareholders shall carry out procedures for transferring subscription rights and registering to purchase shares at the securities depository members where their securities accounts are opened.
   - Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
     For shareholders whose securities are not deposited with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation: Shareholders shall carry out procedures for transferring subscription rights and registering to purchase shares at the Head Office of BAF Vietnam

Agriculture Joint Stock Company – 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.

10. **Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu:** Từ ngày 05/11/2026 đến ngày 25/11/2026.
Payment period for share subscription: From November 5, 2026 to November 25, 2026.

11. **Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:**
Escrow account for receiving share subscription proceeds:

- Tên tài khoản: Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
Account name: BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
- Số tài khoản: 110003068212.
Account No.: 110003068212.
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn.
Bank: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – East Saigon Branch.

12. **Các tổ chức liên quan:**
Relevant organizations:

a) **Tổ chức tư vấn / *Consulting organization:***
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK
AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
Head office address: 5th Floor, Green Diamond Building, No. 93 Lang Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi City.
- Điện thoại / *Telephone*: 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666.
- Website: www.agriseco.com.vn/.

b) **Tổ chức kiểm toán / *Auditing organization:***
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM /
ERNST & YOUNG VIETNAM COMPANY LIMITED

- Địa chỉ: Tầng 28, Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
Address: 28th Floor, Bitexco Financial Tower, No. 2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại / *Telephone*: (84.28) 3824 5252
- Website: www.ey.com/.

13. **Địa điểm công bố Bản cáo bạch / *Places for publication of the Prospectus*:**

a) **Tổ chức phát hành / *Issuing organization*:**
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM /
BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Head office address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại / *Telephone*: 0766 074787.
- Website: baf.vn/.

b) **Tổ chức tư vấn / *Consulting organization*:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

AGRIBANK SECURITIES CORPORATION

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

  Head office address: 5th Floor, Green Diamond Building, No. 93 Lang Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi City.
- Điện thoại / *Telephone*: 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666.
- Website: www.agriseco.com.vn/.

Nơi nhận / Recipients:

- *Như kính gửi / As stated above;*
- *Lưu VT / Administration Department.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BÙI HƯƠNG GIANG

BUI HUONG GIANG

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

BAF
NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2026)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 445/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 9 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 23/9/2026 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BAF

Trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0766 074787.

Website : baf.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

AGRISECO

Trụ sở chính : Tầng 5 Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0246 2762 666. Fax: 024 6276 5666.

Website : agriseco.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên : Bùi Hương Giang

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Số điện thoại : 0766 074787.

QUYỂN 1/2

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2026)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.

Giá chào bán : 15.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán : 40.536.100 cổ phiếu.

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá : 405.361.000.000 đồng.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 28, Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.28) 3824 5252

Website : www.ey.com/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0246 2762 666 Fax: 024 6276 5666

Website : agriseco.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 1
1. Tổ chức phát hành 1
2. Tổ chức tư vấn 1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 2
1. Rủi ro về kinh tế 2
2. Rủi ro về luật pháp 7
3. Rủi ro đặc thù 8
4. Rủi ro về đợt chào bán 11
5. Rủi ro pha loãng 12
6. Rủi ro về quản trị công ty 14
7. Rủi ro khác 15
III. CÁC TỪ VÀ KHÁI NIỆM VIẾT TẮT 16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 17
1. Thông tin về Tổ chức phát hành 17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 20
3. Cơ cấu công ty 24
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý 27
5. Thông tin về Công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối. 33
6. Thông tin quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 41
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 42
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 42
9. Thông tin tỷ lệ sở hữu nước ngoài 43
10. Hoạt động kinh doanh 44
11. Chính sách đối với người lao động 84
12. Chính sách cổ tức 85
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 86
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 90

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 91

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. 91

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 91

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 91

2. Tình hình tài chính 94

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 106

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức 107

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 111

1. Thông tin về cổ đông sáng lập 111

2. Thông tin về cổ đông lớn 111

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. 111

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 138

1. Loại cổ phiếu 138

2. Mệnh giá cổ phiếu 138

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 138

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 138

5. Giá chào bán dự kiến 138

6. Phương pháp tính giá 138

7. Phương thức phân phối 138

8. Đăng ký mua cổ phiếu 139

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 140

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 140

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 141

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 141

13. Hủy bỏ đợt chào bán 141

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 141
15. Các loại thuế có liên quan 142
16. Thông tin về các cam kết 143
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 143
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 144
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 144
1. Thông tin chi tiết về các khoản nợ 146
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 147
1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán 147
2. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán 147
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 148
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN 149
XIII. PHỤ LỤC 150

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

- Ông **Trương Sỹ Bá** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà **Bùi Hương Giang** - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Bà **Phan Thị Kim Trang** - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện được ủy quyền: Ông **Bùi Đức Thắng** - Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Quyết định số 325/QĐ-CT.HĐQT ngày 24/04/2026 về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật và Giấy ủy quyền số 27/2026/UQ-CKNN ngày 29/04/2026 của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank ký kết và thực hiện các Hợp đồng Tư vấn tài chính doanh nghiệp).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 58/2026/AGRISECO-BAF ngày 09/07/2026 với Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, biến động lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế và các biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế.

Là một công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam chịu tác động trực tiếp từ những thay đổi của nền kinh tế.

Bên cạnh việc BAF đã cố gắng nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị rủi ro cũng luôn được quan tâm, nghiên cứu và áp dụng trên toàn Công ty. Nhiệm vụ chính của quản trị rủi ro là phát hiện những yếu tố rủi ro tiềm ẩn, những yếu tố bất ngờ ảnh hưởng đến chiến lược mục tiêu mà Công ty đề ra, nhằm đưa ra giải pháp ứng phó kịp thời giúp Công ty giải quyết khó khăn. Hiện tại, các rủi ro trọng yếu đang được kiểm soát, phù hợp với mức độ chịu rủi ro của Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,02%, tạo nền tảng vững chắc cho sự mở rộng kinh tế. Bức tranh tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 được định hình bởi sự cộng hưởng của ba trụ cột động lực chính, phản ánh đà phục hồi toàn diện trên cả phương diện tổng cung và tổng cầu. Lượng khách quốc tế đạt kỷ lục 21,2 triệu lượt (tương ứng mức tăng 20,4% so với cùng kỳ) tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực, thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ cho các ngành vận tải và lưu trú & ăn uống (ước tính đóng góp 0,9% vào tổng mức tăng trong năm 2025). Song hành với đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm đạt 3,83% so với năm trước. Trong đó, phân ngành chăn nuôi lợn có sự gia tăng về quy mô tổng đàn và sản lượng. Theo số liệu của Cục Thống kê, ước tính tổng số lượng lợn của cả nước tính đến thời điểm cuối năm 2025 tăng khoảng 4,2% so với cùng kỳ; tổng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng cả năm đạt 4,86 triệu tấn, tương đương mức tăng 7,2%. Cơ cấu nguồn cung của ngành có sự dịch chuyển, một phần do tác động từ các quy chuẩn về môi trường và quy định di dời cơ sở chăn nuôi theo Luật Chăn nuôi.

Động lực này tiếp tục được duy trì đến hết 6 tháng đầu năm 2026 khi GDP bứt tốc đạt 8,18% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 tăng 7,63%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66%. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý II và 6 tháng đầu năm 2026 của Cục Thống kê cho thấy sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng Quý II/2026 đạt 1.417,7 nghìn tấn, lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 2.864,1 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng lần lượt đạt 4,7% và 4,8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, theo nhận định của các tổ chức quốc tế, tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu dự báo

cho năm 2026 vẫn ở mức thấp, dao động quanh mức 2,6% - 2,7% dưới tác động của căng thẳng thương mại và rào cản thuế quan. Việc kinh tế thế giới suy giảm có nguy cơ làm gián đoạn chuỗi cung ứng và ảnh hưởng tiêu cực đến tổng cầu. Việt Nam vẫn được kỳ vọng sẽ bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới nhờ các động lực bền vững. Các tổ chức quốc tế như ADB và World Bank dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2026 có thể duy trì ở mức 6,5% - 7,0% nhờ làn sóng chuyển dịch chuỗi cung ứng khỏi các khu vực rủi ro địa chính trị. Đặc biệt, Ngân hàng UOB (Singapore) đã nâng mức dự báo tăng trưởng lên 7,5% trong năm 2026 dựa trên triển vọng giải ngân đầu tư công và sự bứt phá của năng lực xuất khẩu khi các hiệp định thương mại tự do (FTAs) tiếp tục được khai thác hiệu quả.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)

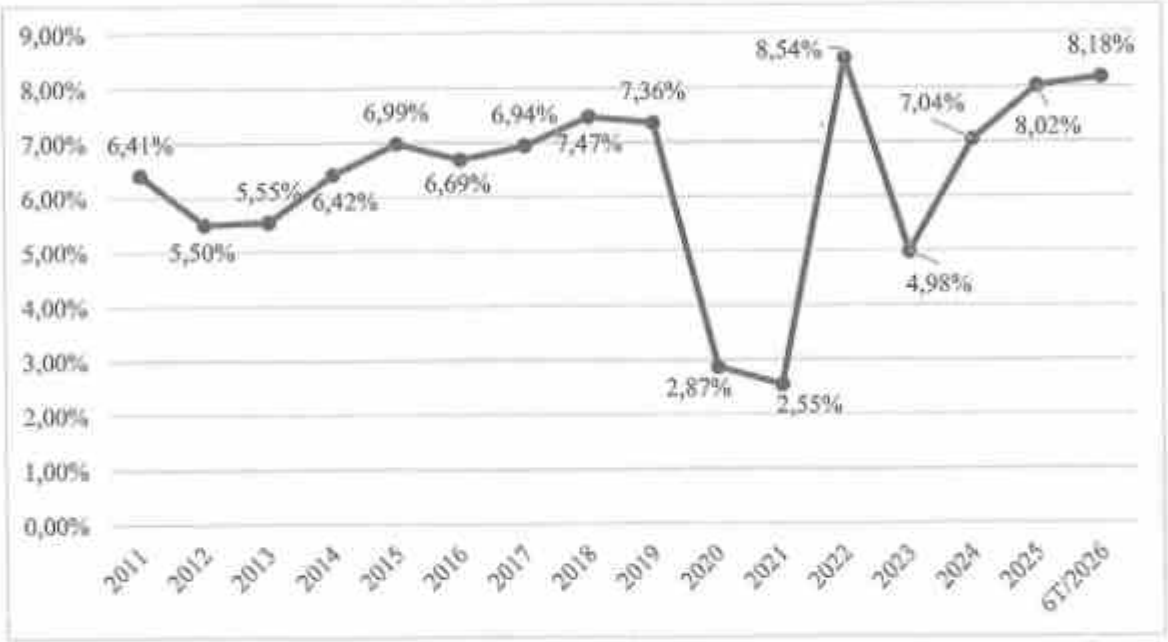

(Nguồn: Cục Thống kê)

CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động chủ lực trong lĩnh vực chăn nuôi heo, sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến thực phẩm theo mô hình chuỗi khép kín FEED - FARM - FOOD. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có mối gắn kết mật thiết với biến động của nền kinh tế vĩ mô, sức mua của thị trường và xu hướng tiêu dùng nội địa.

Khi nền kinh tế suy thoái hoặc tăng trưởng GDP chậm lại, thu nhập chịu ảnh hưởng sẽ khiến người tiêu dùng có xu hướng thắt chặt chi tiêu, giảm nhu cầu đối với các sản phẩm thực phẩm sạch, thuộc phân khúc cao cấp hoặc thịt chế biến chuỗi 3F (Feed - Farm - Food). Điều này có thể dẫn đến rủi ro sụt giảm sản lượng tiêu thụ, áp lực cạnh tranh giá bán gia tăng, từ đó tác động trực tiếp và tiêu cực đến doanh thu, tiến độ mở rộng quy mô đàn cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

1.2. Rủi ro về lạm phát

Hình 2. Lạm phát ở Việt Nam qua các năm (%)

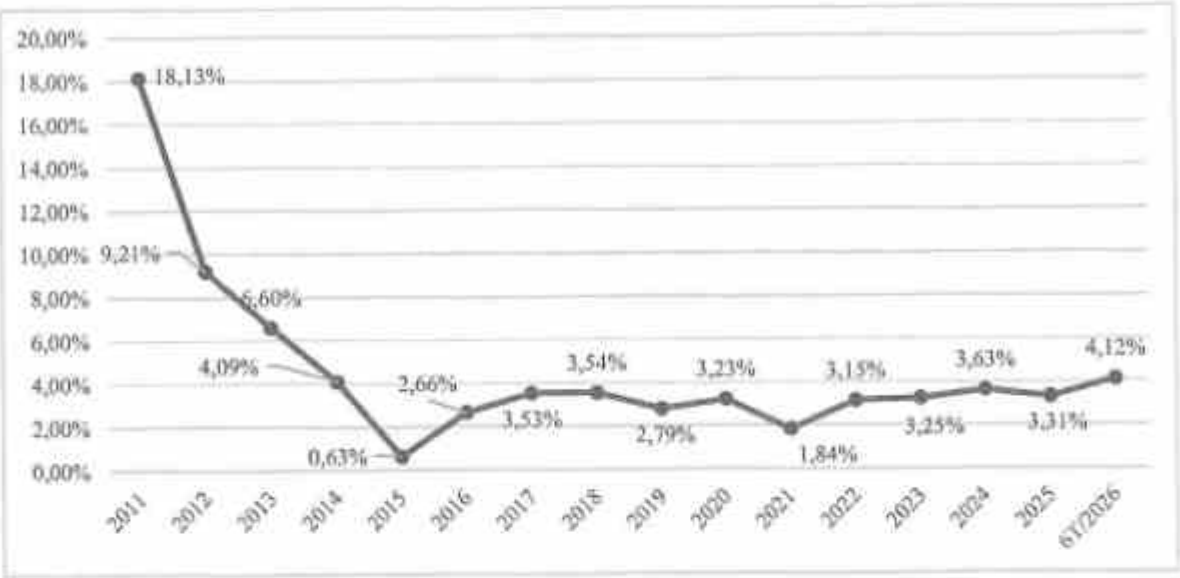

(Nguồn: Cục Thống kê)

Lạm phát là yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến diễn biến của toàn nền kinh tế. Năm 2025, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những quốc gia kiểm soát tốt lạm phát trong khu vực và trên thế giới. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% mà Quốc hội và Chính phủ đề ra. Đây là năm thứ 11 liên tiếp Việt Nam duy trì được mức lạm phát trung bình dưới ngưỡng mục tiêu, góp phần quan trọng vào việc ổn định kinh tế vĩ mô và tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Thành công này đến từ sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và chính sách tài khóa mở rộng có trọng tâm, cùng với sự quản lý giá sát sao đối với các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, dịch vụ y tế và giáo dục.

Theo Cục thống kê, các yếu tố chính tác động làm tăng CPI bao gồm: chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,72% (tác động làm CPI chung tăng 1,25 điểm phần trăm); chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 4,52% do giá xi măng, cát và giá thuê nhà tăng theo đà phục hồi kinh tế. Đặc biệt, lạm phát cơ bản bình quân năm 2025 tăng 2,51% so với năm 2024, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung, cho thấy hiệu quả của các công cụ chính sách trong việc điều tiết cung cầu tiền tệ.

Rủi ro về lạm phát và tăng giá ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh. Ngoài ra, lạm phát còn có thể tác động đẩy giá thành sản xuất lên cao khi giá các nguyên vật liệu đầu vào và giá nhân công đều tăng. Sau một thập kỷ lạm phát luôn duy trì ở mức dưới 4% thì đến nay lạm phát đã bắt đầu có những dấu hiệu tăng mạnh. Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý II/2026 được Cục Thống kê (Bộ Tài chính) công bố, lạm phát cơ bản tháng 6/2026 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 4,50% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,38% của CPI bình quân chung. Nếu lạm phát tăng

cao đáng kể thì chi phí của Công ty dự kiến sẽ tăng, trường hợp Công ty không thể tăng được giá bán sản phẩm tương ứng, điều này sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi, hệ thống trang trại và chế biến thực phẩm, trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là giá các loại nông sản nguyên liệu (ngô, đậu tương, lúa mì...) phục vụ nhà máy Feed, chi phí con giống, thuốc thú y tại hệ thống Farm, cũng như chi phí logistics, vận chuyển và nhân công. Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của BAF, giúp Công ty kiểm soát tốt giá thành chi phí các yếu tố đầu vào, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo vệ biên lợi nhuận mục tiêu.

1.3. Rủi ro về lãi suất

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam duy trì được sự ổn định vĩ mô vững chắc, tạo tiền đề cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thực hiện chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng với mặt bằng lãi suất thấp. Trong suốt cả năm, lãi suất huy động và cho vay biến động trong biên độ hẹp và có xu hướng tăng nhẹ về cuối năm để đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế đang bứt phá. Cụ thể, tính đến tháng 12/2025, lãi suất tiền gửi bằng VND bình quân của các ngân hàng thương mại nằm trong khoảng 3,8-4,5%/năm cho kỳ hạn dưới 6 tháng và đạt mức 6,8%/năm cho các kỳ hạn dài trên 24 tháng. Đối với lãi suất cho vay, mặt bằng chung đối với các khoản vay mới và cũ còn dư nợ dao động phổ biến ở mức 6,7-9,0%/năm. Đáng chú ý, lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên được kiểm soát chặt chẽ ở mức khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức trần 4%/năm theo quy định của NHNN.

Trong điều hành lãi suất, trong 6 tháng đầu năm, NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế.

Hình 3. Lãi suất ở Việt Nam qua các năm (%)

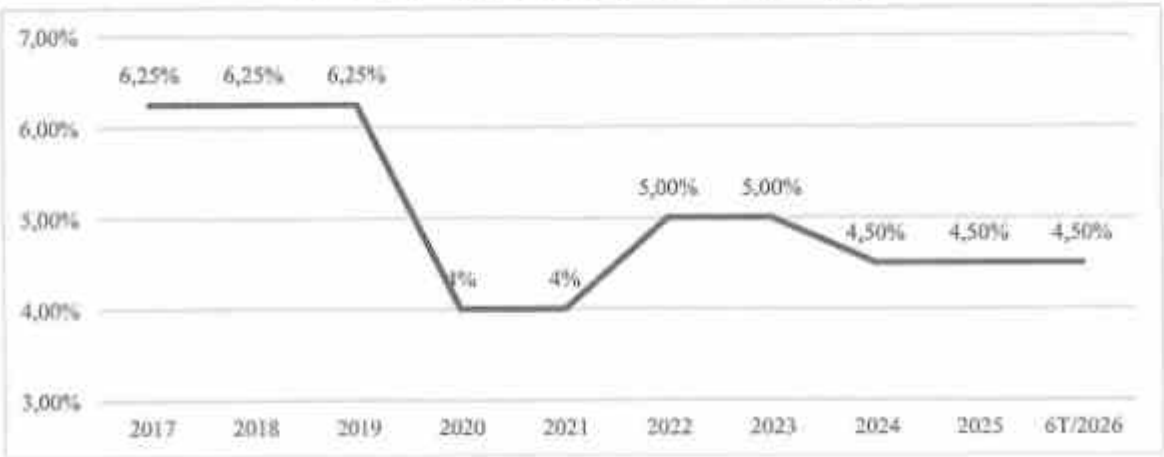

(Nguồn: Tradingeconomics.com)

Tuy nhiên, diễn biến thực tế của lãi suất trên thị trường trong 6 tháng đầu năm đã có những diễn biến trái chiều so với chính sách điều hành thực tế của Chính phủ và NHNN. Bước sang nửa đầu năm 2026, đà tăng của lãi suất diễn ra mạnh mẽ và phản ánh rõ nét sự mất cân đối cấu trúc nguồn vốn trong hệ thống ngân hàng. Tốc độ tăng trưởng tín dụng bứt tốc lên mức 7,41% vào cuối tháng 6/2026, bỏ xa tốc độ huy động tiền gửi chỉ đạt 4,3%. Sự chênh lệch này đẩy hệ số tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR) của toàn hệ thống căng thẳng ở mức 111% đến 112%. Để giải quyết bài toán thanh khoản, các tổ chức tín dụng buộc phải tham gia vào cuộc đua huy động vốn. Lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng bình quân toàn hệ thống đã vọt lên mức 8,4%/năm, tăng tới 2,59 điểm phần trăm so với đầu năm, cá biệt tại một số đơn vị quy mô nhỏ, lãi suất thực tế cộng thêm các chương trình ưu đãi đã vượt ngưỡng 9%/năm. Chi phí vốn đầu vào (COF) tăng vọt tất yếu kéo theo sự leo thang của lãi suất cho vay thương mại, qua đó tạo ra một môi trường tài chính đắt đỏ, thử thách sức chịu đựng của khối doanh nghiệp thâm dụng đòn bẩy.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của NHNN và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu lãi suất duy trì ở mức phù hợp với khả năng chi trả của doanh nghiệp sẽ cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp. Với lợi thế là công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) có tính minh bạch cao, có năng lực tài chính tốt, hệ số tín nhiệm tại các ngân hàng cao, Công ty nhận được nhiều sự quan tâm và những chính sách hỗ trợ, hợp tác của các tổ chức tín dụng giúp cho các hoạt động của Công ty được diễn ra thông suốt và tạo nên những giá trị lớn về kinh tế, xã hội. Mặc dù vậy, Công ty đang trong giai đoạn mở rộng quy mô, cần nguồn vốn huy động lớn để có thể đầu tư nhà máy sản xuất, trang trại và chiếm lĩnh thị trường nên việc lãi suất tăng mạnh và duy trì trong thời gian dài sẽ trở thành gánh nặng và ảnh hưởng tiêu cực kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Năm 2025 là một năm biến động mạnh của tỷ giá USD/VND trước áp lực liên tục từ thị trường quốc tế cộng hưởng với các yếu tố nội tại. Chỉ số DXY - thước đo sức mạnh của đồng USD - duy trì ở mức cao trong phần lớn thời gian của năm do nền kinh tế Mỹ, đặc biệt là thị trường lao động và khu vực dịch vụ, tăng trưởng tích cực hơn dự kiến. Điều này khiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) thận trọng và trì hoãn lộ trình cắt giảm lãi suất, tạo đà cho đồng USD xác lập vị thế áp đảo so với nhiều đồng tiền khác, trong đó có VND. Bên cạnh đó, các xung đột địa chính trị tại Trung Đông và Đông Âu leo thang đã thúc đẩy nhu cầu nắm giữ các tài sản trú ẩn an toàn, biến USD trở thành lựa chọn ưu tiên của giới đầu tư toàn cầu.

Tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố đã có sự điều chỉnh tăng rõ rệt qua các năm để phản ánh đúng giá trị thị trường. Tỷ giá trung tâm đã tăng từ mức 22.425 đồng/USD (2017) lên 24.335 đồng/USD (2024) và kết thúc năm 2025 ở mức 25.121

đồng/USD. Như vậy, chỉ riêng trong năm 2025, VND đã mất giá khoảng 3,23% so với USD, cao hơn mức dự báo 3% hồi đầu năm. Để ổn định kinh tế vĩ mô, NHNN đã sử dụng linh hoạt nhiều biện pháp như điều tiết thanh khoản qua thị trường mở, bán ngoại tệ can thiệp và điều hành tỷ giá trung tâm chủ động nhằm hấp thụ các cú sốc từ bên ngoài.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, mặc dù tỷ giá và thị trường ngoại tệ chịu áp lực lớn từ diễn biến kinh tế - chính trị phức tạp, khó lường trên thế giới; mặt bằng lãi suất USD quốc tế duy trì ở mức cao; cân đối cung - cầu ngoại tệ trong nước gặp nhiều khó khăn cùng với yếu tố tâm lý, kỳ vọng của thị trường, NHNN đã điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường, góp phần hấp thụ các cú sốc từ bên ngoài. Đồng thời, NHNN phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với các công cụ chính sách tiền tệ khác như lãi suất, thanh khoản VND và chủ động, kịp thời can thiệp ngoại tệ để ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Đến ngày 30/6/2026, tỷ giá trung tâm ở mức 25.206 VND/USD.

Với những công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi thì biến động tỷ giá quá lớn sẽ làm ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh, khi hơn 70% chi phí nguyên liệu đầu vào của ngành thức ăn chăn nuôi đến từ việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp như ngô, khô đậu, lúa mỳ,.... Ngoài ra còn chi phí giá cước vận tải cũng sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn theo dõi sát sao để có những chiến lược ứng phó kịp thời để duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định và hiệu quả nhất.

Hình 4. Diễn biến tỷ giá trung tâm

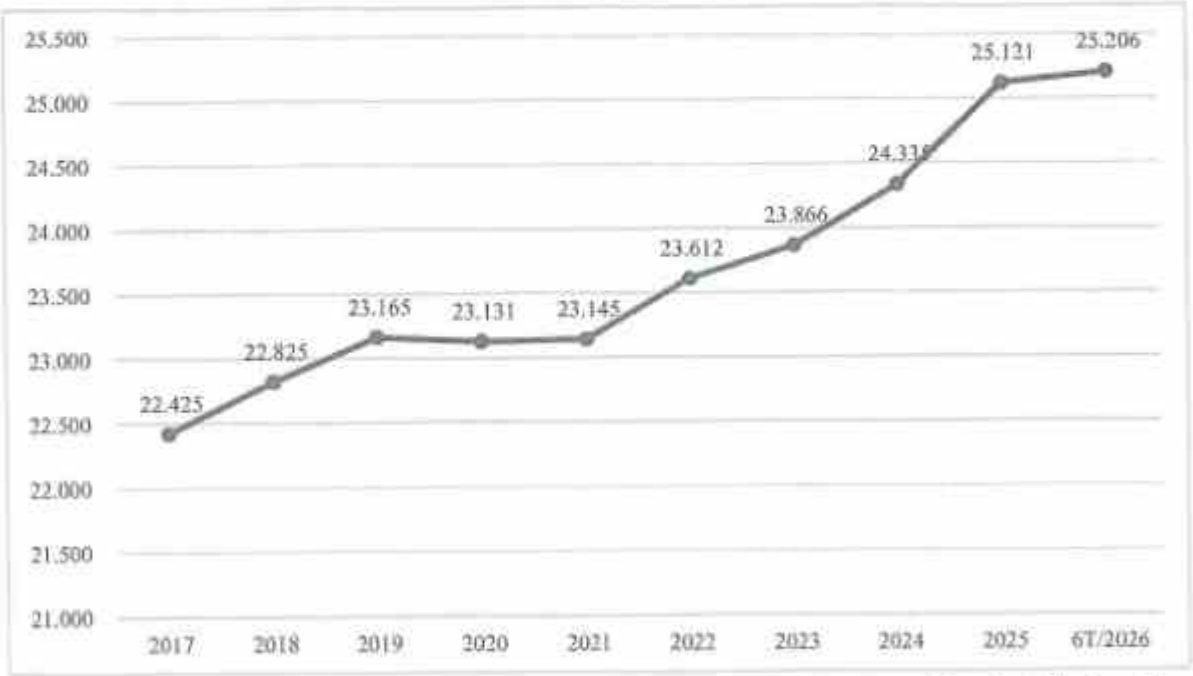

(Nguồn: FiinPro-X)

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống

pháp luật và/hoặc các văn bản pháp luật đến hoạt động kinh doanh của Công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Giống như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh, tác động, chi phối của hệ thống pháp luật trong nước như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chăn nuôi, Luật Đầu tư, Luật Thuế TNDN, Luật Thuế GTGT, v.v... Bên cạnh đó Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam còn là công ty đại chúng quy mô lớn nên Công ty cũng chịu sự tác động của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Việt Nam là một nước đang phát triển nên luật và các văn bản luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện và sẽ được liên tục sửa đổi bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế trong nước. Sự thay đổi về chính sách là điều tất yếu và ít nhiều sẽ gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro thay đổi luật pháp là rủi ro hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để tối đa hóa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra.

Nhận thức rõ các rủi ro pháp lý có thể phát sinh từ sự thay đổi của môi trường chính sách và pháp luật, Công ty thường xuyên theo dõi, rà soát và cập nhật kịp thời các quy định mới có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, Công ty chủ động điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo phù hợp với khung pháp lý hiện hành. Đồng thời, Công ty đã thiết lập và duy trì hệ thống quản trị nội bộ chặt chẽ, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp và quy định của pháp luật, nhằm hạn chế tối đa các rủi ro pháp lý và đảm bảo hoạt động ổn định, bền vững trong dài hạn.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về cạnh tranh

Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi là ngành có mức độ rào cản gia nhập ngành thấp, do đó Công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ mới, đa dạng và phức tạp, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia.

Hiện nay, tại thị trường Việt Nam, xu hướng phát triển chuỗi giá trị khép kín từ trang trại đến bàn ăn đang thu hút sự tham gia của nhiều doanh nghiệp lớn. Các đối thủ cạnh tranh lớn, có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm lâu năm của BAF bao gồm: CTCP Chăn nuôi C.P. Việt Nam, CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam, Masan MeatLife, CJ Vina Agri,... Sự hiện diện của các doanh nghiệp này tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt đối với BAF trong từng phân ngành cụ thể, cụ thể như sau:

- Hoạt động chăn nuôi: Đây là phân khúc cốt lõi tạo ra sự khác biệt nhưng cũng chịu áp lực lớn từ các đối thủ ngoại. Doanh nghiệp nội địa nói chung thường gặp bất lợi về chi phí nguyên liệu nhập khẩu, năng suất con giống và hệ thống quản trị. Để kiểm soát rủi ro này và hiện thực hóa xu hướng dịch chuyển thị hiếu từ thịt tươi sang thịt mát/thịt cấp đông của người tiêu dùng, BAF đã đẩy mạnh chiến lược tăng quy mô đàn và hiện đại

hóa trang trại. Nhóm Công ty liên tục mở rộng mạng lưới công ty con, nhận chuyển nhượng và đầu tư hệ thống chuồng trại công nghệ cao tại các vùng trọng điểm nhằm tối ưu hóa năng suất sinh sản, tăng cường kiểm soát an toàn sinh học và nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi. Tuy vậy, rủi ro thị hiếu và năng lực sản xuất vẫn là trở ngại chính của các doanh nghiệp trong nước khi so sánh với các doanh nghiệp nước ngoài.

- Hoạt động bán cám: Theo số liệu của Cục Chăn nuôi Việt Nam, ở nước ta hiện đang có khoảng 270 doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi, trong đó có khoảng 90 nhà máy thuộc doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và khoảng 180 nhà máy của doanh nghiệp trong nước. Mặc dù số lượng doanh nghiệp nội địa áp đảo, nhưng chỉ chiếm khoảng 49% trong tổng công suất sản xuất cả nước. Các tập đoàn FDI nắm giữ lợi thế lớn về công suất toàn quốc nhờ dây chuyền hiện đại và tối ưu chi phí. Rủi ro lớn nhất của BAF ở phân khúc này là áp lực phải liên tục nâng cấp công nghệ và tự chủ nguồn cám để hạ giá thành chăn nuôi. Công ty đã vận hành và quản lý trực tiếp các đơn vị chuyên trách để đảm bảo nguồn cám sạch 100% (cám chay) cung cấp nội bộ. Chiến lược này buộc BAF phải duy trì lượng hàng tồn kho nguyên liệu lớn phục vụ sản xuất, đặt ra bài toán tối ưu vòng quay vốn trước áp lực cạnh tranh gay gắt về giá cám thương mại trên thị trường.

3.2. Rủi ro về các yếu tố đầu vào

Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp, nhưng mỗi năm phải chi 4-5 tỷ USD nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu để sản xuất sản phẩm này. Nghịch lý này đã tồn tại nhiều năm và ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước đang phụ thuộc nhiều vào các nguyên liệu nhập khẩu. Trên thực tế sự biến động tăng giá nguyên liệu đầu vào trên thế giới trong thời gian qua đã gây ra những khó khăn trực tiếp tới hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước bởi các doanh nghiệp này chưa chủ động được nguồn nguyên liệu cũng như chưa lường hết được những diễn biến thất thường của giá nguyên liệu trên thị trường nên rất khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn.

Đối với phân ngành chăn nuôi lợn và lợn giống, rủi ro phần lớn đến từ chi phí cho chi phí đầu vào và đặc biệt cho hoạt động chăn nuôi do năng suất chăn nuôi và sử dụng chuồng trại còn yếu. Việc gặp khó khăn cho hoạt động tiêu thụ cũng biến những tác động từ yếu tố đầu ra thành rủi ro cho yếu tố đầu vào, người nông dân và nhà sản xuất thường rơi vào tình cảnh bấp bênh.

Để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của giá nguyên liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã lên kế hoạch sản xuất, từ đó, thực hiện ký kết các hợp đồng thu mua nguyên liệu phù hợp với các nhà cung cấp lớn qua đó giúp đảm bảo sự ổn định của nguồn cung cấp cũng như giá thu mua nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động trong việc nghiên cứu, phát triển các nguồn nguyên liệu có thể sản xuất ngay trong nước thay vì phải nhập khẩu. Nhìn chung, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn được xem là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đối mặt với vấn đề này,

BAF luôn tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào trong và ngoài nước để đa dạng hóa nguồn cung, nhằm giảm thiểu tối đa chi phí đầu vào, từ đó gây dựng được nguồn cung cấp hàng hóa dồi dào, đảm bảo chất lượng đầu vào với giá cả ổn định để phân phối đến khách hàng.

3.3. Rủi ro dịch bệnh và thời tiết

Ngành chăn nuôi ở Việt Nam thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ dịch bệnh vì tình trạng vệ sinh chuồng trại cũng như chất lượng con giống yếu. Là doanh nghiệp vận hành chuỗi khép kín trong ngành chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty luôn đặt công tác kiểm soát dịch bệnh lên ưu tiên hàng đầu do đặc thù ngành thường xuyên đối mặt với các nguy cơ bùng phát dịch bệnh trên diện rộng. Tại Việt Nam, năng lực đề kháng của vật nuôi chịu áp lực lớn từ điều kiện vệ sinh môi trường chuồng trại chung và chất lượng con giống. Các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như lở mồm long móng (FMD), tiêu chảy cấp tính ở heo con (PED), hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản (PRRS), và đặc biệt là Dịch tả lợn Châu Phi (ASF) diễn biến phức tạp trong những năm qua, gây tổn thất nghiêm trọng cho toàn ngành và chuỗi cung ứng thức ăn chăn nuôi. Khi dịch bệnh xảy ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể bị ảnh hưởng trực tiếp thông qua việc suy giảm quy mô đàn, gián đoạn tiến độ xuất chuồng và làm gia tăng chi phí phòng dịch. Nhận thức rõ điều này, BAF liên tục kiện toàn hệ thống an toàn sinh học nghiêm ngặt, chuẩn hóa chất lượng con giống và quy trình cơ cấu chuồng trại hiện đại nhằm tối thiểu hóa nguy cơ lây lan trục dọc và trục ngang giữa các vùng dịch.

Sự gia tăng của các hiện tượng thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu trong những năm gần đây đã tác động không nhỏ đến phân khúc quản lý trang trại trên phạm vi cả nước. Minh chứng rõ nét nhất cho rủi ro này là siêu bão Yagi đổ bộ vào miền Bắc nước ta. Thiên tai mang tính lịch sử này đã gây thiệt hại nặng nề cho hạ tầng nông nghiệp toàn vùng, làm ngập lụt diện rộng và gián đoạn cục bộ chuỗi cung ứng vật nuôi, thức ăn chăn nuôi. Tần suất xuất hiện cao của các cơn bão lớn như Yagi, đi kèm tình trạng mưa lũ, ngập lụt kéo dài sau bão làm suy giảm nghiêm trọng chất lượng môi trường chăn nuôi, đẩy cao nguy cơ bùng phát dịch bệnh cơ hội (đặc biệt là các dịch bệnh truyền nhiễm qua nguồn nước), gây hao hụt tỷ lệ sống của đàn heo và trực tiếp làm tăng chi phí vận hành, bảo trì, gia cố hệ thống trang trại. Bên cạnh đó, thời tiết bất lợi và thiên tai diện rộng còn gây gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên liệu thô phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi (như ngô, đậu tương...), dẫn đến sự biến động mạnh về giá thành đầu vào. Sự cộng hưởng giữa chi phí vận hành trang trại gia tăng do khắc phục hậu quả thiên tai và giá vốn thức ăn chăn nuôi biến động tạo ra áp lực trực tiếp lên biên lợi nhuận gộp của Công ty, đòi hỏi các kịch bản phòng vệ giá, bảo hiểm tài sản và kế hoạch ứng phó khẩn cấp phải liên tục được cập nhật.

3.4. Rủi ro vận hành

Rủi ro trong quy trình An toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh: Đây là rủi ro nội bộ trọng yếu nhất. Nếu các quy trình kiểm soát ra vào trang trại, khử khuẩn và tiêm phòng không

được thực hiện nghiêm ngặt, doanh nghiệp đối mặt với nguy cơ bùng phát dịch bệnh

Rủi ro trong quy trình Quản lý chuỗi cung ứng và Tồn kho: Ngành chăn nuôi chịu áp lực lớn từ biến động giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (ngô, đậu tương). Rủi ro nội bộ phát sinh khi quy trình dự báo nhu cầu và thu mua không khớp với kế hoạch sản xuất, dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn cung hoặc tồn kho quá mức gây lãng phí chi phí vốn.

Rủi ro từ sự thiếu tuân thủ quy trình kỹ thuật: Đặc thù của ngành chăn nuôi là yêu cầu kỷ luật sắt thép trong các khâu an toàn sinh học. Rủi ro phát sinh khi nhân viên tại các trang trại chủ quan, lơ là các bước khử trùng, ra vào trại không đúng quy định hoặc tự ý thay đổi khẩu phần ăn của vật nuôi.

Rủi ro về năng lực và sự thay đổi nhân sự chủ chốt: Chăn nuôi hiện đại đòi hỏi đội ngũ chuyên gia thú y và kỹ sư chăn nuôi có trình độ cao để vận hành các hệ thống chuồng kín, kiểm soát FCR (hệ số chuyển đổi thức ăn). Rủi ro xảy ra khi doanh nghiệp phụ thuộc quá lớn vào một vài cá nhân kiệt xuất mà không có quy trình đào tạo kế thừa. Đối với một công ty như BAF, việc biến động nhân sự cấp cao hoặc thiếu hụt lực lượng lao động phổ thông tại các vùng xa (nơi đặt trang trại) có thể làm gián đoạn kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất.

Rủi ro vận hành hệ thống trang trại thông minh: Rủi ro phát sinh khi hệ thống điều khiển trung tâm gặp sự cố phần cứng hoặc lỗi phần mềm điều khiển. Một lỗi hệ thống khiến quạt thông gió ngừng hoạt động trong vài giờ có thể dẫn đến việc đàn vật nuôi bị ảnh hưởng.

Rủi ro an ninh mạng và bảo mật công nghệ nuôi trồng: Trong cuộc đua cạnh tranh, các công thức thức ăn chăn nuôi độc quyền hoặc quy trình nhân giống là tài sản trí tuệ quan trọng. Rủi ro từ hệ thống bao gồm việc bị tấn công mạng đánh cắp dữ liệu kinh doanh hoặc bị mã hóa dữ liệu đòi tiền chuộc.

3.5. Rủi ro tuân thủ và pháp lý

Việc vận hành các đại trang trại phát sinh lượng chất thải khổng lồ; nếu hệ thống xử lý không tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), doanh nghiệp đối mặt với nguy cơ bị đình chỉ hoạt động hoặc tước giấy phép môi trường. Trong bối cảnh các quỹ đầu tư quốc tế ngày càng khắt khe với tiêu chí ESG, bất kỳ vi phạm nào về xả thải cũng sẽ khiến cổ phiếu bị loại khỏi danh mục đầu tư, gây đứt gãy nguồn vốn đầu tư dài hạn.

Là một công ty niêm yết, việc tuân thủ Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp là nghĩa vụ bắt buộc. Rủi ro pháp lý phát sinh khi quy trình nội bộ không cập nhật kịp thời các thay đổi về quy định công bố thông tin.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro về việc chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phiếu Công ty. Vì vậy, có thể có phát sinh rủi ro không chào bán

hết số cổ phần dự định chào bán. Tuy nhiên, rủi ro từ đợt chào bán này được đánh giá là khá thấp vì đối tượng được chào bán là cổ đông hiện hữu của Công ty, là những người hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như năng lực Ban lãnh đạo Công ty. Đồng thời, cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 15.000 đồng/cổ phiếu, khá hấp dẫn so với mức giá tham chiếu bình quân của cổ phiếu BAF trong 30 phiên (18/05/2026 đến ngày 26/06/2026), sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của việc Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, là khoảng 29.100 nghìn đồng.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến, Hội đồng quản trị (HĐQT) sẽ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn thời gian chào bán theo các quy định hiện hành (nếu cần thiết).

4.2. Rủi ro về việc sử dụng vốn từ đợt chào bán

Theo kế hoạch, CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam sẽ chào bán 40.536.100 cổ phiếu với giá 15.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng số tiền thu được từ đợt chào bán là 608.041.500.000 đồng. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán để thanh toán công nợ cho nhà cung cấp cám, giống heo, phụ gia và các nguyên vật liệu, hàng hóa khác trong hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi của BAF.

Việc sử dụng nguồn vốn này đã được xem xét một cách thận trọng, phù hợp với chiến lược phát triển và định hướng phát triển của doanh nghiệp. Hoạt động đầu tư sẽ được kiểm soát và quản lý chặt chẽ nhằm tối thiểu hóa rủi ro và tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. Tuỳ tình hình thực tế, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện kế hoạch đã đặt ra;
- Cắt giảm nguồn vốn phân bổ cho các mục đích có sự ưu tiên thấp hơn do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.

5. Rủi ro pha loãng

Do số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi kết thúc đợt chào bán sẽ tăng lên nên các rủi ro pha loãng có thể xảy ra gồm:

5.1. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Khi giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa của cổ phiếu BAF tại ngày giao dịch liền trước

ngày giao dịch không hưởng quyền thì giá tham chiếu của cổ phiếu BAF tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times P_R)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{tc}	:	Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền
PR_{t-1}	:	Giá tham chiếu trước điều chỉnh (Giá đóng cửa tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền)
P_R	:	Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
I	:	Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành thêm cổ phiếu

Ví dụ:

PR_{t-1}: Giá đóng cửa của cổ phiếu BAF tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 29.000 đồng/cổ phiếu.

PR: Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 15.000 đồng/cổ phiếu.

I: Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành thêm cổ phiếu là 1/9.

Khi đó, giá tham chiếu của cổ phiếu BAF tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính như sau:

$$P_{tc} = \frac{29.000 + (1/9 \times 15.000)}{1 + 1/9} = 27.600 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá tham chiếu của cổ phiếu BAF tại ngày giao dịch không hưởng quyền được điều chỉnh và làm tròn là 27.600 đồng/cổ phiếu.

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Chỉ số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận.

Công thức tính EPS như sau:

EPS = LNST/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân.

$$\textit{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X*12 + Y*t}{12}$$

Trong đó:

X : Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành.

Y : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

t : Thời gian lưu hành thực tế trong năm qua của cổ phiếu phát hành thêm

Dự kiến mức độ pha loãng EPS năm 2026 của Công ty sau đợt phát hành như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2026 (dự kiến)	Đồng	793.051.000.000
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Cổ phiếu	364.824.906
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Cổ phiếu	405.361.006
4	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2026 (dự kiến) khi chưa chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Đồng	2.174
5	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2026 (dự kiến) khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Đồng	1.956

Việc tăng số lượng cổ phiếu từ việc phát hành thêm làm cho EPS dự kiến năm 2026 giảm từ 2.174 đồng/cổ phiếu xuống 1.956 đồng/cổ phiếu sau đợt phát hành. Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế khi Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty sẽ tăng lên. Trong trường hợp tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu không tương ứng hoặc thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu phát hành thêm (với giả định các yếu tố khác không thay đổi và các dự án sử dụng nguồn vốn thu được chưa kịp ghi nhận lợi nhuận ngay), giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty sẽ chịu rủi ro bị pha loãng.

5.4. Rủi ro về pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông

Do việc chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên không làm giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không tham gia đợt chào bán, cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền mua sẽ làm giảm tỷ lệ sở hữu của cổ đông đó sau khi kết thúc đợt chào bán.

6. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ đúng các quy định và chuẩn mực về quản trị công ty đối với công ty đại chúng niêm yết, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán,... Nhờ vậy mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được duy trì ổn định và đạt tăng trưởng qua hàng năm.

Đối với đợt chào bán này, quy mô vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng lên sau đợt phát hành, việc này sẽ kéo theo những khó khăn và rủi ro về mặt quản trị công ty cũng như quản lý, sử dụng nguồn vốn, nhân lực sao cho hiệu quả. Tuy nhiên, đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nên cơ cấu cổ đông sẽ không có nhiều thay đổi so với trước khi thực hiện chào bán. Ngoài ra, Ban lãnh đạo đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ biểu quyết rất cao. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án phát triển Công ty và qua đó có thể nhận thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cũng như các doanh nghiệp trong cùng ngành và toàn bộ nền kinh tế. Các rủi ro khác có thể kể đến như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, khủng bố,... Vì vậy, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của các rủi ro này, CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam luôn chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty.

Các yếu tố rủi ro luôn được Công ty chú trọng quan tâm thông qua việc xây dựng bộ máy quản trị tập trung với phòng ban chuyên trách về quản trị rủi ro để xây dựng cải tiến các chốt kiểm soát rủi ro định kỳ, bên cạnh đội ngũ Ban lãnh đạo nhiều năm kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao thường xuyên xây dựng kế hoạch kinh doanh theo các kịch bản với nhiều giả định khác nhau, đưa ra các chỉ đạo kịp thời biến rủi ro thành cơ hội và hạn chế tối đa các rủi ro đối với hoạt động của Công ty.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

III. CÁC TỪ VÀ KHÁI NIỆM VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BAF/Công ty	: Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam
Agriseco	: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKT	: Ban Kiểm toán nội bộ
TGĐ	: Tổng Giám đốc
CTCP	: Công ty cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
VSDC	: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE/HSX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
KHKD	: Kế hoạch kinh doanh
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
BCTC	: Báo cáo tài chính
VĐL	: Vốn điều lệ
VNĐ	: Đơn vị tiền tệ của Việt Nam
SỞ KH&ĐT	: Sở Kế hoạch & Đầu tư
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CCCD	: Căn cước công dân
TĂCN	: Thức ăn chăn nuôi
TSCĐ	: Tài sản cố định
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
CNTT	: Công nghệ thông tin
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Tp.	: Thành phố
UBND	: Ủy ban Nhân dân

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin về Tổ chức phát hành

1.1. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	:	BAF VIET NAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	BAF., JSC
Trụ sở chính	:	Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, Số 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	0766 074787
Website	:	baf.vn/
Logo	:	BAF NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG
Vốn điều lệ	:	3.648.249.060.000 đồng
Giấy CNĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2026.
Người đại diện theo pháp luật	:	Bà **Bùi Hương Giang** - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
Mã cổ phiếu	:	BAF
Sàn niêm yết	:	HOSE

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1.	**Chăn nuôi và sản xuất lợn giống.**	**0145 (chính)**
2.	Chăn nuôi gia cầm.	0146

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
3.	Chăn nuôi khác. Chi tiết: *- Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh: chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;- Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.*	0149
4.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.	0150
5.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt.	0161
6.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.	0162
7.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.	0163
8.	Xử lý hạt giống để nhân giống.	0164
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm về thịt. Chi tiết: *Giết, mổ, pha lóc, sơ chế, đóng gói, bảo quản thịt gia súc và gia cầm; Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng tẩm; Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng cắt nhỏ; Xúc xích, xúc xích Italia, bánh putding, xúc xích nhiều gia vị, xúc xích hun khói, pate, thịt giăm bông; Chế biến lục phủ ngũ tạng động vật; Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm khác từ thịt. (Không kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm tại trụ sở)*	1010
10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả.	1030
12.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.	1040
13.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.	1050
14.	Xay xát và sản xuất bột thô.	1061
15.	Bán buôn thực phẩm. *(Không hoạt động tại trụ sở) trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu phân phối đối với các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật.*	4632
16.	Bán lẻ thực phẩm. *(thực hiện quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại Tp. Hồ Chí Minh) trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối*	4722

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật.	
17.	Bán lẻ tổng hợp khác. Chi tiết: *Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn, loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn tại Tp. Hồ Chí Minh) và trừ việc thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật.*	4719
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: *Bán buôn thức ăn và các nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; nông, lâm sản nguyên liệu khác và động vật sống (không bán buôn nông sản tại trụ sở) trừ việc hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu phân phối đối với các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật.*	4620
19.	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: *Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh*	4773
20.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
21.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
22.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa *(Trừ than đá, phế liệu, hóa chất, cho thuê kho bãi)*	5210
23.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
24.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa.	0142
25.	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
26.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Bảng 2. Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển

Năm	Cột mốc quan trọng
2017	Ngày 07/04/2017, CTCP Nông nghiệp BAF được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại nông sản và chăn nuôi heo trang trại. Tháng 12/2017, Công ty hoàn thành tăng VĐL từ 30 tỷ lên 100 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu.
2018	Năm 2018, Công ty đưa vào vận hành 10 trang trại nuôi heo thịt và heo giống trải dài trên khắp cả nước. Tháng 3/2018, BAF ký kết với Công ty Skiod (Đan Mạch) để nhận chuyển giao hệ thống giải pháp kỹ thuật cho các trang trại của BAF. Tháng 07/2018, Công ty đặt dấu mốc đầu tiên trong việc thâm nhập thị trường thịt heo, heo giống trong khu vực Đông Nam Á khi đầu tư vào Công ty liên doanh BAF Myanmar có địa chỉ tại: No (148w), (5) Ward, A-one Street, Mayangone Township, Yangon Myanmar.
2019	Kể từ năm 2019, BAF thay đổi chiến lược phát triển, chuyển dần nguồn lực sang tập trung tối đa cho hoạt động chăn nuôi, xây dựng mô hình hoạt động theo mô hình chuan 3F (Feed - Farm - Food) còn được hình tượng hoá thành "từ nông trại đến bàn ăn". Tháng 3/2019, BAF bắt đầu xây dựng lại toàn bộ hệ thống trang trại theo mô hình chuẩn hoá 4.0, hiện đại theo công nghệ tiêu chuẩn Châu Âu. Tháng 11/2019, BAF nhập khẩu thành công lô lợn chất lượng cao đầu tiên từ Tập đoàn giống heo hàng đầu thế giới với số lượng trên 1.200 con heo giống cụ kỵ về Việt Nam. Đây là giống heo có đặc điểm di truyền ưu việt, nuôi con tốt, tăng trọng nhanh, sức đề kháng cao, thịt thơm ngon và dễ thích nghi với môi trường khí hậu Việt Nam.
2020	BAF nâng công suất Nhà máy thức ăn chăn nuôi Phú Mỹ lên 4.500 tấn/tháng, tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động và vị thế của mình bằng việc khánh thành và đi vào hoạt động 3 trang trại mới tại Daklak, Thanh Hóa, Myanmar. Khởi công xây dựng trại Phú Yên với công suất 5.000 con nái với công nghệ chuồng trại trong nhà hiện đại - chăn nuôi với quy trình khép kín đảm bảo an toàn sinh học gần như tuyệt đối. Tháng 07/2020: Ký kết hợp đồng đối tác chiến lược với Tập đoàn giống heo hàng đầu thế giới độc quyền nguồn giống heo chất lượng cao tại thị trường Việt Nam và

Năm	Cột mốc quan trọng
	Myanmar. Tháng 11/2020, Công ty hoàn thành tăng VĐL từ 100 tỷ lên 500 tỷ đồng theo hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu. Mục đích tăng vốn để bổ sung nguồn vốn lưu động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
2021	Ngày 31/08/2021, BAF chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) với mức giá IPO là 20.000 đồng/cổ phiếu, nâng tổng VĐL thực góp của Công ty từ 500 tỷ đồng lên 780 tỷ đồng, tổng số cổ đông tham gia mua cổ phiếu IPO là 332 cổ đông. Mục đích tăng vốn là để bổ sung nguồn vốn lưu động nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngày 01/09/2021, Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5089/UBCKNN-QLCB. Ngày 27/09/2021, Công ty được VSDC chấp thuận đăng ký chứng khoán theo Công văn số 36/2021/GCNCP-VSD do VSDC cấp lần đầu với mã chứng khoán BAF. Ngày 24/11/2021, Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 651/QĐ-SGDHCM với giá khởi điểm chào sàn là 20.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 28/12/2021, BAF khởi công 02 dự án trang trại chăn nuôi heo nái và heo thịt thương phẩm tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, BAF cũng góp vốn và đưa vào hoạt động chuỗi cửa hàng bán lẻ thực phẩm sạch SIBA FOOD.
2022	Ngày 04/01/2022, Công ty cổ phần Siba Holdings chính thức trở thành cổ đông lớn của BAF, với tỷ lệ nắm giữ trên 20,5% khối lượng cổ phiếu đăng lưu hành của Công ty. Siba Holdings được đánh giá là một doanh nghiệp nắm giữ nhiều giá trị cạnh tranh cốt lõi trong nhóm các doanh nghiệp dẫn đầu của ngành chăn nuôi. Ngày 24/05/2022, UBCKNN có Công văn số 3070/UBCK-QLCB về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của BAF. VĐL của Công ty sau hai đợt phát hành được nâng lên 1.435,2 tỷ đồng. Ngày 09/06/2022, BAF tổ chức Lễ khánh thành trang trại chăn nuôi heo giống Tây Ninh 3 tại huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Trang trại với quy mô 30 nghìn con heo hậu bị, dự kiến cung ứng ra thị trường từ 60 - 75 nghìn con mỗi năm. Ngày 23/08/2022, Công ty đã phát hành thành công trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 205/GCNUBCK do

Năm	Cột mốc quan trọng
	Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/7/2022, với tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành đợt 1: 300.000.000.000 (ba trăm) tỷ đồng (mã Trái phiếu BAFH2225001, kỳ hạn 3 năm, đáo hạn ngày 23/08/2025). Ngày 19/10/2022, Nhà máy BAF Tây Ninh vinh dự được trao Chứng nhận Thực hành Nông nghiệp tốt toàn cầu GLOBALG.A.P. CFM 3.0 và Chứng nhận Hệ thống Quản lý thực phẩm FSSC 22000 V5.1 (phiên bản cao nhất tại thời điểm trao chứng nhận). Ngoài ra, BAF cũng nghiên cứu thành công công thức Cám thuần thực vật sử dụng 100% nguyên liệu từ thực vật và tổ chức Lễ giới thiệu thương hiệu Heo ăn chay BAF Meat.
2023	Ngày 19/01/2023, BAF đưa vào hoạt động nhà máy thức ăn chăn nuôi công nghệ cao với quy mô 200.000 tấn/năm tại Nghệ An. Ngày 23/02/2023, BAF trở thành đối tác chiến lược với IFC (International Finance Corporation) và được IFC cung cấp tài trợ vốn đầu tư hình thức mua gói trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị lên đến 900 tỷ đồng (gồm 600 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi đã phát hành và 300 tỷ đồng trái phiếu thường (chưa phát hành)). Ngoài các hỗ trợ về vốn, IFC còn thực hiện chuyển giao các công nghệ chăn nuôi tiên tiến nhất, theo tiêu chuẩn Châu Âu cho BAF. Tại thời điểm xem xét việc chuyển đổi trái phiếu, nếu BAF và IFC có thể đạt được sự đồng thuận chung, trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phần và đồng thời IFC cũng sẽ tham gia vào việc quản trị Công ty. Trong năm 2023, BAF khánh thành thêm 04 trang trại nuôi heo công nghệ cao ở Tây Ninh. Đồng thời tiếp tục khởi công trang trại công nghệ cao thứ 2 tại Phú Yên trị giá 240 tỷ đồng. Ngày 04/07/2023, Công ty đã phát hành thành công đợt 2 Trái phiếu ra công chúng với mã Trái phiếu BAFH2225002 với tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành: 300.000.000.000 (ba trăm) tỷ đồng (theo giấy phép 205/GCN-UBCK ngày 19/7/2022 và Công văn số 3317/UBCK-QLCB ngày 05/6/2023). Kỳ hạn 3 năm, đáo hạn ngày 04/07/2026. Ngày 15/08/2023, BAF ký kết hợp đồng vay hợp vốn với 3 Ngân hàng Shinhan, Daegu và FirstBank để tài trợ cho dự án trang trại công nghệ cao tại Nghệ An với tổng quy mô 5.000 heo nái và 60.000 heo thịt. Cũng trong năm 2023, BAF đã đạt nhiều giải thưởng uy tín: Top 3 doanh nghiệp thuộc ngành Nông nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố và vinh danh, 3 giải thưởng tại Vietstock Awards 2023 do Cục Chăn nuôi bình chọn và vinh danh, bao gồm: (1) Doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi heo lớn

Năm	Cột mốc quan trọng
	nhất, (2) Doanh nghiệp/Cơ sở sản xuất heo giống tốt nhất, (3) Trang trại heo thịt tốt nhất.
2024	Tháng 08/2024, Công ty hoàn thành tăng VĐL lên 2.390,2 tỷ đồng. Ngày 16/09/2024, BAF ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Chăn nuôi - Thực phẩm Muyuan (Muyuan Foods Co., Ltd) nhằm tiếp nhận chuyển giao thiết bị công nghệ chăn nuôi thông minh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quy trình vận hành trong chăn nuôi để đảm bảo an toàn sinh học và thân thiện với môi trường. BAF sở hữu 09 trang trại được trao chứng nhận GLOBALG.A.P IFC. BAF và CTCP Công nghệ Citek chính thức ký kết và khởi động dự án Chuyển đổi số Quản trị Tổng thể Doanh nghiệp trên nền tảng Công nghệ điện toán đám mây SAP S4/HANA Cloud. BAF Nghệ An đạt chứng nhận quốc tế GLOBALG.A.P và FSSC 2000 phiên bản 5.2.
2025	Tháng 04/2025, BAF hoàn tất việc nâng VĐL lên 3,040,2 tỷ đồng. Ngày 29/06/2025, BAF được UBND tỉnh Tây Ninh chấp thuận chủ trương đầu tư Tổ hợp trang trại chăn nuôi heo nhà cao tầng công nghệ cao Tây Ninh, đánh dấu bước tiến quan trọng khi có thể trở thành doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam sở hữu mô hình "chung cư nuôi heo". Dự án đã được chính phủ phê duyệt triển khai vào tháng 08/2025. Tháng 08/2025, BAF khởi công siêu trại Gia Hân. 28/09/2025, BAF chính thức ký kết hợp tác liên doanh với Tập đoàn thực phẩm Muyuan (Trung Quốc) để xây dựng, vận hành dự án chăn nuôi công nghệ nhà cao tầng, tích hợp với nhà máy thức ăn chăn nuôi hỗ trợ tại Tây Ninh. Dự án dự kiến sẽ cung cấp 64.000 heo nái và sản xuất 1,6 triệu heo thịt mỗi năm. Nhà máy TĂCN sẽ có công suất khoảng 600.000 tấn/năm. Tổng vốn đầu tư là 12.000 tỷ đồng, doanh thu dự kiến là khoảng 10.000 tỷ đồng/năm.
2026	05/01/2026, BAF đã hoàn thành đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng với mã trái phiếu BAF126003 với tổng khối lượng trái phiếu 1.000 tỷ đồng (theo Giấy Chứng nhận số 447/GCN - UBCK do chủ tịch UBCK cấp ngày 25/11/2025). Kỳ hạn 03 năm, đáo hạn ngày 05/01/2029. Ngày 07/05/2026, Cổ phiếu BAF chính thức được thêm vào rổ chỉ số VN100, là chỉ số của 100 mã cổ phiếu có khả năng thanh khoản cao và có giá trị vốn hóa hàng đầu trên HOSE. Chỉ số VN100 được Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí

Năm	Cột mốc quan trọng
	Minh dựa trên thông lệ quốc tế FTSE 100 của Vương quốc Anh để lựa chọn xây dựng bộ chỉ số phù hợp với thị trường Việt Nam. Ngày 10/7/2026, BAF hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 3.648.249.060.000 đồng.

3. Cơ cấu công ty

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Hình 5. Sơ đồ tổ chức Công ty

(Nguồn: BAF)

Thông tin về các công ty con được trình bày tại mục 5.2. phần IV dưới đây.

Thông tin về các chi nhánh và địa điểm kinh doanh trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam MST: 0107795944-001
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Khu C, KCN Nam Cấm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. MST: 0107795944-003

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Cụm công nghiệp Bích Hòa, Xã Bình Minh, TP Hà Nội MST: 0107795944-004
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Đồng Nai (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tổ 5, đường Hồ Xuân Hương, Khu phố 6, Xã Trị An, Đồng Nai, Việt Nam MST: 0107795944-005
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An (Chi nhánh hạch toán độc lập)	D4, Khu nhà xưởng xây sẵn lô B, đường Long Hậu - Hiệp Phước, Xã Cần Giuộc, Tây Ninh, Việt Nam MST: 0107795944-007
6	Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 1 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thôn Quảng Trung - Xã Thạch Quảng - Tỉnh Thanh Hoá
7	Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 8 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thôn Đồng Danh, Xã Cẩm Tú, Tỉnh Thanh Hóa
8	Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 1 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thôn 3, Xã Trà Tân, Tỉnh Lâm Đồng
9	Địa điểm kinh doanh Bình Thuận 2 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thôn Đông Thuận, Xã Hàm Tân, Tỉnh Lâm Đồng
10	Địa điểm kinh doanh Bình Phước - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Ấp Tân Phú, Xã Thuận Lợi, Tỉnh Đồng Nai
11	Địa điểm kinh doanh Bình Dương - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thửa đất số đất số 259, tờ bản đồ số 8, Hiếu Liêm 20, Ấp Cây Dâu, Xã Thường Tân, TP Hồ Chí Minh
12	Địa điểm kinh doanh Đắk Lắk 1 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Buôn Jang Pông, Xã Ea Wer, Tỉnh Đắk Lắk
13	Địa điểm kinh doanh Đồng Nai 2 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Ấp Cọ Dầu 2, xã Xuân Đông, Đồng Nai
14	Địa điểm kinh doanh Tây Ninh 1 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	501 đường 30 tháng 4, Khu Phố 1, TP Tây Ninh
15	Địa điểm kinh doanh Bà Rịa Vũng Tàu 1 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Ấp 15 Xã Hòa Hội, TP Hồ Chí Minh
16	Địa điểm kinh doanh Quảng Ninh 1 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Xã Đường Hoa, Tỉnh Quảng Ninh
17	Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 1 - Công	Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
	ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	
18	Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 4 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thôn Giang Vin - xã Linh Sơn - tỉnh Thanh Hoá
19	Địa điểm kinh doanh Tây Ninh 2 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Ấp Tân Đông 1 - xã Tân Lập - tỉnh Tây Ninh
20	Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 7 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thôn Chiềng Nang, xã Giao An, tỉnh Thanh Hóa
21	Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 2 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thôn Nam Định, Xã Đắk Mil, Tỉnh Lâm Đồng
22	Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 3 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Xã Đắk Mil, Tỉnh Lâm Đồng
23	Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 4 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Xã Đắk Mil, Tỉnh Lâm Đồng
24	Địa điểm kinh doanh Gia Lai 1 - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Làng Tơ Kơr, Xã Sơn Lang, Tỉnh Gia Lai
25	Địa điểm kinh doanh Trung Tâm Rửa Xe - Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt nam
26	Địa điểm kinh doanh Đồng Nai 3 - Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Ấp Tân Hưng, Xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
27	Địa điểm kinh doanh Tây Ninh - Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh BAF	Ấp Long Yên, Phường Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
28	Địa điểm kinh doanh Phú Mỹ - Công ty TNHH Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Thửa đất số 747, tờ bản đồ số 04, Đường 2A, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, TP HCM, Việt Nam
29	Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa - Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh BAF	Thửa đất số 837, 850, 851, tờ bản đồ số 14, thôn Lễ Nghĩa 2, Xã Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
30	Địa điểm kinh doanh Lâm Đồng - Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh BAF	Thửa đất số 246, tờ bản đồ số 61; thửa đất số 250, 251, tờ bản đồ số 239, Thôn Trung Hòa, Xã Đắk Mil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

[Phần còn lại của trang cố ý được để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý

Công ty hoạt động theo mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban khác.

Hình 6. Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty

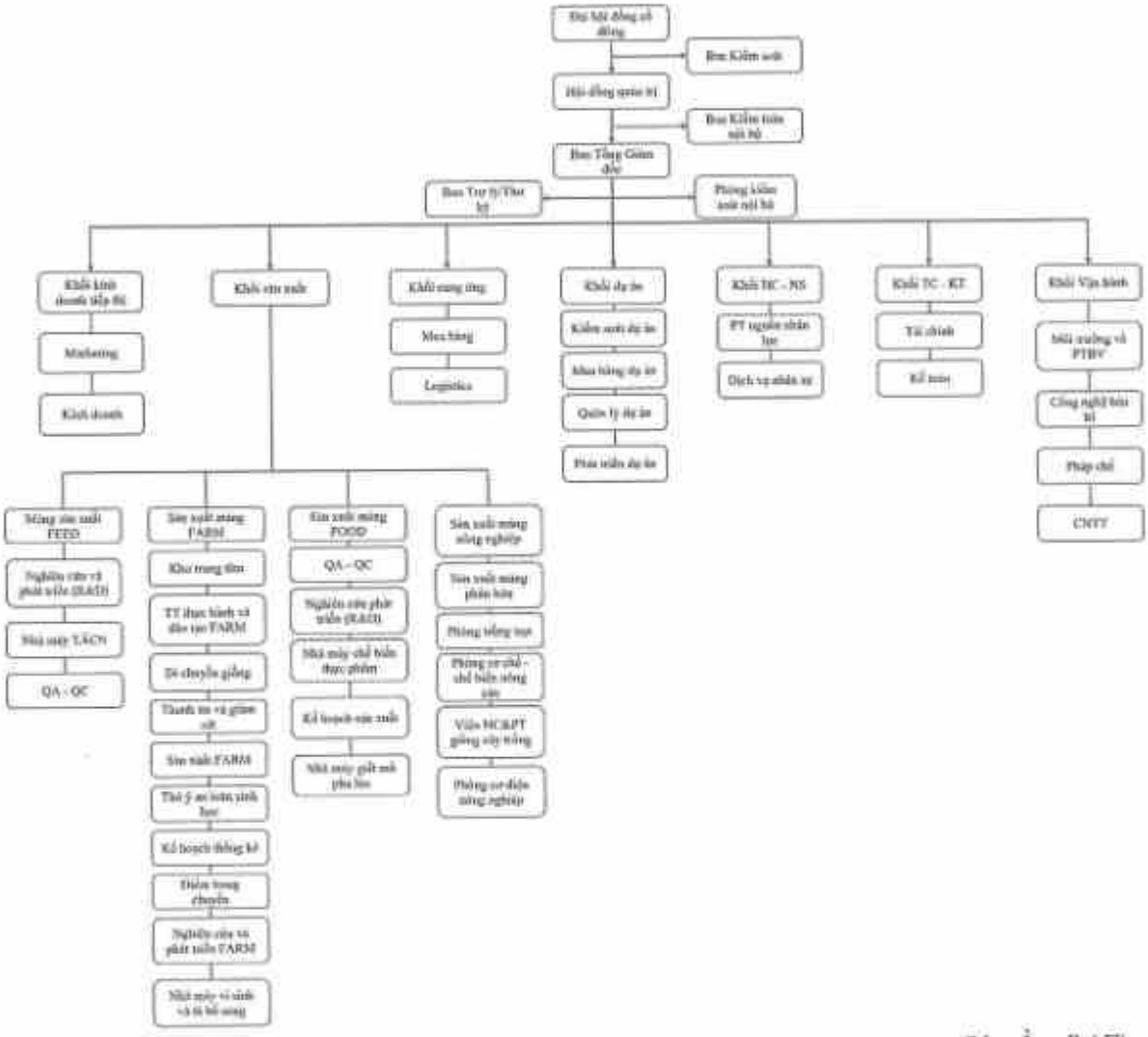

(Nguồn: BAF)

Chi tiết về các cơ quan, bộ phận, trong Công ty như được nêu dưới đây:

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc;

- Quyết định số lượng thành viên HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ;

b. Hội đồng quản trị

Số thành viên HĐQT của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách thành viên HĐQT của Công ty hiện tại như sau:

Bảng 3. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch HĐQT
2.	Bà Bùi Hương Giang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3.	Ông Prasad Gopalan	Thành viên HĐQT độc lập
4.	Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HĐQT độc lập
5.	Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT

c. Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Bảng 4. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên Ban kiểm soát

d. Ban Kiểm toán nội bộ

Ban kiểm toán nội bộ được thành lập bởi HĐQT của Công ty. HĐQT của Công ty quản lý trực tiếp Ban kiểm toán nội bộ. Ban kiểm toán nội bộ tương đương một phòng/ban trong cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế kiểm toán nội bộ do HĐQT ban hành, sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá độc lập một cách khách quan đối với hoạt động của các phòng, ban, đội trong Công ty dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Đối với tất cả những vấn đề có thể ảnh hưởng xấu đến Công ty, kiểm toán nội bộ cần thông báo kịp thời về bản chất và mức độ ảnh hưởng để đưa ra khuyến nghị thiết thực, nhằm ngăn ngừa và khắc phục những vấn đề này;
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót, đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao năng lực, hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ;
- Lập báo cáo kiểm toán nội bộ định kỳ;
- Thông báo và gửi kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định;
- Thường xuyên ra xoát nhằm phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật phù hợp với sự phát triển của Công ty;
- Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ khi có yêu cầu để HĐQT xem xét, quyết định thông qua Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị;
- Duy trì việc trao đổi thường xuyên đối với đơn vị Kiểm toán độc lập của Công ty nhằm đảm bảo hợp tác hiệu quả;

– Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT giao hoặc theo quy định của pháp luật.

e. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm giúp Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

– Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, chỉ đạo của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật;

– Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các quy chế điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;

– Ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;

– Báo cáo HĐQT về tình hình thực tế hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai lầm và tổn thất cho Công ty;

– Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

– Phụ trách toàn bộ định hướng và chiến lược phát triển mảng kinh doanh nông sản và chuỗi kép kín 3F (Farm - Feed - Food) theo mô hình quản lý chuyên nghiệp và hiện đại. Tùy từng mảng hoạt động, Ban Tổng Giám đốc sẽ ban hành những quy trình, chiến lược riêng, phù hợp với từng lĩnh vực, mảng hoạt động nhằm đảm bảo tối ưu về vận hành giúp giảm thiểu rủi ro và chi phí hoạt động;

– Phối hợp trong việc hướng dẫn triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh doanh cũng như tham gia chỉ đạo các hoạt động trong lĩnh vực thực hiện nhiệm vụ trong công ty;

– Luôn quan sát, theo dõi sát sao sự vận hành của hệ thống đảm bảo hoạt động của Công ty, của từng phòng ban luôn đi đúng định hướng và chiến lược đã được đề ra. Luôn có những hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời để xử lý nếu có dấu hiệu lệch hướng.

Bảng 5. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc
2.	Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc

f. Các phòng ban và chức năng trong Công ty

– Các phòng ban chịu quản lý và trách nhiệm trực tiếp về kết quả và hậu quả công việc thuộc phạm vi của mình với Ban Tổng Giám đốc.

❖ **Khối kinh doanh**

– Nhận đề xuất bán từ các sản phẩm Farm - Food, lên kế hoạch bán hàng, khi có có báo giá từ khách hàng trình Ban Tổng Giám đốc xem xét, phê duyệt. Sau đó phối hợp với các phòng ban liên quan thực hiện.

– Lập phương án và trình Ban Tổng Giám đốc kế hoạch kinh doanh theo phương hướng kinh doanh của Công ty.

– Tìm kiếm và phát triển thị trường. Theo dõi sản lượng tiêu thụ, nhận phản hồi từ các khách hàng đồng thời phối hợp với các phòng ban để không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm;

– Giải đáp tất cả các thắc mắc của khách hàng liên quan đến chính sách bán hàng, sản phẩm của Công ty.

– Dự báo mức tiêu thụ sản lượng, đánh giá nhu cầu thực thế của thị trường ở thời điểm hiện tại và tương lai. Cung cấp các đánh giá, báo cáo dự báo đến Khối sản xuất để Khối Sản xuất có những tính toán cụ thể về sản lượng.

❖ **Khối sản xuất**

– Chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ mảng sản xuất của hệ thống trại bao gồm cả việc lên kế hoạch phối cho đàn heo nái và kế hoạch thay toàn bộ đàn heo phù hợp để đàn heo của BAF luôn trong giai đoạn sinh sản cao nhất từ lứa 2 - lứa 5 và tối ưu nhất của dòng đời mỗi cá thể nái.

– Phối hợp với các phòng ban chuyên môn, đặc biệt Khối kinh doanh, Khối mua hàng để có những báo cáo, tính toán sản lượng sản xuất cụ thể để tối ưu hóa chi phí, tránh thất thoát lãng phí cho Công ty, cũng như đáp ứng kịp thời và đầy đủ sản phẩm cho các khách hàng và thị trường chung.

– Điều hành, phân công, quản lý công việc chi tiết đối với từng phân khu, bộ phận trong khối.

❖ **Khối cung ứng**

– Chịu trách nhiệm việc thu mua theo đơn hàng của Khối sản xuất.

– Tham mưu cho ban Tổng Giám đốc đối với lĩnh vực thu mua, kinh doanh nguyên liệu, cám, thuốc, vaccine, vật tư thú ý, nhu yếu phẩm,….

– Tổ chức Khối thu mua chuyên nghiệp và theo đúng quy định của Công ty.

❖ **Khối dự án**

- Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, công trình xây lắp hoặc dịch vụ thỏa mãn các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thực hiện và tối ưu hóa chi phí đầu tư cho các hạng mục của Công ty.
- Tăng công xuất, tăng thời gian sử dụng, tăng quy mô sản xuất.
- Tìm kiếm địa điểm, triển khai, đánh giá môi trường tác động môi trường để phát triển dự án mới theo đúng các quy đinh của pháp luật. Báo cáo, trình Ban Tổng Giám đốc để xem xét đánh giá.
- Sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, vận hành các hạng mục khác theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.
- Ngoài nhiệm vụ lập và trình duyệt kế hoạch đấu thầu dự án, Khối dự án có trách nhiệm thực hiện đấu thầu theo kế hoạch đấu thầu đã được lãnh đạo phê duyệt.

❖ **Khối Hành Chính - Nhân Sự**

- Liên kết với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề, tuyển dụng những nhân sự tối ưu, đáp ứng nhu cầu nhân sự cho hoạt động và mở rộng của Công ty.
- Cấp học bổng cho những sinh viên năm cuối ở các trường đại học, cao đẳng, có trải nghiệm thực tập thực tế tại BAF nhằm đào tạo những nhân sự tiềm năng, kế cận đáp ứng nhu cầu thay đổi và phát triển của Công ty.

❖ **Khối Tài chính - Kế toán**

- Thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, giúp Ban Tổng Giám đốc quản lý việc chỉ đạo thực hiện của Công ty. Kế toán, thống kê, thông tin tình hình sản xuất, hoạt động thực tế tại doanh nghiệp, thực hiện các nhiệm vụ khác được giao theo đúng quy định của pháp luật và công ty.
- Theo dõi, tổng hợp số liệu kinh doanh, tồn kho sản xuất, chi phí đầu tư dự án và các chi phí khác liên quan.
- Kịp thời báo cáo, tham mưu, đưa ra ý kiến giải quyết cho Ban Tổng Giám đốc về tình hình thực tế hoặc những vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến tình hình tài chính của Công ty.

❖ **Khối vận hành**

- Thực hiện các công việc như xem xét, báo cáo đánh giá, tình hình môi trường hoạt động nhà xưởng, sản xuất, trang trại hiện tại của Công ty.
- Thực hiện xây dựng, cập nhật công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học mới vào việc vận hành, quản lý doanh nghiệp, giúp Ban Tổng Giám đốc dễ dàng nắm bắt tình hình Công ty một cách hiệu quả và kịp thời nhất.
- Thường xuyên cập nhật những thay đổi về quy định pháp luật, tham mưu, giúp Ban Tổng Giám đốc đưa ra những quyết sách phù hợp và tuân thủ đúng pháp luật của nhà

nước.

5. Thông tin về Công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.

5.1. Công ty mẹ

Không có.

5.2. Danh sách Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của Tổ chức phát hành

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

a) Công ty con

Bảng 6. Danh sách công ty con

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của BAF	Tỷ lệ biểu quyết của BAF
1	CÔNG TY TNHH ANH VŨ PHÚ YÊN	4401054144	Thôn Kinh Tế 2, Xã Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên	Chăn nuôi	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
2	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI BẢO NGỌC	6001623576	Thôn Jang Pông, Xã Ea Wer, tỉnh Đắc Lắk	Chăn nuôi	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
3	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHĂN NUÔI MINH THÀNH	3901206435	Tổ 3, Ấp Thạnh Trung, Xã Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	98,00%	98,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
4	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẮC AN KHÁNH	3901293928	Ấp 4, Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	99,27%	99,27%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
5	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐÔNG AN KHÁNH	3901293928	Ấp 4, Xã Tân Thành, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của BAF	Tỷ lệ biểu quyết của BAF
6	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI NAM AN KHÁNH	3901298757	Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
7	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TRANG TRẠI XANH 1	3901291381	Ấp Hòa Đông A, xã Phước Vinh, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	98,00%	98,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
8	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TRANG TRẠI XANH 2	3901291409	Ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	99,69%	99,69%
					31/12/2025	99,69%	99,69%
					30/06/2026	99,69%	99,69%
9	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO HẢI ĐĂNG TÂY NINH	3901312793	Thửa đất số 5,6,7,8 tờ bản đồ 109, Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	99,82%	99,82%
					31/12/2025	99,82%	99,82%
					30/06/2026	99,82%	99,82%
10	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO SÔNG HINH	4401086234	Buôn Thung, Xã Đức Bình, Tỉnh Phú Yên	Chăn nuôi	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
11	CÔNG TY TNHH THỨC ĂN CHĂN	3901152973	Lô A20, Đường N8B, KCN Thành Thành Công, Phường Tráng	Sản xuất TĂCN	31/12/2024	99,00%	99,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của BAF	Tỷ lệ biểu quyết của BAF
	NUÔI BAF TÂY NINH		Bảng, Tây Ninh		30/06/2026	100,00%	100,00%
12	CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP BAF BÌNH ĐỊNH	4101602537	Lô E5, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, Phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	Sản xuất TĂCN	31/12/2024	98,55%	98,55%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
13	CÔNG TY TNHH MTV BAF MEAT BÌNH PHƯỚC	3801269103	Lô B1 KCN Minh Hung - Sikico, xã Tân Khai, tỉnh Bình Phước	Giết mổ và chế biến thịt	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
14	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂM HƯNG	3901302844	Ấp Tân Cường xã Tân Đông, Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	99,98%	99,98%
					31/12/2025	99,98%	99,98%
					30/06/2026	99,98%	99,98%
15	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP TÂN CHÂU	3901303492	Tổ 6, Ấp 4, Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	99,95%	99,95%
					31/12/2025	99,95%	99,95%
					30/06/2026	99,95%	99,95%
16	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XNK THIÊN PHÚ SƠN	3800581662	Tổ 7, Khu phố Tân Trà 1, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
17	CÔNG TY TNHH SẢN	3801119450	Tổ 5, Ấp Tân Phú, xã	Chăn nuôi	31/12/2024	100,00%	100,00%

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của BAF	Tỷ lệ biểu quyết của BAF
	XUẤT THƯƠNG MẠI CHĂN NUÔI KIM HỢI		Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai		31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
18	CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH BAF	0317986455	Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
19	CÔNG TY TNHH TÂY AN KHÁNH	3901315120	Ấp hội Thành, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
20	CÔNG TY TNHH LOGISTIC BAF VIỆT NAM	0318192737	Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Vận tải	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
21	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BAF TÂY NINH	3901341346	501 đường 30 tháng 4, khu phố 1, phường Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	31/12/2024	100,00%	100,00%
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
22	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SẠCH	2802501452	Thửa đất 272, tờ bản đồ số 23, thôn Thanh Bình, xã Thanh Quân,	Chăn nuôi	31/12/2024	99,99%	99,99%
					31/12/2025	99,99%	99,99%

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của BAF	Tỷ lệ biểu quyết của BAF
	THANH XUÂN		Thanh hóa		30/06/2026	99,99%	99,99%
23	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO BAF TÂY NINH 1	3901356751	501 đường 30 tháng 4, khu phố 1, phường Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
24	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI CNC BAF TÂY NINH 2	3901356769	501 đường 30 tháng 4, khu phố 1, phường Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Chăn nuôi	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
25	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI BAF TÂY NINH 1	3901356776	501 đường 30 tháng 4, khu phố 1, phường Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Sản xuất TĂCN	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
26	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI TMC	5901174628	Làng Vơn, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Chăn nuôi	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	99,98%	99,98%
					30/06/2026	99,98%	99,98%
27	CÔNG TY TNHH HÒA PHÁT BỒN	5901139937	Làng Tu, xã Ia Lâu, tỉnh Gia Lai	Chăn nuôi	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	99,99%	99,99%
					30/06/2026	99,99%	99,99%
28	CÔNG TY CỔ PHẦN	5901188469	Làng Bông Pim, xã	Chăn nuôi	31/12/2024	0	0

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của BAF	Tỷ lệ biểu quyết của BAF
	CHĂN NUÔI CNC THÀNH ĐẠT GIA LAI		Ayun, tỉnh Gia Lai		31/12/2025	99,99%	99,99%
					30/06/2026	99,99%	99,99%
29	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM BAF NINH BÌNH	0314594883	Lô 9.2, Cụm Công nghiệp Yên Lệnh, phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình	Chế biến thực phẩm	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	100,00%	100,00%
					30/06/2026	100,00%	100,00%
30	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI KHÔI DƯƠNG	640043468	Thôn Nam Tiến, xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng	Chăn nuôi	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	0	0
					30/06/2026	99,99%	99,99%
31	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO BAF HÀ NỘI 1	0111545224	Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	Chăn nuôi	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	0	0
					30/06/2026	100,00%	100,00%
32	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO BAF HÀ NỘI 2	0111543932	Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	Chăn nuôi	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	0	0
					30/06/2026	100,00%	100,00%

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu của BAF	Tỷ lệ biểu quyết của BAF
33	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BAF HÀ NỘI	0111543925	Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	Chế biến thực phẩm	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	0	0
					30/06/2026	100,00%	100,00%
34	CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BAF BÌNH MINH	0111545182	Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	Chế biến thực phẩm	31/12/2024	0	0
					31/12/2025	0	0
					30/06/2026	100,00%	100,00%

(Nguồn: BCTC bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

b) Công ty liên kết

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

6. Thông tin quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập ngày 07/04/2017 với mức vốn điều lệ đăng ký là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng), tương ứng với 3.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) và có 03 cổ đông sáng lập.

Đến nay, Công ty đã thực hiện 08 lần tăng vốn, không có lần giảm vốn nào, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 3.648.249.060.000 đồng (Ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tương đương 364.824.906 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng 7. Lịch sử tăng, giảm vốn điều lệ

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng thêm/giảm (đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp
Thành lập	Năm 2017 (04/2017)		30.000.000.000		Sở KH & ĐT TP. Hà Nội
Lần 1	Năm 2017 (08/2017)	70.000.000.000	100.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Sở KH & ĐT TP. Hà Nội
Lần 2	Năm 2020	400.000.000.000	500.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Sở KH & ĐT tỉnh Bình Dương
Lần 3	Năm 2021	280.000.000.000	780.000.000.000	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	- UBCKNN - Sở KH & ĐT TP.HCM
Lần 4	Năm 2022	655.200.000.000	1.435.200.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng VĐL từ nguồn VCSH	- UBCKNN - Sở KH & ĐT TP.HCM
Lần 5	Năm 2024 (05/2024)	243.980.420.000	1.679.180.420.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- UBCKNN - Sở KH & ĐT TP.HCM
Lần 6	Năm 2024 (07/2024)	711.036.000.000	2.390.216.420.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- UBCKNN - Sở KH & ĐT TP.HCM
Lần 7	Năm 2025	650.000.000.000	3.040.216.420.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	- UBCKNN - Sở Tài chính TP.HCM

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng thêm/giảm (đồng)	Vốn điều lệ thực góp sau tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp
Lần 8	Năm 2026	608.032.640.000	3.648.249.060.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng VĐL từ nguồn VCSH	- UBCKNN - Sở Tài chính TP.HCM

(Nguồn: BAF)

– Ý kiến của tổ chức kiểm toán: Không có.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Thông tin về các khoản góp vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại (các khoản có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất): Không có.

Thông tin về các khoản thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại (các khoản có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong BCTC gần nhất): Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 22/06/2026:

Bảng 8. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**3.311**	**353.383.983**	**96,86%**
	- Cá nhân	3.295	232.473.274	63,72%
	- Tổ chức	16	120.910.709	33,14%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**57**	**11.440.923**	**3,14%**
	- Cá nhân	41	73.381	0,02%
	- Tổ chức	16	11.367.542	3,12%
	Trong đó: Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
3	**Cổ phiếu quỹ**	0	0	0

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
TỔNG CỘNG (1+2+3)		3.368	364.824.906	100%

(Nguồn: BAF)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Bảng 9. Danh sách các chứng khoán đang lưu hành của Tổ chức Phát hành

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng	Đặc điểm
1	BAFH2330001 (Phát hành riêng lẻ)	16/03/2023	16/03/2030	600 tỷ	Trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không tài sản đảm bảo, phát hành trong nước
2	BAF12501 (Phát hành riêng lẻ)	08/05/2025	08/05/2028	500 tỷ	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo, phát hành trong nước
3	BAF126003 (Phát hành ra công chúng)	05/01/2026	05/01/2029	1.000 tỷ	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo.

(Nguồn: BAF)

9. Thông tin tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thực hiện theo công văn số 705/UBCK-QLCB ngày 20/02/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được quy định ở mức 39,1304%.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ (nếu có)

Không có quy định.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Theo thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tại ngày 10/09/2026, số lượng cổ phiếu BAF do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 15.096.885 cổ phiếu, chiếm 4,14% Vốn điều lệ Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập từ tháng 04/2017 với định hướng phát triển thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi và chế biến thực phẩm. Công ty hoạt động chính trên 2 lĩnh vực là: Chăn nuôi heo giống và heo thương phẩm; Sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Trong những năm đầu hoạt động, mảng chăn nuôi của Công ty đối mặt với nhiều thách thức lớn do vận hành theo mô hình trang trại truyền thống. Việc phụ thuộc vào nguồn con giống phân tán, thu mua chủ yếu từ thương lái và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ dẫn đến chất lượng con giống không đồng đều, sức đề kháng kém, tỷ lệ hao hụt đàn cao. Hệ quả là trong giai đoạn này, cơ cấu lợi nhuận của Công ty phần lớn vẫn dựa vào hoạt động thương mại nông sản. Tuy nhiên, do đặc thù giá cả nông sản biến động mạnh theo thị trường và chịu tác động lớn từ các yếu tố ngoại cảnh, biên lợi nhuận của mảng thương mại rất thấp (chỉ duy trì ở mức ~1%) và thiếu tính ổn định. Dù ghi nhận doanh thu hàng năm khá cao so với quy mô vốn, hiệu quả kinh doanh tổng thể trong 3 năm đầu của Công ty vẫn chưa đạt được như kỳ vọng.

Nhận thức rõ thực trạng cốt lõi này cùng cơ hội tăng trưởng mang tính bứt phá của ngành chăn nuôi công nghiệp, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra những quyết sách chiến lược mang tính bước ngoặt. BAF đã thực hiện tái cấu trúc toàn diện mô hình quản trị, chuyển dịch trọng tâm và tập trung tối đa nguồn lực vào mảng chăn nuôi heo công nghệ cao, với tham vọng đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong chuỗi giá trị chăn nuôi và chế biến thực phẩm tại Việt Nam. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, BAF nhận thức rằng có 5 yếu tố quan trọng quyết định sự thành công, phát triển hiệu quả, nhất quán và bền vững của Công ty.

(i) Chiến lược giống: BAF hợp tác chiến lược với các công ty cung cấp giống hàng đầu thế giới để chọn lọc heo giống khoẻ mạnh, sạch bệnh, đẻ sai và đặc biệt thích nghi với thời tiết Việt Nam. Đây là lựa chọn số 1 để BAF phát triển đàn heo thịt thương phẩm chất lượng cao tại Việt Nam

(ii) Công nghệ chuồng trại: Thiết kế tối ưu, hiện đại, thiết bị chuồng trại nhập khẩu từ Châu Âu và Mỹ với các nhà cung cấp hàng đầu thế giới như Pigtek, GSI, Big Dutchman, Skiold, … hệ thống trại heo giống của BAF bảo đảm tính ổn định và an toàn sinh học tuyệt đối. Chiến lược phát triển với quy mô lớn theo mô hình chuẩn hoá tập trung như vậy giúp tối ưu vận hành, nâng cao hiệu suất; tái tạo và tiết kiệm nguồn năng lượng

điện, nước và các nguồn năng lượng khác.

(iii) An toàn sinh học: Từng yếu tố có tác động đến hệ thống trại như địa điểm xây trại, quy cách xây dựng chuồng trại, quy trình vận hành, công nghệ kỹ thuật trang bị… đều phải tuân thủ tuyệt đối các yêu cầu an toàn sinh học khắt khe. Ngăn ngừa và hạn chế tối đa sự lây nhiễm của các tác nhân sinh học xuất hiện tự nhiên, hoặc do tác động của con người tạo ra, gây hại đến vật nuôi và hệ sinh thái của vật nuôi được xác định là yếu tố sống còn.

(iv) Dinh dưỡng: Xác định dinh dưỡng vật nuôi là một trong những yếu tố khác biệt tạo nên chất lượng thịt thơm ngon, ngọt mềm, an toàn mà bổ dưỡng cho khách hàng, BAF dày công làm chủ nguồn nguyên liệu tốt nhất, ngon nhất; hợp tác cùng đội ngũ chuyên gia giỏi với nhiều kinh nghiệm; sở hữu hệ thống nhà máy sản xuất hiện đại công suất lớn. Công ty kiểm soát công thức, quy trình và tối ưu cho từng giai đoạn phát triển đàn heo.

(v) Quản trị con người: BAF quản trị theo mô hình quản lý hiện đại, tập trung chuyên sâu theo ngành dọc. Mô hình quản trị này sẽ tối ưu tính hiệu quả, đồng bộ và nhất quán trong vận hành chiến lược giữa Ban lãnh đạo, các phòng ban chuyên môn đến đội ngũ thực thi tại các đơn vị. Vì vậy các quyết định được đưa ra nhanh chóng, chính xác và có sự phối hợp của toàn bộ các mảng trong hệ sinh thái khép kín FEED - FARM - FOOD.

Năm yếu tố cốt lõi trên không vận hành độc lập mà đóng vai trò là hệ bệ đỡ kỹ thuật, công nghệ và quản trị vững chắc, cho phép BAF hiện thực hóa và tối ưu hóa Chuỗi giá trị khép kín 3F (Feed - Farm - Food). Sự gắn kết chặt chẽ giữa các yếu tố này giúp BAF làm chủ hoàn toàn chu trình từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng, triệt tiêu rủi ro trung gian và tối đa hóa biên lợi nhuận ròng trên từng mắt xích hoạt động dựa trên mô hình chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín 3F (Feed - Farm - Food). Đây là đặc điểm kinh doanh cốt lõi, đánh dấu sự chuyển dịch mạnh mẽ của doanh nghiệp từ hoạt động thương mại nông sản thuần túy sang trọng tâm là chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao, kiểm soát toàn diện từ đầu vào đến đầu ra.

Thông tin chi tiết về các lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam như sau:

a) Lĩnh vực chăn nuôi heo giống và heo thương phẩm

Với định hướng chiến lược tập trung toàn diện nguồn lực vào ngành hạt nhân là chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao, Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã thiết lập hệ thống chuỗi giá trị khép kín đồng bộ theo tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống này đảm bảo tối ưu hóa công suất từ thượng nguồn đến hạ nguồn, đáp ứng trọn vẹn nhu cầu sản xuất nội bộ lẫn năng lực cung ứng cho thị trường tiêu dùng.

Mục tiêu cốt lõi của BAF là vận hành hoàn chỉnh mô hình chuỗi giá trị 3F (Feed - Farm - Food) - hiện thực hóa triết lý sản xuất "Từ nông trại đến bàn ăn" dựa trên các tiêu chí nghiêm ngặt: "AN TOÀN - HIỆU QUẢ - NGỌT THỊT - NGON CƠM". Qua đó, BAF định vị là một trong những doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam làm chủ chuỗi giá trị tích hợp

theo chiều dọc, tiếp cận và cung ứng trực tiếp sản phẩm thương hiệu đến tay người tiêu dùng cuối cùng. Đây là mô hình chiến lược được các tập đoàn nông nghiệp lớn hướng tới, song năng lực cạnh tranh và sự khác biệt mang tính quyết định của BAF nằm ở việc làm chủ các yếu tố kỹ thuật, công nghệ và quy trình quản trị của ngành chăn nuôi chuyên nghiệp.

Hiện nay, BAF đang khẳng định vị thế vững chắc trong Top 3 doanh nghiệp chăn nuôi lớn nhất Việt Nam và là một trong số những doanh nghiệp dẫn đầu về việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào hệ thống trang trại. Quy mô sản xuất của Công ty liên tục được mở rộng thần tốc với hệ thống 42 trang trại công nghệ cao, trong đó có 25 trang trại đạt tiêu chuẩn thực hành chăn nuôi thông minh toàn cầu GLOBAL S.L.P. Đặc biệt, BAF là doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam phát triển mô hình "chung cư nuôi heo" cao tầng hiện đại.

Tính đến nay, quy mô đàn của Công ty đạt khoảng 73.000 heo nái và 800.000 heo thương phẩm, hướng tới kế hoạch dài hạn đạt 450.000 heo nái và 10 triệu heo thương phẩm năm 2030. Với việc nhập khẩu nguồn con giống chất lượng cao (giống Duroc, Landrace) từ các đối tác hàng đầu tại Pháp như Cooperl, AXIOM, BAF đạt các chỉ số vận hành vượt trội với hiệu suất sinh sản đạt từ 31-34 heo con cai sữa/nái/năm (gấp khoảng 1,5 lần mức trung bình toàn ngành tại Việt Nam là 20-22 con) và duy trì tỷ lệ nhiễm bệnh an toàn sinh học ở mức dưới 5% ngay cả trong các giai đoạn dịch bệnh bùng phát mạnh.

Nền tảng và lộ trình vận hành chuỗi khép kín của BAF được cấu trúc dựa trên các lợi thế cạnh tranh cốt lõi sau:

Thượng nguồn - Tối ưu hóa năng lực sản xuất và tự chủ nguồn thức ăn chăn nuôi (FEED): Kế thừa vị thế và kinh nghiệm chuyên sâu từ hoạt động thương mại nông sản quy mô lớn, BAF chủ động kiểm soát toàn diện chuỗi logistics và chất lượng nghiêm ngặt của nguồn nguyên liệu thô đầu vào (như ngô, bã đậu tương...). Đây là những thành phần trọng yếu, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí sản xuất thức ăn chăn nuôi. Lợi thế thượng nguồn này cho phép Công ty tối ưu hóa chi phí giá vốn tại các nhà máy, bảo đảm nguồn cung ứng thức ăn dinh dưỡng cao cấp, sạch và ổn định cho toàn hệ thống. Hiện tại, BAF đang vận hành hệ thống 03 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi hiện đại với tổng công suất thiết kế đạt 730.000 tấn/năm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe nhất về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như Global G.A.P CFM và FSSC 22000 V5.1. Đặc biệt, năng lực cạnh tranh cốt lõi của BAF nằm ở việc tự chủ nghiên cứu và áp dụng công thức dinh dưỡng độc quyền: sản xuất dòng "Cám chay" với thành phần 100% từ gốc thực vật, cam kết không chứa chất tạo nạc hay bất kỳ thành phần nguồn gốc động vật nào. Giải pháp chiến lược này không chỉ giúp BAF chủ động hoàn toàn nguồn thức ăn sinh học an toàn cho hệ thống trang trại nội bộ, mà còn nâng cao khả năng phòng vệ, kiểm soát hiệu quả chi phí chăn nuôi trước các biến động bất lợi của chu kỳ giá hàng hóa trên thị trường. Đặc biệt, quy trình sản xuất hiện đại tại các nhà máy này giúp giảm thiểu đến 80% lượng khí thải phát thải gây ra môi trường.

Trung nguồn - Chăn nuôi quy mô công nghiệp công nghệ cao (FARM): Đóng vai trò là động lực tăng trưởng chủ lực và là hạt nhân trung tâm trong toàn bộ chuỗi giá trị của BAF,

mảng FARM tiếp nhận trực tiếp nguồn thức ăn chăn nuôi đạt chuẩn sinh học từ thượng nguồn để cung ứng cho hệ thống trang trại nội bộ. BAF tập trung đầu tư và vận hành hệ thống trang trại chăn nuôi heo quy mô lớn, áp dụng đồng bộ công nghệ tự động hóa và tiêu chuẩn thiết kế chuồng kín khép kín theo mô hình hiện đại của Châu Âu. Đặc biệt, Công ty là đơn vị tiên phong triển khai mô hình trang trại cao tầng ("chung cư nuôi heo") tại tỉnh Tây Ninh, tích hợp nhà máy thức ăn chăn nuôi phụ trợ. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến lên đến 12.000 tỷ đồng, đặt mục tiêu cung cấp 64.000 heo nái và sản xuất 1,6 triệu heo thịt mỗi năm; đi kèm nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công suất khoảng 600.000 tấn/năm. Khi đi vào vận hành ổn định, siêu dự án ước tính sẽ mang lại doanh thu hàng năm khoảng 10.000 tỷ đồng, tạo ra động lực bứt phá mạnh mẽ cho dòng tiền và quy mô tổng đàn của BAF trong giai đoạn tiếp theo. Dựa trên kinh nghiệm thực tế và chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn nông nghiệp hàng đầu thế giới, mô hình chăn nuôi heo kiểu nhà tầng hay còn gọi là "chung cư nuôi heo" do BAF triển khai đã chứng minh được hiệu quả kinh tế và lợi thế vượt trội so với phương thức chăn nuôi truyền thống. Về mặt tối ưu hóa tài nguyên, mô hình này giúp tăng diện tích sử dụng đất canh tác từ 5 đến 8 lần, giải quyết triệt để tình trạng khan hiếm quỹ đất chăn nuôi hiện nay của Việt Nam, đặc biệt phù hợp với những vùng có địa hình phức tạp. Đồng thời, nhờ áp dụng các giải pháp công nghệ thông minh và tự động hóa đồng bộ, nhu cầu lao động trực tiếp tại trang trại giảm từ 20% đến 30%. Các yếu tố môi trường chuồng nuôi như nhiệt độ, độ ẩm, chế độ dinh dưỡng định lượng cho từng cá thể và công tác theo dõi sức khỏe đàn vật nuôi đều được số hóa, kiểm soát chặt chẽ, từ đó nâng cao năng suất sinh sản, tối ưu hóa hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) và đồng đều chất lượng sản phẩm xuất chuồng. Khi các tổ hợp trang trại này được tích hợp trực tiếp với nhà máy thức ăn chăn nuôi nội bộ, chi phí hậu cần và logistics được giảm thiểu, tình trạng thất thoát thức ăn cũng được hạn chế tối đa, tạo ra lợi thế cạnh tranh trực tiếp về chi phí giá vốn cho doanh nghiệp và mang lại giá trị gia tăng cho người tiêu dùng cuối cùng. Bên cạnh hiệu quả kinh tế, thiết kế phân vùng nhiều tầng của hệ thống "chung cư nuôi heo" còn đảm bảo năng lực phòng ngừa dịch bệnh và quản lý an toàn sinh học tuyệt đối. Hệ thống chuồng nuôi được trang bị công nghệ lọc không khí bốn lớp hiện đại, lọc hiệu quả và bảo vệ đàn heo khỏi các chủng vi-rút nguy hiểm, bao gồm cả dịch tả lợn Châu Phi (ASF). Quy trình khử mùi và khử trùng thông minh đi kèm giúp đảm bảo luồng khí thải ra môi trường luôn sạch, không mang mầm bệnh và giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến hệ sinh thái xung quanh. Bằng cách kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động chăn nuôi với bảo vệ môi trường, BAF từng bước áp dụng phương pháp kinh tế tuần hoàn thông qua việc thu gom toàn bộ chất thải chăn nuôi bằng đường ống kín để sản xuất điện sinh học Biogas và phân bón hữu cơ, giải quyết triệt để các vấn đề lớn của ngành chăn nuôi truyền thống như ô nhiễm mùi hôi và nguồn nước thải. Bên cạnh hạ tầng công nghệ, BAF đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng tổng đàn thông qua chiến lược hợp tác dài hạn, nhập khẩu trực tiếp các dòng con giống thuần chủng từ các tập đoàn di truyền giống hàng đầu thế giới. Giải pháp này đảm bảo cho doanh nghiệp sở hữu nguồn gen ưu việt, tối ưu hóa năng suất sinh sản của heo nái, nâng cao tỷ lệ sống sót của heo con và cải thiện đáng kể hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR). Quy trình chăn nuôi khép kín tích hợp tiêu chuẩn an toàn sinh học nghiêm ngặt nhiều lớp giúp BAF chủ

động kiểm soát và triệt tiêu nguy cơ dịch bệnh trên diện rộng (đặc biệt là Dịch tả lợn Châu Phi), đảm bảo sản lượng và chất lượng đàn heo thương phẩm đồng đều khi xuất chuồng.

Hạ nguồn - Chế biến và Phân phối (FOOD): Là mắt xích cuối cùng hoàn thiện chuỗi giá trị tích hợp 3F, mảng FOOD đóng vai trò chuyển hóa toàn bộ thành quả sản xuất từ mảng FARM thành giá trị thương mại gia tăng cao trước khi tiếp cận người tiêu dùng cuối cùng. Heo thịt đạt trọng lượng xuất chuồng tiêu chuẩn được vận chuyển trực tiếp đến hệ thống các nhà máy giết mổ công nghiệp và chế biến hiện đại của BAF. Hiện nay, cơ cấu tiêu thụ sản phẩm của BAF được phân chia thành hai kênh chính là bán sỉ heo hơi qua hệ thống trung tâm trung chuyển để bàn giao cho thương lái nhằm kiểm soát an toàn sinh học triệt để (chiếm tỷ trọng chi phối 86% sản lượng) và bán lẻ thịt thành phẩm (chiếm 14% sản lượng) với danh mục đa dạng lên tới 41 SKUs tích hợp mã QR Code truy xuất nguồn gốc, bao gồm thịt mát, thịt sơ chế sẵn (RTC) và thực phẩm ăn liền (RTE). Để đưa các sản phẩm này đến tay người tiêu dùng, BAF đã phát triển mạng lưới phân phối đa kênh mạnh mẽ, từ kênh truyền thống (GT) thông qua chuỗi nhượng quyền GT Meatshop trang bị tủ mát tiêu chuẩn 0-4°C hướng tới mục tiêu 1.000 điểm bán, kênh phân phối nội bộ thuộc hệ sinh thái Tập đoàn Tân Long (gồm khoảng 32 siêu thị Siba Mart và khoảng 24 nhà hàng Cơm Ngon Siba và trang thương mại điện tử Ocoba Mart), cho đến việc phủ sóng tại hơn 200 siêu thị, minimart lớn của các đối tác bán lẻ uy tín ngoài hệ thống như AEON, WinMart, TOPS Market hay Mega Market. Nền tảng phân phối này được bảo trợ vững chắc bởi năng lực giết mổ và chế biến sâu hiện tại gồm 06 nhà máy giết mổ (công suất 440.000 con/năm, hiệu suất 36%), 01 nhà máy chế biến (công suất 4.500 tấn/năm, hiệu suất 80%) cùng 04 bếp ăn trung tâm (công suất 11 triệu suất ăn/năm, hiệu suất 70%); đồng thời, để hiện thực hóa mục tiêu nâng tỷ trọng mảng chế biến lên 50% bên cạnh 50% heo hơi trên quy mô 10 triệu heo thương phẩm vào năm 2030, BAF đang đẩy mạnh đầu tư xây dựng thêm 01 Tổ hợp chế biến và giết mổ khép kín quy mô lớn với công suất thiết kế giết mổ đạt 342.000 con/năm, chế biến 54.000 tấn/năm và bếp ăn trung tâm đạt 36 triệu suất ăn/năm.

Sự kết nối chặt chẽ giữa các mắt xích trong chuỗi cung ứng tổng thể từ nguyên liệu thô - nhà máy cám - trang trại chăn nuôi - nhà máy giết mổ đến kênh phân phối không chỉ giúp BAF triệt tiêu rủi ro trung gian, bảo vệ biên lợi nhuận, mà còn hiện thực hóa cam kết cung cấp giải pháp thực phẩm sạch, an toàn, góp phần "Nâng tầm chất lượng cuộc sống" cho người tiêu dùng Việt Nam.

Tính đến tháng 6 năm 2026, hệ thống trang trại chăn nuôi của BAF đã phát triển mạnh mẽ với danh mục bao gồm 54 trang trại nuôi heo thịt và heo giống (trong đó bao gồm 20 trang trại thuộc sở hữu của BAF/công ty con, 22 trang trại thuê ngoài đang vận hành và 12 trang trại chiến lược đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng). Mạng lưới hạ tầng này được phân bổ đồng bộ tại các tỉnh thành trọng điểm trên toàn quốc, tiêu biểu như: cụm trại Hải Đăng 1 & 2 (quy mô 5.000 heo nái cụ kỵ, ông bà và 60.000 heo thịt) tại Tây Ninh; các tổ hợp trại nái hậu bị tại Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận; trại nái ông bà tại Phú Yên; cùng hệ thống trang trại tại Quảng Ninh, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Gia Lai, Đồng Nai, Lâm Đồng...

BAF kiên định theo đuổi mô hình Smart Farm công nghiệp hiện đại 4.0, áp dụng các giải pháp tự động hóa tiên tiến nhập khẩu trực tiếp từ Châu Âu và Mỹ (như Big Dutchman, Skiold, GSI). Đặc biệt, từ việc triển khai các dự án chuẩn hóa, hệ thống trang trại của BAF (như chuỗi trại Hải Hà, Hải Đăng) đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt GLOBALG.A.P IFA và vận hành theo quy chuẩn Global Smart Livestock Practices (S.L.P). Đây là minh chứng cho cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn phát triển nông nghiệp bền vững, phúc lợi động vật và bảo vệ môi trường thông qua kinh tế tuần hoàn (ứng dụng hệ thống lưu trữ Biogas phát điện sạch). Việc chuyển đổi xanh này không chỉ tối ưu hóa năng lực phòng vệ dịch bệnh và chi phí vận hành nội bộ, mà còn mở ra cơ hội lớn trong việc thu hút các nguồn vốn xanh từ các định chế tài chính quốc tế, khẳng định vị thế tiên phong của BAF trong ngành Agribusiness.

Một số hình ảnh thịt heo BAF được phân phối và quảng bá.

Thành công từ việc áp dụng mô hình chăn nuôi hiện đại theo tiêu chuẩn khép kín 3F (Feed - Farm - Food) trong suốt những năm qua đã giúp BAF ghi nhận những bước phát triển mạnh mẽ khi vươn lên vị thế dẫn dắt thị trường heo hơi tại Việt Nam. BAF chủ động hoàn toàn nguồn thức ăn chăn nuôi sạch có nguồn gốc 100% từ thực vật, bảo đảm tối ưu hóa hàm lượng dinh dưỡng cho tổng đàn khi sở hữu hệ thống các nhà máy thức ăn chăn nuôi công suất thiết kế đồng bộ đạt 450.000 tấn/năm.

Song song với sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô vận hành, uy tín thương hiệu của BAF liên tục được khẳng định thông qua các giải thưởng lớn mang tầm quốc gia và chuyên ngành. Tại lễ trao giải Vietstock Awards, BAF đã xuất sắc được vinh danh là doanh nghiệp chăn nuôi tiêu biểu về công nghệ xử lý, quản lý chất thải chăn nuôi và doanh nghiệp tiêu biểu về chăn nuôi an toàn sinh học. Vietstock Awards là giải thưởng danh giá hàng đầu ngành chăn nuôi được tổ chức bởi Tập đoàn Informa Markets và chủ trì bởi Cục Chăn nuôi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhằm vinh danh các doanh nghiệp và tổ chức đã có những hoạt động nổi bật, đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi Việt Nam. Việc trở thành doanh nghiệp xuất sắc góp mặt ở hai hạng mục giải thưởng danh giá của ngành chăn nuôi, cùng với việc BAF đạt danh hiệu top 10 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao uy tín do Vietnam Report bình chọn đã chứng minh rõ nét tốc độ phát triển mạnh mẽ, vượt trội của BAF sau chặng đường thiết lập nền tảng.

Vị thế thương hiệu và năng lực của Công ty tiếp tục được khẳng định vững chắc khi BAF đạt top 5 công ty thực phẩm uy tín năm 2025. Theo kết quả công bố chính thức từ Vietnam Report, Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam vinh dự đạt vị trí thứ 3 trong bảng xếp hạng "Top 5 Công ty Thực phẩm uy tín năm 2025" thuộc nhóm ngành Thực phẩm tươi sống, đông lạnh. Giải thưởng này được xây dựng dựa trên các nguyên tắc khoa học và khách quan, trải qua quá trình định lượng khắt khe từ Hội đồng ban tổ chức để đánh giá, xếp hạng doanh nghiệp theo ba tiêu chí chính bao gồm năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính năm gần nhất, uy tín truyền thông được đánh giá bằng phương pháp Media Coding mã hóa các bài viết về công ty trên các kênh truyền thông có ảnh hưởng lớn, và kết quả khảo sát đối tượng nghiên cứu cùng các bên liên quan được thực hiện trong tháng 08/2025. Việc đạt thứ hạng cao trên bảng xếp hạng uy tín của Vietnam Report là vinh dự lớn của BAF sau chặng đường phát triển, là minh chứng rõ nét cho những nỗ lực bền bỉ của một tập thể gắn kết đã được các tổ chức chuyên môn và người tiêu dùng cuối cùng ghi nhận một cách tích cực.

Bảng 10. Các trang trại trực thuộc, đang thuê và đang đầu tư của Công ty tính đến hết ngày 30/06/2026.

STT	Thông tin trang trại	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Quy mô trang trại
TRANG TRẠI THUỘC SỞ HỮU CỦA BAF VÀ CÁC CÔNG TY CON				
1	Đắk Lắk 1	xã Ea Wer, tỉnh Đak Lắk	141.230,2	12.000 thịt

STT	Thông tin trang trại	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Quy mô trang trại
2	Phú Yên 1	xã Sông Hinh, Đắk Lắk	140.000,0	5.000 nái
3	Tây Ninh 1	xã Tân Biên, Tây Ninh	119.003,0	12.000 thịt
4	Tây Ninh 2	xã Tân Biên, Tây Ninh	108.727,0	2.500 nái
5	Trang trại Xanh 1	xã Phước Vinh, Tây Ninh	151.641,0	30.000 thịt
6	Đông An Khánh	xã Tân Thành, Tây Ninh	149.252,3	4.800 Nái
7	Bình Phước 1	xã Thuận Lợi, Đồng Nai	105.833,0	1.200 Nái
8	Bình Phước 2	xã Thuận Lợi, Đồng Nai	150.588,0	12.000 Thịt
9	Trang Trại Xanh 2	xã Thạnh Bình, Đồng Nai	102.608,0	27.500 Thịt
10	Nam An Khánh	xã Tân Hội, Tây Ninh	184.698,3	4.800 Nái
11	Bắc An Khánh	xã Tân Hòa, Tây Ninh	150.000,0	30.000 Thịt
12	Tân Châu	xã Tân Hòa, Tây Ninh	120.264,2	30.000 Thịt
13	Tâm Hưng	xã Tân Đông, Tây Ninh	149.450,4	5000 Nái
14	Hải Đăng 1	xã Tân Hòa, Tây Ninh	500.000,0	5.000 Nái
15	Hải Đăng 2	xã Tân Hòa, Tây Ninh		60.000 Thịt
16	Thanh Xuân	xã Thanh Quân, Thanh Hóa	79.382,0	2.400 Nái
17	Hòa Phát Bốn	xã Ia Lâu, Gia Lai	356.101,0	36.000 Thịt
18	TMC	xã Kông Chro, Gia Lai	166.054,0	3.600 Nái
19	Tây An Khánh	xã Tân Hội, Tây Ninh	284.278,0	60.000 Thịt
20	Phú Yên 2	Xã Đức Bình, Đắk Lắk	250.400,0	30.000 Thịt
TRANG TRẠI BAF ĐANG THUÊ VÀ SỬ DỤNG				
1	Bình Thuận 1	xã Trà Tân, Lâm Đồng	120.700,0	20.000 Thịt
2	Bình Thuận 2	xã Hàm Lâm, Lâm Đồng	123.820,0	2.400 Nái
3	Vũng Tàu 1	xã Hòa Hội, Tp. HCM	120.300,0	2.400 Nái
4	Bình Dương 2	xã Thường Tân, TP. HCM	170.000,0	14.400 Thịt

STT	Thông tin trang trại	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Quy mô trang trại
5	Bình Dương 3	xã Thường Tân, TP. HCM	150.000,0	13.000 Thịt
6	Thanh Hóa 1	xã Thạch Quảng, Thanh Hóa	105.611,0	2.400 Nái
7	Thanh Hóa 2	xã Giao An, Thanh Hóa	619.516,9	21.500 Thịt
8	Thanh Hóa 3			20.000 Thịt
9	Thanh Hóa 4	xã Linh Sơn, Thanh Hóa	607.127,6	1.200 Nái
10	Thanh Hóa 5	xã Giao An, Thanh Hóa	1.372.673,9	1.600 Nái
11	Thanh Hóa 6	xã Giao An, Thanh Hóa		23.000 Thịt
12	Thanh Hóa 7	xã Linh Sơn, Thanh Hóa	636.013,7	2400 Nái
13	Cư Jút 1	xã Đắk Wil, Lâm Đồng	399.888,2	48.000 Thịt
14	Cư Jút 2	xã Đắk Wil, Lâm Đồng	283.470,0	30.000 Thịt
15	Quyên Linh	xã Tân Lập, Tây Ninh	283.470,0	30.000 Thịt
16	Đình Ngọc	xã Xuân Đông, Đồng Nai	103.591,0	2.400 Nái
17	Hải Hà 1	xã Đường Hoa, Quảng Ninh	452.054,0	5.000 Nái
18	Hải Hà 2	xã Đường Hoa, Quảng Ninh	295.972,0	60.000 Thịt
19	Hưng Phú	xã Đắk Mil, Lâm Đồng	213.883,0	5.000 Nái
20	Minh Phú	xã Đắk Mil, Lâm Đồng	295.972,0	10.000 Nái
21	Trường Lộc	xã Ngọc Liên, Thanh Hóa	462.458,0	60.000 Thịt
22	Lộc Phú	xã Đắk Mil, Lâm Đồng	359.653,0	40.000 Thịt
CÁC TRANG TRẠI BAF ĐANG ĐẦU TƯ				
1	Cụm trại Giai Xuân (dự kiến 2 trang trại)	xã Giai Xuân, Nghệ An	491.085,0	5.000 Nái; 60.000 Thịt
2	Cụm trại Thành Đạt (dự kiến 2 trang trại)	xã Ayun, Gia Lai	658.197,0	5.000 Nái; 60.000 Thịt
3	Cụm trại Quảng Trị (dự kiến 5 trang trại)	xã Hướng Hiệp, Quảng Trị	1.686.778,0	7.200 Nái; 108.000 Thịt
4	Cụm trại Rừng Xanh (2	xã Ea H'Leo, Đắk Lắk	253,6 ha	28.000 Nái;

STT	Thông tin trang trại	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Quy mô trang trại
	trang trại)			320.000 Thịt
5	Khôi Dương	xã Đắk Wil, Lâm Đồng	317.851,0	36.000 Thịt

(Nguồn: BAF)

Quy trình hoạt động của các trang trại:

Hình 7. Quy trình hoạt động của trang trại chăn nuôi

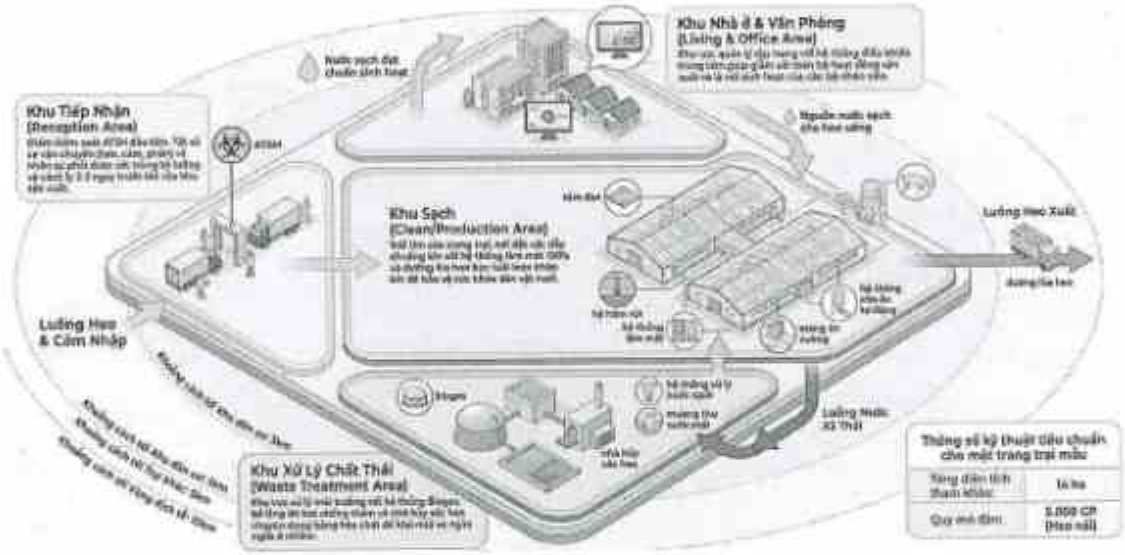

(Nguồn: BAF)

Một số hình ảnh của các trang trại của BAF:

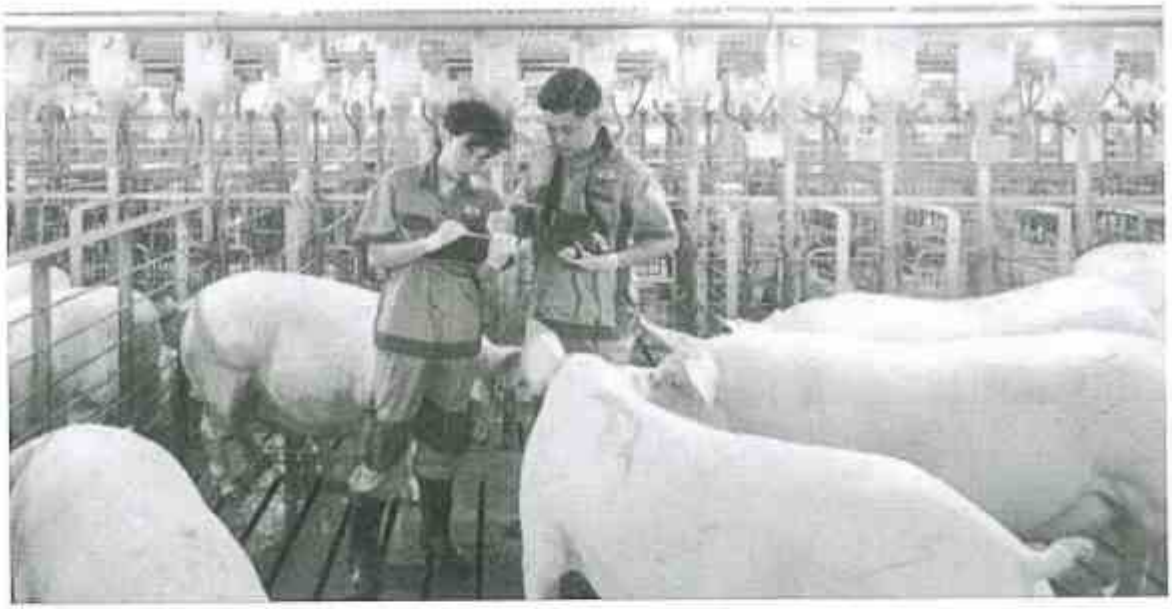

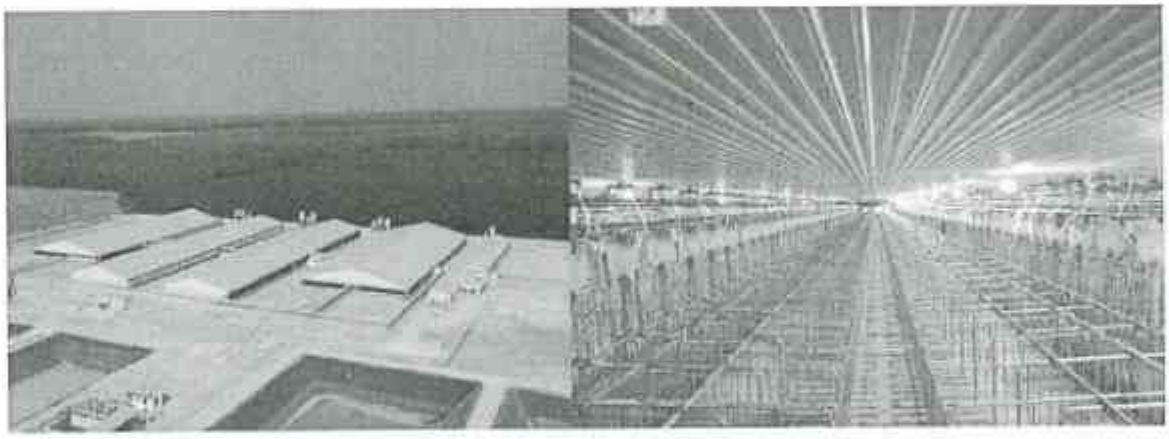

(Nguồn: BAF)

Trình độ công nghệ áp dụng trong lĩnh vực chăn nuôi heo giống và heo thương phẩm:

❖ **Mô hình chuẩn hóa của chuồng trại theo công nghệ mới:**

- Hệ thống chuồng trại: Thiết kế chuồng kín, tích hợp hệ thống làm mát kiểm soát nhiệt độ 100%.
- Hệ thống thoát chất thải: Xây dựng hầm rút chuyên dụng phục vụ hệ thống thoát phân và nước thải.
- Cấu trúc nhà xưởng: Sử dụng nhà tiền chế (nguồn nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước).
- Hệ thống cho ăn: Tự động hóa 100% kết hợp với hệ thống silo trung tâm, sử dụng thiết bị nhập khẩu.
- Thiết bị ô chuồng: Sử dụng vật liệu nhúng kẽm 100%, nguồn gốc nhập khẩu.
- Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý đạt cột A - QC 62 - BTNMT, đồng thời được xử lý chuyên sâu để tái sử dụng tuần hoàn với chất lượng nước đạt cột A - QC 02 - BYT. Xử lý và tái tuần hoàn lên tới 90% lượng nước thải sinh hoạt/chuồng trại.

❖ **Các công nghệ áp dụng:**

- Xây dựng cơ bản: Cấu trúc móng và hầm áp dụng công nghệ Mỹ/Châu Âu, do nhà thầu Việt Nam thi công.
- Nhà xưởng: Sử dụng nhà tiền chế nhập khẩu hoặc sản xuất tại Việt Nam.
- Hệ thống làm mát và cho ăn tự động: Áp dụng hoàn toàn công nghệ Mỹ/Châu Âu.
- Thiết bị ô chuồng:
  - Chuồng đẻ: Sử dụng công nghệ Mỹ/Châu Âu.
  - Các loại chuồng còn lại: Thiết bị nhúng kẽm 100% nhập khẩu hoặc sản xuất trong nước theo tiêu chuẩn Mỹ/Châu Âu.
- Hệ thống thoát phân và nước thải: Thiết kế theo công nghệ Mỹ/Châu Âu, nhà thầu Việt Nam thi công.
- Hệ thống xử lý nước và cấp nước: Sử dụng công nghệ trong nước, do nhà thầu Việt Nam thi công.

❖ **Ưu thế nổi bật của mô hình mới:**

Trong khi các trang trại tại Việt Nam đa phần đang vận hành theo mô hình cũ (quy mô phổ biến khoảng 2.400 nái), mô hình trang trại nuôi heo hiện đại 4.0 của BAF sở hữu những lợi thế vượt trội sau:

- Tối ưu hóa quy mô: Xây dựng tập trung theo Mô hình chuẩn 5.000 Nái / 30.000 Thịt.

- Công nghệ tiên tiến: Trang thiết bị hiện đại hàng đầu ngành chăn nuôi hiện nay, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của Mỹ và Châu Âu.
- An toàn sinh học tuyệt đối: Chuồng trại được trang bị công nghệ màng lọc không khí 4 lớp hiện đại, giúp lọc sạch bụi bẩn và ngăn chặn hiệu quả các mầm bệnh nguy hiểm xâm nhập (kể cả virus Dịch tả lợn Châu Phi - ASF).
- Tự động hóa vận hành: Quản lý toàn diện bằng công nghệ tự động hóa, giảm 40-50% nhu cầu nhân sự và hạn chế sự phụ thuộc vào yếu tố con người.
- Tiết kiệm tài nguyên đất: Chỉ cần quỹ đất từ 18-20 hecta để xây dựng tổ hợp trại 5.000 Nái / 30.000 Thịt (tương đương diện tích đất của một trang trại 2.500 Nái theo mô hình cũ). Diện tích sử dụng đất được tối ưu hóa ở mức cao nhất.
- Nâng cao năng suất và giảm chi phí thú y: Mô hình bố trí lõi chuồng trại tại trung tâm khu đất giúp tối ưu hóa khả năng cách ly dịch bệnh, tăng cường bảo vệ sức khỏe đàn heo, từ đó giảm đáng kể chi phí thuốc và vắc-xin điều trị.
- Hiệu quả từ hệ thống cho ăn tự động:
    - Giảm 50% chi phí nhân công trực tiếp.
    - Kiểm soát chất lượng cám tốt hơn, bảo đảm nguồn thức ăn luôn sạch sẽ, tránh hiện tượng hao hụt.
    - Tiết kiệm chi phí đóng bao và bao bì.
    - Dễ dàng theo dõi và kiểm soát hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR), giúp đánh giá chính xác thể trạng để đưa ra quy trình chăm sóc tối ưu.
    - Giúp heo ăn đều, vận hành êm ái, giảm thiểu tình trạng stress ở vật nuôi.
- Hiệu quả từ hệ thống làm mát: Đầu tư đồng bộ giúp duy trì nhiệt độ đồng đều, kích thích heo tăng trưởng nhanh. Hệ thống vận hành tối ưu giúp tiết kiệm điện năng tiêu thụ, giảm chi phí vận hành về lâu dài.
- Tối ưu hóa chi phí đầu tư ô chuồng: Việc kết hợp linh hoạt giữa thiết bị chuồng đẻ nhập khẩu nước ngoài và các hệ thống chuồng còn lại sản xuất trong nước (đạt chuẩn quốc tế) giúp tiết kiệm đáng kể chi phí so với việc nhập khẩu đồng bộ 100%.
- Rút ngắn tiến độ, tối ưu hóa dòng tiền: Công nghệ chuồng sàn khô hiện đại giúp giữ nhiệt độ phòng ổn định. Việc áp dụng nhà tiền chế giúp rút ngắn thời gian thi công, đưa heo vào chuồng sớm hơn để nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và tạo đòn bẩy bán hàng. Đồng thời, tiến độ nhanh giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh do kéo dài dự án (chi phí quản lý, nhân công hoạt động, chi phí vốn vay,...).

❖ **Các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường trong mô hình trang trại chuẩn của BAF:**

Hệ thống chuồng trại của BAF áp dụng phương pháp xử lý chất thải tối ưu, đáp ứng

nghiêm ngặt các quy chuẩn về an toàn vệ sinh môi trường thông qua các quy trình sau:

- Quy trình xử lý phân:
  - Phần chất thải lỏng/bùn phân: Được dẫn vào hệ thống Biogas để sản xuất khí gas, phục vụ cho lò đốt xác heo, hệ thống xử lý thú y và các hoạt động sinh hoạt nội khu của trang trại.
  - Phần phân khô: Heo được nuôi trên sàn khô, phân heo được dọn khô hàng ngày. Một phần được đưa vào hầm Biogas để lấy khí gas; phần còn lại được tách và xử lý bằng máy ép phân chuyên dụng để sản xuất phân bón hữu cơ cung cấp cho các doanh nghiệp trồng cây công nghiệp.
- Quy trình xử lý nước thải: Toàn bộ nước tiểu và nước rửa chuồng được thu gom triệt để về hầm chứa Biogas. Sau khi trải qua các hầm xử lý sinh học và hệ thống lọc tự động, nước thải đạt tiêu chuẩn quy định sẽ được tái sử dụng tuần hoàn cho chuồng trại (thậm chí có thể xử lý đạt tiêu chuẩn nước uống) hoặc xả thải ra môi trường tự nhiên xung quanh theo đúng các quy chuẩn pháp luật.
- Công tác vệ sinh và kiểm soát mùi định kỳ:
  - Sử dụng hệ thống bơm rửa chuồng hiện đại công suất cao để làm sạch chuồng trại hàng ngày.
  - Phun các chế phẩm vi sinh định kỳ hàng tuần tại khu vực chuồng trại để khử mùi và đẩy nhanh quá trình phân hủy chất hữu cơ dư thừa.
  - Thực hiện phun thuốc khử trùng định kỳ, kết hợp cắt cỏ, phát quang bụi rậm để triệt tiêu môi trường sinh trưởng của ruồi, muỗi và côn trùng gây bệnh.
- Xanh hóa cảnh quan: Quy hoạch trồng cây xanh xung quanh khuôn viên trang trại nhằm tạo bóng mát, cải thiện cảnh quan. Hệ thống cây xanh đóng vai trò điều hòa không khí (sinh O_2 và hấp thụ CO_2), đồng thời ưu tiên các giống cây có khả năng hấp thụ và xử lý mùi hôi cao để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Mô hình hoạt động của BAF được xây dựng dựa trên hệ thống chuỗi giá trị khép kín 3F (Feed - Farm - Food) theo triết lý "từ nông trại đến bàn ăn". Định hướng này đảm bảo quy mô công suất đồng bộ từ nguồn nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm đầu ra, đáp ứng trọn vẹn nhu cầu sản xuất nội bộ lẫn thị hiếu tiêu dùng của thị trường. Đặc biệt, lợi thế từ việc độc quyền nguồn heo giống chất lượng cao, kết hợp cùng hệ thống trang trại công nghệ 4.0 vận hành theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Châu Âu, đã tạo ra màng bọc bảo vệ tối ưu giúp BAF chủ động ngăn ngừa rủi ro lây lan dịch bệnh và giảm thiểu các tác động tiêu cực từ môi trường bên ngoài. Nhờ những nền tảng kỹ thuật và công nghệ cốt lõi này, hoạt động mảng chăn nuôi của BAF duy trì được sự ổn định quanh năm và hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

b) Lĩnh vực Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Trong chuỗi giá trị khép kín 3F, BAF đã xây dựng một chiến lược dinh dưỡng hoàn toàn khác biệt dựa trên lợi thế tự chủ nguồn nguyên liệu và sở hữu độc quyền bí quyết công thức "cám chay" cho toàn bộ hệ thống trang trại của mình.

Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi của BAF đều phải đảm bảo 6 tiêu chí:

- 100% nguyên liệu từ thực vật;
- Không có dư lượng kháng sinh;
- Không có chất kích thích tăng trọng;
- Làm cho vật nuôi khỏe mạnh;
- Giảm thiểu các tác động đến môi trường;
- Thịt thành phẩm tươi ngon vượt trội.

Hiện BAF có hai (02) nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tiêu chuẩn quốc tế FSSC 22000 & GLOBAL G.A.P:

- Nhà máy cám BAF Tây Ninh: Nhà máy hiện có công suất 200.000 tấn/năm, chuyên sản xuất cám và thức ăn chăn nuôi cho heo. Đây là nhà máy đầu tiên tại Việt Nam đạt cùng lúc 2 chứng nhận: Chứng nhận Thực hành Nông nghiệp tốt toàn cầu GLOBALG.A.P. CFM 3.0 và Chứng nhận Hệ thống Quản lý thực phẩm FSSC 22000 V5.1 bởi Bureau Veritas (BV) - tổ chức kiểm tra và chứng nhận lâu đời của Bỉ.
- Nhà máy cám BAF Nghệ An: Nhà máy có công suất 250.000 tấn/năm, chuyên sản xuất cám và thức ăn chăn nuôi cho heo, được áp dụng công nghệ và hệ thống quản trị vận hành hiện đại tại Việt Nam. Đây là nhà máy tiếp theo đạt chuẩn Global Gap CFM 3.0 và FSSC 22000 V5.2 vào tháng 9/2024.

Global GAP CFM 2.0 là một bộ tiêu chuẩn về thực hành nông nghiệp tốt được phát triển để áp dụng cho sản xuất nông nghiệp trên phạm vi toàn cầu, các Sản phẩm đạt tiêu chí đều thỏa mãn an toàn thực phẩm và dễ dàng tiêu thụ. Tiêu chuẩn FSSC 22000 V5.1 là tiêu chuẩn quốc tế cao cấp nhất về hệ thống an toàn thực phẩm được công nhận bởi GFSI - Sáng kiến an toàn thực phẩm toàn cầu, công nhận sự cải tiến liên tục về hiệu suất cũng như hệ thống an toàn thực phẩm và được công nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Đây là kết quả đáng tự hào khi BAF vượt qua 3 kỳ đánh giá, 229 tiêu chí khắt khe về hoạt động sản xuất và kinh doanh TACN (thức ăn chăn nuôi), 10 điều khoản ISO 22000 (quản lý an toàn thực phẩm) và 7 nguyên tắc HACCP (Hệ thống xác định, đánh giá và kiểm soát các mối nguy đáng kể đối với an toàn thực phẩm nhằm đảm bảo tính an toàn thực phẩm). Cho thấy sự đầu tư bài bản và chuyên nghiệp trong việc sản xuất TACN - mắt xích đầu tiên trong chuỗi 3F (FEED-FARM-FOOD) yếu tố quyết định sự phát triển của tổng đàn cũng như chất lượng thịt thành phẩm. Cùng với đội ngũ chuyên gia dinh dưỡng giỏi, cám được sản xuất từ nhà máy là "cám chay", không chứa các thành phần từ gốc đạm động vật (như bột xương thịt, bột huyết, bột lông vũ, bột cá, v.v.) không chứa chất tạo nạc, tạo màu, chất tăng trọng.

Công thức đặc biệt này được quy định chặt chẽ về chất lượng và áp dụng cho toàn bộ các sản phẩm cám của BAF từ cho Heo tập ăn, heo con, heo thịt trưởng thành đến heo Nái. Sự tối ưu về TACN đã giúp tiết kiệm đáng kể chi phí sản xuất, loại bỏ các rủi ro về vi sinh ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi, đảm bảo dinh dưỡng cho đàn heo và cho ra đời các sản phẩm thịt SẠCH chất lượng cao, mềm, thơm và đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Kết hợp với quy trình chăn nuôi hiện đại khép kín đang vận hành, có thể khẳng định nguồn thịt heo của BAF có thể xem là "Heo Ăn Chay" chính hiệu thật sự - một điểm hoàn toàn khác biệt của BAF trên thị trường chăn nuôi và phân phối thịt sạch hiện nay.

Với công suất hiện tại của cả 02 (hai) nhà máy thì tổng sản lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi hàng năm đã gần như đáp ứng đủ nhu cầu thức ăn cung cấp cho nội bộ trang trại heo BAF. Bên cạnh hệ thống các nhà máy đang vận hành ổn định, BAF hiện đang tập trung triển khai xây dựng Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi Bình Định (Nhà máy thứ 3 trong chuỗi sản xuất Feed). Dự án được đặt tại vị trí chiến lược thuộc KCN Nhơn Hòa, TX. An Nhơn, tỉnh Bình Định với tổng mức đầu tư lên tới 550 tỷ đồng và quy mô công suất thiết kế đạt 300.000 tấn/năm. Việc hoàn tất và đưa nhà máy này vào hoạt động sẽ giúp Công ty gia tăng đáng kể năng lực tự chủ nguồn cám dinh dưỡng, chủ động kiểm soát chi phí đầu vào và đáp ứng kịp thời tiến độ mở rộng quy mô tổng đàn theo đúng định hướng chiến lược.

Đến năm 2030, BAF dự kiến đưa vào hoạt động 11 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản lượng 1 năm đạt sản lượng 2,5 triệu tấn cám/năm, trong đó 1,5 triệu tấn sẽ phục vụ cho tiêu dùng nội bộ, còn lại 1,0 triệu tấn sẽ phục vụ cho các hoạt động gia công liên kết với người nông dân.

Quy trình sản xuất và trình độ công nghệ:

Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi của nhà máy là một quy trình khép kín, nguyên liệu được đưa vào đầu dây chuyền và sản phẩm sẽ đi ra ở cuối dây chuyền.

- Nguyên liệu thô: Nguyên liệu dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi gồm: sắn, ngô, dầu lạc, bột cá, các chất phụ gia khác, v.v.;
- Nhập kho: Nguyên liệu về nhà máy trước khi nhập kho phải được kiểm tra chất lượng nhằm loại bỏ các nguyên liệu không đạt chất lượng, giúp thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo;
- Chuẩn bị: Nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất phải qua khâu chuẩn bị nhằm kiểm tra chất lượng cũng như số lượng của từng loại nguyên liệu. Sau khi kiểm tra từng loại nguyên liệu sẽ được băng tải kéo lên và chứa vào các Xilo riêng;
- Nghiền: Sau đó, được đưa qua máy nghiền, tất cả sẽ được nghiền thành bột;
- Bin định lượng: Tại đây, nguyên liệu sẽ được cân theo một lượng nhất định cho từng loại thức ăn, với từng loại thức ăn mà nguyên liệu có tỉ lệ phối trộn khác nhau;
- Phối trộn: Bột nguyên liệu sẽ được đưa qua công đoạn trộn, tại đây, một lượng nhỏ vitamin và nguyên tố vi lượng được thêm vào nhằm tăng sinh trưởng cho vật nuôi. Bộ

phận này được kiểm soát vô cùng chặt chẽ và được vi tính hóa hoàn toàn. Tỉ lệ phối trộn theo công thức của từng sản phẩm đã được cài đặt trước, đảm bảo độ đồng đều của sản phẩm và rút ngắn thời gian sản xuất;

- Ép viên và làm nguội: Hệ thống ép viên 2 tầng điều chất, giúp nguyên liệu được làm chín hơn, giảm ảnh hưởng của độc tố và tăng vị ngon của thức ăn. Ngoài ra, hệ thống ép tạo viên thức ăn được tăng cường hệ thống làm chín nguyên liệu và thiết bị làm bằng thép không rỉ đảm bảo vệ sinh khi sản xuất;
- Sàng: Nguyên liệu được đưa qua công đoạn sàn để loại bỏ các tạp chất.

Ngoài ra còn có các bộ phận khác như đóng gói, các hệ thống kiểm soát và hệ thống vận chuyển nguyên liệu cũng được tự động hóa hoàn toàn. Phương pháp hoạt động của toàn bộ máy móc thiết bị là khả năng độc lập và liên kết của các bộ phận với nhau, được kiểm soát bởi hệ thống điều khiển trung tâm.

Tuy nhiên, hoạt động Sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty chịu ảnh hưởng của tính thời vụ do phải nhập khẩu một phần lớn nguyên liệu phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi. Việc phụ thuộc vào mùa vụ thu hoạch và chu kỳ cung ứng nông sản trong nước cũng như quốc tế khiến giá nguyên liệu đầu vào có thể biến động theo từng giai đoạn trong năm. Do đó, hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi của BAF vẫn mang yếu tố thời vụ nhất định, đặc biệt trong các thời điểm cao điểm nhập khẩu hoặc khi thị trường nguyên liệu có biến động mạnh.

Với công suất hiện tại của cả hai nhà máy thì tổng sản lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi hàng năm đã gần như đáp ứng đủ nhu cầu thức ăn cung cấp cho nội bộ trang trại heo BAF. Đến năm 2030, BAF dự kiến đưa vào hoạt động 11 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản lượng 1 năm đạt sản lượng 2,5 triệu tấn cám/năm, trong đó 1,5 triệu tấn sẽ phục vụ cho tiêu dùng nội bộ, còn lại 1 triệu tấn sẽ phục vụ cho các hoạt động gia công liên kết với người nông dân.

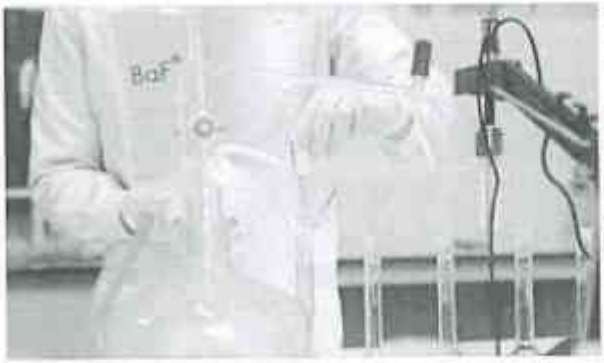

10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Lĩnh vực chăn nuôi

Tính thời vụ và chu kỳ tiêu dùng của thị trường tác động trực tiếp đến toàn bộ chuỗi giá trị chăn nuôi khép kín của BAF, đặt ra yêu cầu cao về năng lực điều tiết linh hoạt giữa quy trình chăn nuôi trang trại (Farm) và khâu phân phối thực phẩm sạch (Food).

- Chu kỳ biến động của sức mua: Theo quy luật tiêu dùng truyền thống của thị trường Việt Nam, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thịt heo thường đạt đỉnh điểm vào giai đoạn Quý IV và kéo dài đến Tết Nguyên Đán. Đây là thời kỳ cao điểm khi nhu cầu thực phẩm tươi sống của các hộ gia đình tăng vọt và các nhà máy chế biến sâu của BAF đẩy tối đa công suất phục vụ mùa lễ hội. Ngược lại, giai đoạn thấp điểm tiêu thụ thường rơi vào Quý III do ảnh hưởng của tháng Ngâu (tháng 7 Âm lịch) với xu hướng ăn chay lan rộng, kết hợp cùng thời tiết mưa bão gây cản trở các hoạt động ăn uống ngoài gia đình cũng như gây áp lực lớn lên hệ thống logistics vận chuyển thịt mát tươi sống.
- Chiến lược điều tiết tổng đàn: Để thích ứng với các biến động mang tính chu kỳ này, tiến độ nuôi và xuất chuồng tại hệ thống 45 trang trại của BAF phải được hoạch định khoa học. Hệ thống trang trại sẽ chủ động tăng mật độ nuôi dưỡng và thúc đẩy sản lượng xuất chuồng lớn để đón đầu các đợt cao điểm mua sắm, đồng thời chủ động giảm áp lực tổng đàn vào các thời kỳ thấp điểm nhằm tối ưu hóa chi phí vận hành và khấu hao cho toàn hệ thống.
- Kiểm soát rủi ro lệch pha cung - cầu: Bất kỳ sự mất cân đối nào giữa tiến độ tăng trưởng tự nhiên của đàn heo và sức mua thực tế của thị trường đều có thể làm tăng chi phí lưu trữ sản phẩm thịt mát hoặc buộc doanh nghiệp phải điều chỉnh giá bán ngắn hạn. Tuy nhiên, nhờ lợi thế vận hành theo mô hình chuỗi 3F khép kín kết hợp cùng việc đa dạng hóa kênh phân phối (phủ rộng từ chuỗi Meatshop nhượng quyền, các siêu thị mini Siba Mart, nhà hàng Cơm Ngon Siba cho đến hơn 200 siêu thị lớn bên ngoài), BAF đã hạn chế tối đa các cú sốc thừa cung - thiếu hụt mang tính thời vụ của thị trường tự do, đảm bảo dòng doanh thu của mảng chăn nuôi luôn đạt mức ổn định tối ưu qua các quý.

b) Lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi

Mặc dù vận hành khép kín, lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi (mảng Feed) của BAF vẫn chịu tác động gián tiếp từ tính chu kỳ và mùa vụ của ngành nông nghiệp trồng trọt toàn cầu do đặc thù sử dụng dòng sản phẩm **"Cám chay"** độc quyền.

- Tính mùa vụ của nguồn nông sản quốc tế: Công thức cám chay của BAF sử dụng 100% nguyên liệu từ thực vật cao cấp như ngô hạt, sắn, lúa mỳ và khô dầu đậu tương. Các loại nông sản này phần lớn phải thu mua và nhập khẩu từ các quốc gia nông nghiệp lớn trên thế giới (như Argentina, Brazil, Mỹ, Úc). Việc phụ thuộc vào các mùa vụ thu hoạch quốc tế và các biến động địa chính trị khiến nguồn cung ứng nguyên liệu thô đôi khi không liên tục và có độ trễ nhất định so với kế hoạch sản xuất trong nước, làm giá cả nguyên liệu đầu vào biến động liên tục qua các thời điểm trong năm.
- Giải pháp dự trữ chiến lược và liên kết hệ sinh thái: Để chủ động bảo vệ biên lợi nhuận trước áp lực mùa vụ quốc tế, BAF tận dụng triệt để năng lực lưu trữ lớn của hệ thống kho tàng để dự trữ nguyên liệu thô ở thời điểm chính vụ có mức giá tối ưu nhất. Bên cạnh đó, sự đồng hành của Tập đoàn mẹ Tân Long - đơn vị dẫn đầu thị trường về thương mại và nhập khẩu nông sản - giúp BAF luôn bảo đảm nguồn cung đầu vào ổn định liên tục về cả

lượng và chất, loại bỏ hoàn toàn rủi ro đứt gãy nguồn cung hay biến động giá nguyên liệu đột biến theo mùa vụ.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Chi tiết cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty theo từng hoạt động trong 2 năm 2024 - 2025 và quý 2/2026 như sau:

a) Cơ cấu doanh thu

Bảng 11. Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
Chỉ tiêu	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**
Doanh thu hoạt động kinh doanh nông sản	2.301.658,9	38,24%	0	0,00%	0	0,00%
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	3.705.002,9	61,56%	5.141.133,2	98,81%	3.532.920,0	98,94%
Doanh thu hoạt động bán cám	11.423,2	0,19%	61.105,9	1,17%	37.259,6	1,04%
Doanh thu khác	274,1	0,00%	1.003,1	0,02%	582,9	0,02%
Tổng cộng	**6.018.359,1**	**100%**	**5.203.242,2**	**100%**	**3.570.762,5**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 12. Cơ cấu doanh thu của BAF theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
Chỉ tiêu	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**
Doanh thu hoạt động kinh doanh nông sản	2.301.658,9	40,80%	0	0,00%	0	0,00%
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	3.328.279,6	59,00%	5.031.717,1	99,80%	3.877.613,3	99,32%
Doanh thu hoạt động bán cám	10.852,5	0,19%	9.813,5	0,19%	22.015,4	0,56%
Doanh thu khác	240,1	0,00%	526,4	0,01%	4.793,5	0,12%
Tổng cộng	**5.641.031,1**	**100%**	**5.042.057,0**	**100%**	**3.904.422,1**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Từ năm 2025, Công ty tập trung nguồn lực phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín và chấm dứt mảng kinh doanh nông sản nhằm tối ưu hóa biên lợi nhuận và hạn chế rủi ro biến động giá hàng hóa.

b) Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Lợi nhuận gộp	644.631,8	167.176,0	349.951,3

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 14. Cơ cấu lợi nhuận gộp BAF theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Lợi nhuận gộp	716.277,2	681.851,5	802.456,3

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

c) Cơ cấu chi phí

Bảng 15. Cơ cấu chi phí Công ty mẹ

	31/12/2024		31/12/2025			30/06/2026	
Chỉ tiêu	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng/giảm so với năm 2024	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.373.382,0	93,38%	5.031.860,4	88,45%	-6,36%	3.205.095,2	87,85%
Chi phí tài chính	178.228,2	3,10%	265.540,8	4,67%	48,99%	215.172,4	5,90%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*178.228,2*	*3,10%*	*256.548,0*	*4,51%*	*43,94%*	*214.944,5*	*5,89%*
Chi phí bán hàng	88.595,7	1,54%	169.405,1	2,98%	91,21%	79.095,9	2,17%

	31/12/2024		31/12/2025			30/06/2026	
Chỉ tiêu	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Tăng/giảm so với năm 2024**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**
Chi phí quản lý doanh nghiệp	110.675,8	1,92%	217.763,1	3,83%	96,76%	131.511,8	3,60%
Chi phí khác	3.195,5	0,06%	4.545,3	0,08%	42,24%	17.659,0	0,48%
Tổng cộng	**5.754.077,2**	**100%**	**5.689.114,7**	**100%**	**-1,13%**	**3.648.534,3**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 16. Cơ cấu chi phí của BAF theo BCTC hợp nhất

	31/12/2024		31/12/2025			30/06/2026	
Chỉ tiêu	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Tăng/giảm so với năm 2024**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	4.924.408,6	91,76%	4.355.999,8	87,56%	-11,54%	3.086.249,9	86,33%
Chi phí tài chính	222.236,8	4,14%	290.569,8	5,84%	30,75%	255.725,8	7,15%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*200.749,5*	*3,74%*	*257.832,4*	*5,18%*	*28,43%*	*234.159,3*	*6,55%*
Chi phí bán hàng	76.630,2	1,43%	85.114,0	1,71%	11,07%	60.474,8	1,69%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	137.280,7	2,56%	241.046,2	4,85%	75,59%	154.193,3	4,31%
Chi phí khác	6.323,1	0,12%	2.265,1	0,05%	-64,18%	18.235,0	0,51%
Tổng cộng	**5.366.879,4**	**100%**	**4.974.994,9**	**100%**	**-7,30%**	**3.574.878,8**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

10.2. Tài sản

Bảng 17. Biến động tài sản Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2025		30/06/2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**404.109,7 (*)**	**294.615,8 (*)**	**467.546,9**	**333.989,7**
Nhà cửa và vật kiến trúc	184.879,8 (*)	115.310,0 (*)	196.458,0	116.848,7
Máy móc, thiết bị	171.071,1 (*)	141.583,8 (*)	216.485,7	175.969,3
Phương tiện vận tải	19.698,2 (*)	15.362,8 (*)	21.844,9	16.372,8
Thiết bị văn phòng	28.460,6 (*)	22.359,2 (*)	32.758,3	24.798,9
Tài sản cố định thuê tài chính	**14.086,4**	**11.724,7**	**14.086,4**	**10.984,9**
Máy móc thiết bị	14.086,4	11.724,7	14.086,4	10.984,9
Tài sản cố định vô hình	**17.621,2**	**15.754,1**	**19.051,0**	**16.013,5**
Phần mềm máy tính	17.621,2	15.754,1	19.051,0	16.013,5
Tài sản sinh học ngắn hạn	**1.549.126,2 (*)**	**1.549.126,2 (*)**	**1.653.466,6**	**1.653.466,6**
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	1.549.126,2 (*)	1.549.126,2 (*)	1.653.466,6	1.653.466,6
Tài sản sinh học dài hạn	**588.885,1 (*)**	**448.410,0 (*)**	**652.509,4**	**482.465,2**
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	588.885,1 (*)	448.410,0 (*)	652.509,4	482.465,2

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu đã được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

Bảng 18. Biến động tài sản của BAF theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2025		30/06/2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	**3.906.658,8 (*)**	**3.250.410,1 (*)**	**4.471.632,9**	**3.667.733,3**
Nhà cửa và vật kiến trúc	2.850.280,6 (*)	2.390.934,4 (*)	3.112.622,5	2.563.099,1
Máy móc, thiết bị	909.018,2 (*)	752.572,5 (*)	1.181.117,0	976.537,8
Phương tiện vận tải	93.468,7 (*)	63.567,2 (*)	114.340,5	78.622,3

	31/12/2025		30/06/2026	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Thiết bị văn phòng	53.891,4 (*)	43.336,0 (*)	63.552,9	49.474,1
Tài sản cố định thuê tài chính	**133.825,6**	**126.863,2**	**247.489,1**	**229.984,3**
Máy móc, thiết bị	19.505,3	16.510,4	19.505,3	15.501,9
Phương tiện vận tải	114.320,3	110.352,8	227.983,8	214.482,3
Tài sản cố định vô hình	**27.992,2**	**19.136,7**	**30.069,8**	**19.473,3**
Phần mềm máy tính	27.992,2	19.136,7	30.069,8	19.473,3
Tài sản sinh học ngắn hạn	**2.391.854,0 (*)**	**2.391.854,0 (*)**	**2.656.272,0**	**2.656.272,0**
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	2.391.854,0 (*)	2.391.854,0 (*)	2.656.272,0	2.656.272,0
Tài sản sinh học dài hạn	**1.008.732,1 (*)**	**698.483,3 (*)**	**1.108.648,5**	**743.292,5**
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	1.008.732,1 (*)	698.483,3 (*)	1.108.648,5	743.292,5

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu đã được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

10.3. Thị trường hoạt động

Với định hướng trở thành một trong những tập đoàn nông nghiệp công nghệ cao hàng đầu Việt Nam, BAF Việt Nam đã thiết lập bản đồ thị trường hoạt động trải dài khắp cả ba miền Bắc - Trung - Nam, tập trung tối đa nguồn lực vào các khu vực địa lý trọng điểm có quỹ đất lớn, biệt lập và giao thông thuận tiện để tối ưu hóa chi phí logistics lẫn kiểm soát an toàn sinh học.

- Vùng nguyên liệu và sản xuất thức ăn chăn nuôi (FEED): Hệ thống 03 nhà máy cám của BAF được phân bổ chiến lược tại các vùng nông nghiệp trọng điểm miền Trung và miền Nam. Điều này giúp BAF tiếp cận trực tiếp nguồn nguyên liệu nông sản thô nội địa và tối ưu cước vận chuyển đường biển khi nhập khẩu qua các cảng lớn, phục vụ kịp thời dòng "cám chay" cho toàn bộ hệ thống trang trại vệ tinh xung quanh.
- Vùng chăn nuôi công nghiệp (FARM): Đây là khu vực cốt lõi được định vị rõ ràng theo từng cụm trang trại công nghệ cao:

+ Khu vực miền Bắc & Bắc Trung Bộ: Tập trung mạnh tại các tỉnh Thanh, Quảng Ninh nhằm đón đầu nhu cầu tiêu thụ thịt heo khổng lồ của thị trường Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng.

+ Khu vực miền Trung & Tây Nguyên: Trọng điểm đầu tư tại Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Phú Yên và Quảng Trị. Đây là khu vực có điều kiện khí hậu lý tưởng, mật độ dân cư thưa thớt, tạo hành lang an toàn sinh học tự nhiên hoàn hảo để BAF phát triển các tổ hợp siêu trang trại lên tới hàng chục nghìn heo thịt và heo nái.

+ Khu vực miền Nam: Tây Ninh được xác định là trọng tâm với siêu dự án cao tầng quy mô lớn kết hợp cùng chuỗi trang trại hiện hữu, đóng vai trò cung cấp nguồn heo thịt ổn định, chất lượng cao để cung ứng trực tiếp cho thị trường tiêu thụ trọng điểm lớn nhất cả nước là TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ.

- Thị trường tiêu thụ thực phẩm (FOOD): BAF đang vận hành chiến lược "đa kênh, đa điểm chạm". Heo hơi sỉ được phân phối rộng khắp qua hệ thống các Trung tâm trung chuyển (Sale Center) tại các đầu mối giao thương lớn. Ở mảng thịt thương hiệu tươi sạch, BAF tận dụng triệt để mạng lưới siêu thị mini Siba Mart, chuỗi nhượng quyền GT Meatshop phủ sâu vào các khu dân cư, chợ truyền thống tại các đô thị lớn, cùng sự liên kết chặt chẽ với hơn 200 siêu thị lớn ngoài hệ thống (như AEON, WinMart, TOPS Market, Mega Market). Bản đồ phân phối này giúp BAF chuyển hóa nhanh chóng sản phẩm từ trang trại trực tiếp đến bàn ăn của hàng triệu gia đình Việt, hoàn thiện chuỗi khép kín 3F vững chắc trên quy mô toàn quốc.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

a) Tình hình đầu tư:

Năm 2025, Công ty tiếp tục khẳng định mạnh mẽ cam kết phát triển dài hạn thông qua việc đồng loạt khởi công các dự án trọng điểm:

– Nhà máy Thức ăn chăn nuôi thứ 3 tại Bình Định: tổng vốn đầu tư 550 tỷ đồng, nhằm chủ động nguồn nguyên liệu, kiểm soát chất lượng thức ăn và tối ưu hóa chi phí sản xuất - yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá vốn chăn nuôi.

– Dự án Thành Đạt - Gia Lai: quy mô 5.000 heo nái và 60.000 heo thịt, mở rộng vùng chăn nuôi trọng điểm tại Tây Nguyên - khu vực có lợi thế lớn về quỹ đất, khí hậu và điều kiện phát triển chăn nuôi quy mô lớn.

– Tổ hợp chăn nuôi công nghệ cao Gia Hân: được xác định là tổ hợp chăn nuôi có quy mô lớn nhất Việt Nam tính đến thời điểm khởi công, khẳng định vị thế dẫn đầu của BAF trong làn sóng hiện đại hóa ngành chăn nuôi.

– Siêu dự án nhà cao tầng công nghệ cao tại Tây Ninh: triển khai theo hợp tác chiến lược với Muyuan, tổng vốn đầu tư 12.000 tỷ đồng, với doanh thu dự kiến hàng năm khoảng

10.000 tỷ đồng. - áp dụng mô hình chăn nuôi thẳng đứng mật độ cao, tự động hóa toàn diện theo chuẩn quốc tế, tối ưu hóa sử dụng đất và nâng cao hiệu suất sản xuất. Dự án dự kiến sẽ cung cấp 64.000 heo nái và sản xuất 1,6 triệu heo thịt mỗi năm. Nhà máy thức ăn chăn nuôi sẽ có công suất khoảng 600.000 tấn/năm.

Đây là năm BAF đầu tư mạnh mẽ nhất từ trước đến nay, với tổng tài sản tăng 44% lên gần 10.780 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định tăng 44%. Dù các khoản đầu tư này ảnh hưởng ngắn hạn đến lợi nhuận ròng, đây chính là nền tảng vật chất thiết yếu để BAF bước vào giai đoạn thu hoạch lợi nhuận quy mô lớn từ năm 2026 trở đi.

b) Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (BAF) đã đối mặt với bối cảnh ngành chăn nuôi heo đầy thách thức, dẫn đến kết quả lợi nhuận giảm so với năm trước nhưng vẫn duy trì mức dương, khẳng định khả năng chống chịu và quản trị tài chính vững vàng.

Về cơ cấu doanh thu thuần năm 2025, BAF ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng khi doanh thu hoạt động chăn nuôi tăng 51,2% so với cùng kỳ. Điểm ấn tượng là tỷ trọng doanh thu hoạt động chăn nuôi trong cơ cấu doanh thu thuần trong năm 2025 ghi nhận là 99,79%, so với năm 2024 chỉ chiếm 59%. BAF hầu như không ghi nhận doanh thu bán nông sản trong năm 2025, trong khi đó so với cùng kỳ thì giá trị của bán nông sản là hơn 2.300 tỷ đồng. Dù cắt giảm mảng phụ, BAF vẫn duy trì đà tăng trưởng ấn tượng. Kết quả này không chỉ chứng minh sự đúng đắn trong việc tái cơ cấu danh mục kinh doanh mà còn khẳng định thế mạnh vượt trội của BAF trong chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm ra thị trường.

Về cơ cấu lợi nhuận gộp, BAF ghi nhận sự cải thiện tương đối ở một số quý nhờ kiểm soát giá vốn hàng bán hiệu quả, dù tổng thể ngành chịu áp lực từ chi phí đầu vào tăng cao. Cụ thể, nhờ tối ưu hóa vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình, BAF ghi nhận mức lợi nhuận biên cao nhất trong nhiều năm hoạt động là 13,44% trong năm 2025, minh chứng cho khả năng tạo giá trị vượt trội trên mỗi đồng doanh thu. Phản ánh sự cộng hưởng từ mô hình kinh doanh ổn định và năng lực kiểm soát chi phí hiệu quả. Đối với các nhà đầu tư, chỉ số này không chỉ khẳng định năng lực sinh lời bền vững mà còn là thước đo tin cậy để đánh giá lợi thế cạnh tranh của BAF so với các đối thủ cùng ngành.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

10.5. Các hợp đồng lớn

a) Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và và đang thực hiện:

Bảng 19. Danh sách các hợp đồng

TT	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỉ đồng)	Mối quan hệ với Công ty	Tiến độ thực hiện	Điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
1	01/2025/HĐNT/HD-BAF	Nội bộ	Heo/hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
2	01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF	Nội bộ	Cám, và hàng hoá khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
3	01/2025/HĐNT/BAFNA-BAF	Nội bộ	Cám, và hàng hoá khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Chi nhánh của BAF	Đang thực hiện	Không
4	01/2025/HĐNT/BAK-BAF	Nội bộ	Heo/ hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
5	01/2026/HĐNT/BAFBD-BAF	Nội bộ	Mua cám, hàng hóa khác	01/03/2026	01/03/2026	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
6	01/2025/HĐNT/TC-BAF	Nội bộ	Mua cám, heo và hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
7	01/2025/HĐNT/TTX2-BAF	Nội bộ	Heo/hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
8	01/2025/HĐNT/MT-BAF	Nội bộ	Mua cám, heo và hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
9	01/2026/HĐNT/VS-BAF	Nội bộ	Thuốc, vật tư, sản phẩm vi sinh và hàng hóa khác	01/01/2026	01/01/2026	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
10	010225LOG-BAF	Nội bộ	Vận chuyển hàng hóa	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không

11	01/2025/HĐNT/AVPY-BAF	Nội bộ	Heo/ hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
12	01/2025/HĐNT/TX-BAF	Nội bộ	Mua cám, heo và hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
13	01/2025/HĐNT/DAK-BAF	Nội bộ	Mua cám, heo và hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
14	01/2025/HĐNT/TH-BAF	Nội bộ	Mua cám, heo và hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không
15	01/2025/HĐNT/NAK-BAF	Nội bộ	Mua cám, heo và hàng hóa khác	01/01/2025	01/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty con	Đang thực hiện	Không

(Nguồn: BAF)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

a) Khách hàng lớn

Bảng 20. Danh sách Khách hàng lớn

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu bán hàng (%) (*)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (**)
I. Năm 2024						
1	NGUYỄN THẾ PHIỆT	853.513.191.000	8%	2024	Heo	Không
2	PHÙNG NHẬT SƠN	423.119.542.250	4%	2024	Heo	Không
3	TRẦN XUÂN NAM	621.542.139.880	6%	2024	Heo	Không
4	CÔNG TY CP KINH DOANH NÔNG SẢN PHÚ TÂM	601.330.846.900	6%	Tháng 01 – Tháng 10/2024	Nông Sản	Không
5	CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP BẢO LÂM	570.461.509.800	6%	Tháng 01 – Tháng 07/2024	Nông Sản	Không

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu bán hàng (%) (*)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (**)
II. Năm 2025						
1	PHAN TIẾN DŨNG	1.164.838.230.816	12%	2025	Heo	Không
2	NGUYỄN THẾ PHIỆT	784.266.589.019	8%	2025	Heo	Không
3	TRẦN VĂN NAM	477.463.663.020	5%	2025	Heo	Không
4	NGUYỄN THẾ ĐỨC	470.913.321.471	5%	2025	Heo	Không
5	TRẦN THỊ TRÀ MY	384.517.575.500	4%	2025	Heo	Không
III. 6 tháng đầu năm 2026						
1	PHẠM VĂN TUẤN	537.989.977.500	15%	Tháng 01 – Tháng 06/2026	Heo	Không
2	NGUYỄN THẾ ĐỨC	404.833.120.567	12%	Tháng 01 – Tháng 06/2026	Heo	Không
3	HKD TRẦN THỊ TRÀ MY	290.840.036.000	8%	Tháng 01 – Tháng 06/2026	Heo	Không
4	NGUYỄN THẾ PHIỆT	193.589.471.460	6%	Tháng 01 – Tháng 06/2026	Heo	Không
5	CÔNG TY CP DT VÀ PT EALAM	176.873.568.995	5%	Tháng 05 – Tháng 06/2026	Heo	Không

(Nguồn: BAF)

(*) Căn cứ vào (Giá trị bán hàng với từng khách hàng trong kỳ/Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ) x 100%

(**) Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Do đặc thù kênh phân phối heo thương phẩm của Công ty hiện nay chủ yếu thông qua các thương lái/đầu mối thu mua, nên phần lớn khách hàng lớn của BAF hiện nay đều là các cá nhân.

b) Nhà cung cấp lớn

Bảng 21. Danh sách nhà cung cấp lớn

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu bán hàng (%) (*)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (**)
I. Năm 2024						
1	CÔNG TY TNHH THỨC ĂN CHĂN NUÔI BAF TÂY NINH	928.793.251.144	12%	2024	Cám, và hàng hoá khác	Công ty con
2	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM TẠI NGHỆ AN	656.221.664.180	9%	2024	Cám, và hàng hoá khác	Chi nhánh của BAF
3	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BẢO LỘC	648.855.022.050	8%	2024	Nông sản	Nhà cung cấp ngoài
4	CÔNG TY CỔ PHẦN GẠO VÌ DÂN	556.525.506.140	7%	2024	Nông sản	Nhà cung cấp ngoài
5	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẮC AN KHÁNH	446.970.291.808	6%	2024	Heo/hàng hoá khác	Công ty con
6	CÔNG TY CỔ PHẦN CBOT VIỆT NAM	1.053.116.378.100	13%	2024	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp ngoài
II. Năm 2025						
1	CÔNG TY TNHH THỨC ĂN CHĂN NUÔI BAF TÂY NINH	1.061.003.905.960	17%	2025	Cám, và hàng hoá khác	Công ty con
2	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM TẠI NGHỆ AN	731.597.772.900	12%	2025	Cám, và hàng hoá khác	Chi nhánh của BAF
3	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO HẢI ĐĂNG TÂY NINH	728.435.396.155	11%	2025	Heo/hàng hoá khác	Công ty con
4	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP TÂN CHÂU	366.948.966.946	6%	2025	Heo/hàng hoá khác	Công ty con
5	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẮC AN KHÁNH	330.444.180.456	5%	2025	Heo/hàng hoá khác	Công ty con

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch (đồng)	Giá trị giao dịch/Doanh thu bán hàng (%) (*)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (**)
6	CÔNG TY CỔ PHẦN CBOT VIỆT NAM	1.059.657.134.000	17%	2025	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp ngoài
III. 6 tháng đầu năm 2026						
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CÔNG NGHỆ CAO HẢI ĐĂNG TÂY NINH	612.480.877.894	15%	2026	Heo/hàng hoá khác	Công ty con
2	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA	265.696.982.657	6%	2026	Lắp đặt máy móc và thiết bị	Nhà cung cấp cùng tập đoàn
3	CÔNG TY TNHH THỨC ĂN CHĂN NUÔI BAF TÂY NINH	587.820.847.703	14%	2026	Cám, và hàng hoá khác	Công ty con
4	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẮC AN KHÁNH	204.845.446.331	5%	2026	Heo/hàng hoá khác	Công ty con
5	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM TẠI NGHỆ AN	489.290.401.300	12%	2026	Cám, và hàng hoá khác	Chi nhánh của BAF
6	CÔNG TY CỔ PHẦN CBOT VIỆT NAM	935.553.054.500	23%	2026	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp ngoài

(Nguồn: BAF)

(*) Căn cứ vào (Giá trị mua hàng với từng nhà cung cấp trong kỳ/Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ) x 100%

(**) Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của BAF so với các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2017. Sau gần 10 năm trưởng thành và phát triển, Công ty đã đạt được những thành tựu vông cùng ấn tượng và dần khẳn định vị thế của mình trên thị trường.

BAF theo đuổi và vận hành rất thành công mô hình chuỗi giá trị khép kín 3F (Feed - Farm - Food), cho phép doanh nghiệp làm chủ toàn diện từ khâu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kỹ thuật trang trại đến chế biến và phân phối thịt sạch. Dù xuất phát điểm là một "tân binh" nếu đặt lên bàn cân với những "lão làng" như Dabaco hay hệ sinh thái của Masan MEATLife, BAF đang nổi lên như một thế lực mới đầy thách thức nhờ tốc độ mở rộng quỹ đất trang trại thần tốc và sự tối ưu hóa chi phí sản xuất vượt trội. Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đang vận hành 42 trang trại trong đó có 25 trang trại heo ăn chay đạt tiêu chuẩn toàn cầu, quy mô đạt 900.000 con heo trong đó quy mô đàn nái đạt 73.000 con, sản lượng heo bán ra đạt 532.000 con (tăng trưởng 163% so với cùng kỳ năm 2026).

Với thế mạnh là doanh nghiệp chuyên kinh doanh nông sản, ngành chăn nuôi của BAF được hỗ trợ bởi nguồn nguyên liệu được Công ty lấy trực tiếp từ các nhà cung cấp lớn trong nước. Sản phẩm thức ăn đạt tiêu chuẩn sạch, an toàn, đầy đủ hàm lượng dinh dưỡng, đáp ứng từng giai đoạn tăng trưởng và không chứa chất cấm theo quy định của Cục Chăn nuôi. Thức ăn sản xuất được trực tiếp cung cấp cho toàn hệ thống trang trại chăn nuôi của BAF trên phạm vi cả nước. Đây là điều kiện cơ bản nhằm hạ giá thành chăn nuôi, đảm bảo nguồn thức ăn được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng.

Công ty dần khẳng định vị thế của mình trên thị trường, điều này được minh chứng bằng các giải thưởng lớn trong năm 2025 như: TOP 5 Doanh nghiệp uy tín ngành Thực phẩm - Đồ uống, TOP 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2025. Nhằm củng cố vị thế dẫn đầu trong tiến trình chuyển đổi số ngành nông nghiệp, BAF liên tục bắt tay với các đối tác hàng đầu thế giới (tiêu biểu như tập đoàn Muyuan) để tiếp nhận công nghệ chăn nuôi thông minh. Vị thế của BAF hiện nay không chỉ là nhà cung cấp thịt sạch thông thường mà còn là một hình mẫu nông nghiệp công nghệ cao đang trỗi dậy mạnh mẽ, sẵn sàng cạnh tranh thị phần thịt thương hiệu và vẽ lại bản đồ ngành chăn nuôi tỷ đô tại Việt Nam.

Bảng 22. So sánh chỉ tiêu của BAF với các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Mã	Tên công ty	Tổng tài sản	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	LNST
1	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	10.780,0	3.040,2	5.037,8	127,1
2	MML	Masan MEATLife	11.368,0	3.403,1	9.230,1	618,9

STT	Mã	Tên công ty	Tổng tài sản	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	LNST
3	DBC	Tập đoàn Dabaco Việt Nam	15.976,7	3.848,6	14.897,6	1.506,7
4	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	26.381,6	12.674,7	7.432,3	2.240,2
5	VSN	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản	1.848.467,3	809.051	2.921,6	82

(Nguồn: BCTC hợp nhất 2025 đã kiểm toán của các Công ty)

10.7.2. Triển vọng phát triển ngành

Bước sang giai đoạn 2026-2030, ngành chăn nuôi heo Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột của nền nông nghiệp quốc gia với quy mô thị trường ước tính vượt mốc 30 tỷ USD, đóng góp từ 27% - 28% vào cơ cấu GDP toàn ngành nông nghiệp. Thịt heo duy trì tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiêu thụ protein động vật của người Việt khi chiếm tới 63,68% tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi. Theo dữ liệu từ Bộ Công Thương, Việt Nam hiện xếp thứ 4 thế giới và dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về tiêu thụ thịt heo với mức bình quân đạt gần 39 kg/người/năm. Dự báo cho năm 2026, sản lượng thịt heo trong nước sẽ tiếp tục tăng trưởng khoảng 3%, đạt xấp xỉ 4 triệu tấn nhờ sức mua nội địa duy trì ở mức cao và xu hướng phục hồi của nền kinh tế vĩ mô.

Tuy nhiên, thị trường đang bước vào một chu kỳ thanh lọc khốc liệt và tái cấu trúc mạnh mẽ khi Luật Chăn nuôi mới chính thức siết chặt các tiêu chuẩn về an toàn sinh học và kiểm soát môi trường. Mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ, nông hộ truyền thống đang nhanh chóng bị thu hẹp do không chống chịu được rủi ro dịch bệnh (đặc biệt là Dịch tả lợn Châu Phi - ASF) và biến động bất lợi của chi phí nguyên liệu đầu vào. Thay vào đó là sự lên ngôi tất yếu của các tập đoàn chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao, tự chủ được con giống chất lượng và quy trình chăn nuôi khép kín, đảm bảo an toàn sinh học nghiêm ngặt. Đồng thời, xu hướng "xanh hóa" ngành nông nghiệp theo tiêu chuẩn ESG và giảm thiểu phát thải đang trở thành tiêu chí bắt buộc để các doanh nghiệp lớn chiếm lĩnh thị phần nội địa.

CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam đã thiết lập được hệ thống trang trại chuẩn hóa. Tính đến cuối năm 2025, BAF vận hành hệ thống 42 trang trại công nghệ cao với tổng quy mô đàn lên đến gần 900.000 con giống và heo thương phẩm. Doanh nghiệp khẳng định uy tín khi sở hữu 25 trang trại heo "Ăn Chay" đạt chứng nhận quốc tế danh giá Global S.L.P (Thực hành chăn nuôi thông minh toàn cầu) do tổ chức kiểm định Bureau Veritas cấp. Đặc biệt, chiến lược hợp tác toàn diện với Muyuan - Tập đoàn chăn nuôi số 1 thế giới để triển khai mô hình "chung cư nuôi heo" thông minh tích hợp AI giúp BAF tối ưu chi phí, nâng cao năng suất sinh học và kiểm soát dịch bệnh. Đây chính là bệ phóng vững chắc để BAF hiện thực hóa mục tiêu chiến lược mở rộng mạng lưới trang trại trong năm 2026, nâng tổng đàn nái lên 145.000 con và hướng tới cột mốc cung ứng 10 triệu heo thương phẩm vào năm 2030.

Thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam giai đoạn 2025-2026 chịu áp lực lớn từ sự biến động của giá nông sản toàn cầu (ngô, đậu tương) và chi phí logistics tăng do bất ổn địa chính trị quốc tế. Mặc dù vậy, nhu cầu tiêu thụ TACN trong nước vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định ở

mức 4,5% - 5%/năm nhằm phục vụ cho làn sóng công nghiệp hóa ngành chăn nuôi của các doanh nghiệp lớn. Điểm nghẽn lớn nhất của ngành hiện nay là phần lớn các cơ sở sản xuất phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, dẫn đến rủi ro về chi phí đầu vào. Do đó, các doanh nghiệp tự chủ được nhà máy sản xuất TACN nội bộ, áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế nghiêm ngặt như FSSC 22000 sẽ nắm giữ lợi thế cạnh tranh tuyệt đối về biên lợi nhuận.

Nắm bắt xu thế đó, BAF đã tạo ra sự khác biệt mang tính chiến lược với dòng sản phẩm **"Cám thuần thực vật độc quyền"**. Đàn heo của BAF được nuôi dưỡng bằng nguồn dinh dưỡng 100% gốc thực vật, không chất kích thích tăng trưởng, giúp nâng cao sức đề kháng của vật nuôi và đảm bảo chất lượng thịt đầu ra đạt tiêu chuẩn khắt khe. Với hệ thống các nhà máy TACN hiện đại được chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn hàng đầu châu Âu và Mỹ (Buhler, Farmsun...) đạt đồng thời hai chuẩn GLOBALG.A.P CFM và FSSC 22000, BAF không chỉ tự chủ hoàn toàn 100% nguồn thức ăn chăn nuôi chất lượng cao cho toàn hệ thống trang trại mà còn tối ưu hóa biên lợi nhuận gộp toàn chuỗi. Khả năng tự chủ TACN này giúp BAF cô lập được rủi ro biến động giá nguyên liệu của thị trường, tạo tiền đề vững chắc cho hiệu quả kinh doanh trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của BAF so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Tại thị trường nội địa, chiến lược phát triển hệ thống trang trại công nghệ cao khép kín của BAF chính là lời giải quy chuẩn cho định hướng hạn chế, tiến tới dừng hoạt động các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ không đảm bảo vệ sinh trong khu dân cư theo tinh thần của Luật Chăn nuôi mới. Việc BAF tập trung nguồn lực đầu tư vào các tổ hợp trang trại quy mô lớn không chỉ giúp cơ quan quản lý dễ dàng kiểm soát dịch bệnh, mà còn thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành nông nghiệp dịch chuyển về các vùng quy hoạch tập trung. Đặc biệt, trong bối cảnh ngành nông nghiệp Việt Nam đang nỗ lực giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu và kiểm soát tối đa rủi ro từ dịch bệnh, mô hình tự chủ 100% TACN thuần thực vật của BAF cùng quy trình kiểm soát an toàn sinh học nghiêm ngặt đã đáp ứng hoàn hảo mục tiêu cốt lõi của "Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045" do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nhờ sự tương thích hoàn toàn với các chính sách vĩ mô này, các dự án nhà máy TACN hiện đại và hệ thống trang trại thông minh của BAF thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp cận hiệu quả các chính sách hỗ trợ về thuế doanh nghiệp, tiền thuê đất và các cơ chế tài chính tối ưu.

Không dừng lại ở phạm vi quốc gia, định hướng của BAF còn bắt nhịp mạnh mẽ với các xu thế lớn đang định hình lại ngành chăn nuôi trên toàn thế giới, trước hết là mô hình kinh doanh tuần hoàn và phát triển bền vững theo tiêu chuẩn ESG. BAF tự hào là một trong những doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam áp dụng tiêu chuẩn này vào thực tế vận hành, quản lý dòng tiền và quy trình sản xuất. Hệ thống trang trại đạt chuẩn quốc tế của Công ty sử dụng các giải pháp xử lý chất thải hiện đại, thu hồi khí sinh học (biogas) để phục vụ ngược lại cho hoạt động vận hành nội bộ, vừa tiết giảm đáng kể chi phí năng lượng vừa đáp ứng trực tiếp cam kết giảm phát thải Net Zero toàn cầu.

Song song với đó, xu hướng ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản trị nông nghiệp 4.0 cũng được BAF cụ thể hóa bằng thỏa thuận hợp tác chiến lược với Muyuan - Tập đoàn chăn nuôi hàng đầu thế giới. Việc chuyển giao thành công công nghệ "chung cư nuôi heo" thông minh, tích hợp AI và IoT để giám sát sức khỏe đàn heo, tự động hóa quy trình cho ăn và kiểm soát nhiệt độ chuồng nuôi là minh chứng rõ nét cho năng lực bắt kịp các tập đoàn đa quốc gia. Nền tảng công nghệ này giúp BAF tối ưu hóa hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR), hạ giá thành thương phẩm trên mỗi đầu heo và nâng cao vượt trội năng suất sinh học của toàn hệ thống.

Cuối cùng, định hướng kinh doanh của BAF hoàn toàn đồng điệu với thị hiếu tiêu dùng thực phẩm sạch, minh bạch nguồn gốc và nhân văn đang bùng nổ trên thế giới. Dòng sản phẩm heo thương phẩm được nuôi dưỡng bằng "Cám chay" thuần thực vật độc quyền của BAF đã loại bỏ hoàn toàn các mối nguy về kháng sinh, chất cấm hay độc tố tồn dư từ nguồn đạm động vật. Sự kiên định trong việc duy trì chuỗi giá trị khép kín, nhân văn và công nghệ cao chính là bệ phóng vững chắc đảm bảo cho BAF hóa giải các rủi ro thị trường, khẳng định lợi thế cạnh tranh và hiện thực hóa mục tiêu trở thành Tập đoàn dẫn đầu trong phân khúc thịt heo thương phẩm chất lượng cao tại Việt Nam.

10.8. Hoạt động Marketing

Tập trung vào thông điệp "Heo ăn chay": Điểm nhấn lớn nhất trong cách tiếp cận khách hàng của BAF là thông điệp "Heo ăn chay". Công ty giới thiệu rất rõ ràng đàn heo của BAF chỉ ăn cám làm từ 100% gốc thực vật (như ngô, đậu nành) do chính nhà máy của Công ty sản xuất. Cách làm này giúp BAF giải tỏa phần nào lo lắng của người tiêu dùng về chất tạo nạc hay cám có trộn thành phần động vật, từ đó thu hút những khách hàng ưu tiên sự an toàn và sẵn sàng chi trả mức giá nhỉnh hơn so với thịt ngoài chợ truyền thống.

Bán hàng qua hệ thống cửa hàng: Để dịch chuyển cơ cấu từ bán buôn heo hơi (chiếm 86% sản lượng) sang mảng bán lẻ thịt chế biến có giá trị gia tăng cao (chiếm 14%), BAF đang đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối đa kênh đồng bộ. Công ty chủ động mở rộng chuỗi nhượng quyền GT Meatshop với mục tiêu đạt 1.000 điểm bán trên toàn quốc, trang bị tủ mát 0-4°C chuyên dụng ngay tại các khu dân cư và chợ truyền thống để đảm bảo thịt luôn tươi ngon, vệ sinh. Bên cạnh đó, BAF tối ưu hóa dòng doanh thu nhờ hệ sinh thái Tập đoàn Tân Long (bao gồm hệ thống siêu thị mini Siba Mart, chuỗi nhà hàng Cơm Ngon Siba, sàn thương mại điện tử Ocoba Mart) và liên kết đưa sản phẩm vào hơn 200 siêu thị, cửa hàng tiện lợi lớn bên ngoài (như AEON, WinMart, GO!, GS25...). Đặc biệt, toàn bộ sản phẩm thịt của BAF đều được đóng gói hút chân không chỉn chu và tích hợp mã vạch (Barcode/QR code) trên bao bì, cho phép khách hàng dễ dàng quét mã truy xuất nguồn gốc xuất xứ rõ ràng từ trang trại đến bàn ăn.

Giới thiệu công khai quy trình chăn nuôi: Để người tiêu dùng yên tâm hơn về nguồn gốc miếng thịt, BAF chia sẻ khá nhiều hình ảnh, video thực tế và thông cáo báo chí về hệ thống trang trại chuồng kín cũng như công nghệ xử lý nước thải của mình. Việc công khai mô hình từ khâu làm cám, nuôi heo đến chế biến thịt (Feed - Farm - Food) giúp Công ty dần xây dựng được niềm tin với khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường

và cộng đồng để xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp thân thiện.

Bán thêm sản phẩm chế biến và cho khách dùng thử: Bên cạnh thịt tươi, BAF còn làm thêm các sản phẩm chế biến sẵn như xúc xích, giò lụa, giò sống. Việc này vừa giúp Công ty tận dụng tối đa lượng thịt sau khi giết mổ, vừa mang lại nhiều lựa chọn tiện lợi hơn cho bữa ăn của các gia đình. Đặc biệt, tại các cửa hàng và siêu thị, BAF thường xuyên tổ chức các quầy nấu ăn thử để khách hàng có thể trực tiếp nếm thử hương vị của "heo ăn chay" trước khi quyết định móc hầu bao mua hàng.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, tên viết tắt là BAF trong mô hình Feed - Farm - Food, được hình tượng hóa theo ý nghĩa "từ nông trại đến bàn ăn" thể hiện chiến lược của công ty khi đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi lợn với mô hình chuỗi khép kín từ sản xuất thức ăn, chăn nuôi trang trại tới giết mổ, chế biến giết mổ.

Logo và thương hiệu/nhãn hiệu BAF đã đăng ký và được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu độc quyền cho Công ty. Logo được Công ty sử dụng độc quyền và thống nhất như thông tin dưới đây:

- Biểu tượng logo của Công ty:

BAF
NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

- Biểu tượng thương hiệu "anfarm":

anfarm

Ý nghĩa của logo BAF:

- Về biểu tượng: Ba hình lục giác thể hiện ba mảng: FEED - FARM - FOOD. Ba hình được lồng vào nhau thể hiện một sự liên kết chặt chẽ của mô hình hệ thống CHUỖI KHÉP KÍN, được kiểm soát ngay từ chất lượng đầu vào và tập trung vào giá trị chuỗi để đưa đến những sản phẩm chất lượng hoàn hảo nhất. Hình lục giác được gọi là "hình dạng hoàn hảo của thiên nhiên". Đa giác đặc biệt này kết nối với thiên nhiên hơn bất kỳ hình dạng hình học nào khác. Ở giữa hình lục giác tạo thành hình bông hoa. Hình tượng một bông hoa đem đến cảm giác thực sự toàn vẹn, sự hoàn hảo của sự vật, tượng trưng cho cái đẹp, là những gì tinh tế nhất. Trong bông hoa cánh mai xuất hiện đầu tiên thể hiện thứ tự: FEED - FARM - FOOD.

- Về màu sắc:
  - Màu nâu: Màu của FEED, là màu trung tính mang lại cảm giác vững chắc và đáng tin cậy;
  - Màu xanh: Màu của FARM, tượng trưng cho tự nhiên, khỏe mạnh, đổi mới và phong phú;
  - Màu đỏ: Màu của FOOD, thể hiện sự uy quyền, phát triển những gì mạnh mẽ nhất;
  - Màu xanh được làm chủ đạo mang đến cảm giác sạch, thân thiện với môi trường.

Ngoài ra, nhãn hiệu BAF Meat cũng đã được Công ty đăng ký độc quyền và sử dụng dán trên các sản phẩm thịt bán ra thị trường.

- Website: baf.vn/.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Chiến lược Nghiên cứu và Phát triển (R&D) của BAF tập trung mạnh mẽ vào việc tối ưu hóa chuỗi giá trị khép kín 3F (Feed - Farm - Food), ứng dụng công nghệ cao và hướng tới phát triển bền vững. Với mỗi mảng kinh doanh Công ty đều có phòng nghiên cứu và phát triển (R&D) với chuyên môn cao và đặc thù đối với từng mảng.

a) Mảng FARM:

– Đã thực hiện: BAF đang định nghĩa lại tiêu chuẩn chăn nuôi với hệ thống "Trang trại thông minh" (Smart Farm) được số hóa và đồng bộ hóa dựa trên nền tảng công nghệ châu Âu. Đáng chú ý, Công ty đã đưa Trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản lý trang trại để kiểm soát tự động các yếu tố như nhiệt độ, độ ẩm, và theo dõi sức khỏe vật nuôi.

– Định hướng tương lai: BAF tiếp tục tăng cường ngân sách R&D cho quá trình chuyển đổi số toàn diện nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đồng nhất, đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu khắt khe. BAF cũng đang hợp tác với Tập đoàn Muyuan (Trung Quốc) để triển khai mô hình "chung cư nuôi heo" công nghệ cao nhà cao tầng, tối ưu hóa không gian và tự động hóa quy trình.

b) Mảng FEED:

– Đã thực hiện: Điểm nhấn lớn nhất trong hoạt động R&D của BAF là việc nghiên cứu thành công và áp dụng "công thức cám thuần thực vật" độc quyền. Công ty sử dụng 100% nguyên liệu từ thực vật, loại bỏ hoàn toàn các thành phần gốc động vật nhằm giúp đàn heo phát triển khỏe mạnh tự nhiên và đảm bảo chất lượng "thịt sạch". BAF cũng đã quy tụ được đội ngũ chuyên gia dinh dưỡng hàng đầu để nghiên cứu công thức cám tối ưu cho từng giai đoạn phát triển của heo.

– Định hướng tương lai: Tiếp tục nâng cao chất lượng cám, nghiên cứu các chiến lược dinh dưỡng thông minh nhằm rút ngắn thời gian nuôi nhưng vẫn đảm bảo chất lượng thịt vượt trội và lợi nhuận bền vững.

c) Nghiên cứu và phát triển nguồn gen:

- Đã thực hiện: Công ty đã nhập khẩu thành công các dòng heo giống cụ kỵ (GGP) chất lượng cao từ các nền chăn nuôi tiên tiến trên thế giới (như dòng Large White và Landrace từ Pháp, Đan Mạch) để làm chủ nguồn gen nội bộ.
- Định hướng tương lai: BAF đặt mục tiêu tiếp tục nghiên cứu và lai tạo các thế hệ giống heo có năng suất sinh sản cao, chất lượng thịt tốt và đặc biệt là khả năng chống chịu dịch bệnh vượt trội, làm tiền đề cho việc mở rộng quy mô đàn nái và xuất khẩu.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Kiên định với tầm nhìn trở thành Tập đoàn dẫn đầu trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, BAF thực hiện chiến lược kinh doanh nhất quán dựa trên trục lõi Mô hình chuỗi khép kín Feed - Farm - Food ("Từ nông trại đến bàn ăn"). Chiến lược này không chỉ giúp Công ty tối ưu hóa biên lợi nhuận gộp toàn chuỗi nhờ khả năng kiểm soát chi phí đầu vào, mà còn cô lập các rủi ro biến động từ thị trường tự do, hướng tới mục tiêu cung ứng sản phẩm an toàn, chất lượng cao nhất cho người tiêu dùng.

❖ **Mảng Thức ăn chăn nuôi (Feed) - Tối ưu hóa chi phí và độc quyền dinh dưỡng sạch**

- Chiến lược cốt lõi: Định hướng duy trì và nâng cao năng lực sản xuất để tự chủ hoàn toàn 100% nguồn TACN chất lượng cao phục vụ cho hệ thống trang trại. BAF kiên định loại bỏ các rủi ro phụ thuộc vào nguồn cám thương mại bên ngoài, từ đó ổn định chi phí chăn nuôi ngay cả trong những giai đoạn thị trường nông sản vĩ mô biến động mạnh.
- Sự khác biệt hóa bằng "Cám chay": Tiếp tục phát triển và duy trì dòng sản phẩm cám thuần thực vật độc quyền. Nguồn dinh dưỡng sử dụng nguyên liệu gốc thực vật giúp đàn heo tăng cường sức đề kháng tự nhiên, loại bỏ hoàn toàn các mối nguy về chất cấm, kháng sinh và đạm động vật tồn dư.
- Mở rộng năng suất quy chuẩn: Vận hành đồng bộ các nhà máy TACN đạt tiêu chuẩn quốc tế khắt khe như GLOBALG.A.P CFM và FSSC 22000. Kế hoạch đưa vào hoạt động các nhà máy công suất lớn thế hệ mới giúp tối ưu hóa chi phí logistics, hạ giá thành sản xuất cám thông qua công nghệ chuyển giao từ các tập đoàn hàng đầu châu Âu và Mỹ.

❖ **Mảng Trang trại thông minh (Farm) - Tăng tốc quy mô và hiện đại hóa công nghệ sinh học**

- Chiến lược mở rộng thần tốc: BAF tập trung mọi nguồn lực để đẩy mạnh xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tổ hợp trang trại công nghệ cao quy mô lớn tại các vùng địa bàn chiến lược (như Tây Ninh, Bình Phước, Gia Lai...). Mục tiêu nâng nhanh tổng đàn nái lên 145.000 con và hướng tới mục tiêu dài hạn đạt 10 triệu heo thương phẩm vào năm 2030, củng cố vững chắc vị thế Top 3 doanh nghiệp chăn nuôi công nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển giao quốc tế: Đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác chiến lược với các tập đoàn số 1 thế giới (như Muyuan) nhằm áp dụng công nghệ "chung cư nuôi heo"

thông minh tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT). Giải pháp này giúp tự động hóa quy trình cho ăn, kiểm soát nhiệt độ chuồng nuôi, tối ưu hóa hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) và tăng hiệu suất sinh sản trên mỗi đầu nái.

- Tuyệt đối hóa an toàn sinh học: Xây dựng hệ thống lá chắn dịch bệnh nghiêm ngặt để chủ động bảo vệ tổng đàn trước áp lực từ Dịch tả lợn Châu Phi (ASF). Chuẩn hóa toàn bộ hệ thống trang trại theo các tiêu chuẩn quốc tế (như chứng nhận Global S.L.P của Bureau Veritas) nhằm đảm bảo năng lực tăng trưởng sinh học ổn định, an toàn.

❖ **Mảng Thực phẩm sạch (Food) - Định vị thương hiệu mới "anfarm" và phủ rộng kênh phân phối**

- Chiến lược định vị thương hiệu: Kế thừa và nâng cấp toàn diện từ thương hiệu BAF Meat trước đây, BAF chính thức ra mắt và định vị thương hiệu thực phẩm sạch **anfarm** với diện mạo mới hiện đại, ấn tượng cùng thông điệp "***Chọn anfarm - Thấy an tâm***". Đây là bước đi chiến lược nhằm cung cấp giải pháp thực phẩm sạch, an toàn, tiện lợi, đồng hành cùng xu hướng tiêu dùng xanh và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Hành trình thực phẩm sạch khép kín: Sản phẩm của **anfarm** được cam kết chất lượng nghiêm ngặt theo các tiêu chuẩn quốc tế: bắt nguồn từ đàn heo khỏe mạnh nuôi bằng cám sạch thuần thực vật (Feed), chăn nuôi trong trang trại công nghệ cao đạt chuẩn GLOBAL S.L.P (Farm), trải qua quy trình giết mổ vệ sinh an toàn thực phẩm và đóng gói bằng công nghệ thịt mát Oxy Fresh tiên tiến (Food) trước khi đến tay người tiêu dùng.

- Đa dạng hóa danh mục sản phẩm: Không chỉ dừng lại ở thịt sạch ủ mát từ heo ăn chay, **anfarm** mở rộng hệ sinh thái sản phẩm phong phú đáp ứng cuộc sống bận rộn bao gồm: thịt

sạch tẩm ướp tiện dụng, các sản phẩm chế biến sâu từ thịt sạch (lạp xưởng, giò chả, xúc xích...) và đặc biệt là các dòng rau củ quả sạch - sản phẩm đặc thù từ mô hình kinh tế tuần hoàn của Tập đoàn.

- Phủ rộng mạng lưới phân phối đa kênh toàn quốc: Để tối ưu hóa khả năng tiếp cận khách hàng, **anfarm** thiết lập hệ thống điểm bán rộng khắp:
  + Hệ thống phân phối miền Bắc: Chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch Siba Food cùng mạng lưới siêu thị lớn như Fuji Mart, BRG Mart, WinMart, WinMart+, MM Mega Market, AEON Maxvalu, AEON Mart, Sendo, EBS (Go!, Tops Market), Eco Food, Ready Mart, Vital Mart...
  + Hệ thống phân phối miền Nam: Chuỗi cửa hàng Siba Food, 3Sach Mart, AEON, GS25, Satra Food, Win+, WinMart, Farmers Market, Go!, Minimart, Co.opmart, VNP (Bưu điện Việt Nam)...

❖ **Chiến lược Phát triển bền vững (ESG) làm nền tảng cạnh tranh lâu dài**

- Nông nghiệp tuần hoàn: Tích hợp sâu các tiêu chí Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) vào

chuỗi hoạt động cốt lõi. BAF áp dụng giải pháp thu hồi chất thải trang trại thông qua hệ thống xử lý hiện đại để tạo ra nguồn năng lượng tái tạo (biogas), phục vụ ngược lại cho quy trình vận hành trang trại và nhà máy. Đồng thời, các phụ phẩm nông nghiệp được tái sử dụng hiệu quả để canh tác rau củ quả sạch thương hiệu **anfarm**. Chiến lược này không chỉ hỗ trợ tối ưu hóa chi phí năng lượng, đáp ứng phúc lợi động vật mà còn hiện thực hóa cam kết giảm phát thải khí nhà kính, giảm thiểu dấu chân carbon, giúp doanh nghiệp tạo dựng niềm tin bền vững đối với các cổ đông, nhà đầu tư và các định chế tài chính quốc tế hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh.

11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

11.1.Tình hình lao động

Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 23. Cơ cấu lao động trong Công ty

Cơ cấu lao động	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Phân loại theo trình độ						
Đại học và trên Đại học	654	30,78%	982	29%	1.313	26.8%
Cao đẳng và Trung cấp	344	16,19%	586	17%	736	15.02%
Công nhân kỹ thuật	20	0,94%	81	2%	60	1.22%
Lao động phổ thông	1.107	52,09%	1.791	52%	2.790	56.95%
Phân loại theo Hợp đồng lao động						
Toàn thời gian	2.125	100%	3.440	100%	4.899	100%
Bán thời gian	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	**2.125**	**100%**	**3.440**	**100%**	**4.899**	**100%**

(Nguồn: BAF)

11.2.Chính sách lao động

Hệ thống Phúc lợi Toàn diện & Cạnh tranh:

Tại BAF, hệ thống đãi ngộ được xây dựng dựa trên sự thấu hiểu sâu sắc nhu cầu thực tế của người lao động. Công ty cam kết đồng hành, đảm bảo sự ổn định và không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống cho đội ngũ nhân sự thông qua các trụ cột cốt lõi:

- Đảm bảo nền tảng tài chính: Duy trì chính sách lương thưởng cạnh tranh, công bằng và đúng hạn; đồng thời áp dụng các khoản thưởng thâm niên cùng cơ chế vinh danh kịp thời dành cho những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.
- Chăm lo đời sống toàn diện: Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ nghỉ lễ, phép và chính sách bảo hiểm theo đúng quy định pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động nghỉ mát, du lịch định kỳ nhằm giúp nhân viên tái tạo năng lượng và thắt chặt tinh thần đoàn kết.
- Bồi đắp giá trị tinh thần: BAF tin rằng, sự an tâm và hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi nhân sự chính là bệ phóng vững chắc nhất để họ tự tin cống hiến hết mình cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Hoạt động Công đoàn vững mạnh - Lấy người lao động làm trung tâm:

Ban Chấp hành Công đoàn BAF cam kết hiện thực hóa vai trò người bạn đồng hành tin cậy của người lao động thông qua chuỗi hành động thiết thực và nhân văn:

- Vinh danh giá trị tập thể: Khơi dậy niềm tự hào nghề nghiệp và lòng gắn bó với doanh nghiệp qua cuộc thi ảnh thường niên "Tự hào BAF" cùng các giải đấu thể thao nội bộ sôi nổi.
- Gắn kết và lan tỏa yêu thương: Chăm lo trọn vẹn đời sống tinh thần cho cán bộ nhân viên (CBNV) vào các dịp lễ tết, đặc biệt là chương trình "Tết Sum vầy" ấm áp, mang đậm bản sắc văn hóa gia đình BAF.
- Sẻ chia và nâng đỡ kịp thời: Luôn là điểm tựa vững vàng cho đoàn viên thông qua chính sách thăm hỏi sát sao, trợ cấp ốm đau, thai sản chu đáo. Đồng thời, Công ty phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn Lao động Thành phố để kịp thời tiếp sức, hỗ trợ các trường hợp gặp hoàn cảnh khó khăn.
- Lắng nghe để không ngừng cải tiến: Chủ động tiếp nhận ý kiến đóng góp trực tiếp từ người lao động nhằm liên tục nâng cấp chất lượng môi trường làm việc, tối ưu hóa các chương trình phúc lợi xã hội và xây dựng một tập thể ngày càng vững mạnh.

12. Chính sách cổ tức

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm.

Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm. Trường hợp không chi trả cổ tức thì lợi nhuận phải được phân bổ hợp lý vào các khoản dự trữ và

lợi nhuận giữ lại. HĐQT sẽ cân nhắc trong việc công bố kế hoạch cổ tức, và kế hoạch này có thể có hoặc có thể không phụ thuộc vào tỷ lệ cổ tức đã phân phối trong những năm trước.

Cổ tức có thể được trả bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu hoặc bằng các tài sản nếu có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp thanh toán bằng tiền mặt thì cổ tức được trả bằng đồng Việt Nam.

Bảng 24. Chính sách cổ tức qua các năm

Năm	Tỷ lệ chi trả (%)	Giá trị cổ tức chi trả (đồng)	Hình thức chi trả
2023	17%	243.984.000.000	Bằng cổ phiếu
2024	0	0	0
2025	10%	304.016.320.000	Bằng cổ phiếu

(Nguồn: BAF)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

13.1. Thông tin về đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ (từ ngày 26/03/2025 đến ngày 10/04/2025) số 0509.01/2025/BCSDV-NTV2 ngày 29/09/2025. Thông tin về đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã được phản ánh trung thực và hợp lý về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Cụ thể:

a) Kết quả phát hành:

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng Công văn số 531/UBCK-QLCB về việc nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Đến ngày 26 tháng 03 năm 2025, Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã nhận được Công văn số 521/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Theo đó, Công ty đã hoàn tất các thủ tục phát hành 65.000.000 cổ phiếu riêng lẻ và thu đầy đủ số tiền từ đợt phát hành cổ phiếu với giá phát hành là 15.500 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 65.000.000 cổ phiếu, tương đương 100% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:
  + Nhà đầu tư trong nước: 65.000.000 cổ phiếu;
  + Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 0 cổ phiếu.
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.007.500.000.000 đồng;
- Tổng chi phí: 880.000.000 đồng;

– Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 1.006.620.000.000 đồng.

b) Tình hình sử dụng vốn đã thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ:

Bảng 25. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ gần nhất

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân	Thời gian thực hiện
	Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất chăn nuôi heo của BAF gồm:	**1.007.500.000.000**	
1	Chi phí mua cám, phụ gia, nguyên vật liệu phục vụ các trang trại chăn nuôi heo	557.500.000.000	
1.1	*Thanh toán tiền mua cám cho chi nhánh CTCP Nông nghiệp BAF tại Nghệ An (mã số thuế: 0107795944-003) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAFNA-BAF ngày 01/01/2024*	*277.500.000.000*	*Ngày 27/03/2025 và 03/04/2025*
1.2	*Thanh toán tiền mua cám cho CTCP Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2024*	*280.000.000.000*	*Ngày 27/03/2025 và 03/04/2025*
2	Chi phí mua heo giống/heo cái sữa/heo hậu bị phục vụ các trang trại chăn nuôi heo	450.000.000.000	Ngày 09/01/2026
2.1	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên (mã số thuế: 4401054144) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/AVPY-BAF ngày 01/01/2024*	*15.000.000.000*	*Ngày 03/04/2025*
2.2	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành (mã số thuế: 3901206435) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/HĐNT/MT-BAF ngày 01/01/2024*	*144.320.000.000*	*Ngày 27/03/2025 và 03/04/2025*
2.3	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Đông An Khánh (mã số thuế: 390129905) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/DAK-BAF ngày 01/01/2024*	*21.000.000.000*	*Ngày 03/04/2025*
2.4	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Chăn nuôi*	*38.000.000.000*	*Ngày*

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân	Thời gian thực hiện
	Nam An Khánh (mã số thuế: 3901298757) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/NAK-BAF ngày 01/01/2024		*03/04/2025*
2.5	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 (mã số thuế: 3901291409) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/TTX2-BAF ngày 01/01/2024*	*44.000.000.000*	*Ngày 03/04/2025*
2.6	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Bắc An Khánh (mã số thuế: 3901293928) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAK-BAF ngày 01/01/2024*	*173.680.000.000*	*Ngày 27/03/2025 và 03/04/2025*
2.7	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 (mã số thuế: 3901291381) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số HĐ 01/2024/HĐNT/TTX1-BAF ngày 01/01/2024*	*10.000.000.000*	*Ngày 03/04/2025*
2.8	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh (mã số thuế: 3901312793) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2024*	*4.000.000.000*	*Ngày 03/04/2025*

(Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn BAF)

13.2.Thông tin về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt tại Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng (Mã chứng khoán: BAF126003) (từ ngày 25/11/2025 đến ngày 09/01/2026) số 0204.01/2026/BCSDV-NVTHN ngày 22/04/2026. Thông tin về đợt phát hành trái phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã được phản ánh trung thực và hợp lý về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng. Cụ thể:

a) Kết quả phát hành:

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, Công ty được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận số 447/GCN-UBCK về việc đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Đến ngày 08 tháng 01 năm 2026, Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã nhận được công văn số

148/UBCK- QLCB của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc nhận báo cáo kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng. Theo đó Công ty đã hoàn tất các thủ tục phát hành trái phiếu ra công chúng và thu đầy đủ số tiền từ đợt phát hành trái phiếu:

- Tổng số trái phiếu đã phân phối: 10.000 trái phiếu, tương đương 100% tổng số trái phiếu chào bán;
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.000.000.000.000 đồng;
- Tổng chi phí: 53.335.400.000 đồng;
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 946.664.600.000 đồng.

b) Tình hình sử dụng vốn đã thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng:

Bảng 26. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng gần nhất

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân	Thời gian thực hiện
1	**Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi heo của BAF gồm:**	**670.000.000.000**	
	Thanh toán tiền mua cám, heo và các hàng hóa khác cho CTCP Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh (MST: 3901312793), theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2025	*180.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*
	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 (mã số thuế: 3901291381) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TTX1-BAF ngày 01/01/2025.	*30.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*
	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 (mã số thuế: 3901291409) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TTX2-BAF ngày 01/01/2025.	*120.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*
	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu (mã số thuế: 3901303492) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TC-BAF ngày 01/01/2025.	*120.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*
	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Chi nhánh CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (mã số thuế: 0107795944-003) theo Hợp đồng nguyên	*85.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân	Thời gian thực hiện
	tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFNA-BAF ngày 01/01/2025.		
	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2025	*85.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*
	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh (mã số thuế: 3901293928) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAK-BAF ngày 01/01/2025	*50.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*
2	**Thanh toán tiền nợ gốc các hợp đồng vay gồm:**	**330.000.000.000**	
	Thanh toán một phần tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà (BIDV) (mã số thuế: 0100150619- 213) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/10092905/HĐTD ngày 15/10/2025.	*35.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*
	Thanh toán toán bộ tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (MSB) (MST: 0200124891-002) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5300729/2025/HDTDHM ngày 30/09/2025.	*200.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*
	Thanh toán một phần tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai (mã số thuế: 3603292083) theo Thỏa thuận tín dụng số 10000991LD001202505 ngày 10/01/2025	*95.000.000.000*	*Ngày 09/01/2026*

(Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn BAF)

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Tính đến thời điểm ký Bản cáo bạch này, tổng số dư giá trị Trái phiếu do Công ty phát hành nhưng chưa đáo hạn là 2.100.000 triệu đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 1.000.000 triệu đồng, chiếm 47,619% tổng số dư giá trị Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn;

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 1.100.000 triệu đồng, chiếm 52,381% tổng số dư giá trị Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.

Các thông tin đối với từng mã Trái phiếu đang lưu hành đã được trình bày tại Mục IV.8 của Bản cáo bạch.

Đối với các Trái phiếu chưa đáo hạn này, Công ty đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư theo các điều kiện, điều khoản phát hành Trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn tiền gốc, lãi Trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan đến Trái phiếu (nếu có) theo các điều khoản, điều kiện của Trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và thực hiện các nghĩa vụ, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin cam kết, tại thời điểm nộp hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026, Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của TCPH trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 27. Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/giảm (%)	30/06/2026
Tổng giá trị tài sản	6.890.328,3	9.938.747,9	44,24%	11.735.440,6
Doanh thu thuần	6.018.013,8	5.199.036,4	-13,61%	3.555.046,5
Lợi nhuận gộp	644.631,8	167.176,0	-74,07%	349.951,3

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/giảm (%)	30/06/2026
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	324.301,9	58.639,8	-81,92%	157.139,5
Lợi nhuận khác	105.503,3	5.476,0	-94,81%	-15.371,4
Lợi nhuận trước thuế	429.805,3	64.115,7	-85,08%	141.768,1
Lợi nhuận sau thuế	355.071,7	98.276,9	-72,32%	115.886,9
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	309,35%	0	0
Tỷ lệ cổ tức	0	10%	0	0

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 28. Các chỉ tiêu tài chính trên BCTC hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/giảm (%)	30/06/2026
Tổng giá trị tài sản	7.449.030,0	10.780.028,8	44,72%	13.512.025,3
Doanh thu thuần	5.640.685,7	5.037.851,3	-10,69%	3.888.706,2
Lợi nhuận gộp	716.277,2	681.851,5	-4,81%	802.456,3
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	302.353,1	86.675,6	-71,33%	351.326,4
Lợi nhuận khác	103.895,9	13.162,8	-87,33%	-14.733,7
Lợi nhuận trước thuế	406.249,0	99.838,4	-75,42%	336.592,7
Lợi nhuận sau thuế	318.936,3	127.130,4	-60,14%	309.860,6
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	239,14%	0	0
Tỷ lệ cổ tức	0	10%	0	0

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

- Các chỉ tiêu khác (các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động): Không có.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của TCPH

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Giai đoạn 2024-2025 ghi nhận sự phục hồi và bứt phá mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam nhờ tận dụng tối đa các yếu tố thuận lợi từ môi trường vĩ mô và nội lực chuỗi giá trị. Trước hết, chu kỳ giá heo hơi trong nước sau giai đoạn biến động mạnh đã bước vào xu hướng tăng trưởng và ổn định ở mức có lợi cho doanh nghiệp chăn nuôi công nghiệp. Sự hồi phục của nền kinh tế vĩ mô cùng sức mua nội địa duy trì ở mức cao đối với mặt hàng thịt heo - vốn chiếm tỷ trọng chi phối trong cơ cấu tiêu thụ protein của người Việt - là bệ đỡ vững chắc cho dòng tiền và doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, hành lang pháp lý ngày càng nghiêm ngặt, đặc biệt là các quy định mới của Luật Chăn nuôi siết chặt tiêu chuẩn an toàn sinh học và kiểm soát môi trường, đã vô hình trung tạo ra lợi thế cạnh tranh lớn cho các doanh nghiệp quy mô. Xu hướng các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ buộc phải thu hẹp diện tích hoặc dừng hoạt động do không đáp ứng được quy chuẩn pháp lý đã giải phóng một khoảng trống thị trường lớn, tạo điều kiện thuận lợi để BAF đẩy nhanh tốc độ chiếm lĩnh thị phần.

Về mặt nội lực, việc BAF hoàn thiện và vận hành đồng bộ hệ thống các nhà máy thức ăn chăn nuôi (TACN) đạt chuẩn GLOBALG.A.P CFM và FSSC 22000 trong hai năm qua là nhân tố quyết định giúp tối ưu hóa biên lợi nhuận gộp. Khả năng tự chủ 100% nguồn cám thuần thực vật độc quyền không chỉ giúp Công ty cách ly hiệu quả trước các cú sốc tăng giá nguyên liệu nông sản toàn cầu, mà còn tạo ra sự khác biệt vượt trội về chất lượng thương phẩm thịt heo "Ăn Chay" trên thị trường. Đồng thời, chiến lược gia tăng tốc độ mở rộng quy mô với hệ thống trang trại công nghệ cao được đưa vào vận hành đồng loạt tại các tỉnh trọng điểm, kết hợp cùng việc chuyển giao công nghệ quản trị thông minh, tích hợp AI từ Tập đoàn Muyuan đã giúp tối ưu hóa hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) và kiểm soát rủi ro an toàn sinh học gần như tuyệt đối. Việc nhận được sự đồng hành tài chính và kỹ thuật từ các định chế lớn như Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) trong việc chuẩn hóa khung quản trị ESG cũng là đòn bẩy quan trọng giúp BAF hạ thấp chi phí vốn và nâng cao uy tín thương hiệu đối với các nhà đầu tư.

Bên cạnh những xung lực tích cực, tình hình sản xuất kinh doanh của BAF trong giai đoạn 2024-2025 cũng phải đối mặt với không ít thách thức gay gắt từ bối cảnh thị trường. Áp lực lớn nhất đối với ngành chăn nuôi nói chung và Công ty nói riêng chính là diễn biến phức tạp và dai dẳng của các làn sóng dịch bệnh, đặc biệt là Dịch tả lợn Châu Phi (ASF). Dù BAF sở hữu hệ thống lá chắn an toàn sinh học hiện đại, áp lực dịch bệnh từ môi trường xung quanh vẫn buộc Công ty phải liên tục thắt chặt các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, làm phát sinh thêm chi phí vận hành và quản lý tại các cụm trang trại. Song song đó, sự bất ổn địa chính trị toàn cầu và gián đoạn chuỗi cung ứng quốc tế trong hai năm qua đã đẩy chi phí logistics, vận tải và giá một số loại nguyên liệu thô đầu vào nhập khẩu cho ngành sản xuất TACN có những thời điểm tăng cao, tạo áp lực nhất định lên nỗ lực quản trị chi phí của doanh nghiệp.

Một rào cản lớn khác ảnh hưởng đến tốc độ thực hiện chiến lược mở rộng của BAF là tính phức tạp trong quy trình hoàn thiện thủ tục pháp lý đất đai và đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các dự án trang trại quy mô lớn. Việc siết chặt các quy chuẩn môi trường từ phía chính quyền các địa phương, dù là xu thế tất yếu, đã làm kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư và giải ngân của một số dự án trọng điểm so với kế hoạch ban đầu. Ngoài ra, việc duy trì một tốc độ

tăng trưởng quy mô đàn thần tốc cũng đặt BAF trước áp lực lớn về nhu cầu cân đối nguồn vốn dài hạn. Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí lãi vay tăng lên trong giai đoạn đầu đầu tư xây dựng cơ bản các cụm trang trại "chung cư" công nghệ cao đã phần nào ảnh hưởng đến biên lợi nhuận thuần ngắn hạn của Công ty, trước khi các dự án này đạt đến điểm rơi công suất tối ưu để mang lại hiệu quả kinh tế theo quy mô.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 29. Báo cáo vốn điều lệ Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn điều lệ	2.390.216,4	3.040.216,4	3.040.216,4

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 30. Báo cáo vốn điều lệ hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn điều lệ	2.390.216,4	3.040.216,4	3.040.216,4

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 31. Nguồn vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
A. Nguồn vốn kinh doanh			
I. Vốn chủ sở hữu	**2.936.055,0**	**4.040.952,0**	**4.156.838,9**
Vốn góp của chủ sở hữu	2.390.216,4	3.040.216,4	3.040.216,4
Thặng dư vốn cổ phần	0	356.620,0	52.603,7

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	137.648,6	137.648,6	137.648,6
Vốn khác của chủ sở hữu	0	0	608.032,6
LNST chưa phân phối	408.190,0	506.467,0	318.337,6
II. Nợ phải trả	**3.954.273,3**	**5.897.795,9**	**7.578.601,7**
Nợ ngắn hạn	3.182.675,5	4.644.725,7	4.525.165,0
Nợ dài hạn	771.597,8	1.253.070,2	3.053.436,7
Tổng cộng	**6.890.328,3**	**9.938.747,9**	**11.735.440,6**
B. Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh			
I. Tài sản ngắn hạn	**4.032.229,5**	**4.988.254,7**	**5.754.988,0**
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.785,7	193.464,6	371.662,0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	226.013,0	1.898.722,7 (*)	2.196.857,2
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.170.289,3	1.139.300,3 (*)	1.281.369,5
Hàng tồn kho	1.508.776,6	172.230,5 (*)	220.818,5
Tài sản sinh học ngắn hạn	0	1.549.126,2 (*)	1.653.466,6
Tài sản ngắn hạn khác	24.364,8	35.360,5	30.814,1
II. Tài sản dài hạn	**2.858.098,9**	**4.950.493,2**	**5.980.452,7**
Các khoản phải thu dài hạn	218.332,8	234.337,9	387.539,2
Tài sản cố định	194.042,2	322.094,7 (*)	360.988,1
Tài sản sinh học dài hạn	0	448.410,0 (*)	482.465,2
Tài sản dở dang dài hạn	194.513,0	346.781,0	876.209,2
Đầu tư tài chính dài hạn	1.994.250,2	3.441.569,0	3.720.314,5
Tài sản dài hạn khác	256.960,7	157.300,6 (*)	152.936,4
Tổng cộng	**6.890.328,3**	**9.938.747,9**	**11.735.440,6**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu đã được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

Bảng 32. Báo cáo nguồn vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
A. Nguồn vốn kinh doanh			
I. Vốn chủ sở hữu	**2.935.751,6**	**4.064.121,4**	**4.373.759,6**
Vốn góp của chủ sở hữu	2.390.216,4	3.040.216,4	3.040.216,4
Thặng dư vốn cổ phần	0	356.620,0	52.603,7
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	137.648,6	137.648,6	137.648,6
Vốn khác của chủ sở hữu	0	0	608.032,6
LNST chưa phân phối	398.258,5	525.179,0	530.398,2
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	9.628,1	4.457,4	4.860,0
II. Nợ phải trả	**4.513.278,4**	**6.715.907,4**	**9.138.265,7**
Nợ ngắn hạn	3.064.578,4	4.331.765,4	5.424.424,6
Nợ dài hạn	1.448.700,0	2.384.141,9	3.713.841,1
Tổng cộng	**7.449.030,0**	**10.780.028,8**	**13.512.025,3**
B. Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh			
I. Tài sản ngắn hạn	**3.081.019,0**	**4.346.928,9 (*)**	**5.632.004,7**
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.911,9	365.021,2	453.344,8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	290.693,0	485.421,8 (*)	782.946,8
Các khoản phải thu ngắn hạn	444.109,7	702.764,2 (*)	1.180.603,0
Hàng tồn kho	2.156.075,2	338.867,8 (*)	499.842,1
Tài sản sinh học ngắn hạn	0	2.391.854,0 (*)	2.656.272,0
Tài sản ngắn hạn khác	41.229,1	62.999,9	58.996,0
II. Tài sản dài hạn	**4.368.011,1**	**6.433.099,9 (*)**	**7.880.020,6**
Các khoản phải thu dài hạn	223.711,1	260.322,9	426.151,2
Tài sản cố định	2.394.359,9	3.396.409,9 (*)	3.917.190,9
Tài sản sinh học dài hạn	0	698.483,3 (*)	743.292,5
Tài sản dở dang dài hạn	891.504,1	1.387.076,3 (*)	2.096.966,2

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	250,0
Tài sản dài hạn khác	858.436,0	690.807,5 (*)	696.169,8
Tổng cộng	**7.449.030,0**	**10.780.028,8**	**13.512.025,3**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu đã được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính:

Bảng 33. Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình Công ty mẹ

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1.	Nhà cửa và vật kiến trúc	03 – 15
2.	Máy móc và thiết bị	02 – 10
3.	Phương tiện vận tải	03 – 10
4.	Thiết bị văn phòng	05
5.	Phần mềm máy tính	03 – 05
6.	Gia súc	04

(Nguồn: BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 34. Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình Hợp nhất

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1.	Nhà cửa và vật kiến trúc	03 – 25
2.	Máy móc và thiết bị	03 – 15
3.	Phương tiện vận tải	06 – 10
4.	Thiết bị văn phòng	03 – 10

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
5.	Phần mềm máy tính	03 – 10
6.	Gia súc	04

(Nguồn: BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 35. Thu nhập trung bình người lao động trong Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10,6	13,0

(Nguồn: BAF)

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng qua các năm.

Mức lương bình quân năm 2025 của người lao động Công ty đạt 13,0 triệu đồng/tháng, tăng hơn 22,64% so với năm 2024.

Công ty thực hiện so sánh với một số doanh nghiệp cùng ngành tại Việt Nam. So với các doanh nghiệp này, thu nhập của người lao động tại Công ty cao hơn.

Bảng 36. Thu nhập trung bình của người lao động tại các công ty cùng ngành

Đơn vị: triệu đồng/người/tháng

STT	Mã	Tên công ty	Năm 2024	Năm 2025
1.	VSN	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản	7,28	9,87
2.	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam	11,7	12,7

(Nguồn: Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững các công ty)

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 37. Tổng các khoản phải thu, phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tổng các khoản phải thu	2.388.622,1	1.373.638,2 (*)	1.668.908,7
Tổng các khoản phải trả	3.954.273,3	5.897.795,9	7.758.601,7

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu đã được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được

soát xét của BAF.

Bảng 38. Tổng các khoản phải thu, phải trả Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tổng các khoản phải thu	667.820,8	963.087,1 (*)	1.606.754,2
Tổng các khoản phải trả	4.513.278,4	6.715.907,4	9.138.265,7

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu đã được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng 39. Chi tiết các khoản phải thu Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản phải thu ngắn hạn	**2.170.289,3**	**1.139.300,3 (*)**	**1.281.369,5**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	610.067,3	470.255,2	485.505,2
Trả trước cho người bán ngắn hạn	150.909,1	358.969,0	362.819,5
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.284.223,9	0 (*)	0
Phải thu ngắn hạn khác	129.354,0	319.422,4 (*)	442.099,6
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.266,0)	(9.346,3)	(9.054,8)
Tài sản thiếu chờ xử lý	1,0	0	0
Phải thu dài hạn	**218.332,8**	**234.337,9**	**387.539,2**
Phải thu dài hạn khác	218.332,8	234.337,9	387.539,2
Tổng cộng	**2.388.622,1**	**1.373.638,2 (*)**	**1.668.908,7**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu đã được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

Bảng 40. Chi tiết các khoản phải thu Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản phải thu ngắn hạn	**444.109,7**	**702.764,2 (*)**	**1.180.603,0**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	188.713,2	83.291,9	304.761,8
Trả trước người bán ngắn hạn	197.401,6	537.429,8	596.981,0
Phải thu về cho vay ngắn hạn	75,0	0 (*)	0
Phải thu ngắn hạn khác	62.184,9	91.388,8 (*)	287.915,0
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.266,0)	(9.346,3)	(9.054,8)
Tài sản thiếu chờ xử lý	1,0	0	0
Phải thu dài hạn	**223.711,1**	**260.322,9**	**426.151,2**
Phải thu dài hạn khác	223.711,1	260.322,9	426.151,2
Tổng cộng	**667.820,8**	**963.087,1 (*)**	**1.606.754,2**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu đã được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng 41. Chi tiết khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Nợ ngắn hạn	**3.182.675,5**	**4.644.725,7**	**4.525.165,0**
Phải trả người bán ngắn hạn	1.977.338,4	1.796.540,4	1.911.999,1
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.692,5	5.999,0	6.783,7
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	46.751,6	1.938,1	2.844,9
Phải trả người lao động	26.484,7	45.614,2	53.474,7
Chi phí phải trả ngắn hạn	31.778,4	24.919,7	114.261,7
Phải trả ngắn hạn khác	30.963,8	87.708,5	79.903,2

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.067.666,1	2.682.005,9	2.355.897,6
Nợ dài hạn	**771.597,8**	**1.253.070,2**	**3.053.436,7**
Phải trả dài hạn khác	0	38.300,0	45.786,8
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	296.351,2	714.659,2	2.494.575,4
Trái phiếu chuyển đổi	475.246,6	500.111,0	513.074,6
Tổng cộng	**3.954.273,3**	**5.897.795,9**	**7.578.601,7**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 42. Chi tiết khoản phải trả Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Nợ ngắn hạn	**3.064.578,4**	**4.331.765,4**	**5.424.424,6**
Phải trả người bán ngắn hạn	1.771.091,2	1.991.888,5	2.088.652,2
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.276,0	6.010,1	6.801,6
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	0	0	225,5
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	62.323,8	23.614,5	16.861,9
Phải trả người lao động	38.579,7	75.885,1	88.085,5
Chi phí phải trả ngắn hạn	47.170,3	39.216,3	139.982,7
Phải trả ngắn hạn khác	1.430,4	16.195,6	43.139,7
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.138.707,0	2.178.955,5	3.040.675,6
Nợ dài hạn	**1.448.700,0**	**2.384.141,9**	**3.713.841,1**
Phải trả người bán dài hạn	0	36.687,5	0
Phải trả dài hạn khác	0	40.487,0	0
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	965.305,2	1.798.442,4	3.196.420,0
Trái phiếu chuyển đổi	475.246,6	500.111,0	513.074,6
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	8.148,2	8.414,0	4.346,5
Tổng cộng	**4.513.278,4**	**6.715.907,3**	**9.138.265,7**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Tình hình thanh toán các khoản nợ:

- Công ty và các công ty con không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.
- Công ty và các công ty con không có vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.
- Công ty và các công ty con thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ.
- Công ty và các công ty con không có nợ quá hạn từ các khoản vay/trái phiếu từ khi thành lập đến nay.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo quy định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Bảng 43. Chi tiết khoản phải nộp theo quy định Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I. Phải thu	**5.920,8**	**7.291,7**	**4.627,2**
Thuế giá trị gia tăng	5.918,9	2.686,5	80,1
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	0	4.539,5	4.451,0
Thuế thu nhập cá nhân	1,9	1,9	55,1
Khác	0	63,8	41,0
II. Phải trả	**46.751,6**	**1.938,0**	**2.844,9**
Thuế thu nhập cá nhân	1.975,1	1.061,6	1.136,3
Thuế giá trị gia tăng	1.390,5	41,1	408,8
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.386,0	371,8	371,8
Khác	0	463,5	928,0

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

Bảng 44. Chi tiết khoản phải nộp theo quy định Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I. Phải thu	**16.531,6**	**18.259,3**	**12.163,4**
Thuế giá trị gia tăng	13.170,8	2.686,5	80,1
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	0	12.171,4	8.572,8

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thuế thu nhập cá nhân	1,9	1,9	126,0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.358,9	3.261,0	3.275,5
Khác	0	138,5	109,0
II. Phải trả	**62.323,8**	**23.614,4**	**16.861,9**
Thuế thu nhập cá nhân	2.556,2	1.840,5	1.539,8
Thuế giá trị gia tăng	4.133,5	3.586,7	3.377,1
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.627,1	17.710,4	10.757,6
Khác	7,0	476,8	1.187,5

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026 của BAF)

2.1.8. Trích lập các quỹ

Không có.

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 45. Các chỉ số tài chính Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025
1.	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,27	1,07
	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,79	1,04 (*)
2.	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,59
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,35	1,46
3.	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,72	0,62
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	1,33	1,15

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	6,39 (*)	5,99 (*)
4.	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi**			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	Lần	0,06	0,02
	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,04	0,01
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	Lần	0,10	0,03
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cp	1.485,52	323,26

(Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán, BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu được tính toán trên cơ sở: khoản mục Hàng tồn kho được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

Bảng 46. Các chỉ số tài chính Hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025
1.	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,00
	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,30	0,93 (*)
2.	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,62
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,54	1,65
3.	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,62	0,55
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	1,52	1,36
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	3,95 (*)	3,49 (*)
4.	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi**			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,06	0,03

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2024	2025
	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,03	0,01
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,09	0,04
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cp	1.334,34	416,49

(Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán, BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 của BAF)

(*) Số liệu được tính toán trên cơ sở: khoản mục Tài sản ngắn hạn và Hàng tồn kho được phân loại và trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Chi tiết số liệu được trình bày tại BCTC bán niên năm 2026 đã được soát xét của BAF.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

2.3. Thông tin bổ sung về số liệu trình bày tại ngày 31/12/2025 (*)

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Khi lập Báo cáo tài chính quý II năm 2026 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 (đã soát xét), Công ty đã áp dụng các quy định về chế độ kế toán và trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 99. Theo đó, một số chỉ tiêu số liệu đầu kỳ tại ngày 31/12/2025 được Công ty phân loại và trình bày lại để phù hợp với quy định, hướng dẫn trình bày theo Thông tư 99. Do đó, một số chỉ tiêu số đầu kỳ trên Báo cáo tài chính quý II năm 2026 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 (đã soát xét) có sự khác biệt so với số liệu tương ứng tại ngày 31/12/2025 đã được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Các nội dung phân loại và trình bày lại số liệu nêu trên được Công ty thuyết minh chi tiết tại Thuyết minh số 34 – "Phân loại dữ liệu tương ứng theo hướng dẫn của Thông tư 99" của Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét và Thuyết minh số 38 – "Phân loại dữ liệu tương ứng theo hướng dẫn của Thông tư 99" của Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét. Việc phân loại và trình bày lại chủ yếu liên quan đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm đảm bảo tính phù hợp, nhất quán với quy định về phương pháp và biểu mẫu trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 99.

Công ty chủ động cung cấp thông tin nêu trên nhằm giúp Quý Nhà đầu tư hiểu rõ nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa số liệu đầu kỳ trên các Báo cáo tài chính quý II năm 2026, Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 (đã soát xét) và số liệu tương ứng đã được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Việc phân loại và trình bày lại nêu trên không làm thay đổi bản chất các giao dịch kinh tế đã phát sinh và không phản ánh việc điều chỉnh lại kết quả hoạt động kinh doanh hoặc số liệu đã được kiểm toán của năm 2025.

Các số liệu tài chính được sử dụng trong Bản cáo bạch được căn cứ trên Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã được soát xét, trong đó số liệu so sánh tại ngày 31/12/2025 đã được phân loại và trình bày lại theo quy định của Thông tư 99.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC riêng năm 2024: Theo Báo cáo kiểm toán số 12943524/67717899 ngày 27/03/2025 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC hợp nhất năm 2024: Theo Báo cáo kiểm toán số 12943524/67717899-HN ngày 27/03/2025 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất".*

3.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2025

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC riêng năm 2025: Theo Báo cáo kiểm toán số 12943524/69410718 ngày 30/03/2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC hợp nhất năm 2025: Theo Báo cáo kiểm toán số 12943524/69410718-HN ngày 30/03/2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất".*

3.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2026

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026: Theo Báo cáo kiểm toán số 12943524/69497444/LR ngày 28/08/2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng bán niên soát xét của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng bán niên soát xét và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng bán niên soát xét của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét."*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC hợp nhất bán niên soát xét năm 2026: Theo Báo cáo kiểm toán số 12943524/69497444/LR-HN ngày 28/08/2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất bán niên soát xét của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bán niên soát xét và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bán niên soát xét của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét."*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

Bảng 47. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức hợp nhất 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	
		Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2025
Doanh thu thuần	5.037.851	8.431.751	67,4%
Lợi nhuận sau thuế	127.130	793.051	523,8%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,52%	9,41%	273,41%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	3,63%	N/A	N/A
Tỷ lệ cổ tức	10%	0	0

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2025 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường

niên năm 2026 thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026. Đối với chỉ tiêu Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 không thông qua mức cụ thể cho chỉ tiêu này.

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết năm 2026 trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng tới những yếu tố tăng trưởng do những yếu tố khách quan của năm 2025. Cụ thể như sau:

Đối với mảng chăn nuôi: Tổng sản lượng heo dự kiến bán ra thị trường là 1.247.845 con, trong đó heo thịt 1.203.478 con, heo giống loại 44.367 con. Doanh thu dự kiến đạt 8.431,75 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 793.051 tỷ đồng, chiếm hoàn toàn tổng lợi nhuận sau thuế (LNST) của toàn Công ty.

Đối với mảng sản xuất thức ăn chăn nuôi và thương mại nông sản: Theo xu hướng các năm 2024, 2025 và kế hoạch năm 2026, BAF sẽ tập trung nguồn lực vào mảng hoạt động chính là chăn nuôi, giảm dần hoạt động thương mại nông sản và thức ăn chăn nuôi, từ đó tập trung sản xuất thức ăn chăn nuôi phục vụ nội bộ để phát triển mảng chăn nuôi chính.

Phương án thực hiện:

- Tập trung vào việc phát triển bền vững, đảm bảo tăng trưởng ổn định và nâng cao vị thế trên thị trường. Điều này bao gồm việc xác định các mục tiêu phát triển cụ thể như mở rộng quy mô trang trại, nâng cao năng suất chăn nuôi, và tối ưu hóa hiệu quả sản xuất. Công ty cũng có kế hoạch thích ứng với biến động thị trường, điều chỉnh sản lượng dựa trên nhu cầu tiêu thụ và xu hướng giá cả của ngành chăn nuôi.
- Áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến trong quy trình chăn nuôi heo nhằm đảm bảo chất lượng thịt và an toàn thực phẩm. Các biện pháp kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt được thực hiện, bao gồm việc tiêm phòng định kỳ, xây dựng hệ thống chuồng trại đảm bảo vệ sinh, và thực hiện cách ly đối với đàn heo mới nhập để giảm nguy cơ lây nhiễm bệnh. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Xây dựng một kế hoạch tài chính chặt chẽ, kiểm soát tốt chi phí đầu vào như thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, và chi phí vận hành trang trại. Đồng thời, công ty thiết lập hệ thống báo cáo tài chính đầy đủ và tuân thủ các quy định kế toán nhằm đảm bảo tính minh bạch trong mọi giao dịch. Việc này giúp công ty duy trì sự ổn định tài chính và tăng cường niềm tin của các đối tác và nhà đầu tư.
- Thiết lập một hệ thống đánh giá hiệu suất làm việc công bằng và minh bạch, giúp tạo động lực cho nhân viên nâng cao năng suất và đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển chung của doanh nghiệp. Hệ thống này không chỉ giúp nhận diện và khen thưởng những cá nhân xuất sắc mà còn hỗ trợ việc phát triển kỹ năng và năng lực của toàn bộ đội ngũ nhân viên.
- Tập trung vào việc xây dựng thương hiệu mạnh và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp trên thị trường thông qua các chiến lược marketing hiệu quả và cam kết về chất lượng sản phẩm. Các

hoạt động quảng bá thương hiệu được thực hiện một cách sáng tạo và nhất quán, nhằm tạo dựng niềm tin và sự yêu mến từ phía khách hàng.

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng các trang trại mới, nhà máy chế biến thực phẩm hiện đại tích hợp công nghệ quản lý số, để đạt mục tiêu tăng trưởng đảm bảo cung ứng thực phẩm sạch và an toàn tới người tiêu dùng.
- Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp: BAF thường xuyên tuyển dụng và đào tạo nhân sự mới nhằm giúp đội ngũ nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc. Công ty duy trì chính sách thu nhập cạnh tranh và chăm lo đời sống người lao động, tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên yên tâm công tác. Đồng thời, BAF liên tục thúc đẩy việc học tập và triển khai thực hành văn hóa doanh nghiệp trên toàn hệ thống.
- Mở rộng hệ thống phân phối: BAF đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối nhằm đưa sản phẩm thịt sạch đến gần hơn với người tiêu dùng thông qua đa dạng kênh, bao gồm hệ thống siêu thị, kênh HORECA và các bếp ăn tập thể. Đồng thời, Công ty đặt mục tiêu phát triển khoảng 2.000 cửa hàng Meatshop trên phạm vi toàn quốc.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank đánh giá về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của BAF trong năm 2026 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty.

Trong năm 2025, mặc dù bối cảnh nền kinh tế và ngành chăn nuôi gặp nhiều biến động, Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã nỗ lực bành trướng quy mô với doanh thu đạt hơn 5.038 tỷ đồng. Dù lợi nhuận sau thuế sụt giảm, đạt khoảng 127 tỷ đồng do chịu áp lực lớn từ chi phí tài chính trong giai đoạn đầu tư mở rộng trang trại thần tốc, nhưng BAF đã ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng về tổng đàn heo lên mức hơn 900.000 con. Kết quả mở rộng hạ tầng này là bước đệm quan trọng để Công ty sẵn sàng đón điểm rơi lợi nhuận lớn trong năm tiếp theo.

Công ty cũng đã thực hiện phát hành thêm hơn 60 triệu cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nhằm củng cố bộ đệm vốn, giảm áp lực nợ vay. Nền tảng hạ tầng của năm 2025 cũng góp phần là cơ sở vững chắc để BAF hướng tới mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận đột phá trong năm 2026, giúp BAF tiếp tục củng cố vị thế là một trong những tập đoàn chăn nuôi khép kín công nghệ cao hàng đầu tại Việt Nam.

Năm 2026, ngành chăn nuôi Việt Nam được dự báo vẫn đối mặt với những thách thức hiện hữu. Rủi ro về dịch bệnh lây lan (đặc biệt là Dịch tả lợn châu Phi - ASF) vẫn luôn tiềm ẩn. Cùng với đó, tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp, các cuộc xung đột làm gián đoạn chuỗi cung ứng logistics đã và đang tác động đến biến động tỷ giá cũng như giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (ngô, đậu tương) trên toàn cầu, tạo áp lực nhất định lên chi phí đầu vào của ngành.

Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức nêu trên, BAF lại sở hữu những điểm tựa cực kỳ tích cực để hiện thực hóa kế hoạch kinh doanh tham vọng (đạt 793 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế

năm 2026). Nguồn cung heo hơi nội địa dự kiến sẽ tiếp tục thiếu hụt do tác động của Luật Chăn nuôi đẩy nhanh quá trình thanh lọc các nông hộ nhỏ lẻ, giúp giá bán heo hơi duy trì ở mức nền cao và mang lại lợi thế cho chăn nuôi công nghiệp. Việc làm chủ toàn diện chuỗi khép kín 3F (Feed - Farm - Food) với công thức dinh dưỡng độc quyền "Heo ăn chay" giúp Công ty tự chủ hoàn toàn chi phí giá vốn và bảo vệ biên lợi nhuận. Thêm vào đó, quy mô cung ứng không ngừng được mở rộng khi hàng loạt cụm trang trại lớn đi vào thu hoạch, kết hợp cùng việc duy trì nghiêm ngặt các tiêu chuẩn phát triển bền vững (ESG) và kinh tế tuần hoàn theo chuẩn IFC. Những lợi thế này có thể giúp BAF dễ dàng tiếp cận nguồn vốn xanh lãi suất ưu đãi, tối ưu kênh phân phối (Siba Food, Meat Shop) và mở ra dư địa vươn tầm trở thành tập đoàn thực phẩm hàng đầu, bất chấp mọi biến động của thị trường.

Với nhận định về bối cảnh thị trường và vị thế doanh nghiệp như trên, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam dự kiến trong năm 2026 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào năm 2017. Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Đối với cổ đông lớn là cá nhân

Theo danh sách cổ đông tại ngày 22/06/2026, Công ty không có cổ đông lớn là cá nhân.

2.2. Đối với cổ đông lớn là tổ chức

Theo danh sách cổ đông tại ngày 22/06/2026, danh sách cổ đông là tổ chức nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty gồm 01 cổ đông.

Tên: Công ty cổ phần Siba Holdings

- Năm thành lập: 2021.
- Số GCNĐKDN: 0109778609 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14/10/2021, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 27/11/2024 tại Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội.
- Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 2.130.000.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật: Trương Sỹ Bá - Chủ tịch HĐQT.
- Người đại diện ủy quyền tại BAF: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:
  - Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn: 95.681.935 cổ phần, chiếm 31,47%.
  - Tại thời điểm 22/06/2026: 114.818.321 cổ phần, chiếm 31,47%.
  - Dự kiến sau đợt chào bán: 127.575.912 cổ phần, chiếm 31,47%.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

3.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị BAF gồm 05 thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện tại như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HĐQT độc lập
4	Ông Prasad Gopalan	Thành viên HĐQT độc lập
5	Bà Bùi Hương Giang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT:

a) Ông Trương Sỹ Bá - Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
1990 - 1994	Cán bộ nhân viên	CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh
1994 - 2000	Kinh doanh tự do	
2000 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CTCP Tập đoàn Tân Long
10/2021 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Siba Holdings
01/2022 - 13/01/2026	Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật	CTCP Khai thác và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Thiên Long
03/2022 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
04/2024 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba
20/03/2026 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Lương thực A An

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - CTCP Tập đoàn Tân Long
  - Chủ tịch HĐQT - CTCP Siba Holdings
  - Chủ tịch HĐQT - CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba.
  - Chủ tịch HĐQT - CTCP Lương thực A An.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: CTCP Siba Holdings 114.818.321 cổ phần, chiếm 31,47%.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Chủ tịch HĐQT	108.000.000	Không có
Năm 2025	Chủ tịch HĐQT	324.000.000	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Chủ tịch HĐQT	0	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

b) Ông Nguyễn Văn Phú - Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
06/2009 - 2012	Phó Phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp	CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
2012 - 09/2021	Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp	CTCP Chứng khoán Phố Wall
10/2021 - 10/2025	Tổng Giám đốc	CTCP Siba Holdings
01/2022 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba
04/2026 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT - CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Không có	0	Không có
Năm 2025	Không có	0	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên HĐQT	0	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

c) Ông Nguyễn Thanh Tân - Thành viên HĐQT độc lập

- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
1999 - 2006	Giám đốc Marketing	CTCP Tập đoàn Thái Tuấn
2007 - 2012	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Tiếp thị	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt
2008 - nay	Viện trưởng	Viện Quản trị Quốc tế
2009 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP BGS Global
2014 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP BrainMark Việt Nam
10/2020 - nay	Thành viên HĐQT độc lập	CTCP Mía đường Lam Sơn
26/04/2024 - nay	Thành viên HĐQT độc lập	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Viện trưởng - Viện Quản trị Quốc tế.
  - Chủ tịch HĐQT - CTCP BGS Global.
  - Chủ tịch HĐQT - CTCP BrainMark Việt Nam
  - Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Mía đường Lam Sơn.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên HĐQT độc lập	44.262.295	Không có
Năm 2025	Thành viên HĐQT độc lập	0	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên HĐQT độc lập	0	Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

đ) Ông Prasad Gopalan - Thành viên HĐQT độc lập

– Năm sinh: 1964

– Quốc tịch: Ấn Độ

– Trình độ học vấn: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Chính sách kinh tế và tài chính công, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật hoá học

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
1997 - 2009	Giám đốc đầu tư	Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)
2009 - 2018	Quản lý khu vực Châu Á, Mảng Nông nghiệp & Lâm nghiệp	Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)
2018 - 2023	Giám đốc khu vực Toàn cầu, Mảng Nông nghiệp &	Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
	Lâm nghiệp	
26/04/2024 - nay	Thành viên HĐQT độc lập	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
31/03/2025 - nay	Thành viên HĐTV	Sunshine Healthcare Srilanka
11/09/2025 - nay	Thành viên HĐTV	Tvs Infrastructure Investment Manager Private Limited

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐTV - Sunshine Healthcare Srilanka;
  - Thành viên HĐTV - TVS Infrastructure Investment Manager Private Limited
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên HĐQT độc lập	0	Không có
Năm 2025	Thành viên HĐQT độc lập	0	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên HĐQT độc lập	0	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với

Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

e) Bà Bùi Hương Giang - Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
2002 - 2006	Nhân viên kinh doanh	Công ty TNHH Tân Long Vân
2007 - 2013	Quản lý kinh doanh nông sản nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chi nhánh Hồ Chí Minh	CTCP Tân Long
2014 - 03/2017	Giám đốc điều hành ngành nông sản nguyên liệu TĂCN phía Nam Việt Nam	CTCP HUM
4/2017 - 6/2020	Giám đốc điều hành ngành nông sản	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
7/2020 - 2/2021	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
03/02/2021 - nay	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
05/12/2020 - 28/9/2022	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật	CTCP Siba Food Việt Nam
12/2020 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên
12/2020 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
12/2020 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
12/2020 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh
12/2020 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh
05/2021 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1
05/2021 - nay	Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 2
05/2021 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh
05/2021 - nay	Tổng Giám đốc và Người đại diện pháp luật	CTCP Chăn nuôi Công nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh
03/2021 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh
08/2021 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định
12/2021 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh
02/2022 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước
05/2022 - nay	Giám đốc và Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng
09/2022 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn
08/2022 - nay	Giám đốc và Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu
11/2022 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
02/2023 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Tây An Khánh
08/2023 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Phân bón hữu cơ vi sinh BAF
10/2023 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm BAF Tây Ninh
11/2023 - nay	Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam
12/2024 - nay	Giám đốc và Người đại diện pháp luật	CTCP Phát triển Nông nghiệp sạch Thanh Xuân
04/2025 - nay	Giám đốc và Người đại diện pháp luật	CTCP Chăn nuôi TMC
03/2025 - nay	Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1
03/2025 - nay	Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2
03/2025 - nay	Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Sản xuất TĂCN BAF Tây Ninh 1
06/2025 - nay	Giám đốc và Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Hòa Phát Bốn
07/2025 - nay	Giám đốc và Người đại diện pháp luật	CTCP Chăn nuôi CNC Thành Đạt Gia Lai
10/2025 - nay	Giám đốc và Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương
01/2025 - nay	Giám đốc và Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Tuyết Hoa Đắk Lắk
2/2025 - 6/2025	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Xuân Nghi Phát

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
8/2024 - nay	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến
1/2025 - nay	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát
1/2025 - nay	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Như trên.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 9.586.505 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,63% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	710.776.927	793.730 cổ phiếu
Năm 2025	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.561.153.952	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc BAF gồm 04 thành viên, cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện tại như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc
2	Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc

a) Bà Bùi Hương Giang - Tổng Giám đốc

Như đã trình bày ở mục 3.1 chương VI.

b) Ông Trương Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc

– Năm sinh: 1986

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
2009 - 2012	Nhân viên QLDA Đầu tư 2	CTCP Xây dựng Số 8
2013 - 2016	GS/QA/QC/QS/ Chỉ huy phó	CTCP Đầu tư Xây dựng Viteccons
2016 - 8/2022	Chỉ huy trưởng	CTCP Đầu tư Xây dựng Viteccons
9/2022 - 1/2024	Trưởng Ban Kiểm soát Tài chính	CTCP Đầu tư Xây dựng Viteccons
01/02/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
25/7/2023 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1
01/02/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc	CTCP Chăn nuôi Công nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh
19/11/2025 - nay	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 2
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh
20/11/2025 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	CTCP Chăn nuôi Công nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh
03/06/2025 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước
20/11/2025 - nay	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn
20/11/2025 - nay	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
		nuôi Kim Hợi
05/03/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Tây An Khánh
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Phân bón hữu cơ vi sinh BAF
01/02/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm BAF Tây Ninh
01/02/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam
06/12/2024 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Phát triển Nông nghiệp sạch Thanh Xuân
20/11/2025 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Chăn nuôi TMC
04/03/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1
04/03/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2
04/03/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất TĂCN BAF Tây Ninh 1
19/11/2025 - nay	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Hòa Phát Bốn
22/7/2025 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Chăn nuôi CNC Thành Đạt Gia Lai
27/10/2025 - nay	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương
15/12/2025 - nay	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Tuyết Hoa Đắk Lắk
17/7/2025 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc, Người đại diện pháp luật	Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình
13/5/2026 - nay	Thành viên Hội đồng thành viên	Công ty TNHH Hùng Phát Farm Một
29/05/2026 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hân

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
01/06/2026 – 11/06/2026	Phó Giám đốc	Công Ty TNHH Chăn nuôi Sáng Kiến
23/06/2026 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc và người đại diện theo pháp luật	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Hà Nội 1
23/06/2026 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc và người đại diện theo pháp luật	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Hà Nội 2
23/06/2026 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc và người đại diện theo pháp luật	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội
23/06/2026 - nay	Chủ tịch công ty, Giám đốc và người đại diện theo pháp luật	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Như trên.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 24.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00658% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Phó Tổng Giám đốc	480.156.748	Không có
Năm 2025	Phó Tổng Giám đốc	1.304.206.200	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Phó Tổng Giám đốc	0	Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

c) Ông Nguyễn Văn Minh - Phó Tổng Giám đốc

– Năm sinh: 1983

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Thú y

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
8/2008 - 10/2017	Giảng viên	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
11/2017 - 2/2021	Giám đốc thú y	CTCP Tập đoàn Mavin
3/2022 - 11/2024	Giám đốc	CTCP Tư vấn và Đào tạo thú y 24 giờ
3/2021 - 11/2024	Tổng Giám đốc	CTCP Dịch vụ sức khỏe động vật Vet24h
29/11/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam

– Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc.

– Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

– Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 5.880 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00161% vốn điều lệ.
- Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Phó Tổng Giám đốc	480.156.748	Không có
Năm 2025	Phó Tổng Giám đốc	1.304.206.200	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Phó Tổng Giám đốc	0	Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

d) Ông Ngô Cao Cường - Phó Tổng Giám đốc

– Năm sinh: 1987

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
4/2010 - 6/2010	Chuyên viên kỹ thuật heo	Công ty Chiahsin (TTC)
7/2010 - 4/2011	Trưởng phòng kỹ thuật	Công ty ANT (VN)
5/2011 - 3/2013	Chuyên viên kỹ thuật	Công ty Pfizer Animal Health (VN)
3/2013 - 6/2015	Giám đốc Key Accounts	Công ty MSD (VN)
7/2015 - 6/2023	Giám đốc kỹ thuật ngành heo	Công ty Ceva Animal Health VN

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
12/2008 - 1/2010	NV Kế toán thanh toán	CTCP GreenFeed Việt Nam
1/2010 - 7/2012	Chuyên viên kiểm soát nội bộ	CTCP GreenFeed Việt Nam
7/2012 - 7/2013	Chuyên viên kiểm toán nội bộ	CTCP giống cây trồng Miền Nam
7/2013 - 7/2016	Kế toán tổng hợp - Kế toán trưởng	Công ty TNHH GreenFarm Hưng Yên
10/2016 - 1/2018	Kế toán trưởng - Tài chính	CTCP GrowFeed Việt Nam
1/2018 - 6/2020	Quản lý tài chính kế toán	CTCP Tập đoàn Pacific Healthcare
6/2020 - 3/2022	Quản lý tài chính kế toán	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
3/2022 - 28/5/2023	Kế toán trưởng	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
29/5/2023 – 17/03/2026	Giám đốc Tài chính	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
29/11/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 2
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
29/11/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc	CTCP Chăn nuôi Công nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Tây An Khánh
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Phân bón hữu cơ vi sinh BAF
29/11/2024 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm BAF Tây Ninh
29/11/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam
06/12/2024 - nay	Phó Giám đốc	CTCP Phát triển Nông nghiệp sạch Thanh Xuân
18/4/2025 - nay	Phó Giám đốc	CTCP Chăn nuôi TMC

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
04/03/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1
04/03/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2
04/03/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất TĂCN BAF Tây Ninh 1
25/06/2025 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Hòa Phát Bốn
13/8/2025 - nay	Phó Giám đốc	CTCP Chăn nuôi CNC Thành Đạt Gia Lai
29/10/2025 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương
17/7/2025 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình
20/03/2026 – 11/6/2026	Phó Giám đốc	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Ea Lâm
29/05/2026 - nay	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hân
01/06/2026 - 11/6/2026	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Chăn nuôi Sáng Kiến

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Như trên.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 74.285 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02036% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc tài chính	588.388.229	Không có
Năm 2025	Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc tài chính	1.327.217.160	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Phó Tổng Giám đốc	0	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát BAF gồm 03 thành viên, cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện tại cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát

a) Bà Dương Thị Hồng Tân - Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
20/11/2019 - 05/2024	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
6/2024 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
12/2018 - 15/11/2019	Kế toán trưởng	CTCP Thực sự Chăm sóc Việt Nam
7/2017 - 7/12/2018	Kế toán trưởng kiêm Kế toán tổng hợp	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Âu Châu
6/2015 - 7/2017	Kế toán tổng hợp	CTCP Sơn Dầu khí Việt Nam
3/2013 - 5/2015	Kế toán kho - Kế toán thanh toán	CTCP Sơn Dầu khí Việt Nam
1/2008 - 3/2013	Nhân viên kỹ thuật	CTCP Sơn Dầu khí Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Trưởng Ban Kiểm soát	0	Không có
Năm 2025	Trưởng Ban Kiểm soát	546.774.250	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Trưởng Ban Kiểm soát	0	Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

b) Bà Trần Thị Thanh Trà - Thành viên Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
1/2025 - nay	Chuyên viên phòng Quản lý dự án	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
9/2020 - 12/2024	Trợ lý phòng Quản lý dự án	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
7/2020 - 8/2020	Trưởng bộ phận Hành chính	CTCP Thực sự Chăm sóc Việt Nam
8/2019 - 6/2020	Chuyên viên Pháp chế	CTCP HUM
9/2018 - 7/2019	Chuyên viên Pháp chế	Chi nhánh số 03 Công ty TNHH Hòa Bình Minh
8/2017 - 8/2018	Phó phòng Hành chính Nhân sự	Chi nhánh Tổng Công ty TNHH Hòa Bình Minh

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn

điều lệ: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên Ban Kiểm soát	0	Không có
Năm 2025	Thành viên Ban Kiểm soát	397.531.071	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên Ban Kiểm soát	0	Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

c) Bà Lưu Ngọc Trâm - Thành viên Ban Kiểm soát

– Năm sinh: 1990

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Tài chính

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
Hiện nay	Thành viên Ban Kiểm soát	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
6/2013 - 10/2020	Chuyên viên phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp	CTCP Chứng khoán phố Wall
10/2020 - 10/2021	Chuyên viên phòng Tài chính	CTCP Tập đoàn Tân Long
10/2021 - nay	Chuyên viên phòng Tài chính	CTCP Siba Holdings

– Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát.

– Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

– Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

– Lợi ích liên quan tới TCPH:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Thành viên Ban Kiểm soát	27.000.000	Không có
Năm 2025	Thành viên Ban Kiểm soát	81.000.000	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Thành viên Ban Kiểm soát	0	Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.4. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng hiện tại của BAF là bà Phan Thị Kim Trang. Thông tin chi tiết:

– Năm sinh: 1990

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
09/2011 - 01/2013	Kế toán thanh toán	Công ty CP Cơ Điện Lạnh Việt
12/2013 - 05/2026	Kế toán tổng hợp	Công ty CP Công Nghệ Và Đầu Tư Đông Nam Tây Ninh

Thời gian	Chức vụ nắm giữ	Đơn vị công tác
06/2016 - 04/2018	Kế toán tổng hợp	Công ty CP Quốc Tế Phong Phú
05/2018 - 08/2022	Kế toán trưởng	Công ty TNHH Sinh Sung
09/2022 - 02/2024	Kế toán tổng hợp	Công ty CP Thực Phẩm Cánh Đồng Việt
04/2024 - 07/2026	Kế toán trưởng công ty thành viên BAF	Công ty TNHH Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh Công ty TNHH Nông Nghiệp BAF Bình Định Chi nhánh Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh Công ty CP Phát Triển Nông Nghiệp Sạch Thanh Xuân
Hiện nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Như trên.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
  - Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan tới TCPH:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời gian	Chức danh	Thù lao, tiền lương thưởng (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2024	Không có	0	Không có
Năm 2025	Không có	0	Không có
6 tháng đầu năm 2026	Không có	0	Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 40.536.100 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 405.361.000.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Giá chào bán được tính dựa trên căn cứ:

(i) Giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF tại ngày 31/03/2026 (theo BCTC Quý 1/2026) là khoảng 13.500 đồng/cổ phiếu (riêng lẻ) và 14.000 đồng/cổ phiếu (hợp nhất).

(ii) Giá thị trường của cổ phiếu BAF, được xác định theo giá đóng cửa (điều chỉnh) bình quân trong vòng 30 ngày kể từ ngày 18/05/2026 đến ngày 26/06/2026 là khoảng 29.100 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF, giá thị trường, nhu cầu tăng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Phương án sử dụng vốn, đồng thời nhằm khuyến khích cổ đông gắn bó với Công ty và đảm bảo tính khả thi của đợt chào bán, HĐQT đề xuất giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu. Giá chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua.

7. Phương thức phân phối

- Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 9:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).
- Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết.

  Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 335 cổ phiếu BAF. Với tỷ lệ thực hiện quyền 9:1, cổ đông A được quyền mua 335/9 × 1 = 37,2 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 37 cổ

phiếu. Phần lẻ phát sinh là 0,2 cổ phiếu sẽ không được phân phối và được tổng hợp để xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết quy định tại Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết:
  + Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm: Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm: (i) cổ phiếu lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn, (ii) số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua và/hoặc không đăng ký mua hết và/hoặc đến hạn nộp tiền mua cổ phiếu mà không nộp đủ tiền mua.
  + HĐQT sẽ quyết định tiếp tục phân phối số cổ phiếu này và việc phân phối đảm bảo các quy định sau:
    (i) HĐQT sẽ quyết định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư, số lượng cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư. Giá chào bán cho các nhà đầu tư này không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và các điều kiện chào bán không được ưu đãi hơn so với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua;
    (ii) Việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 21/12/2020, đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành;
    (iii) Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết khi phân phối cho nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;
    (iv) Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết thì số cổ phiếu chưa chào bán hết này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu

Không có.

8.2. Thời hạn đăng ký mua

Thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông tối thiểu là 20 ngày. Thời gian đăng ký cụ thể thực hiện theo Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

8.3. Phương thức đăng ký và Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu

- Cổ đông làm thủ tục đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua theo hướng dẫn tại Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận

đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

- Tiền mua cổ phiếu được chuyển khoản vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu nêu tại mục 11 phần VII dưới đây.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán dự kiến: Dự kiến trong Quý III - Quý IV/2026, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin và phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xem xét báo cáo UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Bảng 48. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

STT	Công việc	Thời gian thực hiện
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực.	T
2	Công bố thông tin phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T + 1 đến T + 5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu.	T + 6 đến T + 7
4	Ngày đăng ký cuối cùng.	T + 17
5	Nhận danh sách tổng hợp cổ đông được phân bổ quyền mua.	T + 17 đến T + 24
6	Cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua.	T + 24 đến T + 44
7	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.	T + 51
8	HĐQT thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết và thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có).	T + 53 đến T + 68
9	Gửi báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN và công bố thông tin.	T + 69
10	Chuyển giao cổ phiếu và Thực hiện đăng ký bổ sung, niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm.	T + 69 đến T + 83

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần. Người

nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư thực hiện mua lại quyền mua từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
- Các cổ đông trong tình trạng bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết khi phân phối cho nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên tài khoản: Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
- Số tài khoản: 110003068212.
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn.

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổ Chức Phát Hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc tăng vốn điều lệ.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Không áp dụng vì Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ theo văn bản số 705/UBCK-QLCB ngày 20/02/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam là 39,1304%.

Theo thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tại ngày 10/09/2026, số lượng cổ phiếu BAF do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 15.096.885 cổ phiếu, chiếm 4,14% Vốn điều lệ Công ty.

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam cam kết sử dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026, tất cả cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua được thực hiện quyền mua của mình. Khi xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết, Công ty sẽ chào bán cho các nhà đầu tư trong nước, không chào bán cho nhà đầu tư

nước ngoài để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định.

15. Các loại thuế có liên quan

14.1. Các loại thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán

❖ **Thuế thu nhập cá nhân:**

Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thực hiện theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo quy định hiện hành, thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân được tính bằng 0,1% giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.

❖ **Thuế giá trị gia tăng:**

Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng. Việc thực hiện chính sách thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chứng khoán được áp dụng theo Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành, trong đó có Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/07/2025.

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Đối với nhà đầu tư là tổ chức, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán được xác định và chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 và Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Đối với tổ chức trong nước, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Đối với doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán tại Việt Nam thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài và các quy định có liên quan.

14.2. Các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành

❖ **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**

Công ty thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025, Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/10/2025.

Theo quy định hiện hành, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo mức doanh thu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Đối với Công ty, căn cứ quy mô doanh thu, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng là 20%.

❖ **Thuế giá trị gia tăng:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 08%.

❖ **Các loại thuế khác:**

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Ngoài ra, Công ty cam kết đảm bảo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Ngoài đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nêu tại Bản cáo bạch này, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20.07.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/07/2026 với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cho người lao động là 8.000.000 cổ phiếu, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Đợt phát hành ESOP dự kiến được thực hiện đồng thời với đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và trước đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng trong năm 2026, dự kiến trong Quý III - Quý IV/2026. Lộ trình triển khai các đợt phát hành dự kiến như sau:

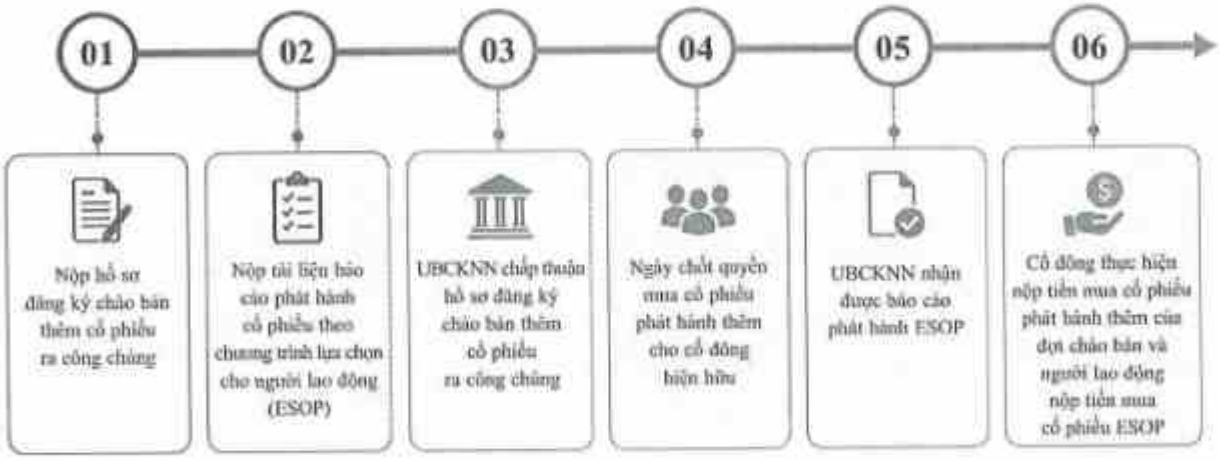

Tại thời điểm xây dựng Bản cáo bạch này, Công ty đang chuẩn bị tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) gửi UBCKNN.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thực hiện phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 nhằm thực hiện các mục đích như sau:

- Huy động vốn để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Nâng cao uy tín, hình ảnh của BAF trước các đối tác, khách hàng để tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán (chưa khấu trừ các phí, chi phí phát sinh liên quan đến đợt chào bán) là 608.041.500.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán để sử dụng cho các mục đích với thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện
	Thanh toán công nợ cho nhà cung cấp cám, giống heo, phụ gia và các nguyên vật liệu, hàng hóa khác trong hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi của BAF	608.041.500.000	Quý IV/2026 - Quý II/2027
1	*Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh (mã số thuế: 3901312793) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2025.*	*220.000.000.000*	*Quý IV/2026 - Quý II/2027*
2	*Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu (mã số thuế: 3901303492) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TC-BAF ngày 01/01/2025.*	*100.000.000.000*	*Quý IV/2026 - Quý II/2027*
3	*Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định (mã số thuế: 4101602537) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2026/HĐNT/BAFBD-BAF ngày 01/3/2026*	*80.000.000.000*	*Quý IV/2026 - Quý II/2027*

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện
4	*Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (*) (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2025.*	*208.041.500.000*	*Quý IV/2026 - Quý II/2027*
	Tổng cộng	**608.041.500.000**	

(*) Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh đã được đổi tên từ Công ty cổ phần Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901152973 do Sở Tài chính Tây Ninh cấp ngày 03/06/2025.

- Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn chi tiết do HĐQT thông qua, Công ty được quyền mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi, đảm bảo phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.
- Phương án xử lý trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán hoặc không thu đủ số vốn huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, để thực hiện mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua, tùy vào tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
  - (i) Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
  - (ii) Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra;
  - (iii) Cắt giảm nguồn vốn phân bổ cho các mục đích có sự ưu tiên thấp hơn do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

1. Thông tin chi tiết về các khoản nợ

STT	Tên nhà cung cấp	Số giấy CNĐKDN hoặc tài liệu tương đương	Địa chỉ trụ sở chính	Mối quan hệ với TCPH và người có liên quan của TCPH	Thông tin về hợp đồng	Loại hàng hóa	Dư nợ tại ngày 30/06/2026 (đồng)	Thời hạn thanh toán	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	3901312793	Thửa đất số 5,6,7,8 tờ bản đồ 109, Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh	Công ty con	Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2025	Mua cám, heo và hàng hóa khác	303.401.861.450	Tối đa 180 ngày tính từ ngày BAF nhận đầy đủ chứng từ của bên bán.	Quý IV/2026 - Quý II/2027
2	Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	3901303492	Tổ 6, Ấp 4, Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh	Công ty con	Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TC-BAF ngày 01/01/2025	Mua cám, heo và hàng hóa khác	129.609.369.440	Tối đa 180 ngày tính từ ngày BAF nhận đầy đủ chứng từ của bên bán.	Quý IV/2026 - Quý II/2027
3	Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định	4101602537	Lô E5, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, Phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.	Công ty con	Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2026/HĐNT/BAFBD-BAF ngày 01/3/2026	Mua cám và hàng hóa khác	165.206.503.500	Tối đa 180 ngày tính từ ngày BAF nhận đầy đủ chứng từ của bên bán.	Quý IV/2026 - Quý II/2027
4	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh	3901152973	Lô A20, Đường N8B, KCN Thành Thành Công, Phường Tráng Bàng, Tây Ninh	Công ty con	Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2025	Mua cám và hàng hóa khác	259.803.711.020	Tối đa 180 ngày tính từ ngày BAF nhận đầy đủ chứng từ của bên bán.	Quý IV/2026 - Quý II/2027

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính	:	Tầng 28, Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại	:	(84.28) 3824 5252
Website	:	www.ey.com/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Trụ sở chính	:	Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	0246 2762 666 Fax: 024 6276 5666
Website	:	agriseco.com.vn

2. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách thận trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

- Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng lần này nhằm huy động vốn để Thanh toán công nợ cho nhà cung cấp cám, giống heo, phụ gia và các nguyên vật liệu, hàng hóa khác trong hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi của BAF. Việc tăng vốn điều lệ giúp Tổ chức phát hành có nguồn vốn để nâng cao quy mô hoạt động; nâng cao năng lực tài chính, cân đối nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2026 và những năm tiếp theo;
- Khối lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đợt này là 40.536.100 cổ phần. Giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phần, thấp hơn giá thị trường.

Với những nhận định trên, chúng tôi - Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank cho rằng đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổ chức phát hành là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 09 năm 2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG SỸ BÁ	BÙI HƯƠNG GIANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN THỊ KIM TRANG

Hà Nội, ngày 11 tháng 09 năm 2026

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI ĐỨC THẮNG

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107795944 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2026;
2. Phụ lục 2: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 số 20.07.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/07/2026 của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam; kèm Tờ trình về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 số 02/2026/TTr-HĐQT ngày 01/07/2026;
3. Phụ lục 3: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24.07.2026/NQ-HĐQT ngày 24/7/2026 về việc phê duyệt triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
4. Phụ lục 4: Điều lệ Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam;
5. Phụ lục 5: Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) bán niên soát xét năm 2026 của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam;
6. Phụ lục 6: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ từ ngày 26/03/2025 đến ngày 10/04/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000 đồng từ ngày 25/11/2025 đến ngày 09/01/2026 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0107795944

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 04 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 23, ngày 10 tháng 07 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAF VIET NAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAF.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp , Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *0766074787* Số Fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ: 3.648.249.060.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 364.824.906

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: BÙI HƯƠNG GIANG Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *30/11/1980* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân:

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc:

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN **NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM** ***BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY*** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom – Happiness*** ----------
Số/*Ref*: 20.07.2026/NQ-ĐHĐCĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2026* *Ho Chi Minh City, July 20, 2026*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
(Được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)
(Adopted by way of shareholders' written opinions)

Căn cứ/*Pursuant to*:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;*

  The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on June 17, 2020, as amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022 and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025;

- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;*

  The Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam on November 26, 2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024;

- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;*

  Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/NĐ-CP dated September 11, 2025;

- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam;*

  The Charter on Organization and Operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company;

- *Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 20.07.2026BB-ĐHĐCĐ ngày 20/07/2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.*

  Minutes of Vote Counting for Shareholders' Written Opinion Solicitation No. 20.07.2026BB-ĐHĐCĐ dated July 20, 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

QUYẾT NGHỊ
RESOLVES

Điều 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Phương án Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026 (ESOP) (chi tiết theo tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT ngày 01/07/2026 của HĐQT).

Article 1: *Approval of the amendment and supplementation of the 2026 Employee Stock Ownership Plan (ESOP) Share Issuance Plan (details in Proposal No. 01/2026/TTr-HĐQT dated July 01, 2026, issued by the Board of Directors).*

Điều 2: Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 (chi tiết theo tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT ngày 01/07/2026 của HĐQT).

Article 2: *Approval of the plan for the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026 (as detailed in Proposal No. 02/2026/TTr-HĐQT dated July 01, 2026, issued by the Board of Directors).*

Điều 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 3: *Members of the Board of Directors, the Board of Management, relevant functional departments and individuals shall be responsible for implementing this Resolution.*

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./

This Resolution shall take effect from the date of signing./.

Nơi nhận:

Recipients:

- *Các cổ đông (đăng trên website Công ty);*
  Shareholders (via publication on the Company's website);
- *UBCKNN, Sở GDCK (b/cáo);*
  State Securities Commission of Vietnam, Stock Exchange (for reporting);
- *Thành viên HĐQT, BTGĐ, BKS;*
  Members of the BOD, Board of Management and Supervisory Board;
- *Lưu VP.*
  Filed at the Office.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

FOR AND ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

CHỦ TỊCH HĐQT

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP AF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Sỹ Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN **NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM** ***BAF VIETNAM AGRICULTURE*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence – Freedom – Happiness***
Số.*No:* 02/2026/TTr-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2026* *Ho Chi Minh City, July 01, 2026*

TỜ TRÌNH

PROPOSAL

V/v: Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026

Re: Approval of the plan for the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam

To: Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
  Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, as amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022, and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
  Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;
  Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;
  Pursuant to Circular No. 118/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, of the Ministry of Finance guiding a number of contents on offering and issuing securities, tender offers, share repurchases, registration of public companies, and cancellation of public

company status, as amended and supplemented by Circular No. 115/2025/TT-BTC dated December 15, 2025;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty/Công ty BAF/BAF");
  Pursuant to the Charter of Organization and Operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("the Company/BAF Company/BAF");
- Căn cứ nhu cầu thực tế tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
  Pursuant to the actual needs of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.

Hội đồng quản trị **("HĐQT")** Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam **("Công ty/Công ty BAF/BAF")** kính trình Đại hội đồng cổ đông **("ĐHĐCĐ")** thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam như sau:

*The Board of Directors ("**BOD**") of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company ("**The Company/BAF Company/BAF**") respectfully submits to the General Meeting of Shareholders ("**GMS**") for approval the plan for the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company as follows:*

I. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CHÀO BÁN

I. PURPOSE OF THE OFFERING

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thực hiện phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 nhằm thực hiện các mục đích như sau:

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company is implementing the plan for the public offering of shares to existing shareholders in 2026 to achieve the following purposes:

- Huy động vốn để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  To mobilize capital to supplement the capital sources serving the Company's production and business activities;
- Nâng cao uy tín, hình ảnh của BAF trước các đối tác, khách hàng để tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
  To enhance BAF's reputation and image among partners and customers in order to strengthen its position and competitiveness in production and business activities.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 được trình bày chi tiết tại **Mục III** của tờ trình này.

*The plan for using the capital raised from the public offering of shares to existing shareholders in 2026 is detailed in **Section III** of this proposal.*

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU/ *SHARE OFFERING PLAN:*

1. Tên tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of issuer: BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of shares: Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
3. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông.
   Type of shares to be offered: Ordinary shares.

4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Par value: VND 10,000/share.

5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 364.824.906 cổ phiếu.

Number of issued shares: 364,824,906 shares.

Trong đó/*Of which:*

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 364.824.906 cổ phiếu.

Number of outstanding shares: 364,824,906 shares.

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Number of treasury shares: 0 shares.

6. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 40.536.100 cổ phiếu.

Expected number of shares to be offered: 40,536,100 shares.

7. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá: 405.361.000.000 đồng.

Total expected value of offered shares at par value: VND 405,361,000,000.

8. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 4.053.610.060.000 đồng.

Expected charter capital after the offering: VND 4,053,610,060,000.

9. Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu.

Offering price: VND 15,000/share.

10. Cơ sở đề xuất mức giá chào bán: Giá chào bán được tính dựa trên căn cứ:

Basis for proposing the offering price: The offering price is calculated based on the following:

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF tại ngày 31/03/2026 (theo BCTC Quý 1/2026) là khoảng 13.500 đồng/cổ phiếu (riêng lẻ) và 14.000 đồng/cổ phiếu (hợp nhất).

  The book value of BAF shares as of March 31, 2026 (according to the Q1/2026 Financial Statements) is approximately VND 13,500/share (separate) and VND 14,000/share (consolidated).

- Giá thị trường của cổ phiếu BAF, được xác định theo giá đóng cửa (điều chỉnh) bình quân trong vòng 30 ngày kể từ ngày 18/05/2026 đến ngày 26/06/2026 là khoảng 29.100 đồng/cổ phiếu.

  The market price of BAF, determined by the average adjusted closing price over the 30-day period from May 18, 2026, to June 26, 2026 is approximately VND 29,100 per share.

- Căn cứ giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF, giá thị trường, nhu cầu tăng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Phương án sử dụng vốn tại Mục III, đồng thời nhằm khuyến khích cổ đông gắn bó với Công ty và đảm bảo tính khả thi của đợt chào bán, HĐQT đề xuất giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu.

  Based on the book value of BAF shares, the market price of BAF, the need to increase capital for production and business activities according to the Capital Utilization Plan in Section III, and simultaneously to encourage shareholders' long-term commitment to the Company and ensure the feasibility of the offering, the BOD proposes an offering price of VND 15,000/share.

11. Tổng số tiền huy động được từ đợt chào bán dự kiến: 608.041.500.000 đồng.

Total expected proceeds mobilized from the offering: VND 608,041,500,000.

12. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.

Offering method: Public offering of additional shares to existing shareholders through the exercise of rights.

13. Đối tượng chào bán: Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.

Target subjects of the offering: Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company who are domestic and foreign organizations and individuals named in the list on the final registration date to close the list of shareholders to exercise the right to purchase shares, as issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation in accordance with regulations.

14. Tỷ lệ chào bán (số lượng cổ phiếu chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đăng ký chào bán): 1/9 (tương đương khoảng 11,1111109%)

Offering ratio (number of offered shares / number of outstanding shares at the time of offering registration): 1/9 (equivalent to approximately 11.1111109%).

15. Tỷ lệ thực hiện quyền: 9:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 09 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).

Rights exercise ratio: 9:1 (a shareholder owning 01 share will be entitled to 01 purchase right; every 09 purchase rights will entitle the holder to purchase 01 new share).

16. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại **Khoản 19**.

*Rounding principle: The number of additional shares offered to existing shareholders will be rounded down to the nearest whole unit; fractional shares (if any) will be aggregated and handled according to the plan for handling fractional and undistributed shares stated in **Clause 19**.*

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 335 cổ phiếu BAF. Với tỷ lệ thực hiện quyền 9:1, cổ đông A được quyền mua 335/9 × 1 = 37,2 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 37 cổ phiếu. Phần lẻ phát sinh là 0,2 cổ phiếu sẽ không được phân phối và được tổng hợp để xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết quy định tại **khoản 19**.

Example: On the record date to close the shareholder list for exercising rights, Shareholder A owns 335 BAF shares. With the 9:1 exercise ratio, Shareholder A is entitled to purchase 335/9 × 1 = 37.2 new shares. According to the rounding down principle, Shareholder A is entitled to purchase 37 shares. The resulting 0.2 fractional

share will not be distributed and will be aggregated to be handled according to the plan for handling fractional and undistributed shares stipulated in ***Clause 19****.*

17. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu được quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần; người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Giá chuyển nhượng quyền mua và việc thanh toán tiền chuyển nhượng do bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

    Transfer of purchase rights: Existing shareholders named in the shareholder list on the final registration date to exercise purchase rights are entitled to transfer their purchase rights to others within the prescribed time limit. The purchase right may only be transferred one (01) time; the transferee of the purchase right may not subsequently transfer it to a third party. The transfer price of the purchase right and the payment for the transfer shall be mutually agreed upon by the transferor and the transferee, who shall be self-responsible for executing it in compliance with legal regulations.

18. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 19. Cổ đông sở hữu cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua và số cổ phiếu phát hành thêm từ việc thực hiện quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

    Transfer restrictions: Shares offered to existing shareholders are not subject to transfer restrictions, except for the cases stipulated in Clause 19. Shareholders owning shares that are currently restricted from transfer will still receive purchase rights, and the additionally issued shares resulting from the exercise of these purchase rights will not be subject to transfer restrictions.

19. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết:

    Plan for handling fractional shares and undistributed shares:

- Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm: (i) cổ phiếu lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn, (ii) số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua và/hoặc không đăng ký mua hết và/hoặc đến hạn đóng tiền mua cổ phiếu mà không đóng tiền mua.

  Fractional shares and undistributed shares include: (i) fractional shares arising due to the rounding principle, (ii) the number of shares that shareholders decline to purchase and/or do not register to purchase in full, and/or fail to pay for by the purchase payment deadline.

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tiếp tục phân phối số cổ phiếu này; quyết định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư, số lượng cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư. Giá chào bán cho các nhà đầu tư này không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và các điều kiện chào bán không được ưu đãi hơn so với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua;

  The GMS authorizes the BOD to decide on the continued distribution of these shares; to decide on the criteria, the list of investors, and the number of shares distributed to each

investor. The offering price for these investors shall not be lower than the offering price for existing shareholders, and the offering conditions shall not be more favorable than the offering plan for existing shareholders approved by the GMS;

- Việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 21/12/2020, đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành;

  The handling of fractional shares and undistributed shares for existing shareholders must ensure compliance with Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 21, 2020, Clause 2, Article 195 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and other relevant provisions of current laws;

- Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết khi phân phối cho nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

  The number of fractional shares and undistributed shares, when distributed to other investors upon the BOD's decision, will be restricted from transfer for 01 year from the completion date of the offering;

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết thì số cổ phiếu chưa chào bán hết này được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

  In the event that the share distribution period expires according to legal regulations (including any permitted extension time (if any)), if there are still unsold shares, these unsold shares shall be canceled, and the BOD shall issue a decision to terminate the offering.

20. Thời gian dự kiến chào bán: HĐQT thực hiện triển khai đồng thời đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và đợt phát hành ESOP và trước khi thực hiện đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng trong năm 2026. Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý III – Quý IV/2026, thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

    Expected offering timeframe: The BOD will concurrently implement the public share offering and the ESOP issuance, and prior to the public offering of convertible bonds in 2026. The expected implementation time is in Quarter III – Quarter IV/2026, with the specific timing decided by the Board of Directors.

21. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty thực hiện theo công văn số 705/UBCK-QLCB ngày 20/02/2023 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và được quy định ở mức 39,1304%. Do đó, việc chào bán cổ phiếu cũng sẽ đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 39,1304% vốn điều lệ để đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

    Plan to ensure the share issuance complies with the maximum foreign ownership ratio: The maximum foreign ownership ratio at the Company complies with Official Letter No. 705/UBCK-QLCB dated February 20, 2023, of the State Securities Commission and is

set at 39.1304%. Therefore, the share offering will also ensure that the ownership ratio of Foreign Investors does not exceed 39.1304% of the charter capital to satisfy the condition regarding the maximum foreign ownership ratio at the Company in accordance with legal regulations.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

The GMS authorizes the BOD to approve the plan to ensure the share offering complies with regulations on the maximum foreign ownership limit at the Company.

22. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thành công của đợt chào bán sẽ được thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("HSX") sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

    Additional securities registration and additional listing registration: All successfully issued shares from the offering will undergo additional securities registration at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") and additional listing registration on the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HSX") after the completion of the offering, in strict compliance with relevant legal regulations.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

PLAN FOR USING CAPITAL RAISED FROM THE OFFERING

1. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán để sử dụng cho mục đích sau:

    The Company will use all expected proceeds mobilized from the offering for the following purpose:

STT *No.*	**Khoản mục** ***Item***	**Giá trị (đồng)** ***Value (VND)***	**Thời gian dự kiến thực hiện** ***Expected implementation time***
1 *1*	Thanh toán công nợ cho nhà cung cấp cám, giống heo, phụ gia và các nguyên vật liệu, hàng hóa khác trong hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi của BAF *Settling outstanding payments to suppliers of feed, pig breeds, additives, and other materials and goods related to BAF's livestock production and business operations.*	608.041.500.000 ***608,041,500,000***	Trong năm 2026 - 2027 *Within 2026 - 2027*
	Tổng cộng ***Total***	608.041.500.000 *608,041,500,000*	

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết của đợt chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

The GMS authorizes the BOD to develop a detailed capital utilization plan for the offering, ensuring shareholders' benefits and strict compliance with legal regulations.

Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn chi tiết do HĐQT thông qua, Công ty được quyền mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi, đảm bảo phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.

Regarding temporarily idle capital not yet disbursed according to the detailed capital utilization plan approved by the BOD, the Company has the right to open term deposit contract(s) to earn interest, ensuring alignment with the actual disbursement schedule of the capital utilization plan.

2. Phương án xử lý trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán hoặc không thu đủ số vốn huy động từ đợt chào bán

   Handling plan in case the offered shares are not fully distributed or the mobilized capital is insufficient

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, để thực hiện mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua, tùy vào tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

In the event that the offering period concludes and the Company fails to offer all registered shares, resulting in the raised proceeds being less than expected, in order to fulfill the purposes approved by the GMS and depending on the actual situation, the GMS authorizes the BOD to implement the following solutions:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

  Request an extension of the offering period to continue offering the remaining shares while ensuring compliance with legal regulations;

- Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra;

  Proceed to supplement the capital shortfall through other forms such as bank loans, corporate bond issuance, and other solutions in accordance with legal regulations and the Company's internal rules to execute the planned objectives;

- Cắt giảm nguồn vốn phân bổ cho các mục đích có sự ưu tiên thấp hơn do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn.

  Reduce the capital allocated for lower-priority purposes as decided by the BOD based on the Company's actual situation at the time of capital utilization.

IV. ỦY QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GMS'S AUTHORIZATION TO THE BOARD OF DIRECTORS

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan

đến đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như sau:

The General Meeting of Shareholders delegates and authorizes the BOD to perform tasks related to the public share offering, including but not limited to the following:

- Chủ động xây dựng, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chào bán chi tiết và giải trình hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty để đảm bảo thành công mà không cần xin lại ý kiến của Đại hội đồng cổ đông và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất. Các điều khoản trong phương án thay thế không khác biệt về giá và khối lượng cổ phiếu phát hành, đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và Công ty;

  Proactively develop, amend, supplement, and finalize the detailed offering dossier and explanations for the securities offering registration dossier submitted to the State Securities Commission and other competent authorities. Simultaneously, proactively adjust the Offering Plan and other relevant dossiers as requested by the State Securities Commission and other competent authorities in compliance with the law and the Company's Charter to ensure success, without needing to seek re-approval from the GMS, and report back to the GMS at the nearest meeting. The terms in the alternative plan shall not differ regarding the price and volume of issued shares, ensuring the maximum benefits for shareholders and the Company;

- Quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

  Decide on the plan to ensure the share offering complies with regulations on the foreign ownership limit;

- Quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết;

  Decide and execute the handling of fractional shares and undistributed shares;

- Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT được quyền thay đổi và/hoặc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty và các cổ đông. Việc thay đổi và/hoặc điều chỉnh phương án phát hành, phương án sử dụng vốn của HĐQT phải đảm bảo điều kiện thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh này (nếu có);

  Proactively develop and adjust the detailed capital utilization plan for each purpose. When necessary, the BOD is entitled to change and/or adjust the plan for using the proceeds from the offering to ensure the highest benefits for the Company and its shareholders. The BOD's changes and/or adjustments to the issuance plan or capital utilization plan must satisfy conditions falling within the BOD's deciding authority, comply with relevant legal regulations, and be reported to the nearest GMS regarding

these adjustments (if any);

- Chủ động lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng, thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sao cho phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và nhu cầu vốn của Công ty theo các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

  Proactively select the appropriate time to deploy the public share offering plan, and the record date to close the shareholder list for exercising rights in a manner suitable to the stock market situation and the Company's capital needs based on the contents approved by the General Meeting of Shareholders;

- Thực hiện đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại VSDC, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại HSX đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành thêm theo kết quả chào bán;

  Execute the additional registration of issued shares at VSDC and additional listing registration at HSX for the total number of ordinary shares additionally issued according to the offering results;

- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi cổ phần, vốn điều lệ phù hợp với kết quả của đợt chào bán và đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định;

  Carry out the amendment and supplementation of the Company's Charter related to the change in shares and charter capital corresponding to the results of the offering, and register the changes to the Enterprise Registration Certificate per regulations;

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng như các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

  Perform other tasks related to the public share offering plan in accordance with the contents approved by the GMS.

Trên đây là nội dung của Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Above are the contents of the Plan for the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026 of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company, which the Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval by voting.

Xin trân trọng cảm ơn!

Sincerely thank you!

Nơi nhận
- Như trên;
- Lưu HĐQT, BTGĐ, BKS;
- Lưu VT.

Recipients:
- As above;
- Filed: BOD, Board of Management, Supervisory Board;
- Filed: Administration.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN OF THE BOD

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Trương Sỹ Bá

CÔNG TY CỔ PHẦN **NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM** ***BAF VIETNAM AGRICULTURE*** ***JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom – Happiness***
Số/ *Ref*: 24.07.2026/NQ-HĐQT	TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2026 *Ho Chi Minh City, July 24, 2026*

NGHỊ QUYẾT

RESOLUTION

V/v: Triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Re: Approval of the implementation of the 2026 public offering of additional shares to existing shareholders and the plan for use of proceeds from the offering

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Pursuant to Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, as amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022 and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;

Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025;

- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;

Pursuant to Circular No. 118/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 of the Ministry of Finance providing guidance on certain matters relating to securities offerings and issuances,

public tender offers, share repurchases, public company registration and cancellation of public company status, as amended and supplemented by Circular No. 115/2025/TT-BTC dated December 15, 2025;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty");

Pursuant to the Charter on organization and operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (the "Company");

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản số 20.07.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/07/2026;

Pursuant to Resolution No. 20.07.2026/NQ-DHDCD dated July 20, 2026 of the General Meeting of Shareholders adopted by way of solicitation of shareholders' written opinions.

QUYẾT NGHỊ

RESOLVES

Điều 1: Phê duyệt triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam. Chi tiết như sau:

Article 1: To approve the implementation of the 2026 public offering of additional shares to existing shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company, with details as follows:

1. Tên tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of offering organization: BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
   Name of shares: Shares of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company.
3. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông.
   Type of shares offered: Ordinary shares.
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
   Par value: VND 10,000 per share.
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 364.824.906 cổ phiếu.
   Number of issued shares: 364,824,906 shares.
   Trong đó:
   Of which:
   - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 364.824.906 cổ phiếu.
     Number of outstanding shares: 364,824,906 shares.
   - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
     Number of treasury shares: 0 shares.
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 40.536.100 cổ phiếu.
   Number of shares registered for offering: 40,536,100 shares.
7. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá: 405.361.000.000 đồng.
   Total par value of shares expected to be offered: VND 405,361,000,000.
8. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 4.053.610.060.000 đồng.
   Expected charter capital after the offering: VND 4,053,610,060,000.
9. Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu.

Offering price: VND 15,000 per share.

10. Cơ sở đề xuất mức giá chào bán: Giá chào bán được xác định dựa trên các căn cứ sau:

    Basis for the proposed offering price: The offering price is determined based on the following grounds:

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF tại ngày 31/03/2026 (theo BCTC Quý I/2026) là khoảng 13.500 đồng/cổ phiếu (riêng lẻ) và 14.000 đồng/cổ phiếu (hợp nhất).

  The book value of BAF shares as at March 31, 2026, based on the Q1/2026 financial statements, was approximately VND 13,500 per share on a separate basis and VND 14,000 per share on a consolidated basis.

- Giá thị trường của cổ phiếu BAF, được xác định theo giá đóng cửa điều chỉnh bình quân trong 30 ngày từ ngày 18/05/2026 đến ngày 26/06/2026, là khoảng 29.100 đồng/cổ phiếu.

  The market price of BAF shares, determined based on the average adjusted closing price over the 30-day period from May 18, 2026 to June 26, 2026, was approximately VND 29,100 per share.

- Căn cứ giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF, giá thị trường, nhu cầu tăng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn, đồng thời nhằm khuyến khích cổ đông gắn bó với Công ty và đảm bảo tính khả thi của đợt chào bán, HĐQT đề xuất giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu. Giá chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua.

  Based on the book value and market price of BAF shares, the need to increase capital for production and business activities under the plan for use of proceeds, and with a view to encouraging shareholders to maintain their long-term association with the Company and ensuring the feasibility of the offering, the BOD proposed an offering price of VND 15,000 per share. The offering price was approved by the GMS.

11. Tổng số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán: 608.041.500.000 đồng.

    Total proceeds expected to be raised from the offering: VND 608,041,500,000.

12. Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.

    Form of offering: Public offering of additional shares to existing shareholders by way of rights exercise.

13. Đối tượng chào bán: Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp theo quy định.

    Eligible offerees: Domestic and foreign institutional and individual shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company whose names appear on the shareholder list as at the record date for exercising the share purchase rights, as provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation in accordance with applicable regulations.

14. Tỷ lệ chào bán (số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 1/9 (tương đương khoảng 11,1111109%).

    Offering ratio (number of shares registered for offering/number of outstanding shares): 1/9 (equivalent to approximately 11.1111109%).

15. Tỷ lệ thực hiện quyền: 9:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua; cứ 09 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).

    Rights exercise ratio: 9:1 (a shareholder holding one share will receive one purchase right; every nine purchase rights entitle the holder to purchase one new share).

16. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết nêu tại Khoản 19.

Rounding principle: The number of additional shares offered to each existing shareholder will be rounded down to the nearest whole share. Any fractional shares will be aggregated and handled in accordance with the plan for fractional and unsubscribed shares set out in Clause 19.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 335 cổ phiếu BAF. Với tỷ lệ thực hiện quyền 9:1, cổ đông A được quyền mua 335/9 × 1 = 37,2 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 37 cổ phiếu. Phần lẻ phát sinh là 0,2 cổ phiếu sẽ không được phân phối và được tổng hợp để xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết quy định tại Khoản 19.

Example: As at the record date for exercising the rights, Shareholder A holds 335 BAF shares. At the rights exercise ratio of 9:1, Shareholder A is entitled to purchase 335/9 × 1 = 37.2 new shares. After rounding down to the nearest whole share, Shareholder A is entitled to purchase 37 shares. The resulting fraction of 0.2 share will not be distributed and will be aggregated for handling in accordance with the plan for fractional and unsubscribed shares set out in Clause 19.

17. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu được quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần; người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Giá chuyển nhượng quyền mua và việc thanh toán tiền chuyển nhượng do bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Transfer of purchase rights: Existing shareholders whose names appear on the shareholder list as at the record date for exercising the share purchase rights may transfer their purchase rights to other persons within the prescribed period. The purchase rights may be transferred only once; a transferee may not further transfer such rights to a third party. The transfer price and payment arrangements shall be agreed between the transferor and transferee, who shall be responsible for compliance with applicable law.

18. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 19. Cổ đông sở hữu cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua và số cổ phiếu phát hành thêm từ việc thực hiện quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.

Transfer restrictions: Shares offered to existing shareholders are freely transferable, except as provided in Clause 19. Shareholders holding shares subject to transfer restrictions remain entitled to receive purchase rights, and the additional shares acquired through the exercise of such rights will not be subject to transfer restrictions.

19. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết:

Plan for handling fractional and unsubscribed shares:

- Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm: (i) cổ phiếu lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn; và (ii) số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua và/hoặc không đăng ký mua hết và/hoặc không thanh toán đủ tiền mua cổ phiếu khi đến hạn.

  Fractional and unsubscribed shares include: (i) fractional shares arising from the rounding principle; and (ii) shares that shareholders decline to purchase, do not fully subscribe for,

and/or fail to pay for in full by the payment deadline.

- HĐQT sẽ quyết định tiếp tục phân phối số cổ phiếu này và việc phân phối phải đảm bảo các quy định sau:

  The BOD shall decide on the continued distribution of such shares, subject to the following requirements:

  (i) HĐQT quyết định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư. Giá chào bán cho các nhà đầu tư này không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và các điều kiện chào bán không được ưu đãi hơn so với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua;

  The BOD shall determine the criteria, list of investors and number of shares to be distributed to each investor. The offering price to such investors shall not be lower than the offering price to existing shareholders, and the offering terms shall not be more favorable than those under the offering plan for existing shareholders approved by the GMS;

  (ii) Việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết phải đảm bảo phù hợp với Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

  The handling of fractional and unsubscribed shares must comply with Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, Clause 2 Article 195 of Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and other relevant applicable laws;

  (iii) Số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết được phân phối cho nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

  Fractional and unsubscribed shares distributed to other investors pursuant to a decision of the BOD will be subject to a one-year transfer restriction from the completion date of the offering;

  (iv) Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), mà vẫn còn cổ phiếu chưa chào bán hết thì số cổ phiếu này sẽ bị hủy và HĐQT sẽ quyết định kết thúc đợt chào bán.

  If, upon expiry of the statutory distribution period, including any extension, there remain undistributed shares, such shares will be cancelled and the BOD will resolve to complete the offering.

20. Thời gian dự kiến chào bán: Trong Quý III - Quý IV/2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

    Expected offering period: Q3-Q4/2026, after the State Securities Commission of Vietnam issues the Certificate of Registration for the Public Offering of Additional Shares.

21. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thành công trong đợt chào bán sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") sau khi kết thúc đợt chào bán, theo đúng quy định pháp luật có liên quan.

    Additional securities registration and additional listing: All shares successfully issued in the offering will be additionally registered with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") and additionally listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange

("HOSE") after completion of the offering, in accordance with applicable law.

Điều 2: Thông qua phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026. Cụ thể như sau:

Article 2: To approve the detailed plan for use of proceeds from the 2026 public offering of additional shares to existing shareholders, as follows:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán, chưa khấu trừ các chi phí liên quan, là 608.041.500.000 đồng. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được cho các mục đích theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

The total proceeds expected from the offering, before deduction of offering-related expenses, are VND 608,041,500,000. The Company will use all expected proceeds for the following purposes in descending order of priority:

TT *No.*	**Mục đích sử dụng vốn** ***Purpose of use of proceeds***	**Số tiền dự kiến (đồng)** ***Expected amount (VND)***	**Thời điểm giải ngân dự kiến** ***Expected disbursement period***
	Thanh toán công nợ cho nhà cung cấp cám, giống heo, phụ gia và các nguyên vật liệu, hàng hóa khác phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh chăn nuôi của BAF ***Payment of amounts payable to suppliers of animal feed, pig breeds, additives and other raw materials and goods used in BAF's livestock production and business operations***	**608.041.500.000** ***608,041,500,000***	**Quý IV/2026 - Quý II/2027** ***Q4/2026 - Q2/2027***
1	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh (mã số thuế: 3901312793) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2025. *Payment for animal feed, pigs and other goods purchased from Hai Dang Tay Ninh High-Tech Livestock Joint Stock Company (tax code: 3901312793) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2025/HDNT/HD-BAF dated January 1, 2025.*	220.000.000.000 *220,000,000,000*	Quý IV/2026 - Quý II/2027 *Q4/2026 - Q2/2027*

TT *No.*	**Mục đích sử dụng vốn** ***Purpose of use of proceeds***	**Số tiền dự kiến (đồng)** ***Expected amount (VND)***	**Thời điểm giải ngân dự kiến** ***Expected disbursement period***
2	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Tân Châu (mã số thuế: 3901303492) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TC-BAF ngày 01/01/2025. *Payment for animal feed, pigs and other goods purchased from Tan Chau Agricultural Investment Company Limited (tax code: 3901303492) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2025/HDNT/TC-BAF dated January 1, 2025.*	100.000.000.000 *100,000,000,000*	Quý IV/2026 - Quý II/2027 *Q4/2026 - Q2/2027*
3	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định (mã số thuế: 4101602537) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2026/HĐNT/BAFBD-BAF ngày 01/03/2026. *Payment for animal feed and other goods purchased from BAF Binh Dinh Agriculture Company Limited (tax code: 4101602537) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2026/HDNT/BAFBD-BAF dated March 1, 2026.*	80.000.000.000 *80,000,000,000*	Quý IV/2026 - Quý II/2027 *Q4/2026 - Q2/2027*
4	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2025. *Payment for animal feed and other goods purchased from BAF Tay Ninh Animal Feed Company Limited (tax code: 3901152973) under Framework Sale and Purchase Agreement No. 01/2025/HDNT/BAFTN-BAF dated January 1, 2025.*	208.041.500.000 *208,041,500,000*	Quý IV/2026 - Quý II/2027 *Q4/2026 - Q2/2027*
	Tổng cộng ***Total***	**608.041.500.000** ***608,041,500,000***	

Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn nêu trên, Công ty được quyền ký kết một hoặc nhiều hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi, phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.

For temporarily idle funds pending disbursement under the above plan for use of proceeds, the Company may enter into one or more term deposit agreements to earn interest, provided that such deposits are consistent with the actual disbursement schedule.

Trường hợp kết thúc thời gian chào bán mà Công ty không chào bán hết số cổ phiếu đã đăng ký hoặc số tiền thu được không đạt mức dự kiến để thực hiện các mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua, tùy tình hình thực tế, HĐQT sẽ thực hiện một hoặc nhiều giải pháp sau:

If, at the end of the offering period, the Company does not distribute all registered shares or the proceeds are insufficient to carry out the purposes approved by the GMS, the BOD may, depending on the actual circumstances, implement one or more of the following measures:

- Đề nghị gia hạn đợt chào bán để tiếp tục phân phối số cổ phiếu còn lại, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;

  Apply for an extension of the offering period to continue distributing the remaining shares in compliance with applicable law;

- Bổ sung phần vốn còn thiếu thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp hoặc các giải pháp khác phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đề ra;

  Fund the shortfall through other sources, such as bank borrowings, corporate bond issuances or other solutions compliant with applicable law and the Company's internal regulations, to implement the approved plans;

- Cắt giảm nguồn vốn phân bổ cho các mục đích có mức độ ưu tiên thấp hơn theo quyết định của HĐQT căn cứ tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm sử dụng vốn. Số tiền còn lại sau khi khấu trừ các chi phí liên quan đến đợt chào bán sẽ được sử dụng theo đúng phương án đã được HĐQT thông qua.

  Reduce the allocation to lower-priority purposes as decided by the BOD based on the Company's actual circumstances at the time of using the proceeds. The remaining proceeds after deduction of offering-related expenses will be used in accordance with the plan approved by the BOD.

Điều 3: Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cụ thể như sau:

Article 3: To approve the plan to ensure that the share offering complies with the foreign ownership limit, as follows:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty được thực hiện theo Công văn số 705/UBCK-QLCB ngày 20/02/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được xác định ở mức 39,1304%.

  The maximum foreign ownership ratio in the Company is implemented in accordance with Official Letter No. 705/UBCK-QLCB dated February 20, 2023 of the State Securities Commission of Vietnam and is set at 39.1304%.

- Theo số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố ngày 16/07/2026, nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ 10.366.300 cổ phiếu BAF, chiếm 2,84% vốn điều lệ của Công ty.

  According to foreign investor ownership data published by VSDC on July 16, 2026, foreign investors held 10,366,300 BAF shares, representing 2.84% of the Company's charter capital.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam cam kết áp dụng các biện pháp theo quy định pháp luật để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng phù hợp với Luật Chứng khoán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company undertakes to apply measures in accordance with applicable law to ensure that the foreign ownership ratio after the public offering complies with the Law on Securities and the Company's Charter.

Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026, tất cả cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách được phân bổ quyền mua và được thực hiện quyền mua của mình. Khi xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có), Công ty sẽ chỉ chào bán cho nhà đầu tư trong nước và không chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định.

For the 2026 public offering of additional shares to existing shareholders, all existing shareholders whose names appear on the shareholder list as at the record date will be allocated purchase rights and may exercise such rights. When handling fractional and unsubscribed shares, if any, the Company will offer such shares only to domestic investors and not to foreign investors in order to comply with the applicable foreign ownership limit.

Điều 4: Hội đồng quản trị thống nhất giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc:

Article 4: The Board of Directors assigns and authorizes the General Director to:

1. Xây dựng, hoàn thiện và ký các hồ sơ liên quan đến đợt chào bán để báo cáo, đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

   Prepare, finalize and sign documents relating to the offering for reporting and registration with the State Securities Commission of Vietnam;

2. Quyết định cụ thể ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật;

   Determine the record date for exercising the rights and the timing and schedule of the share offering in order to protect shareholders' interests and comply with applicable law;

3. Tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến đợt chào bán theo Nghị quyết này, bao gồm nộp hồ sơ và giải trình các vấn đề liên quan đến hồ sơ chào bán với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

   Organize and carry out the work and procedures relating to the offering under this Resolution, including filing the application and providing explanations regarding the offering documents to the competent regulatory authorities;

4. Quyết định và triển khai các công việc liên quan khác theo quy định pháp luật để hoàn tất đợt chào bán.

   Decide on and implement other related matters in accordance with applicable law to complete the offering.

Điều 5: Hiệu lực và thi hành

Article 5: Effectiveness and implementation

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

  This Resolution takes effect from the date of signing.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, trưởng các đơn vị, bộ phận và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

  Members of the Board of Directors, the Executive Board, heads of relevant units and departments, and related individuals shall be responsible for implementing this Resolution.

Nơi nhận:
Recipients:

- Thành viên HĐQT;
  Members of the BOD;
- Ban Kiểm soát;
  Supervisory Board;
- Ban Tổng Giám đốc;
  Executive Board;
- Lưu: HCNS.
  Archived by HR & Administration.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯƠNG SỸ BÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

CHARTER
OF BAF VIETNAM AGRICULTURE
JOINT STOCK COMPANY

BAF
NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 23, 2026

MỤC LỤC / *TABLE OF CONTENTS*

PHẦN MỞ ĐẦU / REAMBLE 7
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 7
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER 7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 7
Article 1. Interpretation of Terms 7
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 8
II. NAME, STRUCTURE, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATIONS, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY 8
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 8
Article 2. Name, structure, headquarters, branches, representative offices, business locations, and operating duration of the Company 8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 9
Article 3. Legal representative of the Company 9
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 10
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND ACTIVITIES OF THE COMPANY 10
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 10
Article 4. Business objectives of the Company 10
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 14
Article 5. Scope of business and operations of the Company 14
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 14
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 14
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders 14
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 15
Article 7. Share certificate 15
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 16
Article 8. Other securities certificates 16
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 16
Article 9. Share transfer 16
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 17
Article 10. Share Forfeiture (Applicable upon Company Incorporation) 17
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 18
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL 18

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 18
Article 11. Organizational structure, governance, and control 18
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 18
Điều 12. Quyền của cổ đông 18
Article 12. Shareholders' rights 18
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 21
Article 13. Shareholders' obligations 21
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 22
Article 14. General Meeting of Shareholders 22
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 24
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders 24
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 26
Article 16. Proxy Authorization to Attend Shareholders' Meetings 26
Điều 17. Thay đổi các quyền 27
Article 17. Modification of rights 27
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 28
Article 18. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders 28
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 30
Article 19. Quorum for the General Meeting of Shareholders 30
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 30
Article 20. Procedures for Convening and Voting at the General Meeting of Shareholders 30
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 33
Article 21. Conditions for Resolutions of the General Meeting of Shareholders to be Adopted 33
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 34
Article 22. Authority and Procedures for Obtaining Written Shareholder Opinions to Adopt Resolutions of the General Meeting of Shareholders 34
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 37
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders 37
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 38
Article 24. Petition to Annul Resolutions of the General Meeting of Shareholders 38
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39
VII. BOARD OF DIRECTORS 39
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 39
Article 25. Nomination and Candidacy for the Board of Directors 39
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 40

Article 26. Composition and Term of the Board of Directors 40
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 41
Article 27. Powers and Responsibilities of the Board of Directors 41
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 44
Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors 44
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 45
Article 29. Chairperson of the Board of Directors 45
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 46
Article 30. Board Meetings 46
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 48
Article 31. Board Committees 48
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 49
Article 32. Corporate Governance Officer 49
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 50
VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS 50
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 50
Article 33. Organizational Structure of Management 50
Điều 34. Người điều hành Công ty 50
Article 34. Executive Officers of the Company 50
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 51
Article 35. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer 51
IX. BAN KIỂM SOÁT 52
IX. SUPERVISORY BOARD 52
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 52
Article 36. Nomination and Election of Supervisory Board Members (Supervisors) 52
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 52
Article 37. Composition of the Supervisory Board 52
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 53
Article 38. Head of the Supervisory Board 53
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 54
Article 39. Rights and Responsibilities of the Supervisory Board 54
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 55
Article 40. Meetings of the Supervisory Board 55
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 55
Article 41. Remuneration, Compensation, Bonuses, and Other Benefits for Members of the Supervisory Board 55

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 56
X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, AND OTHER EXECUTIVES 56
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 56
Article 42. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest 56
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 57
Article 43. Liability for Damages and Indemnification 57
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 58
XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS 58
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 58
Article 44. Right to Access Books and Records 58
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 59
XII. EMPLOYEES AND UNIONS 59
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 59
Article 45. Employees and unions 59
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 60
XIII. PROFIT DISTRIBUTION 60
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 60
Article 46. Profit Distribution 60
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 61
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME 61
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 61
Article 47. Bank account 61
Điều 48. Năm tài chính 61
Article 48. Fiscal year 61
Điều 49. Chế độ kế toán 61
Article 49. Accounting system 61
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 62
XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS 62
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 62
Article 50. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements 62
Điều 51. Báo cáo thường niên 62
Article 51. Annual Report 62
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 62

XVI. AUDIT OF THE COMPANY 62
Điều 52. Kiểm toán 62
Article 52. Audit 62
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 63
XVII. COMPANY SEAL 63
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 63
Article 53. Company seal 63
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 63
XVIII. DISSOLUTION OF COMPANY 63
Điều 54. Giải thể công ty 63
Article 54. Dissolution of the company 63
Điều 55. Gia hạn hoạt động 64
Article 55. Extension of Term 64
Điều 56. Thanh lý 64
Article 56. Liquidation 64
Article 57. Internal dispute resolution 65
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 66
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER 66
Điều 58. Điều lệ công ty 66
Article 58. Company Charter 66
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 66
XXI. EFFECTIVE DATE 66
Điều 59. Ngày hiệu lực 66
Article 59. Effective Date 66

PHẦN MỞ ĐẦU / *REAMBLE*

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (sau đây gọi là "Điều lệ") đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") thông qua theo Nghị quyết số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 .
The Charter of Organization and Operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Charter") has been approved by the General Meeting of Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (the "Company") in accordance with Resolution No. 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ *dated April 23, 2026.*

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Điều 1. Giải thích thuật ngữ
Article 1. Interpretation of Terms

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
For the purposes of this Charter, the following terms are construed as follows:

   a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   Charter capital means the total par value of shares sold or subscribed for at the time of the incorporation of the Joint Stock Company and as prescribed in Article 6 of this Charter;

   b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   Voting capital means the share capital represented by shares that entitle the holder thereof to vote on matters within the competence of the General Meeting of Shareholders;

   c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
   The Law on Enterprises means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

   d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
   The Law on Securities means the Law on Securities No. 54/2019/QH14, issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;

   đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   Vietnam means the Socialist Republic of Vietnam;

   e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
   Date of incorporation is the date on which the Company is first granted the Enterprise Registration Certificate (Business Registration Certificate or any equivalent document);

   g) *Người điều hành Công ty* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
   The Company's executives mean the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officer, Chief Accountant and other executives as prescribed in the Company's Charter;

   h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

Enterprise managers mean company executives, including the Chairperson of the Board of Directors, members of the Board of Directors, Chief Executive Officer, and other individuals holding managerial positions as prescribed in the Company's Charter;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
Affiliated persons mean individuals and organizations defined in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
Shareholder means an individual or organization that owns at least one share in a joint stock company;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
Founding shareholder means any shareholder who owns at least one common share and whose name appears on the list of founding shareholders of a joint stock company;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
Major shareholder means a shareholder as defined in Clause 18, Article 4 of the Law on Securities;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
Term of operation means the operating duration of the Company as specified in Article 2 of this Charter, including any extension thereof (if any) approved by the Company's General Meeting of Shareholders;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
The stock exchange means the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
In this Charter, references to one or more other provisions or documents shall be deemed to include amendments, supplements or replacement thereof.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
Headings (Sections, Articles of this Charter) are inserted for ease of reference only and shall not affect the interpretation of the content herein.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

II. NAME, STRUCTURE, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATIONS, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Article 2. Name, structure, headquarters, branches, representative offices, business locations, and operating duration of the Company

1. Tên Công ty/ *Company name:*

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
  Company name written in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAF VIET NAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
  Company name written in English: BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: BAF.,JSC
  Abbreviated name: BAF.,JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
   The company is a joint stock company with legal entity status in accordance with prevailing laws of Vietnam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
   Registered Head Office of the Company:
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
     Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.
   - Điện thoại: 0766074787
     Phone number: 0766074787
   - Fax:
   - E-mail:
   - Website: http://baf.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
   The Company may establish branches, representative offices, and business locations for the purpose of conducting its business operations, subject to decisions of the Board of Directors and in compliance with applicable laws.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.
   Unless otherwise terminated prior to the expiration of its operating duration as specified in Clause 2, Article 54 or extended according to the provisions in Article 55 of this Charter, the Company's operating duration is indefinite from the date of incorporation.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Article 3. Legal representative of the Company

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
The Company shall have one (01) legal representative, who shall be the General Director.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này.
The rights and obligations of the legal representative shall be exercised in accordance with the provisions of the Law on Enterprises, this Charter and the Governance

Regulations issued by the Board of Directors in accordance with the provisions of this Charter.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND ACTIVITIES OF THE COMPANY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty
Article 4. Business objectives of the Company

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
   Company's business lines:

Stt/*No*	Mã ngành / *Business code*	Tên ngành, nghề kinh doanh / *Line of business*
1	0146	Chăn nuôi gia cầm / *Poultry farming*
2	0149	Chăn nuôi khác / *Other livestocks farming activities* Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh: chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi. *Details: - Raising and breeding domestic animals, other animals including pets: dogs, cats, rabbits, reptiles, insects; - Beekeeping and honey production; - Silkworm farming and cocoon production; - Production of fur and reptile skins from livestock farming activities.*
3	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp / *Mixed farming activities*
4	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt / *Crop production support services*
5	0162	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi / *Animal farming support services*
6	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch / *Post-harvest services*
7	0164	Xử lý hạt giống để nhân giống / *Seed treatment for propagation*
8	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt / *Processing and preserving meat and meat products.* Chi tiết: - Giết, mổ, pha lóc, sơ chế, đóng gói, bảo quản thịt gia súc và gia cầm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng tấm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng cắt nhỏ; - Sản xuất sản phẩm từ

		thịt gồm: Xúc xích, xúc xích Italia, bánh putding, xúc xích nhiều gia vị, xúc xích hun khói, pate, thịt giăm bông; - Chế biến lục phủ ngũ tạng động vật; - Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm khác từ thịt. *Details: - Slaughtering, butchering, processing, packaging, preserving meat of livestock and poultry; - Producing chilled or frozen meat, marinated fresh meat; - Producing chilled or frozen meat, chopped fresh meat; - Producing meat products including: Sausages, Italian sausages, pudding cakes, spiced sausages, smoked sausages, pate, ham; - Processing of animal offal; - Production, processing, and preservation of meat and other meat-based products.* (Không kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm tại trụ sở) / *(No slaughtering of livestock or poultry at headquarters)*
9	1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản / *Processing and preserving aquatic products and aquatic products*
10	1030	Chế biến và bảo quản rau quả / *Processing and preserving fruits and vegetables*
11	1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật / *Production of animal and vegetable oils and fats*
12	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa / *Processing of milk and dairy products*
13	1061	Xay xát và sản xuất bột thô / *Milling and production of raw flour*
14	4632	Bán buôn thực phẩm / *Wholesale of food products* (không hoạt động tại trụ sở) trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật *(not conducted at headquarters) excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law*
15	4722	Bán lẻ thực phẩm/ *Retail sale of food products* (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh; trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn

		đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *(implemented according to Decision 64/2009/QD-UBND dated July 31, 2009 and Decision No. 79/2009/QD-UBND dated October 17, 2009 of the People's Committee of Ho Chi Minh City on the planning of agricultural products and food trading in Ho Chi Minh City, excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
16	4719	Bán lẻ tổng hợp khác / *Other non-specialized retail sale* Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *Details: Retail in supermarkets and shopping centers (excluding retail of gas cylinders, liquefied petroleum gas (LPG), used motor oil, gold bars, firearms, ammunition for hunting or sports, and metal currency and in accordance with Decision 64/2009/QĐ-UBND dated July 31, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City, and Decision 79/2009/QĐ-UBND dated October 17, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City approving the agricultural product planning in Ho Chi Minh City, and excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
17	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống / *Wholesale of agricultural and forestry raw products (except wood, bamboo, rattan) and live animals* Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác và động vật sống (không bán buôn nông sản tại trụ sở; trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *Details: Wholesale of feed and ingredients for livestock, poultry and aquatic feed; other raw agricultural and forestry products; and live animals. (No wholesale of agricultural products at the headquarters excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*

18	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản / *Production of animal, poultry and aquatic feed*
19	4321	Lắp đặt hệ thống điện / *Electrical installation*
20	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa / *Warehousing and storage* (trừ than đá, phế liệu, hóa chất, cho thuê kho bãi) *(except for warehousing and storage of coal, scrap, chemicals, warehouse leasing)*
21	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò / *Raising and breeding cows and buffaloes*
22	0142	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa / *Raising and breading horses and other equines*
23	0144	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai / *Raising of goats, sheep, deers and sambar deers and breeding of goats, sheep, deers and sambar deers*
24	**0145** **(Chính)** *(Primary line of business)*	**Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn / *Raising and breeding pigs***
25	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước / *Construction of water supply and drainage works*
26	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Retail sale of other new goods (except automobiles, motorcycles, motorcycles and auxiliary parts)* Chi tiết: Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. *Details: Retail sale of feed and raw materials for livestock, poultry and aquatic feed in specialized stores.*

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
Company's operating objectives:

a) Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc;

To build and maintain a reputable brand, while expanding and developing in other business segments where the Company holds a competitive advantage, creating a foundation for long-term and sustainable growth.

b) Huy động và sử dụng vốn hiệu quả trong sản xuất kinh doanh;
To mobilize and use capital effectively in production and business;

c) Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông và người lao động;
To harmonize the interests of the State, Company, and its shareholders and employees;

d) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.
To maximize the Company's operational efficiency, generating employment and income for employees, safeguard the legitimate rights and interests of shareholders, and fulfill obligations to the State.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty
Article 5. Scope of business and operations of the Company

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
The Company is permitted to engage in business activities as specified in this Charter, which have been duly registered, any amendments of which have been notified to the business registration authority and publicly disclosed on the National Business Registration Information Portal.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders

1. Vốn điều lệ của Công ty là **3.040.216.420.000 VNĐ** (Ba nghìn không trăm bốn mươi tỷ hai trăm mười sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).
The Company's charter capital is VND 3,040,216,420,000 (Three trillion, forty billion, two hundred sixteen million, four hundred twenty thousand Vietnamese Dong)

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 304.021.642 cổ phần (Ba trăm linh bốn triệu, không trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi hai cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
The total charter capital of the Company is divided into 304,021,642 shares (Three hundred and four million, twenty-one thousand, six hundred forty-two shares) with a par value of VND 10,000/share.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The company may change its charter capital when approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
As of the date of adoption of this Charter, the Company's shares consist solely of common shares. The rights and obligations of shareholders holding such shares are stipulated in Article 12 and Article 13 of this Charter.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The Company may issue other classes of preferred shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

5. Tính đến thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty không còn các quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập.
As of the date of adoption of this Charter, no restrictions on the transfer of shares held by founding shareholders remain in effect.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
Common shares must be offered with priority to existing shareholders in proportion to their holdings in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Any shares that shareholders not subscribed for will be allocated at the discretion of the Board of Directors of the Company. The Board of Directors may allocate such shares to shareholders or others parties provided that the terms and conditions are not more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
The Company may repurchase its own issued shares in accordance with the procedures set forth herein and applicable laws.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
The Company may issue other types of securities as prescribed by law.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu
Article 7. Share certificate

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
Shareholders of the Company are issued share certificates corresponding to the number of shares and class of shares owned.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
Share certificate is a type of security that certifies the legal rights and interests of the holder in a portion of the share capital of the issuing organization. Each share certificate must include all the information as prescribed in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
Within thirty (30) days from the date the Company receives a complete and valid application for the transfer of ownership of shares as prescribed by the Company, or within two (02) months from the date of full payment for the shares as prescribed in the

Company's share issuance plan (or within another period specified in the terms of issuance), the shareholder shall be issued a share certificate. Shareholders shall not be required to pay any fee for the printing of the share certificates.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
In case a share certificate is lost, damaged, or destroyed, the shareholder may request a re-issuance of the certificate. Such request must include the following:

   a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   Information about the share certificate that has been lost, damaged, or destroyed;

   b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
   A written commitment to assume full responsibility for any disputes that may arise from the re-issuance of the certificate.

5. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, tài liệu cho cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.
In case a shareholder changes their contact address, they must promptly notify the Company to update the shareholder register accordingly. The Company shall not be liable for any failure to contact a shareholder due to that shareholder's failure to notify the Company of their updated contact information. Moreover, the inability to contact or send letters or documents to shareholders due to the lack of such notice will not affect the procedures for convening the General Meeting of Shareholders, soliciting written consent of shareholders, delivering documents, or the validity of resolutions by the General Meeting of Shareholders.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác
Article 8. Other securities certificates

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
Bond certificates or other securities certificates issued by the Company shall bear the signature of the legal representative and the seal of the Company.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần
Article 9. Share transfer

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
All shares are free to transfer unless otherwise provided by this Charter and the law. Shares listed and registered for trading on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with the provisions of the Law on Securities and the stock market.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Unpaid shares may not be transferred and shall not entitle the holder any shareholder rights, including the right to receive dividends, bonus shares issued from equity capital, the right to purchase newly offered shares and other entitlements as prescribed by law.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)
Article 10. Share Forfeiture (Applicable upon Company Incorporation)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
   In case that a shareholder fails to pay in full and on time the amount due for the purchase of shares, the Board of Directors shall notify and has the right to demand payment of the outstanding amount. The shareholder shall be be liable, to the extent of the total par value of the shares subscribed, for any financial obligations of the Company arising from the non-payment.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
   The payment notice must clearly state the new payment period (at least seven (07) days from the date of sending the notice), the payment location and must clearly state that in case of non-payment by the deadline will result in the forfeiture of the unpaid shares.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
   The Board of Directors has the right to forfeit any shares for which full and timely payment has not been made in accordance with the payment notice.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
   Shares that are forfeited shall be deemed to be authorized but unissued shares as prescribed in Clause 3, Article 112 of the Law on Enterprises. The Board of Directors may sell or redistribute such shares according, directly or through authorized agent, on such terms and in such manner as the Board of Directors deems appropriate.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
   A shareholder whose shares have been forfeited shall cease to be a shareholder in respect of those shares, but shall remain liable for the total par value of the shares subscribed, for any financial obligations of the Company arising at the time of the forfeiture, as determined by the Board of Directors, from the date of forfeiture until the full payment is made. The Board of Directors shall have full authority to enforce payment of the full value of the shares at the time of forfeiture.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
   Notice of forfeiture shall be sent to the holder of the shares prior to the date of forfeiture. The forfeiture shall remain effective notwithstanding any error or omission in the delivery of the notice.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát
Article 11. Organizational structure, governance, and control

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
The Company's organizational structure, governance, and control structure includes:

1. Đại hội đồng cổ đông. / *General Meeting of Shareholders.*

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. / *Board of Directors, Supervisory Board.*

3. Tổng giám đốc. / *Chief Executive Officer.*

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Điều 12. Quyền của cổ đông
Article 12. Shareholders' rights

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
Common shareholders shall have the following rights:

   a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   To attend and speak at the General Meeting of Shareholders, and to exercise voting rights either directly, or through a proxy, or by other means as prescribed by the Company's Charter and applicable law. Each common share carries one vote;

   b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   To receive dividends at the rate decided by the General Meeting of Shareholders;

   c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
   To have a pre-emptive right to purchase newly issued shares in proportion to their holdings of common shares in the Company;

   d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
   To freely transfer their shares to others, except as restricted under Clause 3, Article 120, Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant legal provisions;

   đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
   To review, inspect, and extract information about names and contact addresses listed in the register of shareholders with eligible to vote; and to request correction of inaccurate information;

   e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   To review, inspect, extract or copy the Company's Charter, minutes of the General Shareholders Meeting and Resolutions of the General Shareholders Meeting;

   g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

In the event of the Company's dissolution or bankruptcy, to receive a portion of the remaining assets in proportion to their shareholding;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
To request the Company to repurchase shares in circumstances specified in Article 132 of the Law on Enterprises;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
To be treated equally. Each share of the same class confers upon the shareholder equal rights, obligations, and benefits. In case the Company issues preferred shares, the rights and obligations attached to such shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
To have full access to periodic and ad hoc information disclosed by the Company in accordance with the provisions of law;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
To have their legitimate rights and interests protected; to petition for the suspension or annulment of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in accordance with the provisions of the Law on Enterprises;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
To enjoy other rights as prescribed by law and this Charter.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
A shareholders or groups of shareholders holding at least 5% of the total common shares shall have the following rights:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
To request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Clause 3, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
To review, inspect, and extract meeting minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors and other documents, except those concerning trade secrets and confidential business information;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý

của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
To request the Supervisory Board to invest specific matters related to the management and operation of the Company when deemed necessary. The request must be made in writing and must include the following: Full name, contact address, nationality, legal identification of each individual shareholder; name, business registration number or legal document number of the organization, head office address for institutional shareholders; number of shares and time of share registration of each shareholder, total number of shares and registration time for each shareholder, total number of shares and percentage of ownership of the shareholder group; the matter to be investigated, purpose of the investigation;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
To propose matter to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. Such proposal must be submitted in writing and sent to the Company at least three (03) working days prior to the meeting. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of each class of shares held by the shareholder, and the matter to be included in the meeting agenda;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
To enjoy other rights as prescribed by law and this Charter.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
A shareholder or groups of shareholders holding at least 10% of the total common shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors and Supervisory Board. The nomination process of candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board shall be as follows:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
Ordinary shareholders may a group to nominate candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board and must notify other shareholders of such grouping prior to the opening of the General Meeting of Shareholders;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
Based on the number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board, shareholders or groups of shareholders specified in this clause shall have the right to nominate one or more candidates for election to the Board of Directors and the Supervisory Board, according to the decision of the General Meeting of Shareholders. In case the number of candidates nominated by a shareholder or group of shareholders is fewer than the number they are entitled to nominate, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Supervisory Board, or other shareholders.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông
Article 13. Shareholders' obligations

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:
Common shareholders have the following obligations:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
   To pay the full amount and on time for the shares subscribed.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
   Not to withdraw the contributed capital in any form, except in where such shares are repurchased by the Company or transferred to others. In case a shareholder unlawfully withdraws part or all of their contributed capital, that shareholder and or any related beneficiaries shall be jointly liable for the debts and other obligations of the Company to the extent of the withdrawn capital and any resulting damages.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
   To comply with the Company's Charter and Internal Management Rules.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
   To abide by resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and Board of Directors.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
   To maintain the confidentiality of information provided by the Company according to the provisions of the Company Charter and the law; to use such information to exercise and protect their legitimate rights and interests; and not to disseminate, copy or send information provided by the Company to other organizations and individuals.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   To attend the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights through any of the following forms:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
      Attending and voting directly at the meeting;

   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
      Appointing a proxy to attend and vote at the meeting;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
      Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic form;

   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
      Submitting voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;

   đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
      Submitting voting ballots by other means as prescribed in the Company's Charter.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
To assume personal responsibility when acting on behalf of the Company in any of the following:

a) Vi phạm pháp luật;
Engaging in any activities that violate the law;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
Conducting business and entering into transactions for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
Settling debts before maturity when the Company is facing financial risks.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
To fulfill other obligations as prescribed by current laws.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông
Article 14. General Meeting of Shareholders

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
The General Meeting of Shareholders, consisting of all shareholders with voting rights, is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders shall be convened once a year and within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may extend the annual General Meeting of Shareholders, if necessary, but not more than six (06) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may convene on an extraordinary basis. The venue of the General Meeting of Shareholders shall be determined on the location where the Chairperson is present and must be within the territory of Vietnam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and select a suitable venue. The annual general meeting of shareholders shall decide on matters as prescribed by law and the Company's Charter, particularly the approval of the audited annual financial statements. In case the Company's annual financial statement audit report contains material qualifications, adverse opinion, or a disclaimer of opinion, the Company must invite a representative of the approved audit firm to attend the Annual General Meeting of Shareholders. The said representative of the approved audit firm is obliged to attend the Company's Annual General Meeting of Shareholders.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Company;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
When the number of members on the Board of Directors or the Supervisory Board falls below the statutory minimum;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
At the request of a shareholder or group of shareholders as prescribed in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises; the request to convene a meeting of the General Meeting of Shareholders must be in writing, clearly stating the reason and purpose of the meeting, and must bear the signatures of the relevant shareholders. The written request may consists of multiple copies, each bearing the signatures of the relevant shareholders;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
At the request of the Supervisory Board;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Other cases as provided by law or this Charter.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
The Board of Directors must convene the meeting within thirty (30) days from the date the number of members of the Board of Directors, independent directors of the Board of Directors or members of the Supervisory Board falls below the legal threshold as prescribed in Point b, Clause 3 of this Article or upon receiving a valid request as prescribed in Point c and Point d, Clause 3 of this Article;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
In case the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point a, Clause 4 of this Article, the Supervisory Board shall, within the next thirty (30) days, take over the responsibility of convening the meeting as prescribed in Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

If the Supervisory Board also fails to convene the meeting as prescribed under Point b, Clause 4 of this Article, the requesting shareholder or group of shareholders mentioned in Point c, Clause 3 of this Article may request the Company's legal representative to convene the meeting pursuant to the Law on Enterprises.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
In such cases, the requesting shareholder(s) may petition the Business Registration Authority to oversee the procedures for convening, conducting, and resolving the meeting. All costs incurred in convening and organizing the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. This does not include expenses borne by shareholders for attending the meeting, including travel and accommodation costs.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
The procedure for organizing the General Meeting of Shareholders shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
The General Meeting of Shareholders shall have the following powers and responsibilities:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
To approve the Company's development strategy;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
To decide on the types of shares and the total number of shares of each type to be offered; and to determine the annual dividend rate for each class of shares;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
To elect, remove, or dismiss members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
To approve investment or disposal of assets valued at 35% or more of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
To amend or supplement the Company's Charter;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
To approve the Company's annual financial statements;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
To decide on the repurchase of more than 10% of the total issued shares of any class;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

To review and take appropriate actions regarding violations committed by members of the Board of Directors or the Supervisory Board that result in losses to the Company or its shareholders;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
To decide on the reorganization or dissolution of the Company;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
To determine the budget or the total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
To approve the internal corporate governance regulations and the operational regulations of the Board of Directors and the Supervisory Board;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
To approve the list of approved audit firms; to appoint an approved audit firm to audit the Company's operations, and to dismiss such firm when deemed necessary;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
To exercise other powers and fulfill other responsibilities in accordance with the law.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
The Annual General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
The Company's annual business plan;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
The audited annual financial statements;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
The report of the Board of Directors on corporate governance and its performance, including that of individual members;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
The Supervisory Board's report on the Company's business results, and the performance of the Board of Directors and the General Director;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
The self-assessment report on the activities of the Supervisory Board and each of its members;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
The dividend rate for each class of shares;

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
The budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
The list of approved audit firms; and the decision to appoint an audit firm to examine the Company's operations if necessary;

i) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
Other matters within its authority.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
All resolutions and matters included in the meeting agenda must be presented, discussed, and voted upon at the General Meeting of Shareholders.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
Article 16. Proxy Authorization to Attend Shareholders' Meetings

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
Shareholders, or their authorized representatives who are organizations, may attend the meeting in person or may authorize one or more individuals or organizations to attend on their behalf, or attend the meeting through one of the methods specified in Clause 3, Article 144 of the Enterprise Law.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Any authorization for an individual or organization to attend the General Meeting of Shareholders under Clause 1 of this Article must be made in writing. The written proxy must comply with civil law regulations and clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares authorized, the scope and content of the authorization, its duration, and must bear the signatures of both the authorizing party and the authorized party.

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
   Authorized representatives attending the General Meeting must present the written proxy upon registration. In the case of sub-delegation (re-authorization), the attending representative must also present the original proxy from the shareholder or from the initial authorized representative (if this has not yet been registered with the Company).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
Votes cast by an authorized representative within the scope of their proxy shall remain valid in the following situations, unless:

   a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   The shareholder who granted the proxy has passed away, lost or had limited legal capacity;

   b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

The shareholder has revoked the authorization;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
The shareholder has revoked the authority of the person granting the proxy.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
This clause shall not apply if the Company receives notification of any of the above events prior to the commencement of the General Meeting or prior to the reconvening of such meeting.

Điều 17. Thay đổi các quyền
Article 17. Modification of rights

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
Any modification or cancellation of special rights attached to a class of preferred shares shall only take effect if approved by shareholders representing at least 65% of the total voting rights of all shareholders present at the meeting. A resolution of the General Meeting of Shareholders that adversely affects the rights or obligations of holders of preferred shares of a specific class shall only be passed if it is approved by shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares present at the meeting, or shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares, in the case of approval by written consent.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
A meeting of shareholders holding a specific class of preferred shares to vote on such changes shall only be valid if attended by at least two shareholders (or their authorized representatives) holding no less than one-third of the total par value of the issued shares of that class. If the required quorum is not met, the meeting may be reconvened within 30 days. At the reconvened meeting, any number of shareholders of that class present in person or by proxy—regardless of the number of shares held—shall constitute a valid quorum. At such meetings, any shareholder holding shares of that class, whether attending in person or by proxy, may request a secret ballot. Each share of the same class shall carry equal voting rights at such meetings.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
The procedures for convening and conducting these separate meetings shall be carried out in accordance with the provisions set forth in Articles 19, 20, and 21 of this Charter.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
Unless otherwise provided in the terms of share issuance, the special rights attached to preferred shares with respect to the distribution of profits or Company assets shall not be affected by the issuance of additional shares of the same class.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông
Article 18. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and any Extraordinary General Meetings. Extraordinary General Meetings must be convened in accordance with the circumstances set forth in Clause 3, Article 14 of this Charter.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
The convener of the General Meetings must perform:

   a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
   Prepare the list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting. This list must be compiled no more than ten (10) days prior to the date the meeting notice is sent. The Company shall announce the record date for determining shareholders entitled to attend the General Meeting at least twenty (20) days prior to the record date.

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   Prepare the meeting agenda and content;

   c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
   Prepare meeting materials;

   d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
   Draft proposed resolutions for the General Meeting based on the anticipated agenda;

   đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
   Determine the time and venue for the meeting;

   e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
   Notify and send the meeting invitation to all shareholders entitled to attend;

   g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
   Carry out other tasks necessary for the organization of the meeting.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ

ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
The meeting invitation must be sent to all eligible shareholders by a method that ensures delivery to the contact address provided by each shareholder. It must also be published on the Company's website and disclosed to the State Securities Commission and the stock exchange where the Company's shares are listed or registered for trading. The convener must send the invitation no later than twenty-one (21) days prior to the meeting date (counting from the date the notice is validly sent or delivered). The meeting agenda and documents relating to the matters to be voted on at the meeting must be either sent to shareholders and/or published on the Company's website. If such documents are not enclosed with the invitation, the invitation must clearly state the web link where the full meeting materials can be accessed. This includes:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
The meeting agenda and supporting materials;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
List and details of candidates for election to the Board of Directors or the Supervisory Board (if applicable);

c) Phiếu biểu quyết;
Voting ballot;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
Draft resolutions for each matter on the agenda.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
Shareholders or groups of shareholders as defined in Clause 2, Article 12 of this Charter may propose items for inclusion in the meeting agenda. Such proposals must be submitted in writing and delivered to the Company no later than three (03) working days prior to the date of the meeting. The written proposal must specify the name of the shareholder(s), the number and class of shares held, and the matter(s) proposed for inclusion in the agenda.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
The person convening the General Meeting of Shareholders may decline the proposal referred to in Clause 4 of this Article if:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
The proposal does not comply with the provisions of Clause 4 of this Article;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not meet the minimum 5% shareholding requirement as prescribed in Clause 2, Article 12 of this Charter;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

The proposed matter is not within the authority of the General Meeting of Shareholders;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Other cases as provided by law or this Charter.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
Unless one of the exceptions in Clause 5 applies, the convener must include any valid proposal under Clause 4 in the tentative agenda. Such proposal will be officially added to the meeting agenda and content upon approval by the General Meeting of Shareholders.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
Article 19. Quorum for the General Meeting of Shareholders

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
The General Meeting of Shareholders may proceed when shareholders attending the meeting represent more than 50% of the total voting shares.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
If the first meeting does not meet the quorum requirement set out in Clause 1 of this Article, a second meeting invitation must be sent within 30 days from the intended date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders may proceed if shareholders attending represent at least 33% of the total voting shares.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
If the second meeting still fails to meet the quorum requirement stated in Clause 2 of this Article, a third meeting invitation must be sent within twenty (20) days from the intended date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders may proceed regardless of the number of voting shares represented by shareholders in attendance.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
Article 20. Procedures for Convening and Voting at the General Meeting of Shareholders

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
Prior to the commencement of the meeting, the Company shall conduct shareholder registration and continue registering until all eligible shareholders or their proxies present have completed registration, in the following order:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành

hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
Upon registration, each shareholder or authorized representative with voting rights shall be issued a voting card indicating their registration number, full name, name of the authorized representative (if any), and the number of votes they hold. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter listed in the meeting agenda. Voting shall be conducted in three options: in favor, against, or abstain. At the meeting, votes in favor are collected first, followed by votes against; then the total number of votes for and against shall be counted to determine the outcome. The vote-counting results must be announced by the Chairperson before the meeting is adjourned. The meeting shall elect members to the vote-counting committee or vote-counting supervisors based on the Chairperson's proposal. The number of vote counters shall be decided by the General Meeting of Shareholders.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
Shareholders, representatives of institutional shareholders, or authorized individuals who arrive after the meeting has commenced may still register upon arrival and participate in discussions and voting immediately thereafter. The Chairperson is not required to pause the meeting to accommodate late attendees, and previously adopted resolutions shall remain valid.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
The election of the Chairperson, Secretary, and Vote-Counting Committee shall follow these provisions:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
The Chairperson of the Board of Directors shall preside over the meeting or may authorize another Board member to do so. If the Chairperson is absent or temporarily incapacitated, the remaining Board members shall elect one among them to serve as Chairperson by majority vote. If no Chairperson is elected, the Head of the Supervisory Board shall facilitate the election of a Chairperson from among those present at the meeting, with the person receiving the highest number of votes becoming the Chairperson.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
In cases not covered by point (a), the person who signed the notice to convene the meeting shall preside over the election of the Chairperson, with the nominee receiving the highest number of votes assuming the role.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
The Chairperson shall appoint one or more individuals to act as meeting secretaries.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
The General Meeting of Shareholders shall elect one or more members to the vote-counting committee based on the Chairperson's recommendation.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
The meeting agenda and contents must be approved at the beginning of the General Meeting. The agenda should specify the timing of each item in detail.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
The Chairperson shall have the authority to take all necessary and reasonable measures to ensure that the meeting is conducted in an orderly manner, follows the approved agenda, and reflects the will of the majority of attendees. These measures may include:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
Organizing seating at the meeting venue;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
Ensuring the safety of all attendees;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
Facilitating participation (or continued participation) by shareholders. The person convening the meeting shall have full authority to amend these measures and take any actions deemed necessary, including issuing admission passes or adopting other suitable methods.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
The General Meeting of Shareholders shall deliberate and vote on each matter in the agenda. Voting shall follow the format of in favor, against, or abstain. Vote-counting results shall be announced by the Chairperson before the meeting concludes.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
Shareholders or their authorized representatives who arrive after the meeting has commenced may still register and vote from the time of registration onward; all previous resolutions adopted before their arrival shall remain valid.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
The convener or Chairperson of the meeting shall have the right to:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
Require all attendees to undergo lawful and reasonable security checks or other procedures;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển

bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
Request the assistance of competent authorities to maintain order and expel individuals who do not comply with the Chairperson's instructions, intentionally cause disruption, obstruct the meeting, or refuse to undergo required security procedures.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
The Chairperson may postpone the meeting—where a valid quorum has been established—for no more than three (03) working days from the original meeting date and only under the following circumstances:

   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   The meeting venue lacks adequate seating for all attendees;

   b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   Communication facilities at the venue are insufficient to ensure participation, discussion, and voting by shareholders;

   c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
   Disruptive or disorderly behavior by attendees threatens the fairness or legality of the meeting.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
If the Chairperson postpones or suspends the meeting in violation of Clause 8 of this Article, the General Meeting may elect another attendee to preside over the remainder of the meeting. All resolutions passed during such a meeting shall remain valid and enforceable.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
Where the Company uses modern technology to organize a General Meeting via online platforms, it must ensure that shareholders can participate and vote electronically in accordance with Article 144 of the Law on Enterprises and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government, guiding the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua
Article 21. Conditions for Resolutions of the General Meeting of Shareholders to be Adopted

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
Resolutions on the following matters shall be adopted when approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless otherwise stipulated in Clauses 3, 4 and 6, Article 148 of the Law on Enterprises:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
The types of shares and the total number of shares for each type;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
Changes to the Company's business lines or areas of operation;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
Changes to the Company's organizational and management structure;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
Investment projects or asset sales with a value of 35% or more of the Company's total asset value as recorded in the most recent financial statements;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
Reorganization or dissolution of the Company.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
Other resolutions shall be deemed adopted when approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless otherwise specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, and 6 of Article 148 of the Law on Enterprises.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Any resolution of the General Meeting of Shareholders that is unanimously approved by 100% of the voting shares shall be deemed legally valid and effective regardless of whether the procedures for convening and voting on such resolution were in compliance with the Law on Enterprises or this Charter.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Article 22. Authority and Procedures for Obtaining Written Shareholder Opinions to Adopt Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:
The authority and procedures for obtaining written opinions from shareholders to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be as follows:

1. Trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn cả các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d, đ, g khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và cả trong các trường hợp sau đây:
Unless otherwise provided by law or this Charter, the Board of Directors may collect written opinions from shareholders to adopt resolutions of the General Meeting of Shareholders on any matter within its authority, if deemed necessary for the Company's interests. This includes, but is not limited to, the cases outlined in Points a, b, c, d, đ, and g of Clause 2, Article 147 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, as well as the following:

a) Thay đổi vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu và/hoặc chào bán cổ phiếu và/hoặc mua lại cổ phiếu quỹ để hủy bỏ làm giảm vốn điều lệ.

Changes to the Company's charter capital through the issuance and/or sale of additional shares, or the repurchase and cancellation of treasury shares to reduce charter capital;

b) Phát hành trái phiếu theo các hình thức như sau: Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền…;
Issuance of different types of bonds, including convertible bonds, bonds with warrants, etc.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
The Board of Directors must prepare the voting form, a draft resolution of the General Meeting of Shareholders, and supporting explanatory materials, and deliver them to all eligible voting shareholders no later than ten (10) days prior to the deadline for returning the completed voting form. The method of delivery must comply with Clause 3, Article 18 of this Charter.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
The voting form must contain at least the following information:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Mục đích lấy ý kiến;
Purpose of collecting written opinions;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
For individual shareholders: full name, contact address, nationality, and legal identification number; for organizational shareholders: name, enterprise registration number or legal identification document, head office address, and representative's details; number and type of shares held and corresponding voting rights;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
Matters to be voted on;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
Voting options for each matter (agree, disagree, no opinion);

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
Deadline for returning the completed voting form to the Company;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
Shareholders may return completed voting forms to the Company via post, fax, or email, under the following conditions:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ

đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
For postal submissions, the form must be signed by the shareholder (if an individual), or by the legal or authorized representative (if an organization). The form must be sealed in an envelope and may not be opened prior to the vote count;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
For fax or email submissions, forms must remain confidential until the vote counting;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
Forms that are submitted after the deadline, or opened (in the case of postal submissions), or disclosed prematurely (in the case of fax/email), shall be deemed invalid. Failure to return the form shall be considered as non-participation in voting.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
The Board of Directors shall tally the votes and prepare a vote-counting minutes, witnessed by the Supervisory Board or a shareholder who does not hold any management position in the Company. The vote-counting minutes must include:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
Purpose and specific issues for which written opinions were sought;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
Number of shareholders and voting shares participating in the vote, distinguishing between valid and invalid votes, and the voting method used, along with an appendix listing participating shareholders;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
Total number of votes for, against, and abstaining for each matter;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
Matters approved and the corresponding approval ratios;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors, vote counters, and vote-counting observers.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
All members of the Board of Directors, vote counters, and observers shall bear joint responsibility for the truthfulness and accuracy of the vote-counting minutes, as well as for any damages resulting from dishonest or inaccurate vote counting.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết

có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
The minutes of vote counting and the resulting resolution must be delivered to all shareholders within fifteen (15) days from the date vote counting is completed. Alternatively, the minutes and resolution may be published on the Company's official website within twenty-four (24) hours of the conclusion of vote counting, in lieu of direct delivery.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The completed voting ballots, the minutes of vote counting, the approved resolution, and any supporting documents distributed along with the voting ballot must be retained at the Company's principal office.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
A resolution passed through the form of written consultation shall be deemed valid and effective as if it were adopted at a General Meeting of Shareholders, provided it receives affirmative votes from shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all shareholders entitled to vote.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
A General Meeting of Shareholders must be recorded in written minutes and may also be audio recorded or stored in another electronic format. The minutes must be prepared in Vietnamese and may be accompanied by a version in a foreign language, and must include the following key information:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   Name, head office address, and enterprise registration number of the Company

   b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   Date, time, and venue of the meeting;

   c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   The meeting agenda and contents;

   d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   Full names of the Chairperson and the Secretary;

   đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   A summary of the proceedings and key opinions expressed on each agenda item;

   e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   The number of shareholders and total voting rights represented at the meeting, along with an appendix listing registered shareholders and their representatives, indicating the number of shares and corresponding voting rights;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
The total number of votes cast for each matter, specifying the method of voting, number of valid and invalid votes, and the breakdown of votes in favor, against, or abstaining; including the percentage corresponding to the total votes of attending shareholders;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
Matters that were approved and the respective approval ratios;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
Full names and signatures of the Chairperson and the Secretary. If the Chairperson and/or the Secretary refuses to sign the minutes, the minutes shall remain valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and contain all required information under this clause. The minutes must clearly state any refusal by the Chairperson or Secretary to sign.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
The minutes of the General Meeting of Shareholders must be finalized and approved before the meeting is adjourned. The Chairperson, Secretary, or any person who signs the minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of its contents.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
Both the Vietnamese and foreign-language versions of the minutes shall have equal legal effect. In case of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, the appendix of registered shareholders bearing their signatures, proxies, and any accompanying documents or materials referenced in the meeting invitation must be disclosed in accordance with applicable regulations on information disclosure in the securities market, and must be retained at the Company's principal office.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Article 24. Petition to Annul Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
Within ninety (90) days from the date of receipt of a resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, or the minutes of the vote counting conducted via written consultation, any

shareholder or group of shareholders as defined in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises shall have the right to request a court or arbitration body to review and annul the resolution, or a part thereof, in the following cases:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
   The procedures for convening the meeting or adopting the resolution seriously violated the provisions of the Law on Enterprises or the Company's Charter, except as provided in Clause 3, Article 21 of this Charter.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
   The content of the resolution is in violation of applicable laws or this Charter.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VII. BOARD OF DIRECTORS

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị
Article 25. Nomination and Candidacy for the Board of Directors

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   If candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must publicly disclose information regarding such candidates at least ten (10) days prior to the date of the General Meeting of Shareholders, via the Company's official website, to allow shareholders sufficient time to review the candidates before voting. Each candidate must provide a written commitment confirming the accuracy and truthfulness of their personal information and affirming their willingness to perform their duties with integrity, diligence, and in the best interests of the Company if elected as a member of the Board of Directors. Disclosed information on each candidate shall include:

   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
      Full name, date of birth;

   b) Trình độ chuyên môn;
      Professional qualifications;

   c) Quá trình công tác;
      Employment history;

   d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
      Other managerial or directorship positions held (including positions on boards of other companies);

   đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
      Any interests related to the Company or its affiliated parties;

   e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
      Any other information (if applicable) as required by the Company's Charter;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
The Company shall be responsible for disclosing any companies in which the candidate currently holds a position as a member of the Board of Directors, holds other management roles, or has interests related to those companies (if applicable).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
A shareholder or group of shareholders owning 10% or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises and this Charter.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
If, after nominations and self-nominations, the number of candidates remains insufficient to meet the requirements stipulated in Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Directors shall be responsible for nominating additional candidates or organizing nominations in accordance with this Charter, the Company's internal corporate governance regulations, and the Board's operating rules. Any nomination by the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board, in accordance with the law.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors must meet the eligibility criteria and conditions specified in Clause 1 and Clause 2, Article 155 of the Law on Enterprises and the Company Charter.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
Article 26. Composition and Term of the Board of Directors

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
The Board of Directors shall consist of five (05) members.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
The term of office for each member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years. Members may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only serve as an independent member of the Board of Directors of the Company for no more than two (02) consecutive terms. In the event all members of the Board of Directors complete their term of office simultaneously, such members shall continue to serve until new members are elected and assume their responsibilities.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
The structure of the Board of Directors shall be as follows:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu một (01) thành viên độc lập.
The Board of Directors of the Company must include at least one (01) non-executive member. The Company shall minimize the number of Board members concurrently holding executive positions within the Company to ensure the independence of the Board. The total number of independent members on the Board must comply with applicable regulations and shall include at least one (01) independent member.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
A member shall cease to be a member of the Board of Directors if dismissed, removed, or replaced by resolution of the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 160 of the Law on Enterprises.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
The appointment of members to the Board of Directors must be disclosed in accordance with laws and regulations on information disclosure applicable to the securities market.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
Members of the Board of Directors are not required to be shareholders of the Company.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
Article 27. Powers and Responsibilities of the Board of Directors

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
The Board of Directors is the governing body of the Company, vested with full authority to act on behalf of the Company in making decisions and performing the rights and obligations of the Company, except for those matters falling under the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
The powers and responsibilities of the Board of Directors are determined by law, the Company's Charter, and resolutions of the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors shall have the following powers and duties:

   a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   To determine the Company's strategy, medium-term development plans, and annual business plans;

   b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   To propose the classes of shares and the total number of shares of each class that may be offered;

   c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
   To decide on the sale of unsold shares within the scope of authorized share offerings for each class; and to determine other methods of capital mobilization;

   d) Quyết định giá bán cổ phần;

To decide on the offering price of share;

d) Quyết định phương án phát hành trái phiếu, giá bán trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trái phiếu của Công ty, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ, trái phiếu phát hành ra công chúng (ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định);
To decide on the bond issuance plan, including the bond type, offering price, total value, and timing of the Company's bond offerings, including both private placements and public offerings (excluding convertible bonds and bonds with warrants, which shall be decided by the General Meeting of Shareholders);

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
To decide on the repurchase of shares in accordance with Clause 1 and Clause 2, Article 133 of the Law on Enterprises;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
To approve investment plans and projects within its authority and in compliance with legal limits;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
To determine strategies for market development, marketing, and technology adoption;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
To approve contracts for purchases, sales, borrowing, lending, and other transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets recorded in the Company's most recent financial statements, except for those transactions that fall within the authority of the General Meeting of Shareholders under Point d, Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Law on Enterprises;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
To elect, dismiss, or remove the Chairperson of the Board of Directors; to appoint, dismiss, sign, or terminate employment contracts with the Chief Executive Officer (CEO) and other key executives as stipulated in the Charter; to determine the salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of such managers; to designate authorized representatives to participate in Members' Councils or General Meetings of Shareholders of other companies; and to determine their remuneration and benefits;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
To supervise and direct the CEO and other managers in the day-to-day operations of the Company;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
To determine the organizational structure and internal governance regulations of the Company;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
To decide on the establishment of subsidiaries, branches, and representative offices, as well as capital contributions or share purchases in other enterprises;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
To submit the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
To recommend the dividend payout rate; and to decide on the timing and method of dividend distribution or the handling of business losses;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
To propose restructuring, dissolution, or bankruptcy of the Company;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
To issue the Board of Directors' operational regulations and the internal corporate governance regulations after they have been approved by the General Meeting of Shareholders; and to issue the Company's information disclosure regulations;

s) Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
To determine the valuation of non-cash assets contributed to the Company in connection with the issuance of shares or bonds, including gold, land use rights, intellectual property rights, technologies, and technological know-how;

t) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
To approve investments or disposals of assets valued from 10% to less than 35% of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company;

u) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
To address other business matters or transactions that, within its authority and responsibilities, the Board deems necessary to approve;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
To exercise other rights and perform other obligations in accordance with the Law on Enterprises, the Law on Securities, other applicable laws, and the Company's Charter.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

The Board of Directors shall report its performance to the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020, which provides detailed regulations for the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị
Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
The Company may pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on the Company's performance and business results.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
Members of the Board of Directors are entitled to remuneration and performance bonuses. Remuneration shall be calculated based on the number of working days required to fulfill the duties of a Board member and the applicable daily rate. The Board of Directors shall propose the remuneration for each member by consensus. The total amount of remuneration and bonuses for the Board of Directors shall be determined by the General Meeting of Shareholders at the Annual General Meeting.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
The remuneration of each member of the Board of Directors shall be accounted for as a business expense of the Company in accordance with the laws on corporate income tax. It shall be disclosed as a separate line item in the Company's annual financial statements and reported to the General Meeting of Shareholders at the Annual General Meeting.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
Any member of the Board of Directors who holds an executive position, serves on Board committees, or performs duties beyond the normal scope of responsibilities of a Board member may receive additional compensation. This may take the form of a one-off fee, salary, commission, profit share, or other forms as determined by the Board of Directors.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
Members of the Board of Directors shall be entitled to reimbursement for all reasonable travel, accommodation, and other expenses incurred in the course of performing their duties as Board members. This includes costs incurred when attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or Board committees.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho

những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors may be covered by liability insurance purchased by the Company, subject to the approval of the General Meeting of Shareholders. Such insurance shall not cover liabilities arising from violations of laws or breaches of the Company's Charter.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị
Article 29. Chairperson of the Board of Directors

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
The Chairperson of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or removed by the Board of Directors from among its members.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
The Chairperson may not concurrently serve as the Chief Executive Officer (CEO) of the Company.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
The Chairperson of the Board of Directors shall have the following rights and responsibilities:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   To develop the agenda and work plan of the Board of Directors;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
   To prepare the meeting agenda, materials, and documentation; to convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;

   c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;

   d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   To oversee the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

   đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   To preside over meetings of the General Meeting of Shareholders;

   e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
   To exercise other rights and perform other duties in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
In the event the Chairperson resigns, is dismissed, or removed from office, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of resignation, dismissal, or removal.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong

nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
If the Chairperson is absent or otherwise unable to perform their duties, they must delegate their powers and responsibilities in writing to another member of the Board of Directors. If no such delegation is made, or if the Chairperson is deceased, missing, temporarily detained, serving a prison sentence, undergoing mandatory rehabilitation or education, has fled their residence, is legally incapacitated, suffers from cognitive or behavioral impairments, or is prohibited by court order from holding certain positions or engaging in specific activities, the remaining members of the Board of Directors shall elect a new Chairperson from among themselves by majority vote, who shall serve in that capacity until the Board of Directors issues a new decision.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
Article 30. Board Meetings

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
The Chairperson of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors, held within seven (07) working days from the date of completion of the Board election. This meeting shall be convened and presided over by the member who received the highest number or percentage of votes. If there is more than one member with equal highest votes or voting percentages, the Board members shall elect one among them, by majority vote, to convene and chair the meeting.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
The Board of Directors must convene at least once every quarter, and may also hold extraordinary meetings as needed.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
The Chairperson of the Board shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:

   a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   Upon the request of the Supervisory Board or an independent Board member;

   b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
   Upon the request of the Chief Executive Officer (CEO) or at least five (05) other senior managers;

   c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
   Upon the request of at least two (02) members of the Board of Directors

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
Requests under Clause 3 of this Article must be made in writing and must clearly state the purpose, matters for discussion, and decisions to be made that fall within the authority of the Board of Directors.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải

chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
The Chairperson must convene the Board meeting within seven (07) working days from the date of receiving such a request. If the Chairperson fails to do so, they shall be held liable for any damage caused to the Company; in such case, the requesting parties shall have the right to convene the Board meeting themselves.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
The Chairperson or the convener must send a meeting notice to Board members no later than three (03) working days prior to the meeting. The notice must specify the time, venue, agenda, and matters to be discussed and resolved, and the notice must be accompanied by relevant materials and voting ballots.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
Notices may be delivered by written invitation, phone, fax, email, or other means as provided in the Company's Charter and must be sent to the contact address registered with the Company by each Board member.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
The Chairperson or convener must also send the meeting notice and accompanying materials to members of the Supervisory Board in the same manner as to Board members.

   Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
Supervisory Board members have the right to attend and participate in discussions at Board meetings but do not have voting rights.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
A Board meeting may be held only when at least three-fourths (3/4) of the total members are in attendance. If the quorum is not met, a second meeting may be convened within seven (07) days from the initially scheduled date. At this second meeting, the quorum shall be deemed met if more than half of the Board members are present.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
A Board member shall be deemed to be present and vote at the meeting in the following cases:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   Attending and voting in person;

   b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
   Authorizing another person to attend and vote on their behalf, as approved under Clause 11 of this Article;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
Attending and voting via online conferencing, electronic voting, or other electronic means;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
Submitting a voting ballot by mail, fax, or email;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
Submitting a voting ballot by other permitted means.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
If a voting ballot is submitted by post, it must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairperson at least one (01) hour before the meeting begins. Ballots shall only be opened in the presence of all meeting participants.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
Board members are expected to attend all Board meetings. They may authorize another person to attend and vote on their behalf only with the consent of the majority of the Board members.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
A resolution or decision of the Board of Directors shall be passed if it receives the affirmative vote of the majority of members present. In the event of a tie, the Chairperson shall cast the deciding vote.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
Article 31. Board Committees

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
The Board of Directors may establish committees under its authority to oversee specific areas such as strategic development, human resources, compensation, internal audit, and risk management. Each committee shall have a minimum of three (03) members, as determined by the Board of Directors, and may consist of both Board members and external individuals. The operations of such committees must comply with the regulations issued by the Board of Directors. A committee's resolution shall be valid only if it is approved by a majority of its members present and voting at a duly convened meeting.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
All decisions made by the Board of Directors or by any of its committees must be implemented in accordance with applicable laws, the Company's Charter, and its internal corporate governance regulations.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty
Article 32. Corporate Governance Officer

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
The Board of Directors must appoint at least one (01) Corporate Governance Officer to support governance activities within the Company. This individual may concurrently serve as the Company Secretary in accordance with Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
The Corporate Governance Officer may not simultaneously be employed by an auditing firm currently performing audits of the Company's financial statements.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
The Corporate Governance Officer shall have the following rights and responsibilities:

   a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   Advising the Board of Directors on convening General Meetings of Shareholders and handling shareholder relations in accordance with the law;

   b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
   Preparing meetings of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Meeting of Shareholders as requested by the Board or the Supervisory Board;

   c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   Providing guidance on the procedures of such meetings;

   d) Tham dự các cuộc họp;
   Attending meetings of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;

   đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
   Advising on the formulation of Board resolutions to ensure compliance with applicable laws;

   e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
   Providing financial information, copies of Board meeting minutes, and other relevant materials to members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

   g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
   Monitoring and reporting to the Board of Directors on the Company's disclosure activities;

   h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
   Serving as a liaison with relevant stakeholders;

   i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
   Ensuring confidentiality of information in accordance with applicable laws and the Company Charter;

   k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Performing other rights and obligations as prescribed by law and the Company Charter.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý
Article 33. Organizational Structure of Management

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (nếu có). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

The Company's management system shall ensure that the executive apparatus is accountable to the Board of Directors and operates under its supervision and direction in the day-to-day business operations of the Company. The Company shall have a Chief Executive Officer (CEO), Deputy Chief Executive Officers (Deputy CEOs), a Chief Accountant, and other managerial positions as may be appointed by the Board of Directors (if any). The appointment, dismissal, and removal of these positions must be carried out by resolution or decision of the Board of Directors.

Điều 34. Người điều hành Công ty
Article 34. Executive Officers of the Company

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
   Executive Officers of the Company include the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officers, and the Chief Accountant.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
   At the recommendation of the Chief Executive Officer and with the approval of the Board of Directors, the Company may appoint additional Executive Officers in accordance with its structure and internal management regulations as adopted by the Board of Directors. Executive Officers shall be responsible for supporting the Company in achieving its strategic and operational objectives. The Chief Executive Officer shall be entitled to salary and bonus, the level of which shall be determined by the Board of Directors.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
   The CEO is paid by salary and bonus. The Chief Executive Officer's salary and bonus are decided by the Board of Directors.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
   The remuneration of Executive Officers shall be accounted for as part of the Company's business expenses in accordance with regulations on corporate income tax, presented as a separate line item in the Company's annual financial statements, and reported to the General Meeting of Shareholders at the Annual Meeting.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc
Article 35. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
The Board of Directors shall appoint one (01) of its members or may engage an external candidate to serve as the Chief Executive Officer (CEO).

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
The CEO shall be responsible for the day-to-day management of the Company's business operations, under the supervision of the Board of Directors, and shall be accountable to the Board and legally responsible for the performance of duties and exercise of powers assigned.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
The CEO's term of office shall not exceed five (05) years and may be reappointed for an unlimited number of terms, subject to the qualifications and conditions set forth by applicable law and the Company's Charter.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
The CEO shall have the following rights and responsibilities:

   a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Công ty;
   To make decisions on all matters related to the daily business operations of the Company, except those falling under the authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders; and to act in the best interest of the Company when making such decisions;

   b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   To organize the implementation of resolutions and decisions adopted by the Board of Directors;

   c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
   To implement the Company's business plans and investment strategies;

   d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
   To propose organizational structure and internal governance regulations of the Company;

   đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   To appoint, dismiss, or remove management personnel within the Company, except for positions under the jurisdiction of the Board of Directors;

   e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
   To determine the salaries and other benefits of employees within the Company, including managerial staff appointed under the CEO's authority;

   g) Tuyển dụng lao động;
   To recruit personnel;

   h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

To propose dividend distribution plans or measures to address operational losses;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
To perform other rights and duties as prescribed by law.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
The Board of Directors may dismiss the CEO by a majority vote of attending members with voting rights and appoint a replacement.

IX. BAN KIỂM SOÁT
IX. SUPERVISORY BOARD

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)
Article 36. Nomination and Election of Supervisory Board Members (Supervisors)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
The nomination and election of Supervisory Board members shall be carried out in accordance with the same procedures set forth in Clauses 1 and 2 of Article 25 of this Charter.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
In the event that the number of nominees and candidates for the Supervisory Board is insufficient, the incumbent Supervisory Board may nominate additional candidates or organize nominations in accordance with this Charter, the Company's Internal Corporate Governance Regulations, and the Supervisory Board's Operating Regulations. Any nomination of additional candidates by the current Supervisory Board must be publicly disclosed prior to the General Meeting of Shareholders voting to elect members of the Supervisory Board in accordance with applicable laws.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát
Article 37. Composition of the Supervisory Board

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
The Supervisory Board of the Company shall consist of three (03) members. Each member shall serve a term not exceeding five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
Supervisory Board members must meet the eligibility criteria as prescribed under Article 169 of the Law on Enterprises, and shall not fall under any of the following disqualifying circumstances:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
Being employed in the Company's accounting or finance departments;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Being a member or employee of an independent auditing firm that audited the Company's financial statements in any of the past three (03) consecutive years.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
A Supervisory Board member shall be dismissed in the following cases:

   a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
   No longer meeting the eligibility criteria as stated in Clause 2 of this Article;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
   Voluntarily resigning and having such resignation accepted.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
A Supervisory Board member shall be removed in the following cases:

   a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   Failure to fulfill assigned tasks and responsibilities;

   b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   Failure to exercise rights and obligations for six (06) consecutive months, unless due to force majeure;

   c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
   Repeated or serious violations of the duties and obligations of Supervisory Board members under the Law on Enterprises or this Charter;

   d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
   Other cases as resolved by the General Meeting of Shareholders.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát
Article 38. Head of the Supervisory Board

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
The Head of the Supervisory Board shall be elected from among the members of the Supervisory Board, based on majority voting. A majority of the Supervisory Board members must be permanent residents in Vietnam. The Head of the Supervisory Board must hold a university degree or higher in one of the following disciplines: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a field relevant to the Company's business operations.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
The Head of the Supervisory Board shall have the following rights and responsibilities:

   a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
   To convene meetings of the Supervisory Board;

   b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
   To request the Board of Directors, CEO, and other executives to provide relevant information for the purpose of reporting to the Supervisory Board;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
To prepare and sign the Supervisory Board's report, after consulting with the Board of Directors, for submission to the General Meeting of Shareholders.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát
Article 39. Rights and Responsibilities of the Supervisory Board

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
The Supervisory Board shall exercise the rights and perform the duties stipulated in Article 170 of the Law on Enterprises and the following additional rights and responsibilities:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
To propose and recommend that the General Meeting of Shareholders approve the list of approved auditing firms to audit the Company's financial statements; to determine the approved auditing firm that will conduct operational audits of the Company; and to dismiss the appointed auditor when deemed necessary.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
To be accountable to the shareholders for the performance of its supervisory functions.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
To oversee the Company's financial position and monitor the compliance with applicable laws and regulations by members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer (CEO), and other executives.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
To ensure coordination of its activities with the Board of Directors, the CEO, and shareholders.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
If any violations of the law or the Company's Charter by members of the Board of Directors, the CEO, or other executive officers are discovered, the Supervisory Board must provide written notice to the Board of Directors within forty-eight (48) hours, requesting the violator to cease such conduct and implement corrective measures.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
To develop its own Operating Regulations and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
To report at the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, which provides detailed guidance on the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

To have the right to access all Company records and documents kept at the head office, branches, and other locations; and to visit the workplaces of Company managers and employees during working hours.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
To request the Board of Directors, individual members of the Board, the CEO, and other managers to promptly and fully provide accurate information and documents relating to the management, operations, and business activities of the Company.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
To exercise such other rights and perform such other duties as prescribed by applicable laws and regulations.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát
Article 40. Meetings of the Supervisory Board

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
The Supervisory Board shall convene meetings at least twice per year. A quorum is established when at least two-thirds (2/3) of its members are present. Minutes of each meeting must be prepared in a clear and detailed manner. The minute-taker and all participating members of the Supervisory Board are required to sign the minutes. All meeting minutes of the Supervisory Board must be retained to ensure accountability of each member.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
The Supervisory Board shall have the right to request the attendance of members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer, and representatives of the approved auditing firm to clarify matters requiring further explanation.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát
Article 41. Remuneration, Compensation, Bonuses, and Other Benefits for Members of the Supervisory Board

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
The remuneration, compensation, bonuses, and other benefits of members of the Supervisory Board shall be implemented as follows:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
Members of the Supervisory Board shall be entitled to receive remuneration, compensation, bonuses, and other benefits as determined by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall approve the total annual remuneration, compensation, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Supervisory Board.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân

sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
Members of the Supervisory Board are entitled to reimbursement for reasonable expenses related to meals, accommodation, travel, and the use of independent advisory services. The total remuneration and expenses shall not exceed the approved annual budget of the Supervisory Board unless otherwise resolved by the General Meeting of Shareholders.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
Remuneration and operating expenses of the Supervisory Board shall be recorded as part of the Company's business expenses in accordance with prevailing regulations on corporate income tax and other applicable laws, and must be disclosed as a separate line item in the Company's annual financial statements.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, AND OTHER EXECUTIVES

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives shall perform their duties—including those undertaken in subcommittees of the Board of Directors—with integrity, diligence, and in the best interest of the Company.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
Article 42. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives must disclose any relevant interests in accordance with the Law on Enterprises and applicable legal provisions.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, and their related persons may only use information obtained through their positions for the benefit of the Company.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
These individuals are obligated to notify the Board of Directors and the Supervisory Board in writing of any transactions between the Company, its subsidiaries, or other companies in which the public company holds over 50% of the charter capital, and themselves or their

related persons, in accordance with applicable laws. Where such transactions require approval from the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose information on the resolutions approving them in accordance with securities regulations on information disclosure.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors may not vote on any transaction in which they or their related persons have an interest, as prescribed by the Law on Enterprises and this Charter.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, and their related persons may not use or disclose inside information to conduct related transactions.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
Transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, or their related parties shall not be deemed invalid in the following circumstances:

   a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
In the case of a transaction valued at less than 35% of the total assets as recorded in the most recent financial statements, if the key terms of the transaction and any relevant relationships and interests of the aforementioned individuals have been reported to the Board of Directors and approved by a majority of disinterested directors;

   b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
In the case of a transaction valued at 35% or more of total assets—or where the cumulative value of related transactions within a 12-month period reaches or exceeds that threshold—if the key terms and any relevant relationships and interests have been disclosed to shareholders and approved by a vote of disinterested shareholders at the General Meeting of Shareholders.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường
Article 43. Liability for Damages and Indemnification

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives who breach their duties of honesty, loyalty, or due care, or who otherwise fail to fulfill their obligations, shall be held liable for any damages arising from such breach or failure.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
The Company shall indemnify any individual who is or may become a party to any complaint, claim, litigation, or proceeding (whether civil or administrative, and excluding those initiated by the Company) if that individual is or was a member of the Board of Directors, a member of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, another executive, an employee, or an authorized representative of the Company—provided that such person acted in good faith, with due care, in the best interests of the Company, within the scope of their authority, in compliance with the law, and there is no evidence that the person breached their duties.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
Indemnification shall cover judgments, penalties, and actual expenses (including attorneys' fees) incurred in connection with such proceedings, to the extent permitted by law. The Company may also obtain insurance to cover these indemnification liabilities for the aforementioned individuals.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY
XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ
Article 44. Right to Access Books and Records

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
Common shareholders have the right to inspect company books and records, specifically as follows:

   a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   A common shareholder may inspect, access, and make extracts of information regarding the names and contact details in the list of shareholders entitled to vote; request correction of any inaccurate information concerning themselves; and inspect, access, extract, or copy the Company's Charter, minutes of General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

   b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

A shareholder or group of shareholders holding 5% or more of the total outstanding common shares has the right to inspect, access, and make extracts of the minutes and resolutions or decisions of the Board of Directors; interim and annual financial statements; reports of the Supervisory Board; contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors; and other documents, excluding those involving the Company's trade secrets or confidential business information.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
If a shareholder or group of shareholders exercises their right to access records through an authorized representative, such representative must present a power of attorney granted by the relevant shareholder(s), or a notarized copy thereof.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives shall have the right to access the Company's shareholder register, list of shareholders, and other corporate books and records, provided such access is for purposes related to their official duties and that the information is kept confidential.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
The Company is required to maintain this Charter and any amendments thereto, the Certificate of Enterprise Registration, internal regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books, and other records as prescribed by law—either at the Company's head office or another location, provided that shareholders and the business registration authority are duly notified of such location.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
The Company's Charter must be published on the Company's official website.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN
XII. EMPLOYEES AND UNIONS

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn
Article 45. Employees and unions

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
The Chief Executive Officer shall prepare and submit to the Board of Directors for approval matters related to the recruitment, termination, salaries, social insurance, welfare, rewards, and disciplinary actions concerning employees and Company executives.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
The Chief Executive Officer shall also prepare and submit to the Board of Directors for approval matters concerning the Company's relations with unions in accordance with best practices, management policies, and standards, as well as the provisions of this Charter, Company regulations, and applicable laws.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Điều 46. Phân phối lợi nhuận
Article 46. Profit Distribution

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
The General Meeting of Shareholders shall determine the annual dividend amount and method of payment from the Company's retained earnings.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
The Company shall not pay interest on dividends or any other payments relating to any class of shares.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
The Board of Directors may propose that the General Meeting of Shareholders approve the distribution of dividends in whole or in part in the form of shares. The Board of Directors shall be responsible for implementing such resolutions.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
If dividends or other payments relating to a class of shares are to be paid in cash, they shall be paid in Vietnamese Dong. Payment may be made directly or via bank transfer based on the bank account details provided by the shareholder. The Company shall not be liable for any payments made based on the bank account details provided by a shareholder if that shareholder fails to receive the funds. For listed or registered securities, dividend payments may be processed through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
In accordance with the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall adopt a resolution determining the record date for finalizing the list of shareholders entitled to receive dividends in cash or stock, notices, or other documents.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
Other matters related to the distribution of profits shall be carried out in compliance with applicable laws.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME

Điều 47. Tài khoản ngân hàng
Article 47. Bank account

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
The Company shall open bank accounts with banks operating in Vietnam or with branches of foreign banks that are legally permitted to operate within Vietnam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
Subject to prior approval from the relevant authorities, the Company may, if necessary, open bank accounts abroad in accordance with applicable laws.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
All payments and accounting transactions of the Company shall be conducted through accounts in Vietnamese Dong or foreign currencies held at banks where the Company maintains its accounts.

Điều 48. Năm tài chính
Article 48. Fiscal year

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.
The Company's fiscal year shall begin on January 1 and end on December 31 of each calendar year. The first fiscal year shall commence on the date the Enterprise Registration Certificate is issued and end on December 31, 2017.

Điều 49. Chế độ kế toán
Article 49. Accounting system

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
The Company shall apply the corporate accounting regime or any specific accounting regime as promulgated or approved by the competent authority.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
The Company shall prepare its accounting records in Vietnamese and maintain all accounting documents in accordance with the laws on accounting and related regulations. Such records must be accurate, up to date, systematic, and sufficient to substantiate and explain the Company's transactions.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

The accounting currency of the Company shall be the Vietnamese Dong. In cases where the Company conducts its principal transactions in a foreign currency, it may elect to use that foreign currency as its accounting currency. The Company shall be responsible before the law for such selection and shall notify the relevant tax authority accordingly.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Article 50. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
   The Company shall prepare annual financial statements, which must be audited in accordance with applicable laws. The audited annual financial statements shall be disclosed in accordance with the regulations on information disclosure applicable to the securities market and submitted to the relevant state authorities.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
   The annual financial statements must include all required reports, appendices, and explanatory notes as prescribed by the laws on corporate accounting. These financial statements must present a true and fair view of the Company's operations.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
   The Company shall also prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with the legal requirements on information disclosure applicable to the securities market, and submit them to the relevant state authorities.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Article 51. Annual Report

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
The Company shall prepare and disclose its Annual Report in accordance with applicable laws on securities and the securities market.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

XVI. AUDIT OF THE COMPANY

Điều 52. Kiểm toán

Article 52. Audit

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of eligible independent auditing firms and authorize the Board of Directors to select one of them to audit the Company's financial statements for the following fiscal year, based on terms and conditions agreed upon with the Board.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
The independent auditor responsible for auditing the Company's financial statements shall have the right to attend General Meetings of Shareholders, receive notices and other materials relating to such meetings, and express opinions on matters pertaining to the audit of the Company's financial statements.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP
XVII. COMPANY SEAL

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp
Article 53. Company seal

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
The Company's seal may be either a physical seal produced by a seal engraving service provider or a digital signature, in accordance with the laws on electronic transactions.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
The Board of Directors shall determine the type, quantity, format, and content of the Company's seal, as well as those of its branches and representative offices (if any).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
The Board of Directors and the Chief Executive Officer shall be responsible for the use and safekeeping of the seal in accordance with prevailing laws.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY
XVIII. DISSOLUTION OF COMPANY

Điều 54. Giải thể công ty
Article 54. Dissolution of the company

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
The Company may be dissolved under the following circumstances:

   a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
   Upon expiration of its operating term as stated in the Charter, unless extended;

   b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   Pursuant to a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;

   c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   Upon revocation of its Enterprise Registration Certificate, unless otherwise provided by the Law on Tax Administration;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
Other cases as prescribed by law.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
Early dissolution of the Company (including prior to the expiration of an extended term) shall be subject to a resolution of the General Meeting of Shareholders and shall be implemented by the Board of Directors. Such a resolution must be notified to, or approved by, the competent authority if required by law.

Điều 55. Gia hạn hoạt động
Article 55. Extension of Term

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
The Board of Directors shall convene the General Meeting of Shareholders at least seven (07) months prior to the expiration of the Company's operating term to enable shareholders to vote on the proposed extension.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
The extension shall be approved if it receives affirmative votes from shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total voting shares of shareholders attending the meeting.

Điều 56. Thanh lý
Article 56. Liquidation

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
At least six (06) months prior to the expiration of the Company's term or upon the adoption of a dissolution resolution, the Board of Directors shall establish a Liquidation Committee consisting of three (03) members. Two (02) members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member shall be appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall develop its own operating procedures. Members of the Liquidation Committee may be selected from among the Company's employees or external professionals. All costs related to the liquidation process shall be prioritized for payment ahead of other Company liabilities.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
The Liquidation Committee shall notify the Business Registration Authority of its establishment and commencement of operations. From that time, the Liquidation Committee shall act on behalf of the Company in all matters relating to the liquidation before courts and administrative authorities.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
Proceeds from the liquidation shall be distributed in the following order of priority:

a) Các chi phí thanh lý;
Liquidation expenses;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
Unpaid wages, severance allowances, social insurance contributions, and other entitlements owed to employees under collective labor agreements and individual labor contracts;

c) Nợ thuế;
Tax liabilities;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;
Other outstanding debts of the Company;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
Any remaining balance, after full payment of the above items (a) through (d), shall be distributed among the shareholders. Holders of preferred shares shall be paid prior to holders of ordinary shares.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ
Article 57. Internal dispute resolution

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
In the event of a dispute or claim arising in connection with the Company's operations, or the rights and obligations of shareholders under the Law on Enterprises, this Charter, other applicable laws, or contractual agreements between:

a) Cổ đông với Công ty;
A shareholder and the Company;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
A shareholder and the Board of Directors, Supervisory Board, Chief Executive Officer, or other executives;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
The parties involved shall endeavor to resolve such dispute through negotiation and conciliation. Except where the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson of the Board, the Chairperson shall preside over the resolution process and request each party to submit relevant information within thirty (30) business days from the date the dispute arises. If the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson, any party may request the appointment of an independent expert to act as a mediator for the conciliation process.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
If the parties are unable to reach a resolution within six (06) weeks from the commencement of the mediation process, or if the mediator's proposal is not accepted by the parties, either party may refer the dispute to arbitration or a competent court.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.
Each party shall bear its own costs related to the negotiation and mediation process. Court-related costs shall be allocated in accordance with the ruling of the court.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER

Điều 58. Điều lệ công ty
Article 58. Company Charter

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
Any amendment or supplement to this Charter must be reviewed and approved by the General Meeting of Shareholders.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
In cases where applicable laws contain provisions relevant to the Company's operations that are not addressed in this Charter, or where new legal provisions differ from those in this Charter, such legal provisions shall prevail and govern the Company's operations.

3. Trường hợp các quy định, quy chế nội bộ do Công ty ban hành có nội dung mâu thuẫn với quy định trong Điều lệ này thì các quy định trong Điều lệ này được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
In the event of any inconsistency between this Charter and the Company's internal regulations or policies, the provisions of this Charter shall take precedence.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC
XXI. EFFECTIVE DATE

Điều 59. Ngày hiệu lực
Article 59. Effective Date

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026.
This Charter comprises 21 sections and 59 articles and was adopted by the General Meeting of Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company pursuant to Resolution No 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ dated April 23, 2026.

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
This Charter is made in three (03) copies of equal legal validity, and shall be kept at the Company's head office.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế toàn bộ các bản Điều lệ của Công ty đã được ban hành trước ngày Điều lệ này có hiệu lực.
This is the sole and official Charter of the Company and shall supersede all previous versions issued prior to its effective date.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
Any copy or excerpt of this Charter shall only be valid if signed by the Chairperson of the Board of Directors or by at least one-half (1/2) of the total number of Board members.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

M.S.D.N: 0107795944 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÙI HƯƠNG GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

CHARTER
OF BAF VIETNAM AGRICULTURE
JOINT STOCK COMPANY

BAF
NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2026
Ho Chi Minh City, June 29, 2026

MỤC LỤC / *TABLE OF CONTENTS*

PHẦN MỞ ĐẦU / REAMBLE 7
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 7
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER 7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 7
Article 1. Interpretation of Terms 7
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 9
II. NAME, STRUCTURE, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATIONS, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY 9
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 9
Article 2. Name, structure, headquarters, branches, representative offices, business locations, and operating duration of the Company 9
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 10
Article 3. Legal representative of the Company 10
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 10
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND ACTIVITIES OF THE COMPANY 10
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 10
Article 4. Business objectives of the Company 10
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 14
Article 5. Scope of business and operations of the Company 14
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 14
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 14
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders 14
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 15
Article 7. Share certificate 15
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 17
Article 8. Other securities certificates 17
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 17
Article 9. Share transfer 17
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 17
Article 10. Share Forfeiture (Applicable upon Company Incorporation) 17
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 18
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL 18

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 18
Article 11. Organizational structure, governance, and control 18
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 18
Điều 12. Quyền của cổ đông 18
Article 12. Shareholders' rights 18
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 21
Article 13. Shareholders' obligations 21
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 22
Article 14. General Meeting of Shareholders 22
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 24
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders 24
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 26
Article 16. Proxy Authorization to Attend Shareholders' Meetings 26
Điều 17. Thay đổi các quyền 27
Article 17. Modification of rights 27
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 28
Article 18. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders 28
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 30
Article 19. Quorum for the General Meeting of Shareholders 30
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 31
Article 20. Procedures for Convening and Voting at the General Meeting of Shareholders 31
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 34
Article 21. Conditions for Resolutions of the General Meeting of Shareholders to be Adopted 34
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 35
Article 22. Authority and Procedures for Obtaining Written Shareholder Opinions to Adopt Resolutions of the General Meeting of Shareholders 35
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 38
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders 38
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 39
Article 24. Petition to Annul Resolutions of the General Meeting of Shareholders 39
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39
VII. BOARD OF DIRECTORS 39
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 39
Article 25. Nomination and Candidacy for the Board of Directors 39
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 41

Article 26. Composition and Term of the Board of Directors 41
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 42
Article 27. Powers and Responsibilities of the Board of Directors 42
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 44
Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors 44
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 45
Article 29. Chairperson of the Board of Directors 45
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 46
Article 30. Board Meetings 46
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 49
Article 31. Board Committees 49
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 49
Article 32. Corporate Governance Officer 49
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 50
VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS 50
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 50
Article 33. Organizational Structure of Management 50
Điều 34. Người điều hành Công ty 51
Article 34. Executive Officers of the Company 51
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 51
Article 35. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer 51
IX. BAN KIỂM SOÁT 52
IX. SUPERVISORY BOARD 52
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 52
Article 36. Nomination and Election of Supervisory Board Members (Supervisors) 52
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 53
Article 37. Composition of the Supervisory Board 53
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 54
Article 38. Head of the Supervisory Board 54
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 54
Article 39. Rights and Responsibilities of the Supervisory Board 54
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 55
Article 40. Meetings of the Supervisory Board 55
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 56
Article 41. Remuneration, Compensation, Bonuses, and Other Benefits for Members of the Supervisory Board 56

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 57
X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, AND OTHER EXECUTIVES 57
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 57
Article 42. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest 57
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 58
Article 43. Liability for Damages and Indemnification 58
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 59
XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS 59
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 59
Article 44. Right to Access Books and Records 59
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 60
XII. EMPLOYEES AND UNIONS 60
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 60
Article 45. Employees and unions 60
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 61
XIII. PROFIT DISTRIBUTION 61
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 61
Article 46. Profit Distribution 61
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 62
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME 62
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 62
Article 47. Bank account 62
Điều 48. Năm tài chính 62
Article 48. Fiscal year 62
Điều 49. Chế độ kế toán 62
Article 49. Accounting system 62
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 63
XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS 63
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 63
Article 50. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements 63
Điều 51. Báo cáo thường niên 63
Article 51. Annual Report 63
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 63

XVI. AUDIT OF THE COMPANY 63
Điều 52. Kiểm toán 63
Article 52. Audit 63
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 64
XVII. COMPANY SEAL 64
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 64
Article 53. Company seal 64
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 64
XVIII. DISSOLUTION OF COMPANY 64
Điều 54. Giải thể công ty 64
Article 54. Dissolution of the company 64
Điều 55. Gia hạn hoạt động 65
Article 55. Extension of Term 65
Điều 56. Thanh lý 65
Article 56. Liquidation 65
Article 57. Internal dispute resolution 66
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 67
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER 67
Điều 58. Điều lệ công ty 67
Article 58. Company Charter 67
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 67
XXI. EFFECTIVE DATE 67
Điều 59. Ngày hiệu lực 67
Article 59. Effective Date 67

PHẦN MỞ ĐẦU / *REAMBLE*

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (sau đây gọi là "Điều lệ") đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") thông qua theo Nghị quyết số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 và sửa đổi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29.06.2026/NQ-HĐQT ngày 29/06/2026.
The Charter of Organization and Operation of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Charter") has been approved by the General Meeting of Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company (the "Company") in accordance with Resolution No. 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ *dated April 23, 2026 and amended pursuant to the Board of Directors' Resolution No. 29.06.2026/NQ-HĐQT dated June 29, 2026.*

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Điều 1. Giải thích thuật ngữ
Article 1. Interpretation of Terms

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
For the purposes of this Charter, the following terms are construed as follows:

   a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   Charter capital means the total par value of shares sold or subscribed for at the time of the incorporation of the Joint Stock Company and as prescribed in Article 6 of this Charter;

   b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   Voting capital means the share capital represented by shares that entitle the holder thereof to vote on matters within the competence of the General Meeting of Shareholders;

   c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
   The Law on Enterprises means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

   d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
   The Law on Securities means the Law on Securities No. 54/2019/QH14, issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;

   đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   Vietnam means the Socialist Republic of Vietnam;

   e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
   Date of incorporation is the date on which the Company is first granted the Enterprise Registration Certificate (Business Registration Certificate or any equivalent document);

   g) *Người điều hành Công ty* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
   The Company's executives mean the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officer, Chief Accountant and other executives as prescribed in the Company's Charter;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
Enterprise managers mean company executives, including the Chairperson of the Board of Directors, members of the Board of Directors, Chief Executive Officer, and other individuals holding managerial positions as prescribed in the Company's Charter;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
Affiliated persons mean individuals and organizations defined in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
Shareholder means an individual or organization that owns at least one share in a joint stock company;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
Founding shareholder means any shareholder who owns at least one common share and whose name appears on the list of founding shareholders of a joint stock company;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
Major shareholder means a shareholder as defined in Clause 18, Article 4 of the Law on Securities;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
Term of operation means the operating duration of the Company as specified in Article 2 of this Charter, including any extension thereof (if any) approved by the Company's General Meeting of Shareholders;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
The stock exchange means the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
In this Charter, references to one or more other provisions or documents shall be deemed to include amendments, supplements or replacement thereof.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
Headings (Sections, Articles of this Charter) are inserted for ease of reference only and shall not affect the interpretation of the content herein.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

II. NAME, STRUCTURE, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATIONS, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Article 2. Name, structure, headquarters, branches, representative offices, business locations, and operating duration of the Company

1. Tên Công ty/ *Company name:*
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
     Company name written in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
   - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAF VIET NAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
     Company name written in English: BAF VIETNAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY
   - Tên Công ty viết tắt: BAF.,JSC
     Abbreviated name: BAF.,JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
   The company is a joint stock company with legal entity status in accordance with prevailing laws of Vietnam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
   Registered Head Office of the Company:
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
     Address: 9th Floor, Vista Tower, 628C Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.
   - Điện thoại: 0766074787
     Phone number: 0766074787
   - Fax:
   - E-mail:
   - Website: http://baf.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
   The Company may establish branches, representative offices, and business locations for the purpose of conducting its business operations, subject to decisions of the Board of Directors and in compliance with applicable laws.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Unless otherwise terminated prior to the expiration of its operating duration as specified in Clause 2, Article 54 or extended according to the provisions in Article 55 of this Charter, the Company's operating duration is indefinite from the date of incorporation.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Article 3. Legal representative of the Company

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
The Company shall have one (01) legal representative, who shall be the General Director.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này.
The rights and obligations of the legal representative shall be exercised in accordance with the provisions of the Law on Enterprises, this Charter and the Governance Regulations issued by the Board of Directors in accordance with the provisions of this Charter.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND ACTIVITIES OF THE COMPANY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty
Article 4. Business objectives of the Company

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
Company's business lines:

Stt/*No*	Mã ngành / *Business code*	Tên ngành, nghề kinh doanh / *Line of business*
1	0146	Chăn nuôi gia cầm / *Poultry farming*
2	0149	Chăn nuôi khác / *Other livestocks farming activities* Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh: chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi. *Details: - Raising and breeding domestic animals, other animals including pets: dogs, cats, rabbits, reptiles, insects; - Beekeeping and honey production; - Silkworm farming and cocoon production; - Production of fur and reptile skins from livestock farming activities.*
3	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp / *Mixed farming activities*
4	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt / *Crop production support services*
5	0162	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi / *Animal farming support services*

6	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch / *Post-harvest services*
7	0164	Xử lý hạt giống để nhân giống / *Seed treatment for propagation*
8	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt / *Processing and preserving meat and meat products.* Chi tiết: - Giết, mổ, pha lóc, sơ chế, đóng gói, bảo quản thịt gia súc và gia cầm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng tấm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng cắt nhỏ; - Sản xuất sản phẩm từ thịt gồm: Xúc xích, xúc xích Italia, bánh putding, xúc xích nhiều gia vị, xúc xích hun khói, pate, thịt giăm bông; - Chế biến lục phủ ngũ tạng động vật; - Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm khác từ thịt. *Details: - Slaughtering, butchering, processing, packaging, preserving meat of livestock and poultry; - Producing chilled or frozen meat, marinated fresh meat; - Producing chilled or frozen meat, chopped fresh meat; - Producing meat products including: Sausages, Italian sausages, pudding cakes, spiced sausages, smoked sausages, pate, ham; - Processing of animal offal; - Production, processing, and preservation of meat and other meat-based products.* (Không kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm tại trụ sở) / *(No slaughtering of livestock or poultry at headquarters)*
9	1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản / *Processing and preserving aquatic products and aquatic products*
10	1030	Chế biến và bảo quản rau quả / *Processing and preserving fruits and vegetables*
11	1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật / *Production of animal and vegetable oils and fats*
12	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa / *Processing of milk and dairy products*
13	1061	Xay xát và sản xuất bột thô / *Milling and production of raw flour*
14	4632	Bán buôn thực phẩm / *Wholesale of food products* (không hoạt động tại trụ sở) trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật

		(not conducted at headquarters) excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law
15	4722	Bán lẻ thực phẩm/ *Retail sale of food products* (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh; trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *(implemented according to Decision 64/2009/QD-UBND dated July 31, 2009 and Decision No. 79/2009/QD-UBND dated October 17, 2009 of the People's Committee of Ho Chi Minh City on the planning of agricultural products and food trading in Ho Chi Minh City, excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
16	4719	Bán lẻ tổng hợp khác / *Other non-specialized retail sale* Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *Details: Retail in supermarkets and shopping centers (excluding retail of gas cylinders, liquefied petroleum gas (LPG), used motor oil, gold bars, firearms, ammunition for hunting or sports, and metal currency and in accordance with Decision 64/2009/QĐ-UBND dated July 31, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City, and Decision 79/2009/QĐ-UBND dated October 17, 2009, of the People's Committee of Ho Chi Minh City approving the agricultural product planning in Ho Chi Minh City, and excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
17	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống / *Wholesale of agricultural and forestry raw products (except wood, bamboo, rattan) and live animals*

		Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác và động vật sống (không bán buôn nông sản tại trụ sở; trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật). *Details: Wholesale of feed and ingredients for livestock, poultry and aquatic feed; other raw agricultural and forestry products; and live animals. (No wholesale of agricultural products at the headquarters excluding the export, import, and distribution of goods listed in the negative list for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not entitled to exercise under the law).*
18	1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản / *Production of animal, poultry and aquatic feed*
19	4321	Lắp đặt hệ thống điện / *Electrical installation*
20	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa / *Warehousing and storage* (trừ than đá, phế liệu, hóa chất, cho thuê kho bãi) *(except for warehousing and storage of coal, scrap, chemicals, warehouse leasing)*
21	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò / *Raising and breeding cows and buffaloes*
22	0142	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa / *Raising and breading horses and other equines*
23	0144	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai / *Raising of goats, sheep, deers and sambar deers and breeding of goats, sheep, deers and sambar deers*
24	**0145** **(Chính)** *(Primary line of business)*	**Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn / *Raising and breeding pigs***
25	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước / *Construction of water supply and drainage works*

26	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Retail sale of other new goods (except automobiles, motorcycles, motorcycles and auxiliary parts)* Chi tiết: Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh. *Details: Retail sale of feed and raw materials for livestock, poultry and aquatic feed in specialized stores.*

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
Company's operating objectives:

a) Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc;
To build and maintain a reputable brand, while expanding and developing in other business segments where the Company holds a competitive advantage, creating a foundation for long-term and sustainable growth.

b) Huy động và sử dụng vốn hiệu quả trong sản xuất kinh doanh;
To mobilize and use capital effectively in production and business;

c) Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông và người lao động;
To harmonize the interests of the State, Company, and its shareholders and employees;

d) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.
To maximize the Company's operational efficiency, generating employment and income for employees, safeguard the legitimate rights and interests of shareholders, and fulfill obligations to the State.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty
Article 5. Scope of business and operations of the Company

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
The Company is permitted to engage in business activities as specified in this Charter, which have been duly registered, any amendments of which have been notified to the business registration authority and publicly disclosed on the National Business Registration Information Portal.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders

1. Vốn điều lệ của Công ty là **3.648.249.060.000 VNĐ** *(Ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).*
The charter capital of the Company is VND 3,648,249,060,000 (Three trillion, six hundred forty-eight billion, two hundred forty-nine million, and sixty thousand Vietnamese dong)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 364.824.906 cổ phần (Ba trăm sáu mươi tư triệu tám trăm hai mươi tư nghìn chín trăm lẻ sáu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
The Company's charter capital is divided into 364,824,906 shares (Three hundred sixty-four million, eight hundred twenty-four thousand, nine hundred and six shares), with a par value of VND 10,000 per share.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The company may change its charter capital when approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
As of the date of adoption of this Charter, the Company's shares consist solely of common shares. The rights and obligations of shareholders holding such shares are stipulated in Article 12 and Article 13 of this Charter.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The Company may issue other classes of preferred shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

5. Tính đến thời điểm Điều lệ này được thông qua, Công ty không còn các quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập.
As of the date of adoption of this Charter, no restrictions on the transfer of shares held by founding shareholders remain in effect.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
Common shares must be offered with priority to existing shareholders in proportion to their holdings in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Any shares that shareholders not subscribed for will be allocated at the discretion of the Board of Directors of the Company. The Board of Directors may allocate such shares to shareholders or others parties provided that the terms and conditions are not more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
The Company may repurchase its own issued shares in accordance with the procedures set forth herein and applicable laws.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
The Company may issue other types of securities as prescribed by law.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu
Article 7. Share certificate

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

Shareholders of the Company are issued share certificates corresponding to the number of shares and class of shares owned.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
Share certificate is a type of security that certifies the legal rights and interests of the holder in a portion of the share capital of the issuing organization. Each share certificate must include all the information as prescribed in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
Within thirty (30) days from the date the Company receives a complete and valid application for the transfer of ownership of shares as prescribed by the Company, or within two (02) months from the date of full payment for the shares as prescribed in the Company's share issuance plan (or within another period specified in the terms of issuance), the shareholder shall be issued a share certificate. Shareholders shall not be required to pay any fee for the printing of the share certificates.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
In case a share certificate is lost, damaged, or destroyed, the shareholder may request a re-issuance of the certificate. Such request must include the following:

   a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   Information about the share certificate that has been lost, damaged, or destroyed;

   b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
   A written commitment to assume full responsibility for any disputes that may arise from the re-issuance of the certificate.

5. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, tài liệu cho cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.
In case a shareholder changes their contact address, they must promptly notify the Company to update the shareholder register accordingly. The Company shall not be liable for any failure to contact a shareholder due to that shareholder's failure to notify the Company of their updated contact information. Moreover, the inability to contact or send letters or documents to shareholders due to the lack of such notice will not affect the procedures for convening the General Meeting of Shareholders, soliciting written consent of shareholders, delivering documents, or the validity of resolutions by the General Meeting of Shareholders.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác
Article 8. Other securities certificates

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
Bond certificates or other securities certificates issued by the Company shall bear the signature of the legal representative and the seal of the Company.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần
Article 9. Share transfer

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
All shares are free to transfer unless otherwise provided by this Charter and the law. Shares listed and registered for trading on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with the provisions of the Law on Securities and the stock market.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
Unpaid shares may not be transferred and shall not entitle the holder any shareholder rights, including the right to receive dividends, bonus shares issued from equity capital, the right to purchase newly offered shares and other entitlements as prescribed by law.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)
Article 10. Share Forfeiture (Applicable upon Company Incorporation)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
In case that a shareholder fails to pay in full and on time the amount due for the purchase of shares, the Board of Directors shall notify and has the right to demand payment of the outstanding amount. The shareholder shall be be liable, to the extent of the total par value of the shares subscribed, for any financial obligations of the Company arising from the non-payment.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
The payment notice must clearly state the new payment period (at least seven (07) days from the date of sending the notice), the payment location and must clearly state that in case of non-payment by the deadline will result in the forfeiture of the unpaid shares.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
The Board of Directors has the right to forfeit any shares for which full and timely payment has not been made in accordance with the payment notice.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
Shares that are forfeited shall be deemed to be authorized but unissued shares as prescribed in Clause 3, Article 112 of the Law on Enterprises. The Board of Directors may

sell or redistribute such shares according, directly or through authorized agent, on such terms and in such manner as the Board of Directors deems appropriate.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
A shareholder whose shares have been forfeited shall cease to be a shareholder in respect of those shares, but shall remain liable for the total par value of the shares subscribed, for any financial obligations of the Company arising at the time of the forfeiture, as determined by the Board of Directors, from the date of forfeiture until the full payment is made. The Board of Directors shall have full authority to enforce payment of the full value of the shares at the time of forfeiture.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
Notice of forfeiture shall be sent to the holder of the shares prior to the date of forfeiture. The forfeiture shall remain effective notwithstanding any error or omission in the delivery of the notice.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát
Article 11. Organizational structure, governance, and control

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
The Company's organizational structure, governance, and control structure includes:

1. Đại hội đồng cổ đông. / *General Meeting of Shareholders.*

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. / *Board of Directors, Supervisory Board.*

3. Tổng giám đốc. / *Chief Executive Officer.*

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Điều 12. Quyền của cổ đông
Article 12. Shareholders' rights

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
Common shareholders shall have the following rights:

   a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   To attend and speak at the General Meeting of Shareholders, and to exercise voting rights either directly, or through a proxy, or by other means as prescribed by the Company's Charter and applicable law. Each common share carries one vote;

   b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   To receive dividends at the rate decided by the General Meeting of Shareholders;

   c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

To have a pre-emptive right to purchase newly issued shares in proportion to their holdings of common shares in the Company;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
To freely transfer their shares to others, except as restricted under Clause 3, Article 120, Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant legal provisions;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
To review, inspect, and extract information about names and contact addresses listed in the register of shareholders with eligible to vote; and to request correction of inaccurate information;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
To review, inspect, extract or copy the Company's Charter, minutes of the General Shareholders Meeting and Resolutions of the General Shareholders Meeting;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
In the event of the Company's dissolution or bankruptcy, to receive a portion of the remaining assets in proportion to their shareholding;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
To request the Company to repurchase shares in circumstances specified in Article 132 of the Law on Enterprises;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
To be treated equally. Each share of the same class confers upon the shareholder equal rights, obligations, and benefits. In case the Company issues preferred shares, the rights and obligations attached to such shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
To have full access to periodic and ad hoc information disclosed by the Company in accordance with the provisions of law;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
To have their legitimate rights and interests protected; to petition for the suspension or annulment of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in accordance with the provisions of the Law on Enterprises;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
To enjoy other rights as prescribed by law and this Charter.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

A shareholders or groups of shareholders holding at least 5% of the total common shares shall have the following rights:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
To request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Clause 3, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
To review, inspect, and extract meeting minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors and other documents, except those concerning trade secrets and confidential business information;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
To request the Supervisory Board to invest specific matters related to the management and operation of the Company when deemed necessary. The request must be made in writing and must include the following: Full name, contact address, nationality, legal identification of each individual shareholder; name, business registration number or legal document number of the organization, head office address for institutional shareholders; number of shares and time of share registration of each shareholder, total number of shares and registration time for each shareholder, total number of shares and percentage of ownership of the shareholder group; the matter to be investigated, purpose of the investigation;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
To propose matter to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. Such proposal must be submitted in writing and sent to the Company at least three (03) working days prior to the meeting. The proposal must clearly state the name of the shareholder, the number of each class of shares held by the shareholder, and the matter to be included in the meeting agenda;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
To enjoy other rights as prescribed by law and this Charter.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
A shareholder or groups of shareholders holding at least 10% of the total common shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors and Supervisory Board. The nomination process of candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board shall be as follows:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
Ordinary shareholders may a group to nominate candidates to the Board of Directors and the Supervisory Board and must notify other shareholders of such grouping prior to the opening of the General Meeting of Shareholders;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
Based on the number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board, shareholders or groups of shareholders specified in this clause shall have the right to nominate one or more candidates for election to the Board of Directors and the Supervisory Board, according to the decision of the General Meeting of Shareholders. In case the number of candidates nominated by a shareholder or group of shareholders is fewer than the number they are entitled to nominate, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Supervisory Board, or other shareholders.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông
Article 13. Shareholders' obligations

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:
Common shareholders have the following obligations:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
To pay the full amount and on time for the shares subscribed.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
Not to withdraw the contributed capital in any form, except in where such shares are repurchased by the Company or transferred to others. In case a shareholder unlawfully withdraws part or all of their contributed capital, that shareholder and or any related beneficiaries shall be jointly liable for the debts and other obligations of the Company to the extent of the withdrawn capital and any resulting damages.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
To comply with the Company's Charter and Internal Management Rules.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
To abide by resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and Board of Directors.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
To maintain the confidentiality of information provided by the Company according to the provisions of the Company Charter and the law; to use such information to exercise and

protect their legitimate rights and interests; and not to disseminate, copy or send information provided by the Company to other organizations and individuals.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
To attend the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights through any of the following forms:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   Attending and voting directly at the meeting;

   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   Appointing a proxy to attend and vote at the meeting;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   Attending and voting via online conference, electronic voting or other electronic form;

   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
   Submitting voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;

   đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
   Submitting voting ballots by other means as prescribed in the Company's Charter.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
To assume personal responsibility when acting on behalf of the Company in any of the following:

   a) Vi phạm pháp luật;
   Engaging in any activities that violate the law;

   b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   Conducting business and entering into transactions for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals;

   c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
   Settling debts before maturity when the Company is facing financial risks.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
To fulfill other obligations as prescribed by current laws.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông
Article 14. General Meeting of Shareholders

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
The General Meeting of Shareholders, consisting of all shareholders with voting rights, is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders shall be convened once a year and within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may extend the annual General Meeting of Shareholders, if necessary, but not more than six (06) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may convene on an

extraordinary basis. The venue of the General Meeting of Shareholders shall be determined on the location where the Chairperson is present and must be within the territory of Vietnam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and select a suitable venue. The annual general meeting of shareholders shall decide on matters as prescribed by law and the Company's Charter, particularly the approval of the audited annual financial statements. In case the Company's annual financial statement audit report contains material qualifications, adverse opinion, or a disclaimer of opinion, the Company must invite a representative of the approved audit firm to attend the Annual General Meeting of Shareholders. The said representative of the approved audit firm is obliged to attend the Company's Annual General Meeting of Shareholders.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

   a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Company;

   b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   When the number of members on the Board of Directors or the Supervisory Board falls below the statutory minimum;

   c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   At the request of a shareholder or group of shareholders as prescribed in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises; the request to convene a meeting of the General Meeting of Shareholders must be in writing, clearly stating the reason and purpose of the meeting, and must bear the signatures of the relevant shareholders. The written request may consists of multiple copies, each bearing the signatures of the relevant shareholders;

   d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
   At the request of the Supervisory Board;

   đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
   Other cases as provided by law or this Charter.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders

   a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng

quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
The Board of Directors must convene the meeting within thirty (30) days from the date the number of members of the Board of Directors, independent directors of the Board of Directors or members of the Supervisory Board falls below the legal threshold as prescribed in Point b, Clause 3 of this Article or upon receiving a valid request as prescribed in Point c and Point d, Clause 3 of this Article;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
In case the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point a, Clause 4 of this Article, the Supervisory Board shall, within the next thirty (30) days, take over the responsibility of convening the meeting as prescribed in Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
If the Supervisory Board also fails to convene the meeting as prescribed under Point b, Clause 4 of this Article, the requesting shareholder or group of shareholders mentioned in Point c, Clause 3 of this Article may request the Company's legal representative to convene the meeting pursuant to the Law on Enterprises.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
In such cases, the requesting shareholder(s) may petition the Business Registration Authority to oversee the procedures for convening, conducting, and resolving the meeting. All costs incurred in convening and organizing the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. This does not include expenses borne by shareholders for attending the meeting, including travel and accommodation costs.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
The procedure for organizing the General Meeting of Shareholders shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
The General Meeting of Shareholders shall have the following powers and responsibilities:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
To approve the Company's development strategy;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

To decide on the types of shares and the total number of shares of each type to be offered; and to determine the annual dividend rate for each class of shares;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
To elect, remove, or dismiss members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
To approve investment or disposal of assets valued at 35% or more of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
To amend or supplement the Company's Charter;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
To approve the Company's annual financial statements;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
To decide on the repurchase of more than 10% of the total issued shares of any class;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
To review and take appropriate actions regarding violations committed by members of the Board of Directors or the Supervisory Board that result in losses to the Company or its shareholders;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
To decide on the reorganization or dissolution of the Company;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
To determine the budget or the total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
To approve the internal corporate governance regulations and the operational regulations of the Board of Directors and the Supervisory Board;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
To approve the list of approved audit firms; to appoint an approved audit firm to audit the Company's operations, and to dismiss such firm when deemed necessary;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
To exercise other powers and fulfill other responsibilities in accordance with the law.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
The Annual General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
The Company's annual business plan;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
The audited annual financial statements;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
The report of the Board of Directors on corporate governance and its performance, including that of individual members;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
The Supervisory Board's report on the Company's business results, and the performance of the Board of Directors and the General Director;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
The self-assessment report on the activities of the Supervisory Board and each of its members;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
The dividend rate for each class of shares;

g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
The budget or total remuneration, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Supervisory Board;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
The list of approved audit firms; and the decision to appoint an audit firm to examine the Company's operations if necessary;

i) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
Other matters within its authority.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
All resolutions and matters included in the meeting agenda must be presented, discussed, and voted upon at the General Meeting of Shareholders.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông
Article 16. Proxy Authorization to Attend Shareholders' Meetings

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
Shareholders, or their authorized representatives who are organizations, may attend the meeting in person or may authorize one or more individuals or organizations to attend on their behalf, or attend the meeting through one of the methods specified in Clause 3, Article 144 of the Enterprise Law.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Any authorization for an individual or organization to attend the General Meeting of Shareholders under Clause 1 of this Article must be made in writing. The written proxy must comply with civil law regulations and clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares

authorized, the scope and content of the authorization, its duration, and must bear the signatures of both the authorizing party and the authorized party.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
Authorized representatives attending the General Meeting must present the written proxy upon registration. In the case of sub-delegation (re-authorization), the attending representative must also present the original proxy from the shareholder or from the initial authorized representative (if this has not yet been registered with the Company).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
Votes cast by an authorized representative within the scope of their proxy shall remain valid in the following situations, unless:

   a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   The shareholder who granted the proxy has passed away, lost or had limited legal capacity;

   b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   The shareholder has revoked the authorization;

   c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
   The shareholder has revoked the authority of the person granting the proxy.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
This clause shall not apply if the Company receives notification of any of the above events prior to the commencement of the General Meeting or prior to the reconvening of such meeting.

Điều 17. Thay đổi các quyền
Article 17. Modification of rights

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
Any modification or cancellation of special rights attached to a class of preferred shares shall only take effect if approved by shareholders representing at least 65% of the total voting rights of all shareholders present at the meeting. A resolution of the General Meeting of Shareholders that adversely affects the rights or obligations of holders of preferred shares of a specific class shall only be passed if it is approved by shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares present at the meeting, or shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares, in the case of approval by written consent.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy

quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

A meeting of shareholders holding a specific class of preferred shares to vote on such changes shall only be valid if attended by at least two shareholders (or their authorized representatives) holding no less than one-third of the total par value of the issued shares of that class. If the required quorum is not met, the meeting may be reconvened within 30 days. At the reconvened meeting, any number of shareholders of that class present in person or by proxy—regardless of the number of shares held—shall constitute a valid quorum. At such meetings, any shareholder holding shares of that class, whether attending in person or by proxy, may request a secret ballot. Each share of the same class shall carry equal voting rights at such meetings.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

   The procedures for convening and conducting these separate meetings shall be carried out in accordance with the provisions set forth in Articles 19, 20, and 21 of this Charter.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

   Unless otherwise provided in the terms of share issuance, the special rights attached to preferred shares with respect to the distribution of profits or Company assets shall not be affected by the issuance of additional shares of the same class.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Article 18. Convening, Agenda, and Notice of the General Meeting of Shareholders

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

   The Board of Directors shall convene the Annual General Meeting of Shareholders and any Extraordinary General Meetings. Extraordinary General Meetings must be convened in accordance with the circumstances set forth in Clause 3, Article 14 of this Charter.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

   The convener of the General Meetings must perform:

   a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

      Prepare the list of shareholders eligible to attend and vote at the General Meeting. This list must be compiled no more than ten (10) days prior to the date the meeting notice is sent. The Company shall announce the record date for determining shareholders entitled to attend the General Meeting at least twenty (20) days prior to the record date.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
Prepare the meeting agenda and content;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
Prepare meeting materials;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
Draft proposed resolutions for the General Meeting based on the anticipated agenda;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
Determine the time and venue for the meeting;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
Notify and send the meeting invitation to all shareholders entitled to attend;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
Carry out other tasks necessary for the organization of the meeting.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
The meeting invitation must be sent to all eligible shareholders by a method that ensures delivery to the contact address provided by each shareholder. It must also be published on the Company's website and disclosed to the State Securities Commission and the stock exchange where the Company's shares are listed or registered for trading. The convener must send the invitation no later than twenty-one (21) days prior to the meeting date (counting from the date the notice is validly sent or delivered). The meeting agenda and documents relating to the matters to be voted on at the meeting must be either sent to shareholders and/or published on the Company's website. If such documents are not enclosed with the invitation, the invitation must clearly state the web link where the full meeting materials can be accessed. This includes:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
The meeting agenda and supporting materials;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
List and details of candidates for election to the Board of Directors or the Supervisory Board (if applicable);

c) Phiếu biểu quyết;
Voting ballot;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
Draft resolutions for each matter on the agenda.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc

họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
Shareholders or groups of shareholders as defined in Clause 2, Article 12 of this Charter may propose items for inclusion in the meeting agenda. Such proposals must be submitted in writing and delivered to the Company no later than three (03) working days prior to the date of the meeting. The written proposal must specify the name of the shareholder(s), the number and class of shares held, and the matter(s) proposed for inclusion in the agenda.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
The person convening the General Meeting of Shareholders may decline the proposal referred to in Clause 4 of this Article if:

   a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
   The proposal does not comply with the provisions of Clause 4 of this Article;

   b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
   At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not meet the minimum 5% shareholding requirement as prescribed in Clause 2, Article 12 of this Charter;

   c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   The proposed matter is not within the authority of the General Meeting of Shareholders;

   d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
   Other cases as provided by law or this Charter.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
Unless one of the exceptions in Clause 5 applies, the convener must include any valid proposal under Clause 4 in the tentative agenda. Such proposal will be officially added to the meeting agenda and content upon approval by the General Meeting of Shareholders.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
Article 19. Quorum for the General Meeting of Shareholders

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
The General Meeting of Shareholders may proceed when shareholders attending the meeting represent more than 50% of the total voting shares.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
If the first meeting does not meet the quorum requirement set out in Clause 1 of this Article, a second meeting invitation must be sent within 30 days from the intended date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders may proceed if shareholders attending represent at least 33% of the total voting shares.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày

kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
If the second meeting still fails to meet the quorum requirement stated in Clause 2 of this Article, a third meeting invitation must be sent within twenty (20) days from the intended date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders may proceed regardless of the number of voting shares represented by shareholders in attendance.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
Article 20. Procedures for Convening and Voting at the General Meeting of Shareholders

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
Prior to the commencement of the meeting, the Company shall conduct shareholder registration and continue registering until all eligible shareholders or their proxies present have completed registration, in the following order:

   a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
Upon registration, each shareholder or authorized representative with voting rights shall be issued a voting card indicating their registration number, full name, name of the authorized representative (if any), and the number of votes they hold. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter listed in the meeting agenda. Voting shall be conducted in three options: in favor, against, or abstain. At the meeting, votes in favor are collected first, followed by votes against; then the total number of votes for and against shall be counted to determine the outcome. The vote-counting results must be announced by the Chairperson before the meeting is adjourned. The meeting shall elect members to the vote-counting committee or vote-counting supervisors based on the Chairperson's proposal. The number of vote counters shall be decided by the General Meeting of Shareholders.

   b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
Shareholders, representatives of institutional shareholders, or authorized individuals who arrive after the meeting has commenced may still register upon arrival and participate in discussions and voting immediately thereafter. The Chairperson is not required to pause the meeting to accommodate late attendees, and previously adopted resolutions shall remain valid.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
The election of the Chairperson, Secretary, and Vote-Counting Committee shall follow these provisions:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
The Chairperson of the Board of Directors shall preside over the meeting or may authorize another Board member to do so. If the Chairperson is absent or temporarily incapacitated, the remaining Board members shall elect one among them to serve as Chairperson by majority vote. If no Chairperson is elected, the Head of the Supervisory Board shall facilitate the election of a Chairperson from among those present at the meeting, with the person receiving the highest number of votes becoming the Chairperson.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
In cases not covered by point (a), the person who signed the notice to convene the meeting shall preside over the election of the Chairperson, with the nominee receiving the highest number of votes assuming the role.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
The Chairperson shall appoint one or more individuals to act as meeting secretaries.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
The General Meeting of Shareholders shall elect one or more members to the vote-counting committee based on the Chairperson's recommendation.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
The meeting agenda and contents must be approved at the beginning of the General Meeting. The agenda should specify the timing of each item in detail.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
The Chairperson shall have the authority to take all necessary and reasonable measures to ensure that the meeting is conducted in an orderly manner, follows the approved agenda, and reflects the will of the majority of attendees. These measures may include:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
Organizing seating at the meeting venue;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
Ensuring the safety of all attendees;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
Facilitating participation (or continued participation) by shareholders. The person convening the meeting shall have full authority to amend these measures and take any actions deemed necessary, including issuing admission passes or adopting other suitable methods.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
The General Meeting of Shareholders shall deliberate and vote on each matter in the agenda. Voting shall follow the format of in favor, against, or abstain. Vote-counting results shall be announced by the Chairperson before the meeting concludes.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
Shareholders or their authorized representatives who arrive after the meeting has commenced may still register and vote from the time of registration onward; all previous resolutions adopted before their arrival shall remain valid.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
The convener or Chairperson of the meeting shall have the right to:

   a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
   Require all attendees to undergo lawful and reasonable security checks or other procedures;

   b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
   Request the assistance of competent authorities to maintain order and expel individuals who do not comply with the Chairperson's instructions, intentionally cause disruption, obstruct the meeting, or refuse to undergo required security procedures.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
The Chairperson may postpone the meeting—where a valid quorum has been established—for no more than three (03) working days from the original meeting date and only under the following circumstances:

   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   The meeting venue lacks adequate seating for all attendees;

   b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   Communication facilities at the venue are insufficient to ensure participation, discussion, and voting by shareholders;

   c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
   Disruptive or disorderly behavior by attendees threatens the fairness or legality of the meeting.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
If the Chairperson postpones or suspends the meeting in violation of Clause 8 of this Article, the General Meeting may elect another attendee to preside over the remainder of

the meeting. All resolutions passed during such a meeting shall remain valid and enforceable.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
Where the Company uses modern technology to organize a General Meeting via online platforms, it must ensure that shareholders can participate and vote electronically in accordance with Article 144 of the Law on Enterprises and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government, guiding the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua
Article 21. Conditions for Resolutions of the General Meeting of Shareholders to be Adopted

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
Resolutions on the following matters shall be adopted when approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless otherwise stipulated in Clauses 3, 4 and 6, Article 148 of the Law on Enterprises:

   a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   The types of shares and the total number of shares for each type;

   b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   Changes to the Company's business lines or areas of operation;

   c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   Changes to the Company's organizational and management structure;

   d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   Investment projects or asset sales with a value of 35% or more of the Company's total asset value as recorded in the most recent financial statements;

   đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
   Reorganization or dissolution of the Company.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
Other resolutions shall be deemed adopted when approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless otherwise specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, and 6 of Article 148 of the Law on Enterprises.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Any resolution of the General Meeting of Shareholders that is unanimously approved by 100% of the voting shares shall be deemed legally valid and effective regardless of whether the procedures for convening and voting on such resolution were in compliance with the Law on Enterprises or this Charter.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Article 22. Authority and Procedures for Obtaining Written Shareholder Opinions to Adopt Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

The authority and procedures for obtaining written opinions from shareholders to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be as follows:

1. Trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này có quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn cả các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d, đ, g khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và cả trong các trường hợp sau đây:

   Unless otherwise provided by law or this Charter, the Board of Directors may collect written opinions from shareholders to adopt resolutions of the General Meeting of Shareholders on any matter within its authority, if deemed necessary for the Company's interests. This includes, but is not limited to, the cases outlined in Points a, b, c, d, đ, and g of Clause 2, Article 147 of the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14, as well as the following:

   a) Thay đổi vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu và/hoặc chào bán cổ phiếu và/hoặc mua lại cổ phiếu quỹ để hủy bỏ làm giảm vốn điều lệ.
   Changes to the Company's charter capital through the issuance and/or sale of additional shares, or the repurchase and cancellation of treasury shares to reduce charter capital;

   b) Phát hành trái phiếu theo các hình thức như sau: Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền…;
   Issuance of different types of bonds, including convertible bonds, bonds with warrants, etc.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

   The Board of Directors must prepare the voting form, a draft resolution of the General Meeting of Shareholders, and supporting explanatory materials, and deliver them to all eligible voting shareholders no later than ten (10) days prior to the deadline for returning the completed voting form. The method of delivery must comply with Clause 3, Article 18 of this Charter.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   The voting form must contain at least the following information:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

   b) Mục đích lấy ý kiến;
   Purpose of collecting written opinions;

   c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ

pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
For individual shareholders: full name, contact address, nationality, and legal identification number; for organizational shareholders: name, enterprise registration number or legal identification document, head office address, and representative's details; number and type of shares held and corresponding voting rights;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
Matters to be voted on;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
Voting options for each matter (agree, disagree, no opinion);

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
Deadline for returning the completed voting form to the Company;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
Shareholders may return completed voting forms to the Company via post, fax, or email, under the following conditions:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
For postal submissions, the form must be signed by the shareholder (if an individual), or by the legal or authorized representative (if an organization). The form must be sealed in an envelope and may not be opened prior to the vote count;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
For fax or email submissions, forms must remain confidential until the vote counting;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
Forms that are submitted after the deadline, or opened (in the case of postal submissions), or disclosed prematurely (in the case of fax/email), shall be deemed invalid. Failure to return the form shall be considered as non-participation in voting.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
The Board of Directors shall tally the votes and prepare a vote-counting minutes, witnessed by the Supervisory Board or a shareholder who does not hold any management position in the Company. The vote-counting minutes must include:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
Purpose and specific issues for which written opinions were sought;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
Number of shareholders and voting shares participating in the vote, distinguishing between valid and invalid votes, and the voting method used, along with an appendix listing participating shareholders;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
Total number of votes for, against, and abstaining for each matter;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
Matters approved and the corresponding approval ratios;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors, vote counters, and vote-counting observers.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
All members of the Board of Directors, vote counters, and observers shall bear joint responsibility for the truthfulness and accuracy of the vote-counting minutes, as well as for any damages resulting from dishonest or inaccurate vote counting.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
The minutes of vote counting and the resulting resolution must be delivered to all shareholders within fifteen (15) days from the date vote counting is completed. Alternatively, the minutes and resolution may be published on the Company's official website within twenty-four (24) hours of the conclusion of vote counting, in lieu of direct delivery.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The completed voting ballots, the minutes of vote counting, the approved resolution, and any supporting documents distributed along with the voting ballot must be retained at the Company's principal office.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
A resolution passed through the form of written consultation shall be deemed valid and effective as if it were adopted at a General Meeting of Shareholders, provided it receives affirmative votes from shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all shareholders entitled to vote.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
Article 23. Resolutions and Minutes of the General Meeting of Shareholders

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
A General Meeting of Shareholders must be recorded in written minutes and may also be audio recorded or stored in another electronic format. The minutes must be prepared in Vietnamese and may be accompanied by a version in a foreign language, and must include the following key information:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   Name, head office address, and enterprise registration number of the Company

   b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   Date, time, and venue of the meeting;

   c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   The meeting agenda and contents;

   d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   Full names of the Chairperson and the Secretary;

   đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   A summary of the proceedings and key opinions expressed on each agenda item;

   e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   The number of shareholders and total voting rights represented at the meeting, along with an appendix listing registered shareholders and their representatives, indicating the number of shares and corresponding voting rights;

   g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
   The total number of votes cast for each matter, specifying the method of voting, number of valid and invalid votes, and the breakdown of votes in favor, against, or abstaining; including the percentage corresponding to the total votes of attending shareholders;

   h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   Matters that were approved and the respective approval ratios;

   i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
   Full names and signatures of the Chairperson and the Secretary. If the Chairperson and/or the Secretary refuses to sign the minutes, the minutes shall remain valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and contain all required information under this clause. The minutes must clearly state any refusal by the Chairperson or Secretary to sign.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

The minutes of the General Meeting of Shareholders must be finalized and approved before the meeting is adjourned. The Chairperson, Secretary, or any person who signs the minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of its contents.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
Both the Vietnamese and foreign-language versions of the minutes shall have equal legal effect. In case of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, the appendix of registered shareholders bearing their signatures, proxies, and any accompanying documents or materials referenced in the meeting invitation must be disclosed in accordance with applicable regulations on information disclosure in the securities market, and must be retained at the Company's principal office.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Article 24. Petition to Annul Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
Within ninety (90) days from the date of receipt of a resolution, minutes of the General Meeting of Shareholders, or the minutes of the vote counting conducted via written consultation, any shareholder or group of shareholders as defined in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises shall have the right to request a court or arbitration body to review and annul the resolution, or a part thereof, in the following cases:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
The procedures for convening the meeting or adopting the resolution seriously violated the provisions of the Law on Enterprises or the Company's Charter, except as provided in Clause 3, Article 21 of this Charter.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
The content of the resolution is in violation of applicable laws or this Charter.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VII. BOARD OF DIRECTORS

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị
Article 25. Nomination and Candidacy for the Board of Directors

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải

cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
If candidates for the Board of Directors have been identified, the Company must publicly disclose information regarding such candidates at least ten (10) days prior to the date of the General Meeting of Shareholders, via the Company's official website, to allow shareholders sufficient time to review the candidates before voting. Each candidate must provide a written commitment confirming the accuracy and truthfulness of their personal information and affirming their willingness to perform their duties with integrity, diligence, and in the best interests of the Company if elected as a member of the Board of Directors. Disclosed information on each candidate shall include:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
Full name, date of birth;

b) Trình độ chuyên môn;
Professional qualifications;

c) Quá trình công tác;
Employment history;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
Other managerial or directorship positions held (including positions on boards of other companies);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
Any interests related to the Company or its affiliated parties;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
Any other information (if applicable) as required by the Company's Charter;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
The Company shall be responsible for disclosing any companies in which the candidate currently holds a position as a member of the Board of Directors, holds other management roles, or has interests related to those companies (if applicable).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
A shareholder or group of shareholders owning 10% or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises and this Charter.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
If, after nominations and self-nominations, the number of candidates remains insufficient to meet the requirements stipulated in Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Directors shall be responsible for nominating additional candidates or organizing nominations in accordance with this Charter, the Company's internal corporate governance regulations, and the Board's operating rules. Any nomination by

the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board, in accordance with the law.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors must meet the eligibility criteria and conditions specified in Clause 1 and Clause 2, Article 155 of the Law on Enterprises and the Company Charter.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
Article 26. Composition and Term of the Board of Directors

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
The Board of Directors shall consist of five (05) members.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
The term of office for each member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years. Members may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may only serve as an independent member of the Board of Directors of the Company for no more than two (02) consecutive terms. In the event all members of the Board of Directors complete their term of office simultaneously, such members shall continue to serve until new members are elected and assume their responsibilities.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
The structure of the Board of Directors shall be as follows:

   Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu một (01) thành viên độc lập.
   The Board of Directors of the Company must include at least one (01) non-executive member. The Company shall minimize the number of Board members concurrently holding executive positions within the Company to ensure the independence of the Board. The total number of independent members on the Board must comply with applicable regulations and shall include at least one (01) independent member.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
A member shall cease to be a member of the Board of Directors if dismissed, removed, or replaced by resolution of the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 160 of the Law on Enterprises.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
The appointment of members to the Board of Directors must be disclosed in accordance with laws and regulations on information disclosure applicable to the securities market.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
Members of the Board of Directors are not required to be shareholders of the Company.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
Article 27. Powers and Responsibilities of the Board of Directors

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
The Board of Directors is the governing body of the Company, vested with full authority to act on behalf of the Company in making decisions and performing the rights and obligations of the Company, except for those matters falling under the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
The powers and responsibilities of the Board of Directors are determined by law, the Company's Charter, and resolutions of the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors shall have the following powers and duties:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
To determine the Company's strategy, medium-term development plans, and annual business plans;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
To propose the classes of shares and the total number of shares of each class that may be offered;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
To decide on the sale of unsold shares within the scope of authorized share offerings for each class; and to determine other methods of capital mobilization;

d) Quyết định giá bán cổ phần;
To decide on the offering price of share;

đ) Quyết định phương án phát hành trái phiếu, giá bán trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trái phiếu của Công ty, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ, trái phiếu phát hành ra công chúng (ngoại trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định);
To decide on the bond issuance plan, including the bond type, offering price, total value, and timing of the Company's bond offerings, including both private placements and public offerings (excluding convertible bonds and bonds with warrants, which shall be decided by the General Meeting of Shareholders);

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
To decide on the repurchase of shares in accordance with Clause 1 and Clause 2, Article 133 of the Law on Enterprises;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
To approve investment plans and projects within its authority and in compliance with legal limits;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
To determine strategies for market development, marketing, and technology adoption;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công

ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
To approve contracts for purchases, sales, borrowing, lending, and other transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets recorded in the Company's most recent financial statements, except for those transactions that fall within the authority of the General Meeting of Shareholders under Point d, Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Law on Enterprises;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
To elect, dismiss, or remove the Chairperson of the Board of Directors; to appoint, dismiss, sign, or terminate employment contracts with the Chief Executive Officer (CEO) and other key executives as stipulated in the Charter; to determine the salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of such managers; to designate authorized representatives to participate in Members' Councils or General Meetings of Shareholders of other companies; and to determine their remuneration and benefits;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
To supervise and direct the CEO and other managers in the day-to-day operations of the Company;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
To determine the organizational structure and internal governance regulations of the Company;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
To decide on the establishment of subsidiaries, branches, and representative offices, as well as capital contributions or share purchases in other enterprises;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
To submit the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
To recommend the dividend payout rate; and to decide on the timing and method of dividend distribution or the handling of business losses;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
To propose restructuring, dissolution, or bankruptcy of the Company;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

To issue the Board of Directors' operational regulations and the internal corporate governance regulations after they have been approved by the General Meeting of Shareholders; and to issue the Company's information disclosure regulations;

s) Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
To determine the valuation of non-cash assets contributed to the Company in connection with the issuance of shares or bonds, including gold, land use rights, intellectual property rights, technologies, and technological know-how;

t) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
To approve investments or disposals of assets valued from 10% to less than 35% of the total assets as recorded in the most recent financial statements of the Company;

u) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
To address other business matters or transactions that, within its authority and responsibilities, the Board deems necessary to approve;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
To exercise other rights and perform other obligations in accordance with the Law on Enterprises, the Law on Securities, other applicable laws, and the Company's Charter.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
The Board of Directors shall report its performance to the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020, which provides detailed regulations for the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị
Article 28. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
The Company may pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on the Company's performance and business results.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
Members of the Board of Directors are entitled to remuneration and performance bonuses. Remuneration shall be calculated based on the number of working days required to fulfill the duties of a Board member and the applicable daily rate. The Board of Directors shall propose the remuneration for each member by consensus. The total amount of remuneration and bonuses for the Board of Directors shall be determined by the General Meeting of Shareholders at the Annual General Meeting.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục

riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
The remuneration of each member of the Board of Directors shall be accounted for as a business expense of the Company in accordance with the laws on corporate income tax. It shall be disclosed as a separate line item in the Company's annual financial statements and reported to the General Meeting of Shareholders at the Annual General Meeting.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
Any member of the Board of Directors who holds an executive position, serves on Board committees, or performs duties beyond the normal scope of responsibilities of a Board member may receive additional compensation. This may take the form of a one-off fee, salary, commission, profit share, or other forms as determined by the Board of Directors.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
Members of the Board of Directors shall be entitled to reimbursement for all reasonable travel, accommodation, and other expenses incurred in the course of performing their duties as Board members. This includes costs incurred when attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or Board committees.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
Members of the Board of Directors may be covered by liability insurance purchased by the Company, subject to the approval of the General Meeting of Shareholders. Such insurance shall not cover liabilities arising from violations of laws or breaches of the Company's Charter.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị
Article 29. Chairperson of the Board of Directors

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
The Chairperson of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or removed by the Board of Directors from among its members.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
The Chairperson may not concurrently serve as the Chief Executive Officer (CEO) of the Company.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
The Chairperson of the Board of Directors shall have the following rights and responsibilities:

   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   To develop the agenda and work plan of the Board of Directors;

   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

To prepare the meeting agenda, materials, and documentation; to convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
To oversee the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
To preside over meetings of the General Meeting of Shareholders;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
To exercise other rights and perform other duties in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
In the event the Chairperson resigns, is dismissed, or removed from office, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of resignation, dismissal, or removal.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
If the Chairperson is absent or otherwise unable to perform their duties, they must delegate their powers and responsibilities in writing to another member of the Board of Directors. If no such delegation is made, or if the Chairperson is deceased, missing, temporarily detained, serving a prison sentence, undergoing mandatory rehabilitation or education, has fled their residence, is legally incapacitated, suffers from cognitive or behavioral impairments, or is prohibited by court order from holding certain positions or engaging in specific activities, the remaining members of the Board of Directors shall elect a new Chairperson from among themselves by majority vote, who shall serve in that capacity until the Board of Directors issues a new decision.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
Article 30. Board Meetings

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
The Chairperson of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors, held within seven (07) working days from the date of completion of the Board election. This meeting shall be convened and presided over by the member who received

the highest number or percentage of votes. If there is more than one member with equal highest votes or voting percentages, the Board members shall elect one among them, by majority vote, to convene and chair the meeting.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
The Board of Directors must convene at least once every quarter, and may also hold extraordinary meetings as needed.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
The Chairperson of the Board shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:

   a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   Upon the request of the Supervisory Board or an independent Board member;

   b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
   Upon the request of the Chief Executive Officer (CEO) or at least five (05) other senior managers;

   c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
   Upon the request of at least two (02) members of the Board of Directors

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
Requests under Clause 3 of this Article must be made in writing and must clearly state the purpose, matters for discussion, and decisions to be made that fall within the authority of the Board of Directors.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
The Chairperson must convene the Board meeting within seven (07) working days from the date of receiving such a request. If the Chairperson fails to do so, they shall be held liable for any damage caused to the Company; in such case, the requesting parties shall have the right to convene the Board meeting themselves.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
The Chairperson or the convener must send a meeting notice to Board members no later than three (03) working days prior to the meeting. The notice must specify the time, venue, agenda, and matters to be discussed and resolved, and the notice must be accompanied by relevant materials and voting ballots.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
   Notices may be delivered by written invitation, phone, fax, email, or other means as provided in the Company's Charter and must be sent to the contact address registered with the Company by each Board member.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

The Chairperson or convener must also send the meeting notice and accompanying materials to members of the Supervisory Board in the same manner as to Board members.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
Supervisory Board members have the right to attend and participate in discussions at Board meetings but do not have voting rights.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
A Board meeting may be held only when at least three-fourths (3/4) of the total members are in attendance. If the quorum is not met, a second meeting may be convened within seven (07) days from the initially scheduled date. At this second meeting, the quorum shall be deemed met if more than half of the Board members are present.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
A Board member shall be deemed to be present and vote at the meeting in the following cases:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   Attending and voting in person;

   b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
   Authorizing another person to attend and vote on their behalf, as approved under Clause 11 of this Article;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   Attending and voting via online conferencing, electronic voting, or other electronic means;

   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
   Submitting a voting ballot by mail, fax, or email;

   đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
   Submitting a voting ballot by other permitted means.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
If a voting ballot is submitted by post, it must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairperson at least one (01) hour before the meeting begins. Ballots shall only be opened in the presence of all meeting participants.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
Board members are expected to attend all Board meetings. They may authorize another person to attend and vote on their behalf only with the consent of the majority of the Board members.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
A resolution or decision of the Board of Directors shall be passed if it receives the affirmative vote of the majority of members present. In the event of a tie, the Chairperson shall cast the deciding vote.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
Article 31. Board Committees

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
The Board of Directors may establish committees under its authority to oversee specific areas such as strategic development, human resources, compensation, internal audit, and risk management. Each committee shall have a minimum of three (03) members, as determined by the Board of Directors, and may consist of both Board members and external individuals. The operations of such committees must comply with the regulations issued by the Board of Directors. A committee's resolution shall be valid only if it is approved by a majority of its members present and voting at a duly convened meeting.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
All decisions made by the Board of Directors or by any of its committees must be implemented in accordance with applicable laws, the Company's Charter, and its internal corporate governance regulations.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty
Article 32. Corporate Governance Officer

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
The Board of Directors must appoint at least one (01) Corporate Governance Officer to support governance activities within the Company. This individual may concurrently serve as the Company Secretary in accordance with Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
The Corporate Governance Officer may not simultaneously be employed by an auditing firm currently performing audits of the Company's financial statements.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
The Corporate Governance Officer shall have the following rights and responsibilities:

   a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   Advising the Board of Directors on convening General Meetings of Shareholders and handling shareholder relations in accordance with the law;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
Preparing meetings of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Meeting of Shareholders as requested by the Board or the Supervisory Board;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
Providing guidance on the procedures of such meetings;

d) Tham dự các cuộc họp;
Attending meetings of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
Advising on the formulation of Board resolutions to ensure compliance with applicable laws;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
Providing financial information, copies of Board meeting minutes, and other relevant materials to members of the Board of Directors and the Supervisory Board;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
Monitoring and reporting to the Board of Directors on the Company's disclosure activities;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
Serving as a liaison with relevant stakeholders;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
Ensuring confidentiality of information in accordance with applicable laws and the Company Charter;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
Performing other rights and obligations as prescribed by law and the Company Charter.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
VIII. CHIEF EXECUTIVE OFFICER AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý
Article 33. Organizational Structure of Management

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (nếu có). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
The Company's management system shall ensure that the executive apparatus is accountable to the Board of Directors and operates under its supervision and direction in the day-to-day business operations of the Company. The Company shall have a Chief Executive Officer (CEO), Deputy Chief Executive Officers (Deputy CEOs), a Chief Accountant, and other managerial positions as may be appointed by the Board of Directors (if any). The appointment, dismissal, and removal of these positions must be carried out by resolution or decision of the Board of Directors.

Điều 34. Người điều hành Công ty
Article 34. Executive Officers of the Company

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
Executive Officers of the Company include the Chief Executive Officer, Deputy Chief Executive Officers, and the Chief Accountant.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
At the recommendation of the Chief Executive Officer and with the approval of the Board of Directors, the Company may appoint additional Executive Officers in accordance with its structure and internal management regulations as adopted by the Board of Directors. Executive Officers shall be responsible for supporting the Company in achieving its strategic and operational objectives. The Chief Executive Officer shall be entitled to salary and bonus, the level of which shall be determined by the Board of Directors.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
The CEO is paid by salary and bonus. The Chief Executive Officer's salary and bonus are decided by the Board of Directors.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
The remuneration of Executive Officers shall be accounted for as part of the Company's business expenses in accordance with regulations on corporate income tax, presented as a separate line item in the Company's annual financial statements, and reported to the General Meeting of Shareholders at the Annual Meeting.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc
Article 35. Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the Chief Executive Officer

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
The Board of Directors shall appoint one (01) of its members or may engage an external candidate to serve as the Chief Executive Officer (CEO).

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
The CEO shall be responsible for the day-to-day management of the Company's business operations, under the supervision of the Board of Directors, and shall be accountable to the Board and legally responsible for the performance of duties and exercise of powers assigned.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
The CEO's term of office shall not exceed five (05) years and may be reappointed for an unlimited number of terms, subject to the qualifications and conditions set forth by applicable law and the Company's Charter.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
The CEO shall have the following rights and responsibilities:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Công ty;
To make decisions on all matters related to the daily business operations of the Company, except those falling under the authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders; and to act in the best interest of the Company when making such decisions;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
To organize the implementation of resolutions and decisions adopted by the Board of Directors;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
To implement the Company's business plans and investment strategies;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
To propose organizational structure and internal governance regulations of the Company;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
To appoint, dismiss, or remove management personnel within the Company, except for positions under the jurisdiction of the Board of Directors;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
To determine the salaries and other benefits of employees within the Company, including managerial staff appointed under the CEO's authority;

g) Tuyển dụng lao động;
To recruit personnel;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
To propose dividend distribution plans or measures to address operational losses;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
To perform other rights and duties as prescribed by law.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
The Board of Directors may dismiss the CEO by a majority vote of attending members with voting rights and appoint a replacement.

IX. BAN KIỂM SOÁT
IX. SUPERVISORY BOARD

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)
Article 36. Nomination and Election of Supervisory Board Members (Supervisors)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
The nomination and election of Supervisory Board members shall be carried out in accordance with the same procedures set forth in Clauses 1 and 2 of Article 25 of this Charter.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt

động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
In the event that the number of nominees and candidates for the Supervisory Board is insufficient, the incumbent Supervisory Board may nominate additional candidates or organize nominations in accordance with this Charter, the Company's Internal Corporate Governance Regulations, and the Supervisory Board's Operating Regulations. Any nomination of additional candidates by the current Supervisory Board must be publicly disclosed prior to the General Meeting of Shareholders voting to elect members of the Supervisory Board in accordance with applicable laws.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát
Article 37. Composition of the Supervisory Board

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
The Supervisory Board of the Company shall consist of three (03) members. Each member shall serve a term not exceeding five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
Supervisory Board members must meet the eligibility criteria as prescribed under Article 169 of the Law on Enterprises, and shall not fall under any of the following disqualifying circumstances:

   a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   Being employed in the Company's accounting or finance departments;

   b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
   Being a member or employee of an independent auditing firm that audited the Company's financial statements in any of the past three (03) consecutive years.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
A Supervisory Board member shall be dismissed in the following cases:

   a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
   No longer meeting the eligibility criteria as stated in Clause 2 of this Article;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
   Voluntarily resigning and having such resignation accepted.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
A Supervisory Board member shall be removed in the following cases:

   a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
   Failure to fulfill assigned tasks and responsibilities;

   b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   Failure to exercise rights and obligations for six (06) consecutive months, unless due to force majeure;

   c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

Repeated or serious violations of the duties and obligations of Supervisory Board members under the Law on Enterprises or this Charter;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
Other cases as resolved by the General Meeting of Shareholders.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát
Article 38. Head of the Supervisory Board

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
The Head of the Supervisory Board shall be elected from among the members of the Supervisory Board, based on majority voting. A majority of the Supervisory Board members must be permanent residents in Vietnam. The Head of the Supervisory Board must hold a university degree or higher in one of the following disciplines: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or a field relevant to the Company's business operations.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
The Head of the Supervisory Board shall have the following rights and responsibilities:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
To convene meetings of the Supervisory Board;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
To request the Board of Directors, CEO, and other executives to provide relevant information for the purpose of reporting to the Supervisory Board;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
To prepare and sign the Supervisory Board's report, after consulting with the Board of Directors, for submission to the General Meeting of Shareholders.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát
Article 39. Rights and Responsibilities of the Supervisory Board

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
The Supervisory Board shall exercise the rights and perform the duties stipulated in Article 170 of the Law on Enterprises and the following additional rights and responsibilities:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
To propose and recommend that the General Meeting of Shareholders approve the list of approved auditing firms to audit the Company's financial statements; to determine the approved auditing firm that will conduct operational audits of the Company; and to dismiss the appointed auditor when deemed necessary.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
To be accountable to the shareholders for the performance of its supervisory functions.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
To oversee the Company's financial position and monitor the compliance with applicable laws and regulations by members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer (CEO), and other executives.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
To ensure coordination of its activities with the Board of Directors, the CEO, and shareholders.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
If any violations of the law or the Company's Charter by members of the Board of Directors, the CEO, or other executive officers are discovered, the Supervisory Board must provide written notice to the Board of Directors within forty-eight (48) hours, requesting the violator to cease such conduct and implement corrective measures.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
To develop its own Operating Regulations and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
To report at the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, which provides detailed guidance on the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
To have the right to access all Company records and documents kept at the head office, branches, and other locations; and to visit the workplaces of Company managers and employees during working hours.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
To request the Board of Directors, individual members of the Board, the CEO, and other managers to promptly and fully provide accurate information and documents relating to the management, operations, and business activities of the Company.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
To exercise such other rights and perform such other duties as prescribed by applicable laws and regulations.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát
Article 40. Meetings of the Supervisory Board

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

The Supervisory Board shall convene meetings at least twice per year. A quorum is established when at least two-thirds (2/3) of its members are present. Minutes of each meeting must be prepared in a clear and detailed manner. The minute-taker and all participating members of the Supervisory Board are required to sign the minutes. All meeting minutes of the Supervisory Board must be retained to ensure accountability of each member.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
The Supervisory Board shall have the right to request the attendance of members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer, and representatives of the approved auditing firm to clarify matters requiring further explanation.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát
Article 41. Remuneration, Compensation, Bonuses, and Other Benefits for Members of the Supervisory Board

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
The remuneration, compensation, bonuses, and other benefits of members of the Supervisory Board shall be implemented as follows:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
Members of the Supervisory Board shall be entitled to receive remuneration, compensation, bonuses, and other benefits as determined by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall approve the total annual remuneration, compensation, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Supervisory Board.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
Members of the Supervisory Board are entitled to reimbursement for reasonable expenses related to meals, accommodation, travel, and the use of independent advisory services. The total remuneration and expenses shall not exceed the approved annual budget of the Supervisory Board unless otherwise resolved by the General Meeting of Shareholders.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
Remuneration and operating expenses of the Supervisory Board shall be recorded as part of the Company's business expenses in accordance with prevailing regulations on corporate income tax and other applicable laws, and must be disclosed as a separate line item in the Company's annual financial statements.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE SUPERVISORY BOARD, THE CHIEF EXECUTIVE OFFICER, AND OTHER EXECUTIVES

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.
Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives shall perform their duties—including those undertaken in subcommittees of the Board of Directors—with integrity, diligence, and in the best interest of the Company.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
Article 42. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
   Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives must disclose any relevant interests in accordance with the Law on Enterprises and applicable legal provisions.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
   Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, and their related persons may only use information obtained through their positions for the benefit of the Company.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
   These individuals are obligated to notify the Board of Directors and the Supervisory Board in writing of any transactions between the Company, its subsidiaries, or other companies in which the public company holds over 50% of the charter capital, and themselves or their related persons, in accordance with applicable laws. Where such transactions require approval from the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose information on the resolutions approving them in accordance with securities regulations on information disclosure.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
   Members of the Board of Directors may not vote on any transaction in which they or their related persons have an interest, as prescribed by the Law on Enterprises and this Charter.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, and their related persons may not use or disclose inside information to conduct related transactions.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
Transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, other executives, or their related parties shall not be deemed invalid in the following circumstances:

   a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
   In the case of a transaction valued at less than 35% of the total assets as recorded in the most recent financial statements, if the key terms of the transaction and any relevant relationships and interests of the aforementioned individuals have been reported to the Board of Directors and approved by a majority of disinterested directors;

   b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
   In the case of a transaction valued at 35% or more of total assets—or where the cumulative value of related transactions within a 12-month period reaches or exceeds that threshold—if the key terms and any relevant relationships and interests have been disclosed to shareholders and approved by a vote of disinterested shareholders at the General Meeting of Shareholders.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường
Article 43. Liability for Damages and Indemnification

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives who breach their duties of honesty, loyalty, or due care, or who otherwise fail to fulfill their obligations, shall be held liable for any damages arising from such breach or failure.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

The Company shall indemnify any individual who is or may become a party to any complaint, claim, litigation, or proceeding (whether civil or administrative, and excluding those initiated by the Company) if that individual is or was a member of the Board of Directors, a member of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, another executive, an employee, or an authorized representative of the Company—provided that such person acted in good faith, with due care, in the best interests of the Company, within the scope of their authority, in compliance with the law, and there is no evidence that the person breached their duties.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.
Indemnification shall cover judgments, penalties, and actual expenses (including attorneys' fees) incurred in connection with such proceedings, to the extent permitted by law. The Company may also obtain insurance to cover these indemnification liabilities for the aforementioned individuals.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY
XI. RIGHT TO INSPECT COMPANY BOOKS AND RECORDS

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ
Article 44. Right to Access Books and Records

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
Common shareholders have the right to inspect company books and records, specifically as follows:

   a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   A common shareholder may inspect, access, and make extracts of information regarding the names and contact details in the list of shareholders entitled to vote; request correction of any inaccurate information concerning themselves; and inspect, access, extract, or copy the Company's Charter, minutes of General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

   b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
   A shareholder or group of shareholders holding 5% or more of the total outstanding common shares has the right to inspect, access, and make extracts of the minutes and resolutions or decisions of the Board of Directors; interim and annual financial statements; reports of the Supervisory Board; contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors; and other documents, excluding those involving the Company's trade secrets or confidential business information.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
If a shareholder or group of shareholders exercises their right to access records through an authorized representative, such representative must present a power of attorney granted by the relevant shareholder(s), or a notarized copy thereof.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the Chief Executive Officer, and other executives shall have the right to access the Company's shareholder register, list of shareholders, and other corporate books and records, provided such access is for purposes related to their official duties and that the information is kept confidential.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
The Company is required to maintain this Charter and any amendments thereto, the Certificate of Enterprise Registration, internal regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books, and other records as prescribed by law—either at the Company's head office or another location, provided that shareholders and the business registration authority are duly notified of such location.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
The Company's Charter must be published on the Company's official website.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN
XII. EMPLOYEES AND UNIONS

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn
Article 45. Employees and unions

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
The Chief Executive Officer shall prepare and submit to the Board of Directors for approval matters related to the recruitment, termination, salaries, social insurance, welfare, rewards, and disciplinary actions concerning employees and Company executives.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
The Chief Executive Officer shall also prepare and submit to the Board of Directors for approval matters concerning the Company's relations with unions in accordance with best practices, management policies, and standards, as well as the provisions of this Charter, Company regulations, and applicable laws.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Điều 46. Phân phối lợi nhuận
Article 46. Profit Distribution

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
   The General Meeting of Shareholders shall determine the annual dividend amount and method of payment from the Company's retained earnings.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
   The Company shall not pay interest on dividends or any other payments relating to any class of shares.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
   The Board of Directors may propose that the General Meeting of Shareholders approve the distribution of dividends in whole or in part in the form of shares. The Board of Directors shall be responsible for implementing such resolutions.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
   If dividends or other payments relating to a class of shares are to be paid in cash, they shall be paid in Vietnamese Dong. Payment may be made directly or via bank transfer based on the bank account details provided by the shareholder. The Company shall not be liable for any payments made based on the bank account details provided by a shareholder if that shareholder fails to receive the funds. For listed or registered securities, dividend payments may be processed through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
   In accordance with the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall adopt a resolution determining the record date for finalizing the list of shareholders entitled to receive dividends in cash or stock, notices, or other documents.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
   Other matters related to the distribution of profits shall be carried out in compliance with applicable laws.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME

Điều 47. Tài khoản ngân hàng
Article 47. Bank account

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
   The Company shall open bank accounts with banks operating in Vietnam or with branches of foreign banks that are legally permitted to operate within Vietnam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
   Subject to prior approval from the relevant authorities, the Company may, if necessary, open bank accounts abroad in accordance with applicable laws.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
   All payments and accounting transactions of the Company shall be conducted through accounts in Vietnamese Dong or foreign currencies held at banks where the Company maintains its accounts.

Điều 48. Năm tài chính
Article 48. Fiscal year

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.
The Company's fiscal year shall begin on January 1 and end on December 31 of each calendar year. The first fiscal year shall commence on the date the Enterprise Registration Certificate is issued and end on December 31, 2017.

Điều 49. Chế độ kế toán
Article 49. Accounting system

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
   The Company shall apply the corporate accounting regime or any specific accounting regime as promulgated or approved by the competent authority.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
   The Company shall prepare its accounting records in Vietnamese and maintain all accounting documents in accordance with the laws on accounting and related regulations. Such records must be accurate, up to date, systematic, and sufficient to substantiate and explain the Company's transactions.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
   The accounting currency of the Company shall be the Vietnamese Dong. In cases where the Company conducts its principal transactions in a foreign currency, it may elect to use that foreign currency as its accounting currency. The Company shall be responsible before the law for such selection and shall notify the relevant tax authority accordingly.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS, AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Article 50. Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Statements

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
   The Company shall prepare annual financial statements, which must be audited in accordance with applicable laws. The audited annual financial statements shall be disclosed in accordance with the regulations on information disclosure applicable to the securities market and submitted to the relevant state authorities.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
   The annual financial statements must include all required reports, appendices, and explanatory notes as prescribed by the laws on corporate accounting. These financial statements must present a true and fair view of the Company's operations.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
   The Company shall also prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with the legal requirements on information disclosure applicable to the securities market, and submit them to the relevant state authorities.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Article 51. Annual Report

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
The Company shall prepare and disclose its Annual Report in accordance with applicable laws on securities and the securities market.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

XVI. AUDIT OF THE COMPANY

Điều 52. Kiểm toán

Article 52. Audit

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
   The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of eligible independent auditing firms and authorize the Board of Directors to select one of them to audit the Company's financial statements for the following fiscal year, based on terms and conditions agreed upon with the Board.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
   The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
The independent auditor responsible for auditing the Company's financial statements shall have the right to attend General Meetings of Shareholders, receive notices and other materials relating to such meetings, and express opinions on matters pertaining to the audit of the Company's financial statements.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP
XVII. COMPANY SEAL

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp
Article 53. Company seal

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
The Company's seal may be either a physical seal produced by a seal engraving service provider or a digital signature, in accordance with the laws on electronic transactions.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
The Board of Directors shall determine the type, quantity, format, and content of the Company's seal, as well as those of its branches and representative offices (if any).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
The Board of Directors and the Chief Executive Officer shall be responsible for the use and safekeeping of the seal in accordance with prevailing laws.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY
XVIII. DISSOLUTION OF COMPANY

Điều 54. Giải thể công ty
Article 54. Dissolution of the company

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
The Company may be dissolved under the following circumstances:
   a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
   Upon expiration of its operating term as stated in the Charter, unless extended;
   b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   Pursuant to a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;
   c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   Upon revocation of its Enterprise Registration Certificate, unless otherwise provided by the Law on Tax Administration;
   d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
   Other cases as prescribed by law.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Early dissolution of the Company (including prior to the expiration of an extended term) shall be subject to a resolution of the General Meeting of Shareholders and shall be implemented by the Board of Directors. Such a resolution must be notified to, or approved by, the competent authority if required by law.

Điều 55. Gia hạn hoạt động
Article 55. Extension of Term

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
   The Board of Directors shall convene the General Meeting of Shareholders at least seven (07) months prior to the expiration of the Company's operating term to enable shareholders to vote on the proposed extension.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.
   The extension shall be approved if it receives affirmative votes from shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total voting shares of shareholders attending the meeting.

Điều 56. Thanh lý
Article 56. Liquidation

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
   At least six (06) months prior to the expiration of the Company's term or upon the adoption of a dissolution resolution, the Board of Directors shall establish a Liquidation Committee consisting of three (03) members. Two (02) members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member shall be appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall develop its own operating procedures. Members of the Liquidation Committee may be selected from among the Company's employees or external professionals. All costs related to the liquidation process shall be prioritized for payment ahead of other Company liabilities.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
   The Liquidation Committee shall notify the Business Registration Authority of its establishment and commencement of operations. From that time, the Liquidation Committee shall act on behalf of the Company in all matters relating to the liquidation before courts and administrative authorities.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   Proceeds from the liquidation shall be distributed in the following order of priority:

   a) Các chi phí thanh lý;
      Liquidation expenses;

   b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

Unpaid wages, severance allowances, social insurance contributions, and other entitlements owed to employees under collective labor agreements and individual labor contracts;

c) Nợ thuế;
Tax liabilities;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;
Other outstanding debts of the Company;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
Any remaining balance, after full payment of the above items (a) through (d), shall be distributed among the shareholders. Holders of preferred shares shall be paid prior to holders of ordinary shares.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ
Article 57. Internal dispute resolution

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
In the event of a dispute or claim arising in connection with the Company's operations, or the rights and obligations of shareholders under the Law on Enterprises, this Charter, other applicable laws, or contractual agreements between:

   a) Cổ đông với Công ty;
   A shareholder and the Company;

   b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
   A shareholder and the Board of Directors, Supervisory Board, Chief Executive Officer, or other executives;

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
   The parties involved shall endeavor to resolve such dispute through negotiation and conciliation. Except where the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson of the Board, the Chairperson shall preside over the resolution process and request each party to submit relevant information within thirty (30) business days from the date the dispute arises. If the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson, any party may request the appointment of an independent expert to act as a mediator for the conciliation process.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

If the parties are unable to reach a resolution within six (06) weeks from the commencement of the mediation process, or if the mediator's proposal is not accepted by the parties, either party may refer the dispute to arbitration or a competent court.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.
Each party shall bear its own costs related to the negotiation and mediation process. Court-related costs shall be allocated in accordance with the ruling of the court.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER

Điều 58. Điều lệ công ty
Article 58. Company Charter

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
Any amendment or supplement to this Charter must be reviewed and approved by the General Meeting of Shareholders.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
In cases where applicable laws contain provisions relevant to the Company's operations that are not addressed in this Charter, or where new legal provisions differ from those in this Charter, such legal provisions shall prevail and govern the Company's operations.

3. Trường hợp các quy định, quy chế nội bộ do Công ty ban hành có nội dung mâu thuẫn với quy định trong Điều lệ này thì các quy định trong Điều lệ này được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.
In the event of any inconsistency between this Charter and the Company's internal regulations or policies, the provisions of this Charter shall take precedence.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC
XXI. EFFECTIVE DATE

Điều 59. Ngày hiệu lực
Article 59. Effective Date

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026 và sửa đổi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29.06.2026/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2026.
This Charter comprises 21 sections and 59 articles and was adopted by the General Meeting of Shareholders of BAF Vietnam Agriculture Joint Stock Company pursuant to Resolution No 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ dated April 23, 2026 and amended pursuant to the Board of Directors' Resolution No. 29.06.2026/NQ-HĐQT dated June 29, 2026.

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
This Charter is made in three (03) copies of equal legal validity, and shall be kept at the Company's head office.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế toàn bộ các bản Điều lệ của Công ty đã được ban hành trước ngày Điều lệ này có hiệu lực.
This is the sole and official Charter of the Company and shall supersede all previous versions issued prior to its effective date.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
Any copy or excerpt of this Charter shall only be valid if signed by the Chairperson of the Board of Directors or by at least one-half (1/2) of the total number of Board members.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P.
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÙI HƯƠNG GIANG

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

EY

Shape the future
with confidence

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 60

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 651/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Long An và Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch	
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên	
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên không điều hành	
Ông Prasad Gopalan	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2024
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eylu.mail@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12943524/67717899

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 60, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM
M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N.H.H
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9222 quyển số - SCT/BS
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

S.D.K.H.D: 113 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN SƠN HÀ
T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.032.229.458.737**	**3.174.811.450.706**
110	***I. Tiền***	***4***	***102.785.712.771***	***81.566.921.890***
111	1. Tiền		102.785.712.771	81.566.921.890
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***226.012.994.520***	***125.275.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	226.012.994.520	125.275.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.170.289.330.233***	***1.769.241.136.463***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	610.067.294.156	1.049.628.162.708
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	150.909.137.265	70.338.501.465
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.284.223.949.838	467.123.139.637
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	129.353.964.391	186.329.689.951
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9, 10	(4.266.008.550)	(4.266.008.550)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		993.133	87.651.252
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***1.508.776.640.729***	***1.178.712.190.742***
141	1. Hàng tồn kho		1.508.776.640.729	1.178.712.190.742
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***24.364.780.484***	***20.016.201.611***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	18.443.926.869	19.230.616.194
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	5.918.946.202	154.689.461
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	1.907.413	630.895.956

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.858.098.868.396**	**2.491.664.243.042**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***218.332.762.263***	***129.204.889.200***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	-	375.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	218.332.762.263	128.829.889.200
220	***II. Tài sản cố định***		***194.042.247.037***	***335.334.197.441***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	179.994.125.053	153.598.796.636
222	Nguyên giá		269.905.982.693	225.305.625.075
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(89.911.857.640)	(71.706.828.439)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	13.216.543.722	-
225	Nguyên giá		14.086.397.917	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(869.854.195)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	831.578.262	181.735.400.805
228	Nguyên giá		2.272.516.000	182.981.826.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.440.937.738)	(1.246.425.195)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***194.512.985.504***	***104.290.813.453***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	194.512.985.504	104.290.813.453
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***1.994.250.160.071***	***1.656.687.790.505***
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	2.006.274.409.347	1.668.712.039.781
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	(12.024.249.276)	(12.024.249.276)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***256.960.713.521***	***266.146.552.443***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	255.725.959.693	235.385.202.959
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	1.234.753.828	30.761.349.484
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**6.890.328.327.133**	**5.666.475.693.748**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.954.273.264.308**	**3.796.528.307.739**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.182.675.474.003***	***2.761.524.227.189***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.977.338.364.452	1.945.825.090.275
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	1.692.494.573	30.827.078.570
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	46.751.552.180	6.083.202.518
314	4. Phải trả người lao động		26.484.744.175	14.515.540.300
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	31.778.366.654	28.256.414.977
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	30.963.832.710	33.097.828.549
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1.067.666.119.259	702.919.072.000
330	***II. Nợ dài hạn***		***771.597.790.305***	***1.035.004.080.550***
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	296.351.205.652	582.498.527.280
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	23.4	475.246.584.653	452.505.553.270
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.936.055.062.825**	**1.869.947.386.009**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24.1***	***2.936.055.062.825***	***1.869.947.386.009***
411	1. Vốn cổ phần		2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.390.216.420.000*	*1.435.200.000.000*
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		137.648.613.977	137.648.613.977
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		408.190.028.848	297.098.772.032
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*53.118.352.032*	*246.723.093.219*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*355.071.676.816*	*50.375.678.813*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**6.890.328.327.133**	**5.666.475.693.748**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Hồ Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	6.018.359.158.838	5.318.274.899.044
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(345.310.400)	(5.328.519.109)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	6.018.013.848.438	5.312.946.379.935
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(5.373.382.030.524)	(5.274.437.124.301)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		644.631.817.914	38.509.255.634
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	57.169.881.395	294.195.373.870
22	7. Chi phí tài chính	26	(178.228.238.135)	(135.988.640.522)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(178.228.238.135)*	*(135.537.786.018)*
25	8. Chi phí bán hàng	28	(88.595.748.566)	(72.639.496.703)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(110.675.788.777)	(85.419.890.565)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		324.301.923.831	38.656.601.714
31	11. Thu nhập khác	29	108.698.847.641	604.717.325
32	12. Chi phí khác	29	(3.195.501.108)	(7.469.282.866)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	105.503.346.533	(6.864.565.541)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		429.805.270.364	31.792.036.173
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(45.206.997.892)	(9.006.248.324)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	(29.526.595.656)	27.589.890.964
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		355.071.676.816	50.375.678.813

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thủy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**429.805.270.364**	**31.792.036.173**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	29.152.031.108	27.017.641.946
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(37.295.358)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.624.444.769)	(13.773.327)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(152.389.377.253)	(302.115.162.602)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	26	178.228.238.135	135.537.786.018
08	**Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**482.171.717.585**	**(107.818.767.150)**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		451.904.452.567	(529.501.587.681)
10	Tăng hàng tồn kho		(330.064.449.987)	(448.038.300.760)
11	Tăng các khoản phải trả		24.289.600.328	852.668.494.871
12	Tăng chi phí trả trước		(19.554.067.409)	(122.594.798.792)
14	Tiền lãi vay đã trả		(157.071.964.034)	(109.542.228.762)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(7.137.424.929)	(57.453.419.749)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**444.537.864.121**	**(522.280.608.023)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(168.352.623.133)	(92.943.577.058)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư		294.086.397.917	23.856.502.593
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(1.439.050.824.060)	(455.296.982.992)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		530.330.763.000	322.951.051.034
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(426.807.640.066)	(668.030.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	44.100.000.000
27	Lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức nhận được		20.808.951.838	164.603.714.647
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(1.188.984.974.504)**	**(660.759.291.776)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi	24	711.036.000.000	137.648.613.977
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		*711.036.000.000*	-
	- Tiền thu từ phần quyền chọn của trái phiếu chuyển đổi		-	*137.648.613.977*
33	Tiền thu từ đi vay	23	1.689.099.802.512	1.789.552.008.423
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(1.632.348.203.500)	(782.171.967.900)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	23	(2.136.437.016)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**765.651.161.996**	**1.145.028.654.500**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**21.204.051.613**	**(38.011.245.299)**
60	**Tiền đầu năm**		**81.566.921.890**	**119.564.393.862**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		14.739.268	13.773.327
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**102.785.712.771**	**81.566.921.890**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 20 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Long An và Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.384 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.049 người).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 22 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 20 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Phú Yên	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,27%	99,27%	99,27%	99,27%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,60%	100,00%	99,60%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,60%	100,00%	99,60%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Phú Yên	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
(12) Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Bình Định	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	98,55%	98,55%	98,55%	98,55%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Bình Phước")	Bình Phước	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,90%	99,98%	99,90%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,90%	99,95%	99,90%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Bình Phước	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Bình Phước	Chăn nuôi	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	90,00%	100,00%	90,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *16.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Gia súc	4 năm

3.8 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Gia súc;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Khác

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Trái phiếu phát hành* (tiếp theo)

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	30.099.000	18.280.941
Tiền gửi ngân hàng	102.755.613.771	81.548.640.949
TỔNG CỘNG	**102.785.712.771**	**81.566.921.890**

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:		
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	243.980.200.000	-
Các khoản nợ được cấn trừ với cổ tức phải thu từ các công ty con	189.443.387.694	-
TỔNG CỘNG	**433.423.587.694**	-

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 3,50% đến 5,10%/năm. Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23*).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên khác	129.869.624.412	812.639.618.981
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Phi	*121.687.811.000*	-
Công ty Cổ phần Điều Organic Bissau	-	*383.088.754.500*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Bảo Lâm	-	*266.080.131.000*
Công ty Cổ phần Kho vận An Phú	-	*146.596.623.000*
Các bên khác	*8.181.813.412*	*16.874.110.481*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	480.197.669.744	236.988.543.727
TỔNG CỘNG	**610.067.294.156**	**1.049.628.162.708**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	144.237.084.126	54.727.115.233
Bà Lê Thị Tuyết (*)	*40.000.000.000*	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo (*)	*30.000.000.000*	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Xuất Nhập Khẩu Thành Đạt (*)	*15.079.033.200*	-
Ông Ngô Văn Thắng (*)	*10.994.546.250*	-
Ông Dương Đình Quang (*)	*6.037.103.250*	-
Bà Nguyễn Hà Anh (*)	*6.036.292.500*	-
Ông Lê Huy Việt (*)	*6.028.978.500*	-
Ông Nguyễn Văn Thiên (*)	*5.026.344.400*	-
Ông Nguyễn Văn Hùng (*)	*5.026.344.400*	-
Ông Nguyễn Như Vương(*)	*3.000.000.000*	-
Ông Nguyễn Cửu Long	-	*22.345.029.000*
Ông Phạm Hùng Thắng	-	*8.378.343.000*
Công ty TNHH MTV Công nghệ Phú Lộc	-	*5.379.120.000*
Các bên khác	*17.008.441.626*	*18.624.623.233*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	6.672.053.139	15.611.386.232
TỔNG CỘNG	**150.909.137.265**	**70.338.501.465**

(*) Đây là các khoản trả trước cho người bán nhằm mục đích mua các công ty con *(Thuyết minh số 33.3)*. Ngoài ra, những nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này *(Thuyết minh số 34)*.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**1.284.223.949.838**	**467.123.139.637**
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	1.284.148.949.838	467.123.139.637
Các bên khác	75.000.000	-
Dài hạn	-	**375.000.000**
Bên khác	-	375.000.000
TỔNG CỘNG	**1.284.223.949.838**	**467.498.139.637**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp như sau:

Bên vay	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *%/năm*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn			
Trang Trại Xanh 2	184.811.195.625	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Trang Trại Xanh 1	181.268.217.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Hải Đăng Tây Ninh	170.864.237.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Đông An Khánh	128.305.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Nam An Khánh	127.275.408.510	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Bắc An Khánh	115.600.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Anh Vũ Phú Yên	98.215.680.090	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Tân Châu	72.669.412.603	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Minh Thành	51.130.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Tâm Hưng	43.065.443.835	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
BAF Tây Ninh	40.000.000.000	Ngày 30 tháng 11 năm 2025	6,00
Chăn nuôi Bảo Ngọc	38.178.606.034	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Tây An Khánh	19.650.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Logistic BAF	13.115.749.141	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
TỔNG CỘNG	**1.284.148.949.838**		
Cho bên khác vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Chăn nuôi Công Minh Hòa Hội	75.000.000	Ngày 26 tháng 3 năm 2025	8,50

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**129.353.964.391**	**186.329.689.951**
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	77.880.459.814	45.898.890.758
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	21.896.872.923	19.640.362.522
Phải thu từ hợp đồng mua heo với Genesus. Inc	21.439.391.751	13.851.129.199
Tạm ứng nhân viên	14.607.264.417	2.100.771.835
Cổ tức phải thu	-	98.800.000.000
Khác	11.190.000.609	6.038.535.637
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*96.363.367.775*	*155.294.850.213*
Các bên khác	*32.990.596.616*	*31.034.839.738*
Dài hạn	**218.332.762.263**	**128.829.889.200**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	218.332.762.263	128.829.889.200
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*14.080.000.000*	*14.080.000.000*
Các bên khác	*204.252.762.263*	*114.749.889.200*
TỔNG CỘNG	**347.686.726.654**	**315.159.579.151**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(4.266.008.550)	(4.266.008.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	**343.420.718.104**	**310.893.570.601**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.266.008.550	4.303.303.908
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(37.295.358)
Số cuối năm	4.266.008.550	4.266.008.550

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
AG World International Corporation	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160
Khác	2.335.623.819	1.857.579.390	2.335.623.819	1.857.579.390
TỔNG CỘNG	**4.744.052.979**	**4.266.008.550**	**4.744.052.979**	**4.266.008.550**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.376.952.212.857	1.027.618.777.061
Nguyên vật liệu	94.015.218.889	125.913.661.031
Thành phẩm	14.714.978.358	7.557.602.226
Công cụ, dụng cụ	14.491.293.684	8.360.034.256
Hàng mua đang đi đường	8.419.049.663	6.925.580.140
Hàng hóa	183.887.278	336.536.028
TỔNG CỘNG	**1.508.776.640.729**	**1.178.712.190.742**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Gia súc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	115.930.218.132	46.953.193.676	50.858.629.142	9.272.683.189	2.290.900.936	225.305.625.075
Mua mới trong năm	18.714.068.654	35.762.859.387	452.879.200	9.534.296.757	4.501.020.726	68.965.124.724
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	7.617.789.237	7.617.789.237
Thanh lý	(783.000.000)	(14.333.000.000)	-	-	(4.164.487.201)	(19.280.487.201)
Góp vốn bằng tài sản vào công ty con	-	-	(12.702.069.142)	-	-	(12.702.069.142)
Số cuối năm	133.861.286.786	68.383.053.063	38.609.439.200	18.806.979.946	10.245.223.698	269.905.982.693
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*4.270.735.100*	*5.626.044.234*	*120.716.997*	*410.795.318*	-	*10.428.291.649*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(38.629.365.044)	(13.835.252.983)	(15.906.209.693)	(1.674.912.656)	(1.661.088.063)	(71.706.828.439)
Khấu hao trong năm	(14.430.092.977)	(6.950.463.131)	(3.860.364.967)	(1.452.938.623)	(1.190.261.069)	(27.884.120.767)
Thanh lý	6.051.412	491.224.884	-	-	1.745.495.269	2.242.771.565
Góp vốn bằng tài sản vào công ty con	-	-	7.436.320.001	-	-	7.436.320.001
Số cuối năm	(53.053.406.609)	(20.294.491.230)	(12.330.254.659)	(3.127.851.279)	(1.105.853.863)	(89.911.857.640)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	77.300.853.088	33.117.940.693	34.952.419.449	7.597.770.533	629.812.873	153.598.796.636
Số cuối năm	80.807.880.177	48.088.561.833	26.279.184.541	15.679.128.667	9.139.369.835	179.994.125.053

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND *Máy móc thiết bị*
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	14.086.397.917
Số cuối năm	14.086.397.917
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Hao mòn trong năm	(869.854.195)
Số cuối năm	(869.854.195)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	13.216.543.722

Theo hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 23.5*.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	VND *Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	180.849.310.000	2.132.516.000	182.981.826.000
Mua mới trong năm	-	140.000.000	140.000.000
Thanh lý	(180.849.310.000)	-	(180.849.310.000)
Số cuối năm	-	2.272.516.000	2.272.516.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(180.444.468)	(1.065.980.727)	(1.246.425.195)
Hao mòn trong năm	(23.099.135)	(374.957.011)	(398.056.146)
Thanh lý	203.543.603	-	203.543.603
Số cuối năm	-	(1.440.937.738)	(1.440.937.738)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	180.668.865.532	1.066.535.273	181.735.400.805
Số cuối năm	-	831.578.262	831.578.262

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Xây dựng trại Giai Xuân *(*)*	89.257.568.956	57.212.875.147
Con giống	57.437.777.643	41.581.092.726
Phần mềm SAP	13.140.273.650	-
Xây dựng trung tâm bán heo MB	11.791.567.954	-
Xây dựng trại Cụm Bà Thước	11.122.349.400	-
Xây dựng trại Quyên Linh	6.418.169.023	-
Khác	5.345.278.878	5.496.845.580
TỔNG CỘNG	**194.512.985.504**	**104.290.813.453**

(*) Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 8.813.845.402 VND (2023: 0 VND). Khoản chi phí đi vay này liên quan đến vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng trại Giai Xuân của Công ty.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 16.1)*	2.006.274.409.347	(12.024.249.276)	1.668.712.039.781	(12.024.249.276)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	*Giá gốc VND*	*Dự phòng VND*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Giá gốc VND*	*Dự phòng VND*
Hải Đăng Tây Ninh	99,82%	399.280.000.000	-	99,82%	399.280.000.000	-
BAF Tây Ninh	99,00%	148.500.000.000	-	99,00%	148.500.000.000	-
Trang Trại Xanh 2	99,69%	129.600.000.000	-	99,69%	129.600.000.000	-
Tâm Hưng *(i)*	99,98%	123.970.000.000	-	99,90%	29.970.000.000	-
BAF Meat Bình Phước	100,00%	120.000.000.000	-	100,00%	120.000.000.000	-
Bắc An Khánh	99,27%	109.200.000.000	-	99,27%	109.200.000.000	-
BAF Bình Định	98,55%	108.400.000.000	-	98,55%	108.400.000.000	-
Đông An Khánh *(ii)*	100,00%	100.000.000.000	-	99,60%	99.600.000.000	-
Nam An Khánh *(iii)*	100,00%	100.000.000.000	-	99,60%	99.600.000.000	-
Chăn nuôi Kim Hợi	99,90%	95.410.918.071	-	99,90%	95.339.118.071	-
Tân Châu *(iv)*	99,95%	89.959.150.000	-	99,90%	40.809.150.000	-
Thanh Xuân *(v)*	99,99%	85.750.949.566	-	-	-	-
Thiên Phú Sơn	100,00%	64.183.771.710	-	100,00%	64.183.771.710	-
Tây An Khánh *(vi)*	100,00%	55.819.620.000	-	-	-	-
Anh Vũ Phú Yên	100,00%	50.000.000.000	-	100,00%	50.000.000.000	-
Chăn nuôi Minh Thành	98,00%	49.000.000.000	-	98,00%	49.000.000.000	-
Sông Hinh	100,00%	48.000.000.000	-	100,00%	48.000.000.000	-
Trang Trại Xanh 1	98,00%	39.200.000.000	-	98,00%	39.200.000.000	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh *(vii)*	100,00%	30.000.000.000	-	-	-	-

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	*Giá gốc VND*	*Dự phòng VND*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)*	*Giá gốc VND*	*Dự phòng VND*
Chăn nuôi Bảo Ngọc	100,00%	20.000.000.000	(12.024.249.276)	100,00%	20.000.000.000	(12.024.249.276)
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF *(viii)*	100,00%	20.000.000.000	-	90,00%	18.000.000.000	-
Logistic BAF *(ix)*	100,00%	20.000.000.000	-	100,00%	30.000.000	-
TỔNG CỘNG		**2.006.274.409.347**	**(12.024.249.276)**		**1.668.712.039.781**	**(12.024.249.276)**

(i) Ngày 22 tháng 8 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 94.000.000.000 VND vào Tâm Hưng, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,90% lên 99,98% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901302844 cho Tâm Hưng vào ngày 4 tháng 9 năm 2024.

(ii) Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 400.000.000 VND vào Đông An Khánh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,60% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901299905 cho Đông An Khánh vào ngày 23 tháng 12 năm 2024.

(iii) Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 400.000.000 VND vào Nam An Khánh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,60% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901298757 cho Nam An Khánh vào ngày 23 tháng 12 năm 2024.

(iv) Ngày 19 tháng 7 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 49.150.000.000 VND vào Tân Châu, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,90% lên 99,95% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901303492 cho Tân Châu vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

(v) Ngày 25 tháng 11 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Thanh Xuân từ các bên thứ ba với giá trị 85.750.949.566 VND tương ứng 99,99% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và SKHĐT Thanh Hóa đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 2802501452 cho Thanh Xuân vào ngày 6 tháng 12 năm 2024.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

(vi) Ngày 29 tháng 1 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Tây An Khánh từ các bên thứ ba với giá trị 55.819.620.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và SKHĐT Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901315120 cho Tây An Khánh vào ngày 4 tháng 2 năm 2024.

(vii) Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh là một công ty TNHH được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901341346 do SKHĐT Tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 10 tháng 10 năm 2023. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa hoàn tất việc góp vốn vào Công ty này. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2024, Công ty đã hoàn tất góp vốn bằng tiền vào Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh với giá trị 30.000.000.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu.

(viii) Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 2.000.000.000 VND vào Phân bón Hữu cơ Vi sinh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 90,00% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 0317986455 cho Phân bón Hữu cơ Vi sinh vào ngày 30 tháng 12 năm 2024.

(ix) Ngày 31 tháng 8 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền và tài sản cố định với giá trị lần lượt là 14.704.250.859 VND và 5.265.749.141 VND *(Thuyết minh số 12)* vào Logistic BAF, tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 0318192737 cho Logistic BAF vào ngày 30 tháng 11 năm 2024.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**18.443.926.869**	**19.230.616.194**
Công cụ, dụng cụ	6.826.698.961	5.019.799.409
Khác	11.617.227.908	14.210.816.785
Dài hạn	**255.725.959.693**	**235.385.202.959**
Gia súc	216.038.534.458	200.722.284.642
Công cụ, dụng cụ	13.007.972.331	9.627.516.291
Chi phí tư vấn	10.183.897.652	9.919.638.516
Chi phí cải tạo và sửa chữa	8.753.089.994	5.551.918.087
Chi phí tài trợ	3.333.333.333	-
Chi phí thu xếp khoản vay ngân hàng	-	7.053.571.429
Khác	4.409.131.925	2.510.273.994
TỔNG CỘNG	**274.169.886.562**	**254.615.819.153**

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	1.117.470.543.474	1.801.856.252.785
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	*345.918.789.340*	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp Bảo Lộc	*316.855.022.050*	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	*158.540.603.000*	*373.804.077.895*
Công ty Cổ phần Nông sản Tzan Quốc tế	-	*320.049.249.300*
Công ty Cổ phần Nông sản Mogb Quốc tế	-	*290.096.321.550*
Công ty Cổ phần Nông sản Cavi Việt Nam	-	*254.544.283.000*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền	-	*162.451.748.650*
Các bên khác	*296.156.129.084*	*400.910.572.390*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	859.867.820.978	143.968.837.490
TỔNG CỘNG	**1.977.338.364.452**	**1.945.825.090.275**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Văn Dương	450.239.000	-
Ông Phạm Văn Linh	385.103.140	-
Công ty Cổ phần Nông Sản Phú Nông	-	30.000.000.000
Khác	857.152.433	827.078.570
TỔNG CỘNG	**1.692.494.573**	**30.827.078.570**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	154.689.461	8.588.731.736	(2.824.474.995)	5.918.946.202
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.413	-	-	1.907.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp	628.988.543	-	(628.988.543)	-
TỔNG CỘNG	**785.585.417**	**8.588.731.736**	**(3.453.463.538)**	**5.920.853.615**
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.316.389.763	45.206.997.892	(7.137.424.929)	43.385.962.726
Thuế thu nhập cá nhân	655.604.029	7.318.276.593	(5.998.819.315)	1.975.061.307
Thuế giá trị gia tăng	111.208.726	4.298.991.518	(3.019.672.097)	1.390.528.147
Thuế khác	-	2.186.652.376	(2.186.652.376)	-
TỔNG CỘNG	**6.083.202.518**	**59.010.918.379**	**(18.342.568.717)**	**46.751.552.180**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	20.742.255.005	21.348.630.138
Chi phí điện	3.982.302.405	1.903.892.126
Chi phí gia công	2.991.739.498	-
Chi phí vận chuyển	791.111.660	470.127.100
Chi phí đi thuê	-	2.404.050.000
Khác	3.270.958.086	2.129.715.613
TỔNG CỘNG	**31.778.366.654**	**28.256.414.977**

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	595.677.638	8.719.337.524
Chi phí bảo hiểm	*187.335.000*	*2.226.559.581*
Khác	*408.342.638*	*6.492.777.943*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	30.368.155.072	24.378.491.025
TỔNG CỘNG	**30.963.832.710**	**33.097.828.549**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**702.919.072.000**	**1.689.099.802.512**	**(1.625.157.253.016)**	-	-	**300.804.497.763**	**1.067.666.119.259**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	497.620.561.000	1.553.627.602.496	(1.469.640.561.000)	-	-	-	581.607.602.496
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và số 32)*	201.707.061.000	133.335.763.000	(149.788.805.000)	-	-	-	185.254.019.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.3)*	-	-	-	-	-	297.541.148.913	297.541.148.913
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.5)*	-	2.136.437.016	(2.136.437.016)	-	-	3.263.348.850	3.263.348.850
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	3.591.450.000	-	(3.591.450.000)	-	-	-	-
Dài hạn	**1.035.004.080.550**	**11.949.960.901**	**(9.327.387.500)**	**15.772.985.187**	**19.002.648.930**	**(300.804.497.763)**	**771.597.790.305**
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.3)*	573.171.139.780	-	-	12.034.602.734	-	(297.541.148.913)	287.664.593.601
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.4)*	452.505.553.270	-	-	3.738.382.453	19.002.648.930	-	475.246.584.653
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.5)*	-	11.949.960.901	-	-	-	(3.263.348.850)	8.686.612.051
Vay ngân hàng	9.327.387.500	-	(9.327.387.500)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	**1.737.923.152.550**	**1.701.049.763.413**	**(1.634.484.640.516)**	**15.772.985.187**	**19.002.648.930**	-	**1.839.263.909.564**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn từ ngân hàng*

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	320.000.000.000	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2025	4,20 - 6,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 5)* và bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang.
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	100.000.000.000	Ngày 21 tháng 3 năm 2025	6,40	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 5)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100.000.000.000	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025	6,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 5)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	61.607.602.496	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	5,90	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 5)*
TỔNG CỘNG	**581.607.602.496**			

23.2 *Vay ngắn hạn từ các bên liên quan*

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	*Số cuối năm VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*
BAF Bình Định	82.905.119.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Thiên Phú Sơn	46.690.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	29.910.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	13.540.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Meat Bình Phước	7.842.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Sông Hinh	3.595.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
Kim Hợi	771.900.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,00
TỔNG CỘNG	**185.254.019.000**		

23. VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 *Trái phiếu*

Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 23 tháng 8 năm 2022 và vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND			*(%/năm)*	
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	600.000.000.000	Ngày 23 tháng 8 năm 2025 đến ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(14.794.257.486)				
TỔNG CỘNG	**585.205.742.514**				
Trong đó:					
Dài hạn	*287.664.593.601*				
Dài hạn đến hạn trả	*297.541.148.913*				

23.4 *Trái phiếu chuyển đổi*

	Số cuối năm
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	600.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	(137.648.613.977)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**462.351.386.023**
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	**32.574.668.820**
Số đầu năm	13.572.019.890
Số phân bổ tăng trong năm	19.002.648.930
Số cuối năm	32.574.668.820
Trừ: Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	**(19.679.470.190)**
Số đầu năm	(23.417.852.643)
Số phân bổ giảm trong năm	3.738.382.453
Số cuối năm	(19.679.470.190)
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**475.246.584.653**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Công ty đã ký kết Hợp đồng trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC"), với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất là 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính số C240507602 ngày 28 tháng 5 năm 2024 từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	3.946.418.241	683.069.391	3.263.348.850
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Trên 1 năm đến 5 năm	9.616.194.969	929.582.918	8.686.612.051
TỔNG CỘNG	**13.562.613.210**	**1.612.652.309**	**11.949.960.901**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:				
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	246.723.093.219	1.681.923.093.219
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	137.648.613.977	-	137.648.613.977
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	50.375.678.813	50.375.678.813
Số cuối năm	1.435.200.000.000	137.648.613.977	297.098.772.032	1.869.947.386.009
Năm nay:				
Số đầu năm	1.435.200.000.000	137.648.613.977	297.098.772.032	1.869.947.386.009
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(i)*	684.256.000.000	-	-	684.256.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	355.071.676.816	355.071.676.816
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty ("ESOP") *(ii)*	26.780.000.000	-	-	26.780.000.000
Cổ tức công bố *(iii)*	243.980.420.000	-	(243.980.420.000)	-
Số cuối năm	2.390.216.420.000	137.648.613.977	408.190.028.848	2.936.055.062.825

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") Thường niên số 10.05.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07.12.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 26.04.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên ("ESOP") và phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Công ty đã triển khai phương án phát hành như sau:

Theo Nghị quyết Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 16.11.2023/NQ – HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2023, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 5 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 68.425.600 cổ phần ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 68.425.600 cổ phiếu ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu vào ngày 1 tháng 7 năm 2024.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Theo Nghị quyết HĐQT số 13.05.2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2024, Nghị quyết HĐQT số 14.05.2024/NQ - HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2024, Công văn số 3379/UBCKNN-QLCB ngày 29 tháng 5 năm 2024 của UBCKNN, Công ty đã thông qua việc phát hành 2.678.000 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên có tên trong danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình ESOP với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phân phối 2.678.000 cổ phiếu cho người lao động vào ngày 2 tháng 7 năm 2024.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 22.01.2024/NQ – HĐQT ngày 22 tháng 1 năm 2024, Công văn số 2649/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 4 năm 2024 của UBCKNN, Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 24.398.400 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 17%. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng phát hành thêm là 24.398.400 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 20 tháng 5 năm 2024

Vào ngày 7 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt số vốn điều lệ mới là 2.390.216.420.000 VND.

24.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	40,031	581.029.000.000	58.102.900	40,484
Bà Bùi Hương Giang	79.987.550.000	7.998.755	3,346	46.690.000.000	4.669.000	3,253
Cổ đông khác	1.353.409.520.000	135.340.952	56,623	807.481.000.000	80.748.100	56,363
TỔNG CỘNG	**2.390.216.420.000**	**239.021.642**	**100,000**	**1.435.200.000.000**	**143.520.000**	**100,000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.435.200.000.000	1.435.200.000.000
Tăng trong năm	955.016.420.000	-
Số cuối năm	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	*243.980.420.000*	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	*243.980.420.000*	-

24.4 *Cổ phiếu*

		Số lượng cổ phiếu
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu phổ thông	*239.021.642*	*143.520.000*
Cổ phiếu đang lưu hành	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu phổ thông	*239.021.642*	*143.520.000*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**6.018.359.158.838**	**5.318.274.899.044**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*3.705.002.932.881*	*1.273.615.285.514*
Doanh thu bán nông sản	*2.301.658.870.470*	*3.932.845.493.800*
Doanh thu bán cám	*11.423.210.900*	*85.406.962.091*
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	*-*	*23.856.502.596*
Doanh thu khác	*274.144.587*	*2.550.655.043*
Các khoản giảm trừ doanh thu:	**(345.310.400)**	**(5.328.519.109)**
Chiết khấu thương mại	*(345.310.400)*	*(5.328.519.109)*
Doanh thu thuần	**6.018.013.848.438**	**5.312.946.379.935**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*5.513.470.803.165*	*5.010.929.878.463*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*504.543.045.273*	*302.016.501.472*

25.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi và cho vay	52.790.520.894	26.473.341.973
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.624.444.769	242.854.659
Cổ tức được nhận	-	251.680.000.000
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	14.700.000.000
Khác	1.754.915.732	1.099.177.238
TỔNG CỘNG	**57.169.881.395**	**294.195.373.870**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	162.455.252.948	125.505.620.181
Chi phí phát hành trái phiếu	15.772.985.187	10.032.165.837
Khác	-	450.854.504
TỔNG CỘNG	**178.228.238.135**	**135.988.640.522**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	3.101.476.420.230	1.320.611.756.735
Giá vốn bán nông sản	2.255.882.309.090	3.854.091.020.195
Giá vốn bán cám	16.017.480.758	84.921.862.327
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	14.594.681.967
Khác	5.820.446	217.803.077
TỔNG CỘNG	**5.373.382.030.524**	**5.274.437.124.301**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	**88.595.748.566**	**72.639.496.703**
Chi phí vận chuyển	51.363.841.559	44.461.550.382
Chi phí nhân viên	23.314.530.198	14.796.582.626
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.787.656.369	6.711.621.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.821.562.374	1.158.785.321
Chi phí thuê	749.562.944	3.057.842.021
Khác	4.558.595.122	2.453.114.711
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**110.675.788.777**	**85.419.890.565**
Chi phí nhân viên	62.465.111.762	50.664.384.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.805.374.937	14.425.029.122
Công cụ, dụng cụ	12.993.611.287	11.154.443.278
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.814.244.166	1.390.375.250
Khác	14.597.446.625	7.785.657.930
TỔNG CỘNG	**199.271.537.343**	**158.059.387.268**

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	**108.698.847.641**	**604.717.325**
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	99.598.856.404	-
Lãi từ thanh lý hàng hóa	4.055.136.079	-
Các khoản khác	5.044.855.158	604.717.325
Chi phí khác	**(3.195.501.108)**	**(7.469.282.866)**
Phạt chậm nộp thuế	(1.151.947.525)	
Chi phí hủy hàng hóa	-	(917.800.452)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(14.263.966)
Các khoản khác	(2.043.553.583)	(6.537.218.448)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	**105.503.346.533**	**(6.864.565.541)**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	2.805.293.560.993	1.193.220.141.355
Chi phí hàng hóa	2.255.882.309.090	3.854.091.020.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	242.641.303.012	146.120.682.640
Chi phí nhân viên	144.054.013.474	135.118.023.591
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12, 13 và 14)*	29.152.031.108	27.017.641.946
Khác	95.630.350.190	76.929.001.842
TỔNG CỘNG	**5.572.653.567.867**	**5.432.496.511.569**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Công ty, Chi nhánh Bình Dương, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Long An

  - Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;
  - Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- Chi nhánh Nghệ An

  - Chi nhánh Nghệ An được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 10% trong 15 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Chi nhánh này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	45.206.997.892	6.508.436.388
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	2.497.811.936
Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.206.997.892	9.006.248.324
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	29.526.595.656	(27.589.890.964)
TỔNG CỘNG	**74.733.593.548**	**(18.583.642.640)**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**429.805.270.364**	**31.792.036.173**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	71.396.608.508	8.111.098.473
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):		
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	2.850.397.340	2.035.802.984
Chi phí không được trừ	1.743.337.432	1.890.684.747
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập	1.361.581.603	182.303.145
Bù trừ thu nhập chịu thuế giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh	241.548.035	(4.038.201.980)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	2.497.811.936
Thuế TNDN được miễn giảm	-	(2.271.572.214)
Cổ tức	-	(37.752.000.000)
Điều chỉnh liên quan đến nghị định số 132/2020/ND-CP *(*)*	(2.859.879.370)	10.760.430.269
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	**74.733.593.548**	**(18.583.642.640)**

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 2.859.879.370 VND .

31.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong các năm sau	-	29.742.058.012	(29.742.058.012)	29.742.058.012
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.628.420.543	1.021.357.471	607.063.072	(2.150.101.049)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(393.666.715)	(2.065.999)	(391.600.716)	(2.065.999)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***1.234.753.828***	***30.761.349.484***		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại thuần			***(29.526.595.656)***	***27.589.890.964***

31.4 *Lỗ chuyển sang các năm sau*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính phát sinh từ Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty với số tiền là 16.672.373.481 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 206.807.097.417 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024*
Trụ sở chính					
2023	2028	198.280.386.746	(198.280.386.746)	-	-
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2021	2026	31.566.070	-	-	31.566.070
2022	2027	7.583.628.876	-	-	7.583.628.876
2023	2028	911.515.725	-	-	911.515.725
2024	2029	8.145.662.810	-	-	8.145.662.810
TỔNG CỘNG		**214.952.760.227**	**(198.280.386.746)**	**-**	**16.672.373.481**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.4 Lỗ chuyển sang các năm sau (tiếp theo)

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế có thể chuyển tại các chi nhánh hạch toán độc lập với giá trị 16.672.373.481 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

31.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2024*
Trụ sở chính					
2023	2028	71.736.201.790	(20.671.107.602)	-	51.065.094.188
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2024	2029	1.817.791.705	-	-	1.817.791.705
TỔNG CỘNG		**73.553.993.495**	**(20.671.107.602)**	**-**	**52.882.885.893**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 52.882.885.893 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 71.736.201.790 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

31.6 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuế sang năm sau *(Thuyết minh số 31.4)*	16.672.373.481	8.526.710.671
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 31.5)*	52.882.885.893	71.736.201.790
TỔNG CỘNG	**69.555.259.374**	**80.262.912.461**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Anh Vũ Phú Yên	Công ty con
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Công ty con
Chăn nuôi Minh Thành	Công ty con
Bắc An Khánh	Công ty con
Đông An Khánh	Công ty con
Nam An Khánh	Công ty con
Trang Trại Xanh 1	Công ty con
Trang Trại Xanh 2	Công ty con
Hải Đăng Tây Ninh	Công ty con
Sông Hinh	Công ty con
BAF Tây Ninh	Công ty con
BAF Bình Định	Công ty con
BAF Meat Bình Phước	Công ty con
Tâm Hưng	Công ty con
Tân Châu	Công ty con
Thiên Phú Sơn	Công ty con
Kim Hợi	Công ty con
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Công ty con
Logistic BAF	Công ty con
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Công ty con
Tây An Khánh	Công ty con
Thanh Xuân	Công ty con
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam ("Siba Food Việt Nam")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty TNHH Agro Việt ("Viet Agro")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons") *(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons)*	Công ty con của cổ đông lớn

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Phan Ngọc Ân	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ (đến ngày 30 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Duy Tân	TV HĐQT (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Lê Xuân Thọ	TV HĐQT không điều hành
Ông Bùi Quang Huy	TV HĐQT độc lập (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Prasad Gopalan	TV HĐQT độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Tân	TV HĐQT độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS") (đến ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Bà Dương Thị Hồng Tân	Thành viên BKS (đến ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2024)
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó TGĐ thường trực (đến ngày 15 tháng 9 năm 2023)
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024) kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
BAF Tây Ninh	Mua thức ăn chăn nuôi	862.227.652.057	535.924.062.117
	Cho vay	40.000.000.000	-
	Lãi cho vay	177.534.247	-
	Nhận cổ tức	-	19.800.000.000
	Bán nông sản	-	16.537.589.819
BAF Meat Bình Phước	Trả vay	803.000.000	655.000.000
	Lãi vay	488.789.919	524.825.755
	Vay	-	9.300.000.000
Chăn nuôi Kim Hợi	Chi phí thuê trại	14.309.999.416	12.600.000.000
	Vay	3.300.000.000	-
	Trả vay	2.528.100.000	-
	Lãi vay	34.804.751	-
Anh Vũ Phú Yên	Mua heo	107.440.850.244	96.113.049.071
	Cho vay	44.735.680.090	14.140.000.000
	Thu hồi cho vay	6.300.000.000	-
	Bán heo	8.678.440.870	55.707.219.100
	Lãi cho vay	4.629.551.597	4.192.969.316
	Nhận cổ tức	-	30.000.000.000
Đông An Khánh	Mua heo	82.278.546.165	28.686.508.250
	Cho vay	81.970.000.000	47.935.000.000
	Thu hồi cho vay	4.500.000.000	-
	Bán hàng	4.298.092.484	5.278.100.000
	Lãi cho vay	4.039.081.643	1.432.212.329
	Góp vốn	-	80.000.000.000
Thiên Phú Sơn	Lãi vay	2.820.770.959	2.837.613.702
	Trả vay	550.000.000	150.000.000
	Vay	-	400.000.000
Nam An Khánh	Mua heo	137.847.053.420	7.431.115.250
	Cho vay	101.875.408.510	27.300.000.000
	Lãi cho vay	3.007.755.262	986.488.766
	Bán hàng	918.062.100	420.000.000
	Góp vốn	-	80.000.000.000
Trang Trại Xanh 2	Cho vay	119.864.291.625	80.441.904.000
	Mua heo	177.500.089.574	28.669.596.000
	Bán heo	10.061.519.910	-
	Lãi cho vay	6.789.041.810	2.321.457.866
	Thu hồi cho vay	1.300.000.000	-
	Góp vốn	-	70.000.000.000
Trang Trại Xanh 1	Mua heo	121.119.361.780	201.586.197.000
	Cho vay	36.310.000.000	91.570.000.000
	Bán cám	23.072.662.359	13.345.473.140
	Lãi cho vay	9.745.748.583	5.445.348.494
	Thu hồi cho vay	4.000.000.000	-
	Nhận cổ tức	-	19.600.000.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Chăn nuôi Minh Thành	Mua heo	274.196.528.299	193.075.650.601
	Bán cám	106.575.071.660	27.154.958.425
	Cho vay	71.660.000.000	8.970.000.000
	Thu hồi cho vay	29.500.000.000	-
	Lãi cho vay	2.351.764.932	152.225.753
	Nhận cổ tức	-	29.400.000.000
Tâm Hưng	Góp vốn	94.000.000.000	-
	Cho vay	69.435.443.835	15.010.000.000
	Thu hồi cho vay	41.380.000.000	-
	Bán heo	41.302.568.440	-
	Vay	8.500.000.000	50.200.000.000
	Trả vay	8.500.000.000	71.040.000.000
	Mua heo	1.614.358.000	-
	Lãi cho vay	1.583.699.738	229.150.684
	Lãi vay	104.556.165	548.443.561
Tân Châu	Cho vay	77.530.000.000	44.139.412.603
	Góp vốn	49.150.000.000	-
	Thu hồi cho vay	49.000.000.000	70.100.000.000
	Bán heo	31.574.650.660	-
	Mua heo	10.915.930.000	-
	Lãi cho vay	3.618.178.359	678.861.918
	Trả vay	-	94.200.000.000
	Lãi vay	-	385.850.959
Sông Hinh	Trả vay	24.950.000.000	5.470.000.000
	Vay	1.800.000.000	-
	Lãi vay	505.153.971	1.837.927.398
Bắc An Khánh	Mua heo	353.292.734.860	162.150.000
	Cho vay	123.170.000.000	65.072.000.000
	Bán heo	79.388.076.100	-
	Thu hồi cho vay	29.885.000.000	-
	Lãi cho vay	1.795.050.314	1.036.685.426
	Góp vốn	-	110.000.000.000
BAF Bình Định	Trả vay	5.870.000.000	3.860.000.000
	Lãi vay	5.248.535.927	4.339.579.466
	Vay	-	30.000.000.000
	Góp vốn	-	30.000.000.000
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Cho vay	25.660.000.000	4.210.000.000
	Thu hồi cho vay	20.150.000.000	-
	Chi phí thuê trại	8.356.363.636	6.130.909.091
	Lãi cho vay	2.330.030.105	1.874.882.663
Hải Đăng Tây Ninh	Cho vay	214.273.153.807	-
	Thu hồi cho vay	63.958.916.807	-
	Trả vay	103.587.705.000	31.170.000.000
	Vay	73.385.763.000	-
	Bán heo	10.008.166.909	-
	Mua heo	7.914.779.500	-
	Lãi cho vay	4.395.658.848	-
	Lãi vay	64.038.332	2.932.099.537
	Góp vốn	-	280.000.000.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Logistic BAF	Góp vốn	19.970.000.000	30.000.000
	Sử dụng dịch vụ	26.945.491.041	-
	Cho vay	15.115.749.141	-
	Thu hồi cho vay	2.000.000.000	-
	Lãi cho vay	646.672.967	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Vay	16.350.000.000	5.000.000.000
	Mua hàng	4.954.804.400	8.184.900.000
	Cho vay	3.850.000.000	-
	Thu hồi cho vay	3.850.000.000	-
	Trả vay	2.910.000.000	4.900.000.000
	Góp vốn	2.000.000.000	18.000.000.000
	Lãi vay	383.089.315	11.901.370
	Lãi cho vay	42.115.069	-
Tây An Khánh	Cho vay	21.120.000.000	-
	Thu hồi cho vay	1.470.000.000	-
	Lãi cho vay	356.919.452	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Góp vốn	30.000.000.000	-
	Vay	30.000.000.000	-
	Lãi vay	1.767.244.930	-
	Trả vay	90.000.000	-
Siba Food Việt Nam	Bán sản phẩm từ heo	182.241.255.181	183.563.188.988
	Mua hàng hóa	56.968.718.202	7.463.300.626
Siba Tech	Mua hàng	34.836.457.313	3.183.682.800
	Bán hàng	1.602.300	-
A An	Bán hàng	6.212.591.700	-
	Mua hàng hóa	7.000.000	175.899.450
Tân Long	Bán nông sản	210.284.600	9.972.000
Solacons	Mua hàng	1.197.271.724	-
Siba Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	98.774.930.000	-
	Mua cổ phiếu	40.048.420.000	-
Bà Bùi Hương Giang	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.937.300.000	-
	Mua cổ phiếu	3.000.000.000	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Ngô Cao Cường	Mua cổ phiếu	900.000.000	-
Ông Lê Xuân Thọ	Mua cổ phiếu	600.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Văn	Mua cổ phiếu	500.000.000	-
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Mua cổ phiếu	300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Mua cổ phiếu	300.000.000	-
Ông Trương Anh Tuấn	Mua cổ phiếu	200.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 01/NQ-BAF ngày 3 tháng 1 năm 2024 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2024.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Chăn nuôi Minh Thành	Bán hàng	118.231.891.820	11.656.820.160
Anh Vũ Phú Yên	Bán hàng	94.788.706.238	120.980.943.068
Bắc An Khánh	Bán hàng	79.388.076.100	-
Siba Food Việt Nam	Bán hàng	51.503.060.237	71.863.962.065
Trang Trại Xanh 1	Bán hàng	43.849.093.160	20.776.016.780
Tân Châu	Bán hàng	31.574.650.660	-
Tâm Hưng	Bán hàng	24.302.568.440	-
Hải Đăng Tây Ninh	Bán hàng	10.009.268.500	-
Đông An Khánh	Bán hàng	9.563.422.383	5.278.100.000
Trang Trại Xanh 2	Bán hàng	8.661.519.910	-
A An	Bán hàng	6.709.599.036	-
Nam An Khánh	Bán hàng	1.338.062.100	420.000.000
Tân Long	Bán hàng	276.020.676	-
Siba Tech	Bán hàng	1.730.484	-
BAF Tây Ninh	Bán hàng	-	6.012.701.654
TỔNG CỘNG		**480.197.669.744**	**236.988.543.727**
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Trang Trại Xanh 2	Cho vay	184.811.195.625	64.946.904.000
Trang Trại Xanh 1	Cho vay	181.268.217.000	148.958.217.000
Hải Đăng Tây Ninh	Cho vay	170.864.237.000	-
Đông An Khánh	Cho vay	128.305.000.000	44.935.000.000
Nam An Khánh	Cho vay	127.275.408.510	25.400.000.000
Bắc An Khánh	Cho vay	115.600.000.000	22.315.000.000
Anh Vũ Phú Yên	Cho vay	98.215.680.090	59.780.000.000
Tân Châu	Cho vay	72.669.412.603	44.139.412.603
Chăn nuôi Minh Thành	Cho vay	51.130.000.000	8.970.000.000
Tâm Hưng	Cho vay	43.065.443.835	15.010.000.000
BAF Tây Ninh	Cho vay	40.000.000.000	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Cho vay	38.178.606.034	32.668.606.034
Tây An Khánh	Cho vay	19.650.000.000	-
Logistic BAF	Cho vay	13.115.749.141	-
TỔNG CỘNG		**1.284.148.949.838**	**467.123.139.637**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Trả trước tiền mua hàng hóa	6.672.053.139	15.328.410.573
Solacons	Trả trước tiền mua hàng hóa	-	229.090.909
Chăn nuôi Kim Hợi	Tạm ứng thuê trại	-	50.000.000
Đông An Khánh	Trả trước tiền mua hàng hóa	-	3.884.750
TỔNG CỘNG		**6.672.053.139**	**15.611.386.232**
Phải thu ngắn hạn khác			
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	21.439.391.751	19.640.362.522
Trang Trại Xanh 1	Lãi cho vay	20.101.497.077	10.355.748.494
	Cổ tức	-	19.600.000.000
Anh Vũ Phú Yên	Lãi cho vay	14.226.244.201	9.596.692.604
	Cổ tức	-	30.000.000.000
Trang Trại Xanh 2	Lãi cho vay	8.690.165.156	1.901.123.346
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Lãi cho vay	6.397.771.096	4.540.512.362
Chăn nuôi Minh Thành	Lãi cho vay	5.783.642.528	3.431.877.596
	Cổ tức	-	29.400.000.000
	Chi hộ	-	1.778.325.001
Đông An Khánh	Lãi cho vay	4.759.765.205	3.128.528.562
Tân Châu	Lãi cho vay	4.297.040.277	678.861.918
Hải Đăng Tây Ninh	Lãi cho vay	4.240.338.655	-
Nam An Khánh	Lãi cho vay	3.444.150.878	436.395.616
Logistic BAF	Lãi cho vay	1.048.828.980	-
Bắc An Khánh	Lãi cho vay	1.024.942.095	742.271.508
Tâm Hưng	Lãi cho vay	334.617.272	229.150.684
Tây An Khánh	Lãi cho vay	352.438.357	-
BAF Tây Ninh	Lãi cho vay	177.534.247	-
	Cổ tức	-	19.800.000.000
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Khác	45.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG		**96.363.367.775**	**155.294.850.213**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu dài hạn khác			
Chăn nuôi Kim Hợi	Đặt cọc	11.280.000.000	11.280.000.000
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Đặt cọc	2.800.000.000	2.800.000.000
TỔNG CỘNG		**14.080.000.000**	**14.080.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn			
BAF Tây Ninh	Mua hàng	270.724.694.586	81.060.332.286
Bắc An Khánh	Mua hàng	192.770.936.860	162.150.000
Chăn nuôi Minh Thành	Mua hàng	152.103.271.013	17.959.711.544
Trang Trại Xanh 2	Mua hàng	58.469.768.410	-
Nam An Khánh	Mua hàng	56.987.048.310	-
Siba Food Việt Nam	Mua hàng	29.479.651.208	4.486.836.009
Anh Vũ Phú Yên	Mua hàng	28.736.982.173	19.064.213.804
Trang Trại Xanh 1	Mua hàng	25.477.854.020	13.325.916.500
Đông An Khánh	Mua hàng	20.377.130.595	1.676.508.250
Tân Châu	Mua hàng	8.495.930.000	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Mua hàng	5.152.186.582	5.485.725.000
Hải Đăng Tây Ninh	Mua hàng	4.501.778.500	-
Logistic BAF	Sử dụng dịch vụ	3.255.152.976	-
Tâm Hưng	Mua hàng	1.614.358.000	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Sử dụng dịch vụ	834.000.000	562.000.000
Solacons	Mua hàng	704.993.636	-
Tân Long	Mua hàng	182.084.109	182.084.109
A An	Mua hàng	-	3.359.988
TỔNG CỘNG		**859.867.820.978**	**143.968.837.490**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo)			
BAF Bình Định	Lãi vay	14.977.170.478	9.728.634.551
Sông Hinh	Lãi vay	6.599.804.385	6.094.650.412
Thiên Phú Sơn	Lãi vay	5.515.893.702	2.695.122.743
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Lãi vay	1.767.244.930	-
BAF Meat Bình Phước	Lãi vay	1.013.615.674	524.825.755
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Lãi vay	383.089.315	11.901.943
Chăn nuôi Kim Hợi	Lãi vay	111.336.588	-
Hải Đăng Tây Ninh	Lãi vay	-	4.635.102.862
Tâm Hưng	Lãi vay	-	360.770.959
BAF Tây Ninh	Lãi vay	-	300.000.000
Siba Food Việt Nam	Lãi vay	-	27.481.800
TỔNG CỘNG		**30.368.155.072**	**24.378.491.025**
Vay ngắn hạn			
BAF Bình Định	Vay	82.905.119.000	88.775.119.000
Thiên Phú Sơn	Vay	46.690.000.000	47.240.000.000
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Vay	29.910.000.000	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Vay	13.540.000.000	100.000.000
Meat Bình Phước	Vay	7.842.000.000	8.645.000.000
Sông Hinh	Vay	3.595.000.000	26.745.000.000
Chăn nuôi Kim Hợi	Vay	771.900.000	-
Hải Đăng Tây Ninh	Vay	-	30.201.942.000
TỔNG CỘNG		**185.254.019.000**	**201.707.061.000**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ"):

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Trương Sỹ Bá	108.000.000	120.000.000
Bà Bùi Hương Giang	710.776.927	675.800.000
Ông Phan Ngọc Ân	-	283.419.230
Ông Nguyễn Duy Tân	15.934.426	48.000.000
Ông Lê Xuân Thọ	64.800.000	72.000.000
Ông Bùi Quang Huy	-	72.000.000
Ông Prasad Gopalan	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tân	44.262.295	-
Ông Trương Anh Tuấn	480.156.748	-
Ông Nguyễn Văn Non	-	317.769.232
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	433.576.923
Ông Ngô Cao Cường	588.388.229	-
Ông Nguyễn Văn Minh	48.645.769	-
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	43.200.000	-
Ông Nguyễn Thanh Hải	-	204.380.769
Bà Dương Thị Hồng Tân	-	179.860.683
Bà Lưu Ngọc Trâm	27.000.000	2.500.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	488.921.254	463.719.231
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	351.871.062	-
TỔNG CỘNG	**2.971.956.710**	**2.873.026.068**

33. CÁC CAM KẾT

33.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	302.143.304.698	264.546.249.836
Từ 1 năm đến 5 năm	1.102.287.291.156	981.754.841.564
Trên 5 năm	1.824.983.780.116	1.767.968.409.091
TỔNG CỘNG	**3.229.414.375.970**	**3.014.269.500.491**

33. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

33.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Gial Xuân	630.414.122.607	241.149.856.918

33.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 7)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty TNHH Hòa Phát Bồn	235.000.000.000	205.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi CNC Thành Đạt Gia Lai	63.860.000.000	38.728.278.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Tuyết Hoa Đắk Lắk	50.000.000.000	42.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	28.962.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	24.005.453.750
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	28.963.707.500
TỔNG CỘNG	**718.700.000.000**	**594.471.357.500**

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 70,00% vốn góp tại Công ty TNHH Hòa Phát Bốn. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13012025A/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 60,00% vốn góp tại Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13012025B/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 60,00% vốn góp tại Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ/HĐQT, thông qua việc thành lập các công ty con của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Tây Ninh bao gồm: Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1, Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2 và Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh 1. Việc thành lập các công ty này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 100,00% vốn góp tại Công ty TNHH Xuân Nghi Phát. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này

Theo Văn bản số 531/UBCK-QLCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 75/2024/ĐKCB-GĐKCB ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Cổ đông số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Công ty. Theo đó, Công ty chào bán 65 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá phát hành 15.500 đồng/cổ phiếu, dự kiến số tiền thu được là 1.007,5 tỷ đồng. Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán, số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 65 triệu cổ phiếu, thu về 1.007,5 tỷ đồng và đã được UBCKNN chấp thuận kết quả chào bán theo công văn số 521/UBCKNN-QLCB ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên và sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Vũ Thị Đan Thùy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng năm 2024 trước và sau kiểm toán	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng năm 2024 trước và sau kiểm toán như sau:

Tại Báo cái tài chính riêng năm 2024 trước và sau kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2024 sau kiểm toán (VND)	Năm 2024 trước kiểm toán (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	355.071.676.816	395.173.133.994	(40.101.457.178)	-10%

Nguyên nhân chênh lệch:

Chênh lệch LNST trước và sau kiểm toán chủ yếu phát sinh từ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được điều chỉnh tăng thêm. Nguyên nhân điều chỉnh chủ yếu đến từ việc đơn vị kiểm toán rà soát, đánh giá lại tính hợp lệ của một số khoản mục chi phí trong kỳ, dẫn đến điều chỉnh giảm chi phí được khấu trừ thuế, từ đó làm tăng nghĩa vụ thuế TNDN hiện hành.

Việc điều chỉnh này được thực hiện trên nguyên tắc thận trọng, nhằm đảm bảo Công ty không bỏ sót nghĩa vụ thuế và giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn trong công tác quyết toán sau này. Và cũng cần lưu ý rằng số thuế TNDN ghi nhận tăng thêm chỉ mang tính chất tạm tính trên báo cáo tài chính, và kết quả cuối cùng vẫn sẽ phụ thuộc vào kết luận chính thức từ cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đã thực hiện nộp phần thuế này theo quy định hiện hành. Đồng thời, chúng tôi cam kết tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế và đơn vị kiểm toán, đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và pháp luật hiện hành, hướng đến sự minh bạch, chính xác và nhất quán trong công bố thông tin tài chính.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán so với năm 2023	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán so với năm 2023 như sau:

Tại Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	355.071.676.816	50.375.678.813	304.695.998.003	605%

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 cải thiện đáng kể so với năm 2023 là do một số nguyên nhân sau:

- Thị trường giá heo trong 2024 tăng cao và duy trì ở mức trên 60.000 đ/kg, xu hướng tiệm cận 70.000 đ/kg.
- Sản lượng heo của BaF năm 2024 cao hơn gần gấp 2 lần so với năm trước.
- Trong quý 4/2024, mặc dù ngành chăn nuôi tiếp tục đối mặt với tình hình dịch bệnh căng thẳng và thiên tai bão lũ diễn biến phức tạp... công ty đã triển khai các biện pháp kiểm soát kịp thời giúp hạn chế tối đa các thiệt hại.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất thức ăn chăn nuôi trong năm 2024 cũng đã giảm so với giai đoạn trước và duy trì nền thấp, góp phần giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả chăn nuôi.
- Ngoài ra chênh lệch lợi nhuận luỹ kế 12 tháng, một phần đã được giải thích trong quý 1 từ khoản lợi nhuận đáng kể đã được ghi nhận từ việc bán lô đất Mai Chí Thọ. Khu đất này ban đầu được dự định để phát triển tòa nhà văn phòng mới của BaF. Tuy nhiên, với việc công ty chuyển đến địa điểm hiện tại phù hợp hơn vào năm 2023, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, việc giữ lại tài sản được cho là không cần thiết, Công ty đã quyết định chuyển nhượng để tập trung nguồn lực vào kinh doanh chăn nuôi cốt lõi.

Với chiến lược đầu tư bài bản chuyên nghiệp ngay từ đầu, Công ty tập trung tối ưu hiệu suất chăn nuôi, kiểm soát chi phí để gia tăng hiệu quả hoạt động và duy trì mức giá vốn thấp hơn tiêu chuẩn ngành, mục tiêu giữ vững đàn heo tránh dịch bệnh và tiếp tục tăng trưởng quy mô theo kế hoạch đề ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.
Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

EY

Shape the future
with confidence

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 57

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 651/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Long An và Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch	
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên	
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên không điều hành	
Ông Prasad Gopalan	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2024
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0107755944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12943524/67717899-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9223 quyển số 07 -SCT/BS
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN SƠN HÀ

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.081.018.989.584**	**3.148.011.879.041**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***148.911.935.224***	***95.165.075.409***
111	1. Tiền		146.361.935.224	92.615.075.409
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.550.000.000	2.550.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***290.692.994.520***	***326.525.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	290.692.994.520	326.525.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***444.109.706.085***	***1.105.065.760.580***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	188.713.231.186	890.459.855.304
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	197.401.601.586	149.730.153.663
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		75.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	62.184.888.730	66.104.050.466
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9, 10	(4.266.008.550)	(4.266.008.550)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		993.133	3.037.709.697
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***2.156.075.218.789***	***1.592.961.230.786***
141	1. Hàng tồn kho		2.156.075.218.789	1.592.961.230.786
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***41.229.134.966***	***28.294.612.266***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	24.697.495.919	23.690.333.542
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	22	13.170.833.545	3.971.475.355
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	3.360.805.502	632.803.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.368.011.054.921**	**3.385.649.016.789**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***223.711.119.764***	***120.476.649.201***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	375.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	223.711.119.764	120.101.649.201
220	***II. Tài sản cố định***		***2.394.359.900.776***	***1.617.376.013.205***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.370.091.495.437	1.430.155.467.474
222	Nguyên giá		2.799.386.400.242	1.686.171.058.387
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(429.294.904.805)	(256.015.590.913)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	18.544.007.818	-
225	Nguyên giá		19.505.272.157	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(961.264.339)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	5.724.397.521	187.220.545.731
228	Nguyên giá		12.851.946.000	192.815.486.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.127.548.479)	(5.594.940.269)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***891.504.067.834***	***901.789.996.097***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	891.504.067.834	901.789.996.097
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***858.435.966.547***	***746.006.358.286***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	848.366.480.327	707.342.510.635
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	7.911.525.964	36.126.941.345
269	3. Lợi thế thương mại	18	2.157.960.256	2.536.906.306
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.449.030.044.505**	**6.533.660.695.830**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**4.513.278.390.887**	**4.625.338.672.211**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.064.578.385.158***	***3.011.074.968.540***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	1.771.091.171.271	2.187.521.274.611
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	5.276.042.960	30.840.012.570
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	62.323.789.180	19.309.184.410
314	4. Phải trả người lao động		38.579.689.556	18.810.434.836
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	47.170.294.972	36.763.167.773
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	1.430.410.268	14.167.578.875
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1.138.706.986.931	703.663.315.465
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.448.700.005.729***	***1.614.263.703.671***
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	965.305.230.814	1.156.062.173.955
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	23	475.246.584.653	452.505.553.270
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	8.148.190.262	5.695.976.446
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.935.751.653.618**	**1.908.322.023.619**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***2.935.751.653.618***	***1.908.322.023.619***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.390.216.420.000*	*1.435.200.000.000*
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	24.1	137.648.613.977	137.648.613.977
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	398.258.489.337	324.866.540.588
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*80.886.120.588*	*298.655.201.455*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*317.372.368.749*	*26.211.339.133*
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	9.628.130.304	10.606.869.054
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**7.449.030.044.505**	**6.533.660.695.830**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	5.641.031.044.668	5.204.230.720.499
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(345.310.400)	(5.445.425.109)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	5.640.685.734.268	5.198.785.295.390
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(4.924.408.550.657)	(4.855.521.787.959)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		716.277.183.611	343.263.507.431
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	22.223.669.006	37.934.219.785
22	7. Chi phí tài chính	27	(222.236.807.563)	(155.387.524.067)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(200.749.516.378)*	*(141.443.303.310)*
25	8. Chi phí bán hàng	29	(76.630.177.559)	(93.220.306.421)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(137.280.743.174)	(99.534.558.673)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		302.353.124.321	33.055.338.055
31	11. Thu nhập khác	30	110.219.000.409	1.343.245.199
32	12. Chi phí khác	30	(6.323.112.507)	(9.879.100.156)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	30	103.895.887.902	(8.535.854.957)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		406.249.012.223	24.519.483.098
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(56.645.068.978)	(21.653.807.003)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	(30.667.629.197)	27.459.673.633
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		318.936.314.048	30.325.349.728
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	24.1	317.047.520.186	26.375.283.530
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	1.888.793.862	3.950.066.198
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	1.556	157
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	1.496	157

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**406.249.012.223**	**24.519.483.098**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 18	165.204.122.921	104.628.545.565
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(37.295.358)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại		319.972.344	3.211.194.374
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(113.101.899.121)	(45.194.565.460)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	27	216.557.611.961	151.475.469.147
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**675.228.820.328**	**238.602.831.366**
09	Giảm các khoản phải thu		232.218.560.086	342.296.830.391
10	Tăng hàng tồn kho		(563.113.988.003)	(711.140.016.630)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(374.099.928.174)	125.989.479.314
12	Tăng chi phí trả trước		(48.960.786.479)	(224.416.458.189)
14	Tiền lãi vay đã trả		(197.800.814.533)	(133.084.739.633)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22	(25.039.436.026)	(57.951.899.292)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.631.757.785	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(291.935.815.016)**	**(419.703.972.673)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(797.683.567.007)	(1.011.505.391.119)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		294.086.397.917	23.856.502.596
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(302.867.994.520)	(266.525.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		339.000.000.000	42.187.924.989
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(127.228.642.500)	-
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	44.100.000.000
27	Lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức được chia		20.878.934.597	12.634.837.514
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(573.814.871.513)**	**(1.155.251.126.020)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi	24.1	711.036.000.000	137.648.613.977
	-Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		*711.036.000.000*	-
	-Tiền thu từ phần quyền chọn của trái phiếu chuyển đổi		-	*137.648.613.977*
33	Tiền thu từ đi vay	23	2.094.667.207.221	2.140.147.505.502
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(1.879.603.287.627)	(759.050.421.253)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	23	(2.317.066.160)	-
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(4.320.000.000)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**919.462.853.434**	**1.518.745.698.326**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**53.712.166.905**	**(56.209.400.367)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**95.165.075.409**	**151.374.475.776**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		34.692.910	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**148.911.935.224**	**95.165.075.409**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nội, Long An và Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.125 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.542 người).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 22 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 20 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Phú Yên	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,27%	99,27%	99,27%	99,27%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,60%	100,00%	99,60%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,60%	100,00%	99,60%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Phú Yên	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
(12) Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Bình Định	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	98,55%	98,55%	98,55%	98,55%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Bình Phước")	Bình Phước	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,90%	99,98%	99,90%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,90%	99,95%	99,90%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Bình Phước	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Bình Phước	Chăn nuôi	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	90,00%	100,00%	90,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Giá mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm máy tính	3 – 10 năm
Gia súc	4 năm

3.8 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Gia súc;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Khác

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đã ký. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại tương ứng của các hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Mua tài sản

Nhóm Công ty mua các công ty con có sở hữu tài sản và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Nhóm Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.11 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Trái phiếu phát hành*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết gia đình của họ.

3.21 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, mà chỉ trình bày thông tin theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty tại *Thuyết minh số 35*.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Mua Công ty Tây An Khánh*

Vào ngày 29 tháng 1 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Tây An Khánh từ bên thứ ba với tổng giá mua là 55.799.620.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 2 năm 2023. Theo đó, Tây An Khánh trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Tây An Khánh sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Tây An Khánh từ giao dịch này là 36.167.435.583 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Tây An Khánh nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

4.2 *Mua Công ty Thanh Xuân*

Vào ngày 6 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Thanh Xuân từ bên thứ ba với tổng giá mua là 85.750.949.566 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 26/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2024. Theo đó, Thanh Xuân trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Thanh Xuân sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại Thôn Thanh Bình, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Thanh Xuân từ giao dịch này là 42.960.788.724 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Thanh Xuân nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	43.460.000	2.031.641.941
Tiền gửi ngân hàng	146.318.475.224	90.583.433.468
Các khoản tương đương tiền *(*)*	2.550.000.000	2.550.000.000
TỔNG CỘNG	**148.911.935.224**	**95.165.075.409**

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất 3,15%/năm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:		
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	243.980.200.000	-

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, và Ngân hàng TMCP Tiên Phong có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 3,50% đến 5,70%/năm. Công ty đã sử dụng một phần khoản tiền gửi này để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên khác	130.173.086.209	818.507.786.113
Công ty Cổ phần Việt Phi	*121.687.811.000*	-
Công ty Cổ phần Điều Organic Bissau	-	*383.088.754.500*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Bảo Lâm	-	*266.080.131.000*
Công ty Cổ phần Kho vận An Phú	-	*146.596.623.000*
Các bên khác	*8.485.275.209*	*22.742.277.613*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	58.540.144.977	71.952.069.191
TỔNG CỘNG	**188.713.231.186**	**890.459.855.304**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	178.182.654.064	86.957.469.453
Bà Lê Thị Tuyết (*)	*40.000.000.000*	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo (*)	*30.000.000.000*	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Xuất Nhập Khẩu Thành Đạt (*)	*15.079.033.200*	-
Ông Ngô Văn Thắng (*)	*10.994.546.250*	-
Ông Dương Đình Quang (*)	*6.037.103.250*	-
Bà Nguyễn Hà Anh (*)	*6.036.292.500*	-
Ông Lê Huy Việt (*)	*6.028.978.500*	-
Ông Nguyễn Văn Thiên (*)	*5.026.344.400*	-
Ông Nguyễn Văn Hùng (*)	*5.026.344.400*	-
Ông Nguyễn Như Vương (*)	*3.000.000.000*	-
Ông Nguyễn Cửu Long	-	*22.345.029.000*
Công ty TNHH Pigtek Việt Nam	-	*12.614.051.519*
Ông Phạm Hùng Thắng	-	*8.378.343.000*
Công ty TNHH Công Nghệ Phú Lộc	-	*5.379.120.000*
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Green	-	*5.179.465.620*
Các bên khác	*50.954.011.564*	*33.061.460.314*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	19.218.947.522	62.772.684.210
TỔNG CỘNG	**197.401.601.586**	**149.730.153.663**

(*) Đây là các khoản trả trước cho người bán nhằm mục đích mua các công ty con. *(Thuyết minh số 36.3)*. Ngoài ra, các nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này *(Thuyết minh số 37)*.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**62.184.888.730**	**66.104.050.466**
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	21.493.391.751	19.640.362.522
Phải thu từ hợp đồng mua heo với Genesus. Inc	14.607.264.417	13.851.129.199
Tạm ứng nhân viên	5.159.528.406	8.697.462.155
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	4.188.990.639	11.564.882.519
Ký quỹ	3.974.504.400	-
Khác	12.761.209.117	12.350.214.071
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*21.493.391.751*	*19.640.362.522*
Các bên khác	*40.691.496.979*	*46.463.687.944*
Dài hạn	**223.711.119.764**	**120.101.649.201**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	223.711.119.764	120.101.649.201
TỔNG CỘNG	**285.896.008.494**	**186.205.699.667**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 10)*	(4.266.008.550)	(4.266.008.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	**281.629.999.944**	**181.939.691.117**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.266.008.550	4.303.303.908
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(37.295.358)
Số cuối năm	4.266.008.550	4.266.008.550

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
AG World International Corporation	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160
Khác	2.335.623.819	1.857.579.390	2.335.623.819	1.857.579.390
TỔNG CỘNG	**4.744.052.979**	**4.266.008.550**	**4.744.052.979**	**4.266.008.550**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.920.259.929.631	1.382.341.178.279
Nguyên vật liệu	175.243.324.601	168.982.315.547
Công cụ, dụng cụ	26.468.055.074	13.608.436.631
Thành phẩm	24.139.170.455	10.836.948.174
Hàng mua đang đi trên đường	9.722.965.220	16.797.927.597
Hàng hóa	241.773.808	394.422.558
TỔNG CỘNG	**2.156.075.218.789**	**1.592.961.230.786**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Gia súc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.284.816.993.218	321.540.603.896	52.975.310.726	16.507.523.242	10.330.627.305	1.686.171.058.387
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	739.315.120.172	150.740.927.838	12.944.673.388	-	15.231.372.373	918.232.093.771
Tăng do mua công ty con	31.125.528.509	27.254.186.079	-	-	-	58.379.714.588
Mua mới trong năm	30.131.271.250	117.991.381.797	379.792.246	12.830.330.070	9.161.983.512	170.494.758.875
Thanh lý	(1.286.836.911)	(19.917.533.000)	(814.089.415)	-	(11.872.766.053)	(33.891.225.379)
Số cuối năm	2.084.102.076.238	597.609.566.610	65.485.686.945	29.337.853.312	22.851.217.137	2.799.386.400.242
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*4.473.289.191*	*8.684.171.980*	*120.717.000*	*584.802.714*	*309.350.578*	*14.172.331.463*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(186.862.792.457)	(46.099.345.425)	(16.414.010.185)	(3.270.437.204)	(3.369.005.642)	(256.015.590.913)
Khấu hao trong năm	(101.770.073.657)	(44.856.296.147)	(8.329.692.796)	(2.554.755.582)	(4.701.910.600)	(162.212.728.782)
Tăng do mua công ty con	(17.586.207.624)	-	-	-	-	(17.586.207.624)
Thanh lý	6.051.411	491.224.884	2.070.095.032	-	3.952.251.187	6.519.622.514
Số cuối năm	(306.213.022.327)	(90.464.416.688)	(22.673.607.949)	(5.825.192.786)	(4.118.665.055)	(429.294.904.805)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.097.954.200.761	275.441.258.471	36.561.300.541	13.237.086.038	6.961.621.663	1.430.155.467.474
Số cuối năm	1.777.889.053.911	507.145.149.922	42.812.078.996	23.512.660.526	18.732.552.082	2.370.091.495.437
Trong đó						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 23)	*1.406.909.628.751*	*290.452.571.542*	-	*6.970.344.224*	*3.975.582.556*	*1.708.308.127.073*

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	19.505.272.157
Số cuối năm	19.505.272.157
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Hao mòn trong năm	(961.264.339)
Số cuối năm	(961.264.339)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	18.544.007.818

Theo hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 23.5.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	180.849.310.000	11.966.176.000	192.815.486.000
Mua mới trong năm	-	885.770.000	885.770.000
Thanh lý	(180.849.310.000)	-	(180.849.310.000)
Số cuối năm	-	12.851.946.000	12.851.946.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*730.250.000*	*730.250.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(95.476.405)	(5.499.463.864)	(5.594.940.269)
Hao mòn trong năm	(23.099.135)	(1.628.084.615)	(1.651.183.750)
Thanh lý	118.575.540	-	118.575.540
Số cuối năm	-	(7.127.548.479)	(7.127.548.479)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	180.753.833.595	6.466.712.136	187.220.545.731
Số cuối năm	-	5.724.397.521	5.724.397.521

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Xây dựng trại Hải Đăng Tây Ninh	473.032.298.360	217.785.849.918
Xây dựng trại Giai Xuân	90.032.182.796	58.549.915.147
Con giống	73.497.695.905	130.901.702.193
Xây dựng trại Tâm Hưng	47.339.379.533	54.771.520.151
Xây dựng trại Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh	36.593.012.147	9.487.875.860
Xây dựng trại Tân Châu	29.653.250.824	76.210.490.927
Xây dựng trại Tây An Khánh	17.864.951.817	-
Xây dựng trại Đông An Khánh	14.061.358.911	29.994.484.675
Xây dựng trại Bắc An Khánh	13.997.695.588	160.937.681.871
Xây dựng trại Sông Hinh	13.112.629.939	-
Phần mềm SAP	13.140.273.650	-
Xây dựng trung tâm bán heo MB	11.791.567.954	-
Xây dựng trại Cụm Bá Thước	11.122.349.400	-
Xây dựng trại Nam An Khánh	8.533.846.882	6.886.662.231
Xây dựng trại Quyên Linh	6.418.169.023	-
Xây dựng trại Anh Vũ Phú Yên	4.279.307.017	8.553.863.967
Xây dựng trại Trang Trại Xanh 2	-	125.938.143.304
Khác	27.034.098.088	21.771.805.853
TỔNG CỘNG	**891.504.067.834**	**901.789.996.097**

Nhóm Công ty đã sử dụng các dự án Đầu tư Trang trại bao gồm Anh Vũ Phú Yên, Trang Trại Xanh 1, Đông An Khánh, Nam An Khánh, Tâm Hưng, Kim Hơi, Bắc An Khanh, Tân Châu và BAF Tây Ninh để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23)*.

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 17.115.773.544 VND (2023: 25.948.927.032 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án Đầu tư Trang trại của Nhóm Công ty.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**24.697.495.919**	**23.690.333.542**
Công cụ, dụng cụ	10.857.358.203	7.164.255.076
Khác	13.840.137.716	16.526.078.466
Dài hạn	**848.366.480.327**	**707.342.510.635**
Gia súc	392.147.544.263	353.500.365.011
Thuê đất *(*)*	370.151.750.132	305.427.676.597
Công cụ, dụng cụ	46.739.058.184	20.521.760.879
Chi phí tư vấn	10.183.897.652	9.919.638.516
Chi phí cải tạo và sửa chữa	9.425.287.377	7.327.060.751
Chi phí thu xếp và bảo lãnh khoản vay ngân hàng	6.190.729.435	7.053.571.429
Chi phí tài trợ	3.333.333.333	-
Khác	10.194.879.951	3.592.437.452
TỔNG CỘNG	**873.063.976.246**	**731.032.844.177**

(*) Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23)*.

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Nguyên giá:		
Số đầu năm và số cuối năm	3.789.460.500	3.789.460.500
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm	(1.252.554.194)	(873.608.144)
Phân bổ trong năm	(378.946.050)	(378.946.050)
Số cuối năm	(1.631.500.244)	(1.252.554.194)
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	2.536.906.306	2.915.852.356
Số cuối năm	2.157.960.256	2.536.906.306

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

19.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các bên khác	1.562.359.069.479	2.159.689.714.864
Công ty Cổ phần Cbot Việt Nam	*461.403.046.800*	*99.643.557.000*
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	*345.918.789.340*	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp Bảo Lộc	*316.855.022.050*	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	*158.540.603.000*	*373.804.077.895*
Công ty Cổ phần Hum	*827.860.000*	*196.200.124.000*
Công ty Cổ phần Nông sản Tzan Quốc tế	-	*320.049.249.300*
Công ty Cổ phần Nông sản Mogb Quốc tế	-	*290.096.321.550*
Công ty cổ phần Nông sản Cavi Việt Nam	-	*254.544.283.000*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp An Điền	-	*162.451.748.650*
Công ty Cổ phần Otran Logistics	-	*71.515.617.400*
Các bên khác	*278.813.748.289*	*391.384.736.069*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	208.732.101.792	27.831.559.747
TỔNG CỘNG	**1.771.091.171.271**	**2.187.521.274.611**

19.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác trả trước	5.195.384.460	30.840.012.570
Công ty TNHH CJ Vina Agri - Chi Nhánh Bình Dương	*3.583.548.387*	-
Ông Nguyễn Văn Dương	*450.239.000*	-
Ông Phạm Văn Linh	*385.103.140*	-
Công ty Cổ phần Nông sản Phú Nông	-	*30.000.000.000*
Các bên khác	*776.493.933*	*840.012.570*
Trả trước từ bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	80.658.500	-
TỔNG CỘNG	**5.276.042.960**	**30.840.012.570**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	29.835.514.861	26.851.702.620
Chi phí điện nước	5.496.341.606	3.322.093.715
Chi phí xử lý nước thải	3.040.775.090	-
Chi phí gia công	2.991.739.498	218.132.401
Chi phí vận chuyển	854.706.060	525.652.480
Chi phí đi thuê	-	2.404.050.000
Khác	4.951.217.857	3.441.536.557
TỔNG CỘNG	**47.170.294.972**	**36.763.167.773**

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Kinh phí công đoàn	*1.046.825.900*	2.990.171.856
Phải trả cổ tức	-	4.320.000.000
Khác	383.584.388	6.857.407.019
TỔNG CỘNG	**1.430.410.288**	**14.167.578.875**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*1.430.410.288*	*14.140.097.077*
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)	-	*27.481.798*

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.971.475.355	16.448.571.898	(7.249.213.708)	13.170.833.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	628.988.543	3.358.898.089	(628.988.543)	3.358.898.089
Thuế thu nhập cá nhân	3.814.826	-	(1.907.413)	1.907.413
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**4.604.278.724**	**19.810.469.987**	**(7.883.109.664)**	**16.531.639.047**
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.303.630.941	60.003.967.067	(21.680.537.937)	55.627.060.071
Thuế giá trị gia tăng	1.286.586.942	13.981.668.781	(11.134.782.309)	4.133.473.414
Thuế thu nhập cá nhân	717.059.114	9.020.951.833	(7.181.778.471)	2.556.232.476
Thuế khác	1.907.413	3.153.983.056	(3.148.867.250)	7.023.219
TỔNG CỘNG	**19.309.184.410**	**86.160.570.737**	**(43.145.965.967)**	**62.323.789.180**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**703.663.315.465**	**1.836.584.277.638**	**(1.827.639.990.505)**	-	-	**426.099.384.435**	**1.138.706.986.931**
Vay ngắn hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	603.820.865.920	1.834.267.211.376	(1.725.480.474.800)	-	-	-	712.607.602.496
Vay ngắn hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.2)*	99.842.449.545	-	(99.842.449.545)	-	-	124.211.111.808	124.211.111.808
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.3)*	-	-	-	-	-	297.541.148.913	297.541.148.913
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.5)*	-	2.317.066.160	(2.317.066.160)	-		4.347.123.714	4.347.123.714
Dài hạn	**1.608.567.727.225**	**277.588.201.842**	**(54.280.363.282)**	**15.772.985.187**	**19.002.648.930**	**(426.099.384.435)**	**1.440.551.815.467**
Vay ngân hàng và các bên khác *(Thuyết minh số 23.2)*	582.891.034.175	260.399.995.845	(54.280.363.282)	-	-	(124.211.111.808)	664.799.554.930
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.3)*	573.171.139.780	-	-	12.034.602.734	-	(297.541.148.913)	287.664.593.601
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.4)*	452.505.553.270	-	-	3.738.382.453	19.002.648.930	-	475.246.584.653
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.5)*	-	17.188.205.997	-	-	-	(4.347.123.714)	12.841.082.283
TỔNG CỘNG	**2.312.231.042.690**	**2.114.172.479.378**	**(1.881.920.353.787)**	**15.772.985.187**	**19.002.648.930**	-	**2.579.258.802.398**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hàng ngắn hạn*

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 6, 12, 15 và 17)*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	320.000.000.000	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 4 năm 2025	4,20 - 6,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 6)* và bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang.
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	100.000.000.000	Ngày 21 tháng 3 năm 2025	6,40	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100.000.000.000	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025	6,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Sở Giao dịch 2	100.000.000.000	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2025 đến ngày 5 tháng 6 năm 2025	7,00	15.000.000 cổ phần tại BAF Tây Ninh thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Ông Nguyễn Văn Đức và Công ty; và Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hóa hình thành trong tương lai của BAF Tây Ninh tại Phường An Hòa, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	61.607.602.496	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	5,90	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Vũng Tàu	31.000.000.000	Từ ngày 5 tháng 9 năm 2025 đến 10 tháng 9 năm 2025	10,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 6)
TỔNG CỘNG	**712.607.602.496**			

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án, trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	160.106.005.482	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 3 năm 2029	9,10 - 9,50	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và toàn bộ heo giống, con heo và heo thịt của Trang Trại Xanh 1 tại Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh và Anh Vũ Phú Yên tại Xã Ea Trol, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên; và
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	266.621.510.283	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 20 tháng 7 năm 2030	9,40-10,50	100.000.000.000 VND vốn góp tại Đông An Khánh và 100.000.000.000 VND vốn góp tại Nam An Khánh thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy và Công ty; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị của Đông An Khánh tại Xã Suối Dây, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh và Nam An Khánh tại Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.
Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh	177.271.826.589	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến ngày 25 tháng 12 năm 2031	5,80 - 7,10	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Bắc An Khánh tại Xã Suối Ngô, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh; và Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Tân Châu tại Xã Suối Ngô, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	28.952.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2025 đến ngày 13 tháng 9 năm 2028	7,50-9,80	Các quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Kim Hợi tại Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tiền Giang	18.573.220.959	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2025 đến ngày 11 tháng 10 năm 2029	8,80-12,20	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Bảo Ngọc tại Xã Ea Huar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Dak Lak.
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao Dịch 2	137.486.103.425	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2025 đến ngày 7 tháng 2 năm 2032	9,00	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Tâm Hưng tại Xã Tân Đông, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh.
	789.010.666.738			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*124.211.111.808*			
Vay dài hạn	*664.799.554.930*			

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 *Trái phiếu*

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 23 tháng 8 năm 2022 và vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND			*(%/năm)*	
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	600.000.000.000	Ngày 23 tháng 8 năm 2025 đến ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(14.794.257.486)				
TỔNG CỘNG	**585.205.742.514**				
Trong đó					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	*297.541.148.913*				
Trái phiếu dài hạn	*287.664.593.601*				

23.4 *Trái phiếu chuyển đổi*

		VND *Số cuối năm*
Giá trị trái phiếu chuyển đổi		600.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 24.1)*		(137.648.613.977)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu		**462.351.386.023**
Cộng:	**Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu**	**32.574.668.820**
	Số đầu năm	13.572.019.890
	Số phân bổ tăng trong năm	19.002.648.930
	Số cuối năm	32.574.668.820
Trừ:	**Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu**	**(19.679.470.190)**
	Số đầu năm	(23.417.852.643)
	Chi phí phát hành trái phiếu	3.738.382.453
	Số phân bổ giảm trong năm	(19.679.470.190)
	Số cuối năm	**475.246.584.653**
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm		**475.246.584.653**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Trái phiếu Chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Nhóm Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Nhóm Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 *Nợ thuê tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính số C240507602 ngày 28 tháng 5 năm 2024 từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease, hợp đồng thuê tài chính số 2024-00130-000 ngày 31 tháng 10 năm 2024 và số 2024-00128-000 ngày 31 tháng 10 năm 2024 từ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính TNHH Quốc tế Việt Nam. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	5.353.996.326	1.006.872.612	4.347.123.714
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Trên 1 – 5 năm	14.326.589.355	1.485.507.072	12.841.082.283
TỔNG CỘNG	**19.680.585.681**	**2.492.379.684**	**17.188.205.997**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:				
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	298.655.201.455	1.733.855.201.455
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	137.648.613.977	-	137.648.613.977
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	26.375.283.530	26.375.283.530
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(163.944.397)	(163.944.397)
Số cuối năm	1.435.200.000.000	137.648.613.977	324.866.540.588	1.897.715.154.565
Năm nay:				
Số đầu năm	1.435.200.000.000	137.648.613.977	324.866.540.588	1.897.715.154.565
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(i)*	684.256.000.000	-	-	684.256.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	317.047.520.186	317.047.520.186
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty ("ESOP") (ii	26.780.000.000	-	-	26.780.000.000
Cổ tức công bố *(ii)*	243.980.420.000	-	(243.980.420.000)	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	324.848.563	324.848.563
Số cuối năm	2.390.216.420.000	137.648.613.977	398.258.489.337	2.926.123.523.314

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") Thường niên số 10.05.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07.12.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 26.04.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên ("ESOP") và phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Nhóm Công ty đã triển khai phương án phát hành như sau:

Theo Nghị quyết Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 16.11.2023/NQ – HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2023, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 5 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Nhóm Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 68.425.600 cổ phần ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 68.425.600 cổ phiếu ra công chúng cho các cổ đông hiện hữu vào ngày 1 tháng 7 năm 2024.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Theo Nghị quyết HĐQT số 13.05.2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2024, Nghị quyết HĐQT số 14.05.2024/NQ - HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2024, Công văn số 3379/UBCKNN-QLCB ngày 29 tháng 5 năm 2024 của UBCKNN, Nhóm Công ty đã thông qua việc phát hành 2.678.000 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên có tên trong danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình ESOP với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phân phối 2.678.000 cổ phiếu cho người lao động vào ngày 2 tháng 7 năm 2024.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 22.01.2024/NQ - HĐQT ngày 22 tháng 1 năm 2024, Công văn số 2649/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 4 năm 2024 của UBCKNN, Nhóm Công ty đã thông qua việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 24.398.400 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 17%. Theo đó, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng phát hành thêm là 24.398.400 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 20 tháng 5 năm 2024

Vào ngày 7 tháng 8 năm 2024, Nhóm Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt số vốn điều lệ mới là 2.390.216.420.000 VND.

24.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	40,031	581.029.000.000	58.102.900	40,484
Bà Bùi Hương Giang	79.987.550.000	7.998.755	3,346	46.690.000.000	4.669.000	3,253
Cổ đông khác	1.353.409.520.000	135.340.952	56,623	807.481.000.000	80.748.100	56,363
TỔNG CỘNG	**2.390.216.420.000**	**239.021.642**	**100,000**	**1.435.200.000.000**	**143.520.000**	**100,000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp của các cổ đông		
Số đầu năm	1.435.200.000.000	1.435.200.000.000
Tăng trong năm	955.016.420.000	-
Số cuối năm	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	*243.980.420.000*	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	*243.980.420.000*	-

24.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu phổ thông	*239.021.642*	*143.520.000*
Cổ phiếu đang lưu hành	239.021.642	143.520.000
Cổ phiếu phổ thông	*239.021.642*	*143.520.000*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vốn điều lệ đã góp	9.766.917.388	9.762.650.000
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(138.787.084)	5.164.219.054
Cổ tức đã chia lũy kế	-	(4.320.000.000)
TỔNG CỘNG	**9.628.130.304**	**10.606.869.054**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	10.606.869.054	8.812.858.459
Tăng do thành lập hoặc mua các công ty con	4.267.388	2.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	1.888.793.862	3.950.066.198
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	(2.871.800.000)	163.944.397
Cổ tức chia cho cổ công không kiểm soát	-	(4.320.000.000)
Số cuối năm	9.628.130.304	10.606.869.054

26. DOANH THU

26.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**5.641.031.044.668**	**5.204.230.720.499**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*3.328.279.587.321*	*1.209.866.958.051*
Doanh thu bán nông sản	*2.301.658.870.470*	*3.934.989.047.800*
Doanh thu bán cám	*10.852.533.200*	*35.195.735.944*
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	*23.856.502.596*
Doanh thu cho thuê	-	*90.000.001*
Doanh thu khác	*240.053.677*	*232.476.107*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(345.310.400)**	**(5.445.425.109)**
Chiết khấu thương mại	*(345.310.400)*	*(5.346.019.109)*
Giảm giá hàng bán	-	*(54.900.000)*
Hàng bán bị trả lại	-	*(44.506.000)*
Doanh thu thuần	**5.640.685.734.268**	**5.198.785.295.390**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*5.452.013.727.883*	*5.015.212.134.402*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*188.672.006.385*	*183.573.160.988*

26.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi và cho vay	13.503.042.717	21.338.717.293
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.707.288.604	306.986.909
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	14.594.027.538
Khác	3.013.337.685	1.694.488.045
TỔNG CỘNG	**22.223.669.006**	**37.934.219.785**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	200.784.626.774	141.443.303.310
Chi phí phát hành trái phiếu	15.772.985.187	10.032.165.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.457.797.742	3.435.226.350
Khác	221.397.860	476.828.570
TỔNG CỘNG	**222.236.807.563**	**155.387.524.067**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	2.652.127.541.576	951.584.602.349
Giá vốn bán nông sản	2.255.882.309.090	3.856.224.883.195
Giá vốn bán cám	16.033.201.175	32.872.817.372
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	14.594.681.967
Giá vốn cho thuê	-	55.160.686
Giá vốn hoạt động khác	365.498.816	189.642.390
TỔNG CỘNG	**4.924.408.550.657**	**4.855.521.787.959**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**76.630.177.559**	**93.220.306.421**
Chi phí vận chuyển	38.077.072.798	64.454.688.840
Chi phí nhân viên	23.314.530.198	14.796.582.626
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.787.656.369	6.711.621.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.007.382.374	1.249.462.581
Khác	6.443.535.820	6.007.950.732
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**137.280.743.174**	**99.534.558.673**
Chi phí nhân viên	65.503.583.626	50.980.167.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.580.222.779	15.937.495.933
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.147.514.380	1.749.038.171
Phân bổ lợi thế thương mại	1.259.641.421	378.946.050
Khác	40.789.780.968	30.488.911.458
TỔNG CỘNG	**213.910.920.733**	**192.754.865.094**

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**110.219.000.409**	**1.343.245.199**
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	99.598.856.404	-
Lãi từ thanh lý hàng hóa	4.100.590.624	-
Các khoản khác	6.519.553.381	1.343.245.199
Chi phí khác	**(6.323.112.507)**	**(9.879.100.156)**
Xóa sổ khoản phải thu	(1.250.000.000)	-
Các khoản phạt	(1.191.077.533)	-
Chi phí liên quan tới tài sản không sử dụng	-	(4.939.458.198)
Khác	(3.882.034.974)	(4.939.641.958)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	**103.895.887.902**	**(8.535.854.957)**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nông sản	2.255.882.309.090	3.856.224.883.195
Chi phí nguyên vật liệu	2.202.377.643.629	753.541.042.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.986.950.135	142.432.517.027
Chi phí khấu hao và hao mòn và phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 12, 13, 14 và 18)*	165.204.122.921	104.628.545.565
Chi phí nhân viên	168.118.516.678	137.942.289.503
Khác	76.749.928.937	53.507.375.290
TỔNG CỘNG	**5.138.319.471.390**	**5.048.276.653.053**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Công ty, Chi nhánh Bình Dương, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Long An

  Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- Chi nhánh Nghệ An

  Chi nhánh Nghệ An được hưởng ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 10% trong 15 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Chi nhánh này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

- Chăn nuôi Minh Thành, Bắc An Khánh, Đông An Khánh, Nam An Khánh, Trang Trại Xanh 1, Trang Trại Xanh 2, Sông Hinh, Anh Vũ Phú Yên, Hải Đăng Tây Ninh, Tâm Hưng, Tân Châu, Tây An Khánh, Thanh Xuân.

  Các công ty con nêu trên được ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 10% trong 15 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các công ty này được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

- BAF Bình Định

  BAF Bình Định có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, công ty này được được ưu đãi thuế theo địa bàn. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- BAF Tây Ninh

  BAF Tây Ninh được ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 17% trong 10 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo. Ngoài ra, đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, BAF Tây Ninh được hưởng thuế suất ưu đãi 15%.

- BAF Bình Phước

  BAF Bình Phước được ưu đãi thuế theo địa bàn với thuế suất thuế TNDN áp dụng là 10% trong 15 năm tính từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

- Chăn nuôi Bảo Ngọc, Thiên Phú Sơn, Kim Hợi

  Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Chăn nuôi Bảo Ngọc, Thiên Phú Sơn, và Kim Hợi là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	58.592.146.170	19.155.995.067
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.947.077.192)	2.497.811.936
Chi phí thuế TNDN hiện hành	56.645.068.978	21.653.807.003
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	30.667.629.197	(27.459.673.633)
TỔNG CỘNG	**87.312.698.175**	**(5.805.866.630)**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**406.249.012.223**	**24.519.483.098**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	72.701.744.671	(22.687.815)
Các điều chỉnh tăng (giảm):		
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập	17.613.644.872	2.800.085.158
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (*)	3.632.559.965	12.142.559.473
Chi phí không được trừ	4.715.716.801	2.527.427.783
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	2.850.397.340	2.035.802.984
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(1.947.077.192)	2.497.811.936
Bù trừ thu nhập chịu thuế giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh	254.158.016	(4.038.201.980)
Phân bổ lợi thế thương mại	56.841.908	56.841.908
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.021.166.014)	(2.407.414.961)
Thu nhập được miễn thuế	(11.544.122.192)	(21.398.091.116)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	**87.312.698.175**	**(5.805.866.630)**

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 do Chính phủ ban hành, quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Nhóm Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN trong năm nay với số tiền là 3.632.559.965 VND.

32.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.714.691.138	1.920.660.173	794.030.965	(1.250.798.347)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	5.196.834.826	4.464.223.160	732.611.666	2.860.753.023
Lỗ thuế ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	29.742.058.012	(29.742.058.012)	29.742.058.012
	7.911.525.964	**36.126.941.345**	**(28.215.415.381)**	**31.352.012.688**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hóa	(6.344.552.871)	(3.892.339.055)	(2.452.213.816)	(3.892.339.055)
Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn	(1.803.637.391)	(1.803.637.391)	-	-
	(8.148.190.262)	**(5.695.976.446)**	***(2.452.213.816)***	***(3.892.339.055)***
Thuế thu nhập hoãn lại thuần	***(236.664.298)***	***30.430.964.899***		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			***(30.667.629.197)***	***27.459.673.633***

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 *Lỗ chuyển sang năm sau*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính phát sinh với tổng số tiền là 224.784.591.887 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 249.330.346.038 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024*
2019	2024	3.171.448.495	(1.727.049.972)	-	1.444.398.523
2020	2025	4.444.876.733	(1.871.787.861)	-	2.573.088.872
2021	2026	10.333.990.069	(4.727.675.097)	-	5.606.314.972
2022	2027	22.820.956.403	(9.260.360.587)	-	13.560.595.816
2023	2028	225.357.039.380	(198.280.386.746)	-	27.076.652.614
2024	2029	174.523.541.090	-	-	174.523.541.090
TỔNG CỘNG		**440.651.852.150**	**(215.867.260.263)**	**-**	**224.784.591.887**

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế có thể chuyển tại các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty với giá trị 224.784.591.887 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2024*
2022 *(i)*	2027	18.084.964.780	(18.084.964.780)	-	-
2023 *(i)*	2028	88.843.085.871	(29.243.845.638)	-	59.599.240.233
2024 *(i)*	2029	68.845.307.424	-	-	68.845.307.424
TỔNG CỘNG		**175.773.358.075**	**(47.328.810.418)**	**-**	**128.444.547.657**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định* (tiếp theo)

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay chưa được trừ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 128.444.547.667 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100.796.329.560 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay chưa được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*	*Năm trước (trình bày trước đây)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm *(VND)*	317.047.520.186	26.375.283.530	26.375.283.530
Ảnh hưởng suy giảm do chi phí lãi vay phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi	52.309.471.979	38.815.170.574	38.815.170.574
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**369.356.992.165**	**65.190.454.104**	**65.190.454.104**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu *(i)*	**203.754.712**	**167.918.042**	**143.520.000**
Ảnh hưởng suy giảm do			
Trái phiếu có thể chuyển đổi	*43.083.066*	*35.505.555*	*30.342.495*
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**246.837.777**	**203.423.597**	**173.862.495**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.556	157	184
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.496	157	184

(i) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2024.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam ("Siba Food Việt Nam")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons") *(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons)*	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Agro Việt	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của Cổ đông lớn
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Phan Ngọc Ân	TV HĐQT kiêm Phó TGĐ (đến ngày 30 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Duy Tân	TV HĐQT (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Lê Xuân Thọ	TV HĐQT không điều hành
Ông Bùi Quang Huy	TV HĐQT độc lập (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Prasad Gopalan	TV HĐQT độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Tân	TV HĐQT độc lập (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS") (đến ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Bà Dương Thị Hồng Tân	Thành viên BKS (đến ngày 7 tháng 12 năm 2023)
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó TGĐ thường trực (đến ngày 15 tháng 9 năm 2023)

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2024)
Ông Ngô Cao Cường	Giám đốc Tài chính
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Siba Tech	Xây dựng trại	274.611.523.428	551.312.592.140
	Bán hàng	7.874.904	-
Siba Food	Bán hàng	182.241.255.181	183.563.188.988
	Mua hàng	56.968.718.202	9.922.387.409
Siba Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	98.774.930.000	-
	Mua cổ phiếu	40.048.420.000	
Bà Bùi Hương Giang	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.937.300.000	-
	Mua cổ phiếu	3.000.000.000	-
A An	Bán hàng	6.212.591.700	-
	Mua hàng	287.800.000	455.632.238
Sibacons	Mua hàng	4.008.676.390	4.321.933.335
Solacons	Mua hàng	1.197.271.724	-
Ông Ngô Cao Cường	Mua cổ phiếu	900.000.000	-
Ông Lê Xuân Thọ	Mua cổ phiếu	600.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Văn	Mua cổ phiếu	500.000.000	-
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Mua cổ phiếu	300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Mua cổ phiếu	300.000.000	-
Tân Long	Bán hàng	210.284.600	9.972.000
Ông Trương Anh Tuấn	Mua cổ phiếu	200.000.000	-

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 01/NQ-BAF ngày 3 tháng 1 năm 2024 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2024.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Siba Food	Bán hàng	51.503.060.237	71.863.962.065
A An	Bán hàng	6.709.599.036	-
Tân Long	Bán hàng	276.020.676	-
Siba Tech	Bán hàng	51.465.028	88.107.126
TỔNG CỘNG		**58.540.144.977**	**71.952.069.191**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Tạm ứng xây dựng trại	19.218.947.522	61.583.593.301
Solacons	Mua hàng	-	1.189.090.909
TỔNG CỘNG		**19.218.947.522**	**62.772.684.210**
Phải thu ngắn hạn khác			
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	21.493.391.751	19.640.362.522
Phải trả người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Mua hàng	175.151.129.762	21.124.230.246
Siba Food	Mua hàng	30.442.955.521	6.194.612.677
Solacons	Mua hàng	2.955.932.400	327.272.727
Tân Long	Mua hàng	182.084.109	182.084.109
A An	Mua hàng	-	3.359.988
TỔNG CỘNG		**208.732.101.792**	**27.831.559.747**
Phải trả ngắn hạn khác			
Siba Food	Khác	-	27.481.798
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
BAF Myanmar	Bán hàng	80.658.500	-

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập (bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác) của các thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ") trong năm như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Trương Sỹ Bá	108.000.000	120.000.000
Bà Bùi Hương Giang	710.776.927	675.800.000
Ông Phan Ngọc Ân	-	283.419.230
Ông Nguyễn Duy Tân	15.934.426	48.000.000
Ông Lê Xuân Thọ	64.800.000	72.000.000
Ông Bùi Quang Huy	-	72.000.000
Ông Prasad Gopalan	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tân	44.262.295	-
Ông Trương Anh Tuấn	480.156.748	-
Ông Nguyễn Văn Non	-	317.769.232
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	433.576.923
Ông Ngô Cao Cường	588.388.229	-
Ông Nguyễn Văn Minh	48.645.769	-
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	43.200.000	-
Ông Nguyễn Thanh Hải	-	204.380.769
Bà Dương Thị Hồng Tân	-	179.860.683
Bà Lưu Ngọc Trâm	27.000.000	2.500.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	488.921.254	463.719.231
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	351.871.062	-
TỔNG CỘNG	**2.971.956.710**	**2.873.026.068**

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán nông sản	*Bán heo*	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Doanh thu thuần bộ phận						
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.301.658.870.470	5.307.346.880.841	2.119.632.465.339	80.068.977.931	(4.168.021.460.313)	5.640.685.734.268
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	(1.979.412.603.920)	(2.108.779.932.139)	(79.828.924.254)	4.168.021.460.313	-
Tổng doanh thu thuần	**2.301.658.870.470**	**3.327.934.276.921**	**10.852.533.200**	**240.053.677**	**-**	**5.640.685.734.268**
Kết quả						
Lợi nhuận gộp	45.776.561.380	675.806.735.345	(5.180.667.975)	(125.445.139)	-	716.277.183.611
Doanh thu hoạt động tài chính						22.223.669.006
Chi phí tài chính						(222.236.807.563)
Chi phí bán hàng						(76.630.177.559)
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(137.280.743.174)
Thu nhập khác						110.219.000.409
Chi phí khác						(6.323.112.507)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(56.645.068.978)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						(30.667.629.197)
Lợi nhuận sau thuế TNDN						318.936.314.048
Tài sản và nợ phải trả						
Tổng tài sản	188.713.231.186	11.833.424.987.087	1.103.277.892.059	-	(5.676.386.065.827)	7.449.030.044.505
Tài sản bộ phận	188.713.231.186	11.833.424.987.087	1.103.277.892.059	-	(6.115.990.995.571)	7.009.425.114.761
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	*439.604.929.744*	*439.604.929.744*
Tổng nợ phải trả	1.771.091.171.271	6.024.380.392.818	520.437.122.564	-	(3.802.630.295.766)	4.513.278.390.887
Nợ phải trả bộ phận	*1.771.091.171.271*	*6.024.380.392.818*	*520.437.122.564*	-	*(3.802.630.295.766)*	*4.513.278.390.887*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán nông sản	*Bán heo*	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Doanh thu thuần bộ phận						
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.934.989.047.800	2.317.947.130.032	1.309.494.560.430	75.834.016.731	(2.439.479.459.603)	5.198.785.295.390
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	(1.113.525.597.090)	(1.274.298.824.486)	(51.655.038.027)	2.439.479.459.603	-
Tổng doanh thu thuần	**3.934.989.047.800**	**1.204.421.532.942**	**35.195.735.944**	**24.178.978.704**	**-**	**5.198.785.295.390**
Kết quả						
Lợi nhuận gộp	78.764.164.605	252.836.930.593	2.322.918.572	9.339.493.661	-	343.263.507.431
Doanh thu hoạt động tài chính						37.934.219.785
Chi phí tài chính						(155.387.524.067)
Chi phí bán hàng						(93.220.306.421)
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(99.534.558.673)
Thu nhập khác						1.343.245.199
Chi phí khác						(9.879.100.156)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(21.653.807.003)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						27.459.673.633
Lợi nhuận sau thuế TNDN						30.325.349.728
Tài sản và nợ phải trả						
Tổng tài sản	890.459.855.304	8.309.047.119.690	782.596.638.311	-	(3.448.442.917.475)	6.533.660.695.830
Tài sản bộ phận	890.459.855.304	8.309.047.119.690	782.596.638.311	-	(3.870.132.992.884)	6.111.970.620.421
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	*421.690.075.409*	*421.690.075.409*
Tổng nợ phải trả	2.187.521.274.611	3.999.089.038.121	264.007.840.602	-	(1.825.279.481.123)	4.625.338.672.211
Nợ phải trả bộ phận	*2.187.521.274.611*	*3.999.089.038.121*	*264.007.840.602*	-	*(1.825.279.481.123)*	*4.625.338.672.211*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

36. CÁC CAM KẾT

36.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Nhóm Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	249.819.017.836	251.946.249.836
Từ 1 năm đến 5 năm	900.055.598.255	931.354.841.564
Trên 5 năm	1.486.301.136.364	1.700.258.409.091
TỔNG CỘNG	**2.636.175.752.455**	**2.883.559.500.491**

36.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Giai Xuân	630.414.122.607	241.149.856.918
Dự án Tây An Khánh	422.135.048.183	-
Dự án Sông Hinh	204.138.123.767	107.718.514.955
Dự án Hải Đăng	132.524.438.842	389.210.844.380
Dự án Nhà máy Cám Tây Ninh	93.286.891.720	83.906.286.090
Dự án Tân Châu	13.974.600.329	135.277.033.278
Dự án Bắc An Khánh	-	32.866.600.628
Dự án Tâm Hưng	-	157.147.272.250
TỔNG CỘNG	**1.496.473.225.448**	**1.147.276.408.499**

36.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 8)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty TNHH Hòa Phát Bốn	235.000.000.000	205.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi CNC Thành Đạt Gia Lai	63.860.000.000	38.728.278.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Tuyết Hoa Đắk Lắk	50.000.000.000	42.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	28.982.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	24.005.453.750
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	28.963.707.500
TỔNG CỘNG	**718.700.000.000**	**594.471.357.500**

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 70,00% vốn góp tại Công ty TNHH Hòa Phát Bốn. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13012025A/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 60,00% vốn góp tại Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 13012025B/NQ-HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 60,00% vốn góp tại Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ/HĐQT, thông qua việc thành lập các công ty con của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Tây Ninh bao gồm: Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1, Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2 và Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh 1. Việc thành lập các công ty này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Vào ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT, thông qua việc nhận chuyển nhượng 100,00% vốn góp tại Công ty TNHH Xuân Nghi Phát. Việc nhận chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Theo Văn bản số 531/UBCK-QLCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 75/2024/ĐKCB-GĐKCB ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Cổ đông số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty chào bán 65 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá phát hành 15.500 đồng/cổ phiếu, dự kiến số tiền thu được là 1.007,5 tỷ đồng. Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất đợt chào bán, số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 65 triệu cổ phiếu, thu về 1.007,5 tỷ đồng và đã được UBCKNN chấp thuận kết quả chào bán theo công văn số 521/UBCKNN-QLCB ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên và sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 8, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thủy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán so với năm 2023	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán so với năm 2023 như sau:

Tại Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			Số tiền (VND)	%
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	318.936.314.048	30.325.349.728	288.610.964.320	952%

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 cải thiện đáng kể so với năm 2023 do một số nguyên nhân sau:

- Thị trường giá heo trong 2024 tăng cao và duy trì ở mức trên 60.000 đ/kg, xu hướng tiệm cận 70.000 đ/kg.
- Sản lượng heo của BaF năm 2024 cao hơn gần gấp 2 lần so với năm trước.
- Trong quý 4/2024, mặc dù ngành chăn nuôi tiếp tục đối mặt với tình hình dịch bệnh căng thẳng và thiên tai bão lũ diễn biến phức tạp… công ty đã triển khai các biện pháp kiểm soát kịp thời giúp hạn chế tối đa các thiệt hại.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất thức ăn chăn nuôi trong năm 2024 cũng đã giảm so với giai đoạn trước và duy trì nền thấp, góp phần giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả chăn nuôi.
- Ngoài ra chênh lệch lợi nhuận luỹ kế 12 tháng, một phần đã được giải thích trong quý 1 từ khoản lợi nhuận đáng kể đã được ghi nhận từ việc bán lô đất Mai Chí Thọ. Khu đất này ban đầu được dự định để phát triển tòa nhà văn phòng mới của BaF. Tuy nhiên, với việc công ty chuyển đến địa điểm hiện tại phù hợp hơn vào năm 2023, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, việc giữ lại tài sản được cho là không cần thiết, Công ty đã quyết định chuyển nhượng để tập trung nguồn lực vào kinh doanh chăn nuôi cốt lõi.

Với chiến lược đầu tư bài bản chuyên nghiệp ngay từ đầu, Công ty tập trung tối ưu hiệu suất chăn nuôi, kiểm soát chi phí để gia tăng hiệu quả hoạt động và duy trì mức giá vốn thấp hơn tiêu chuẩn ngành, mục tiêu giữ vững đàn heo tránh dịch bệnh và tiếp tục tăng trưởng quy mô theo kế hoạch đề ra.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

EY

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 69

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, Số 628C Đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên
Ông Prasad Gopalan	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên không điều hành

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	
	Giám Đốc Tài Chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026
Ông Nguyễn Phạm Xuân Quang	Giám Đốc Tài Chính	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 30 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12943524/69410718

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 69, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9219 quyển số 07 - SCT/BS
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN SƠN HÀ
P. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.988.254.708.676**	**4.032.229.458.737**
110	***I. Tiền***	***4***	***193.464.572.724***	***102.785.712.771***
111	1. Tiền		193.464.572.724	102.785.712.771
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***321.388.990.290***	***226.012.994.520***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	321.388.990.290	226.012.994.520
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.716.683.981.168***	***2.170.289.330.233***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	470.255.224.734	610.067.294.156
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	358.968.990.702	150.909.137.265
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.422.990.761.472	1.284.223.949.838
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	473.815.344.313	129.353.964.391
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 9, 10	(9.346.340.053)	(4.266.008.550)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	993.133
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***1.721.356.683.254***	***1.508.776.640.729***
141	1. Hàng tồn kho		1.721.356.683.254	1.508.776.640.729
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***35.360.481.240***	***24.364.780.484***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	28.068.778.626	18.443.926.869
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	4.539.523.779	5.918.946.202
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	2.752.178.835	1.907.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.950.493.158.142**	**2.858.098.868.396**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***234.337.891.249***	***218.332.762.263***
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	234.337.891.249	218.332.762.263
220	***II. Tài sản cố định***		***368.942.860.060***	***194.042.247.037***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	341.463.999.985	179.994.125.053
222	Nguyên giá		454.627.827.325	269.905.982.693
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(113.163.827.340)	(89.911.857.640)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	11.724.717.748	13.216.543.722
225	Nguyên giá		14.086.397.917	14.086.397.917
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.361.680.169)	(869.854.195)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	15.754.142.327	831.578.262
228	Nguyên giá		17.621.166.500	2.272.516.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.867.024.173)	(1.440.937.738)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***346.780.979.074***	***194.512.985.504***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	346.780.979.074	194.512.985.504
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***3.441.568.963.143***	***1.994.250.160.071***
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	3.453.593.212.419	2.006.274.409.347
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	(12.024.249.276)	(12.024.249.276)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***558.862.464.616***	***256.960.713.521***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	523.466.511.033	255.725.959.693
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	35.395.953.583	1.234.753.828
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**9.938.747.866.818**	**6.890.328.327.133**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.897.795.876.837**	**3.954.273.264.308**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***4.644.725.680.146***	***3.182.675.474.003***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.796.540.385.037	1.977.338.364.452
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	5.999.034.857	1.692.494.573
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	1.938.068.126	46.751.552.180
314	4. Phải trả người lao động		45.614.153.141	26.484.744.175
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	24.919.655.716	31.778.366.654
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	87.708.496.780	30.963.832.710
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	2.682.005.884.489	1.067.666.119.259
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.253.070.196.691***	***771.597.790.305***
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	38.300.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.3, 23.4, 23.5, 23.7	714.659.160.840	296.351.205.652
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	23.6	500.111.035.851	475.246.584.653
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.040.951.989.981**	**2.936.055.062.825**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24.1***	***4.040.951.989.981***	***2.936.055.062.825***
411	1. Vốn cổ phần		3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.040.216.420.000*	*2.390.216.420.000*
412	3. Thặng dư vốn cổ phần		356.620.000.000	-
413	4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		137.648.613.977	137.648.613.977
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		506.466.956.004	408.190.028.848
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*408.190.028.848*	*53.118.352.032*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*98.276.927.156*	*355.071.676.816*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**9.938.747.866.818**	**6.890.328.327.133**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thủy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	5.203.242.174.339	6.018.359.158.838
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(4.205.729.912)	(345.310.400)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	5.199.036.444.427	6.018.013.848.438
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(5.031.860.407.518)	(5.373.382.030.524)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		167.176.036.909	644.631.817.914
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	544.172.762.185	57.169.881.395
22	7. Chi phí tài chính	26	(265.540.820.180)	(178.228.238.135)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(256.548.004.502)*	*(178.228.238.135)*
25	8. Chi phí bán hàng	28	(169.405.139.839)	(88.595.748.566)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(217.763.088.293)	(110.675.788.777)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		58.639.750.782	324.301.923.831
31	11. Thu nhập khác	29	10.021.238.799	108.698.847.641
32	12. Chi phí khác	29	(4.545.262.180)	(3.195.501.108)
40	13. Lợi nhuận khác	29	5.475.976.619	105.503.346.533
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		64.115.727.401	429.805.270.364
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	(45.206.997.892)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	34.161.199.755	(29.526.595.656)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		98.276.927.156	355.071.676.816

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**64.115.727.401**	**429.805.270.364**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	38.691.829.970	29.152.031.108
03	Dự phòng		5.080.331.503	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.020.566.591)	(2.624.444.769)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(541.281.384.023)	(152.389.377.253)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	26	256.548.004.502	178.228.238.135
08	**(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(177.866.057.238)**	**482.171.717.585**
09	Giảm các khoản phải thu		62.039.709.867	451.904.452.567
10	Tăng hàng tồn kho		(212.580.042.525)	(330.064.449.987)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(202.445.371.054)	24.289.600.328
12	Tăng chi phí trả trước		(277.365.403.097)	(19.554.067.409)
14	Tiền lãi vay đã trả		(195.283.853.285)	(157.071.964.034)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(43.014.138.084)	(7.137.424.929)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh**		**(1.046.515.155.416)**	**444.537.864.121**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(406.272.423.691)	(168.352.623.133)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	294.086.397.917
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(1.542.851.413.438)	(1.439.050.824.060)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		1.308.708.606.034	530.330.763.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.308.416.370.650)	(426.807.640.066)
27	Lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức nhận được		24.876.747.742	20.808.951.838
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(1.923.954.854.003)**	**(1.188.984.974.504)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24	1.006.620.000.000	711.036.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	22, 23	3.973.770.613.554	1.689.099.802.512
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(1.915.743.622.033)	(1.632.348.203.500)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	23	(3.498.122.149)	(2.136.437.016)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**3.061.148.869.372**	**765.651.161.996**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**90.678.859.953**	**21.204.051.613**
60	**Tiền đầu năm**		**102.785.712.771**	**81.566.921.890**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	14.739.268
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**193.464.572.724**	**102.785.712.771**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, Số 628C Đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.958 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.384 người).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 29 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	98,00%	100,00%	98,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,27%	100,00%	99,27%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	98,00%	100,00%	98,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	99,00%	100,00%	99,00%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(12) Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Gia Lai	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	98,55%	100,00%	98,55%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Meat Bình Phước")	Đồng Nai	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(23) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 1 ("CNC BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(24) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 2 ("CNC BAF Tây Ninh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(25) Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh 1 ("BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(26) Công ty Cổ phần Chăn nuôi TMC ("Chăn nuôi TMC")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,98%	-	99,98%	-
(27) Công ty TNHH Hòa Phát Bốn ("Hòa Phát Bốn")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(28) Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Thành Đạt Gia Lai ("Thành Đạt Gia Lai")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(29) Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình ("BAF Ninh Bình")	Ninh Bình	Chế biến thực phẩm	100,00%	-	100,00%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *16.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Gia súc	4 năm

3.8 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Gia súc;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Khác

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Nghệ An vào ngày 18 tháng 2 năm 2025 trong thời hạn 46 năm. Theo Thông tư số 45/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.11 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Trái phiếu phát hành*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	102.707.000	30.099.000
Tiền gửi ngân hàng *(*)*	193.361.865.724	102.755.613.771
TỔNG CỘNG	**193.464.572.724**	**102.785.712.771**

(*) Số cuối năm của tiền gửi ngân hàng bao gồm khoản tiền gửi với giá trị là 38.300.000.000 VND thuộc tài khoản phong tỏa số 1103809999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định nhưng Công ty chưa được sử dụng số tiền này. Đây là tiền đăng ký mua trái phiếu từ các cá nhân và tổ chức theo phương án phát hành trái phiếu của Công ty trong năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, số tiền này đã được phép sử dụng do Công ty đã hoàn thành đợt phát hành trái phiếu nêu trên vào ngày 5 tháng 1 năm 2026 *(Thuyết minh số 22)*.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:		
Các khoản nợ được cấn trừ với cổ tức phải thu từ các công ty con	230.000.000.000	189.443.387.694
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	243.980.200.000
TỔNG CỘNG	**230.000.000.000**	**433.423.587.694**

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,3% đến 5,3%/năm. Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23)*.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên khác	82.777.138.061	129.869.624.412
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	*55.163.364.860*	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Phi	-	*121.687.811.000*
Các bên khác	*27.613.773.201*	*8.181.813.412*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	387.478.086.673	480.197.669.744
TỔNG CỘNG	**470.255.224.734**	**610.067.294.156**
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(1.524.134.125)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**468.731.090.609**	**610.067.294.156**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.524.134.125	-
Số cuối năm	1.524.134.125	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	256.069.899.906	144.237.084.126
Nhóm cá nhân để mua các công ty con (*)	*151.359.508.504*	*127.228.642.500*
Henan Muyuan Intelligent Technology Company Limited	*47.430.752.024*	-
Các bên khác	*57.279.639.378*	*17.008.441.626*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	102.899.090.796	6.672.053.139
TỔNG CỘNG	**358.968.990.702**	**150.909.137.265**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(3.359.364.083)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**355.609.626.619**	**150.909.137.265**

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhóm cá nhân nhằm mục đích mua các công ty con *(Thuyết minh số 33.3)*. Những nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm *(Thuyết minh số 34)*.

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.359.364.083	-
Số cuối năm	3.359.364.083	-

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	1.422.990.761.472	1.284.148.949.838
Các bên khác	-	75.000.000
TỔNG CỘNG	**1.422.990.761.472**	**1.284.223.949.838**

Chi tiết các khoản phải thu về cho các bên liên quan vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của các bên liên quan như sau:

Bên vay	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *%/năm*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn			
Trang Trại Xanh 2	225.863.025.836	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Trang Trại Xanh 1	208.418.217.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Đông An Khánh	180.505.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Nam An Khánh	147.905.408.510	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Anh Vũ Phú Yên	122.465.680.090	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Tâm Hưng	84.678.587.939	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Hải Đăng Tây Ninh	78.364.237.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Tây An Khánh	72.980.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Logistic BAF	50.215.749.141	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thành Đạt Gia Lai	43.440.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi TMC	40.141.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Tân Châu	37.519.412.603	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thanh Xuân	36.670.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi Bảo Ngọc	33.220.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Hòa Phát Bốn	32.115.454.040	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Sông Hình	28.488.989.313	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
TỔNG CỘNG	**1.422.990.761.472**		

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**473.815.344.313**	**129.353.964.391**
Cổ tức phải thu	210.000.000.000	-
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	154.392.906.399	77.880.459.814
Chi hộ	71.300.591.193	-
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.110.662.223	21.439.391.751
Tạm ứng nhân viên	3.484.874.464	4.236.847.800
Khác	12.526.310.034	25.797.265.026
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*452.364.329.855*	*96.363.367.775*
Các bên khác	*21.451.014.458*	*32.990.596.616*
Dài hạn	**234.337.891.249**	**218.332.762.263**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	234.337.891.249	218.332.762.263
Trong đó:		
Các bên khác	*218.957.891.249*	*204.252.762.263*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*15.380.000.000*	*14.080.000.000*
TỔNG CỘNG	**708.153.235.562**	**347.686.726.654**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(4.462.841.845)	(4.266.008.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	**703.690.393.717**	**343.420.718.104**

Chi tiết tình hình giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.266.008.550	4.266.008.550
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.054.412.685	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.857.579.390)	-
Số cuối năm	4.462.841.845	4.266.008.550

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
AG World International Corporation	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160
Công ty TNHH Acespace	1.328.373.000	1.328.373.000	1.328.373.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thành An	1.414.650.000	1.414.650.000	1.414.650.000	-
Khác	4.338.045.854	4.194.887.893	4.619.256.988	1.857.579.390
TỔNG CỘNG	**9.489.498.014**	**9.346.340.053**	**9.770.709.148**	**4.266.008.550**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.443.598.224.426	1.376.952.212.857
Nguyên vật liệu	132.573.308.318	94.015.218.889
Thành phẩm	116.106.927.272	14.714.978.358
Công cụ, dụng cụ	28.413.298.855	14.491.293.684
Hàng mua đang đi đường	648.724.383	8.419.049.663
Hàng hóa	16.200.000	183.887.278
TỔNG CỘNG (*)	**1.721.356.683.254**	**1.508.776.640.729**

(*) Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23.1*).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Gia súc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	133.861.286.786	68.383.053.063	38.609.439.200	18.806.979.946	10.245.223.698	269.905.982.693
Mua mới trong năm	14.516.492.417	74.159.148.522	9.375.519.800	8.243.274.581	982.867.642	107.277.302.962
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	37.317.512.586	40.500.807.514	5.158.249.044	2.611.770.392	48.958.328.236	134.546.667.772
Thanh lý	(815.491.805)	(11.971.896.404)	(33.444.960.000)	(1.201.474.660)	(9.668.303.233)	(57.102.126.102)
Số cuối năm	184.879.799.984	171.071.112.695	19.698.248.044	28.460.550.259	50.518.116.343	454.627.827.325
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*4.532.767.656*	*6.792.692.267*	*120.716.997*	*913.156.487*	-	*12.359.333.407*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(53.053.406.609)	(20.294.491.230)	(12.330.254.659)	(3.127.851.279)	(1.105.853.863)	(89.911.857.640)
Khấu hao trong năm	(16.590.061.818)	(11.158.670.478)	(1.528.887.338)	(2.973.513.267)	(4.522.784.660)	(36.773.917.561)
Thanh lý	73.699.124	1.965.869.226	9.523.671.100	-	1.958.708.411	13.521.947.861
Số cuối năm	(69.569.769.303)	(29.487.292.482)	(4.335.470.897)	(6.101.364.546)	(3.669.930.112)	(113.163.827.340)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	80.807.880.177	48.088.561.833	26.279.184.541	15.679.128.667	9.139.369.835	179.994.125.053
Số cuối năm	115.310.030.681	141.583.820.213	15.362.777.147	22.359.185.713	46.848.186.231	341.463.999.985

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	Máy móc thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	14.086.397.917
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(869.854.195)
Hao mòn trong năm	(1.491.825.974)
Số cuối năm	(2.361.680.169)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	13.216.543.722
Số cuối năm	11.724.717.748

Theo hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 23.6.*

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	2.272.516.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.058.565.500
Mua mới trong năm	290.085.000
Số cuối năm	17.621.166.500
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(1.440.937.738)
Hao mòn trong năm	(426.086.435)
Số cuối năm	(1.867.024.173)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	831.578.262
Số cuối năm	15.754.142.327

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Xây dựng trại Giai Xuân (*)	217.873.407.312	89.257.568.956
Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các trại heo	72.923.261.592	5.715.872.000
Khác	55.984.310.170	99.539.544.548
TỔNG CỘNG	**346.780.979.074**	**194.512.985.504**

(*) Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 3.330.692.824 VND (2024: 8.813.845.402 VND). Khoản chi phí đi vay này liên quan đến vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng trại Giai Xuân của Công ty.

Công ty đã sử dụng dự án Trang trại Giai Xuân để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23.2*).

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 16.1)*	3.453.593.212.419	(12.024.249.276)	2.006.274.409.347	(12.024.249.276)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

	Tình hình hoạt động	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
		Tỷ lệ vốn nắm giữ	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
		(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Hải Đăng Tây Ninh	Giai đoạn đầu hoạt động	99,82	399.280.000.000	-	99,82	399.280.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 1 (1)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	340.000.000.000	-	-	-	-
CNC BAF Tây Ninh 2 (2)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	340.000.000.000	-	-	-	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh (3)	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	243.000.000.000	-	100,00	30.000.000.000	-
BAF Tây Ninh (4)	Đang hoạt động	100,00	150.000.000.000	-	99,00	148.500.000.000	-
BAF Ninh Bình (5)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	150.000.000.000	-	99,69	129.600.000.000	-
Trang Trại Xanh 2	Đang hoạt động	99,69	129.600.000.000	-	99,98	123.970.000.000	-
Tâm Hưng	Giai đoạn đầu hoạt động	99,98	123.970.000.000	-	100,00	55.819.620.000	-
Tây An Khánh (6)	Đang xây dựng	100,00	123.819.620.000	-	100,00	120.000.000.000	-
BAF Meat Bình Phước	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	120.000.000.000	-	99,27	109.200.000.000	-
Bắc An Khánh (7)	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	110.000.000.000	-	98,55	108.400.000.000	-
BAF Bình Định (8)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	110.000.000.000	-	100,00	50.000.000.000	-
Anh Vũ Phú Yên (9)	Đang hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	100.000.000.000	-
Đông An Khánh	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	100.000.000.000	-
Nam An Khánh	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	95.410.918.071	-
Chăn nuôi Kim Hợi	Đang hoạt động	100,00	95.410.918.071	-	99,95	89.959.150.000	-
Tân Châu	Giai đoạn đầu hoạt động	99,95	89.959.150.000	-	99,99	85.750.949.566	-
Thanh Xuân	Giai đoạn đầu hoạt động	99,99	85.750.949.566	-	-	-	-
BAF Tây Ninh 1 (10)	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	80.000.000.000	-			

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tình hình hoạt động	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
		(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Chăn nuôi TMC (11)	Đang xây dựng	99,98	77.633.032.838	-	-	-	-
Thành Đạt Gia Lai (12)	Giai đoạn trước hoạt động	99,99	64.602.086.000	-	-	-	-
Thiên Phú Sơn	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	64.183.771.710	-	100,00	64.183.771.710	-
Hòa Phát Bốn (13)	Giai đoạn trước hoạt động	99,99	58.383.684.234	-	-	-	-
Chăn nuôi Minh Thành (14)	Đang hoạt động	100,00	50.000.000.000	-	98,00	49.000.000.000	-
Sông Hinh	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	48.000.000.000	-	100,00	48.000.000.000	-
Trang Trại Xanh 1 (15)	Đang hoạt động	100,00	40.000.000.000	-	98,00	39.200.000.000	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Đang hoạt động	100,00	20.000.000.000	(12.024.249.276)	100,00	20.000.000.000	(12.024.249.276)
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	20.000.000.000	-	100,00	20.000.000.000	-
Logistic BAF	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	20.000.000.000	-	100,00	20.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			**3.453.593.212.419**	**(12.024.249.276)**		**2.006.274.409.347**	**(12.024.249.276)**

(1) Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Công ty đã thành lập CNC BAF Tây Ninh 1 với số vốn điều lệ là 340.000.000.000 VND. Tại ngày 14 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào CNC BAF Tây Ninh 1.

CNC BAF Tây Ninh 1 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356751 do Sở Tài chính ("STC") Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

(2) Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Công ty đã thành lập CNC BAF Tây Ninh 2 với số vốn điều lệ là 340.000.000.000 VND. Tại ngày 15 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào CNC BAF Tây Ninh 2.

CNC BAF Tây Ninh 2 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356769 do STC Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(3) Ngày 7 tháng 3 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 213.000.000.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu vào Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901341346 cho Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh vào ngày 17 tháng 3 năm 2025.

(4) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 1.500.000.000 VND vào BAF Tây Ninh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,00% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901152973 cho BAF Tây Ninh vào ngày 3 tháng 6 năm 2025.

(5) Ngày 7 tháng 7 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ/HĐQT, Công ty đã thành lập BAF Ninh Bình với số vốn điều lệ là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 1 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào BAF Ninh Bình.

BAF Ninh Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0700903053 do STC Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 17 tháng 7 năm 2025.

(6) Ngày 8 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 68.000.000.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu vào Tây An Khánh. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901315120 cho Tây An Khánh vào ngày 16 tháng 9 năm 2025.

(7) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 800.000.000 VND vào Bắc An Khánh, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 99,27% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901293928 cho Bắc An Khánh vào ngày 3 tháng 6 năm 2025.

(8) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 1.600.000.000 VND vào BAF Bình Định, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 98,55% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Bình Định đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 4101602537 cho BAF Bình Định vào ngày 3 tháng 6 năm 2025.

(9) Ngày 1 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 50.000.000.000 VND tương ứng 100,00% tỷ lệ sở hữu vào Anh Vũ Phú Yên. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Đắk Lắk đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 4401054144 cho Anh Vũ Phú Yên vào ngày 12 tháng 12 năm 2025.

(10) Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Công ty đã thành lập BAF Tây Ninh 1 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND. Tại ngày 8 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào BAF Tây Ninh 1.

BAF Tây Ninh 1 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356776 do STC Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(11) Ngày 17 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Chăn nuôi TMC từ các bên thứ ba với giá trị 77.633.032.838 VND tương ứng 99,98% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Gia Lai đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 5901174628 cho Chăn nuôi TMC vào ngày 17 tháng 4 năm 2025.

(12) Ngày 13 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Thành Đạt Gia Lai từ các bên thứ ba với giá trị 64.602.086.000 VND tương ứng 99,99% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Gia Lai đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 5901188469 cho Thành Đạt Gia Lai vào ngày 13 tháng 8 năm 2025.

(13) Ngày 16 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng vốn của Hòa Phát Bốn từ các bên thứ ba với giá trị 58.383.684.234 VND tương ứng 99,99% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Gia Lai đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 5901139937 cho Hòa Phát Bốn vào ngày 19 tháng 11 năm 2025.

(14) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 1.000.000.000 VND vào Chăn nuôi Minh Thành, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 98,00% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901206435 cho Chăn nuôi Minh Thành vào ngày 4 tháng 6 năm 2025.

(15) Ngày 28 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 800.000.000 VND vào Trang Trại Xanh 1, làm tăng phần sở hữu của Công ty từ 98,00% lên 100,00% vào ngày này. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901291381 cho Trang Trại Xanh 1 vào ngày 4 tháng 6 năm 2025.

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư nói trên do không thể thu thập được đầy đủ thông tin thị trường của các khoản đầu tư này.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**28.068.778.626**	**18.443.926.869**
Công cụ, dụng cụ	15.452.336.746	6.826.698.961
Phần mềm	2.168.085.111	533.663.908
Khác	10.448.356.769	11.083.564.000
Dài hạn	**523.466.511.033**	**255.725.959.693**
Gia súc	401.561.817.305	216.038.534.458
Thuê đất	41.984.847.592	-
Chi phí cải tạo và sửa chữa	27.116.570.527	8.753.089.994
Công cụ, dụng cụ	22.362.165.221	13.007.972.331
Chi phí tư vấn	15.168.692.243	10.183.897.652
Chi phí quản lý dự án	10.338.468.990	-
Chi phí quảng cáo	1.666.666.667	3.333.333.333
Khác	3.267.282.488	4.409.131.925
TỔNG CỘNG	**551.535.289.659**	**274.169.886.562**

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	1.158.858.605.042	859.867.820.978
Phải trả các bên khác	637.681.779.995	1.117.470.543.474
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	*321.164.422.100*	*129.486.638.300*
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	-	*345.918.789.340*
Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp Bảo Lộc	-	*316.855.022.050*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	-	*158.540.603.000*
Các bên khác	*316.517.357.895*	*166.669.490.784*
TỔNG CỘNG	**1.796.540.385.037**	**1.977.338.364.452**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ông Phan Tiến Dũng	1.978.843.579	-
Ông Nguyễn Văn Dương	-	450.239.000
Ông Phạm Văn Linh	-	385.103.140
Khác	4.020.191.278	857.152.433
TỔNG CỘNG	**5.999.034.857**	**1.692.494.573**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.918.946.202	3.396.074.872	(4.775.497.295)	4.539.523.779
Thuế giá trị gia tăng	-	8.579.204.407	(5.892.705.886)	2.686.498.521
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.413	-	-	1.907.413
Khác	-	73.818.917	(10.046.016)	63.772.901
TỔNG CỘNG	**5.920.853.615**	**12.049.098.196**	**(10.678.249.197)**	**7.291.702.614**
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	1.975.061.307	63.042.011.491	(63.955.440.371)	1.061.632.427
Thuế giá trị gia tăng	1.390.528.147	6.741.883.721	(8.091.269.878)	41.141.990
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.385.962.726	-	(43.014.138.084)	371.824.642
Khác	-	3.558.783.203	(3.095.314.136)	463.469.067
TỔNG CỘNG	**46.751.552.180**	**73.342.678.415**	**(118.156.162.469)**	**1.938.068.126**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	16.644.520.548	20.742.255.005
Chi phí điện	3.440.527.144	3.982.302.405
Chi phí vận chuyển	1.612.795.800	791.111.660
Chi phí bảo vệ	524.900.903	343.556.188
Chi phí gia công	-	2.991.739.498
Khác	2.696.911.321	2.927.401.898
TỔNG CỘNG	**24.919.655.716**	**31.778.366.654**

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**87.708.498.780**	**30.963.832.710**
Lãi vay phải trả	75.660.252.318	30.368.155.072
Nhận ký quỹ, ký cược	3.023.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	7.632.816.097	187.335.000
Khác	1.392.430.365	408.342.638
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*75.681.468.310*	*30.368.155.072*
Các bên khác	*12.027.030.470*	*595.677.638*
Dài hạn	**38.300.000.000**	-
Phải trả từ việc phát hành trái phiếu *(*)*	*38.300.000.000*	-
TỔNG CỘNG	**126.008.498.780**	**30.963.832.710**

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 06.10.2025/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025 và NQ HĐQT số 04.11.2025/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2025, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chào bán 10.000 trái phiếu ra công chúng với mệnh giá là 100 triệu VND/trái phiếu, giá chào bán là 100 triệu VND/trái phiếu, lãi suất 10,0%/năm. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2025, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 447/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành, chấp thuận việc chào bán trái phiếu nêu trên.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị 1.000 tỷ VND, lãi suất 10,0%/năm với kỳ hạn 36 tháng.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 148/UBCK-QLCB từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận báo cáo kết quả chào bán trái phiếu nói trên của Công ty.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**1.067.666.119.259**	**3.232.246.538.554**	**(1.919.241.744.182)**	**2.458.851.087**	**-**	**298.876.119.771**	**2.682.005.884.489**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	581.807.602.496	1.884.546.538.554	(1.295.108.622.033)	-	-	-	1.171.045.519.017
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và số 32)*	185.254.019.000	1.347.700.000.000	(320.635.000.000)	-	-	-	1.212.319.019.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.5)*	297.541.148.913	-	(300.000.000.000)	2.458.851.087	-	296.058.840.183	296.058.840.183
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.7)*	3.263.348.850	-	(3.498.122.149)	-	-	2.817.279.588	2.582.506.289
Dài hạn	**771.597.790.305**	**703.224.075.000**	**-**	**17.685.679.349**	**21.138.771.808**	**(298.876.119.771)**	**1.214.770.196.691**
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.5)*	287.664.593.601	474.500.000.000	-	13.959.999.959	-	(296.058.840.183)	480.065.753.377
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.6)*	475.246.584.653	-	-	3.725.679.390	21.138.771.808	-	500.111.035.851
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.3)*	-	207.056.000.000	-	-	-	-	207.056.000.000
Vay bên khác *(Thuyết minh số 23.4)*	-	21.668.075.000	-	-	-	-	21.668.075.000
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.7)*	8.686.612.051	-	-	-	-	(2.817.279.588)	5.869.332.463
TỔNG CỘNG	**1.839.263.909.564**	**3.935.470.613.554**	**(1.919.241.744.182)**	**20.144.530.436**	**21.138.771.808**	**-**	**3.896.776.081.180**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn từ ngân hàng*

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 5 và 11)*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	296.045.642.068	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 4 năm 2026	5,60 – 5,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 14 tháng 3 năm 2026	5,70	Quyền thuê đất trả tiền 1 lần của thửa đất số 10 thuộc quyền sở hữu của BAF Meat Bình Phước tại xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	200.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2026 đến ngày 1 tháng 6 năm 2026	5,50 – 7,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn	200.000.000.000	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	8,00 (*)	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	100.000.000.000	Ngày 12 tháng 1 năm 2026	6,03	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

VND

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 5)*
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	99.999.876.949	Từ ngày 6 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026	6,70 – 6,78	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Woori Việt Nam – Chi nhánh Sài gòn	75.000.000.000	Ngày 11 tháng 2 năm 2026	5,255	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
TỔNG CỘNG	**1.171.045.519.017**			

(*) Đây là lãi suất cho vay thời hạn ưu đãi tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân, áp dụng kỳ đầu tiên 8,00%/năm và định kỳ điều chỉnh lãi suất vào ngày 25 hàng tháng.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay ngắn hạn từ các bên liên quan*

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*
CNC BAF Tây Ninh 2	333.900.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
CNC BAF Tây Ninh 1	332.800.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	238.160.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Ninh Bình	126.900.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Tây Ninh 1	78.100.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thiên Phú Sơn	41.630.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Tây Ninh	31.500.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Bình Định	14.565.119.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	9.940.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi Kim Hợi	2.871.900.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Meat Bình Phước	1.952.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
TỔNG CỘNG	**1.212.319.019.000**		

23.3 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ xây dựng trang trại và mua tài sản gắn liền với Dự án Trang trại Giai Xuân tại Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(% p.a.)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	207.056.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2032	6,88	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai của Dự án trại Giai Xuân *(Thuyết minh số 15)*

23.4 *Vay dài hạn từ bên khác*

Số cuối năm thể hiện khoản vay dài hạn tín chấp từ Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty với kỳ hạn 24 tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2027 với lãi suất 6%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23,5 *Trái phiếu*

Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 và ngày 8 tháng 5 năm 2025 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối năm VND*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(3.941.159.817)				
	296.058.840.183				
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2028 hoặc ngày mua trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác theo yêu cầu tại Văn kiện Trái phiếu (*)	Bổ sung vốn lưu động	10,00	127.295.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Siba Holdings được sở hữu bởi Ông Trương Sỹ Bá
Chi phí phát hành	(19.934.246.623)				
	480.065.753.377				
TỔNG CỘNG	**776.124.593.560**				
Trong đó:					
Dài hạn đến hạn trả	*296.058.840.183*				
Dài hạn	*480.065.753.377*				

(*) *Mua lại theo thỏa thuận*

Sau thời hạn một năm kể từ ngày phát hành, Công ty có quyền thực hiện mua lại trái phiếu (một phần hoặc toàn bộ, vào bất kỳ thời điểm nào) theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu, tuân thủ theo quy trình và thủ tục quy định tại Văn kiện Trái phiếu.

Mua lại theo yêu cầu của trái chủ

Vào ngày làm việc liền kề trước thời điểm tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành, người sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty mua lại tối đa 50% tổng giá trị trái phiếu đã phát hành. Giá mua lại được xác định bằng mệnh giá cộng với khoản lãi dồn tích, tính theo mức lãi suất cố định 8,50%/năm.

Mua lại bắt buộc

Công ty có nghĩa vụ mua lại trái phiếu theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu trong trường hợp xảy ra các sự kiện vi phạm quy định cụ thể tại Văn kiện Trái phiếu.

23. VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.6 *Trái phiếu chuyển đổi*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	600.000.000.000	600.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 24.1)*	(137.648.613.977)	(137.648.613.977)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**462.351.386.023**	**462.351.386.023**
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	**53.713.440.628**	**32.574.668.820**
Số đầu năm	32.574.668.820	13.572.019.890
Số phân bổ tăng trong năm	21.138.771.808	19.002.648.930
Số cuối năm	53.713.440.628	32.574.668.820
Trừ: Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	**(15.953.790.800)**	**(19.679.470.190)**
Số đầu năm	(19.679.470.190)	(23.417.852.643)
Số phân bổ giảm trong năm	3.725.679.390	3.738.382.453
Số cuối năm	(15.953.790.800)	(19.679.470.190)
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**500.111.035.851**	**475.246.584.653**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Công ty đã ký kết Hợp đồng trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC"), với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất là 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.7 *Nợ thuê tài chính*

Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính số C240507602 ngày 28 tháng 5 năm 2024 từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	3.304.633.740	487.354.152	2.582.506.289	3.946.418.241	683.069.391	3.263.348.850
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	6.311.561.229	442.228.766	5.869.332.463	9.616.194.969	929.582.918	8.686.612.051
TỔNG CỘNG	**9.616.194.969**	**929.582.918**	**8.451.838.752**	**13.562.613.210**	**1.612.652.309**	**11.949.960.901**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:					
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	137.648.613.977	297.098.772.032	1.869.947.386.009
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	684.256.000.000	-	-	-	684.256.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	355.071.676.816	355.071.676.816
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty ("ESOP")	26.780.000.000	-	-	-	26.780.000.000
Cổ tức công bố	243.980.420.000	-	-	(243.980.420.000)	-
Số cuối năm	2.390.216.420.000	-	137.648.613.977	408.190.028.848	2.936.055.062.825
Năm nay:					
Số đầu năm	2.390.216.420.000	-	137.648.613.977	408.190.028.848	2.936.055.062.825
Phát hành cổ phiếu *(*)*	650.000.000.000	356.620.000.000	-	-	1.006.620.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	98.276.927.156	98.276.927.156
Số cuối năm	3.040.216.420.000	356.620.000.000	137.648.613.977	506.466.956.004	4.040.951.989.981

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 08.11.2024/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2024, Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 75/2024/ĐKCB-GĐKCB ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 531/UBCK-QLCB ngày 24 tháng 1 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Công ty đã thông qua việc chào bán thêm 65.000.000 cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ với giá phát hành 15.500 đồng/cổ phiếu. Theo Báo cáo kết quả số 11/2025/BAF-BCKQ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Công văn số 521/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 3 năm 2025 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 65.000.000 cổ phiếu riêng lẻ.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	31,472	956.819.350.000	95.681.935	40,031
Bà Bùi Hương Giang	79.887.550.000	7.988.755	2,628	79.987.550.000	7.998.755	3,346
Cổ đông khác	2.003.509.520.000	200.350.952	65,900	1.353.409.520.000	135.340.952	56,623
TỔNG CỘNG	**3.040.216.420.000**	**304.021.642**	**100,000**	**2.390.216.420.000**	**239.021.642**	**100,000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
Tăng trong năm	650.000.000.000	955.016.420.000
Số cuối năm	3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	-	*243.980.420.000*
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	*243.980.420.000*

24.4 *Cổ phiếu*

		Số lượng cổ phiếu
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*239.021.642*
Cổ phiếu đang lưu hành	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*239.021.642*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**5.203.242.174.339**	**6.018.359.158.838**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*5.141.133.157.757*	*3.705.002.932.881*
Doanh thu bán cám	*61.105.890.297*	*11.423.210.900*
Doanh thu bán nông sản	*-*	*2.301.658.870.470*
Doanh thu khác	*1.003.126.285*	*274.144.587*
Các khoản giảm trừ doanh thu:	**(4.205.729.912)**	**(345.310.400)**
Chiết khấu thương mại	*(4.205.729.912)*	*(345.310.400)*
Doanh thu thuần	**5.199.036.444.427**	**6.018.013.848.438**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*4.971.626.729.071*	*5.513.470.803.165*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*227.409.715.356*	*504.543.045.273*

25.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức được nhận	440.000.000.000	-
Lãi tiền gửi và cho vay	101.389.194.327	52.790.520.894
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.020.566.591	2.624.444.769
Khác	1.763.001.267	1.754.915.732
TỔNG CỘNG	**544.172.762.185**	**57.169.881.395**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	236.403.474.066	162.455.252.948
Chi phí phát hành trái phiếu	20.144.530.436	15.772.985.187
Phí cam kết rút vốn	8.637.577.667	-
Khác	355.238.011	-
TỔNG CỘNG	**265.540.820.180**	**178.228.238.135**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	4.957.335.566.237	3.101.476.420.230
Giá vốn bán cám	74.435.450.495	16.017.480.758
Giá vốn bán nông sản	-	2.255.882.309.090
Khác	89.390.786	5.820.446
TỔNG CỘNG	**5.031.860.407.518**	**5.373.382.030.524**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**169.405.139.839**	**88.595.748.566**
Chi phí vận chuyển	103.469.724.291	51.363.841.559
Chi phí nhân viên	27.758.313.799	23.314.530.198
Chi phí môi giới	25.665.745.513	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.932.967.362	6.787.656.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.604.776.129	2.571.125.318
Khác	3.973.612.745	4.558.595.122
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**217.763.088.293**	**110.675.788.777**
Chi phí nhân viên	115.155.758.816	62.465.111.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.960.112.254	20.859.607.248
Công cụ, dụng cụ	21.102.651.594	12.993.611.287
Chi phí từ thiện, hỗ trợ	14.847.807.480	-
Chi phí thuê	9.320.122.958	4.366.502.977
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.080.331.503	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.117.783.578	2.814.244.166
Khác	13.178.520.110	7.176.711.337
TỔNG CỘNG	**387.168.228.132**	**199.271.537.343**

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**10.021.238.799**	**108.698.847.641**
Nhận bồi thường	6.403.364.168	-
Lãi từ thanh lý công cụ, dụng cụ	1.244.533.998	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	99.598.856.404
Lãi từ thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	4.055.136.079
Các khoản khác	2.373.340.633	5.044.855.158
Chi phí khác	**(4.545.262.180)**	**(3.195.501.108)**
Lỗ từ thanh lý thuốc và vật tư thú y	(2.977.424.262)	-
Phạt chậm nộp thuế	(609.854.003)	(1.151.947.525)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(107.810.304)	-
Các khoản khác	(850.173.611)	(2.043.553.583)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**5.475.976.619**	**105.503.346.533**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	4.346.821.988.277	2.805.293.560.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	717.432.432.449	242.641.303.012
Chi phí nhân viên	206.724.736.610	144.054.013.474
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12, 13 và 14)*	38.691.829.970	29.152.031.108
Dự phòng	5.080.331.503	-
Chi phí nông sản	-	2.255.882.309.090
Khác	104.277.316.841	95.630.350.190
TỔNG CỘNG	**5.419.028.635.650**	**5.572.653.567.867**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và năm (5) chi nhánh hạch toán độc lập có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;
- Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	45.206.997.892
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(34.161.199.755)	29.526.595.656
TỔNG CỘNG	**(34.161.199.755)**	**74.733.593.548**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**64.115.727.401**	**429.805.270.364**
Thuế TNDN theo thuế suất 15% áp dụng cho Công ty	9.617.359.110	64.470.790.555
Các khoản điều chỉnh (giảm) tăng:		
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 132/2020/ND-CP *(*)*	10.522.267.758	(2.859.879.370)
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các chi nhánh hạch toán độc lập	8.963.917.719	1.361.581.603
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	3.170.815.771	2.850.397.340
Chi phí không được trừ	2.129.722.466	1.743.337.432
Cổ tức	(66.000.000.000)	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(2.565.282.579)	7.167.365.988
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	**(34.161.199.755)**	**74.733.593.548**

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng chi phí TNDN trong năm nay với tổng giá trị là 10.522.267.758 VND.

31.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong các năm sau	35.143.439.043	-	35.143.439.043	(29.742.058.012)
Chi phí phải trả ngắn hạn	401.412.198	1.628.420.543	(1.227.008.345)	607.063.072
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(148.897.658)	(393.666.715)	244.769.057	(391.600.716)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***35.395.953.583***	***1.234.753.828***		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại thuần			***34.161.199.755***	***(29.526.595.656)***

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.4 *Lỗ chuyển sang các năm sau*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính phát sinh từ Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty với số tiền là 295.781.555.703 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 16.672.373.481 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2025*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2025*
Trụ sở chính					
2023	2028	198.280.386.746	(198.280.386.746)	-	-
2025	2030	234.289.593.623	-	-	234.289.593.623
		432.569.980.369	(198.280.386.746)	-	234.289.593.623
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2021	2026	31.566.070	-	-	31.566.070
2022	2027	7.583.628.876	-	-	7.583.628.876
2023	2028	911.515.725	-	-	911.515.725
2024	2029	8.145.662.810	-	-	8.145.662.810
2025	2030	44.819.588.599	-	-	44.819.588.599
		61.491.962.080	-	-	61.491.962.080
TỔNG CỘNG		**494.061.942.449**	**(198.280.386.746)**	**-**	**295.781.555.703**

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2025*
Trụ sở chính					
2023	2028	71.736.201.790	(20.671.107.602)	-	51.065.094.188
2025	2030	62.717.344.188	-	-	62.717.344.188
		134.453.545.978	(20.671.107.602)	-	113.782.438.376
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2024	2029	1.817.791.705	-	-	1.817.791.705
2025	2030	5.573.330.647	-	-	5.573.330.647
		7.391.122.352	-	-	7.391.122.352
TỔNG CỘNG		**141.844.668.330**	**(20.671.107.602)**	**-**	**121.173.560.728**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 121.173.560.728 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 52.882.885.893 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

31.6 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ thuế chuyển sang các năm sau của các chi nhánh hạch toán độc lập do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai của các chi nhánh này và phần chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau của các chi nhánh hạch toán độc lập *(Thuyết minh số 31.4)*	61.491.962.080	16.672.373.481
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 31.5)*	121.173.560.728	52.882.885.893
TỔNG CỘNG	**182.665.522.808**	**69.555.259.374**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Anh Vũ Phú Yên	Công ty con
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Công ty con
Chăn nuôi Minh Thành	Công ty con
Bắc An Khánh	Công ty con
Đông An Khánh	Công ty con
Nam An Khánh	Công ty con
Trang Trại Xanh 1	Công ty con
Trang Trại Xanh 2	Công ty con
Hải Đăng Tây Ninh	Công ty con
Sông Hinh	Công ty con
BAF Tây Ninh	Công ty con
BAF Bình Định	Công ty con
BAF Meat Bình Phước	Công ty con
Tâm Hưng	Công ty con
Tân Châu	Công ty con
Thiên Phú Sơn	Công ty con
Chăn nuôi Kim Hợi	Công ty con
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Công ty con
Logistic BAF	Công ty con
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Công ty con
Tây An Khánh	Công ty con
Thanh Xuân	Công ty con
CNC BAF Tây Ninh 1	Công ty con
CNC BAF Tây Ninh 2	Công ty con
BAF Tây Ninh 1	Công ty con
Chăn nuôi TMC	Công ty con
Hòa Phát Bốn	Công ty con
Thành Đạt Gia Lai	Công ty con
BAF Ninh Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam ("Siba Food Việt Nam")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội ("Chi nhánh Siba Food Việt Nam tại Hà Nội")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty TNHH Agro Việt ("Viet Agro")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons")	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Siba Cư Jút ("Siba Cư Jút")	Công ty con của cổ đông lớn
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Prasad Gopalan	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên HĐQT (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên HĐQT độc lập (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024)
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024) kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
BAF Tây Ninh	Mua cám	1.050.603.637.039	862.227.652.057
	Vay	212.000.000.000	-
	Thu hồi cho vay	193.200.000.000	-
	Trả vay	180.500.000.000	-
	Cho vay	153.200.000.000	40.000.000.000
	Cổ tức	35.000.000.000	-
	Cấn trừ cổ tức phải thu	35.000.000.000	-
	Bán hàng	6.993.917.800	-
	Lãi cho vay	2.131.117.808	177.534.247
	Lãi vay	1.877.063.013	-
	Góp vốn	1.500.000.000	-
	Thu hộ	465.765.348	-
BAF Meat Bình Phước	Trả vay	5.890.000.000	803.000.000
	Lãi vay	269.653.142	488.789.919
Chăn nuôi Kim Hợi	Chi phí thuê trại	15.300.000.000	14.309.999.416
	Chi hộ	6.424.177.818	-
	Vay	3.000.000.000	3.300.000.000
	Trả vay	900.000.000	2.528.100.000
	Lãi vay	112.741.399	34.804.751
Anh Vũ Phú Yên	Mua heo	92.582.304.341	107.440.850.244
	Góp vốn	50.000.000.000	-
	Bán hàng	59.028.655.634	8.678.440.870
	Cho vay	43.250.000.000	44.735.680.090
	Thu hồi cho vay	19.000.000.000	6.300.000.000
	Nhận cổ tức	6.056.486.009	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	13.243.015	-
	Lãi cho vay	-	4.629.551.597
Đông An Khánh	Cho vay	57.200.000.000	81.970.000.000
	Mua heo	52.613.532.523	82.278.546.165
	Lãi cho vay	10.048.236.990	4.039.081.643
	Bán heo	9.642.939.179	4.298.092.484
	Thu hồi cho vay	5.000.000.000	4.500.000.000
	Thanh lý tài sản khác	114.998	-
Thiên Phú Sơn	Trả vay	5.060.000.000	550.000.000
	Lãi vay	2.704.209.862	2.820.770.959
Nam An Khánh	Mua heo	84.292.086.016	137.847.053.420
	Cho vay	36.630.000.000	101.875.408.510
	Thu hồi cho vay	16.000.000.000	-
	Lãi cho vay	8.476.808.894	3.007.755.262
	Bán hàng	1.679.413.260	918.062.100
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	42.054.946	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Trang Trại Xanh 2	Mua heo	200.883.921.007	177.500.089.574
	Cho vay	102.551.830.211	119.864.291.625
	Thu hồi cho vay	61.500.000.000	-
	Cổ tức	13.000.000.000	-
	Cấn trừ cổ tức phải thu	13.000.000.000	-
	Lãi cho vay	12.739.891.140	6.769.041.810
	Bán heo	76.037.028	10.061.519.910
	Thanh lý tài sản cố định	17.454.552	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	2.475.600	-
Trang Trại Xanh 1	Mua heo	235.470.252.907	121.119.361.780
	Bán cám	57.451.100.247	23.072.662.359
	Cho vay	45.550.000.000	36.310.000.000
	Thu hồi cho vay	18.400.000.000	4.000.000.000
	Lãi cho vay	12.394.931.376	9.745.748.583
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	892.182.164	-
	Góp vốn	800.000.000	-
	Thu nhập khác	892.000	-
Chăn nuôi Minh Thành	Mua heo	226.111.428.498	274.196.528.299
	Thu hồi cho vay	122.830.000.000	29.500.000.000
	Cổ tức	122.000.000.000	-
	Cấn trừ cổ tức phải thu	122.000.000.000	-
	Cho vay	71.700.000.000	71.660.000.000
	Bán cám	11.082.035.368	106.575.071.660
	Lãi cho vay	1.740.609.863	2.351.764.932
	Góp vốn	1.000.000.000	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	155.091.780	-
Tâm Hưng	Mua heo	73.743.813.723	1.614.358.000
	Cho vay	63.813.144.104	69.435.443.835
	Thu hồi cho vay	22.200.000.000	41.380.000.000
	Bán heo	18.765.083.596	41.302.568.440
	Lãi vay	4.477.277.391	1.583.699.738
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	152.164.370	-
	Thanh lý tài sản khác	15.554.998	-
	Góp vốn	-	94.000.000.000
	Vay	-	8.500.000.000
	Trả vay	-	8.500.000.000
	Lãi vay	-	104.556.165
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Chi phí thuê trại	11.274.545.455	8.356.363.636
	Thu hồi cho vay	4.958.606.034	20.150.000.000
	Lãi cho vay	2.095.372.526	2.330.030.105
	Cho vay	-	25.660.000.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tân Châu	Mua heo	366.948.071.140	10.915.930.000
	Thu hồi cho vay	70.500.000.000	49.000.000.000
	Cho vay	35.350.000.000	77.530.000.000
	Bán heo	9.301.544.956	31.574.650.660
	Lãi cho vay	4.623.959.277	3.618.178.359
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	54.846.070	-
	Thanh lý tài sản khác	700.000	-
	Góp vốn	-	49.150.000.000
Sông Hinh	Cho vay	28.488.989.313	-
	Trả vay	3.595.000.000	24.950.000.000
	Lãi cho vay	674.485.757	-
	Lãi vay	66.206.301	505.153.971
	Bán hàng	4.753.340	-
	Vay	-	1.800.000.000
Bắc An Khánh	Mua heo	323.432.726.341	353.292.734.860
	Thu hồi cho vay	137.600.000.000	29.885.000.000
	Cổ tức	120.000.000.000	-
	Cấn trừ cổ tức phải thu	60.000.000.000	-
	Cho vay	22.000.000.000	123.170.000.000
	Lãi cho vay	2.478.057.535	1.795.050.314
	Góp vốn	800.000.000	-
	Thanh lý tài sản khác	350.000	-
	Bán hàng	-	79.388.076.100
BAF Bình Định	Trả vay	98.340.000.000	5.870.000.000
	Vay	30.000.000.000	-
	Lãi cho vay	2.971.291.796	5.248.536.927
	Góp vốn	1.600.000.000	-
Hải Đăng Tây Ninh	Mua heo	728.428.113.750	7.914.779.500
	Thu hồi cho vay	291.000.000.000	63.958.916.807
	Cho vay	198.500.000.000	214.273.153.807
	Cổ tức	150.000.000.000	-
	Lãi cho vay	12.290.057.591	4.395.658.848
	Bán heo	4.060.357.394	10.008.166.909
	Thanh lý tài sản cố định	2.250.000.000	-
	Thanh lý cám	27.387.000	-
	Thanh lý tài sản khác	10.138.000	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	1.750.000	-
	Trả vay	-	103.587.705.000
	Vay	-	73.385.763.000
	Lãi vay	-	64.038.332
Tây An Khánh	Cho vay	111.800.000.000	21.120.000.000
	Góp vốn	68.000.000.000	-
	Thu hồi cho vay	58.470.000.000	1.470.000.000
	Lãi cho vay	2.230.827.946	356.919.452

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Logistic BAF	Sử dụng dịch vụ	55.332.543.406	26.945.491.041
	Cho vay	37.100.000.000	15.115.749.141
	Thanh lý tài sản cố định	25.174.700.000	-
	Lãi cho vay	1.503.032.618	646.672.967
	Bán hàng	266.187.522	-
	Thu hồi cho vay	-	2.000.000.000
	Góp vốn	-	19.970.000.000
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Trả vay	7.600.000.000	2.910.000.000
	Vay	4.000.000.000	16.350.000.000
	Mua hàng hóa	1.080.649.009	4.954.804.400
	Lãi vay	717.041.096	383.089.315
	Cho vay	-	3.850.000.000
	Thu hồi cho vay	-	3.850.000.000
	Góp vốn		2.000.000.000
	Lãi cho vay	-	42.115.069
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Góp vốn	213.000.000.000	30.000.000.000
	Vay	213.000.000.000	30.000.000.000
	Lãi vay	12.440.523.288	1.767.244.930
	Trả vay	4.750.000.000	90.000.000
Chăn nuôi TMC	Cho vay	179.941.000.000	-
	Thu hồi cho vay	139.800.000.000	-
	Góp vốn	80.753.032.838	-
	Bán hàng	13.629.453.071	-
	Thanh lý công cụ dụng cụ	2.681.718.159	-
	Lãi cho vay	2.192.901.863	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	1.079.146.004	-
	Mua hàng	671.694.362	-
	Thanh lý tài sản cố định	308.422.782	-
	Thanh lý cám	245.047.500	-
			-
CNC BAF Tây Ninh 1	Góp vốn	340.000.000.000	-
	Vay	339.500.000.000	-
	Lãi vay	12.885.747.945	-
	Trả vay	6.700.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 2	Góp vốn	340.000.000.000	-
	Vay	339.500.000.000	-
	Lãi vay	12.835.545.205	-
	Trả vay	5.600.000.000	-
BAF Tây Ninh 1	Góp vốn	80.000.000.000	-
	Vay	79.800.000.000	-
	Lãi vay	3.026.284.933	-
	Trả vay	1.700.000.000	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
BAF Ninh Bình	Góp vốn	150.000.000.000	-
	Vay	126.900.000.000	-
	Lãi vay	2.088.394.520	-
Siba Tech	Mua hàng	180.566.238.544	34.836.457.313
	Bán hàng	100.946.100	1.602.300
Thanh Xuân	Cho vay	36.670.000.000	-
	Bán hàng	33.489.594.097	-
	Mua hàng	1.649.786.508	-
	Lãi cho vay	832.578.081	-
	Thanh lý tài sản khác	413.241.377	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	258.239.815	-
	Thanh lý công cụ dụng cụ	37.313.637	-
Thành Đạt Gia Lai	Góp vốn	64.602.086.000	-
	Cho vay	45.840.000.000	-
	Thu hồi cho vay	2.400.000.000	-
	Lãi cho vay	479.421.369	-
Hoà Phát Bồn	Chi hộ	67.085.597.646	-
	Góp vốn	49.455.684.234	-
	Cho vay	32.115.454.040	-
	Thanh lý tài sản cố định	2.640.531.307	-
	Bán hàng	1.493.937.764	-
	Lãi cho vay	420.942.652	-
Tân Long	Mua hàng hóa	3.105.464.705	-
	Bán hàng	285.103.000	210.284.600
Siba Cư Jút	Mua hàng	897.070.343	-
A An	Bán hàng	58.656.000	6.212.591.700
	Mua hàng hóa	-	7.000.000
Siba Food Việt Nam	Bán sản phẩm từ heo	-	182.241.255.181
	Mua hàng hóa	-	56.968.718.202
Siba Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	98.774.930.000
	Mua cổ phiếu	-	40.048.420.000
Solacons	Mua hàng	-	1.197.271.724

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 01/HĐQT-BC ngày 30 tháng 7 năm 2025 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2025.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Chăn nuôi Minh Thành	Bán hàng	107.255.954.720	118.231.891.820
Anh Vũ Phú Yên	Bán hàng	49.101.345.001	94.788.706.238
Trang Trại Xanh 1	Bán hàng	46.769.998.737	43.849.093.160
Tâm Hưng	Bán hàng	42.985.660.341	24.302.568.440
Thanh Xuân	Bán hàng	34.165.328.326	-
BAF Logistic Việt Nam	Bán hàng	24.692.170.000	-
Đông An Khánh	Bán hàng	19.158.437.707	9.563.422.383
Chăn nuôi TMC	Bán hàng	18.407.305.056	-
Bắc An Khánh	Bán hàng	18.028.425.730	79.388.076.100
Hải Đăng Tây Ninh	Bán hàng	16.248.534.959	10.009.268.500
Tân Châu	Bán hàng	5.768.635.166	31.574.650.660
Hóa Phát Bốn	Bán hàng	4.508.875.661	-
Tân Long	Bán hàng	204.636.348	276.020.676
Nam An Khánh	Bán hàng	105.779.604	1.338.062.100
BAF Tây Ninh	Bán hàng	72.018.310	-
Sông Hinh	Bán hàng	4.980.007	-
Chi nhánh Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	Bán hàng	-	26.787.644.984
Siba Food Việt Nam	Bán hàng	-	24.715.415.253
Trang Trại Xanh 2	Bán hàng	-	8.661.519.910
A An	Bán hàng	-	6.709.599.036
Siba Tech	Bán hàng	-	1.730.484
TỔNG CỘNG		**387.478.086.673**	**480.197.669.744**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Trang Trại Xanh 2	Cho vay	225.863.025.836	184.811.195.625
Trang Trại Xanh 1	Cho vay	208.418.217.000	181.268.217.000
Đông An Khánh	Cho vay	180.505.000.000	128.305.000.000
Nam An Khánh	Cho vay	147.905.408.510	127.275.408.510
Anh Vũ Phú Yên	Cho vay	122.465.680.090	98.215.680.090
Tâm Hưng	Cho vay	84.678.587.939	43.065.443.835
Hải Đăng Tây Ninh	Cho vay	78.364.237.000	170.864.237.000
Tây An Khánh	Cho vay	72.980.000.000	19.650.000.000
Logistic BAF	Cho vay	50.215.749.141	13.115.749.141
Thành Đạt Gia Lai	Cho vay	43.065.443.835	-
Chăn nuôi TMC	Cho vay	40.141.000.000	-
Tân Châu	Cho vay	37.519.412.603	72.669.412.603
Thanh Xuân	Cho vay	36.670.000.000	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Cho vay	33.220.000.000	38.178.606.034
Hòa Phát Bốn	Cho vay	32.115.454.040	-
Sông Hình	Cho vay	28.488.989.313	-
Chăn nuôi Minh Thành	Cho vay	-	51.130.000.000
BAF Tây Ninh	Cho vay	-	40.000.000.000
Bắc An Khánh	Cho vay	-	115.600.000.000
TỔNG CỘNG		**1.422.990.761.472**	**1.284.148.949.838**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	102.240.418.462	6.672.053.139
Chăn nuôi Kim Hợi	Thuê trại	300.000.000	-
Solacons	Mua hàng	272.727.273	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Sử dụng dịch vụ	85.945.061	-
TỔNG CỘNG		**102.899.090.796**	**6.672.053.139**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác			
Hải Đăng Tây Ninh	Cổ tức	150.000.000.000	-
	Lãi cho vay	16.530.396.246	4.240.338.655
Hòa Phát Bốn	Chi hộ	67.085.597.646	-
	Lãi cho vay	420.942.652	-
Bắc An Khánh	Cổ tức	60.000.000.000	-
	Lãi cho vay	-	1.024.942.095
Trang Trại Xanh 1	Lãi cho vay	32.496.428.453	20.101.497.077
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.110.662.223	21.439.391.751
Trang Trại Xanh 2	Lãi cho vay	21.430.056.296	8.690.165.156
Anh Vũ Phú Yên	Lãi cho vay	20.282.730.210	14.226.244.201
Đông An Khánh	Lãi cho vay	14.808.002.195	4.759.765.205
Nam An Khánh	Lãi cho vay	11.920.959.772	3.444.150.878
Tân Châu	Lãi cho vay	8.920.999.554	4.297.040.277
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Lãi cho vay	8.493.143.622	6.397.771.096
Chăn nuôi TMC	Chi hộ	3.181.481.900	-
	Lãi cho vay	2.192.901.863	-
Tâm Hưng	Lãi cho vay	4.811.894.663	334.617.272
Logistic BAF	Lãi cho vay	2.151.861.598	1.048.828.980
	Chi hộ	604.762.852	-
Tây An Khánh	Lãi cho vay	2.583.266.303	352.438.357
Sông Hinh	Lãi cho vay	674.485.757	-
Thanh Xuân	Lãi cho vay	832.578.081	-
Thành Đạt Gia Lai	Lãi cho vay	479.421.369	-
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Lãi cho vay	351.756.600	-
Chăn nuôi Minh Thành	Lãi cho vay	-	5.783.642.528
BAF Tây Ninh	Lãi cho vay	-	177.534.247
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Khác	-	45.000.000
TỔNG CỘNG		**452.364.329.855**	**96.363.367.775**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu dài hạn khác			
Chăn nuôi Kim Hợi	Đặt cọc	11.280.000.000	11.280.000.000
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Đặt cọc	2.800.000.000	2.800.000.000
Chăn nuôi TMC	Đặt cọc	1.300.000.000	-
TỔNG CỘNG		**15.380.000.000**	**14.080.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Hải Đăng Tây Ninh	Mua hàng	291.416.794.089	4.501.778.500
BAF Tây Ninh	Mua hàng	225.858.401.872	270.724.694.586
Tân Châu	Mua hàng	150.636.727.198	8.495.930.000
Trang Trại Xanh 2	Mua hàng	137.781.649.437	58.469.768.410
Siba Tech	Xây dựng trại	112.394.195.051	-
Bắc An Khánh	Mua hàng	71.926.304.203	192.770.936.860
Trang Trại Xanh 1	Mua hàng	52.917.175.084	25.477.854.020
Nam An Khánh	Mua hàng	40.509.990.632	56.987.048.310
Tâm Hưng	Mua hàng	28.192.032.010	1.614.358.000
Anh Vũ Phú Yên	Mua hàng	21.831.488.239	28.736.982.173
Chăn nuôi Minh Thành	Mua hàng	8.616.762.691	152.103.271.013
Logistic BAF	Sử dụng dịch vụ	7.616.158.352	3.255.152.976
Đông An Khánh	Mua hàng	4.014.349.989	20.377.130.595
Tân Long	Mua hàng	1.470.020.000	182.084.109
Thanh Xuân	Mua hàng	1.249.258.075	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Sử dụng dịch vụ	1.100.000.000	834.000.000
Chăn nuôi TMC	Mua hàng	671.770.553	-
Siba Cư Jút	Mua hàng	611.891.203	-
Salacons	Mua hàng	43.636.364	704.993.636
Siba Food Việt Nam	Mua hàng	-	29.479.651.208
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Mua hàng	-	5.152.186.582
TỔNG CỘNG		**1.158.858.605.042**	**859.867.820.978**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác			
BAF Bình Định	Lãi vay	17.948.462.276	14.977.170.478
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Lãi vay	14.207.768.218	1.767.244.930
CNC BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	12.885.747.945	-
CNC BAF Tây Ninh 2	Lãi vay	12.835.545.205	-
Thiên Phú Sơn	Lãi vay	8.220.103.564	5.515.893.702
BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	3.026.284.933	-
BAF Ninh Bình	Lãi vay	2.088.394.520	-
BAF Tây Ninh	Lãi vay	1.877.063.013	-
BAF Meat Bình Phước	Lãi vay	1.283.268.826	1.013.615.674
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Lãi vay	1.100.130.411	383.089.315
Chăn nuôi Kim Hợi	Lãi vay	112.741.399	111.336.588
Logistic BAF	Khác	95.958.000	-
Sông Hinh	Lãi vay	-	6.599.804.385
TỔNG CỘNG		**75.681.468.310**	**30.368.155.072**
Vay ngắn hạn			
CNC BAF Tây Ninh 2	Vay	333.900.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 1	Vay	332.800.000.000	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Vay	238.160.000.000	29.910.000.000
BAF Ninh Bình	Vay	126.900.000.000	-
BAF Tây Ninh 1	Vay	78.100.000.000	-
Thiên Phú Sơn	Vay	41.630.000.000	46.690.000.000
BAF Tây Ninh	Vay	31.500.000.000	-
BAF Bình Định	Vay	14.565.119.000	82.905.119.000
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Vay	9.940.000.000	13.540.000.000
Chăn nuôi Kim Hợi	Vay	2.871.900.000	771.900.000
BAF Meat Bình Phước	Vay	1.952.000.000	7.842.000.000
Sông Hinh	Vay	-	3.595.000.000
TỔNG CỘNG		**1.212.319.019.000**	**185.254.019.000**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và Ban Tổng Giám đốc:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Trương Sỹ Bá	324.000.000	108.000.000
Bà Bùi Hương Giang	1.561.153.952	710.776.927
Ông Nguyễn Duy Tân	194.400.000	15.934.426
Ông Lê Xuân Thọ	194.400.000	64.800.000
Ông Bùi Quang Huy	-	-
Ông Prasad Gopalan	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tân	-	44.262.295
Ông Trương Anh Tuấn	1.304.206.200	480.156.748
Ông Nguyễn Văn Non	-	-
Ông Ngô Cao Cường	1.327.217.160	588.388.229
Ông Nguyễn Văn Minh	1.330.116.985	48.645.769
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	31.601.096	43.200.000
Bà Dương Thị Hồng Tân	546.774.250	-
Bà Lưu Ngọc Trâm	81.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	327.187.252	488.921.254
Bà Trần Thị Thanh Trà	397.531.071	
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	583.331.683	351.871.062
TỔNG CỘNG	**8.202.919.649**	**2.971.956.710**

33. CÁC CAM KẾT

33.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	359.433.059.105	302.143.304.698
Từ 1 năm đến 5 năm	1.362.452.002.480	1.102.287.291.156
Trên 5 năm	2.164.281.211.436	1.824.983.780.116
TỔNG CỘNG	**3.886.166.273.021**	**3.229.414.375.970**

33.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Giai Xuân	417.961.139.495	630.414.122.607

33.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 7)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết	150.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát	145.000.000.000	115.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	29.382.002.750
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	29.623.451.000
Công ty Cổ phần Thành Sen HT - QT	35.000.000.000	28.962.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.963.707.500
Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương	30.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	**729.840.000.000**	**591.243.079.500**

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương từ bên thứ ba với tổng giá mua là 29.997.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025. Theo đó, Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Ngoài sự kiện được nêu tại *Thuyết minh số 22*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC tổng hợp kiểm toán năm 2025 so với năm 2024	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("BAF") xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Tại Báo cái tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2025 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận trước thuế	64.115.727.401	429.805.270.364	(365.689.542.963)	-85%
Lợi nhuận sau thuế	98.276.927.156	355.071.676.816	(256.794.749.660)	-72%

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024 do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá heo hơi giảm sâu trong giai đoạn tháng 10-11/2025, xuống vùng đáy khoảng 45-46.000 đ/kg, do ảnh hưởng đồng thời của dịch bệnh (ASF), thiên tai diện rộng khiến biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp đáng kể.
- Chi phí sản xuất tăng cao đặc biệt trong Q4, bao gồm chi phí phòng chống dịch, chi phí xử lý môi trường, và chi phí vận hành phát sinh do điều kiện thời tiết bất lợi, làm giá thành bình quân tăng trong khi giá bán giảm.
- Việc đưa nhiều trại mới vào vận hành trong năm 2025 khiến chi phí cố định (nhân sự, điện nước, khấu hao, chi phí vận hành ban đầu) tăng nhanh, trong khi hiệu suất chưa đạt mức tối ưu ngay trong giai đoạn đầu. Điều này khiến biên lợi nhuận gộp chưa phản ánh hết tiềm năng của hệ thống trại, đồng thời tạo áp lực lên dòng tiền và các chỉ số tài chính ngắn hạn trong Q4/2025. Tuy nhiên, khi sản lượng tăng dần và quy trình vận hành đi vào ổn định trong năm 2026, chi phí đơn vị kỳ vọng sẽ giảm đáng kể, giúp cải thiện lợi nhuận.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán như sau:

Tại Báo cái tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2025 sau kiểm toán (VND)	Năm 2025 trước kiểm toán (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận trước thuế năm 2025_Báo cáo riêng	64.115.727.401	66.290.562.570	(2.174.835.169)	-3%
Lợi nhuận sau thuế năm 2025_Báo cáo riêng	98.276.927.156	67.435.082.508	30.841.844.648	46%
Lợi nhuận trước thuế năm 2025_Báo cáo hợp nhất	99.838.409.483	101.923.057.760	(2.084.648.277)	-2%
Lợi nhuận sau thuế năm 2025_Báo cáo hợp nhất	127.130.389.938	100.446.618.025	26.683.771.913	27%

Lợi nhuận trước thuế trước và sau kiểm toán không có sự chênh lệch nhiều, phần chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán chủ yếu phát sinh từ việc ghi nhận tăng tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ được chuyển sang các kỳ sau. Khoản lỗ này là các khoản lỗ phát sinh trong giai đoạn đầu hoạt động của một số trang trại, khi chi phí còn cao và hiệu quả vận hành chưa tối ưu. Các khoản lỗ này được phép chuyển sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận khi hoạt động ổn định, qua đó làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp trong tương lai.

Việc điều chỉnh này được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, căn cứ vào khả năng tạo ra thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển tiếp, qua đó làm thay đổi chi phí thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế trong kỳ.

Việc ghi nhận và điều chỉnh nêu trên được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các quy định pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo phản ánh hợp lý, nhất quán và minh bạch tình hình tài chính của Công ty.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

EY

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 62

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 22 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 651/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập
Ông Prasad Gopalan	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2025
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	
	Giám Đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026
Ông Nguyễn Phạm Xuân Quang	Giám Đốc Tài Chính	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bùi Hương Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12943524/69410718-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9220 quyển số 07 - SCT/BS
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN SƠN HÀ
P. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**4.341.827.253.256**	**3.081.018.989.584**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***365.021.213.113***	***148.911.935.224***
111	1. Tiền		363.271.213.113	146.361.935.224
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.750.000.000	2.550.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***478.318.619.057***	***290.692.994.520***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	478.318.619.057	290.692.994.520
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***709.867.390.507***	***444.109.706.085***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	83.291.911.776	188.713.231.186
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	537.429.788.955	197.401.601.586
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		174.600.000	75.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	98.317.429.829	62.184.888.730
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 9, 10	(9.346.340.053)	(4.266.008.550)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	993.133
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***2.725.620.167.681***	***2.156.075.218.789***
141	1. Hàng tồn kho		2.725.620.167.681	2.156.075.218.789
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***62.999.862.898***	***41.229.134.966***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	44.740.522.090	24.697.495.919
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	22	12.171.422.216	13.170.833.545
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	6.087.918.592	3.360.805.502

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**6.438.201.542.044**	**4.368.011.054.921**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***260.322.902.238***	***223.711.119.764***
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	260.322.902.238	223.711.119.764
220	***II. Tài sản cố định***		***3.457.518.549.018***	***2.394.359.900.776***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.311.518.714.313	2.370.091.495.437
222	Nguyên giá		3.978.274.414.612	2.799.386.400.242
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(666.755.700.299)	(429.294.904.805)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	126.863.154.332	18.544.007.818
225	Nguyên giá		133.825.560.443	19.505.272.157
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.962.406.111)	(961.264.339)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	19.136.680.373	5.724.397.521
228	Nguyên giá		27.992.232.944	12.851.946.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.855.552.571)	(7.127.548.479)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***1.392.177.973.739***	***891.504.067.834***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	1.392.177.973.739	891.504.067.834
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***1.328.182.117.049***	***858.435.966.547***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	1.273.557.175.808	848.366.480.327
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	52.845.927.035	7.911.525.964
269	3. Lợi thế thương mại	18	1.779.014.206	2.157.960.256
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**10.780.028.795.300**	**7.449.030.044.505**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**6.715.907.354.731**	**4.513.278.390.887**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***4.331.765.436.897***	***3.064.578.385.158***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	1.991.888.458.950	1.771.091.171.271
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	6.010.055.855	5.276.042.960
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	23.614.451.171	62.323.789.180
314	4. Phải trả người lao động		75.885.060.524	38.579.689.556
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	39.216.335.175	47.170.294.972
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	16.195.596.717	1.430.410.288
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	2.178.955.478.505	1.138.706.986.931
330	***II. Nợ dài hạn***		***2.384.141.917.834***	***1.448.700.005.729***
331	1. Phải trả người bán dài hạn	19.1	36.687.475.369	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	40.487.000.000	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.2, 23.4, 23.6	1.798.442.357.590	965.305.230.814
339	4. Trái phiếu chuyển đổi	23.5	500.111.035.851	475.246.584.653
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	8.414.049.024	8.148.190.262
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.064.121.440.569**	**2.935.751.653.618**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***4.064.121.440.569***	***2.935.751.653.618***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.040.216.420.000*	*2.390.216.420.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	356.620.000.000	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	24.1	137.648.613.977	137.648.613.977
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	525.179.035.393	398.258.489.337
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*398.258.489.337*	*80.886.120.588*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*126.920.546.056*	*317.372.368.749*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	4.457.371.199	9.628.130.304
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**10.780.028.795.300**	**7.449.030.044.505**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thùy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	5.042.057.009.216	5.641.031.044.668
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(4.205.729.912)	(345.310.400)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	5.037.851.279.304	5.640.685.734.268
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(4.355.999.759.423)	(4.924.408.550.657)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		681.851.519.881	716.277.183.611
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	21.554.122.723	22.223.669.006
22	7. Chi phí tài chính	27	(290.569.836.219)	(222.236.807.563)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(257.832.397.308)*	*(200.749.516.378)*
25	8. Chi phí bán hàng	29	(85.114.023.835)	(76.630.177.559)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(241.046.166.245)	(137.280.743.174)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86.675.616.305	302.353.124.321
31	11. Thu nhập khác	30	15.427.879.665	110.219.000.409
32	12. Chi phí khác	30	(2.265.086.487)	(6.323.112.507)
40	13. Lợi nhuận khác	30	13.162.793.178	103.895.887.902
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		99.838.409.483	406.249.012.223
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(17.376.561.854)	(56.645.068.978)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	32.3	44.668.542.309	(30.667.629.197)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		127.130.389.938	318.936.314.048
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	24.1	126.621.177.023	317.047.520.186
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	509.212.915	1.888.793.862
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	499	1.556
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	499	1.496

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**99.838.409.483**	**406.249.012.223**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 18	251.264.148.871	165.204.122.921
03	Dự phòng		5.080.331.503	-
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại		(177.485.917)	319.972.344
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.250.762.023)	(113.101.899.121)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	27	277.976.927.744	216.557.611.961
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**617.731.569.661**	**675.228.820.328**
09	Giảm các khoản phải thu		64.848.401.918	232.218.560.086
10	Tăng hàng tồn kho		(569.544.948.892)	(563.113.988.003)
11	Giảm các khoản phải trả		(773.750.129.223)	(374.099.928.174)
12	Tăng chi phí trả trước		(401.901.843.898)	(48.960.786.479)
14	Tiền lãi vay đã trả		(261.905.278.003)	(197.800.814.533)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	22	(55.195.305.860)	(25.039.436.026)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	9.631.757.785
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(1.379.717.534.297)**	**(291.935.815.016)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.288.108.009.294)	(797.683.567.007)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		178.927.923	294.086.397.917
23	Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(436.975.624.537)	(302.867.994.520)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		249.250.400.000	339.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.712.714.848)	(127.228.642.500)
27	Lãi tiền gửi, lãi cho vay		13.308.167.403	20.878.934.597
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(1.464.058.853.353)**	**(573.814.871.513)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24.1	1.006.620.000.000	711.036.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	21, 23	3.644.852.328.504	2.094.667.207.221
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(1.579.242.085.284)	(1.879.603.287.627)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	23	(12.344.577.681)	(2.317.066.160)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		-	(4.320.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**3.059.885.665.539**	**919.462.853.434**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**216.109.277.889**	**53.712.166.905**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**148.911.935.224**	**95.165.075.409**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	34.692.910
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**365.021.213.113**	**148.911.935.224**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thúy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.440 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.125 người).

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 29 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	98,00%	100,00%	98,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	99,27%	100,00%	99,27%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	98,00%	100,00%	98,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty TNHH Thức ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	99,00%	100,00%	99,00%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(12) Công ty TNHH Nông Nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Gia Lai	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	98,55%	100,00%	98,55%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Bình Phước")	Đồng Nai	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
(23) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 1 ("CNC BAF Tay Ninh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(24) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 2 ("CNC BAF Tay Ninh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(25) Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh 1 ("BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(26) Công ty Cổ phần Chăn nuôi TMC ("Chăn nuôi TMC")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,98%	-	99,98%	-
(27) Công ty TNHH Hòa Phát Bốn ("Hòa Phát Bốn")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(28) Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Thành Đạt Gia Lai ("Thành Đạt Gia Lai")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(29) Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình ("BAF Ninh Bình")	Ninh Bình	Chế biến thực phẩm	100,00%	-	100,00%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Giá mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ liền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm máy tính	3 – 10 năm
Gia súc	4 năm

3.8 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Gia súc;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Khác

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đã ký. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại tương ứng của các hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

- Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Mua tài sản

Nhóm Công ty mua các công ty con có sở hữu tài sản và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Nhóm Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.11 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Trái phiếu phát hành*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết gia đình của họ.

3.21 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, mà chỉ trình bày thông tin theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty tại *Thuyết minh số 35*.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 *Thành lập Công ty CNC BAF Tây Ninh 1*

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập CNC BAF Tây Ninh 1 với số vốn điều lệ là 340.000.000.000 VND. Tại ngày 14 tháng 5 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào CNC BAF Tây Ninh 1.

CNC BAF Tây Ninh 1 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356751 do Sở Tài chính ("STC") Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

4.2 *Thành lập Công ty CNC BAF Tây Ninh 2*

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập CNC BAF Tây Ninh 2 với số vốn điều lệ là 340.000.000.000 VND. Tại ngày 15 tháng 5 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào CNC BAF Tây Ninh 2.

CNC BAF Tây Ninh 2 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356769 do STC Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

4.3 *Thành lập Công ty BAF Tây Ninh 1*

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập BAF Tây Ninh 1 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND. Tại ngày 8 tháng 5 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào BAF Tây Ninh 1.

BAF Tây Ninh 1 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3901356776 do STC Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 4 tháng 3 năm 2025.

4.4 *Mua Công ty Chăn nuôi TMC*

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,98% vốn góp trong Chăn nuôi TMC từ bên thứ ba với tổng giá mua là 77.633.032.838 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 4 năm 2025. Theo đó, Chăn nuôi TMC trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Chăn nuôi TMC sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại xã Yang Nam, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Chăn nuôi TMC từ giao dịch này là 33.993.484.092 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Chăn nuôi TMC nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 *Thành lập Công ty BAF Ninh Bình*

Ngày 7 tháng 7 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/NQ/HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập BAF Ninh Bình với số vốn điều lệ là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 1 tháng 10 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn bằng tiền vào BAF Ninh Bình.

BAF Ninh Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0700903053 do STC Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 17 tháng 7 năm 2025.

4.6 *Mua Công ty Hòa Phát Bốn*

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Hòa Phát Bốn từ bên thứ ba với tổng giá mua là 58.383.684.234 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2024. Theo đó, Hòa Phát Bốn trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Hòa Phát Bốn sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại Làng Tu, xã Ia Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Hòa Phát Bốn từ giao dịch này là 8.426.105.936 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Hòa Phát Bốn nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

4.7 *Mua Công ty Thành Đạt Gia Lai*

Vào ngày 13 tháng 8 năm 2025, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Thành Đạt Gia Lai từ bên thứ ba với tổng giá mua là 64.602.086.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 1 năm 2024. Theo đó, Thành Đạt Gia Lai trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Thành Đạt Gia Lai sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại Làng Bông Pim, xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Thành Đạt Gia Lai từ giao dịch này là 932.345.559 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Thành Đạt Gia Lai nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	102.707.000	43.460.000
Tiền gửi ngân hàng *(*)*	245.621.751.920	146.318.475.224
Tiền đang chuyển *(**)*	117.546.754.193	-
Các khoản tương đương tiền *(***)*	1.750.000.000	2.550.000.000
TỔNG CỘNG	**365.021.213.113**	**148.911.935.224**

(*) Số cuối năm của tiền gửi ngân hàng bao gồm khoản tiền gửi với giá trị là 38.300.000.000 VND thuộc tài khoản phong tỏa số 1103809999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định nhưng Nhóm Công ty chưa được sử dụng số tiền này. Đây là tiền đăng ký mua trái phiếu từ các cá nhân và tổ chức theo phương án phát hành trái phiếu của Nhóm Công ty trong năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, số tiền này đã được phép sử dụng do Nhóm Công ty đã hoàn thành đợt phát hành trái phiếu nêu trên vào ngày 5 tháng 1 năm 2026 *(Thuyết minh số 21)*.

(**) Số cuối năm của tiền đang chuyển thể hiện khoản tiền mà Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quận 9 giải ngân để thanh toán cho nhà cung cấp, nhưng đến thời điểm cuối năm nhà cung cấp vẫn chưa nhận được khoản tiền này.

(***) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,25% đến 4,70%/năm.

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:		
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	243.980.200.000

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,30% đến 6,30%/năm. Nhóm Công ty đã sử dụng một phần khoản tiền gửi này để đảm bảo cho các khoản vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1 và Thuyết minh số 23.2)*.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên khác	83.083.966.092	130.173.086.209
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	*55.163.364.860*	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	*10.620.432.652*	-
Công ty TNHH Com Ngon Siba	*5.997.514.597*	-
Công ty Cổ phần Việt Phi	*82.059.480*	*121.687.811.000*
Các bên khác	*11.220.594.503*	*8.485.275.209*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	207.945.684	58.540.144.977
TỔNG CỘNG	**83.291.911.776**	**188.713.231.186**
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(1.524.134.125)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**81.767.777.651**	**188.713.231.186**

Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.524.134.125	-
Số cuối năm	1.524.134.125	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	402.009.862.761	178.182.654.064
Nhóm cá nhân để mua các công ty con (*)	*151.359.508.504*	*127.228.642.500*
Henan Muyuan Intelligent Technology Co., Ltd	*55.418.654.174*	-
Tổng Công ty Thành An	*22.379.708.146*	-
Công ty TNHH Cơ Điện Tự Động Hóa Thái Hưng	*20.378.110.000*	-
Công ty Cổ phần VS Group	*14.581.461.723*	-
Các bên khác	*137.892.420.214*	*50.954.011.564*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	135.419.926.194	19.218.947.522
TỔNG CỘNG	**537.429.788.955**	**197.401.601.586**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(3.359.364.084)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**534.070.424.871**	**197.401.601.586**

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhóm cá nhân nhằm mục đích mua các công ty con. *(Thuyết minh số 36.3)*. Các nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm *(Thuyết minh số 37)*.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.359.364.084	-
Số cuối năm	3.359.364.084	-

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**98.317.429.829**	**62.184.888.730**
Ký quỹ	33.726.543.174	3.974.504.400
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.110.662.223	21.493.391.751
Tạm ứng nhân viên	13.109.657.424	5.159.528.406
Thuế GTGT từ hợp đồng thuê tài chính	8.181.815.291	1.169.900.606
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	6.928.584.803	4.188.990.639
Khác	14.260.166.914	26.198.572.928
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*22.110.662.223*	*21.493.391.751*
Các bên khác	*76.206.767.606*	*40.691.496.979*
Dài hạn	**260.322.902.238**	**223.711.119.764**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	260.322.902.238	223.711.119.764
TỔNG CỘNG	**358.640.332.067**	**285.896.008.494**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 10)*	(4.462.841.844)	(4.266.008.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	**354.177.490.223**	**281.629.999.944**

Tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khác như sau:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.266.008.550	4.266.008.550
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.054.412.684	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.857.579.390)	-
Số cuối năm	4.462.841.844	4.266.008.550

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
AG World International Corporation	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160	2.408.429.160
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thành An	1.414.650.000	1.414.650.000	1.414.650.000	-
Công ty TNHH Acespace	1.328.373.000	1.328.373.000	1.328.373.000	-
Khác	4.338.045.854	4.194.887.893	4.619.256.988	1.857.579.390
TỔNG CỘNG	**9.489.498.014**	**9.346.340.053**	**9.770.709.148**	**4.266.008.550**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.281.252.881.018	1.920.259.929.631
Nguyên vật liệu	260.707.398.378	175.243.324.601
Thành phẩm	136.895.346.551	24.139.170.455
Công cụ, dụng cụ	45.989.794.643	26.468.055.074
Hàng mua đang đi trên đường	758.547.091	9.722.965.220
Hàng hóa	16.200.000	241.773.808
TỔNG CỘNG	**2.725.620.167.681**	**2.156.075.218.789**

Một số hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty tại các ngân hàng thương mại *(Thuyết minh số 23.2)*.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Gia súc*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	2.084.102.076.238	597.609.566.610	65.485.686.945	29.337.853.312	22.851.217.137	2.799.386.400.242
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	714.367.523.927	148.412.212.187	5.158.249.044	2.611.770.392	58.282.363.146	928.832.118.696
Mua mới trong năm	52.129.368.894	170.561.373.156	22.824.759.640	23.143.246.879	10.190.055.846	278.848.804.415
Thanh lý	(318.391.000)	(7.564.977.830)	-	(1.201.474.660)	(19.708.065.251)	(28.792.908.741)
Số cuối năm	2.850.280.578.059	909.018.174.123	93.468.695.629	53.891.395.923	71.615.570.878	3.978.274.414.612
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*4.473.289.191*	*8.684.171.980*	*120.717.000*	*584.802.714*	*309.350.578*	*14.172.331.463*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(306.213.022.327)	(90.464.416.688)	(22.673.607.949)	(5.825.192.786)	(4.118.665.055)	(429.294.904.805)
Khấu hao trong năm	(153.133.263.738)	(66.210.704.798)	(7.227.901.628)	(5.326.021.661)	(11.234.092.599)	(243.131.984.424)
Thanh lý	124.615	229.399.557	-	595.815.261	4.845.849.497	5.671.188.930
Số cuối năm	(459.346.161.450)	(156.445.721.929)	(29.901.509.577)	(10.555.399.186)	(10.506.908.157)	(666.755.700.299)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	1.777.889.053.911	507.145.149.922	42.812.078.996	23.512.660.526	18.732.552.082	2.370.091.495.437
Số cuối năm	2.390.934.416.609	752.572.452.194	63.567.186.052	43.335.996.737	61.108.662.721	3.311.518.714.313
Trong đó						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 23)	*1.936.092.691.895*	*485.505.564.675*	*17.722.792.817*	*16.365.160.863*	*7.707.532.489*	*2.463.393.742.739*

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	19.505.272.157	-	19.505.272.157
Thuê trong năm	-	114.320.288.286	114.320.288.286
Số cuối năm	19.505.272.157	114.320.288.286	133.825.560.443
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(961.264.339)	-	(961.264.339)
Hao mòn trong năm	(2.033.627.134)	(3.967.514.638)	(6.001.141.772)
Số cuối năm	(2.994.891.473)	(3.967.514.638)	(6.962.406.111)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	18.544.007.818	-	18.544.007.818
Số cuối năm	16.510.380.684	110.352.773.648	126.863.154.332

Theo hợp đồng thuê tài chính, công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị và phương tiện vận tải khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 23.6.*

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	12.851.946.000
Mua mới trong năm	527.491.444
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.058.565.500
Phân loại lại	(445.770.000)
Số cuối năm	27.992.232.944
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*760.250.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(7.127.548.479)
Hao mòn trong năm	(1.752.076.625)
Phân loại lại	24.072.533
Số cuối năm	(8.855.552.571)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	5.724.397.521
Số cuối năm	19.136.680.373

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Máy móc, thiết bị	266.445.606.256	85.460.539.637
Xây dựng trại Tây An Khánh	247.596.125.101	17.864.951.817
Xây dựng trại Giai Xuân	217.873.407.312	90.032.182.796
Xây dựng trại Sông Hinh	162.479.145.346	13.112.629.939
Xây dựng trại Bình Định	74.222.045.278	-
Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các trại heo	72.923.261.592	5.715.872.000
Xây dựng trại Hải Đăng Tây Ninh	58.211.622.665	405.388.225.969
Xây dựng trại Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh	42.684.930.896	36.593.012.147
Xây dựng trại Thành Đạt Gia Lai	31.724.240.214	-
Thiết bị rửa xe ở trại heo	23.722.822.227	-
Xây dựng trại Tâm Hưng	22.490.424.162	47.339.379.533
Xây dựng trại Tân Châu	20.768.750.995	29.653.250.824
Xây dựng trại TMC	16.101.630.863	-
Phần mềm SAP	-	13.140.273.650
Khác	134.933.960.832	147.203.749.522
TỔNG CỘNG	**1.392.177.973.739**	**891.504.067.834**

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23.1 và Thuyết minh số 23.2*).

16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 3.663.378.871 VND (2024: 17.115.773.544 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án Đầu tư Trang trại của Nhóm Công ty.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**44.740.522.090**	**24.697.495.919**
Công cụ, dụng cụ	24.847.297.281	10.857.358.203
Chi phí bảo hiểm	2.692.868.952	1.248.728.983
Phần mềm	2.168.085.111	533.663.908
Khác	15.032.270.746	12.057.744.825
Dài hạn	**1.273.557.175.808**	**848.366.480.327**
Gia sức	638.353.263.815	392.147.544.263
Thuê đất *(*)*	518.862.388.041	370.151.750.132
Công cụ, dụng cụ	43.089.914.879	46.739.058.184
Chi phí cải tạo và sửa chữa	29.469.040.785	9.425.287.377
Chi phí tư vấn	15.168.692.243	10.183.897.652
Chi phí quản lý dự án	10.338.468.990	-
Chi phí thu xếp và bảo lãnh khoản vay ngân hàng	5.892.934.918	6.190.729.435
Chi phí quảng cáo	1.666.666.667	3.333.333.333
Khác	10.715.805.470	10.194.879.951
TỔNG CỘNG	**1.318.297.697.898**	**873.063.976.246**

(*) Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.2)*.

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Nguyên giá:		
Số đầu năm và số cuối năm	3.789.460.500	3.789.460.500
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm	(1.631.500.244)	(1.252.554.194)
Phân bổ trong năm	(378.946.050)	(378.946.050)
Số cuối năm	(2.010.446.294)	(1.631.500.244)
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	2.157.960.256	2.536.906.306
Số cuối năm	1.779.014.206	2.157.960.256

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

19.1 *Phải trả người bán*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**1.991.888.458.950**	**1.771.091.171.271**
Phải trả các bên khác	1.681.472.997.381	1.562.359.069.479
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	*1.012.885.875.700*	*461.403.046.800*
Công ty Cổ phần VS Group	*54.570.706.065*	-
Công ty TNHH Thép Thông Minh Toàn Cầu	*36.323.164.025*	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Cao Thăng	*35.210.832.809*	-
Henan Muyuan Intelligent Technology Co., Ltd	*31.952.324.459*	*11.646.274.920*
Công ty TNHH Thiết Lập	*23.563.884.600*	-
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	-	*345.918.789.340*
Công ty Cổ phần Phát triển Nông Nghiệp Bảo Lộc	-	*316.855.022.050*
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	-	*158.540.603.000*
Các bên khác	*486.966.209.723*	*267.995.333.369*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	310.415.461.569	208.732.101.792
Dài hạn	**36.687.475.369**	-
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	36.687.475.369	-
TỔNG CỘNG	**2.028.575.934.319**	**1.771.091.171.271**

19.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác trả trước	6.010.055.855	5.195.384.460
Ông Phan Tiến Dũng	*1.978.843.579*	-
Công ty TNHH Anh Hoàng Thy	*560.908.000*	-
Công ty TNHH CJ Vina Agri - Chi Nhánh Bình Dương	-	*3.583.548.387*
Các bên khác	*3.470.304.276*	*1.611.836.073*
Trả trước từ bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	-	80.658.500
TỔNG CỘNG	**6.010.055.855**	**5.276.042.960**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	25.762.634.166	29.835.514.861
Chi phí điện nước	6.683.779.657	5.496.341.606
Chi phí vận chuyển	1.831.257.988	854.706.060
Chi phí xử lý nước thải	1.024.943.544	3.040.775.090
Chi phí gia công	-	2.991.739.498
Khác	3.913.719.820	4.951.217.857
TỔNG CỘNG	**39.216.335.175**	**47.170.294.972**

21. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**16.195.596.717**	**1.430.410.288**
Chi phí bảo hiểm	11.453.959.222	1.046.825.900
Nhận ký quỹ, ký cược	3.023.000.000	-
Khác	1.718.637.495	383.584.388
Dài hạn	**40.487.000.000**	-
Phải trả từ việc phát hành trái phiếu (*)	38.300.000.000	-
Khác	2.187.000.000	-
TỔNG CỘNG	**56.682.596.717**	**1.430.410.288**

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 06.10.2025/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025 và NQ HĐQT số 04.11.2025/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2025, HĐQT của Nhóm Công ty đã thông qua việc chào bán 10.000 trái phiếu ra công chúng với mệnh giá là 100 triệu VND/trái phiếu, giá chào bán là 100 triệu VND/trái phiếu, lãi suất 10,0%/năm. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2025, Nhóm Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 447/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành, chấp thuận việc chào bán trái phiếu nêu trên.

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị 1.000 tỷ VND, lãi suất 10,0%/năm với kỳ hạn 36 tháng.

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty đã nhận được Công văn số 148/UBCK-QLCB từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận báo cáo kết quả chào bán trái phiếu nói trên của Nhóm Công ty.

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.170.833.545	14.648.869.570	(15.648.280.899)	12.171.422.216
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.358.898.089	-	(97.929.542)	3.260.968.547
Thuế giá trị gia tăng	-	8.579.204.407	(5.892.705.886)	2.686.498.521
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.413	-	-	1.907.413
Khác	-	271.886.073	(133.341.962)	138.544.111
TỔNG CỘNG	**16.531.639.047**	**23.499.960.050**	**(21.772.258.289)**	**18.259.340.808**
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.627.060.071	17.376.561.854	(55.293.235.402)	17.710.386.523
Thuế giá trị gia tăng	4.133.473.414	21.473.747.603	(22.020.475.789)	3.586.745.228
Thuế thu nhập cá nhân	2.556.232.476	66.961.129.480	(67.676.844.938)	1.840.517.018
Thuế khác	7.023.219	9.184.414.036	(8.714.634.853)	476.802.402
TỔNG CỘNG	**62.323.789.180**	**114.995.852.973**	**(153.705.190.982)**	**23.614.451.171**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**1.138.706.986.931**	**2.417.461.414.127**	**(1.862.664.311.531)**	**2.458.851.087**	**-**	**482.992.537.891**	**2.178.955.478.505**
Vay ngắn hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	712.607.602.496	2.409.070.983.461	(1.426.108.622.033)	-	-	-	1.695.569.963.924
Vay ngắn hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.2)*	124.211.111.808	-	(124.211.111.817)	-	-	160.022.933.210	160.022.933.201
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.4)*	297.541.148.913	-	(300.000.000.000)	2.458.851.087	-	296.058.840.183	296.058.840.183
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.6)*	4.347.123.714	8.390.430.666	(12.344.577.681)	-	-	26.910.764.498	27.303.741.197
Dài hạn	**1.440.551.815.467**	**1.331.092.016.142**	**(28.922.351.434)**	**17.685.679.349**	**21.138.771.808**	**(482.992.537.891)**	**2.298.553.393.441**
Vay ngân hàng và quỹ *(Thuyết minh số 23.2)*	664.799.554.930	722.981.345.043	(28.922.351.434)	-	-	(160.022.933.210)	1.198.835.615.329
Vay đối tượng khác *(Thuyết minh số 23.3)*	-	21.668.075.000	-	-	-	-	21.668.075.000
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.4)*	287.664.593.601	474.500.000.000	-	13.959.999.959	-	(296.058.840.183)	480.065.753.377
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.5)*	475.246.584.653	-	-	3.725.679.390	21.138.771.808	-	500.111.035.851
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.6)*	12.841.082.283	111.942.596.099	-	-	-	(26.910.764.498)	97.872.913.884
TỔNG CỘNG	**2.579.258.802.398**	**3.748.553.430.269**	**(1.891.586.662.965)**	**20.144.530.436**	**21.138.771.808**	**-**	**4.477.508.871.946**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn*

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* VND	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* (%/năm)	*Hình thức đảm bảo* (Thuyết minh số 6, 12, 15 và 17)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	405.000.000.000	Ngày 16 tháng 2 năm 2026 đến ngày 29 tháng 6 năm 2026	5,50 - 8,00 (*)	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty, Trang Trại Xanh 2 và Hải Đăng Tây Ninh
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	296.045.642.068	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 4 năm 2026	5,60 - 5,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang; Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 14 tháng 3 năm 2026	5,70	Quyền thuê đất trả tiền 1 lần của thửa đất số 10 thuộc quyền sở hữu của BAF Meat Bình Phước tại xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	200.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2026 đến ngày 1 tháng 6 năm 2026	5,50 – 7,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Sở Giao dịch 2	129.677.124.800	Ngày 25 tháng 3 năm 2026 đến ngày 2 tháng 5 năm 2026	6,77 – 7,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; vốn góp tại BAF Tây Ninh; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, hàng hóa của BAF Tây Ninh tại Phường An Hòa, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hàng ngắn hạn* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	100.000.000.000	Ngày 12 tháng 1 năm 2026	6,03	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai	99.999.876.949	Từ ngày 6 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026	6,70 – 6,78	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	99.847.320.107	Ngày 26 tháng 6 năm 2026	6,90	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Woori Việt Nam	75.000.000.000	Ngày 11 tháng 2 năm 2026	5,255	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh	50.000.000.000	Ngày 19 tháng 5 năm 2026	7,04	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu	40.000.000.000	Ngày 28 tháng 2 năm 2026 đến ngày 26 tháng 3 năm 2026	5,50 – 5,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
TỔNG CỘNG	**1.695.569.963.924**			

(*) Đây là lãi suất cho vay theo thời hạn ưu đãi tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân, áp dụng kỳ đầu tiên 8,00%/năm và định kỳ điều chỉnh lãi suất vào ngày 25 hàng tháng.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án, trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh	256.950.669.705	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2027 đến ngày 30 tháng 6 năm 2033	7,30 – 8,20	Vốn góp tại Sông Hinh; quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Công ty TNHH Tây An Khánh tại xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Vũng Tàu	213.591.817.699	Ngày 20 tháng 7 năm 2030	7,80 – 8,30	Vốn góp tại Đông An Khánh và vốn góp tại Nam An Khánh thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Đông An Khánh tại Xã Tân Thành, Tỉnh Tây Ninh và Nam An Khánh tại Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TPHCM	207.056.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2032	6,88	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Dự án trại Giai Xuân tại xóm Nước Xanh, xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh	155.371.826.589	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2026 đến ngày 31 tháng 3 năm 2033	5,80	Vốn góp tại Bắc An Khánh và vốn góp tại Tân Châu; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Bắc An Khánh và Tân Châu tại Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh và Thư bảo lãnh vay vốn do Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao Dịch 2	128.033.933.808	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2026 đến ngày 7 tháng 2 năm 2032	9,43	Vốn góp tại Tâm Hưng thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Tâm Hưng tại xã Tân Đông, tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	121.400.566.250	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2029	9,80 – 10,00	Vốn góp tại Trang Trại Xanh 1; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và toàn bộ heo giống, con heo và heo thịt của Trang Trại Xanh 1 tại Xã Phước Vinh, Tỉnh Tây Ninh và Anh Vũ Phú Yên tại Xã Sông Hinh, Tỉnh Đắk Lắk.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	113.848.000.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2026 đến ngày 27 tháng 10 năm 2033	8,20	Vốn góp tại Hòa Phát Bốn; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Dự án trang trại Hòa Phát Bốn tại Làng TU, xã IA Lâu, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hồ	66.181.818.184	Ngày 25 tháng 1 năm 2026 đến ngày 16 tháng 9 năm 2034	7,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	59.474.675.336	Ngày 30 tháng 10 năm 2027	5,50	Vốn góp tại Bình Định; các quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong trương lai của Bình Định tại Khu Công nghiệp Nhơn Hoà, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 12, 15 và 17)*
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Đồng Nai	21.984.000.000	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 13 tháng 9 năm 2028	7,50	Vốn góp tại Kim Hợi; Các quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị của Kim Hợi tại Xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tiền Giang	14.965.220.959	Từ ngày 20 tháng 1 năm 2026 đến ngày 11 tháng 10 năm 2029	9,60 - 9,80	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bảo Ngọc tại Xã Ea Wer, tỉnh Đắk Lắk; và phương tiện vận tải của Nhóm Công ty.
	1.358.858.548.530			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*160.022.933.201*			
Vay dài hạn	*1.198.835.615.329*			

23.3 *Vay đối tượng khác*

Số cuối năm thể hiện khoản vay dài hạn tín chấp từ Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty với kỳ hạn 24 tháng, ngày đáo hạn 31 tháng 12 năm 2027 với lãi suất 6%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.4 *Trái phiếu*

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 và ngày 8 tháng 5 năm 2025 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND			*(%/năm)*	
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(3.941.159.817)				
	296.058.840.183				
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2028 hoặc ngày mua trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác theo yêu cầu tại Văn kiện Trái phiếu *(*)*	Bổ sung vốn lưu động	10,00	127.295.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Siba Holdings được sở hữu bởi ông Trương Sỹ Bá
Chi phí phát hành	(19.934.246.623)				
	480.065.753.377				
TỔNG CỘNG	**776.124.593.560**				
Trong đó					
Dài hạn đến hạn trả	*296.058.840.183*				
Dài hạn	*480.065.753.377*				

(*) Mua lại theo thỏa thuận

Sau thời hạn một năm kể từ ngày phát hành, Nhóm Công ty có quyền thực hiện mua lại trái phiếu (một phần hoặc toàn bộ, vào bất kỳ thời điểm nào) theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu, tuân thủ theo quy trình và thủ tục quy định tại Văn kiện Trái phiếu.

Mua lại theo yêu cầu của trái chủ

Vào ngày làm việc liền kề trước thời điểm tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành, người sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty mua lại tối đa 50% tổng giá trị trái phiếu đã phát hành. Giá mua lại được xác định bằng mệnh giá cộng với khoản lãi dồn tích, tính theo mức lãi suất cố định 8,50%/năm.

Mua lại bắt buộc

Nhóm Công ty có nghĩa vụ mua lại trái phiếu theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu trong trường hợp xảy ra các sự kiện vi phạm quy định cụ thể tại Văn kiện Trái phiếu.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 *Trái phiếu chuyển đổi*

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
	Giá trị trái phiếu chuyển đổi	600.000.000.000	600.000.000.000
	Cơ cấu vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 24.1)*	(137.648.613.977)	(137.648.613.977)
	Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**462.351.386.023**	**462.351.386.023**
Cộng:	**Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu**	**53.713.440.628**	**32.574.668.820**
	Số đầu năm	32.574.668.820	13.572.019.890
	Số phân bổ tăng trong năm	21.138.771.808	19.002.648.930
	Số cuối năm	53.713.440.628	32.574.668.820
Trừ:	**Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu**	**(15.953.790.800)**	**(19.679.470.190)**
	Số đầu năm	(19.679.470.190)	(23.417.852.643)
	Số phân bổ giảm trong năm	3.725.679.390	3.738.382.453
	Số cuối năm	**(15.953.790.800)**	**(19.679.470.190)**
	Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**500.111.035.851**	**475.246.584.653**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Trái phiếu Chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Nhóm Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Nhóm Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.6 *Nợ thuê tài chính*

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính TNHH Quốc tế Việt Nam. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn Từ 1 năm trở xuống	34.896.908.134	7.593.166.937	27.303.741.197	5.353.996.326	1.006.872.612	4.347.123.714
Nợ thuê tài chính dài hạn Trên 1 – 5 năm	110.413.126.364	12.540.212.480	97.872.913.884	14.326.589.355	1.485.507.072	12.841.082.283
TỔNG CỘNG	**145.310.034.498**	**20.133.379.417**	**125.176.655.081**	**19.680.585.681**	**2.492.379.684**	**17.188.205.997**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:					
Số đầu năm	1.435.200.000.000	-	137.648.613.977	324.866.540.588	1.897.715.154.565
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	684.256.000.000	-	-	-	684.256.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	317.047.520.186	317.047.520.186
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty ("ESOP")	26.780.000.000	-	-	-	26.780.000.000
Cổ tức công bố	243.980.420.000	-	-	(243.980.420.000)	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	324.848.563	324.848.563
Số cuối năm	2.390.216.420.000	-	137.648.613.977	398.258.489.337	2.926.123.523.314
Năm nay:					
Số đầu năm	2.390.216.420.000	-	137.648.613.977	398.258.489.337	2.926.123.523.314
Phát hành cổ phiếu *(i)*	650.000.000.000	356.620.000.000	-	-	1.006.620.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	126.621.177.023	126.621.177.023
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	299.369.033	299.369.033
Số cuối năm	3.040.216.420.000	356.620.000.000	137.648.613.977	525.179.035.393	4.059.664.069.370

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 08.11.2024/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2024, Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 75/2024/ĐKCB-GĐKCB ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 531/UBCK-QLCB ngày 24 tháng 1 năm 2025 của UBCKNN về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Nhóm Công ty đã thông qua việc chào bán thêm 65.000.000 cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ với giá phát hành 15.500 đồng/cổ phiếu. Theo Báo cáo kết quả số 11/2025/BAF-BCKQ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Công văn số 521/UBCK-QLCB ngày 26 tháng 3 năm 2025 của UBCKNN về tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 65.000.000 cổ phiếu riêng lẻ này.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	31,472	956.819.350.000	95.681.935	40,031
Bà Bùi Hương Giang	79.887.550.000	7.988.755	2,628	79.987.550.000	7.998.755	3,346
Cổ đông khác	2.003.509.520.000	200.350.952	65,900	1.353.409.520.000	135.340.952	56,623
TỔNG CỘNG	**3.040.216.420.000**	**304.021.642**	**100,000**	**2.390.216.420.000**	**239.021.642**	**100,000**

24.3 *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp của các cổ đông		
Số đầu năm	2.390.216.420.000	1.435.200.000.000
Tăng trong năm	650.000.000.000	955.016.420.000
Số cuối năm	3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	-	*243.980.420.000*
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	*243.980.420.000*

24.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*239.021.642*
Cổ phiếu đang lưu hành	304.021.642	239.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*239.021.642*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vốn điều lệ đã góp	9.786.945.368	9.766.917.388
Lỗ lũy kế	(5.329.574.169)	(138.787.084)
TỔNG CỘNG	**4.457.371.199**	**9.628.130.304**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	9.628.130.304	10.606.869.054
Tăng do thành lập hoặc mua các công ty con	20.027.980	4.267.388
Lợi nhuận thuần trong năm	509.212.915	1.888.793.862
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	(5.700.000.000)	(2.871.800.000)
Số cuối năm	4.457.371.199	9.628.130.304

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**5.042.057.009.216**	**5.641.031.044.668**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*5.031.717.079.276*	*3.328.279.587.321*
Doanh thu bán cám	*9.813.486.297*	*10.852.533.200*
Doanh thu bán nông sản	*-*	*2.301.658.870.470*
Doanh thu khác	*526.443.643*	*240.053.677*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(4.205.729.912)**	**(345.310.400)**
Chiết khấu thương mại	*(4.205.729.912)*	*(345.310.400)*
Doanh thu thuần	**5.037.851.279.304**	**5.640.685.734.268**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*5.037.342.264.186*	*5.452.013.727.883*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*509.015.118*	*188.672.006.385*

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi và cho vay	16.047.761.567	13.503.042.717
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.874.814.339	5.707.288.604
Khác	3.631.546.817	3.013.337.685
TỔNG CỘNG	**21.554.122.723**	**22.223.669.006**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	257.832.397.308	200.784.626.774
Chi phí phát hành trái phiếu	20.144.530.436	15.772.985.187
Phí cam kết rút vốn	8.637.577.667	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.152.780.673	5.457.797.742
Khác	2.802.550.135	221.397.860
TỔNG CỘNG	**290.569.836.219**	**222.236.807.563**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	4.335.700.498.744	2.652.127.541.576
Giá vốn bán cám	20.209.869.893	16.033.201.175
Giá vốn bán nông sản	-	2.255.882.309.090
Giá vốn hoạt động khác	89.390.786	365.498.816
TỔNG CỘNG	**4.355.999.759.423**	**4.924.408.550.657**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**85.114.023.835**	**76.630.177.559**
Chi phí nhân viên	27.758.313.799	23.314.530.198
Chi phí môi giới	25.665.745.513	-
Chi phí vận chuyển	16.764.505.318	38.077.072.798
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.965.680.162	6.787.656.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.730.943.937	2.007.382.374
Khác	6.228.835.106	6.443.535.820
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**241.046.166.245**	**137.280.743.174**
Chi phí nhân viên	128.683.618.946	65.503.583.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.657.432.559	25.580.222.779
Công cụ, dụng cụ	26.506.736.941	16.258.447.314
Chi phí từ thiện, hỗ trợ	14.847.807.480	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.080.331.503	5.641.999.990
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.085.457.033	4.147.514.380
Phân bổ lợi thế thương mại	1.253.730.238	1.259.641.421
Khác	19.931.051.545	18.889.333.664
TỔNG CỘNG	**326.160.190.080**	**213.910.920.733**

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**15.427.879.665**	**110.219.000.409**
Bồi thường từ bảo hiểm	8.074.736.942	-
Lãi từ thanh lý hàng hóa	178.927.923	4.100.590.624
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	99.598.856.404
Các khoản khác	7.174.214.800	6.519.553.381
Chi phí khác	**(2.265.086.487)**	**(6.323.112.507)**
Các khoản phạt	(1.253.553.630)	(1.191.077.533)
Xóa sổ khoản phải thu	-	(1.250.000.000)
Khác	(1.011.532.857)	(3.882.034.974)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**13.162.793.178**	**103.895.887.902**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	3.678.244.463.659	2.202.377.643.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	329.746.683.666	207.229.506.557
Chi phí nhân viên	276.074.598.797	168.118.516.678
Chi phí khấu hao và hao mòn và phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 12, 13, 14 và 18)*	251.264.148.871	165.204.122.921
Dự phòng	8.106.250.321	5.641.999.990
Chi phí nông sản	-	2.255.882.309.090
Khác	138.723.804.189	133.865.372.525
TỔNG CỘNG	**4.682.159.949.503**	**5.138.319.471.390**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Công ty, Chi nhánh Bình Dương, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Long An.

  Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Chăn nuôi Minh Thành, Bắc An Khánh, Đông An Khánh, Nam An Khánh, Trang Trại Xanh 1, Trang Trại Xanh 2, Sông Hinh, Anh Vũ Phú Yên, Hải Đăng Tây Ninh, Tâm Hưng, Tân Châu, Tây An Khánh, Thanh Xuân, Chăn nuôi TMC, Thành Đạt Gia Lai, Hòa Phát Bốn, CNC BAF Tây Ninh 1, CNC BAF Tây Ninh 2.

  Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp tại địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn các công ty con nêu trên được miễn thuế TNDN cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- BAF Bình Định

  BAF Bình Định có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, công ty này được được ưu đãi thuế theo địa bàn. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

- BAF Bình Phước

  Đối với thu nhập từ các hoạt động sản xuất và chế biến nông sản Công ty này được hưởng ưu đãi thuế suất 10% theo ngành nghề và địa bàn cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty này áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- Chi nhánh Nghệ An, BAF Tây Ninh, Chăn nuôi Bảo Ngọc, Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF, Logistic BAF, Thiên Phú Sơn, Kim Hợi, BAF Tây Ninh 1, BAF Ninh Bình.

  Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho chi nhánh và các công ty con nêu trên là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	17.340.491.424	58.592.146.170
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	36.070.430	(1.947.077.192)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.376.561.854	56.645.068.978
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(44.668.542.309)	30.667.629.197
TỔNG CỘNG	**(27.291.980.455)**	**87.312.698.175**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**99.838.409.483**	**406.249.012.223**
Thuế TNDN theo thuế suất 15% áp dụng cho Nhóm Công ty	14.975.761.422	60.937.351.833
Các điều chỉnh tăng (giảm):		
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập	13.911.292.890	17.613.644.872
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP *(*)*	16.624.970.881	3.632.559.965
Chi phí không được trừ	2.309.839.214	4.715.716.801
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	3.170.815.771	2.850.397.340
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	36.070.430	(1.947.077.192)
Bù trừ thu nhập chịu thuế giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh	59.248.168	254.158.016
Phân bổ lợi thế thương mại	56.841.908	56.841.908
Lỗ năm trước chuyển sang	(544.601.543)	(1.021.166.014)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(22.420.356.442)	11.764.392.838
Thu nhập được miễn thuế	(55.471.863.154)	(11.544.122.192)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	**(27.291.980.455)**	**87.312.698.175**

(*) Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Nhóm Công ty đã ghi nhận điều chỉnh tăng chi phí TNDN trong năm nay với tổng giá trị là 16.624.970.881 VND.

32.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.850.235.798	2.714.691.138	(864.455.340)	794.030.965
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	15.852.252.194	5.196.834.826	10.655.417.368	732.611.666
Lỗ thuế ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	35.143.439.043	-	35.143.439.043	(29.742.058.012)
	52.845.927.035	**7.911.525.964**	**44.934.401.071**	**(28.215.415.381)**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hóa	(6.610.411.633)	(6.344.552.871)	(265.858.762)	(2.452.213.816)
Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn	(1.803.637.391)	(1.803.637.391)		-
	(8.414.049.024)	**(8.148.190.262)**	***(265.858.762)***	***(2.452.213.816)***
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (Thuế TNDN hoãn lại phải trả) thuần	*44.431.878.011*	*(236.664.298)*		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			*44.668.542.309*	*(30.667.629.197)*

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 *Lỗ chuyển sang năm sau*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính phát sinh với tổng số tiền là 532.411.097.302 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 224.784.591.887 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2025*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2025*
2019	2024	3.171.448.495	(1.727.049.972)	(1.444.398.523)	-
2020	2025	4.444.876.733	(1.902.523.050)	(2.542.353.683)	-
2021	2026	10.333.990.069	(5.395.100.463)	-	4.938.889.606
2022	2027	22.820.956.403	(11.998.313.383)	-	10.822.643.020
2023	2028	225.357.039.360	(198.892.454.663)	-	26.464.584.697
2024	2029	174.523.541.090	(19.226.607.747)	-	155.296.933.343
2025	2030	334.888.046.636	-	-	334.888.046.636
TỔNG CỘNG		**775.539.898.786**	**(239.142.049.278)**	**(3.986.752.206)**	**532.411.097.302**

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2025*
2022 *(i)*	2027	18.084.964.780	(18.084.964.780)	-	-
2023 *(i)*	2028	88.843.085.871	(35.541.885.678)	-	53.301.200.193
2024 *(i)*	2029	68.845.307.424	-	-	68.845.307.424
2025 *(i)*	2030	121.241.152.234	-	-	121.241.152.234
TỔNG CỘNG		**297.014.510.309**	**(53.626.850.458)**	**-**	**243.387.659.851**

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định* (tiếp theo)

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay chưa được trừ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 243.387.659.851 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 128.444.547.657 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay chưa được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

32.6 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ thuế chuyển sang các năm sau của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con và các chi nhánh này và phần chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập *(Thuyết minh số 32.4)*	298.121.503.679	224.784.591.887
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 32.5)*	243.387.659.851	128.444.547.657
TỔNG CỘNG	**541.509.163.530**	**353.229.139.544**

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm *(VND)*	126.621.177.023	317.047.520.186
Ảnh hưởng suy giảm do chi phí lãi vay phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi *(i)*	55.139.608.319	52.309.471.979
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**181.760.785.342**	**369.356.992.165**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**253.641.874**	**203.754.712**
Ảnh hưởng suy giảm do		
Trái phiếu có thể chuyển đổi (i)	*53.631.494*	*43.083.066*
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**307.273.368**	**246.837.778**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	499	1.556
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	499	1.496

(i) Các trái phiếu chuyển đổi có thể có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong tương lai nhưng chưa được đưa vào khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu ở trên vì các trái phiếu chuyển đổi này có tác động suy giảm ngược cho năm hiện tại.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam ("Siba Food Việt Nam")	Công ty con của cổ đông lớn (đến ngày 16 tháng 12 năm 2024)
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty TNHH Agro Việt	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons") *(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons)*	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Siba Cư Jút ("Siba Cư Jút")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Một Thành Viên Năng Lượng Sạch Vmeco Bạc Liêu ("Vmeco Bac Lieu")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Stemkos Việt Nam (Stemkos)	Công ty con của cổ đông lớn
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Lê Xuân Thọ	TV HĐQT độc lập
Ông Prasad Gopalan	TV HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tân	TV HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Duy Tân	TV HĐQT (đến ngày 31 tháng 3 năm 2024)
Ông Bùi Quang Huy	TV HĐQT độc lập (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024)
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 11 năm 2024) kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Văn Non	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Siba Tech	Xây dựng trại	470.535.590.591	274.611.523.428
	Sử dụng dịch vụ	8.441.885.113	-
	Thu chi hộ	130.070.700	-
	Bán hàng	100.946.100	7.874.904
Vmeco Bạc Liêu	Sử dụng dịch vụ	3.858.566.821	-
Tân Long	Mua hàng	3.105.464.250	-
	Bán hàng	281.231.200	210.284.600
Sibacons	Mua hàng	1.296.000.000	4.008.676.390
Siba Cư Jút	Sử dụng dịch vụ	897.070.343	-
Stemkos	Bán hàng	68.181.818	-
A An	Bán hàng	58.656.000	6.212.591.700
	Mua hàng	72.000.000	287.800.000
Siba Food	Bán hàng	-	182.241.255.181
	Mua hàng	-	56.968.718.202
Siba Holdings	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	98.774.930.000
	Mua cổ phiếu	-	40.048.420.000
Bà Bùi Hương Giang	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	7.937.300.000
	Mua cổ phiếu	-	3.000.000.000
Solacons	Mua hàng	-	1.197.271.724

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 01/HĐQT-BC ngày 30 tháng 7 năm 2025 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị năm 2025.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Tân Long	Bán hàng	204.636.348	276.020.676
Siba Tech	Bán hàng	3.309.336	51.465.028
Siba Food	Bán hàng	-	51.503.060.237
A An	Bán hàng	-	6.709.599.036
TỔNG CỘNG		**207.945.684**	**58.540.144.977**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	134.274.471.647	19.218.947.522
Solacons	Mua hàng	1.145.454.547	-
TỔNG CỘNG		**135.419.926.194**	**19.218.947.522**
Phải thu ngắn hạn khác			
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.110.662.223	21.493.391.751
Phải trả người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	305.568.732.760	175.151.129.762
Tân Long	Mua hàng	1.470.020.000	182.084.109
Solacons	Mua hàng	1.383.272.728	2.955.932.400
Vmeco Bạc Liêu	Mua hàng	1.381.544.878	-
Siba Cư Jút	Mua hàng	611.891.203	-
Siba Food	Mua hàng	-	30.442.955.521
TỔNG CỘNG		**310.415.461.569**	**208.732.101.792**
Phải trả người bán dài hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	36.687.475.369	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
BAF Myanmar	Bán hàng	-	80.658.500

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập (bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác) của các thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ") trong năm như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Trương Sỹ Bá	324.000.000	108.000.000
Bà Bùi Hương Giang	1.561.153.952	710.776.927
Ông Nguyễn Duy Tân	194.400.000	15.934.426
Ông Lê Xuân Thọ	194.400.000	64.800.000
Ông Bùi Quang Huy	-	-
Ông Prasad Gopalan	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tân	-	44.262.295
Ông Trương Anh Tuấn	1.304.206.200	480.156.748
Ông Nguyễn Văn Non	-	-
Ông Ngô Cao Cường	1.327.217.160	588.388.229
Ông Nguyễn Văn Minh	1.330.116.985	48.645.769
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	31.601.096	43.200.000
Bà Dương Thị Hồng Tân	546.774.250	-
Bà Lưu Ngọc Trâm	81.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	327.187.252	488.921.254
Bà Trần Thị Thanh Trà	397.531.071	
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	583.331.683	351.871.062
TỔNG CỘNG	**8.202.919.649**	**2.971.956.710**

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán heo	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Doanh thu thuần bộ phận					
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.144.547.818.310	3.067.475.371.507	172.523.268.352	(6.346.695.178.865)	5.037.851.279.304
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	(3.117.036.468.946)	(3.057.661.885.210)	(171.996.824.709)	6.346.695.178.865	-
Tổng doanh thu thuần	**5.027.511.349.364**	**9.813.486.297**	**526.443.643**	**-**	**5.037.851.279.304**
Kết quả					
Lợi nhuận gộp	691.810.850.620	(10.396.383.596)	437.052.857	-	681.851.519.881
Doanh thu hoạt động tài chính					21.554.122.723
Chi phí tài chính					(290.569.836.219)
Chi phí bán hàng					(85.114.023.835)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(241.046.166.245)
Thu nhập khác					15.427.879.865
Chi phí khác					(2.265.086.487)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(17.376.561.854)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					44.668.542.309
Lợi nhuận sau thuế TNDN					127.130.389.938
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	18.569.698.514.348	1.424.702.434.411	126.863.154.332	(9.341.235.307.791)	10.780.028.795.300
Tài sản bộ phận	*18.569.698.514.348*	*1.424.702.434.411*	*126.863.154.332*	*(10.184.575.139.961)*	*9.936.688.963.130*
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	*843.339.832.170*	*843.339.832.170*
Tổng nợ phải trả	11.993.053.316.849	746.922.570.964	-	(6.024.068.533.082)	6.715.907.354.731
Nợ phải trả bộ phận	*11.993.053.316.849*	*746.922.570.964*	-	*(6.024.068.533.082)*	*6.715.907.354.731*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán nông sản	*Bán heo*	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Doanh thu thuần bộ phận						
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.301.658.870.470	5.307.346.880.841	2.119.632.465.339	80.068.977.931	(4.168.021.460.313)	5.640.685.734.268
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	(1.979.412.603.920)	(2.108.779.932.139)	(79.828.924.254)	4.168.021.460.313	-
Tổng doanh thu thuần	**2.301.658.870.470**	**3.327.934.276.921**	**10.852.533.200**	**240.053.677**	-	**5.640.685.734.268**
Kết quả						
Lợi nhuận gộp	45.776.561.380	675.806.735.345	(5.180.667.975)	(125.445.139)	-	716.277.183.611
Doanh thu hoạt động tài chính						22.223.669.006
Chi phí tài chính						(222.236.807.563)
Chi phí bán hàng						(76.630.177.559)
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(137.280.743.174)
Thu nhập khác						110.219.000.409
Chi phí khác						(6.323.112.507)
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(56.645.068.978)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại						(30.667.629.197)
Lợi nhuận sau thuế TNDN						318.936.314.048
Tài sản và nợ phải trả						
Tổng tài sản	188.713.231.186	11.833.424.987.087	1.103.277.892.059	-	(5.676.386.065.827)	7.449.030.044.505
Tài sản bộ phận	*188.713.231.186*	*11.833.424.987.087*	*1.103.277.892.059*	-	*(6.115.990.995.571)*	*7.009.425.114.761*
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	*439.604.929.744*	*439.604.929.744*
Tổng nợ phải trả	1.771.091.171.271	6.024.380.392.818	520.437.122.564	-	(3.802.630.295.766)	4.513.278.390.887
Nợ phải trả bộ phận	*1.771.091.171.271*	*6.024.380.392.818*	*520.437.122.564*	-	*(3.802.630.295.766)*	*4.513.278.390.887*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

36. CÁC CAM KẾT

36.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Nhóm Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	316.113.059.105	249.819.017.836
Từ 1 năm đến 5 năm	1.189.172.002.480	900.055.598.255
Trên 5 năm	1.912.231.211.436	1.486.301.136.364
TỔNG CỘNG	**3.417.516.273.021**	**2.636.175.752.455**

36.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Thành Đạt Gia Lai	662.263.034.724	-
Dự án Giai Xuân	417.961.139.495	630.414.122.607
Dự án Tây An Khánh	174.538.923.082	422.135.048.183
Dự án Nhà máy Cám Bình Định	131.756.886.330	-
Dự án Sông Hinh	41.658.978.421	204.138.123.767
Dự án Hải Đăng	-	132.524.438.842
Dự án Nhà máy Cám Tây Ninh	-	93.286.891.720
Dự án Tân Châu	-	13.974.600.329
TỔNG CỘNG	**1.428.178.962.052**	**1.496.473.225.448**

36.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 8)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết	150.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát	145.000.000.000	115.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	29.382.002.750
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	29.623.451.000
Công ty Cổ phần Thành Sen HT - QT	35.000.000.000	28.962.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.963.707.500
Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương	30.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	**729.840.000.000**	**591.243.079.500**

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Khôi Dương từ bên thứ ba với tổng giá mua là 29.997.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025. Theo đó, Khôi Dương trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được nêu tại *Thuyết minh số 21*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vũ Thị Đan Thủy	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Bùi Hương Giang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 so với năm 2024	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính Hợp nhất Kiểm toán năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Tại Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			Số tiền (VND)	%
Lợi nhuận trước thuế	99.838.409.483	406.249.012.223	(306.410.602.740)	-75%
Lợi nhuận sau thuế	127.130.389.938	318.936.314.048	(191.805.924.110)	-60%

1. Các điểm tích cực:

- Trong năm 2025, BAF tiếp tục mở rộng quy mô vận hành, với nhiều trại mới được đưa vào hoạt động, sản lượng xuất bán duy trì xu hướng tăng, nâng tổng sản lượng cả năm đạt khoảng gần 800.000 con, tương đương tăng 140% so với mức 557.000 con năm trước. Doanh thu mảng chăn nuôi theo đó cũng ghi nhận đạt mức cao nhất lịch sử đạt hơn 5.000 tỷ đồng, là nền tảng để BAF tiếp tục tối ưu biên lợi nhuận trong các năm tới.
- Mảng thịt mảng, thịt chế biến tiếp tục cải thiện tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, thể hiện định hướng chuyển dịch sang các sản phẩm cuối chuỗi có giá trị gia tăng cao hơn. Việc mở rộng và tối ưu chuỗi giá trị từ con giống – thức ăn – chăn nuôi – giết mổ – chế biến – phân phối giúp BAF từng bước giảm phụ thuộc vào biến động giá heo hơi, qua đó ổn định biên lợi nhuận gộp và hạn chế rủi ro chu kỳ đối với doanh nghiệp.
- Dù kết quả kinh doanh Q4/2025 chịu nhiều áp lực, tháng 12/2025 đã ghi nhận lợi nhuận dương trở lại nhờ giá heo hơi phục hồi so với vùng đáy tháng 10–11/2025 cũng như chi phí chăn nuôi được kiểm soát tốt hơn. Diễn biến này cho thấy biên lợi nhuận đã có dấu hiệu chạm đáy và bước vào giai đoạn cải thiện, tạo tiền đề tích cực cho kết quả kinh doanh trong các quý tiếp theo khi giá heo và nhu cầu tiêu thụ mùa Tết duy trì xu hướng hồi phục.

2. Nguyên nhân chính khiến kết quả năm 2025 đặc biệt Q4 không đạt kỳ vọng

- Giá heo hơi giảm sâu trong giai đoạn tháng 10-11/2025, xuống vùng đáy khoảng 45-46.000 đ/kg, do ảnh hưởng đồng thời của dịch bệnh (ASF), thiên tai diện rộng khiến biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp đáng kể.
- Chi phí sản xuất tăng cao trong Q4.2025, bao gồm chi phí phòng chống dịch, chi phí xử lý môi trường, và chi phí vận hành phát sinh do điều kiện thời tiết bất lợi, làm giá thành bình quân tăng trong khi giá bán giảm.
- Việc đưa nhiều trại mới vào vận hành trong năm 2025 khiến chi phí cố định (nhân sự, điện nước, khấu hao, chi phí vận hành ban đầu) tăng nhanh, trong khi hiệu suất chưa đạt mức tối ưu ngay trong giai đoạn đầu. Điều này khiến biên lợi nhuận gộp chưa phản ánh hết tiềm năng của hệ thống trại, đồng thời tạo áp lực lên dòng tiền và các chỉ số tài chính ngắn hạn trong Q4/2025. Tuy nhiên, khi sản lượng tăng dần và quy trình vận hành đi vào ổn định trong năm 2026, chi phí đơn vị kỳ vọng sẽ giảm đáng kể, giúp cải thiện lợi nhuận.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30.03/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán như sau:

Tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 trước và sau kiểm toán của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2025 sau kiểm toán (VND)	Năm 2025 trước kiểm toán (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận trước thuế năm 2025_Báo cáo riêng	64.115.727.401	66.290.562.570	(2.174.835.169)	-3%
Lợi nhuận sau thuế năm 2025_Báo cáo riêng	98.276.927.156	67.435.082.508	30.841.844.648	46%
Lợi nhuận trước thuế năm 2025_Báo cáo hợp nhất	99.838.409.483	101.923.057.760	(2.084.648.277)	-2%
Lợi nhuận sau thuế năm 2025_Báo cáo hợp nhất	127.130.389.938	100.446.618.025	26.683.771.913	27%

Lợi nhuận trước thuế trước và sau kiểm toán không có sự chênh lệch nhiều, phần chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau kiểm toán chủ yếu phát sinh từ việc ghi nhận tăng tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ được chuyển sang các kỳ sau. Khoản lỗ này là các khoản lỗ phát sinh trong giai đoạn đầu hoạt động của một số trang trại, khi chi phí còn cao và hiệu quả vận hành chưa tối ưu. Các khoản lỗ này được phép chuyển sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận khi hoạt động ổn định, qua đó làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp trong tương lai.

Việc điều chỉnh này được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, căn cứ vào khả năng tạo ra thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển tiếp, qua đó làm thay đổi chi phí thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế trong kỳ.

Việc ghi nhận và điều chỉnh nêu trên được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các quy định pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo phản ánh hợp lý, nhất quán và minh bạch tình hình tài chính của Công ty.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 74

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch	
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên	
Ông Prasad Gopalan	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2026

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Cao Cường	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026
Ông Nguyễn Phạm Xuân Quang	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 để ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành nêu trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0107795944 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12943524/69497444/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 74, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**5.754.987.957.647**	**4.988.254.708.676**
I. Tiền	***110***	***4***	***371.662.017.859***	***193.464.572.724***
1. Tiền	111		371.662.017.859	193.464.572.724
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***		***2.196.857.155.218***	***1.898.772.658.161***
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.196.857.155.218	1.898.772.658.161
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***		***1.281.369.547.198***	***1.139.300.313.297***
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	485.505.214.325	470.255.224.734
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	362.819.537.667	358.968.990.702
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	442.099.632.776	319.422.437.914
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	6, 7, 8, 9	(9.054.837.570)	(9.346.340.053)
IV. Hàng tồn kho	***140***	***10***	***220.818.471.798***	***172.230.503.620***
1. Hàng tồn kho	141		220.818.471.798	172.230.503.620
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	***150***		***1.653.466.619.838***	***1.549.126.179.634***
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	11.1	1.653.466.619.838	1.549.126.179.634
VI. Tài sản ngắn hạn khác	***160***		***30.814.145.736***	***35.360.481.240***
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	17	26.186.974.456	28.068.778.626
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	20	4.450.951.285	4.539.523.779
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	20	176.219.995	2.752.178.835

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.980.452.680.725**	**4.950.493.158.142**
I. Phải thu dài hạn	***210***		***387.539.230.892***	***234.337.891.249***
1. Phải thu dài hạn khác	215	8	387.539.230.892	234.337.891.249
II. Tài sản cố định	***220***		***360.988.139.657***	***322.094.673.829***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	333.989.741.537	294.615.813.754
Nguyên giá	222		467.546.928.464	404.109.710.982
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(133.557.186.927)	(109.493.897.228)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	10.984.935.551	11.724.717.748
Nguyên giá	225		14.086.397.917	14.086.397.917
Giá trị khấu hao lũy kế	226		(3.101.462.366)	(2.361.680.169)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	16.013.462.569	15.754.142.327
Nguyên giá	228		19.051.022.000	17.621.166.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.037.559.431)	(1.867.024.173)
III. Tài sản sinh học dài hạn	***230***		***482.465.202.648***	***448.410.003.536***
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		482.465.202.648	448.410.003.536
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233	11.2	482.465.202.648	448.410.003.536
Nguyên giá	234		652.509.418.623	588.885.060.038
Giá trị khấu hao lũy kế	235		(170.044.215.975)	(140.475.056.502)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	***250***		***876.209.168.429***	***346.780.979.074***
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	15	876.209.168.429	346.780.979.074
V. Đầu tư tài chính dài hạn	***260***		***3.720.314.502.747***	***3.441.568.963.143***
1. Đầu tư vào công ty con	261	16.1	3.654.590.212.419	3.453.593.212.419
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	16.1	(12.024.249.276)	(12.024.249.276)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	16.2	77.748.539.604	-
VI. Tài sản dài hạn khác	***270***		***152.936.436.352***	***157.300.647.311***
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	17	124.372.105.863	121.904.693.728
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	31.3	28.564.330.489	35.395.953.583
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**11.735.440.638.372**	**9.938.747.866.818**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**7.578.601.716.814**	**5.897.795.876.837**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***4.525.164.995.494***	***4.644.725.680.146***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.911.999.112.105	1.796.540.385.037
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	6.783.733.972	5.999.034.857
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	20	2.844.928.023	1.938.068.126
4. Phải trả người lao động	315		53.474.702.929	45.614.153.141
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	21	114.261.686.394	24.919.655.716
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	22	79.903.247.038	87.708.498.780
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	23	2.355.897.585.033	2.682.005.884.489
II. Nợ dài hạn	***330***		***3.053.436.721.320***	***1.253.070.196.691***
1. Phải trả dài hạn khác	338	22	45.786.770.902	38.300.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	23	2.494.575.381.132	714.659.160.840
3. Trái phiếu chuyển đổi	340	23.6	513.074.569.286	500.111.035.851
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**4.156.838.921.558**	**4.040.951.989.981**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24.1	3.040.216.420.000	3.040.216.420.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*3.040.216.420.000*	*3.040.216.420.000*
2. Thặng dư vốn	412	24.1	52.603.680.000	356.620.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	24.1	137.648.613.977	137.648.613.977
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		608.032.640.000	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	24.1	318.337.567.581	506.466.956.004
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*202.450.636.004*	*408.190.028.848*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*115.886.931.577*	*98.276.927.156*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**11.735.440.638.372**	**9.938.747.866.818**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Phan Thị Khánh Dung	Phan Thị Kim Trang	Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25.1	3.570.762.498.417	2.595.626.906.808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25.1	15.715.976.258	449.017.170
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25.1	3.555.046.522.159	2.595.177.889.638
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	3.205.095.177.795	2.375.773.321.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		349.951.344.364	219.404.567.862
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25.2	232.968.180.283	151.747.667.797
7. Chi phí tài chính	23	26	215.172.364.056	114.861.151.930
Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*214.944.540.748*	*110.117.124.230*
8. Chi phí bán hàng	25	28	79.095.850.325	63.749.721.638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	131.511.798.578	88.790.106.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		157.139.511.688	103.751.255.310
11. Thu nhập khác	31	29	2.287.541.361	7.850.090.946
12. Chi phí khác	32	29	17.658.955.632	2.963.664.277
13. (Lỗ) lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	29	(15.371.414.271)	4.886.426.669
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		141.768.097.417	108.637.681.979
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31.1	19.049.542.746	6.562.034.885
16. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	31.3	6.831.623.094	(1.541.496.075)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		115.886.931.577	103.617.143.169

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Phan Thị Khánh Dung	Phan Thị Kim Trang	Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**141.768.097.417**	**108.637.681.979**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao và hao mòn	02	11.2, 12, 13, 14	123.923.745.559	74.232.328.312
- (Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng	03		(291.502.483)	2.627.406.919
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(219.932.029)	(692.071.257)
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(230.458.879.901)	(150.377.904.912)
- Chi phí đi vay và phát hành trái phiếu	06	26	214.944.540.748	110.117.124.230
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**249.666.069.311**	**144.544.565.271**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(148.203.052.462)	64.867.516.016
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(152.928.408.382)	2.654.890.373
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		412.111.995.420	(640.654.168.399)
- Tăng chi phí chờ phân bổ	12		(585.607.965)	(84.839.997.901)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(133.612.395.610)	(83.497.718.198)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(19.049.542.746)	(43.014.138.084)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	**20**		**207.399.057.566**	**(639.939.050.922)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(982.707.127.335)	(350.665.760.352)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		254.519.501.239	72.470.891.922
3. Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23		(816.134.336.211)	(962.167.147.264)
4. Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24		487.737.873.672	710.763.606.034
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(439.612.583.500)	(1.211.031.588.000)
6. Lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức nhận được	27		29.894.871.098	17.960.860.380
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	**30**		**(1.466.301.801.037)**	**(1.722.669.137.280)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	1.006.620.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.731.081.366.417	2.200.285.805.537
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.292.572.538.017)	(757.569.093.496)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.408.639.794)	(1.760.799.738)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**1.437.100.188.606**	**2.447.575.912.303**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**178.197.445.135**	**84.967.724.101**
Tiền đầu kỳ	**60**		**193.464.572.724**	**102.785.712.771**
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**4**	**371.662.017.859**	**187.753.436.872**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Phan Thị Khánh Dung	Phan Thị Kim Trang	Bùi Hương Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 23 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, số 628C Đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 2.621 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.958 người).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 34 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 29 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
(12) Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Gia Lai	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Meat Bình Phước")	Đồng Nai	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(22) Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
(23) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1 ("CNC BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
(24) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2 ("CNC BAF Tây Ninh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(25) Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh 1 ("BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(26) Công ty Cổ phần Chăn nuôi TMC ("Chăn nuôi TMC")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
(27) Công ty TNHH Hòa Phát Bốn ("Hòa Phát Bốn")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
(28) Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Thành Đạt Gia Lai ("Thành Đạt Gia Lai")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
(29) Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình ("BAF Ninh Bình")	Ninh Bình	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(30) Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương ("Khôi Dương")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(31) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Hà Nội 1 ("CNC BAF Hà Nội 1")	Hà Nội	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(32) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Hà Nội 2 ("CNC BAF Hà Nội 2")	Hà Nội	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(33) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội ("Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội")	Hà Nội	Chế biến thực phẩm	100,00%	-	100,00%	-
(34) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh ("Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh")	Hà Nội	Chế biến thực phẩm	100,00%	-	100,00%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành nêu trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC.

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Theo đó, Công ty đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 tại Thuyết minh số 34.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho trên cơ sở số lượng và giá trị hàng tồn kho cuối kỳ. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản sinh học

Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần

Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần của Công ty bao gồm heo.

Giá gốc của súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần bao gồm toàn bộ chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng các con vật này, cũng như các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các tài sản sinh học này.

Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ

Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ của Công ty bao gồm heo. Việc hạch toán kế toán được thực hiện như sau:

- Giá gốc của súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ bao gồm các chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng các con vật này, và các chi phí trực tiếp khác phát sinh từ khi bắt đầu cho đến giai đoạn trưởng thành (sẵn sàng cho sản phẩm hoặc sẵn sàng thực hiện được nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu kỹ thuật).
- Khi tài sản sinh học đến giai đoạn trưởng thành, Công ty bắt đầu thực hiện việc trích khấu hao tài sản sinh học trên cơ sở giá trị phải khấu hao.
- Khi tài sản sinh học mẹ bắt đầu sinh ra các tài sản sinh học khác (heo mẹ sinh ra heo con): giá gốc của tài sản sinh học mới tạo ra (heo con) bao gồm phần chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng phát sinh trong kỳ tính cho tài sản sinh học mới đó và chi phí khấu hao tài sản sinh học mẹ.

Trường hợp nếu các chi phí chăm sóc phát sinh mà không làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty, các khoản này được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học được trích lập khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn so với giá gốc của tài sản sinh học. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại tài sản sinh học để xác định khoản dự phòng tổn thất tài sản sinh học phải trích lập hoặc hoàn nhập.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng tổn thất tài sản sinh học được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do Công ty nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên báo cáo tình hình tài chính riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, khấu hao tài sản sinh học, hao mòn tài sản cố định vô hình, và tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 15 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Gia súc	4 năm

Tài sản cố định hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. Tài sản cố định vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Chi phí chờ phân bổ khác.

Tiền thuê đất chờ phân bổ

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Nghệ An vào ngày 18 tháng 2 năm 2025 trong thời hạn 46 năm. Theo Thông tư số 45/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.14 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.15 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.16 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty phát sinh thì Công ty sử dụng một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

3.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ, giá trị được trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TIỀN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Các khoản tiền Công ty đang nắm giữ và không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	67.107.000	102.707.000
Tiền gửi không kỳ hạn	371.594.910.859	193.361.865.724
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	*138.823.828.896*	*10.047.877.280*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	*77.705.442.820*	*25.260.728.418*
Ngân hàng TNHH United Overseas Việt Nam – Chi nhánh Central Plaza	*40.508.739.193*	*199.274.000*
Các bên khác	*114.556.899.950*	*157.853.986.026*
TỔNG CỘNG	**371.662.017.859**	**193.464.572.724**

4. TIỀN (tiếp theo)

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:

		VND
	Kỳ này	*Kỳ trước*
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:		
- Các khoản nợ được cấn trừ với cổ tức phải thu từ các công ty con	210.000.000.000	100.000.000.000
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	304.016.320.000	-
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.784.081.366.417	1.725.785.805.537
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	947.000.000.000	474.500.000.000
Số tiền đã thực trả nợ gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(1.292.572.538.017)	(757.569.093.496)

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	459.024.504.343	326.751.828.055
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	*120.764.951.603*	*117.975.767.781*
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Đông Sài Gòn	*65.816.558.219*	*61.050.443.835*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	*60.704.589.041*	*60.586.273.972*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2	*49.881.893.151*	-
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	*46.153.232.877*	*30.394.684.932*
Khác	*115.703.279.452*	*56.744.657.535*
Cho vay	1.737.832.650.875	1.572.020.830.106
Cho các bên liên quan vay (iii)	*1.733.739.553.181*	*1.572.020.830.106*
Cho bên khác vay (ii)	*4.093.097.694*	-
TỔNG CỘNG	**2.196.857.155.218**	**1.898.772.658.161**

(i) Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,3% đến 8,0%/năm. Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23)*.

(ii) Số cuối kỳ thể hiện khoản cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hân vay ngắn hạn tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động với kỳ hạn sáu (6) tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2026 với lãi suất 6%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN (tiếp theo)

(iii) Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của các bên liên quan như sau:

Bên vay	*Số cuối kỳ* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *%/năm*
Đông An Khánh	264.492.405.759	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Trang Trại Xanh 1	219.464.655.966	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Anh Vũ Phú Yên	181.561.263.139	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Nam An Khánh	146.071.510.026	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Trang Trại Xanh 2	131.438.830.685	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Hải Đăng Tây Ninh	111.106.314.379	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thành Đạt Gia Lai	102.719.433.423	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Tâm Hưng	98.928.744.148	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Hòa Phát Bốn	83.130.805.047	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Tây Ninh	73.440.492.953	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi TMC	68.448.261.699	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thanh Xuân	59.171.882.740	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Sông Hinh	45.061.072.057	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi Bảo Ngọc	42.701.552.392	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Bình Định	37.486.520.548	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Bắc An Khánh	37.364.221.918	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Chăn nuôi Minh Thành	23.207.794.521	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Tây An Khánh	7.943.791.781	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
TỔNG CỘNG	**1.733.739.553.181**		

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Phải thu các bên khác	282.245.561.290	1.524.134.125	82.777.138.061	1.524.134.125
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	*170.620.785.865*	-	*55.163.364.860*	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	*35.582.936.990*	-	*10.619.514.652*	-
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Phú Quý Gia	*34.760.353.299*	-	-	-
Các bên khác	*41.281.485.136*	*1.524.134.125*	*16.994.258.549*	*1.524.134.125*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	203.259.653.035	-	387.478.086.673	-
TỔNG CỘNG	**485.505.214.325**	**1.524.134.125**	**470.255.224.734**	**1.524.134.125**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Trả trước cho các bên khác	306.900.609.759	256.069.899.906
Nhóm cá nhân để mua các công ty con (*)	*147.096.920.504*	*151.359.508.504*
Henan Muyuan Intelligent Technology Company Limited	*20.240.697.270*	*47.430.752.024*
Các bên khác	*139.562.991.985*	*57.279.639.378*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	55.918.927.908	102.899.090.796
TỔNG CỘNG	**362.819.537.667**	**358.968.990.702**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(3.067.861.600)	(3.359.364.083)
GIÁ TRỊ THUẦN	**359.751.676.067**	**355.609.626.619**

(*) Đây là các khoản trả trước cho người bán nhằm mục đích mua các công ty con *(Thuyết minh số 33.3)*. Ngoài ra, những nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Ngắn hạn	**442.099.632.776**	**4.462.841.845**	**319.422.437.914**	**4.462.841.845**
Tạm ứng nhân viên *(*)*	219.325.452.890	-	3.484.874.464	-
Cổ tức phải thu	180.000.000.000	-	210.000.000.000	-
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.287.867.857	-	22.110.662.223	-
Chi hộ	1.133.740.150	-	71.300.591.193	-
Khác	19.352.571.879	4.462.841.845	12.526.310.034	4.462.841.845
Trong đó:				
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*203.421.608.007*	-	*303.334.261.221*	-
Các bên khác	*238.678.024.769*	*4.462.841.845*	*16.088.176.693*	*4.462.841.845*
Dài hạn	**387.539.230.892**	**-**	**234.337.891.249**	**-**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	387.539.230.892	-	234.337.891.249	-
Trong đó:				
Các bên khác	*372.159.230.892*	-	*218.957.891.249*	-
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*15.380.000.000*	-	*15.380.000.000*	-
TỔNG CỘNG	**829.638.863.668**	**4.462.841.845**	**553.760.329.163**	**4.462.841.845**

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhân viên nhằm mục đích mua các công ty con.

9. NỢ XẤU

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**1.524.134.125**	**1.524.134.125**	**1.524.134.125**	**1.524.134.125**
Công ty TNHH Acespace	*1.328.373.000*	*1.328.373.000*	*1.328.373.000*	*1.328.373.000*
Công ty TNHH Thương mại và Thực phẩm Thái Minh Long	*195.761.125*	*195.761.125*	*195.761.125*	*195.761.125*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**3.067.861.600**	**3.067.861.600**	**3.502.522.044**	**3.359.364.083**
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thành An	*1.414.650.000*	*1.414.650.000*	*1.414.650.000*	*1.414.650.000*
Khác	*1.653.211.600*	*1.653.211.600*	*2.087.872.044*	*1.944.714.083*
Phải thu ngắn hạn khác	**4.462.841.845**	**4.462.841.845**	**4.462.841.845**	**4.462.841.845**
AG World International Corporation	*2.408.429.160*	*2.408.429.160*	*2.408.429.160*	*2.408.429.160*
Khác	*2.054.412.685*	*2.054.412.685*	*2.054.412.685*	*2.054.412.685*
TỔNG CỘNG	**9.054.837.570**	**9.054.837.570**	**9.489.498.014**	**9.346.340.053**

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Nguyên vật liệu	167.458.589.001	132.573.308.318
Công cụ, dụng cụ	38.287.843.352	28.413.298.855
Thành phẩm	15.054.539.445	10.578.972.064
Hàng mua đang đi đường	-	648.724.383
Hàng hóa	17.500.000	16.200.000
TỔNG CỘNG *(*)*	**220.818.471.798**	**172.230.503.620**

(*) Một số hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 23.1*).

11. TÀI SẢN SINH HỌC

11.1 Tài sản sinh học khác, trừ súc vật cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần				
a) Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn *(*)*	1.653.466.619.838	1.653.466.619.838	1.549.126.179.634	1.549.126.179.634

(*) Tài sản sinh học ngắn hạn phản ánh giá trị đàn heo thịt được nuôi vỗ béo nhằm mục đích bán thương phẩm, với độ tuổi từ 1 đến 26 tuần tại thời điểm báo cáo.

Giá trị tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm: chi phí thức ăn chăn nuôi, chi phí thuốc thú y và vắc-xin, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao chuồng trại và thiết bị, cùng các chi phí sản xuất chung khác phân bổ trong quá trình nuôi cho đến thời điểm xuất bán hoặc kết thúc kỳ kế toán.

Một số tài sản sinh học được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 23.1*).

11. TÀI SẢN SINH HỌC (tiếp theo)

11.2. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành

Khoản mục	*VND* *Heo giống*
Nguyên giá:	
Số đầu kỳ	588.885.060.038
Mua trong kỳ	373.385.428.405
Thanh lý	(309.761.069.820)
Số cuối kỳ	652.509.418.623
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ	(140.475.056.502)
Khấu hao trong kỳ	(97.495.129.867)
Thanh lý	67.925.970.394
Số cuối kỳ	(170.044.215.975)
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ	448.410.003.536
Số cuối kỳ	482.465.202.648

(*) Một số tài sản sinh học được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 23.1*).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu kỳ	184.879.799.984	171.071.112.695	19.698.248.044	28.460.550.259	404.109.710.982
Mua mới trong kỳ	522.142.313	17.090.324.078	635.040.000	199.552.000	18.447.058.391
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.235.016.971	35.752.183.388	1.511.635.360	4.661.241.029	59.160.076.748
Thanh lý	(6.178.918.259)	(7.427.951.898)	-	(563.047.500)	(14.169.917.657)
Số cuối kỳ	196.458.041.009	216.485.668.263	21.844.923.404	32.758.295.788	467.546.928.464
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*6.272.420.761*	*10.240.325.842*	*1.895.882.000*	*1.564.895.281*	*19.973.523.884*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu kỳ	(69.569.769.303)	(29.487.292.482)	(4.335.470.897)	(6.101.364.546)	(109.493.897.228)
Khấu hao trong kỳ	(10.125.547.586)	(11.327.462.332)	(1.136.638.200)	(1.928.650.119)	(24.518.298.237)
Thanh lý	86.022.692	298.409.878	-	70.575.968	455.008.538
Số cuối kỳ	(79.609.294.197)	(40.516.344.936)	(5.472.109.097)	(7.959.438.697)	(133.557.186.927)
Giá trị còn lại:					
Số đầu kỳ	115.310.030.681	141.583.820.213	15.362.777.147	22.359.185.713	294.615.813.754
Số cuối kỳ	116.848.746.812	175.969.323.327	16.372.814.307	24.798.857.091	333.989.741.537

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND *Máy móc thiết bị*
Nguyên giá:	
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	14.086.397.917
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ	(2.361.680.169)
Hao mòn trong kỳ	(739.782.197)
Số cuối kỳ	(3.101.462.366)
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ	11.724.717.748
Số cuối kỳ	10.984.935.551

Theo hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền lựa chọn mua lại máy móc thiết bị khi hết thời hạn thuê 60 tháng. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 23.7*.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND *Phần mềm máy tính*
Nguyên giá:	
Số đầu kỳ	17.621.166.500
Mua mới trong kỳ	1.429.855.500
Số cuối kỳ	19.051.022.000
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*1.382.516.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ	(1.867.024.173)
Hao mòn trong kỳ	(1.170.535.258)
Số cuối kỳ	(3.037.559.431)
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ	15.754.142.327
Số cuối kỳ	16.013.462.569

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Xây dựng trại Giai Xuân *(*)*	727.358.154.209	217.873.407.312
Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các trại heo	88.289.264.770	72.923.261.592
Khác	60.561.749.450	55.984.310.170
TỔNG CỘNG	**876.209.168.429**	**346.780.979.074**

(*) Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 8.483.864.900 VND (2025: 3.330.692.824 VND). Khoản chi phí đi vay này liên quan đến vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng trại Giai Xuân của Công ty.

Công ty đã sử dụng dự án Trang trại Giai Xuân để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 23.3*).

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 16.1)*	3.654.590.212.419	(12.024.249.276)	3.453.593.212.419	(12.024.249.276)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn *(Thuyết minh số 16.2)*	77.748.539.604	-	-	-
TỔNG CỘNG	**3.732.338.752.023**	**(12.024.249.276)**	**3.453.593.212.419**	**(12.024.249.276)**

16.1 Đầu tư vào các công ty con

	Tình hình hoạt động	*Số cuối kỳ*			*Số đầu kỳ*		
		Tỷ lệ vốn nắm giữ	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
		(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Hải Đăng Tây Ninh	Giai đoạn đầu hoạt động	99,82	399.280.000.000	-	99,82	399.280.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 1	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	340.000.000.000	-	100,00	340.000.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 2	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	340.000.000.000	-	100,00	340.000.000.000	-
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	243.000.000.000	-	100,00	243.000.000.000	-
Tây An Khánh *(i)*	Đang xây dựng	100,00	231.819.620.000	-	100,00	123.819.620.000	-
BAF Tây Ninh	Đang hoạt động	100,00	150.000.000.000	-	100,00	150.000.000.000	-
BAF Ninh Bình	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	150.000.000.000	-	100,00	150.000.000.000	-
Trang Trại Xanh 2	Đang hoạt động	99,69	129.600.000.000	-	99,69	129.600.000.000	-
Tâm Hưng	Giai đoạn đầu hoạt động	99,98	123.970.000.000	-	99,98	123.970.000.000	-
BAF Meat Bình Phước	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	120.000.000.000	-	100,00	120.000.000.000	-
Bắc An Khánh	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	110.000.000.000	-	100,00	110.000.000.000	-
BAF Bình Định	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	110.000.000.000	-	100,00	110.000.000.000	-
Anh Vũ Phú Yên	Đang hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	100.000.000.000	-
Đông An Khánh	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	100.000.000.000	-
Nam An Khánh	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	100,00	100.000.000.000	-

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

		Số cuối kỳ			*Số đầu kỳ*		
	Tình hình hoạt động	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
		(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Chăn nuôi Kim Hợi	Đang hoạt động	100,00	95.410.918.071	-	100,00	95.410.918.071	-
Tân Châu	Giai đoạn đầu hoạt động	99,95	89.959.150.000	-	99,95	89.959.150.000	-
Thanh Xuân	Giai đoạn đầu hoạt động	99,99	85.750.949.566	-	99,99	85.750.949.566	-
Sông Hinh *(ii)*	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	81.000.000.000	-	100,00	48.000.000.000	-
BAF Tây Ninh 1	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	80.000.000.000	-	100,00	80.000.000.000	-
Chăn nuôi TMC	Đang xây dựng	99,98	77.633.032.838	-	99,98	77.633.032.838	-
Thành Đạt Gia Lai	Giai đoạn trước hoạt động	99,99	64.602.086.000	-	99,99	64.602.086.000	-
Thiên Phú Sơn	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	64.183.771.710	-	100,00	64.183.771.710	-
Hoà Phát Bốn	Giai đoạn trước hoạt động	99,99	58.383.684.234	-	99,99	58.383.684.234	-
Chăn nuôi Minh Thành	Đang hoạt động	100,00	50.000.000.000	-	100,00	50.000.000.000	-
Logistic BAF *(iii)*	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	50.000.000.000	-	100,00	20.000.000.000	-
Trang Trại Xanh 1	Đang hoạt động	100,00	40.000.000.000	-	100,00	40.000.000.000	-
Khôi Dương *(iv)*	Giai đoạn trước hoạt động	99,99	29.997.000.000	-	99,99	-	-
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Đang hoạt động	100,00	20.000.000.000	(12.024.249.276)	100,00	20.000.000.000	(12.024.249.276)
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Giai đoạn đầu hoạt động	100,00	20.000.000.000	-	100,00	20.000.000.000	-
CNC BAF Hà Nội 1 *(v)*	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	-	-	-	-	-
CNC BAF Hà Nội 2 *(v)*	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	-	-	-	-	-
Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội *(v)*	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	-	-	-	-	-
Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh *(v)*	Giai đoạn trước hoạt động	100,00	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG			**3.654.590.212.419**	**(12.024.249.276)**		**3.453.593.212.419**	**(12.024.249.276)**

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(i) Ngày 25 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 108 tỷ VND vào Tây An Khánh. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và STC Tỉnh Tây Ninh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 3901315120 cho BAF Tây Ninh vào ngày 31 tháng 3 năm 2026.

(ii) Ngày 20 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 33 tỷ VND vào Sông Hinh. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và STC Tỉnh Đắk Lắk đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 4401086234 cho Sông Hinh vào ngày 29 tháng 1 năm 2026.

(iii) Ngày 14 tháng 5 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn bằng tiền với giá trị 30 tỷ VND vào Logistic BAF. Việc góp thêm vốn này đã được Hội đồng Quản trị thông qua, và STC Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 0318192737 cho Logistic BAF vào ngày 28 tháng 5 năm 2026.

(iv) Ngày 8 tháng 1 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng vốn của Khôi Dương từ các bên thứ ba với giá trị 29.997.000.000 VND tương ứng 99,99% tỷ lệ sở hữu. Việc nhận chuyển nhượng này đã được Hội đồng Quản trị thông qua và STC Tỉnh Lâm Đồng đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh số 6400434468 cho Khôi Dương vào ngày 29 tháng 10 năm 2025.

(v) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa hoàn tất việc góp vốn vào các công ty con này.

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư nói trên do không thể thu thập được đầy đủ thông tin thị trường của các khoản đầu tư này.

16.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối kỳ thể hiện khoản cho Logistic BAF vay dài hạn tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của công ty này với kỳ hạn ba mươi sáu (36) tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2028 với lãi suất 6%/năm.

17. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn	**26.186.974.456**	**28.068.778.626**
Công cụ, dụng cụ	14.318.151.472	15.452.336.746
Phần mềm	6.148.008.709	2.168.085.111
Khác	5.720.814.275	10.448.356.769
Dài hạn	**124.372.105.863**	**121.904.693.728**
Thuê đất	41.523.475.641	41.984.847.592
Chi phí cải tạo và sửa chữa	28.068.852.693	27.116.570.527
Công cụ, dụng cụ	25.267.511.724	22.362.165.221
Chi phí tư vấn	12.794.365.586	15.168.692.243
Chi phí quản lý dự án	9.983.820.100	10.338.468.990
Chi phí quảng cáo	1.657.013.333	1.666.666.667
Khác	5.077.066.786	3.267.282.488
TỔNG CỘNG	**150.559.080.319**	**149.973.472.354**

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	1.264.040.886.861	1.158.858.605.042
Phải trả các bên khác	647.958.225.244	637.681.779.995
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	*284.837.398.500*	*321.164.422.100*
Các bên khác	*363.120.826.744*	*316.517.357.895*
TỔNG CỘNG	**1.911.999.112.105**	**1.796.540.385.037**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Công ty TNHH Great Meat	2.796.105.000	-
Ông Phan Tiến Dũng	-	1.978.843.579
Khác	3.987.628.972	4.020.191.278
TỔNG CỘNG	**6.783.733.972**	**5.999.034.857**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu kỳ	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.539.523.779	4.967.543.141	(5.056.115.635)	4.450.951.285
Thuế giá trị gia tăng	2.686.498.521	16.104.115.067	(18.710.507.843)	80.105.745
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.413	53.234.375	-	55.141.788
Khác	63.772.901	114.968.393	(137.768.832)	40.972.462
TỔNG CỘNG	**7.291.702.614**	**21.239.860.976**	**(23.904.392.310)**	**4.627.171.280**
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	1.061.632.427	5.333.317.279	(5.258.647.253)	1.136.302.453
Thuế giá trị gia tăng	41.141.990	13.396.244.399	(13.028.625.323)	408.761.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp	371.824.642	19.049.542.746	(19.049.542.746)	371.824.642
Thuế khác	463.469.067	17.399.476.210	(16.934.905.415)	928.039.862
TỔNG CỘNG	**1.938.068.126**	**55.178.580.634**	**(54.271.720.737)**	**2.844.928.023**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Chi phí lãi vay	65.137.671.233	16.644.520.548
Chi phí gia công	18.800.716.149	-
Chi phí vận chuyển	10.897.931.486	1.612.795.800
Chi phí điện	4.650.508.237	3.440.527.144
Chi phí bảo vệ	119.723.226	524.900.903
Khác	14.655.136.063	2.696.911.321
TỔNG CỘNG	**114.261.686.394**	**24.919.655.716**

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn	**79.903.247.038**	**87.708.498.780**
Lãi vay phải trả	44.031.869.155	75.660.252.318
Phí lưu ký	15.700.820.942	-
Nhận ký quỹ, ký cược	12.145.297.165	3.023.000.000
Chi phí bảo hiểm	6.616.678.372	7.632.816.097
Khác	1.408.581.404	1.392.430.365
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*44.127.827.155*	*75.681.468.310*
Các bên khác	*35.775.419.883*	*12.027.030.470*
Dài hạn	**45.786.770.902**	**38.300.000.000**
Lãi vay phải trả	45.786.770.902	-
Phải trả từ việc phát hành trái phiếu	-	38.300.000.000
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*45.786.770.902*	-
Các bên khác	-	*38.300.000.000*
TỔNG CỘNG	**125.690.017.940**	**126.008.498.780**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu kỳ	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối kỳ*
Ngắn hạn	**2.682.005.884.489**	**1.599.896.366.417**	**(1.279.881.177.811)**	**3.917.872.144**	**-**	**(650.041.360.206)**	**2.355.897.585.033**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	1.171.045.519.017	1.549.896.366.417	(1.171.045.519.017)	-	-	-	1.549.896.366.417
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 23.2 và số 32)*	1.212.319.019.000	50.000.000.000	(107.427.019.000)	-	-	(651.450.000.000)	503.442.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.5)*	296.058.840.183	-	-	3.917.872.144	-	-	299.976.712.327
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.7)*	2.582.506.289	-	(1.408.639.794)	-	-	1.408.639.794	2.582.506.289
Dài hạn	**1.214.770.196.691**	**1.131.185.000.000**	**(14.100.000.000)**	**14.666.776.570**	**11.086.616.951**	**650.041.360.206**	**3.007.649.950.418**
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 23.5)*	480.065.753.377	947.000.000.000	-	12.789.860.086	-	-	1.439.855.613.463
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 23.6)*	500.111.035.851	-	-	1.876.916.484	11.086.616.951	-	513.074.569.286
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.3)*	207.056.000.000	184.185.000.000	-	-	-	-	391.241.000.000
Vay bên các liên quan *(Thuyết minh số 23.4 và số 32)*	-	-	(14.100.000.000)	-	-	673.118.075.000	659.018.075.000
Vay bên khác	21.668.075.000	-	-	-	-	(21.668.075.000)	-
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 23.7)*	5.869.332.463	-	-	-	-	(1.408.639.794)	4.460.692.669
TỔNG CỘNG	**3.896.776.081.180**	**2.731.081.366.417**	**(1.293.981.177.811)**	**18.584.648.714**	**11.086.616.951**	**-**	**5.363.547.535.451**

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối kỳ* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 5, số 10 và số 11)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	300.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2026 đến ngày 18 tháng 11 năm 2026	8,20 - 9,20	Quyền thuê đất trả tiền 1 lần của thửa đất số 10 thuộc quyền sở hữu của BAF Meat Bình Phước tại xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	296.977.747.681	Từ ngày 5 tháng 8 năm 2026 đến ngày 14 tháng 9 năm 2026	7,40 - 8,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	199.896.613.879	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2026 đến ngày 23 tháng 10 năm 2026	7,00 - 8,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn	164.875.110.204	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2026 đến ngày 29 tháng 12 năm 2026	7,40 - 7,90	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2	163.149.997.020	Từ ngày 13 tháng 9 năm 2026 đến ngày 20 tháng 10 năm 2026	7,80 - 8,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.1 *Vay ngắn hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối kỳ* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*VND* *Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 5)*
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	149.996.897.633	Từ ngày 9 tháng 9 năm 2026 đến ngày 15 tháng 12 năm 2026	8,65 - 9,25	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Văn bản bảo lãnh trả nợ thay do Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai phát hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	100.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2026	7,60	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TNHH United Overseas Việt Nam – Chi nhánh Central Plaza	100.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2026 đến ngày 9 tháng 10 năm 2026	7,50 - 7,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng Woori Việt Nam – Chi nhánh Sài gòn	75.000.000.000	Ngày 27 tháng 7 năm 2026	6,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
TỔNG CỘNG	**1.549.896.366.417**			

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay ngắn hạn từ các bên liên quan

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tín chấp từ các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	*Số cuối kỳ VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	235.660.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Ninh Bình	149.100.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Tây Ninh 1	77.200.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
Thiên Phú Sơn	41.080.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
BAF Meat Bình Phước	402.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	6,00
TỔNG CỘNG	**503.442.000.000**		

23.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ xây dựng trang trại và mua tài sản gắn liền với Dự án Trang trại Giai Xuân tại Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối kỳ VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	391.241.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2032	6,88	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Dự án trại Giai Xuân *(Thuyết minh số 15)*

23.4 Vay dài hạn từ các bên liên quan

Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn tín chấp từ các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	*Số cuối kỳ VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*
CNC BAF Tây Ninh 1	329.850.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2027	6,00
CNC BAF Tây Ninh 2	321.600.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2027	6,00
Khôi Dương	7.568.075.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2028	6,00
TỔNG CỘNG	**659.018.075.000**		

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 Trái phiếu

Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 4 tháng 7 năm 2023 và ngày 8 tháng 5 năm 2025 và ngày 5 tháng 1 năm 2026 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối kỳ* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(23.287.673)				
	299.976.712.327				
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2028 hoặc ngày mua trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác theo yêu cầu tại Văn kiện Trái phiếu *(*)*	Bổ sung vốn lưu động	10,00	127.295.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Siba Holdings được sở hữu bởi Ông Trương Sỹ Bá
Chi phí phát hành	(15.695.890.494)				
	484.304.109.506				
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000.000	Ngày 5 tháng 1 năm 2029 hoặc ngày mua trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác theo yêu cầu tại Văn kiện Trái phiếu *(*)*	Bổ sung vốn lưu động	10,00	Tín chấp
Chi phí phát hành	(44.448.496.043)				
	955.551.503.957				
TỔNG CỘNG	**1.739.832.325.790**				
Trong đó:					
Dài hạn đến hạn trả	*299.976.712.327*				
Dài hạn	*1.439.855.613.463*				

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.5 *Trái phiếu* (tiếp theo)

(*) Mua lại theo thỏa thuận

Sau thời hạn một năm kể từ ngày phát hành, Công ty có quyền thực hiện mua lại trái phiếu (một phần hoặc toàn bộ, vào bất kỳ thời điểm nào) theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu, tuân thủ theo quy trình và thủ tục quy định tại Văn kiện Trái phiếu.

Mua lại theo yêu cầu của trái chủ

Vào ngày làm việc liền kề trước thời điểm tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành, người sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Công ty mua lại tối đa 50% tổng giá trị trái phiếu đã phát hành. Giá mua lại được xác định bằng mệnh giá cộng với khoản lãi dồn tích, tính theo mức lãi suất cố định 8,5%/năm.

Mua lại bắt buộc

Công ty có nghĩa vụ mua lại trái phiếu theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu trong trường hợp xảy ra các sự kiện vi phạm quy định cụ thể tại Văn kiện Trái phiếu.

23.6 *Trái phiếu chuyển đổi*

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	600.000.000.000	600.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 24.1)*	(137.648.613.977)	(137.648.613.977)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**462.351.386.023**	**462.351.386.023**
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	**64.800.057.579**	**53.713.440.628**
Số đầu kỳ	53.713.440.628	32.574.668.820
Số phân bổ tăng trong kỳ	11.086.616.951	21.138.771.808
Số cuối kỳ	64.800.057.579	53.713.440.628
Trừ: Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	**(14.076.874.316)**	**(15.953.790.800)**
Số đầu kỳ	(15.953.790.800)	(19.679.470.190)
Số phân bổ giảm trong kỳ	1.876.916.484	3.725.679.390
Số cuối kỳ	(14.076.874.316)	(15.953.790.800)
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ	**513.074.569.286**	**500.111.035.851**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Công ty đã ký kết Hợp đồng trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC"), với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất là 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.7 *Nợ thuê tài chính*

Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính số C240507602 ngày 28 tháng 5 năm 2024 từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối kỳ			*Số đầu kỳ*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	3.081.199.991	498.693.702	2.582.506.289	3.069.860.441	487.354.152	2.582.506.289
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	4.799.674.010	338.981.341	4.460.692.669	6.311.561.229	442.228.766	5.869.332.463
TỔNG CỘNG	**7.880.874.001**	**837.675.043**	**7.043.198.958**	**9.381.421.670**	**929.582.918**	**8.451.838.752**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Thặng dư vốn*	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:						
Số đầu kỳ	2.390.216.420.000	-	-	137.648.613.977	408.190.028.848	2.936.055.062.825
Phát hành cổ phiếu	650.000.000.000	356.620.000.000	-	-	-	1.006.620.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	103.617.143.169	103.617.143.169
Số cuối kỳ	3.040.216.420.000	356.620.000.000	-	137.648.613.977	511.807.172.017	4.046.292.205.994
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026:						
Số đầu kỳ	3.040.216.420.000	356.620.000.000	-	137.648.613.977	506.466.956.004	4.040.951.989.981
Cổ tức công bố *(*)*	-	-	304.016.320.000	-	(304.016.320.000)	-
Phát hành cổ phiếu *(*)*	-	(304.016.320.000)	304.016.320.000	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	115.886.931.577	115.886.931.577
Số cuối kỳ	3.040.216.420.000	52.603.680.000	608.032.640.000	137.648.613.977	318.337.567.581	4.156.838.921.558

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20.05.2026/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 5 năm 2026, và Công văn số 4821/UBCK-QLCB ngày 1 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Công ty đã được thông qua việc phát hành 30.402.164 cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và phát hành thêm 30.402.164 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn Thặng dư vốn để tăng vốn cổ phần.

Theo Báo cáo kết quả số 30.2026.BAF/BCKQ ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty và Công văn số 6110/UBCK-QLCB ngày 2 tháng 7 năm 2026 của UBCKNN thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 30.401.632 cổ phiếu để trả cổ tức và 30.401.632 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Theo Quyết định số 586/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 7 năm 2026 và Thông báo số 1511/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số lượng cổ phiếu phát hành nêu trên có hiệu lực niêm yết vào ngày 10 tháng 7 năm 2026 và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 20 tháng 7 năm 2026. Vào ngày 10 tháng 7 năm 2026, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt số vốn điều lệ mới là 3.648.249.060.000 VND.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 20.07.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, Công ty đã được thông qua (i) kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty ("ESOP"), với số lượng dự kiến phát hành là 8.000.000 cổ phiếu và giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu; và (ii) phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026, với số lượng dự kiến phát hành là 40.536.100 cổ phiếu và giá phát hành 15.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình triển khai các phương án phát hành này.

24.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối kỳ			*Số đầu kỳ*		
	VND	*Cổ phiếu*	*%*	*VND*	*Cổ phiếu*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	31,472	956.819.350.000	95.681.935	31,472
Bà Bùi Hương Giang	79.887.550.000	7.988.755	2,628	79.887.550.000	7.988.755	2,628
Cổ đông khác	2.003.509.520.000	200.350.952	65,900	2.003.509.520.000	200.350.952	65,900
TỔNG CỘNG	**3.040.216.420.000**	**304.021.642**	**100,000**	**3.040.216.420.000**	**304.021.642**	**100,000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

		VND
	Kỳ này	*Kỳ trước*
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
Tăng trong kỳ	-	650.000.000.000
Số cuối kỳ	3.040.216.420.000	3.040.216.420.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	*304.016.320.000*	-

24.4 Cổ phiếu

		Số lượng cổ phiếu
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Cổ phiếu đã được phê duyệt phát hành	304.021.642	304.021.642
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	304.021.642	304.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*304.021.642*
Cổ phiếu đang lưu hành	304.021.642	304.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*304.021.642*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Doanh thu gộp	**3.570.762.498.417**	**2.595.626.906.808**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*3.532.919.980.600*	*2.582.377.835.752*
Doanh thu bán cám	*37.259.622.219*	*12.993.083.597*
Doanh thu khác	*582.895.598*	*255.987.459*
Các khoản giảm trừ doanh thu:	**(15.715.976.258)**	**(449.017.170)**
Chiết khấu thương mại	*(15.713.673.158)*	*(449.017.170)*
Hàng bán bị trả lại	*(2.303.100)*	*-*
Doanh thu thuần	**3.555.046.522.159**	**2.595.177.889.638**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*3.470.042.770.489*	*2.511.602.029.954*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*85.003.751.670*	*83.575.859.684*

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Cổ tức được nhận	180.000.000.000	100.000.000.000
Lãi tiền gửi và cho vay	51.489.387.207	50.126.946.904
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	691.270.293	692.071.257
Khác	787.522.783	928.649.636
TỔNG CỘNG	**232.968.180.283**	**151.747.667.797**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí lãi vay	196.359.892.034	100.703.101.052
Chi phí phát hành trái phiếu	18.584.648.714	9.414.023.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	146.752.317	-
Phí cam kết rút vốn	-	4.678.331.091
Khác	81.070.991	65.696.609
TỔNG CỘNG	**215.172.364.056**	**114.861.151.930**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	3.172.877.789.658	2.362.687.813.584
Giá vốn bán cám	31.819.947.213	12.940.013.068
Khác	397.440.924	145.495.124
TỔNG CỘNG	**3.205.095.177.795**	**2.375.773.321.776**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí bán hàng	**79.095.850.325**	**63.749.721.638**
Chi phí vận chuyển	50.526.033.679	40.307.990.705
Chi phí nhân viên	17.199.297.882	10.782.991.098
Chi phí khấu hao	4.993.512.057	3.473.341.158
Công cụ, dụng cụ	1.775.528.228	971.112.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.523.219.065	417.760.234
Chi phí môi giới	2.239.520	6.959.276.949
Khác	3.076.019.894	837.249.441
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**131.511.798.578**	**88.790.106.781**
Chi phí nhân viên	76.285.760.464	48.214.982.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.298.821.865	13.369.790.731
Công cụ, dụng cụ	9.980.340.347	10.330.159.717
Chi phí thuê	5.244.183.678	3.721.665.816
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.636.308.938	893.944.143
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	(291.502.483)	2.627.406.919
Khác	16.357.885.769	9.632.156.925
TỔNG CỘNG	**210.607.648.903**	**152.539.828.419**

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Thu nhập khác	**2.287.541.361**	**7.850.090.946**
Nhận bồi thường từ bảo hiểm	1.861.290.291	5.837.176.646
Lãi từ thanh lý công cụ, dụng cụ	-	1.244.533.998
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	250.958.008
Các khoản khác	426.251.070	517.422.294
Chi phí khác	**(17.658.955.632)**	**(2.963.664.277)**
Chi phí phạt, bồi thường	(15.894.920.453)	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(1.030.507.306)	-
Chi phí thanh lý thuốc và vật tư thú y	(450.431.447)	(2.805.424.907)
Các khoản khác	(283.096.426)	(158.239.370)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**(15.371.414.271)**	**4.886.426.669**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí nguyên vật liệu	2.983.138.961.323	1.689.475.689.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	158.570.614.509	591.260.935.372
Chi phí nhân viên	117.486.425.650	101.975.934.713
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 11.2, 12, 13 và 14)*	123.923.745.559	74.232.328.312
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	(291.502.483)	2.627.406.919
Khác	32.874.582.140	68.740.855.658
TỔNG CỘNG	**3.415.702.826.698**	**2.528.313.150.195**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;
- Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Thuế TNDN năm nay	-	6.562.034.885
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	19.049.542.746	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.049.542.746	6.562.034.885
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	6.831.623.094	(1.541.496.075)
TỔNG CỘNG	**25.881.165.840**	**5.020.538.810**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**141.768.097.417**	**108.637.681.979**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	21.265.214.613	16.087.654.698
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):		
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	1.662.992.543	1.508.679.568
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho phần lỗ thuế của các chi nhánh hạch toán độc lập	2.594.064.277	1.223.378.325
Chi phí lãi vay không được trừ	3.890.258.095	619.822.553
Chi phí không được trừ	6.982.531.640	593.128.491
Cổ tức được chia	(27.000.000.000)	(15.000.000.000)
Lỗ của các chi nhánh hạch toán độc lập năm trước chuyển sang	(1.980.989.762)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	19.049.542.746	-
Khác	(582.448.312)	(12.124.825)
Chi phí thuế TNDN	**25.881.165.840**	**5.020.538.810**

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ như sau:

VND

	Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ*	
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong các kỳ sau	24.376.365.150	35.143.439.043	(10.767.073.893)	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.206.799.857	401.412.198	3.805.387.659	1.266.539.803
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(18.834.518)	(148.897.658)	130.063.140	274.956.272
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***28.564.330.489***	***35.395.953.583***		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại thuần			***(6.831.623.094)***	***1.541.496.075***

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.4 Lỗ thuế chuyển sang các kỳ sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính phát sinh từ Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty với số tiền là 226.807.232.351 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 295.781.555.703 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2026*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2026*
Trụ sở chính					
2023	2028	198.280.386.746	(198.280.386.746)	-	-
2025	2030	234.289.593.623	(71.780.492.621)	-	162.509.101.002
		432.569.980.369	(270.060.879.367)	-	162.509.101.002
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2021	2026	31.566.070	-	-	31.566.070
2022	2027	7.583.628.876	(259.203.307)	-	7.324.425.569
2023	2028	911.515.725	-	-	911.515.725
2024	2029	8.145.662.810	(2.675.509.586)	-	5.470.153.224
2025	2030	44.819.588.599	(7.229.439.223)	-	37.590.149.376
2026	2031	12.970.321.385	-	-	12.970.321.385
		74.462.283.465	(10.164.152.116)	-	64.298.131.349
TỔNG CỘNG		**507.032.263.834**	**(280.225.031.483)**	**-**	**226.807.232.351**

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho kỳ hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang kỳ sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2026*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2026*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2026*
Trụ sở chính					
2023	2028	71.736.201.790	(20.671.107.602)	-	51.065.094.188
2025	2030	62.717.344.188	-	-	62.717.344.188
2026	2031	26.489.065.597	-	-	26.489.065.597
		160.942.611.575	(20.671.107.602)	-	140.271.503.973
Các chi nhánh hạch toán độc lập					
2024	2029	1.817.791.705	(1.227.715.704)	-	590.076.001
2025	2030	5.573.330.647	(674.451.020)	-	4.898.879.627
2026	2031	1.486.658.002	-	-	1.486.658.002
		8.877.780.354	(1.902.166.724)	-	6.975.613.630
TỔNG CỘNG		**169.820.391.929**	**(22.573.274.326)**	**-**	**147.247.117.603**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ nêu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 147.247.117.603 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 121.173.560.728 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

31.6 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Lỗ thuế chuyển sang kỳ sau *(Thuyết minh số 31.4)*	64.298.131.349	22.113.371.699
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 31.5)*	147.247.117.603	57.624.983.523
TỔNG CỘNG	**211.545.248.952**	**79.738.355.222**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Anh Vũ Phú Yên	Công ty con
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Công ty con
Chăn nuôi Minh Thành	Công ty con
Bắc An Khánh	Công ty con
Đông An Khánh	Công ty con
Nam An Khánh	Công ty con
Trang Trại Xanh 1	Công ty con
Trang Trại Xanh 2	Công ty con
Hải Đăng Tây Ninh	Công ty con
Sông Hinh	Công ty con
BAF Tây Ninh	Công ty con
BAF Bình Định	Công ty con
BAF Meat Bình Phước	Công ty con
Tâm Hưng	Công ty con
Tân Châu	Công ty con
Thiên Phú Sơn	Công ty con
Chăn nuôi Kim Hợi	Công ty con
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Công ty con
Logistic BAF	Công ty con
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Công ty con
Tây An Khánh	Công ty con
Thanh Xuân	Công ty con
CNC BAF Tây Ninh 1	Công ty con
CNC BAF Tây Ninh 2	Công ty con
BAF Tây Ninh 1	Công ty con
Chăn nuôi TMC	Công ty con
Hòa Phát Bốn	Công ty con
Thành Đạt Gia Lai	Công ty con
BAF Ninh Bình	Công ty con
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty TNHH Agro Việt ("Việt Agro")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lương thực A An – Chi nhánh Đồng Tháp ("A An – Đồng Tháp")	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons")	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác của Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Siba Cư Jút ("Siba Cư Jút")	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty TNHH Một Thành Viên Năng Lượng Sạch Vmeco Bạc Liêu ("Vmeco Bạc Liêu")	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Thương mại Stemkos Việt Nam (Stemkos)	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Thú y Tân Long ("Thú y Tân Long")	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ocoba ("Thực phẩm Ocoba")	Công ty con của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long – Chi nhánh Đồng Tháp ("Tân Long – Đồng Tháp")	Chi nhánh công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long – Chi nhánh Hải Phòng ("Tân Long – Hải Phòng")	Chi nhánh công ty có cùng Chủ tịch
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ("TV HĐQT kiêm TGĐ")
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên HĐQT không điều hành (đến ngày 23 tháng 4 năm 2026)
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT không điều hành (từ ngày 23 tháng 4 năm 2026)
Ông Prasad Gopalan	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính (đến ngày 18 tháng 3 năm 2026)
Ông Nguyễn Phạm Xuân Quang	Giám đốc Tài chính (từ ngày 18 tháng 3 năm 2026)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng (đến ngày 9 tháng 7 năm 2026)
Bà Phan Thị Kim Trang	Kế toán trưởng (từ ngày 10 tháng 7 năm 2026)

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
BAF Tây Ninh	Mua cám	587.820.847.703	408.663.218.819
	Cho vay	73.247.841.097	153.200.000.000
	Trả vay	31.500.000.000	-
	Lãi vay	875.095.890	-
	Bán hàng	496.065.493	589.435.000
	Lãi cho vay	192.651.856	2.131.117.808
	Thu hồi cho vay	-	193.200.000.000
	Góp vốn	-	1.500.000.000
BAF Meat Bình Phước	Trả vay	1.550.000.000	3.890.000.000
	Lãi vay	43.966.356	174.250.182
Chăn nuôi Kim Hợi	Chi phí thuê trại	7.860.000.000	7.440.000.000
	Chi hộ	3.075.119.753	-
	Trả vay	2.871.900.000	-
	Lãi vay	19.827.913	22.966.668
Anh Vũ Phú Yên	Mua heo	41.778.776.970	35.066.101.459
	Cho vay	34.750.000.000	10.250.000.000
	Bán cám	13.999.372.100	-
	Bán heo	4.932.337.691	28.069.331.616
	Lãi cho vay	4.062.852.839	2.784.211.741
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	13.243.015
	Thu hồi cho vay	-	19.000.000.000
Đông An Khánh	Cho vay	64.900.000.000	45.550.000.000
	Mua heo	29.933.924.249	13.776.959.314
	Lãi cho vay	6.279.403.564	4.770.115.890
	Thu hồi cho vay	2.000.000.000	5.000.000.000
	Bán hàng	42.926.752	-
	Bán heo	-	5.348.513.864
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	114.998
Thiên Phú Sơn	Lãi vay	1.225.804.931	1.376.990.137
	Trả vay	550.000.000	560.000.000
Nam An Khánh	Mua heo	27.460.316.471	48.563.453.253
	Thu hồi cho vay	19.500.000.000	16.000.000.000
	Lãi cho vay	4.145.141.744	4.003.176.812
	Cho vay	1.600.000.000	36.630.000.000
	Bán hàng	705.890.904	1.290.000.000
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	42.054.946

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Trang Trại Xanh 2	Mua heo	132.093.015.023	150.682.588.558
	Thu hồi cho vay	127.900.000.000	28.000.000.000
	Cho vay	8.650.000.000	92.151.830.211
	Bán heo	8.142.352.317	-
	Lãi cho vay	3.395.748.553	5.869.069.756
	Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	17.454.552
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	2.475.600
Trang Trại Xanh 1	Thu hồi cho vay	30.000.000.000	10.000.000.000
	Mua heo	20.184.378.270	133.500.623.129
	Lãi cho vay	5.350.010.513	5.948.670.785
	Cho vay	3.200.000.000	45.550.000.000
	Bán heo	19.234.340	-
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	893.074.164
	Góp vốn	-	800.000.000
Chăn nuôi Minh Thành	Mua heo	109.612.797.422	150.097.040.030
	Cho vay	22.950.000.000	71.700.000.000
	Bán heo	9.383.434.685	8.271.069.104
	Lãi cho vay	257.794.521	1.740.609.863
	Thu hồi cho vay	-	122.830.000.000
	Cấn trừ công nợ phải trả với cổ tức	-	50.000.000.000
	Góp vốn	-	1.000.000.000
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	155.091.780
Tâm Hưng	Mua heo	28.301.103.186	19.949.407.610
	Bán heo	10.426.593.777	9.540.952.495
	Cho vay	6.800.000.000	43.513.144.104
	Lãi cho vay	2.638.261.546	2.017.029.144
	Thu hồi cho vay	-	10.700.000.000
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	167.719.368
Tân Châu	Mua heo	159.423.803.722	222.080.069.350
	Thu hồi cho vay	37.519.412.603	15.000.000.000
	Bán hàng	357.202.584	9.193.984.506
	Lãi cho vay	55.508.172	2.366.961.153
	Cho vay	-	35.350.000.000
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	55.546.070

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Sông Hinh	Cho vay	44.500.000.000	16.338.989.313
	Góp vốn	33.000.000.000	-
	Thu hồi cho vay	29.188.989.313	-
	Bán hàng	3.486.635.758	-
	Lãi cho vay	586.586.300	81.772.218
	Mua heo	502.230.670	-
	Trả vay	-	3.595.000.000
	Lãi vay	-	66.206.301
Bắc An Khánh	Mua heo	144.843.833.571	164.438.200.802
	Cấn trừ công nợ phải trả với cổ tức	60.000.000.000	50.000.000.000
	Cho vay	36.800.000.000	22.000.000.000
	Lãi cho vay	564.221.918	2.478.057.535
	Bán hàng	62.627.608	-
	Thu hồi cho vay	-	137.600.000.000
	Góp vốn	-	800.000.000
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	350.000
BAF Bình Định	Mua cám	165.206.503.500	-
	Cho vay	37.200.000.000	-
	Trả vay	31.565.119.000	47.800.000.000
	Vay	17.000.000.000	-
	Lãi vay	377.709.881	1.977.144.089
	Lãi cho vay	286.520.548	-
	Bán cám	96.026.000	-
	Góp vốn	-	1.600.000.000
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Chi phí thuê trại	6.000.000.000	5.274.545.455
	Thu hồi cho vay	-	2.858.606.034
	Lãi cho vay	988.408.770	1.080.389.509
Hải Đăng Tây Ninh	Mua heo	462.256.271.942	328.087.245.284
	Cấn trừ công nợ phải trả với cổ tức	150.000.000.000	-
	Cho vay	73.500.000.000	158.600.000.000
	Thu hồi cho vay	49.300.000.000	35.000.000.000
	Thanh lý tài sản cố định	-	2.250.000.000
	Lãi cho vay	2.011.681.133	7.016.149.628
	Bán hàng	537.999.096	3.112.290.000
	Thanh lý cám	-	39.275.000
Logistic BAF	Mua dịch vụ	57.601.197.023	19.613.550.605
	Góp vốn	30.000.000.000	-
	Cho vay	23.400.000.000	3.850.000.000
	Lãi cho vay	1.980.928.865	437.367.221
	Mua tài sản cố định	272.262.537	-
	Thanh lý tài sản cố định	35.060.000	25.174.700.000
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Mua hàng	64.114.623.002	302.447.009
	Trả vay	9.940.000.000	750.000.000
	Lãi vay	110.492.053	405.754.520
	Bán hàng	110.076.645	-
	Vay	-	4.000.000.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Lãi vay	7.016.541.372	5.152.078.356
	Trả vay	2.500.000.000	550.000.000
	Góp vốn	-	213.000.000.000
	Vay	-	213.000.000.000
Siba Tech	Xây dựng trại	221.997.069.564	15.908.627.805
	Thu hộ	517.591.064	-
	Bán hàng	167.110.480	60.658.500
	Mua hàng	52.781.500	-
	Chi hộ	35.540.000	-
Hòa Phát Bồn	Cho vay	85.944.315.766	-
	Thu hồi cho vay	37.500.000.000	-
	Mua heo	10.591.400.335	-
	Bán heo	2.991.571.882	-
	Lãi cho vay	2.150.092.589	-
Khôi Dương	Góp vốn	29.997.000.000	-
	Trả vay	14.100.000.000	-
	Lãi vay	482.058.341	-
Thành Đạt Gia Lai	Cho vay	56.500.000.000	-
	Lãi cho vay	2.300.012.054	-
BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	2.301.386.302	629.654.795
	Trả vay	900.000.000	-
	Góp vốn	-	80.000.000.000
	Vay	-	79.800.000.000
Thanh Xuân	Bán heo	10.518.088.571	4.415.282.838
	Bán cám	18.136.395.500	-
	Mua heo	32.641.332.172	12.839.508
	Cho vay	20.200.000.000	11.020.000.000
	Lãi cho vay	1.469.304.659	124.860.821
	Thanh lý tài sản cố định	-	413.241.377
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	258.239.815
	Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	37.313.637
CNC BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	9.820.471.233	2.678.794.520
	Trả vay	2.950.000.000	-
	Góp vốn	-	340.000.000.000
	Vay	-	339.500.000.000
CNC BAF Tây Ninh 2	Trả vay	12.300.000.000	-
	Lãi vay	9.760.043.837	2.622.986.301
	Góp vốn	-	340.000.000.000
	Vay	-	339.500.000.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Tây An Khánh	Góp vốn	108.000.000.000	-
	Thu hồi cho vay	88.630.000.000	-
	Cho vay	23.550.000.000	10.800.000.000
	Vay	10.000.000.000	-
	Trả vay	10.000.000.000	-
	Lãi cho vay	1.186.499.179	743.087.672
	Lãi vay	47.046.576	-
Chăn nuôi TMC	Cho vay	26.900.000.000	147.841.000.000
	Mua heo	23.699.644.263	-
	Thu hồi cho vay	2.331.000.000	70.000.000.000
	Lãi cho vay	1.552.257.041	1.094.656.274
	Bán hàng	142.769.767	13.530.060.861
	Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	2.881.718.159
	Thanh lý thuốc và vật tư thú y	-	1.079.146.004
	Thanh lý tài sản cố định	-	308.422.782
	Thanh lý cám	-	245.047.500
BAF Ninh Bình	Vay	23.000.000.000	-
	Lãi vay	4.438.734.245	-
	Trả vay	800.000.000	-
Siba Cư Jut	Mua dịch vụ	1.290.159.207	-
A An	Bán hàng	108.797.520	58.656.000
A An – Đồng Tháp	Bán hàng	30.074.400	-
Tân Long	Bán hàng	42.327.840	95.624.900
Tân Long – Đồng Tháp	Bán hàng	46.862.280	-
Tân Long – Hải Phòng	Bán hàng	18.935.280	-
Ocoba	Bán hàng	2.042.400	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 2 năm 2026 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm 2026.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Chăn nuôi Minh Thành	Bán hàng	74.126.692.846	107.255.954.720
Thanh Xuân	Bán hàng	41.435.645.287	34.165.328.326
Trang Trại Xanh 1	Bán hàng	33.133.780.452	46.769.998.737
Anh Vũ Phú Yên	Bán hàng	16.018.140.673	49.101.345.001
Chăn nuôi TMC	Bán hàng	13.613.188.371	18.407.306.056
Tâm Hưng	Bán hàng	10.138.717.782	42.985.660.341
Trang Trại Xanh 2	Bán hàng	8.065.878.450	-
Đông An Khánh	Bán hàng	3.346.334.800	19.158.437.707
Hòa Phát Bốn	Bán hàng	2.418.050.406	4.508.875.661
Nam An Khánh	Bán hàng	300.000.000	105.779.604
Siba Tech	Bán hàng	291.862.194	-
Tân Châu	Bán hàng	171.711.467	5.768.635.166
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Bán hàng	117.874.679	-
Tân Long – Đồng Tháp	Bán hàng	36.489.398	-
Hải Đăng Tây Ninh	Bán hàng	30.146.790	16.248.534.959
Bắc An Khánh	Bán hàng	7.569.720	18.028.425.730
Sông Hinh	Bán hàng	7.569.720	4.980.007
Logistic BAF	Bán hàng	-	24.692.170.000
Tân Long	Bán hàng	-	204.636.348
BAF Tây Ninh	Bán hàng	-	72.018.310
TỔNG CỘNG		**203.259.653.035**	**387.478.086.673**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Các khoản cho vay ngắn hạn			
Đông An Khánh	Cho vay	264.492.405.759	195.313.002.195
Trang Trại Xanh 1	Cho vay	219.464.655.966	240.914.645.453
Anh Vũ Phú Yên	Cho vay	181.561.263.139	142.748.410.300
Nam An Khánh	Cho vay	146.071.510.026	159.826.368.282
Trang Trại Xanh 2	Cho vay	131.438.830.685	247.293.082.132
Hải Đăng Tây Ninh	Cho vay	111.106.314.379	94.894.633.246
Thành Đạt Gia Lai	Cho vay	102.719.433.423	43.919.421.369
Tâm Hưng	Cho vay	98.928.744.148	89.490.482.602
Hòa Phát Bốn	Cho vay	83.130.805.047	32.536.396.692
BAF Tây Ninh	Cho vay	73.440.492.953	-
Chăn nuôi TMC	Cho vay	68.448.261.699	42.333.901.863
Thanh Xuân	Cho vay	59.171.882.740	37.502.578.081
Sông Hinh	Cho vay	45.061.072.057	29.163.475.070
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Cho vay	42.701.552.392	41.713.143.622
BAF Bình Định	Cho vay	37.486.520.548	-
Bắc An Khánh	Cho vay	37.364.221.918	-
Chăn nuôi Minh Thành	Cho vay	23.207.794.521	-
Tây An Khánh	Cho vay	7.943.791.781	75.563.266.303
Logistic BAF	Cho vay	-	52.367.610.739
Tân Châu	Cho vay	-	46.440.412.157
TỔNG CỘNG		**1.733.739.553.181**	**1.572.020.830.106**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	52.758.433.975	102.240.418.462
Logistic BAF	Sử dụng dịch vụ	2.243.055.172	-
Nam An Khánh	Mua hàng	644.711.488	-
Solacons	Mua hàng	272.727.273	272.727.273
Chăn nuôi Kim Hợi	Thuê trại	-	300.000.000
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Sử dụng dịch vụ	-	85.945.061
TỔNG CỘNG		**55.918.927.908**	**102.899.090.796**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải thu ngắn hạn khác			
Hải Đăng Tây Ninh	Cổ tức	60.000.000.000	150.000.000.000
Tân Châu	Cổ tức	75.000.000.000	-
Trang Trại Xanh 2	Cổ tức	25.000.000.000	-
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.287.867.857	22.110.662.223
Bắc An Khánh	Cổ tức	10.000.000.000	60.000.000.000
Tâm Hưng	Cổ tức	10.000.000.000	-
Logistic BAF	Chi hộ	499.060.000	604.762.852
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Chi hộ	351.756.600	351.756.600
Hòa Phát Bồn	Chi hộ	282.923.550	67.085.597.646
Chăn nuôi TMC	Chi hộ	-	3.181.481.900
TỔNG CỘNG		**203.421.608.007**	**303.334.261.221**
Phải thu dài hạn khác			
Chăn nuôi Kim Hợi	Đặt cọc	11.280.000.000	11.280.000.000
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Đặt cọc	2.800.000.000	2.800.000.000
Chăn nuôi TMC	Đặt cọc	1.300.000.000	1.300.000.000
TỔNG CỘNG		**15.380.000.000**	**15.380.000.000**
Các khoản cho vay dài hạn			
Logistic BAF	Cho vay	77.748.539.604	-

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải trả người bán ngắn hạn			
Hải Đăng Tây Ninh	Mua hàng	303.401.861.450	291.416.794.089
BAF Tây Ninh	Mua hàng	259.803.711.020	225.858.401.872
BAF Bình Định	Mua hàng	165.206.503.500	-
Siba Tech	Xây dựng trại	136.902.653.881	112.394.195.051
Tân Châu	Mua hàng	129.609.369.440	150.636.727.198
Chăn nuôi Minh Thành	Mua hàng	70.594.691.925	8.616.762.691
Trang Trại Xanh 2	Mua hàng	67.873.680.737	137.781.649.437
Bắc An Khánh	Mua hàng	64.236.758.959	71.926.304.203
Trang Trại Xanh 1	Mua hàng	17.894.654.132	52.917.175.084
Hòa Phát Bồn	Mua hàng	10.604.886.565	-
Tâm Hưng	Mua hàng	8.077.277.431	28.192.032.010
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Mua hàng	7.574.259.005	-
Đông An Khánh	Mua hàng	7.074.841.721	4.014.349.989
Thanh Xuân	Mua hàng	5.553.296.268	1.249.258.075
Anh Vũ Phú Yên	Mua hàng	4.120.587.914	21.831.488.239
Chăn nuôi TMC	Mua hàng	3.642.749.042	671.770.553
Chăn nuôi Bảo Ngọc	Sử dụng dịch vụ	1.100.000.000	1.100.000.000
Siba Cư Jút	Mua hàng	483.011.508	611.891.203
Sông Hinh	Mua hàng	242.435.999	-
Salacons	Mua hàng	43.636.364	43.636.364
Tân Long	Mua hàng	20.000	1.470.020.000
Nam An Khánh	Mua hàng	-	40.509.990.632
Logistic BAF	Sử dụng dịch vụ	-	7.616.158.352
TỔNG CỘNG		**1.264.040.886.861**	**1.158.858.605.042**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải trả ngắn hạn khác			
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Lãi vay	21.224.309.590	14.207.768.218
Thiên Phú Sơn	Lãi vay	9.445.908.495	8.220.103.564
BAF Ninh Bình	Lãi vay	6.527.128.765	2.088.394.520
BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	5.327.671.235	3.026.284.933
BAF Meat Bình Phước	Lãi vay	1.327.235.182	1.283.268.826
Chăn nuôi Kim Hợi	Lãi vay	132.569.312	112.741.399
Logistic BAF	Khác	95.958.000	95.958.000
Tây An Khánh	Lãi vay	47.046.576	-
CNC BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	-	12.885.747.945
CNC BAF Tây Ninh 2	Lãi vay	-	12.835.545.205
BAF Bình Định	Lãi vay	-	17.948.462.276
BAF Tây Ninh	Lãi vay	-	1.877.063.013
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Lãi vay	-	1.100.130.411
TỔNG CỘNG		**44.127.827.155**	**75.681.468.310**
Vay ngắn hạn			
Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh	Vay	235.660.000.000	238.160.000.000
BAF Ninh Bình	Vay	149.100.000.000	126.900.000.000
BAF Tây Ninh 1	Vay	77.200.000.000	78.100.000.000
Thiên Phú Sơn	Vay	41.080.000.000	41.630.000.000
BAF Meat Bình Phước	Vay	402.000.000	1.952.000.000
CNC BAF Tây Ninh 2	Vay	-	333.900.000.000
CNC BAF Tây Ninh 1	Vay	-	332.800.000.000
BAF Tây Ninh	Vay	-	31.500.000.000
BAF Bình Định	Vay	-	14.565.119.000
Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF	Vay	-	9.940.000.000
Chăn nuôi Kim Hợi	Vay	-	2.871.900.000
TỔNG CỘNG		**503.442.000.000**	**1.212.319.019.000**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Vay dài hạn			
CNC BAF Tây Ninh 1	Vay	329.850.000.000	-
CNC BAF Tây Ninh 2	Vay	321.600.000.000	-
Khôi Dương	Vay	7.568.075.000	-
TỔNG CỘNG		**659.018.075.000**	**-**
Phải trả dài hạn khác			
CNC BAF Tây Ninh 1	Lãi vay	22.706.219.178	-
CNC BAF Tây Ninh 2	Lãi vay	22.595.589.042	-
Khôi Dương	Lãi vay	484.962.682	-
TỔNG CỘNG		**45.786.770.902**	**-**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ"):

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Ông Trương Sỹ Bá	180.000.000	180.000.000
Bà Bùi Hương Giang	861.013.326	630.983.351
Ông Lê Xuân Thọ	72.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Văn Phú	36.000.000	-
Ông Prasad Gopalan	108.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	108.000.000	108.000.000
Ông Trương Anh Tuấn	814.441.289	603.656.754
Ông Ngô Cao Cường	828.172.900	617.427.714
Ông Nguyễn Văn Minh	877.896.403	615.182.539
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	-	36.000.000
Bà Dương Thị Hồng Tân	234.823.380	210.482.690
Bà Lưu Ngọc Trâm	22.500.000	22.500.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	-	289.692.722
Bà Trần Thị Thanh Trà	175.865.155	156.950.577
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	340.976.673	269.064.376
TỔNG CỘNG	**4.659.689.126**	**3.955.940.723**

33. CÁC CAM KẾT

33.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Đến 1 năm	350.988.139.161	359.433.059.105
Từ 1 năm đến 5 năm	1.354.476.722.164	1.362.452.002.480
Trên 5 năm	1.999.986.786.187	2.164.281.211.436
TỔNG CỘNG	**3.705.451.647.512**	**3.886.166.273.021**

33.2 Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán nữa niên độ, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Dự án Giai Xuân	135.834.546.807	417.961.139.495

33.3 Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con (Thuyết minh số 7)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết	150.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát	145.000.000.000	115.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	29.382.002.750
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	29.623.451.000
Công ty Cổ phần Thành Sen HT - QT	35.000.000.000	28.962.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.963.707.500
TỔNG CỘNG	**699.840.000.000**	**578.243.079.500**

34. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng *(Thuyết minh số 3.1.1)* trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

VND

	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	321.388.990.290	1.577.383.667.871	1.898.772.658.161
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.422.990.761.472	(1.422.990.761.472)	-
Phải thu ngắn hạn khác	473.815.344.313	(154.392.906.399)	319.422.437.914
Hàng tồn kho	1.721.356.683.254	(1.549.126.179.634)	172.230.503.620
Tài sản sinh học ngắn hạn	**-**	**1.549.126.179.634**	**1.549.126.179.634**
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	-	1.549.126.179.634	1.549.126.179.634
Tài sản cố định hữu hình	341.463.999.985	(46.848.186.231)	294.615.813.754
- Nguyên giá	*454.627.827.325*	*(50.518.116.343)*	*404.109.710.982*
- Giá trị khấu hao lũy kế	*(113.163.827.340)*	*3.669.930.112*	*(109.493.897.228)*
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	523.466.511.033	(401.561.817.305)	121.904.693.728
Tài sản sinh học dài hạn	**-**	**448.410.003.536**	**448.410.003.536**
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	-	*448.410.003.536*	*448.410.003.536*
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	-	*448.410.003.536*	*448.410.003.536*
- Nguyên giá	-	*588.885.060.038*	*588.885.060.038*
- Giá trị khấu hao lũy kế	-	*(140.475.056.502)*	*(140.475.056.502)*
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Khấu hao và hao mòn	16.267.310.602	57.965.017.710	74.232.328.312
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	(120.391.380.598)	35.551.382.697	(84.839.997.901)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(184.678.468.023)	(165.987.292.329)	(350.665.760.352)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	72.470.891.922	72.470.891.922

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 24.1, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Phan Thị Khánh Dung	Phan Thị Kim Trang	Bùi Hương Giang

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28.08/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC tổng hợp bán niên 2026 so với cùng kỳ năm 2025	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 như sau:

Tại Báo cái tài chính tổng hợp bán niên năm 2026 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2026 (VND)	Năm 2025 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			VND	%
Lợi nhuận trước thuế lũy kế 6 tháng	141.768.097.417	108.637.681.979	33.130.415.438	30.5%
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng	115.886.931.577	103.617.143.169	12.269.788.408	11.8%

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng 11.8% so với cùng kỳ năm 2025 do một số yếu tố sau:

- Lợi nhuận lũy kế 6 tháng đầu năm cải thiện nhờ vào sản lượng 6 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ năm trước, cho thấy quy mô hoạt động và năng lực thị trường của Công ty tiếp tục được củng cố mạnh mẽ.
- Trong kỳ, Công ty tiếp tục khởi công các dự án ứng dụng công nghệ cao mới, khẳng định cam kết đồng hành với chiến lược mở rộng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng đến năm 2030.
- Mảng thịt mảnh, thịt chế biến tiếp tục cải thiện tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, thể hiện định hướng chuyển dịch sang các sản phẩm cuối chuỗi có giá trị gia tăng cao hơn. Việc mở rộng và tối ưu chuỗi giá trị Feed – Farm - Food giúp BAF từng bước giảm phụ thuộc vào biến động giá heo hơi, qua đó ổn định biên lợi nhuận gộp, hạn chế rủi ro chu kỳ đối với doanh nghiệp.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 70

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và theo GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 651/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động kinh doanh trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, Số 628C Đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch	
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên	
Ông Prasad Gopalan	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2026

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Cao Cường	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026
Ông Nguyễn Phạm Xuân Quang	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0107795944-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hương Giang

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12543524/69497444/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 70, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**5.632.004.678.122**	**4.346.928.883.476**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***	***5***	***453.344.823.662***	***365.021.213.113***
1. Tiền	111		453.344.823.662	363.271.213.113
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.750.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***		***782.946.770.367***	***485.421.803.860***
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	782.946.770.367	485.421.803.860
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***		***1.180.602.973.724***	***702.764.205.704***
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	304.761.782.760	83.291.911.776
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	596.981.043.166	537.429.788.955
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	287.914.985.368	91.388.845.026
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	7, 8, 9, 10	(9.054.837.570)	(9.346.340.053)
IV. Hàng tồn kho	***140***	***11***	***499.842.098.720***	***338.867.773.052***
1. Hàng tồn kho	141		499.842.098.720	338.867.773.052
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	***150***	***12.1***	***2.656.271.980.262***	***2.391.854.024.849***
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		2.656.271.980.262	2.391.854.024.849
VI. Tài sản ngắn hạn khác	***160***		***58.996.031.387***	***62.999.862.898***
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	13	46.832.657.718	44.740.522.090
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	21	8.572.797.373	12.171.422.216
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	21	3.590.576.296	6.087.918.592

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**7.880.020.581.056**	**6.433.099.911.824**
I. Phải thu dài hạn	***210***		***426.151.164.881***	***260.322.902.238***
1. Phải thu dài hạn khác	215	9	426.151.164.881	260.322.902.238
II. Tài sản cố định	***220***		***3.917.190.883.613***	***3.396.409.886.297***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.667.733.344.070	3.250.410.051.592
Nguyên giá	222		4.471.632.884.726	3.906.658.843.734
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(803.899.540.656)	(656.248.792.142)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	229.984.273.571	126.863.154.332
Nguyên giá	225		247.489.039.249	133.825.560.443
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.504.765.678)	(6.962.406.111)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	19.473.265.972	19.136.680.373
Nguyên giá	228		30.069.836.444	27.992.232.944
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.596.570.472)	(8.855.552.571)
III. Tài sản dài hạn khác	***230***	12.2	***743.292.456.881***	***698.483.309.680***
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		743.292.456.881	698.483.309.680
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		743.292.456.881	698.483.309.680
Nguyên giá	234		1.108.648.520.011	1.008.732.113.217
Giá trị khấu hao lũy kế	235		(365.356.063.130)	(310.248.803.537)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	***250***		***2.096.966.244.551***	***1.387.076.343.519***
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	18	2.096.966.244.551	1.387.076.343.519
V. Đầu tư tài chính dài hạn	***260***		***250.000.000***	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		250.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	***270***		***696.169.831.130***	***690.807.470.090***
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	13	643.093.728.224	636.182.528.849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	33.3	51.486.561.725	52.845.927.035
3. Lợi thế thương mại	279	19	1.589.541.181	1.779.014.206
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**13.512.025.259.178**	**10.780.028.795.300**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**9.138.265.699.915**	**6.715.907.354.731**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***5.424.424.619.192***	***4.331.765.436.897***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20.1	2.088.652.186.323	1.991.888.458.950
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20.2	6.801.559.607	6.010.055.855
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		225.454.908	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	21	16.861.883.615	23.614.451.171
5. Phải trả người lao động	315		88.085.535.112	75.885.060.524
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	22	139.982.677.952	39.216.335.175
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	23	43.139.722.950	16.195.596.717
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	24	3.040.675.598.725	2.178.955.478.505
II. Nợ dài hạn	***330***		***3.713.841.080.723***	***2.384.141.917.834***
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20.1	-	36.687.475.369
2. Phải trả dài hạn khác	338	23	-	40.487.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	24	3.196.420.031.766	1.798.442.357.590
4. Trái phiếu chuyển đổi	340	24.4	513.074.569.286	500.111.035.851
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	33.3	4.346.479.671	8.414.049.024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**4.373.759.559.263**	**4.064.121.440.569**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25.1	3.040.216.420.000	3.040.216.420.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*3.040.216.420.000*	*3.040.216.420.000*
2. Thặng dư vốn	412	25.1	52.603.680.000	356.620.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	25.1	137.648.613.977	137.648.613.977
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	25.1	608.032.640.000	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	25.1	530.398.200.269	525.179.035.393
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước*	*420a*		*220.937.260.485*	*398.258.489.337*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*309.460.939.784*	*126.920.546.056*
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	26	4.860.005.017	4.457.371.199
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**13.512.025.259.178**	**10.780.028.795.300**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Phan Thị Khánh Dung	Phan Thị Kim Trang	Bùi Hương Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27.1	3.904.422.135.966	2.510.891.190.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27.1	15.715.976.258	449.017.170
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27.1	3.888.706.159.708	2.510.442.173.335
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	3.086.249.847.410	1.903.596.725.065
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		802.456.312.298	606.845.448.270
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	27.2	19.263.962.111	10.261.621.063
7. Chi phí tài chính	23	28	255.725.786.073	134.165.645.633
Trong đó: Chi phí đi vay	*24*	*28*	*234.159.262.691*	*119.038.583.738*
8. Chi phí bán hàng	25	30	60.474.829.845	32.997.916.129
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	154.193.264.082	105.048.853.599
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 +22 - (23 + 25 + 26)}	30		351.326.394.409	344.894.653.972
11. Thu nhập khác	31	31	3.501.310.845	9.433.640.441
12. Chi phí khác	32	31	18.234.996.897	1.032.849.739
13. (Lỗ) lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	31	(14.733.686.052)	8.400.790.702
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		336.592.708.357	353.295.444.674
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33.1	29.440.315.768	17.176.801.138

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	33.3	(2.708.204.043)	(6.759.677.693)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		309.860.596.632	342.878.321.229
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	25.1	309.460.939.784	342.516.620.259
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	26	399.656.848	361.700.970
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	848	1.023
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	736	913

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Phan Thị Khánh Dung	Phan Thị Kim Trang	Bùi Hương Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**336.592.708.357**	**353.295.444.674**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02	12.2, 14,15, 16,19	329.423.452.796	227.111.906.430
- (Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng	03		(291.502.483)	2.627.406.919
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		686.471.945	213.076.425
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(14.371.850.378)	(7.145.157.502)
- Chi phí đi vay và phát hành trái phiếu	06	28	252.743.911.405	128.452.606.916
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**904.783.191.642**	**704.555.283.862**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(543.128.532.295)	135.216.699.523
- Tăng hàng tồn kho	10		(425.392.281.081)	(78.973.896.811)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		456.388.878.282	(959.997.540.946)
- Tăng chi phí chờ phân bổ	12		(8.860.127.271)	(73.362.680.733)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(182.545.665.594)	(108.616.375.358)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	21	(36.412.675.040)	(55.292.170.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	**20**		**164.832.788.643**	**(436.470.680.638)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(1.956.779.506.500)	(748.313.839.073)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		263.325.002.016	104.203.059.578
3. Chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23		(426.653.548.699)	(59.019.312.403)
4. Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24		128.878.582.192	103.873.700.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(236.343.694.583)	(171.558.752.495)
6. Lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức nhận được	27		10.065.836.190	7.639.608.528
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	**30**		**(2.217.507.329.384)**	**(763.175.535.865)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	25.1	-	1.006.620.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	24	3.935.485.809.093	1.323.679.633.656
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	24	(1.775.668.430.523)	(892.020.649.403)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	24	(18.819.227.280)	(4.584.984.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**2.140.998.151.290**	**1.433.693.999.702**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**88.323.610.549**	**234.047.783.199**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**365.021.213.113**	**148.911.935.224**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**5**	**453.344.823.662**	**382.959.718.423**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Phan Thị Khánh Dung	Phan Thị Kim Trang	Bùi Hương Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0107795944 do Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 4 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh mới nhất là lần thứ 23 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch BAF theo Giấy phép số 641/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động kinh doanh trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, Số 628C Đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có năm (5) chi nhánh độc lập tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Tây Ninh và Tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 4.528 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 3.440 người).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 34 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 29 công ty con) như sau:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
(1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%	99,69%	99,69%
(9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%	99,82%	99,82%
(10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(11) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
(12) Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Gia Lai	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Bình Phước")	Đồng Nai	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
(15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
(16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(17) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(22) Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Tỷ lệ biểu quyết của Công ty*		*Tỷ lệ sở hữu của Công ty*	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
(23) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 1 ("CNC BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(24) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Tây Ninh 2 ("CNC BAF Tây Ninh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(25) Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh 1 ("BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(26) Công ty Cổ phần Chăn nuôi TMC ("Chăn nuôi TMC")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
(27) Công ty TNHH Hòa Phát Bồn ("Hòa Phát Bồn")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
(28) Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Thành Đạt Gia Lai ("Thành Đạt Gia Lai")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
(29) Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình ("BAF Ninh Bình")	Ninh Bình	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
(30) Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương ("Khôi Dương")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	-	99,99%	-
(31) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Hà Nội 1 ("CNC BAF Hà Nội 1")	Hà Nội	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(32) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao BAF Hà Nội 2 ("CNC BAF Hà Nội 2")	Hà Nội	Chăn nuôi	100,00%	-	100,00%	-
(33) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội ("Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội")	Hà Nội	Chế biến thực phẩm	100,00%	-	100,00%	-
(34) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh ("Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh")	Hà Nội	Chế biến thực phẩm	100,00%	-	100,00%	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ báo cáo*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC.

3.1.1. Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới: Thông tư số 99/2025/TT- BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Theo đó, Nhóm Công ty đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 tại *Thuyết minh số 38*.

3.1.2. Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 43 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 43 và Chế độ kế toán Việt Nam không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng xuất kho trên cơ sở số lượng và giá trị hàng tồn kho cuối kỳ và hạch toán hàng xuất kho trong kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá thành của thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Nhóm Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản sinh học

Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần

Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần của Nhóm Công ty bao gồm heo.

Giá gốc của súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần bao gồm toàn bộ chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng các con vật này, cũng như các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các tài sản sinh học này.

Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ

Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ của Nhóm Công ty bao gồm heo. Việc hạch toán kế toán được thực hiện như sau:

- Giá gốc của súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ bao gồm các chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng các con vật này, và các chi phí trực tiếp khác phát sinh từ khi bắt đầu cho đến giai đoạn trưởng thành (sẵn sàng cho sản phẩm hoặc sẵn sàng thực hiện được nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu kỹ thuật).
- Khi tài sản sinh học đến giai đoạn trưởng thành, Nhóm Công ty bắt đầu thực hiện việc trích khấu hao tài sản sinh học trên cơ sở giá trị phải khấu hao.
- Khi tài sản sinh học mẹ bắt đầu sinh ra các tài sản sinh học khác (heo mẹ sinh ra heo con): giá gốc của tài sản sinh học mới tạo ra (heo con) bao gồm phần chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng phát sinh trong kỳ tính cho tài sản sinh học mới đó và chi phí khấu hao tài sản sinh học mẹ.

Trường hợp nếu các chi phí chăm sóc phát sinh mà không làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của Nhóm Công ty, các khoản này được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học được trích lập khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn so với giá gốc của tài sản sinh học. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại tài sản sinh học để xác định khoản dự phòng tổn thất tài sản sinh học phải trích lập hoặc hoàn nhập.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng tổn thất tài sản sinh học được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Nhóm Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, khấu hao tài sản sinh học, hao mòn tài sản cố định vô hình, và tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Gia súc	4 năm

Tài sản cố định hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. Tài sản cố định vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.11 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Chi phí chờ phân bổ khác.

Tiền thuê đất chờ phân bổ

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Nghệ An vào ngày 18 tháng 2 năm 2025 trong thời hạn 46 năm. Theo Thông tư số 45/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.15 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Nhóm Công ty mua các công ty con có sở hữu tài sản và các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Nhóm Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.16 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.17 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Trái phiếu*

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

3.19 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Nhóm Công ty phát sinh thì Nhóm Công ty sử dụng một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Nhóm Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

3.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ, giá trị được trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.26 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.27 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, mà chỉ trình bày thông tin theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty tại *Thuyết minh số 36*.

3.28 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết gia đình của họ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.29 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Mua Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương ("Khôi Dương")

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,99% vốn góp trong Khôi Dương từ bên thứ ba với tổng giá mua là 29.997.000.000 VND theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("NQ HĐQT") số 09/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 3 năm 2025 và số 27/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025. Theo đó, Khôi Dương trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Tại ngày mua, Khôi Dương sở hữu các mảnh đất tọa lạc tại thôn Nam Tiến, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Khôi Dương từ giao dịch này là 146.184.702 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua phần vốn góp trong Khôi Dương nêu trên là mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Do đó, giá mua của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản và nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản và nợ phải trả tương tự của Nhóm Công ty.

4.2 Thành lập Công ty CNC BAF Hà Nội 1

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, theo NQ HĐQT số 15/NQ/HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty CNC BAF Hà Nội 1 với số vốn điều lệ là 300 tỷ VND.

Công ty CNC BAF Hà Nội 1 là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0111545224 do STC Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 6 năm 2026.

4.3 Thành lập Công ty CNC BAF Hà Nội 2

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, theo NQ HĐQT số 15/NQ/HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty CNC BAF Hà Nội 2 với số vốn điều lệ là 30 tỷ VND.

Công ty CNC BAF Hà Nội 2 là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0111543932 do STC Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2026.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.4 Thành lập Công ty Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, theo NQ HĐQT số 15/NQ/HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội với số vốn điều lệ là 300 tỷ VND.

Công ty Chế biến Thực phẩm BAF Hà Nội là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0111543925 do STC Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2026.

4.5 Thành lập Công ty Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, theo NQ HĐQT số 15/NQ/HĐQT, Nhóm Công ty đã thành lập Công ty Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh với số vốn điều lệ là 180 tỷ VND.

Công ty Chế biến Thực phẩm BAF Bình Minh là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0111545182 do STC Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 6 năm 2026.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Các khoản tiền và tương đương tiền Nhóm Công ty đang nắm giữ và không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	67.107.000	102.707.000
Tiền gửi không kỳ hạn	453.277.716.662	245.621.751.920
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	*138.823.828.896*	*10.047.877.280*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	*77.705.442.820*	*25.260.728.418*
Các khoản tiền gửi không kỳ hạn khác	*236.748.444.946*	*210.313.146.222*
Các khoản tương đương tiền	-	1.750.000.000
Tiền đang chuyển	-	117.546.754.193
TỔNG CỘNG	**453.344.823.662**	**365.021.213.113**

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ:

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ:		
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	304.016.320.000	-
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	3.123.087.748.971	849.179.633.656
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	947.000.000.000	474.500.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(1.781.268.430.523)	(892.020.649.403)

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	778.700.372.673	485.247.203.860
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	*124.906.059.778*	*117.436.119.057*
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	*142.816.558.219*	*123.000.000.000*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2	*118.881.893.151*	*9.000.000.000*
Khác	*392.095.861.525*	*235.811.084.803*
Cho vay	4.246.397.694	174.600.000
Cho bên khác vay (ii)	*4.246.397.694*	*174.600.000*
TỔNG CỘNG	**782.946.770.367**	**485.421.803.860**

(i) Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,3% đến 8,0%/năm. Nhóm Công ty đã sử dụng một số khoản tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 24)*.

(ii) Số cuối kỳ thể hiện khoản cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hân vay ngắn hạn tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động với kỳ hạn sáu (6) tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2026 với lãi suất 6%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Phải thu các bên khác	304.420.804.268	1.524.134.125	83.083.966.092	1.524.134.125
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam tại Hà Nội	*170.629.872.505*	-	*55.163.364.860*	-
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	*35.583.888.990*	-	*10.620.432.652*	-
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Phú Quý Gia	*34.760.353.299*	-	-	-
Các bên khác	*63.446.689.474*	*1.524.134.125*	*17.300.168.580*	*1.524.134.125*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	340.978.492	-	207.945.684	-
TỔNG CỘNG	**304.761.782.760**	**1.524.134.125**	**83.291.911.776**	**1.524.134.125**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Trả trước cho các bên khác	506.937.090.649	402.009.862.761
Nhóm cá nhân để mua các công ty con (*)	*147.596.920.504*	*151.359.508.504*
Henan Muyuan Intelligent Technology Company Limited	*22.762.133.280*	*55.418.654.174*
Công ty TNHH Cơ điện Tự động hóa Thái Hưng	*21.681.381.364*	*20.378.110.000*
Công ty Cổ phần Công nghiệp HQC	*21.346.670.011*	*-*
Tổng Công ty Thành An	*19.419.261.531*	*22.379.708.146*
Các bên khác	*274.130.723.959*	*152.473.881.937*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	90.043.952.517	135.419.926.194
TỔNG CỘNG	**596.981.043.166**	**537.429.788.955**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(3.067.861.600)	(3.359.364.084)
GIÁ TRỊ THUẦN	**593.913.181.566**	**534.070.424.871**

(*) Đây là các khoản trả trước cho người bán nhằm mục đích mua các công ty con. *(Thuyết minh số 37.3)*. Ngoài ra, các nghiệp vụ mua bán này vẫn chưa được hoàn tất tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Ngắn hạn	**287.914.985.368**	**4.462.841.845**	**91.388.845.026**	**4.462.841.845**
Tạm ứng nhân viên (*)	227.736.093.490	-	13.109.657.424	-
Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.287.867.857	-	22.110.662.223	-
Thuế GTGT từ hợp đồng thuê tài chính	13.974.130.155	-	8.181.815.291	-
Đặt cọc	4.206.035.617	-	33.726.543.174	-
Khác	19.710.858.249	4.462.841.845	14.260.166.914	4.462.841.845
Trong đó:				
Các bên khác	*265.627.117.511*	*4.462.841.845*	*69.278.182.803*	*4.462.841.845*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*22.287.867.857*	-	*22.110.662.223*	-
Dài hạn	**426.151.164.881**	**-**	**260.322.902.238**	**-**
Đặt cọc thuê trại và văn phòng	426.151.164.881	-	260.322.902.238	-
TỔNG CỘNG	**714.066.150.249**	**4.462.841.845**	**351.711.747.264**	**4.462.841.845**

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhân viên nhằm mục đích mua các công ty con.

10. NỢ XẤU

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**1.524.134.125**	**1.524.134.125**	**1.524.134.125**	**1.524.134.125**
Công ty TNHH Acespace	*1.328.373.000*	*1.328.373.000*	*1.328.373.000*	*1.328.373.000*
Công ty TNHH Thương mại và Thực phẩm Thái Minh Long	*195.761.125*	*195.761.125*	*195.761.125*	*195.761.125*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**3.067.861.600**	**3.067.861.600**	**3.502.522.044**	**3.359.364.083**
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thành An	*1.414.650.000*	*1.414.650.000*	*1.414.650.000*	*1.414.650.000*
Khác	*1.653.211.600*	*1.653.211.600*	*2.087.872.044*	*1.944.714.083*
Phải thu ngắn hạn khác	**4.462.841.845**	**4.462.841.845**	**4.462.841.845**	**4.462.841.845**
AG World International Corporation	*2.408.429.160*	*2.408.429.160*	*2.408.429.160*	*2.408.429.160*
Khác	*2.054.412.685*	*2.054.412.685*	*2.054.412.685*	*2.054.412.685*
TỔNG CỘNG	**9.054.837.570**	**9.054.837.570**	**9.489.498.014**	**9.346.340.053**

11. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Nguyên vật liệu	398.362.528.382	260.707.398.378
Công cụ, dụng cụ	64.418.435.262	45.989.794.643
Thành phẩm	35.936.172.921	31.367.391.343
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.107.462.155	28.441.597
Hàng hóa	17.500.000	16.200.000
Hàng mua đang đi trên đường	-	758.547.091
TỔNG CỘNG *(*)*	**499.842.098.720**	**338.867.773.052**

(*) Một số hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại các ngân hàng thương mại *(Thuyết minh số 24)*.

12. TÀI SẢN SINH HỌC

12.1 Tài sản sinh học khác, trừ súc vật cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành

VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần				
a) Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn *(*)*	2.656.271.980.262	2.656.271.980.262	2.391.854.024.849	2.391.854.024.849

(*) Tài sản sinh học ngắn hạn phản ánh giá trị đàn heo thịt được nuôi vỗ béo nhằm mục đích bán thương phẩm, với độ tuổi từ 1 đến 26 tuần tại thời điểm báo cáo.

Giá trị tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm: chi phí thức ăn chăn nuôi, chi phí thuốc thú y và vắc-xin, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao chuồng trại và thiết bị, cùng các chi phí sản xuất chung khác phân bổ trong quá trình nuôi cho đến thời điểm xuất bán hoặc kết thúc kỳ kế toán.

Một số tài sản sinh học được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại các ngân hàng thương mại *(Thuyết minh số 24)*.

12. TÀI SẢN SINH HỌC (tiếp theo)

12.2 *Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành*

Khoản mục	*VND* *Heo giống*
Nguyên giá:	
Số đầu kỳ	1.008.732.113.217
Mua mới trong kỳ	461.218.264.960
Thanh lý	(361.301.858.166)
Số cuối kỳ	1.108.648.520.011
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ	(310.248.803.537)
Khấu hao trong kỳ	(168.844.845.251)
Thanh lý	113.737.585.658
Số cuối kỳ	(365.356.063.130)
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ	698.483.309.680
Số cuối kỳ	743.292.456.881

Một số tài sản sinh học được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại các ngân hàng thương mại *(Thuyết minh số 24)*.

13. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ	*VND* *Số đầu kỳ*
Ngắn hạn	**46.832.657.718**	**44.740.522.090**
Công cụ, dụng cụ	25.474.198.057	24.847.297.281
Phần mềm	6.148.888.311	2.168.085.111
Chi phí mua bảo hiểm	4.735.325.777	2.692.868.952
Khác	10.474.245.573	15.032.270.746
Dài hạn	**643.093.728.224**	**636.182.528.849**
Thuê đất *(*)*	515.649.977.073	518.862.388.041
Công cụ, dụng cụ	51.234.594.407	43.089.914.879
Chi phí cải tạo và sửa chữa	32.494.535.079	29.469.040.785
Chi phí tư vấn	12.794.365.586	15.168.692.243
Chi phí quản lý dự án	9.983.820.100	10.338.468.990
Chi phí thu xếp và bảo lãnh khoản vay ngân hàng	4.221.487.498	5.892.934.918
Chi phí quảng cáo	1.657.013.333	1.666.666.667
Khác	15.057.935.148	11.694.422.326
TỔNG CỘNG	**689.926.385.942**	**680.923.050.939**

(*) Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 24)*.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu kỳ	2.850.280.578.059	909.018.174.123	93.468.695.629	53.891.395.923	3.906.658.843.734
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	220.564.534.366	192.964.391.283	1.511.635.360	9.107.225.393	424.147.786.402
Mua mới trong kỳ	48.093.692.012	89.501.354.321	19.360.127.329	1.117.326.280	158.072.499.942
Thanh lý	(6.316.303.481)	(10.366.894.371)	-	(563.047.500)	(17.246.245.352)
Số cuối kỳ	3.112.622.500.956	1.181.117.025.356	114.340.458.318	63.552.900.096	4.471.632.884.726
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*4.473.289.191*	*8.684.171.980*	*120.717.000*	*584.802.714*	*13.862.980.885*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu kỳ	(459.346.161.450)	(156.445.721.929)	(29.901.509.577)	(10.555.399.186)	(656.248.792.142)
Khấu hao trong kỳ	(90.263.247.044)	(48.431.890.689)	(5.816.642.924)	(3.593.976.395)	(148.105.757.052)
Thanh lý	86.022.692	298.409.878	-	70.575.968	455.008.538
Số cuối kỳ	(549.523.385.802)	(204.579.202.740)	(35.718.152.501)	(14.078.799.613)	(803.899.540.656)
Giá trị còn lại:					
Số đầu kỳ	2.390.934.416.609	752.572.452.194	63.567.186.052	43.335.996.737	3.250.410.051.592
Số cuối kỳ	2.563.099.115.154	976.537.822.616	78.622.305.817	49.474.100.483	3.667.733.344.070
Trong đó:					
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 24)	*1.367.535.983.962*	*475.199.060.037*	*8.087.538.534*	*15.025.582.454*	*1.865.848.164.987*

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc và thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	19.505.272.157	114.320.288.286	133.825.560.443
Thuê trong kỳ	-	113.663.478.806	113.663.478.806
Số cuối kỳ	19.505.272.157	227.983.767.092	247.489.039.249
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu kỳ	(2.994.891.473)	(3.967.514.638)	(6.962.406.111)
Hao mòn trong kỳ	(1.008.456.201)	(9.533.903.366)	(10.542.359.567)
Số cuối kỳ	(4.003.347.674)	(13.501.418.004)	(17.504.765.678)
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	16.510.380.684	110.352.773.648	126.863.154.332
Số cuối kỳ	15.501.924.483	214.482.349.088	229.984.273.571

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu kỳ	27.992.232.944
Mua mới trong kỳ	647.748.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.429.855.500
Số cuối kỳ	30.069.836.444
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*1.382.516.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ	(8.855.552.571)
Hao mòn trong kỳ	(1.741.017.901)
Số cuối kỳ	(10.596.570.472)
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ	19.136.680.373
Số cuối kỳ	19.473.265.972

17. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị là 8.489.364.900 VND (2025: 4.991.293.193 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án Đầu tư Trang trại của Nhóm Công ty.

18. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Máy móc, thiết bị	397.582.613.533	261.343.976.036
Xây dựng trại Giai Xuân	727.358.154.209	217.873.407.312
Xây dựng trại Tây An Khánh	331.525.332.855	247.596.125.101
Xây dựng trại Sông Hinh	172.467.281.580	162.479.145.346
Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các trại heo	89.518.008.702	72.923.261.592
Xây dựng trại Thành Đạt Gia Lai	84.672.908.101	31.724.240.214
Xây dựng trại Bình Định	49.772.076.440	74.222.045.278
Thiết bị rửa xe ở trại heo	22.520.422.227	23.722.822.227
Xây dựng trại Tâm Hưng	21.431.032.334	22.490.424.162
Xây dựng trại Tân Châu	20.768.750.995	20.768.750.995
Xây dựng trại TMC	16.778.052.143	16.101.630.863
Xây dựng trại Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh	10.681.795.530	42.684.930.896
Xây dựng trại Hải Đăng Tây Ninh	9.666.940.887	58.211.622.665
Khác	142.222.875.015	134.933.960.832
TỔNG CỘNG	**2.096.966.244.551**	**1.387.076.343.519**

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 24*).

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Nguyên giá:		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	3.789.460.500	3.789.460.500
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu kỳ	(2.010.446.294)	(1.631.500.244)
Phân bổ trong kỳ	(189.473.025)	(189.473.025)
Số cuối kỳ	(2.199.919.319)	(1.820.973.269)
Giá trị còn lại:		
Số đầu kỳ	1.779.014.206	2.157.960.256
Số cuối kỳ	1.589.541.181	1.968.487.231

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

20.1 *Phải trả người bán*

		VND
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn	**2.088.652.186.323**	**1.991.888.458.950**
Phải trả các bên khác	1.833.316.359.982	1.681.472.997.381
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	*1.053.571.872.266*	*1.012.885.875.700*
Henan Muyuan Intelligent Technology Company Limited	*99.919.609.298*	*31.952.324.459*
Công ty Cổ phần Siba Food Việt Nam	*33.860.902.298*	*35.879.969.480*
Công ty Cổ phần VS Group	*29.588.111.312*	*54.570.706.065*
Công ty TNHH Thép Thông Minh Toàn Cầu	*14.572.587.861*	*36.323.164.025*
Các bên khác	*601.803.276.947*	*509.860.957.652*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	255.335.826.341	310.415.461.569
Dài hạn	**-**	**36.687.475.369**
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	-	36.687.475.369
TỔNG CỘNG	**2.088.652.186.323**	**2.028.575.934.319**

20.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

		VND
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Công ty TNHH Great Meat	2.796.105.000	-
Công ty TNHH Anh Hoàng Thy	1.754.000	560.908.000
Ông Phan Tiến Dũng	-	1.978.843.579
Các bên khác	4.003.700.607	3.470.304.276
TỔNG CỘNG	**6.801.559.607**	**6.010.055.855**

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu kỳ	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.171.422.216	8.837.764.825	(12.436.389.668)	8.572.797.373
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.260.968.547	19.526.234	(5.044.178)	3.275.450.603
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.413	145.449.762	(21.369.133)	125.988.042
Thuế giá trị gia tăng	2.686.498.521	16.104.115.067	(18.710.507.843)	80.105.745
Thuế khác	138.544.111	114.968.393	(144.480.598)	109.031.906
TỔNG CỘNG	**18.259.340.808**	**25.221.824.281**	**(31.317.791.420)**	**12.163.373.669**
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.710.386.523	29.459.842.002	(36.412.675.040)	10.757.553.485
Thuế giá trị gia tăng	3.586.745.228	22.852.554.239	(23.062.215.371)	3.377.084.096
Thuế thu nhập cá nhân	1.840.517.018	12.736.124.076	(13.036.890.043)	1.539.751.051
Thuế khác	476.802.402	21.284.905.810	(20.574.213.229)	1.187.494.983
TỔNG CỘNG	**23.614.451.171**	**86.333.426.127**	**(93.085.993.683)**	**16.861.883.615**

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Chi phí lãi vay	77.376.231.263	25.762.634.166
Chi phí gia công	18.800.716.149	-
Chi phí vận chuyển	12.857.952.909	1.831.257.988
Chi phí điện nước	8.961.775.100	6.683.779.657
Khác	21.986.002.531	4.938.663.364
TỔNG CỘNG	**139.982.677.952**	**39.216.335.175**

23. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn	**43.139.722.950**	**16.195.596.717**
Phí lưu ký	15.700.820.942	-
Nhận ký quỹ, ký cược	12.145.297.165	3.023.000.000
Chi phí bảo hiểm	12.256.373.378	11.453.959.222
Khác	3.037.231.465	1.718.637.495
Dài hạn	-	**40.487.000.000**
Phải trả từ việc phát hành trái phiếu	-	38.300.000.000
Khác	-	2.187.000.000
TỔNG CỘNG	**43.139.722.950**	**56.682.596.717**

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số đầu kỳ	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu*	*Phân bổ lũy kế giá trị chiết khấu*	*Phân loại lại*	*Số cuối kỳ*
Ngắn hạn	**2.178.955.478.505**	**2.499.997.082.950**	**(1.764.487.657.803)**	**3.917.872.144**	**-**	**122.292.822.929**	**3.040.675.598.725**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 24.1)*	1.695.569.963.924	2.470.818.640.002	(1.665.569.963.924)	-	-	-	2.500.818.640.002
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 24.2)*	160.022.933.202	-	(80.098.466.599)	-	-	106.579.696.759	186.504.163.362
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 24.3)*	296.058.840.183	-	-	3.917.872.144	-	-	299.976.712.327
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 24.5)*	27.303.741.196	29.178.442.948	(18.819.227.230)	-	-	15.713.126.170	53.376.083.034
Dài hạn	**2.298.553.393.441**	**1.564.490.666.021**	**(30.000.000.000)**	**14.666.776.570**	**11.086.616.951**	**(149.302.851.931)**	**3.709.494.601.052**
Vay ngân hàng và quỹ *(Thuyết minh số 24.2)*	1.198.835.615.329	517.667.169.091	(30.000.000.000)	-	-	(106.579.696.759)	1.579.923.087.661
Vay đối tượng khác	21.668.075.000	-	-	-	-	(21.668.075.000)	-
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 24.3)*	480.065.753.377	947.000.000.000	-	12.789.860.086	-	-	1.439.855.613.463
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 24.4)*	500.111.035.851	-	-	1.876.916.484	11.086.616.951	-	513.074.569.286
Nợ thuê tài chính *(Thuyết minh số 24.5)*	97.872.913.884	99.823.496.930	-	-	-	(21.055.080.172)	176.641.330.642
TỔNG CỘNG	**4.477.508.871.946**	**4.064.487.748.971**	**(1.794.487.657.803)**	**18.584.648.714**	**11.086.616.951**	**(27.010.029.002)**	**6.750.170.199.777**

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối kỳ VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 6, 11, 12, 13, 14 và 18)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	419.874.792.604	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2026 đến ngày 29 tháng 12 năm 2026	7,40 - 8,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Quyền đòi nợ, khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Nhóm Công ty, BAF Tây Ninh, Bắc An Khánh, Trang Trại Xanh 2 và Hải Đăng Tây Ninh.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	300.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2026 đến ngày 18 tháng 11 năm 2026	8,20 - 9,20	Quyền thuê đất trả tiền 1 lần của thửa đất số 10 thuộc quyền sở hữu của BAF Meat Bình Phước tại Xã Tân Khai, Tỉnh Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	296.977.747.681	Từ ngày 5 tháng 8 năm 2026 đến ngày 14 tháng 9 năm 2026	7,00 - 7,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Bất động sản thuộc sở hữu của Bà Bùi Hương Giang.
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	259.926.789.096	Từ ngày 17 tháng 9 năm 2026 đến ngày 22 tháng 1 năm 2027	7,80 - 8,70	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh	233.149.997.020	Từ ngày 13 tháng 9 năm 2026 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	7,33 - 9,10	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	199.995.802.089	Từ ngày 20 tháng 10 năm 2026 đến ngày 14 tháng 12 năm 2026	6,90 - 8,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa với Bắc An khánh, Hải Đăng Tây Ninh, Minh Thành, Tân Châu.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 *Vay ngân hàng ngắn hạn* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối kỳ* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 6)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	199.896.613.879	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2026 đến ngày 23 tháng 10 năm 2026	7,00 - 8,00	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	149.996.897.633	Từ ngày 9 tháng 9 năm 2026 đến ngày 15 tháng 12 năm 2026	8,65 - 9,25	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Văn bản bảo lãnh trả nợ thay do Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai phát hành.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	116.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 10 năm 2026 đến ngày 17 tháng 12 năm 2026	8,10	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Hàng tồn kho; Quyền tài sản và quyền khai thác, sử dụng hạ tầng; Văn bản bảo lãnh trả nợ thay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định phát hành.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	100.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2026	7,60	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên United Overseas Bank (Việt Nam)	100.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2026 đến ngày 9 tháng 10 năm 2026	7,50 - 7,80	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Ngân hàng Woori Việt Nam	75.000.000.000	Ngày 27 tháng 7 năm 2026	6,50	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	50.000.000.000	Ngày 16 tháng 10 năm 2026	9,933	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
TỔNG CỘNG	**2.500.818.640.002**			

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án, trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối kỳ VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 6, 11, 12, 13, 14 và 18)*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh	416.413.094.671	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2027 đến ngày 31 tháng 12 năm 2033	7,30 - 8,20	81 tỷ VND vốn góp tại Sông Hinh; Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh TPHCM	391.241.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2032	6,88	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong trương lai của Dự án trại Giai Xuân.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	233.494.419.463	Từ ngày 30 tháng 10 năm 2027 đến ngày 30 tháng 10 năm 2035	6,00 - 8,60	Quyền tài sản, công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi BAF tại Tỉnh Bình Định; Quyền khai khác, sử dụng hạ tầng trong KCN phát sinh từ HĐ thuê lại đất; Văn bản bảo lãnh trả nợ thay của Nhóm Công ty với BAF Bình Định
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	187.076.971.407	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 đến ngày 20 tháng 7 năm 2030	5,50 - 8,30	100 tỷ VND vốn góp tại Nam An Khánh thuộc sở hữu của Nhóm Công ty; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Đông An Khánh tại Xã Tân Thành, Tỉnh Tây Ninh và Nam An Khánh tại Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh.
Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh	143.021.826.589	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2026 đến ngày 25 tháng 12 năm 2033	5,50 - 5,80	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất hiện tại và hình thành trong tương lai của Bắc An Khánh và Tân Châu tại Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh và Thư bảo lãnh vay vốn cho Tân Châu do Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối kỳ VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 6, 11, 12, 13, 14 và 18)*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	106.624.000.000	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2026 đến ngày 27 tháng 10 năm 2033	7,77 – 8,20	50 tỷ VND vốn góp tại Hòa Phát Bốn thuộc sở hữu của Nhóm Công ty; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Hòa Phát Bốn tại Xã Ia Lâu, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai.
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	102.047.876.640	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2029	9,50 - 9,85	40 tỷ VND vốn góp tại Trang Trại Xanh 1; Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và toàn bộ heo giống, con heo và heo thịt của Trang Trại Xanh 1 tại Xã Phước Vinh, Tỉnh Tây Ninh và Anh Vũ Phú Yên tại Xã Sông Hinh, Tỉnh Đắk Lắk; Văn bản bảo lãnh do Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành.
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Sở Giao dịch 2	92.878.204.925	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 đến ngày 7 tháng 2 năm 2032	9,43	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị của trại Tâm Hưng tại Ấp Tân Cường, xã Tân Đông, tỉnh Tây Ninh.
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Hồ	62.363.636.368	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 đến ngày 16 tháng 9 năm 2034	7,50	Bất động sản hình thành trong tương lai tại Xã Yang Nam, Tỉnh Gia Lai; Máy móc thiết bị ở trang trại.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	18.275.000.000	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2026 đến ngày 13 tháng 9 năm 2028	7,50	Các quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị của Kim Hợi tại Xã Thuận Lợi, Tỉnh Đồng Nai.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 *Vay dài hạn từ ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ các dự án trang trại đang xây dựng và mua phương tiện vận tải. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số cuối kỳ* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo* *(Thuyết minh số 6, 11, 12, 13, 14 và 18)*
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tiền Giang	12.991.220.960	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2026 đến ngày 11 tháng 10 năm 2029	9,60	Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất, máy móc thiết bị của Bảo Ngọc tại Xã Ea Wer, Tỉnh Đắk Lắk; Quyền đòi nợ giữa Bảo Ngọc và Nhóm Công ty.
TỔNG CỘNG	**1.766.427.251.023**			
Trong đó:				
Vay dài hạn	*1.579.923.087.661*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*186.504.163.362*			

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.3 *Trái phiếu*

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu vào ngày 23 tháng 8 năm 2022, ngày 4 tháng 7 năm 2023 và ngày 8 tháng 5 năm 2025 với các chi tiết như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	*Số cuối kỳ*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích phát hành*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND			*(%/năm)*	
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình					
Mệnh giá trái phiếu	300.000.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	10,50	Tín chấp
Chi phí phát hành	(23.287.673)				
	299.976.712.327				
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Từ ngày 8 tháng 5 năm 2028 hoặc ngày mua trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác theo yêu cầu tại Văn kiện Trái phiếu *(*)*	Bổ sung vốn lưu động	10,00	127.295.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Siba Holdings
Chi phí phát hành	(15.695.890.494)				
	484.304.109.506				
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000.000	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2029 hoặc ngày mua trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác theo yêu cầu tại Văn kiện Trái phiếu *(*)*	Bổ sung vốn lưu động	10,00	Tín chấp
Chi phí phát hành	(44.448.496.043)				
	955.551.503.957				
TỔNG CỘNG	**1.739.832.325.790**				
Trong đó					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	*299.976.712.327*				
Trái phiếu dài hạn	*1.439.855.613.463*				

(*) Mua lại theo thỏa thuận

Sau thời hạn một năm kể từ ngày phát hành, Nhóm Công ty có quyền thực hiện mua lại trái phiếu (một phần hoặc toàn bộ, vào bất kỳ thời điểm nào) theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu, tuân thủ theo quy trình và thủ tục quy định tại Văn kiện Trái phiếu.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.3 *Trái phiếu* (tiếp theo)

Mua lại theo yêu cầu của trái chủ

Vào ngày làm việc liền kề trước thời điểm tròn 24 tháng kể từ ngày phát hành, người sở hữu trái phiếu có quyền yêu cầu Nhóm Công ty mua lại tối đa 50% tổng giá trị trái phiếu đã phát hành. Giá mua lại được xác định bằng mệnh giá cộng với khoản lãi dồn tích, tính theo mức lãi suất cố định 8,5%/năm.

Mua lại bắt buộc

Nhóm Công ty có nghĩa vụ mua lại trái phiếu theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu trong trường hợp xảy ra các sự kiện vi phạm quy định cụ thể tại Văn kiện Trái phiếu.

24.4 *Trái phiếu chuyển đổi*

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	600.000.000.000	600.000.000.000
Cơ cấu vốn chủ sở hữu *(Thuyết minh số 25.1)*	(137.648.613.977)	(137.648.613.977)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**462.351.386.023**	**462.351.386.023**
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	**64.800.057.579**	**42.632.532.608**
Số đầu kỳ	53.713.440.628	32.574.668.820
Số phân bổ tăng trong kỳ	11.086.616.951	10.057.863.788
Số cuối kỳ	64.800.057.579	42.632.532.608
Trừ: Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	**(14.076.874.316)**	**(17.830.707.283)**
Số đầu kỳ	(15.953.790.800)	(19.679.470.190)
Số phân bổ giảm trong kỳ	1.876.916.484	1.848.762.907
Số cuối kỳ	(14.076.874.316)	(17.830.707.283)
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ	**513.074.569.286**	**487.153.211.348**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Trái phiếu Chuyển đổi riêng lẻ với Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") với tổng giá trị là 600.000.000.000 VND và lãi suất 5,25%/năm. Theo đó, IFC được quyền chuyển đổi các trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông với số lượng quy đổi được quy định trong điều khoản của hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cho đến trước ngày đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi, là ngày 15 tháng 3 năm 2029 (ngày đáo hạn thứ nhất) và vào ngày 15 tháng 3 năm 2030 (ngày đáo hạn cuối cùng) hoặc chuyển đổi thành khoản cho vay với lãi suất 10,50%/năm. Tại ngày đáo hạn thứ nhất, nếu trái phiếu không được chuyển đổi, Nhóm Công ty sẽ thực hiện mua lại một nửa (1/2) khối lượng trái phiếu đang lưu hành. Nếu bất kỳ trái phiếu nào vẫn còn tồn đọng vào ngày đáo hạn cuối cùng, Nhóm Công ty sẽ mua lại toàn bộ trái phiếu đó vào ngày đáo hạn cuối cùng. Lãi suất thị trường của khoản vay không chuyển đổi là 10,50%/năm.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.5 Nợ thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính TNHH Quốc tế Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND

	Số cuối kỳ			*Số đầu kỳ*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Từ 1 năm trở xuống	67.908.997.781	14.532.914.747	53.376.083.034	34.896.908.134	7.593.166.937	27.303.741.197
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1 – 5 năm	198.096.062.993	21.454.732.351	176.641.330.642	110.413.126.364	12.540.212.480	97.872.913.884
TỔNG CỘNG	**266.005.060.774**	**35.987.647.098**	**230.017.413.676**	**145.310.034.498**	**20.133.379.417**	**125.176.655.081**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Thặng dư vốn*	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Kỳ trước:						
Số đầu kỳ	2.390.216.420.000	-	-	137.648.613.977	398.258.489.337	2.926.123.523.314
Phát hành cổ phiếu	650.000.000.000	356.620.000.000	-	-	-	1.006.620.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	342.516.620.259	342.516.620.259
Số cuối kỳ	3.040.216.420.000	356.620.000.000	-	137.648.613.977	740.775.109.596	4.275.260.143.573
Kỳ này:						
Số đầu kỳ	3.040.216.420.000	356.620.000.000	-	137.648.613.977	525.179.035.393	4.059.664.069.370
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	309.460.939.784	309.460.939.784
Phát hành cổ phiếu *(*)*	-	(304.016.320.000)	304.016.320.000	-	-	-
Cổ tức công bố *(*)*	-	-	304.016.320.000	-	(304.241.774.908)	(225.454.908)
Số cuối kỳ	3.040.216.420.000	52.603.680.000	608.032.640.000	137.648.613.977	530.398.200.269	4.368.899.554.246

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 23.04.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20.05.2026/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 5 năm 2026, và Công văn số 4821/UBCK-QLCB ngày 1 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Công ty đã được thông qua việc phát hành 30.402.164 cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và phát hành thêm 30.402.164 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn Thặng dư vốn để tăng vốn cổ phần.

Theo Báo cáo kết quả số 30.2026.BAF/BCKQ ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty và Công văn số 6110/UBCK-QLCB ngày 2 tháng 7 năm 2026 của UBCKNN thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 30.401.632 cổ phiếu để trả cổ tức và 30.401.632 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Theo Quyết định số 586/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 7 năm 2026 và Thông báo số 1511/TB-SGDHCM ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số lượng cổ phiếu phát hành nêu trên có hiệu lực niêm yết vào ngày 10 tháng 7 năm 2026 và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 20 tháng 7 năm 2026. Vào ngày 10 tháng 7 năm 2026, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 23 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt số vốn điều lệ mới là 3.648.249.060.000 VND.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 20.07.2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, Công ty đã được thông qua (i) kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Nhóm Công ty ("ESOP"), với số lượng dự kiến phát hành là 8.000.000 cổ phiếu và giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu; và (ii) phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026, với số lượng dự kiến phát hành là 40.536.100 cổ phiếu và giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình triển khai các phương án phát hành này.

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ			*Số đầu kỳ*		
	Tổng số	*Cổ phiếu thường*	*%*	*Tổng số*	*Cổ phiếu thường*	*%*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	956.819.350.000	95.681.935	31,472	956.819.350.000	95.681.935	31,472
Bà Bùi Hương Giang	79.887.550.000	7.988.755	2,628	79.887.550.000	7.988.755	2,628
Cổ đông khác	2.003.509.520.000	200.350.952	65,900	2.003.509.520.000	200.350.952	65,900
TỔNG CỘNG	**3.040.216.420.000**	**304.021.642**	**100,000**	**3.040.216.420.000**	**304.021.642**	**100,000**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	3.040.216.420.000	2.390.216.420.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	650.000.000.000
Số cuối kỳ	3.040.216.420.000	3.040.216.420.000
Cổ tức		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	*304.016.320.000*	-

25.4 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	304.021.642	304.021.642
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	304.021.642	304.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*304.021.642*
Cổ phiếu đang lưu hành	304.021.642	304.021.642
Cổ phiếu phổ thông	*304.021.642*	*304.021.642*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

		VND
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Vốn điều lệ đã góp	9.789.922.338	9.786.945.368
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.929.917.321)	(5.329.574.169)
TỔNG CỘNG	**4.860.005.017**	**4.457.371.199**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

		VND
	Kỳ này	*Kỳ trước*
Số đầu kỳ	4.457.371.199	9.628.130.304
Tăng do thành lập hoặc mua các công ty con	2.976.970	8.725.979
Lợi nhuận thuần trong kỳ	399.656.848	361.700.970
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	(5.700.000.000)
Số cuối kỳ	4.860.005.017	4.298.557.253

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

		VND
	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng doanh thu	**3.904.422.135.966**	**2.510.891.190.505**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động chăn nuôi	*3.877.613.272.909*	*2.509.551.357.149*
Doanh thu bán cám	*22.015.356.519*	*1.083.845.897*
Khác	*4.793.506.538*	*255.987.459*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(15.715.976.258)**	**(449.017.170)**
Chiết khấu thương mại	*(15.713.673.158)*	*(449.017.170)*
Hàng bán bị trả lại	*(2.303.100)*	-
Doanh thu thuần	**3.888.706.159.708**	**2.510.442.173.335**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*3.888.279.770.008*	*2.510.231.105.735*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*426.389.700*	*211.067.600*

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Kỳ này	*Kỳ trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.402.357.684	7.121.084.968
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.939.857.530	1.328.242.245
Khác	1.921.746.897	1.812.293.850
TỔNG CỘNG	**19.263.962.111**	**10.261.621.063**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí lãi vay	234.159.262.691	119.038.583.738
Chi phí phân bổ phát hành trái phiếu	18.584.648.714	9.414.023.178
Phí cam kết rút vốn	-	4.678.331.091
Khác	2.981.874.668	1.034.707.626
TỔNG CỘNG	**255.725.786.073**	**134.165.645.633**

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Giá vốn hoạt động chăn nuôi	3.060.060.018.175	1.902.143.529.104
Giá vốn hoạt động bán cám	21.615.737.814	1.210.319.222
Khác	4.574.091.421	242.876.739
TỔNG CỘNG	**3.086.249.847.410**	**1.903.596.725.065**

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí bán hàng	**60.474.829.845**	**32.997.916.129**
Chi phí vận chuyển	28.784.326.012	8.678.976.996
Chi phí nhân viên	17.199.297.882	10.782.991.098
Chi phí khấu hao	4.993.512.057	3.474.741.158
Khác	9.497.693.894	10.061.206.877
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**154.193.264.082**	**105.048.853.599**
Chi phí nhân viên	89.318.072.781	50.888.378.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.579.654.301	28.430.549.822
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.742.895.116	1.238.979.145
Phân bổ lợi thế thương mại	670.107.676	670.107.676
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	(291.502.483)	2.627.406.919
Khác	36.174.036.691	21.193.431.457
TỔNG CỘNG	**214.668.093.927**	**138.046.769.728**

31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Thu nhập khác	**3.501.310.845**	**9.433.640.441**
Bồi thường từ bảo hiểm	1.861.290.290	7.179.542.456
Khác	1.640.020.555	2.254.097.985
Chi phí khác	**(18.234.996.897)**	**(1.032.849.739)**
Chi phí phạt, bồi thường	(16.081.470.605)	(26.523.778)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(1.030.507.306)	(11.190.813)
Khác	(1.123.018.986)	(995.135.148)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**(14.733.686.052)**	**8.400.790.702**

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí nguyên vật liệu	2.479.777.689.625	1.368.660.343.422
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 12.2, 14, 15, 16 và 19)*	329.423.452.796	227.111.906.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.827.586.903	208.234.269.530
Chi phí nhân viên	168.048.117.362	141.776.452.218
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	(291.502.483)	2.627.406.919
Khác	51.132.597.134	93.233.116.274
TỔNG CỘNG	**3.300.917.941.337**	**2.041.643.494.793**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có các hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") khác nhau như sau:

- Công ty, Chi nhánh Bình Dương, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Long An.

  Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp và sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty và các chi nhánh nêu trên được hưởng thuế suất ưu đãi 15% cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- Chăn nuôi Minh Thành, Bắc An Khánh, Đông An Khánh, Nam An Khánh, Trang Trại Xanh 1, Trang Trại Xanh 2, Sông Hinh, Anh Vũ Phú Yên, Hải Đăng Tây Ninh, Tâm Hưng, Tân Châu, Tây An Khánh, Thanh Xuân, Chăn nuôi TMC, Thành Đạt Gia Lai, Hòa Phát Bồn, CNC BAF Tây Ninh 1, CNC BAF Tây Ninh 2, Khoi Duong.

  Đối với thu nhập từ các hoạt động chăn nuôi hỗn hợp tại địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn các công ty con nêu trên được miễn thuế TNDN cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty và các chi nhánh nêu trên áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

- BAF Bình Định

  BAF Bình Định có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, công ty này được được ưu đãi thuế theo địa bàn. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

- BAF Bình Phước

  Đối với thu nhập từ các hoạt động sản xuất, Công ty này được hưởng ưu đãi thuế suất 10% theo ngành nghề và địa bàn cho suốt thời gian hoạt động;

  Đối với thu nhập từ các hoạt động khác, Công ty này áp dụng thuế suất phổ thông là 20% thu nhập chịu thuế.

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Chi nhánh Nghệ An, BAF Tây Ninh, Chăn nuôi Bảo Ngọc, Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF, Logistic BAF, Thiên Phú Sơn, Kim Hợi, BAF Tây Ninh 1, BAF Ninh Bình, Chế biến thực phẩm BAF Hà Nội, Chế biến thực phẩm BAF Bình Minh, CNC BAF Hà Nội 1, CNC BAF Hà Nội 2.

  Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho chi nhánh và các công ty con nêu trên là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí thuế TNDN	10.390.773.022	17.140.730.708
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	19.049.542.746	36.070.430
	29.440.315.768	17.176.801.138
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.708.204.043)	(6.759.677.693)
TỔNG CỘNG	**26.732.111.725**	**10.417.123.445**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**336.592.708.357**	**353.295.444.674**
Thuế TNDN theo thuế suất 15% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	50.488.906.254	52.994.316.701
Các điều chỉnh tăng (giảm):		
Chi phí lãi vay không được trừ	9.288.142.357	3.179.208.516
Chi phí không được trừ	7.432.766.638	2.872.031.994
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ thuế của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập	3.294.844.824	3.600.727.405
Chi phí phân bổ giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	1.662.992.543	1.508.679.568
Bù trừ thu nhập chịu thuế giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh	815.364.702	-
Phân bổ lợi thế thương mại	28.420.954	28.420.954
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	19.049.542.746	36.070.430
Lỗ thuế kết chuyển từ kỳ trước của các công ty con	(3.161.900.871)	(461.476.158)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(14.903.606.110)	(14.740.889.614)
Thu nhập được miễn thuế	(47.263.362.312)	(38.599.966.351)
Chi phí thuế TNDN	**26.732.111.725**	**10.417.123.445**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ.

33.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ như sau:

VND

	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	18.638.751.803	15.852.252.194	2.786.499.609	4.079.270.124
Chi phí trích trước khác	8.471.444.772	1.850.235.798	6.621.208.974	3.207.739.649
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong các kỳ sau	24.376.365.150	35.143.439.043	(10.767.073.893)	-
	51.486.561.725	**52.845.927.035**	**(1.359.365.310)**	**7.287.009.773**
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí lãi vay vốn hóa	(2.542.842.280)	(6.610.411.633)	4.067.569.353	(527.332.080)
Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn	(1.803.637.391)	(1.803.637.391)	-	-
	(4.346.479.671)	**(8.414.049.024)**	**4.067.569.353**	**(527.332.080)**
Thuế TNDN hoãn lại thuần	***47.140.082.054***	***44.431.878.011***		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			***2.708.204.043***	***6.759.677.693***

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.4 *Lỗ chuyển sang các kỳ sau*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính phát sinh với tổng số tiền là 478.823.709.516 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 224.784.591.887 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2026*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2026*
2019	2024	3.171.448.495	(1.727.049.972)	(1.444.398.523)	-
2020	2025	1.464.804.817	(1.428.401.387)	(36.403.430)	-
2021	2026	6.873.138.871	(6.207.032.835)	-	666.106.036
2022	2027	22.824.011.427	(13.139.594.276)	-	9.684.417.151
2023	2028	222.574.138.232	(199.679.080.261)	-	22.895.057.971
2024	2029	174.319.525.573	(21.902.117.333)	-	152.417.408.240
2025	2030	335.020.327.179	(67.525.819.819)		267.494.507.360
2026	2031	25.666.212.758	-	-	25.666.212.758
TỔNG CỘNG		791.913.607.352	(311.609.095.883)	(1.480.801.953)	478.823.709.516

Lỗ thuế nêu trên được ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế có thể chuyển với giá trị 478.823.709.516 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

33.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho kỳ hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang kỳ sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2026*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2026*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2026*
2022 *(i)*	2027	18.084.964.780	(18.084.964.780)	-	-
2023 *(i)*	2028	88.843.085.871	(24.378.705.525)	-	64.464.380.346
2024 *(i)*	2029	68.845.307.424	-	-	68.845.307.424
2025 *(i)*	2030	127.539.192.274	-	-	127.539.192.274
2026 *(i)*	2031	67.962.995.567	-	-	67.962.995.567
TỔNG CỘNG		**371.275.545.916**	**(42.463.670.305)**	**-**	**328.811.875.611**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.5 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định* (tiếp theo)

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay chưa được trừ nêu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 328.811.875.611 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 260.848.880.044 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay chưa được trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

33.6 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Lỗ thuế sang kỳ sau của các công ty con và các chi nhánh hạch toán độc lập *(Thuyết minh số 33.4)*	478.823.709.516	229.030.544.264
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định *(Thuyết minh số 33.5)*	328.811.875.611	157.393.124.280
TỔNG CỘNG	**807.635.585.127**	**386.423.668.544**

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long ("Tân Long")	Công ty có cùng Chủ tịch
Myanmar BAF Livestock Company Limited ("BAF Myanmar")	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty TNHH Agro Việt	Công ty có liên quan đến Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí CNC Siba ("Siba Tech")	Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Lương thực A An ("A An")	Công ty con của công ty có cùng Chủ tịch
Công ty TNHH MTV Xây dựng Solacons ("Solacons")	Công ty con của công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Siba Cư Jút ("Siba Cư Jút")	Công ty con của công ty có cùng Chủ tịch
Công ty TNHH Một Thành Viên Năng Lượng Sạch Vmeco Bạc Liêu ("Vmeco Bạc Liêu")	Công ty con của công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Thương mại Stemkos Việt Nam (Stemkos)	Công ty con của công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Thú y Tân Long ("Thú y Tân Long")	Công ty con của công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ocoba ("Thực phẩm Ocoba")	Công ty con của công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long – Chi nhánh Đồng Tháp ("Tân Long – Đồng Tháp")	Chi nhánh của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long – Chi nhánh Hải Phòng ("Tân Long – Hải Phòng")	Chi nhánh của Công ty có cùng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Lương thực A An – Chi nhánh Đồng Tháp ("A An – Đồng Tháp")	Công ty con của cổ đông lớn
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT") kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thọ	TV HĐQT độc lập (đến ngày 23 tháng 4 năm 2026)
Ông Nguyễn Văn Phú	TV HĐQT độc lập (từ ngày 23 tháng 4 năm 2026)
Ông Prasad Gopalan	TV HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Thanh Tân	TV HĐQT độc lập
Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên BKS (từ ngày 23 tháng 4 năm 2025)
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên BKS
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên BKS (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Nguyễn Phạm Xuân Quang	Giám đốc Tài chính
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	Kế toán trưởng (đến ngày 9 tháng 7 năm 2026)
Bà Phan Thị Kim Trang	Kế toán trưởng (từ ngày 10 tháng 7 năm 2026)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Siba Tech	Mua tài sản cố định và xây dựng trại	287.575.747.838	83.981.152.187
	Mua hàng	575.445.788	-
	Thu hộ	527.823.564	-
	Chi hộ	186.638.636	-
	Bán hàng	167.110.480	60.658.500
Vmeco Bạc Liêu	Mua dịch vụ	7.071.144.671	-
Siba Cư Jút	Mua dịch vụ	1.290.159.206	-
A An	Bán hàng	108.797.520	58.656.000
	Mua dịch vụ	72.000.000	-
Stemkos	Doanh thu cho thuê	68.181.818	-
Tân Long	Bán hàng	42.327.840	91.753.100
	Mua dịch vụ	25.000.000	-
Tân Long – Đồng Tháp	Bán hàng	46.862.280	-
A An – Đồng Tháp	Bán hàng	30.074.400	-
Tân Long – Hải Phòng	Bán hàng	18.935.280	-
Thú y Tân Long	Bán hàng	10.239.500	-
Thực phẩm Ocoba	Bán hàng	2.042.400	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng, vay và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các giao dịch với người nội bộ, người có liên quan và bên liên quan được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 2 năm 2026 và được trình bày trong Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm 2026.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Siba Tech	Bán hàng	294.189.594	3.309.336
Tân Long – Đồng Tháp	Bán hàng	36.489.398	-
Thú y Tân Long	Bán hàng	10.299.500	-
Tân Long	Bán hàng	-	204.636.348
TỔNG CỘNG		**340.978.492**	**207.945.684**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	88.898.497.970	134.274.471.647
Solacons	Mua hàng	1.145.454.547	1.145.454.547
TỔNG CỘNG		**90.043.952.517**	**135.419.926.194**
Phải thu ngắn hạn khác			
BAF Myanmar	Phải thu từ đầu tư vào công ty liên doanh	22.287.867.857	22.110.662.223
Phải trả người bán ngắn hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	252.038.660.962	305.568.732.760
Vmeco Bạc Liêu	Mua hàng	2.671.481.143	1.381.544.878
Siba Cư Jut	Mua hàng	483.011.508	611.891.203
Solacons	Mua hàng	87.272.728	1.383.272.728
A An	Mua hàng	38.880.000	-
Tân Long	Mua hàng	16.520.000	1.470.020.000
TỔNG CỘNG		**255.335.826.341**	**310.415.461.569**
Phải trả người bán dài hạn			
Siba Tech	Xây dựng trại	-	36.687.475.369

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("TV HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc ("TGĐ"):

		VND
	Kỳ này	*Kỳ trước*
Ông Trương Sỹ Bá	180.000.000	180.000.000
Bà Bùi Hương Giang	861.013.326	630.983.351
Ông Lê Xuân Thọ	72.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Văn Phú	36.000.000	-
Ông Prasad Gopalan	108.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	108.000.000	108.000.000
Ông Trương Anh Tuấn	814.441.289	603.656.754
Ông Ngô Cao Cường	828.172.900	617.427.714
Ông Nguyễn Văn Minh	877.896.403	615.182.539
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	-	36.000.000
Bà Dương Thị Hồng Tân	234.823.380	210.482.690
Bà Lưu Ngọc Trâm	22.500.000	22.500.000
Ông Nguyễn Quốc Văn	-	289.692.722
Bà Trần Thị Thanh Trà	175.865.155	156.950.577
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như	340.976.673	269.064.376
TỔNG CỘNG	**4.659.689.126**	**3.955.940.723**

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Kỳ này	*Kỳ trước (trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm *(VND)*	309.497.697.391	342.516.620.259
Ảnh hưởng suy giảm do chi phí lãi vay phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi	15.698.723.708	27.613.476.009
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**325.196.421.099**	**370.130.096.268**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu *(*)*	**364.824.906**	**334.659.160**
Ảnh hưởng suy giảm do *Trái phiếu có thể chuyển đổi*	*77.140.672*	*70.762.254*
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**441.965.578**	**405.421.414**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*848*	*1.023*
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*736*	*913*

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ này đã được điều chỉnh cho việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn và chia cổ tức bằng cổ phiếu mà Công ty đã thực hiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như đã trình bày tại *Thuyết minh số 25.1*. Đồng thời, bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 cũng đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh việc phát hành cổ phiếu đã nêu trên.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán heo	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Doanh thu thuần bộ phận					
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.495.807.629.232	2.061.745.902.480	285.275.111.455	(3.954.122.483.459)	3.888.706.159.708
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	(1.633.910.332.581)	(2.039.730.545.961)	(280.481.604.917)	3.954.122.483.459	-
Tổng doanh thu thuần	**3.861.897.296.651**	**22.015.356.519**	**4.793.506.538**	**-**	**3.888.706.159.708**
Kết quả					
Lợi nhuận gộp	801.837.278.476	399.618.705	219.415.117	-	802.456.312.298
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	19.263.962.111
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(255.725.786.073)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(60.474.829.845)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(154.193.264.082)
Thu nhập khác	-	-	-	-	3.501.310.845
Chi phí khác	-	-	-	-	(18.234.996.897)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	(29.440.315.768)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	2.708.204.043
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-	309.860.596.632
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	21.537.383.699.746	1.229.616.619.696	229.984.273.571	(9.484.959.333.835)	13.512.025.259.178
Tài sản bộ phận	*21.537.383.699.746*	*1.229.616.619.696*	*229.984.273.571*	*(10.721.500.927.864)*	*12.275.483.665.149*
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	*1.236.541.594.029*	*1.236.541.594.029*
Tổng nợ phải trả	14.576.485.539.768	592.918.969.912	-	(6.031.129.533.132)	9.138.265.699.915
Nợ phải trả bộ phận	*14.576.485.539.768*	*592.918.969.912*	-	*(6.031.129.533.132)*	*9.138.265.699.915*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Bán heo	*Bán cám*	*Khác*	*Loại trừ*	*Hợp nhất*
Vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Doanh thu thuần bộ phận					
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.099.972.044.757	1.320.407.695.497	73.076.515.167	(2.983.014.082.086)	2.510.442.173.335
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	(1.590.787.886.594)	(1.319.323.849.600)	(72.902.345.892)	2.983.014.082.086	-
Tổng doanh thu thuần	**2.509.184.158.163**	**1.083.845.897**	**174.169.275**	-	**2.510.442.173.335**
Kết quả					
Lợi nhuận gộp	606.943.247.444	(126.473.325)	28.674.151	-	606.845.448.270
Doanh thu hoạt động tài chính					10.261.621.063
Chi phí tài chính					(134.165.645.633)
Chi phí bán hàng					(32.997.916.129)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(105.048.853.599)
Thu nhập khác					9.433.640.441
Chi phí khác					(1.032.849.739)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(17.176.801.138)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					6.759.677.693
Lợi nhuận sau thuế TNDN					342.878.321.229
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	14.897.466.617.198	1.318.548.555.996	58.107.453.923	(7.772.360.447.925)	8.501.762.179.192
Tài sản bộ phận	*14.897.466.617.198*	*1.318.548.555.996*	*58.107.453.923*	*(8.401.032.473.271)*	*7.873.090.153.846*
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	*628.672.025.346*	*628.672.025.346*
Tổng nợ phải trả	8.441.224.790.611	625.084.767.368	-	(4.844.106.079.613)	4.222.203.478.366
Nợ phải trả bộ phận	*8.441.224.790.611*	*625.084.767.368*	-	*(4.844.106.079.613)*	*4.222.203.478.366*

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

37. CÁC CAM KẾT

37.1 *Cam kết thuê hoạt động*

Nhóm Công ty hiện đang thuê các trang trại theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Đến 1 năm	307.668.139.161	316.113.059.105
Từ 1 đến 5 năm	1.181.196.722.164	1.189.172.002.480
Trên 5 năm	1.769.596.786.187	1.912.231.211.436
TỔNG CỘNG	**3.258.461.647.512**	**3.417.516.273.021**

37.2 *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Dự án Giai Xuân	135.834.546.807	417.961.139.495
Dự án Thành Đạt Gia Lai	609.314.366.837	662.263.034.724
Dự án Tây An Khánh	90.609.715.328	174.538.923.082
Dự án Sông Hinh	31.670.842.187	41.658.978.421
Dự án Nhà máy Cám Bình Định	-	131.756.886.330
TỔNG CỘNG	**867.429.471.159**	**1.428.178.962.052**

37.3 *Các cam kết liên quan đến việc mua công ty con* *(Thuyết minh số 8)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản cam kết liên quan đến việc mua các công ty con như sau:

VND

	Giá trị hợp đồng	*Giá trị cam kết*
Công ty Cổ phần Sản xuất Rừng Xanh	179.840.000.000	159.840.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Quyết	150.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát	145.000.000.000	115.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Khuyên Nam Tiến	50.000.000.000	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Kim QT	35.000.000.000	29.382.002.750
Công ty Cổ phần Việt Thái HT	35.000.000.000	28.971.021.500
Công ty Cổ phần Toàn Thắng HT	35.000.000.000	29.623.451.000
Công ty Cổ phần Thành Sen HT - QT	35.000.000.000	28.962.896.750
Công ty Cổ phần Hoàng Kim HT - QT	35.000.000.000	28.963.707.500
TỔNG CỘNG	**699.840.000.000**	**578.243.079.500**

38. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng *(Thuyết minh số 3.1.1)* trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

VND

	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	478.318.619.057	7.103.184.803	485.421.803.860
Phải thu về cho vay ngắn hạn	174.600.000	(174.600.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	98.317.429.829	(6.928.584.803)	91.388.845.026
Hàng tồn kho	2.725.620.167.681	(2.386.752.394.629)	338.867.773.052
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	-	2.391.854.024.849	2.391.854.024.849
Tài sản cố định hữu hình	3.311.518.714.313	(61.108.662.721)	3.250.410.051.592
- Nguyên giá	*3.978.274.414.612*	*(71.615.570.878)*	*3.906.658.843.734*
- Giá trị khấu hao lũy kế	*(666.755.700.299)*	*10.506.908.157*	*(656.248.792.142)*
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	-	698.483.309.680	698.483.309.680
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	-	*698.483.309.680*	*698.483.309.680*
- Nguyên giá	-	*1.008.732.113.217*	*1.008.732.113.217*
- Giá trị khấu hao lũy kế	-	*(310.248.803.537)*	*(310.248.803.537)*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.392.177.973.739	(5.101.630.220)	1.387.076.343.519
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	1.273.557.175.808	(637.374.646.959)	636.182.528.849
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
Khấu hao và hao mòn	112.743.965.504	114.367.940.926	227.111.906.430
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	(173.530.875.740)	100.168.195.007	(73.362.680.733)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(429.574.643.562)	(318.739.195.511)	(748.313.839.073)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	104.203.059.578	104.203.059.578

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài các sự kiện được trình bày tại *Thuyết minh số 25.1*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Phan Thị Khánh Dung	Phan Thị Kim Trang	Bùi Hương Giang

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28.08/BAF-CV V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC hợp nhất bán niên 2026 so với cùng kỳ năm 2025	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026*

Kính gửi:
- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam xin được giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 như sau:

Tại Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên năm 2026 của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2026 (VND)	Năm 2025 (VND)	Chênh lệch tăng (giảm)	
			Số tiền (VND)	%
Lợi nhuận trước thuế lũy kế 6 tháng	336.592.708.357	353.295.444.674	(16.702.736.317)	-4.73%
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng	309.860.596.632	342.878.321.229	(33.017.724.597)	-9.63%

Mặc dù lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 giảm gần 10% so với cùng kỳ năm 2025, bức tranh tổng thể 6 tháng đầu năm của Công ty vẫn ghi nhận nhiều điểm tích cực, phản ánh nền tảng kinh doanh cốt lõi tiếp tục tăng trưởng và chiến lược mở rộng đang đi đúng lộ trình. Cụ thể :

- Sản lượng heo của BAF 6 tháng đạt mức khoảng 532.000 con tăng khoảng 61% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 99% kế hoạch 6 tháng đầu năm. Doanh thu thuần hợp nhất của BAF 6 tháng đầu năm đạt khoảng 3.899 tỷ VND, đạt 105% kế hoạch 6 tháng đề ra. Các kết quả này cho thấy quy mô hoạt động và năng lực thị trường của Công ty tiếp tục được củng cố mạnh mẽ.
- Trong kỳ, Công ty tiếp tục khởi công các dự án ứng dụng công nghệ cao mới, khẳng định cam kết đồng hành với chiến lược mở rộng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng đến năm 2030.
- Mảng thịt mảnh, thịt chế biến tiếp tục cải thiện tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, thể hiện định hướng chuyển dịch sang các sản phẩm cuối chuỗi có giá trị gia tăng cao hơn. Việc mở rộng và tối ưu chuỗi giá trị Feed – Farm - Food giúp BAF từng bước giảm phụ thuộc vào biến động giá heo hơi, qua đó ổn định biên lợi nhuận gộp, hạn chế rủi ro chu kỳ đối với doanh nghiệp.

Các yếu tố ảnh hưởng trong 6 tháng đầu năm 2026 chủ yếu mang tính thời điểm và gắn với giai đoạn đầu tư, không phản ánh sự suy giảm của hoạt động kinh doanh cốt lõi. Cụ thể:

- Giá bán bình quân 6 tháng năm 2026 (khoảng 63.000 - 65.000 VND/kg) thấp hơn cùng kỳ năm trước (khoảng 65.000 - 70.000 VND/kg).
- Chi phí lãi vay tăng cao do biến động về mặt bằng lãi suất trên thị trường so với cùng kỳ năm trước. Đây là yếu tố ngoại cảnh nằm ngoài khả năng kiểm soát trực tiếp của Công ty.

- Việc mở rộng nhanh và đưa các trại mới vào vận hành trong 6 tháng đầu năm khiến chi phí cố định (nhân sự, điện nước, khấu hao, chi phí vận hành ban đầu) tăng so với cùng kỳ, trong khi hiệu suất chưa đạt mức tối ưu ngay trong giai đoạn đầu.
- Với diễn biến dịch tả lợn châu Phi (ASF) trong kỳ tiếp tục phức tạp, Công ty tiếp tục tăng cường các biện pháp an toàn sinh học, phòng dịch và chi phí tái đàn nhằm chủ động bảo vệ đàn vật nuôi và duy trì tính ổn định của hoạt động sản xuất trong dài hạn.

Trên đây là giải trình bổ sung của Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trân trọng cám ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu PKT, HC.*

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	**2 – 4**
Báo cáo kiểm toán độc lập	**5 – 6**
Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025	**7-17**
Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025	**18-20**

****

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 22 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 22 được Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 22: 3.040.216.420.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ	: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: 0766 074 787
Mã số thuế	: 0107795944

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

Tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 được trình bày trong báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 20).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 10 tháng 04 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên
Ông Prasad Gopalan	Thành viên
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Văn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Trong việc lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, Nghị quyết HĐQT của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan khác đối với hoạt động của Công ty Cổ phần đại chúng trong lĩnh vực chứng khoán;
- Chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ phản ánh trung thực và hợp lý số vốn đã thu từ đợt phát hành cổ phiếu và việc sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành liên quan đối với việc phát hành cổ phiếu và sử dụng số vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động thu được từ đợt phát hành cổ phiếu.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY
Kết nối - Phát triển

Số : 0509.01/2025/BCSDV - NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025.

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, được lập ngày 29 tháng 09 năm 2025 từ trang 07 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Các thủ tục mà chúng tôi thực hiện không hình thành một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hoặc chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét và do đó sẽ không đưa ra bất kỳ sự đảm bảo nào của chúng tôi về tổng thể báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trụ Sở Chính:
Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
[T] (84-24) 3761 3399
[W] www.vpaudit.vn
[F] (84-24) 3761 5599
[E] vpa@ntva.vn
Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:
98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý thông tin về việc sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Nguyễn Thị Hạnh	**Phạm Văn Tuân**
GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1	GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9216 - - 07 quyển số ..... - SCT/BS
Ngày 23 - - 07 - - 2026 tháng ..... năm .....

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ.

3. **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 22 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 22 được Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 0766 074 787
Mã số thuế : 0107795944

4. **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chăn nuôi hỗn hợp, kinh doanh hàng nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi, chế biến và bảo quản thịt.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

6. **Cấu trúc Công ty**

Các Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Thôn Kinh Tế 2, Xã Sông Hinh, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc	Thôn Jang Pông, Xã Ea Wer, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn Nuôi Minh Thành	Tổ 3, ấp Thạnh Trung, Xã Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh	Ấp 4, Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Ấp 4, Xã Tân Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1	Ấp Hòa Đông A, Xã Phước Vinh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2	Ấp Thạnh Lợi, Xã Thạnh Bình, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,69%	99,69%
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Thửa đất số 5,6,7,8, tờ bản đồ 109, Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,82%	99,82%
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hinh	Buôn Thung, Xã Đức Bình, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh	Lô A20, Đường N8B, KCN Thành Thành Công, Phường Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định	Lô E5, khu công nghiệp Nhơn Hòa, khu vực Tân Hòa, Phường An Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước	Lô B1 KCN Minh Hưng - Sikico, Xã Tân Khai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng	Ấp Tân Cường, Xã Tân Đông, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,98%	99,98%
Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu	Tổ 6, Ấp 4, Xã Tân Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	99,95%	99,95%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại XNK Thiên Phú Sơn	Tổ 7, Khu phố Tân Trà 1, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi	Tổ 5, Ấp Tân Phú, Xã Thuận Lợi, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Phân bón hữu cơ vi sinh BAF	Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phân bón	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam	Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây ninh	501 đường 30 tháng 4, Khu phố 1, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Tây An Khánh	Ấp Hội Thành, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần phát triển Nông nghiệp sạch Thanh Xuân	Thửa đất 272, tờ bản đồ số 23, Thôn Thanh Bình, Xã Thanh Quân, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Chăn nuôi	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 1	501 đường 30 tháng 4, Khu phố 1, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 2	501 đường 30 tháng 4, Khu phố 1, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Sản Xuất Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh 1	501 đường 30 tháng 4, Khu phố 1, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%
Công Ty Cổ Phần chăn Nuôi TMC	Làng Vơn, Xã Kông Chro, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Chăn Nuôi	99,98%	99,98%
Công ty TNHH Hòa Phát Bốn	Làng Tu, Xã Ia Lâu, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Chăn Nuôi	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình	Lô 9.2, Cụm Công nghiệp Yên Lệnh, Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Chế biến	100,00%	100,00%

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam MST: 0107795944-001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Khu C, KCN Nam Cấm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam MST: 0107795944-003
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Cụm công nghiệp Bích Hòa, Xã Bình Minh, TP Hà Nội, Việt Nam MST: 0107795944-004
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Đồng Nai (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tổ 5, đường Hồ Xuân Hương, Khu phố 6, Xã Trị An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST: 0107795944-005
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An (Chi nhánh hạch toán độc lập).	D4, Khu nhà xưởng xây sẵn lô B, đường Long Hậu – Hiệp Phước, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam MST : 0107795944-007
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 1	Thôn Quảng Trung, xã Thạch Quảng, Thanh Hóa
Địa điểm kinh doanh Bình thuận 1	Thôn 3, Xã Trà Tân, Lâm Đồng
Địa điểm kinh doanh Bình thuận 2	Thôn Đồng Thuận, Xã Trà Tân, Lâm Đồng
Địa điểm kinh doanh Vũng Tàu 1	Ấp 04, Xã Hòa Hội,TP.HCM
Địa điểm kinh doanh Bình Phước	Ấp Tân Phú, Xã Thuận Lợi, Đồng Nai
Địa điểm kinh doanh BD	Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 8, đường Hiếu Liên 20, Ấp Cây , Xã Thường Tân, TP.HCM
Địa điểm kinh doanh Đắk lắk	Thôn Jang Pông, Xã Ea Wer, Đắk Lắk
Địa điểm kinh doanh Đồng Nai 2	Tổ 6, Ấp Cọ Dầu 2, Xã Xuân Đông, Đồng Nai
Địa điểm kinh doanh Quảng Ninh 1	Thôn 4,Xã Đường Hoa, Quảng Ninh
Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 1	Thôn Ba Tầng , Xã Đắk Wil, Lâm Đồng

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 4	Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 2, Bản Giăng Vin, Xã Linh Sơn, Tỉnh Thanh Hoá
Địa điểm kinh doanh Tây Ninh 2	Ấp Tân Đông 1,Xã Tân Lập, Tây Ninh
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 7	Thôn Chiềng Nang, Xã Giao An,tỉnh Thanh Hóa
Địa điểm kinh doanh Tây Ninh 1	501 30/4 Khu Phố 1,Phường Tân Ninh TP Tây Ninh
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 8	Thông Đồng Danh, Xã Cẩm Tú, Thanh Hóa
Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 2	Thôn Nam Định, Xã Đăk Mil, Lâm Đồng
Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 3	Thôn Năm Tầng, Xã Đăk Mil, Lâm Đồng
Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 4	Thôn Nam Định, Xã Đăk Mil, Lâm Đồng
Địa điểm kinh doanh Gia Lai 1	Làng Tơ Kor, Xã Sơn Lang, Gia Lai
Địa điểm kinh doanh Tây Ninh	Ấp Hòa Đông A, Xã Phước Vinh, Tây Ninh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT–BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO SỬ DỤNG VỐN VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG BÁO CÁO

1. Cơ sở lập báo cáo sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành liên quan trong việc chào bán cổ phiếu và tình hình sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu trong Công ty Cổ phần.

Số tiền sử dụng vốn được ghi nhận trên cơ sở số tiền thực đã sử dụng từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025, căn cứ theo Hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ thanh toán qua ngân hàng, phiếu chi và các chứng từ kế toán, các tài liệu pháp lý có liên quan.

2. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu này chỉ được sử dụng để báo cáo tình hình góp vốn và sử dụng vốn góp của chủ sở hữu theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, cũng như đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, không mở rộng ra cho toàn bộ báo cáo tài chính của công ty. Vì thế báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

V. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

1. Thông tin về chào bán cổ phiếu

a. Phương án:

➢ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 24.10.2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 đã thông qua tờ trình về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

+ Tờ trình số 11/2024/TTr-HĐQT ngày 07/10/2024 về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	:	BAF
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán	:	239.021.642 (*Hai trăm ba mươi chín triệu không trăm hai mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng*) cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	65.000.000 (*Sáu mươi lăm triệu*) cổ phiếu.
Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá dự kiến	:	650.000.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi tỷ đồng)
Giá chào bán	:	15.500 đồng/cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo giá chào bán dự kiến		1.007.500.000.000 đồng (Một nghìn không trăm linh bảy tỷ năm trăm triệu đồng)
Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
Đối tượng chào bán	:	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP
Số lượng nhà đầu tư	:	Không giới hạn số lượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Phương pháp tính giá chào bán	:	Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp Giá trị sổ sách (BV) và Giá thị trường (P) tại thời điểm lập phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu: + Giá trị sổ sách (BV): Giá trị mỗi cổ phiếu theo sổ sách kế toán được xác định bằng nguồn vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán chia cho tổng số cổ phần đang lưu hành tại cùng thời điểm. Theo BCTC soát xét 6 tháng năm 2024 của BAF, giá trị sổ sách của công ty tại thời điểm 30/06/2024 của Công ty hợp nhất là 12.281 đồng/cổ phiếu và của Công ty mẹ là 12.316 đồng/cổ phiếu + Giá thị trường (P): Giá thị trường của cổ phiếu BAF trung bình 30 phiên giao dịch gần nhất tính đến ngày lập phương án chào bán cổ phiếu này, từ ngày 08/08/2024 – 20/09/2024 (giá dao động từ 17.300 đồng/cổ phiếu – 20.800 đồng/cổ phiếu), là 18.673 đồng/cổ phiếu (nguồn: hsx.vn). + Giá trung bình cộng của hai phương pháp (theo giá trị sổ sách của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2024 và Giá thị trường giao dịch cổ phiếu trung bình 30 phiên tại thời điểm lập phương án): = (12.316 + 18.673)/2 = 15.495 đồng/cổ phiếu + Như vậy, giá chào bán được xác định cao hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính soát xét năm 2024 (so với BCTC Công ty mẹ và BCTC Hợp nhất), thấp hơn giá trung bình 30 phiên giao dịch thị trường cổ phiếu BAF tại thời điểm lập phương án, và tương đương mức giá trung bình của 2 phương pháp trên. Ngoài ra do điều kiện bị hạn chế chuyển nhượng đối với nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ nên giá bán 15.500 đồng/cổ phiếu là phù hợp để vẫn đảm bảo quyền lợi của các cổ đông hiện hữu và của Công ty.
Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư	:	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật và đáp ứng các tiêu chí: + Các tổ chức, cá nhân có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phiếu. + Các tổ chức, cá nhân có năng lực chuyên môn, có khả năng hỗ trợ Công ty trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý điều hành để gia tăng giá trị và mở rộng thị trường. Ưu tiên các đối tác truyền thống, tiềm năng chiến

		lược. + Các điều kiện khác mà HĐQT thấy cần thiết.
Danh sách các đối tượng chào bán (dự kiến)	:	Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp cụ thể và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư tương ứng. Đồng thời được toàn quyền điều chỉnh danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tùy theo tình hình thực tế đàm phán và khả năng của các nhà đầu tư tại từng thời điểm.
Hạn chế chuyển nhượng	:	Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật).
Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết	:	+ Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tuân thủ theo quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP. + Ủy quyền cho HĐQT: Quyết định lại thời gian hạn chế chuyển nhượng của Nhà đầu tư trong trường hợp tại thời điểm chào bán có quy định khác. + Trường hợp không chào bán hết cổ phiếu do các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp không mua hết hoặc từ chối mua số lượng cổ phiếu theo danh sách đăng ký ban đầu thì số lượng cổ phiếu đó nếu còn lại sẽ được ủy quyền cho HĐQT tiếp tục phân phối cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác đáp ứng các tiêu chí lựa chọn của ĐHĐCĐ với giá bán không thấp hơn 15.500 đồng/cổ phiếu hoặc sử dụng hủy bỏ và kết thúc đợt chào bán. + ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	:	Không áp dụng.
Thời gian thực hiện dự kiến	:	Trong năm 2024-2025, sau khi Công ty hoàn tất việc đăng ký chào bán liên cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm tối đa lợi ích cho cổ đông và Công ty.
Phê duyệt liên quan đến thay đổi vốn điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành bao gồm: - Thực hiện sửa đổi mức vốn điều lệ và các nội dung liên

	quan khác trong Điều lệ Công ty theo kết quả của đợt chào bán. - Thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành đợt chào bán
Phê duyệt liên quan đến đăng ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu mới chào bán thêm	ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu trong đợt chào bán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết, đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động triển khai và hoàn tất các thủ tục có liên quan ngay sau khi kết thúc đợt chào bán.

b. Phương án sử dụng vốn

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam là 1.007.500.000.000 đồng sẽ được sử dụng theo Nghị quyết HĐQT số 08.11.2024/NQ-HĐQT ngày 08/11/2024 phương án như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện
	Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất chăn nuôi heo của BAF gồm:	**1.007.500.000.000**	
1	Chi phí mua cám, phụ gia, nguyên vật liệu phục vụ các trang trại chăn nuôi heo	557.500.000.000	Quý IV/2024 đến Quý IV/2025
1.1	*Thanh toán tiền mua cám cho chi nhánh CTCP Nông nghiệp BAF tại Nghệ An (mã số thuế: 0107795944-003) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAFNA-BAF ngày 01/01/2024*	*277.500.000.000*	
1.2	*Thanh toán tiền mua cám cho CTCP Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2024*	*280.000.000.000*	
2	Chi phí mua heo giống/heo cái sữa/heo hậu bị phục vụ các trang trại chăn nuôi heo	450.000.000.000	Quý IV/2024 đến Quý IV/2025
2.1	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên (mã số thuế: 4401054144) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/AVPY-BAF ngày 01/01/2024*	*15.000.000.000*	
2.2	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành (mã số thuế: 3901206435) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/HĐNT/MT-BAF ngày 01/01/2024*	*144.320.000.000*	
2.3	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Đông An Khánh*	*21.000.000.000*	

	(mã số thuế: 3901299905) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/DAK-BAF ngày 01/01/2024		
2.4	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh (mã số thuế: 3901298757) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/NAK-BAF ngày 01/01/2024*	*38.000.000.000*	
2.5	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 (mã số thuế: 3901291409) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/TTX2-BAF ngày 01/01/2024*	*44.000.000.000*	
2.6	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Bắc An Khánh (mã số thuế: 3901293928) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAK-BAF ngày 01/01/2024*	*173.680.000.000*	
2.7	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 (mã số thuế: 3901291381) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số HĐ 01/2024/HĐNT/TTX1-BAF ngày 01/01/2024*	*10.000.000.000*	
2.8	*Thanh toán tiền mua heo cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh (mã số thuế: 3901312793) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2024*	*4.000.000.000*	

c. ***Kết quả chào bán:***

Đến ngày 10 tháng 04 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã hoàn tất các thủ tục về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Kết quả như sau:

- **Nghị quyết hội đồng quản trị số 25.03.2025/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 03 năm 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:**

1. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 65.000.000 cổ phiếu
2. Tổng số lượng cổ phiếu đã chào bán thành công: 65.000.000 cổ phiếu, trong đó:

– Số lượng cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo danh sách ban đầu: 53.500.000 cổ phiếu. Giá chào bán: 15.500 đồng/cổ phiếu. Số lượng nhà đầu tư đã được phân phối: 15 nhà đầu tư;

– Số lượng cổ phiếu còn dư được tiếp tục phân phối cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là các cá nhân trong nước: 11.500.000 cổ phiếu. Giá chào bán: 15.500 đồng/cổ phiếu. Số lượng nhà đầu tư đã được phân phối: 15 nhà đầu tư (trong đó có 06 người là nhà đầu tư đã đăng ký và mua cổ phiếu theo danh sách ban đầu nêu tại Nghị quyết HĐQT số 08.11.2024/NQ-HĐQT).

Toàn bộ số lượng cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

3. Số lượng cổ phiếu không chào bán hết: 0 cổ phiếu
4. Số lượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán: 24 nhà đầu tư

5. Ngày kết thúc đợt chào bán: 25/03/2025
6. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.007.500.000.000 đồng
7. Tổng chi phí: 880.000.000 đồng

Trong đó:
– Chi phí tư vấn hồ sơ chào bán: 880.000.000 đồng (Đã bao gồm VAT)
– Chi phí khác: 0 đồng

8. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 1.006.620.000.000 đồng
9. Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành sau đợt chào bán: 304.021.642 cổ phiếu
10. Vốn điều lệ mới của Công ty sau đợt chào bán: 3.040.216.420.000 đồng

- **Báo cáo kết quả đợt chào bán số 11/2025/BAF-BCKQPH ngày 25 tháng 03 năm 2025 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tổng hợp kết quả về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ như sau:**

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 65.000.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:
- Nhà đầu tư trong nước: 65.000.000 cổ phiếu;
- Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 0 cổ phiếu.

2. Giá bán:
- Giá bán thấp nhất: 15.500 đồng/cổ phiếu;
- Giá bán cao nhất: 15.500 đồng/cổ phiếu;
- Giá bán bình quân gia quyền: 15.500 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.007.500.000.000 đồng.
4. Tổng chi phí: 880.000.000 đồng. Trong đó:
- Chi phí tư vấn hồ sơ chào bán: 880.000.000 đồng (Đã bao gồm VAT)
- Phí phân phối cổ phiếu: 0 đồng
- Chi phí khác: 0 đồng

5. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 1.006.620.000.000 đồng.

- Ngày 26 tháng 03 năm 2025, Công ty đã nhận được Công văn số 521/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước về Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty đã phân phối là 65.000.000 cổ phiếu.

- Ngày 10 tháng 04 năm 2025, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 về việc thay đổi vốn góp lên 3.040.216.420.000 đồng.

2. Tình hình sử dụng vốn thu được từ chào bán cổ phiếu

Đến ngày 10 tháng 04 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã sử dụng hết toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đúng theo phương án sử dụng vốn được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị Công ty thông qua, cụ thể:

Nội dung	Số tiền (VND)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	1.007.500.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	880.000.000
Tiền ròng thu được từ phát hành cổ phiếu	1.006.620.000.000
Số tiền được sử dụng từ nguồn vốn thu từ phát hành cổ phiếu	1.007.500.000.000
Số tiền còn lại	-

Lập ngày 29 tháng 09 năm 2025

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ
Trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 (tiếp theo)
Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ thanh toán qua các Ngân hàng

Mục	Nội dung sử dụng vốn	Phương án sử dụng vốn theo Nghị quyết HĐQT số 08.11.2024/NQ-HĐQT ngày 08/11/2024	Thực tế sử dụng vốn			Chứng từ chuyển tiền
			Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền	
I. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN TRONG ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ						
1. Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động chăn nuôi heo của BAF		**1.007.500.000.000**			**1.007.506.083.000**	
1. Chi phí mua cám, phụ gia, nguyên vật liệu phục vụ các trang trại chăn nuôi heo		***557.500.000.000***			***557.501.661.000***	
1.1	Thanh toán tiền mua cám cho chi nhánh CTCP Nông nghiệp BAF tại Nghệ An (mã số thuế: 0107795944-003) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAFNA-BAF ngày 01/01/2024	277.500.000.000	27/03/2025	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM - NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM NGHE AN F/O CHI NHANH CONG TY CO PHAN NONG NGHIEP BAF VIET NAM TAI NGHE AN	170.588.873.500	UNC
			03/04/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM NGHE AN BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CHI NHANH CONG TY CO PHAN NONG NGHIEP BAF VIET NAM TAI NGHE AN	106.912.226.500	UNC
1.2	Thanh toán tiền mua cám cho CTCP Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2024	280.000.000.000	27/03/2025	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM – NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM TAY NINH F/O CTY CP THUC AN CHAN NUOI BAF TAY NINH	220.381.122.014	UNC
			03/04/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM TAY NINH BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY CO PHAN THUC AN CHAN NUOI BAF TAY NINH	59.619.438.986	UNC
2. Chi phí mua heo giống/heo cai sữa/ heo hậu bị phục vụ các trang trại chăn nuôi heo		***450.000.000.000***			***450.004.422.000***	
2.1	Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên (mã số thuế: 4401054144) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/AVPY-BAF ngày 01/01/2024	15.000.000.000	03/04/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH ANH VU PHU YEN	15.000.550.000	UNC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM
Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ
Trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 (tiếp theo)
Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ thanh toán qua các Ngân hàng

Mục	Nội dung sử dụng vốn	Phương án sử dụng vốn theo Nghị quyết HĐQT số 08.11.2024/NQ-HĐQT ngày 08/11/2024	Thực tế sử dụng vốn			Chứng từ chuyển tiền
			Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền	
2.2	Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành (mã số thuế: 3901206435) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/HĐNT/MT-BAF ngày 01/01/2024	144.320.000.000	27/03/2025	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM – NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO F/O CT TNHH SX TM DV CHAN NUOI MINH THANH	141.740.680.044	UNC
			03/04/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH SX TM DV CHAN NUOI MINH THANH	2.579.880.956	UNC
2.3	Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Đông An Khánh (mã số thuế: 3901299905) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/DAK-BAF ngày 01/01/2024	21.000.000.000	03/04/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH SX TMDV DONG AN KHANH	21.000.550.000	UNC
2.4	Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh (mã số thuế: 3901298757) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/NAK-BAF ngày 01/01/2024	38.000.000.000	03/04/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH CHAN NUOI NAM AN KHANH	38.000.550.000	UNC
2.5	Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 (mã số thuế: 3901291409) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/TTX2-BAF ngày 01/01/2024	44.000.000.000	03/04/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CTY TNHH DAU TU TRANG TRAI XANH 2	44.000.550.000	UNC
2.6	Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Bắc An Khánh (mã số thuế: 3901293928) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/BAK-BAF ngày 01/01/2024	173.680.000.000	27/03/2025	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM – NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO F/O CTY TNHH SX TM DV BAC AN KHANH	135.607.391.570	UNC
			03/04/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY TNHH SAN XUAT THUONG MAI DICH VU BAC AN KHANH	38.072.169.430	UNC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

Trong giai đoạn từ ngày 26 tháng 03 năm 2025 đến ngày 10 tháng 04 năm 2025 (tiếp theo)

Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ thanh toán qua các Ngân hàng

Mục	Nội dung sử dụng vốn	Phương án sử dụng vốn theo Nghị quyết HĐQT số 08.11.2024/NQ-HĐQT ngày 08/11/2024	Thực tế sử dụng vốn			Chứng từ chuyển tiền
			Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền	
2.7	Thanh toán tiền mua heo cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 (mã số thuế: 3901291381) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số HĐ 01/2024/HĐNT/TTX1-BAF ngày 01/01/2024	10.000.000.000	03/04/2025	CHUYEN KHOANNN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CTY TNHH DAU TU TRANG TRAI XANH 1	10.000.550.000	UNC
2.8	Thanh toán tiền mua heo cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh (mã số thuế: 3901312793) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hoá số 01/2024/HĐNT/HĐ-BAF ngày 01/01/2024	4.000.000.000	03/04/2025	CHUYEN KHOAN NN BAF THANH TOAN CONG NO MUA HEO BO: CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM FO: CONG TY CO PHAN CHAN NUOI CONG NGHE CAO HAI DANG TAY NINH	4.000.550.000	UNC
	TỔNG CỘNG	**1.007.500.000.000**			**1.007.506.083.000**	

Cộng các khoản chi	**1.007.506.083.000**
Số tiền thu từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ	**1.007.500.000.000**
Số tiền chi từ các nguồn khác của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	**6.083.000**
Số tiền còn lại chưa chi	-

Ghi chú : Ủy nhiệm chi (viết tắt UNC)

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG SỐ TIỀN 1.000.000.000.000 ĐỒNG

Từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT- CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng	7-16
Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng thanh toán qua các Ngân hàng	17-18

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107795944 ngày 07 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 22 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 22 được Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 09 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 22: 3.040.216.420.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ	: Tầng 9, tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: 0766 074 787
Mã số thuế	: 0107795944

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 được trình bày trong báo cáo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 18).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 09 tháng 01 năm 2026 cho đến thời điểm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên
Ông Prasad Gopalan	Thành viên
Bà Bùi Hương Giang	Thành viên
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Dương Thị Hồng Tân	Trưởng ban
Bà Lưu Ngọc Trâm	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Trà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Bùi Hương Giang	Tổng Giám đốc
Ông Trương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội đã kiểm toán báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng. Trong việc lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông, Nghị quyết HĐQT của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan khác đối với hoạt động của Công ty Cổ phần đại chúng trong lĩnh vực chứng khoán;
- Chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng phản ánh trung thực và hợp lý số vốn đã thu từ đợt phát hành trái phiếu và việc sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành liên quan đối với việc phát hành trái phiếu và sử dụng số vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành luật có liên quan đến đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Bùi Hương Giang

Số : 0204.01/2026/BCSDV - NVTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, được lập ngày 22 tháng 04 năm 2026 từ trang 07 đến trang 18 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Các thủ tục mà chúng tôi thực hiện không hình thành một cuộc kiểm toán hoặc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hoặc chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét và do đó sẽ không đưa ra bất kỳ sự đảm bảo nào của chúng tôi về tổng thể báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam.

Trụ Sở Chính:
Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
[T] (84-24) 3761 3399
[W] www//vpaudit.vn
[F] (84-24) 3761 5599
[E] vpa@ntva.vn
Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:
98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT- CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Phó Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Phạm Văn Tuấn	**Nguyễn Thị Thúy**
GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1	GCNĐKHNKT số: 6229-2023-124-1

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 9217 quyển số 07 - SCT/B.
Ngày 23 tháng 07 năm 2026

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG SỐ TIỀN 1.000.000.000.000 ĐỒNG

trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Chăn nuôi, Thương mại, sản xuất, dịch vụ.

3. **Ngành nghề kinh doanh**
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm gồm:
+ Buôn bán hàng nông sản: ngô, lúa mỳ, khô đậu tương...
+ Chăn nuôi hỗn hợp
+ Sản xuất thức ăn chăn nuôi (cám)

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

5. **Cấu trúc Công ty**
Các Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1) Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên ("Anh Vũ Phú Yên")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
2) Công ty TNHH Chăn nuôi Bảo Ngọc ("Chăn nuôi Bảo Ngọc")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
3) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Chăn nuôi Minh Thành ("Chăn nuôi Minh Thành")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
4) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bắc An Khánh ("Bắc An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
5) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh ("Đông An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
6) Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh ("Nam An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
7) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 ("Trang Trại Xanh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
8) Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 ("Trang Trại Xanh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,69%	99,69%
9) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh ("Hải Đăng Tây Ninh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,82%	99,82%

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
10) Công ty TNHH Chăn nuôi Công nghệ cao Sông Hinh ("Sông Hinh")	Đắk Lắk	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
11) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh ("BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%
12) Công ty TNHH Nông nghiệp BAF Bình Định ("BAF Bình Định")	Gia Lai	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%
13) Công ty TNHH MTV BAF Meat Bình Phước ("BAF Bình Phước")	Đồng Nai	Giết mổ và chế biến thịt	100,00%	100,00%
14) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Hưng ("Tâm Hưng")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,98%	99,98%
15) Công ty TNHH Đầu tư Nông Nghiệp Tân Châu ("Tân Châu")	Tây Ninh	Chăn nuôi	99,95%	99,95%
16) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn ("Thiên Phú Sơn")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
17) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi ("Chăn nuôi Kim Hợi")	Đồng Nai	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
18) Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF ("Phân bón Hữu cơ Vi sinh BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	100,00%	100,00%
19) Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam ("Logistic BAF")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00%	100,00%
20) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh ("Chế biến Thực phẩm BAF Tây Ninh")	Tây Ninh	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%
21) Công ty TNHH Tây An Khánh ("Tây An Khánh")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
22) Công ty Cổ phần Phát Triển Nông Nghiệp sạch Thanh Xuân ("Thanh Xuân")	Thanh Hóa	Trồng trọt và chăn nuôi	99,99%	99,99%
23) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 1 ("CNC BAF Tay Ninh 1")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
24) Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao BAF Tây Ninh 2 ("CNC BAF Tay Ninh 2")	Tây Ninh	Chăn nuôi	100,00%	100,00%
25) Công ty TNHH Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi BAF Tây Ninh 1 ("BAF Tây Ninh 1")	Tây Ninh	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100,00%	100,00%

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
26) Công ty Cổ phần Chăn nuôi TMC ("Chăn nuôi TMC")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,98%	99,98%
27) Công ty TNHH Hòa Phát Bốn ("Hòa Phát Bốn")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	99,99%
28) Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Thành Đạt Gia Lai ("Thành Đạt Gia Lai")	Gia Lai	Chăn nuôi	99,99%	99,99%
29) Công ty TNHH Thực phẩm BAF Ninh Bình ("BAF Ninh Bình")	Ninh Bình	Chế biến thực phẩm	100,00%	100,00%
30) Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Dương ("Khôi Dương")	Lâm Đồng	Chăn nuôi	99,99%	99,99%

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam (TP. HCM) (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tầng 9, Tòa nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam MST: 0107795944-001
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Khu C, KCN Nam Cấm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. MST: 0107795944-003
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Đồng Nai (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Tổ 5, đường Hồ Xuân Hương, Khu phố 6, Xã Trị An, Đồng Nai, Việt Nam MST: 0107795944-005
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán độc lập)	Cụm công nghiệp Bích Hòa, Xã Bình Minh, TP Hà Nội MST: 0107795944-004
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Long An (Chi nhánh hạch toán độc lập)	D4, Khu nhà xưởng xây sẵn lô B, đường Long Hậu – Hiệp Phước, Xã Cần Giuộc, Tây Ninh, Việt Nam MST : 0107795944-007
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 1	Thôn Quảng Trung xã Thạch Quảng, Thạch Thành, Thanh Hóa
Địa điểm kinh doanh Bình thuận 1	Thôn 3, huyện Đức Linh, Bình Thuận
Địa điểm kinh doanh Bình thuận 2	Thôn Đông Thuận, huyện Đức Linh, Bình Thuận
Địa điểm kinh doanh Vũng Tàu 1	Ấp 04, Hòa Hội, Huyện Xuyên Mộc, Bà rịa Vũng Tàu
Địa điểm kinh doanh Bình Phước	Ấp Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Bình Phước
Địa điểm kinh doanh BD	Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 8, đường Hiếu Liên 20, ấp cây , H. Bắc Tân Uyên, BD
Địa điểm kinh doanh Đắk lắk	Thôn Jang Pông, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk

Tên đơn vị	Địa chỉ
	Lắk, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh Đồng Nai 2	Tổ 6, Ấp Cọ Dầu 2, Huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai
Địa điểm kinh doanh Quảng Ninh 1	xã Quảng Sơn, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh
Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 1	Thôn 3 , Xã Eapo , huyện Cư Jut, Tỉnh Đắk Nông
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 4	Xã Trí Nang, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hoá
Địa điểm kinh doanh Tây Ninh 2	Xã Tân Lập, huyện Tân Biên, Tây Ninh
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 7	Thôn Chiềng Nang, Xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa
Địa điểm kinh doanh Tây Ninh 1	501 30/4 Khu Phố 1, TP Tây Ninh
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa 8	Thôn Đồng Danh, Cẩm Tú, Cẩm Thủy, Thanh Hóa
Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 2	Thôn Nam Định, Xã Đăk Gằn, Huyện Đăk Mill, Đăk Nông
Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 3	Xã Đăk R'la, Huyện Đăk Mill, Đăk Nông
Địa điểm kinh doanh Đắk Nông 4	Xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil tỉnh Đăk Nông
Địa điểm kinh doanh Gia Lai 1	Làng Tơ Kor, xã Sơ Pai, Huyện Kbang, Gia Lai
Địa điểm kinh doanh Tây Ninh	Ấp Hòa Đông A, Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tây Ninh
Địa điểm kinh doanh Trung tâm rửa xe	Ấp Hội Thành, xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh
Địa điểm kinh doanh Đồng Nai 3	Tân Hưng, Xã Xuân Thành, tỉnh Đồng Nai

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành liên quan trong việc phát hành trái phiếu và tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong Công ty Cổ phần.

Số tiền sử dụng vốn được ghi nhận trên cơ sở số tiền thực đã sử dụng đến ngày 09 tháng 01 năm 2026, căn cứ theo Hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ thanh toán qua ngân hàng, phiếu chi và các chứng từ kế toán, các tài liệu pháp lý có liên quan.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG SỐ TIỀN 1.000.000.000.000 ĐỒNG

1. Thông tin về phát hành trái phiếu

a. Phương án:

➢ Phương án phát hành trái phiếu của Công ty được thông qua theo các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 06.10.2025/NQ-HĐQT ngày 06/10/2025 của Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

- Nghị quyết số 04.11.2025/NQ-HĐQT ngày 04/11/2025 về việc Thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán và phê duyệt chi tiết phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán;

Các nghị quyết trên đã thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000 tỷ đồng cụ thể như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu của Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam;
- Mã trái phiếu: BAF12502
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
- Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ/dữ liệu điện tử. Dữ liệu điện tử trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, quy chế có liên quan của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC"), Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu hoặc trong trường hợp được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và/hoặc các tài liệu giao dịch;
- Đối tượng mua trái phiếu: Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- Mệnh giá: 100.000.000 VNĐ/trái phiếu (một trăm triệu đồng một trái phiếu);
- Số lượng trái phiếu chào bán: 10.000 (*mười nghìn*) trái phiếu.
- Tổng giá trị phát hành: 1.000.000.000.000 VNĐ (một nghìn tỷ đồng);
- Loại tiền tệ phát hành và thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Việt Nam Đồng (VNĐ);
- Kỳ phát hành: 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- Ngày phát hành: Dự kiến trong Quý IV năm 2025 hoặc Quý I năm 2026, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Ngày Phát Hành (ngày hoàn tất đợt chào bán) cụ thể sẽ theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành.
- Lãi suất trái phiếu: Cố định 10%/năm
- Kỳ tính lãi: Kỳ Tính Lãi là mỗi khoảng thời gian kéo dài 06 (sáu) tháng liên tục tính từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu. Trong trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu (và phù hợp với Phương Án Phát Hành Và Sử Dụng Vốn này), thì Kỳ Tính Lãi cuối cùng đối với các Trái Phiếu được mua lại trước hạn sẽ được tính từ ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày Trái Phiếu đó được mua lại trước hạn có liên quan. Tiền lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi được tính cho số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi đó trên cơ sở 01 năm có 365 ngày.
- Phương thức thanh toán gốc và lãi

  + Khoản nợ gốc của Trái Phiếu sẽ được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn hoặc ngày đáo hạn khác của Trái Phiếu theo quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu.

  + Tiền lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi được trả sau, vào Ngày Thanh Toán Lãi; riêng tiền lãi của Kỳ Tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn hoặc ngày đến hạn khác của Trái Phiếu theo quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu.

- Mua lại trước hạn:
  + Mua lại trước hạn theo đề nghị của Tổ Chức Phát Hành Tại bất kỳ thời điểm nào sau thời gian đủ 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có quyền đề nghị mua lại, trong một hoặc nhiều đợt, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp nhận bán lại theo thủ tục được quy định cụ thể tại Văn Kiện Trái Phiếu. Giá Mua Lại được xác định bằng mệnh giá mỗi Trái Phiếu cộng lãi dồn tích của Trái Phiếu đó mà chưa được thanh toán tính đến nhưng không bao gồm ngày mua lại trước hạn. Trong đó lãi dồn tích được tính với lãi suất 10%/năm;
  + Mua lại theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu: Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền đề nghị Tổ Chức Phát Hành mua lại tối đa 30% (ba mươi phần trăm) tổng số lượng Trái Phiếu đã phát hành vào thời điểm tròn 24 (hai mươi tư) tháng kể từ Ngày Phát Hành theo thủ tục được quy định cụ thể tại Văn Kiện Trái Phiếu. Giá Mua Lại được xác định bằng mệnh giá mỗi Trái Phiếu cộng lãi dồn tích của Trái Phiếu đó mà chưa được thanh toán tính đến nhưng không bao gồm ngày mua lại trước hạn. Trong đó, lãi dồn tích được tính với lãi suất: 6%/năm.
  + Mua lại bắt buộc/Mandatory Redemption: Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại Trái Phiếu bắt buộc theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi xảy ra bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu. Giá Mua Lại được xác định bằng mệnh giá mỗi Trái Phiếu cộng lãi dồn tích của Trái Phiếu đó chưa được thanh toán đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại. Trong đó, lãi dồn tích được tính với lãi suất: 10%/năm.
- Tài sản bảo đảm: Không áp dụng;
- Địa điểm phát hành: Trong lãnh thổ Việt Nam;
- Đại lý phát hành, Đại lý đăng ký, lưu ký Trái phiếu, Tổ chức tư vấn hồ sơ phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam;
- Phương thức phát hành: Chào bán ra công chúng thông qua Đại lý phát hành;
- Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi heo và thanh toán một phần tiền nợ gốc các hợp đồng vay của Tổ Chức Phát Hành.

b. Kế hoạch sử dụng vốn

➢ Kế hoạch sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu của Công ty được thông qua theo các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 06.10.2025/NQ-HĐQT ngày 06/10/2025 của Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành Về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Nghị quyết số 04.11.2025/NQ-HĐQT ngày 04/11/2025 về việc Thông qua việc điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán và phê duyệt chi tiết phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán;

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện
1	**Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi heo của BAF gồm:**	**670.000.000.000**	
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh (mã số thuế: 3901312793) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2025	180.000.000.000	Quý I-Quý II/2026

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 (mã số thuế: 3901291381) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TTX1-BAF ngày 01/01/2025.	30.000.000.000	Quý I-Quý II/2026
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 (mã số thuế: 3901291409) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TTX2-BAF ngày 01/01/2025.	120.000.000.000	Quý I-Quý II/2026
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu (mã số thuế: 3901303492) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TC-BAF ngày 01/01/2025.	120.000.000.000	Quý I-Quý II/2026
-	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Chi nhánh CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (mã số thuế: 0107795944-003) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFNA-BAF ngày 01/01/2025.	85.000.000.000	Quý I-Quý II/2026
-	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2025.	85.000.000.000	Quý I-Quý II/2026
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh (mã số thuế: 3901293928) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAK-BAF ngày 01/01/2025.	50.000.000.000	Quý I-Quý II/2026/
2	**Thanh toán tiền nợ gốc các hợp đồng vay gồm:**	**330.000.000.000**	
-	Thanh toán một phần tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà (BIDV) (mã số thuế: 0100150619-213) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/10092905/HĐTD ngày 15/10/2025.	35.000.000.000	Quý I/2026
-	Thanh toán toán bộ tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (MSB) (mã số thuế:	200.000.000.000	Quý I/2026

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện
	0200124891-002) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5300729/2025/HDTDHM ngày 30/09/2025.		
-	Thanh toán một phần tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai (mã số thuế: 3603292083) theo Thỏa thuận tín dụng số 10000991LD001202505 ngày 10/01/2025.	95.000.000.000	Quý I/2026

c. ***Kết quả phát hành:***

➢ Ngày 25 tháng 11 năm 2025, Công ty được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận số 447/GCN-UBCK về việc đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.

Đến ngày 08 tháng 01 năm 2026, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã nhận được công văn số 148/UBCK- QLCB của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc nhận báo cáo kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng. Theo đó Công ty đã hoàn tất các thủ tục phát hành trái phiếu ra công chúng và thu đầy đủ số tiền từ đợt phát hành trái phiếu:

- Tổng số trái phiếu đã phân phối: 10.000 trái phiếu, tương đương 100% tổng số trái phiếu chào bán;
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.000.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng chẵn)*;
- Tổng chi phí: 53.335.400.000 đồng (Năm mươi ba tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng);
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 946.664.600.000 đồng (Chín trăm bốn mươi sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi tư triệu, sáu trăm nghìn đồng);

2. Tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu

Đến ngày 09 tháng 01 năm 2026, Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam đã hoàn tất các thủ tục phát hành trái phiếu và thu đầy đủ số tiền từ đợt phát hành trái phiếu. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền thu từ phát hành trái phiếu đúng theo phương án sử dụng vốn được hội đồng quản trị Công ty thông qua như các nội dung đã nêu tại Khoản b Điều 1 Mục III Báo cáo này và một phần phí đại lý phân phối Trái phiếu ra công chúng, cụ thể:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân (đồng)	Thời gian thực hiện
1	**Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi heo của BAF gồm:**	**670.000.000.000**	
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh (mã số thuế: 3901312793) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/HD-BAF ngày 01/01/2025	180.000.000.000	Ngày 09/01/2026

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân (đồng)	Thời gian thực hiện
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 1 (mã số thuế: 3901291381) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TTX1-BAF ngày 01/01/2025.	30.000.000.000	Ngày 09/01/2026
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2 (mã số thuế: 3901291409) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TTX2-BAF ngày 01/01/2025.	120.000.000.000	Ngày 09/01/2026
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu (mã số thuế: 3901303492) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/TC-BAF ngày 01/01/2025.	120.000.000.000	Ngày 09/01/2026
-	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Chi nhánh CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Nghệ An (mã số thuế: 0107795944-003) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFNA-BAF ngày 01/01/2025.	85.000.000.000	Ngày 09/01/2026
-	Thanh toán tiền mua cám và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi BAF Tây Ninh (mã số thuế: 3901152973) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAFTN-BAF ngày 01/01/2025.	85.000.000.000	Ngày 09/01/2026
-	Thanh toán tiền mua cám, heo và hàng hóa khác cho Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh (mã số thuế: 3901293928) theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 01/2025/HĐNT/BAK-BAF ngày 01/01/2025.	50.000.000.000	Ngày 09/01/2026
2	**Thanh toán tiền nợ gốc các hợp đồng vay gồm:**	**330.000.000.000**	
-	Thanh toán một phần tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà (BIDV) (mã số thuế: 0100150619-213) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/10092905/HĐTD ngày 15/10/2025.	35.000.000.000	Ngày 09/01/2026
-	Thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (MSB) (mã số thuế:	200.000.000.000	Ngày

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân (đồng)	Thời gian thực hiện
	0200124891-002) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5300729/2025/HDTDHM ngày 30/09/2025.		09/01/2026
-	Thanh toán một phần tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai (mã số thuế: 3603292083) theo Thỏa thuận tín dụng số 10000991LD001202505 ngày 10/01/2025.	95.000.000.000	Ngày 09/01/2026

Chi tiết tình hình sử dụng vốn thanh toán qua tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu phát hành ra công chúng, số tiền 1.000.000.000.000 đồng được trình bày tại Phụ lục 1 đính kèm báo cáo này.

Lập ngày 22 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Vũ Thị Dan Thuỳ		Bùi Hương Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, toà nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG SỐ TIỀN 1.000.000.000.000 ĐỒNG

Trong giai đoạn từ 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 (tiếp theo)

Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng thanh toán qua Ngân hàng

STT	Ngày chứng từ	Số tham chiếu	Nội dung	Số tiền
I	**Bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, sản xuất chăn nuôi heo của BAF**			
1	09/01/2026	0038 - 00078	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT SO 01/2025/HDNT/HD-BAF NGAY 01/01/2025. F/O CONG TY CO PHAN CHAN NUOI CONG NGHE CAO HAI DANG TAY NINH	180.001.100.000
2	09/01/2026	0038 - 00077	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT SO 01/2025/HDNT/TTX1-BAF NGAY 01/01/2025. F/O CONG TY TNHH DAU TU TRANG TRAI XANH 1	30.001.100.000
3	09/01/2026	0038 - 00076	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT SO 01/2025/HDNT/TTX2-BAF NGAY 01/01/2025. F/O CONG TY TNHH DAU TU TRANG TRAI XANH 2	120.001.100.000
4	09/01/2026	0038 - 00075	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT SO 01/2025/HDNT/TC-BAF NGAY 01/01/2025. F/O CONG TY TNHH DAU TU NONG NGHIEP TAN CHAU	120.001.100.000
5	09/01/2026	0038 - 00074	CHUYEN KHOANCTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA CAM CHO NM NGHE AN THEO HDNT 01/2025/HDNT/BAFNA-BAF N01/01/2025. F/O CHI NHANH CONG TY CO PHAN NONG NGHIEP BAF VIET NAM TAI NGHE AN	85.001.100.000
6	09/01/2026	0038 - 00073	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO CAM CHO NM TAY NINH THEO HDNT 01/2025/HDNT/BAFTN-BAF N01/01/2025. F/O CTY TNHH THUC AN CHAN NUOI BAF TAY NINH	85.000.011.000
7	09/01/2026	0038 - 00070	CTCP NONG NGHIEP BAF VIET NAM THANH TOAN CONG NO MUA HEO THEO HDNT 01/2025/HDNT/BAK-BAF 01/01/2025. F/O CTY TNHH SX TM DV BAC AN KHANH	50.000.011.000
			Tổng cộng	**670.005.522.000**
		Trong đó	***Tổng tiền thanh toán***	***670.000.000.000***
			Tổng phí ngân hàng	***5.522.000***

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP BAF VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 9, toà nhà Vista Tower, 628C đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG SỐ TIỀN 1.000.000.000.000 ĐỒNG

Trong giai đoạn từ 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026 (tiếp theo)

Phụ lục 1: Chi tiết tình hình sử dụng vốn thu từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng số tiền 1.000.000.000.000 đồng thanh toán qua Ngân hàng

STT	Ngày chứng từ	Số tham chiếu	Nội dung	Số tiền
II	**Thanh toán tiền nợ gốc các hợp đồng vay**			
1	***Thanh toán một phần tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà (BIDV) (mã số thuế: 0100150619-213) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/10092905/HĐTD ngày 15/10/2025.***			
	09/01/2026	ZDWTTRFOD	THU NO TAI KHOAN VAY 405003922949	41.140.103.272
	Trong đó		*Từ nguồn thu phát hành trái phiếu (ngân hàng Vietcombank điều chuyển sang Ngân hàng BIDV ngày 09/01/2026*	*35.000.000.000*
			Nguồn khác	*6.140.103.272*
2	***Thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (MSB) (mã số thuế: 0200124891-002) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5300729/2025/HDTDHM ngày 30/09/2025..***			
	09/01/2026	TPHSRV / S0026009LFFBDLHJ	STK vay 30000227913, Thu goc 87672454500 VND	87.672.454.500
	09/01/2026	TPHSRV / S0026009GKOFM0HB	STK vay 30000230831, Thu goc 100514372830 VND	100.514.372.830
	09/01/2026	TPHSRV / S0026009JHHCM0BF	STK vay 30000234055, Thu goc 11813172670 VND	11.813.172.670
			Tổng cộng	*200.000.000.000*
			Từ nguồn thu phát hành trái phiếu (ngân hàng Vietcombank điều chuyển sang Ngân hàng MSB ngày 09/01/2026	*200.000.000.000*
3	***Thanh toán một phần tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai (mã số thuế: 3603292083) theo Thỏa thuận tín dụng số 10000991LD001202505 ngày 10/01/2025.***			
	09/01/2026	LD2525291793	Payment of Principal	55.862.175.316
	09/01/2026	LD2526686091	Payment of Principal	44.137.701.633
			Tổng cộng	*99.999.876.949*
	Trong đó		*Từ nguồn thu phát hành trái phiếu (ngân hàng Vietcombank điều chuyển sang Ngân hàng ESUN ngày 09/01/2026)*	*95.000.000.000*
			Nguồn khác	*4.999.876.949*
			Tổng thanh toán công nợ các hợp đồng vay từ nguồn phát hành trái phiếu	**330.000.000.000**